MỘC LAN - NGUYỄN NGỌC DUNG

MỚI

Biên soạn
theo sát
nội dung và
chương trình
SGK

101 Bài Làm Văn 8





NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

MỘC LAN - NGUYỄN NGỌC DUNG

MỚI
Biên soạn theo sát nội dung và chương trình SGK

101 Bài Làm Văn 8





NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
16 Hàng Chuối - Hai Bà Trưng - Hà Nội
ĐT (04) 9715013; (04) 7685236. Fax: (04) 9714899
***

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc PHÙNG QUỐC BẢO
Tổng biên tập PHẠM THỊ TRÂM
Biên tập nội dung
MAI HƯƠNG, HỒNG NGA
Sửa bài
LÊ HOÀ
Chế bản
CÔNG TI ANPHA
Trình bày bìa
SƠN KỲ
Đối tác liên kết xuất bản
CÔNG TI ANPHA

SÁCH LIÊN KẾT

101 BÀI LÀM VĂN 8
Mã số: 2L-298ĐH2009
In 2.000 cuốn, khổ 16 x 24 cm tại công ti TNHH In Bao bì Hưng Phú
Số xuất bản: 414-2009/CXB/20-65/ĐHQGHN, ngày 18/05/2009
Quyết định xuất bản số: 298LK-XH/XB
In xong và nộp lưu chiểu quý IV năm 2009.

LỜI NÓI ĐẦU

Từ lớp 7 lên lớp 8, các em học sinh sẽ được ôn lại và nâng cao kĩ năng viết văn tự sự lồng vào biểu cảm và miêu tả; sau đó là tiếp tục rèn luyện văn thuyết minh, văn nghị luận về những vấn đề hay hơn, khó hơn.

Chúng tôi biên soạn cuốn ***"101 bài làm văn 8"*** này với ước mong có một tư liệu tham khảo cho các học sinh, các thầy cô giáo và các bậc phụ huynh rộng đường tham khảo văn học song song với chương trình Văn học lớp 8 của Bộ Giáo dục niên khóa 2009 - 2010. Phần phụ lục vừa là món quà tặng, vừa là phần nâng cao và mở rộng cho tất cả những người yêu thích văn học và nghiên cứu văn chương.

Xin cùng chúng tôi xin thắp nén trầm hương tưởng nhớ công ơn các nhà văn, các nhà nghiên cứu đã có những áng văn bất hủ để lưu truyền cho con cháu Việt Nam thế kỉ XXI này. Xin gửi lời cảm ơn các thầy cô giáo, các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước và cả những em học sinh đã có những tư liệu giá trị giúp chúng tôi tham khảo để hoàn thành cuốn sách này. Xin cảm ơn anh Hoàng Quân luôn động viên chúng tôi làm việc. Dù các tác giả đã có nhiều cố gắng song đây đó còn nhiều nông nổi, thiếu sót hay sơ sài. Chúng tôi xin quý bạn đọc thứ lỗi và mong chờ các ý kiến xây dựng quý báu, kịp thời cho kì tái bản sau.

Mọi ý kiến đóng góp xin liên hệ:

_ Trung tâm Sách Giáo dục Anpha
225C Nguyễn Tri Phương, P. 9, Q. 5 Tp HCM

_ Công ti Sách _ Thiết bị giáo dục Anpha
50 Nguyễn Văn Săng, Q.Tân Phú, Tp HCM

Xin chân thành cám ơn.

ABC

PHẦN I: VĂN TỰ SỰ

LÍ THUYẾT HƯỚNG DẪN VỀ VĂN TỰ SỰ

A. KHÁI QUÁT

"Tự" là kể, "sự" là sự việc, câu chuyện. Tự sự là loại văn kể lại một câu chuyện đã nghe hoặc đã thấy về một người, một việc nào đó.

Dưới đây là một số bài văn tự sự đặc sắc.

Bước 1: TÌM HIỂU YÊU CẦU ĐỀ BÀI

Đề bài tự sự của học sinh phổ thông cơ sở có mấy dạng: một là kể lại những người, những việc đã xảy ra trong cuộc sống, hai là kể lại những người, những việc bằng sự tưởng tượng, sáng tạo

Trong khi tìm hiểu, cần trả lời 4 điều sau:

1. Thể loại gì?

2. Đối tượng?

3. Yêu cầu sáng tạo?

4. Đặc điểm riêng của chuyện?

Đồng thời để làm tốt phần 3 và phần 4 này, ta phải tìm ý nghĩa câu chuyện kể (Truyện nói lên điều gì? Mục đích câu chuyện là gì?)

Thí dụ 1: Kể cho bố mẹ nghe một chuyện lí thú (hoặc cảm động hoặc buồn cười) mà em đã gặp ở trường.

Thí dụ 2: Kể lại nội dung câu chuyện dựa vào bài thơ "Lượm" của Tố Hữu.

Bước 2: QUAN SÁT VÀ TƯỞNG TƯỢNG

Nếu nhân vật ấy là nhân vật trong cổ tích, thì cần xem lại truyện đã đọc, tìm ra các hành động, ngôn ngữ và sự kiện chính trong cuộc đời của nhân vật ấy. Nấu nhân vật ấy là người học sinh làm bài như trong đề "Kể lại ngày sinh nhật của em" thì phải lục lại trí nhớ về những gì mình đã từng sống qua, trải qua, thậm chí phải soi gương xem hình dáng, mặt mũi của mình ra sao (trong đề: "Em đã lớn rồi"). Nếu nhân vật trong truyện kể là ông bà, cha mẹ hoặc người bạn nào đó của em thì cũng phải quan sát kĩ người ấy về cả hai phía:

- Ngoại hình

- Nội tâm

THAM KHẢO BÀI VĂN SAU:

Bước 3: XÁC ĐỊNH NHÂN VẬT VÀ XÂY DỰNG CỐT TRUYỆN

Ở mỗi truyện, dù theo truyện đã có sẵn hay truyện sáng tạo, người kể phải xác định rõ trong đầu mình hoặc ghi ra giấy các chi tiết của từng nhân vật.

Tên nhân vật.

1. Tuổi tác.

2. Nghề nghiệp.

3. Quê quán

4. Hoàn cảnh sống.

5. Đặc điểm riêng.

Cao hơn, người kể còn phải xác định thêm một số đặc điểm khác của nhân vật như: Mặt có tì vết gì không? Sở thích ra sao? Có khuyết điểm hay có đức tính gì?

Bước 4: TÌM CÁC CHI TIẾT CÓ Ý NGHĨA CHO TỪNG SỰ KIỆN

Thí dụ: Muốn kể về sự kiện: "Sáng sớm hôm sau Sơn Tinh mang lễ vật đến trước cưới được Mị Nương", chúng ta phải dựa vào cốt truyện chính, phối hợp với sự sáng tạo cá nhân để đưa ra những chi tiết có ý nghĩa cho từng sự kiện. Chi tiết có ý nghĩa là chi tiết hợp lí, trái ngược lại với tính cách nhân vật ấy và không phản lại ý nghĩa chung của câu truyện (Người kể giỏi còn đưa chi tiết sâu sắc, có ẩn ý thú vị).

Thí dụ:

"Khi gà cất tiếng gáy sáng đầu tiên, mọi vật còn chìm trong làn sương mờ tịch mịch thì triều đình đã giật mình vì những tiếng đập rộn ràng nơi cửa thành. Thì ra Sơn Tinh ngồi trên kiệu có hai con voi chín ngà, bên cạnh là tùy tùng của chàng ngồi xe song mã chín hồng mao. Xe và kiệu chờ lỉnh kỉnh nào là gà chín cựa, nào trầu nào cau, nào cơm nếp, bánh chưng...! Đi theo sau là một đoàn thổi kèn, một đoàn đánh trống... Triều đình vui mừng gả Mị Nương cho chàng. Đoàn người vui vẻ vái chào rồi đi về tưng bừng, kéo nhau về núi cao. Kèn trống vang trời, bụi hồng mờ mịt...

Bước 5: CHỌN TỪ ĐẶC SẮC

Trong văn tự sự có thể có lúc phải miêu tả, có lúc phải tường thuật hoặc bàn bạc. Từ đặc sắc là tự gợi cho người đọc hình dung ra rõ ràng hình ảnh, đường nét hoặc các cử động, hoạt động như đang diễn ra như một cuốn phim trước mắt người đọc. Các em hãy xem các tính từ và động từ đặc sắc sử dụng rất "đắt" trong đoạn văn sau:

C. TỰ SỰ KẾT HỢP VỚI MIÊU TẢ CẢNH, BIỂU CẢM VÀ MIÊU TẢ NỘI TÂM

Trong thực tế, các văn bản nghệ thuật không đơn thuần là loại miêu tả, tự sự hay biểu cảm mà nó hoà trộn vào nhau, tạo nên một tác phẩm hoàn chỉnh, như các màu sắc của người hoạ sĩ trong một bức tranh muôn màu. Chúng ta hãy đọc các đoạn văn tham khảo dưới đây:

Dưới đây là các đoạn văn tự sự kết hợp với tả cảnh và biểu cảm:

1 – Miêu tả cảnh 1
– Miêu tả cảnh 2
– Miêu tả cảnh 3, 4, 5,..7...
– Biểu cảm về những cảnh vật trên.

2. – Miêu tả sự vật 1
– Biểu cảm về sự vật 1
– Miêu tả sự vật 2
– Biểu cảm về sự vật 2
– v.v...

> 3. – *Miêu tả về sự vật 1*
>   – *Biểu cảm về sự vật 1*
>   – *Kể về sự kiện 1*
>   – *Biểu cảm về sự kiện 1*
>   – *Miêu tả về sự vật 2, 3...*
>   – *Biểu cảm về sự vật 2, 3...*

Sau đây là một vài kết cấu về loại văn này trong một đoạn văn.

1. Thuyền đi trong đêm trăng

Chị tôi và tôi đồng cầm một mái chèo con, nhẹ nhàng lùa những đống vàng trôi trên mặt nước.

Vây chúng tôi bằng ánh sáng, bằng huyền diệu, chưa đủ; Ngưu Lang và Chức Nữ, chúa của đêm trung thu còn sai gió thu mang lại gần chúng tôi một thứ mùi gì ngào ngạt như mùi băng phiến. Trong đấy biết đâu lại không phảng phất những tiếng kêu rên của thương nhớ xa xưa.

Thuyền đi êm ái quá! Chúng tôi cứ ngỡ là đi trong vùng chiêm bao, và say sưa, và ngây ngất vì ánh sáng. Hai chị em đê mê, không còn biết là mình và nhận mình là ai nữa. Huyền ảo khởi sự. Mỗi phút trăng lên mỗi cao, khí hậu cũng tăng sức ôn hòa lên mấy độ. Và trí tuệ, và mộng, và thơ, và nước và thuyền dâng lên, đồng dâng lên như khói....

Ở thượng tầng không khí, sông Ngân Hà trinh bạch đang đắm chìm các ngôi sao đi lạc đường. Chị tôi bỗng reo to lên: "*Đã gần đến sông Ngân rồi! Chèo mau lên em! Ta cho thuyền đậu ở bến Hàn Giang!*". Đi trong thuyền, chúng tôi có cái cảm tưởng lí thú là đang chở một thuyền hào quang, một thuyền châu ngọc, vì luôn luôn có những vì tinh tú như rơi rụng xuống thuyền....Trên kia, phải rồi! Trên kia có một vị tiên nữ đang kêu thuyền để quá giang...

Thình lình vùng trời mộng của chúng tôi bớt vẻ xán lạn. Chị tôi liền chỉ tay về bến đò thôn Châu Mo và bảo tôi rằng: Thôi rồi, Trí ơi! Con trăng nó bị vướng trên cành trúc kia kìa, thấy không? Nó gỡ mãi mà không sao gỡ được, biết làm thế nào bây giờ hả Trí?". Tôi cười: *"Hay là chị em ta cho thuyền đỗ vào bến này, rồi ta trèo lên đống cát, với tay gỡ hộ cho trăng thoát nạn"*. Hai chi em liền giấu thuyền trong bụi hoa lau bông vàng phơi phới, rồi cùng lạc vào một đường lối rất lạ, chân dẫm lên cát mà cứ ngỡ là bước lên trên phiến lụa.

Sao đêm nay kiều diễm như bức tranh linh động thế này? Tôi muốn hỏi xem chị tôi có thấy ngọt ngào trong cổ họng như vừa uống xong một ngụm nước lạnh, mát đến tê hết cả lưỡi và hàm răng? Chị tôi làm thinh, mà từng lá trăng rơi lên xiêm áo như những mảnh nhạc vàng... Động là một hòn non bằng cát, trắng quá, trắng hơn da thịt của người tiên, hơn lụa bạch... một màu trắng mà tôi cứ muốn lăn lộn điên cuồng, muốn kề môi áp má lên để hưởng sức mát rượi, dịu dàng của cát. Hai chị em đồng giang tay níu áo gượng vào nhau dấn bước lên cao....

Ngợp quá, sáng quá, hứng chí làm sao! Bây giờ chúng tôi đang ở giữa mùa trăng; cả không gian đều chập chờn những màu sắc phiêu diêu đến nỗi đôi đồng tử của chị tôi và tôi lờ đi vì chói lọi.

ABC

...Ở chỗ nào cũng có trăng, có ánh sáng, tưởng chừng như bầu thế giới chở chúng tôi đây cũng đang ngập trăng, lụt trăng và đang trôi nổi bình bồng đến một địa cầu khác.

Ánh sáng tràn trề, ánh sáng tràn lan. Chị tôi và tôi đều ngả vạt áo ra, bọc lấy như bọc lấy đồ châu báu. Tôi bỗng thấy chị tôi có vẻ thanh thoát quá! Trời ơi! Sao đêm nay chị tôi đẹp đẽ đến thế này. Nước da của chị tôi đã trắng, mà vận áo quần bằng hàng trắng, trông thanh sạch quá đi.

Tôi nắm lấy tay chị tôi giật lia lịa và hỏi một câu tức cười làm sao: "Có phải chị không hở chị?". Tôi run run khi tôi có ý nghĩ chị tôi là một nàng Ngọc Nữ, một hồn ma hay là một yêu tinh. Nhưng tôi lại phì cười và vội reo lên: "A ha. Chị Lễ ơi, chị là trăng, mà em đây cũng là trăng nữa". Ngó lại chị tôi và tôi thì quả nhiên là trăng thiệt..."

Hàn Mặc Tử

(Trích "*Hương sắc trong vườn văn*", Nguyễn Hiến Lê, NXBVH, 2006

Trong thực tế, các văn bản nghệ thuật không đơn thuần là loại miêu tả, tự sự hay biểu cảm mà nó hoà trộn vào nhau, tạo nên một tác phẩm hoàn chỉnh, như các màu sắc của người hoạ sĩ trong một bức tranh muôn màu.

Sau đây là một vài kết cấu về loại văn này trong một đoạn văn.

1. – Sự kiện 1
– Biểu cảm về sự kiện 1
– Sự kiện 2
– Biểu cảm về sự kiện 2

2. – Miêu tả sự vật 1
– Biểu cảm về sự vật 1
– Miêu tả sự vật 2
– Biểu cảm về sự vật 2
– v.v...

3. – Miêu tả về sự vật 1
– Biểu cảm về sự vật 1
– Kể về sự kiện 1
– Biểu cảm về sự kiện 1
– Miêu tả về sự vật 2, 3...
– Biểu cảm về sự vật 2, 3...

Minh họa:

2. Hồi kí của vua hề Charlot

Sau hôm tôi làm việc với Lehrman thì ông Sennett về. Lúc ấy Sterling và các tài tử khác đang thu hình trên sân quay. Tôi chỉ mặc thường phục và đứng thơ thẩn vì không có vai trò gì. Ông Sennett đang cùng cô Mabel Normand nhìn cảnh trang trí phòng trước của một khách sạn. Bỗng ông nói:

- *Mình cần đôi chút pha trò ở đây.*

Rồi đột ngột quay lại tôi, ông bảo:

- *Cậu hóa trang khôi hài đi... Gì cũng được.*

Tôi tuyệt nhiên không biết phải hóa trang ra sao. Tôi không thích bộ y phục ký giả trước đây, nhưng trên đường đi về phòng hóa trang tôi nghĩ mình sẽ mặc một cái quần thật rộng, mang một đôi giày thật lớn và thêm vào đó cây gậy với chiếc mũ dưa. Tôi muốn tạo một hình ảnh tương phản: quần thật rộng, áo thật chật, mũ thật nhỏ và giày thật to. Tôi không biết mình nên thuộc loại già hay trẻ, nhưng nhớ tới chuyện Sennett tưởng tôi lớn tuổi lúc đầu, nên tôi bèn đeo thêm một bộ ria để cho có vẻ già thêm một chút.

Tôi hoàn toàn không một chút ý tưởng gì về nhân vật mình sắp diễn tả, nhưng ngay từ lúc ăn mặc vào xong, y phục và hóa trang khiến tôi cảm thấy nhân vật đó là gì rồi. Tôi dần dần khám phá ra nhân vật của mình và khi bước vào sân quay thì nhân vật đó đã được tạo dựng đầy đủ. Khi tiến ra đến trước mặt Sennett, tôi đã nắm vững vai trò của mình. Tôi tiến bước rất mạnh dạn, quay quay cây gậy trên tay, trong óc đã có nhiều câu pha trò với những ý tưởng hài hước. Bí quyết thành công của ông Sennett là sự say mê. Ông ta một khán giả tuyệt diệu, hễ thấy cái gì ngộ nghĩnh là vùng lên cười một cách tự nhiên. Có thể nói ông cười lăn cười lộn khi trông thấy tôi. Điều đó làm cho tôi thêm phấn khởi, và tôi cắt nghĩa về nhân vật của tôi:

- *Ông biết không, nhân vật này có rất nhiều bộ mặt: vừa là kẻ lang thang, vừa là nhà quý phái, vừa là một thi sĩ, một kẻ mơ mộng, một người cô đơn, luôn luôn có vẻ lãng mạn và phiêu lưu. Nhân vật này còn cho ta cái cảm tưởng về một nhà thông thái, một người nhạc sĩ, một người quận công, một tay ăn chơi. Nhưng hắn cũng không ngại đi nhặt từng mẩu thuốc lá hay đi giật lén bánh kẹo của trẻ con. Và nếu có dịp hắn sẵn sàng nện cú đá vào mông đít một bà đi qua... nhưng chỉ khi nào hắn đổ quạu thôi.*

Tôi cứ tiếp tục tán dóc như thế đến hàng mươi phút và ông Sennett thì không ngớt rũ ra cười.

- Ừ, thôi được, ra sân đi để xem anh làm ăn ra sao.

Ở đây, tôi cũng không được biết gì lắm về cốt chuyện. Đại khái là cô Mabel đang gặp phải chuyện rắc rối giữa người chồng và tình nhân.

Trong mọi hài kịch thái độ của mình là điều hết sức quan trọng. Không phải dễ gì chọn cho được một thái độ thích đáng. Trong khung cảnh của phòng trước khách sạn như thế, tôi có cảm tưởng mình là một kẻ lưu manh giả bộ khách hàng, trong khi thực ra mình chỉ là kẻ lang thanh tìm nơi nương náu. Tôi

bước vào, vấp phải bàn chân một bà, tôi quay lại cất nón xin lỗi rồi quay lại đi, lại vấp phải một ống nhổ, lần này tôi cũng quay lại, cất nón xin lỗi ống nhổ. Đàng sau máy quay thiên hạ đã bắt đầu cười.

Một tốp người gồm các diễn viên, thợ thuyền... kéo đến để xem khá đông. Điều đó rất khích lệ tôi, và khi diễn xong có cả một đám khán giả cười đến vỡ bụng.

*Trích **Một thời chìm nổi.***

*Hồi kí của Charles Chaplin. **Vũ Hạnh** dịch*

4. – Sự kiện 1
– Sự kiện 2...
– Đến sự kiện 10...
– Biểu cảm về mười sự kiện trên.

II. NHỮNG BÀI LÀM VĂN THAM KHẢO

3. Kể lại những kỉ niệm ngày đầu tiên đi học.

BÀI THAM KHẢO

Nhân lúc soạn lại tủ sách cũ để sắp xếp góc học tập cho niên học mới khi bước vào lớp 8, em làm rơi ra một tấm ảnh kỉ niệm năm lớp một, chụp cùng bè bạn ngày lãnh thưởng cuối năm. Nhìn gương mặt ngây thơ của em và các bạn trong ngày ấy.... bao kỉ niệm ngày đầu tiên nhập học trường tiểu học lại trở về trong trí óc em, rõ ràng như một cuốn phim.....

Đó là một buổi sáng đầu tháng 9. Sau một đêm mưa, trời Sài Gòn nắng ấm dìu dịu... Mẹ gọi em dậy sớm, mặc vào cho em một chiếc áo trắng tinh cổ lá sen và chiếc váy màu xanh nước biển mà mẹ đã ủi kĩ đêm qua. Mẹ bảo em quay đi quay lại mấy vòng, em lúng túng làm theo lời mẹ với nỗi hồi hộp... Rồi mẹ ôm em vào lòng và bảo:

- Con gái mẹ giờ đã lớn rồi, năm nay con không mặc áo đầm bông đi nhà trẻ nữa, con đến trường này học lớp một. Cô giáo sẽ thay mẹ dạy con những điều mới, điều hay, con phải ngoan ngoãn nhé!

Đi đường, em lo lắng tự nhủ: Không biết cô giáo có khó lắm không nhỉ? Sao mà cuốn sách "*Tiếng Việt*" mẹ mua nhiều chữ đến thế? Mình có học hết và nhớ hết không nhỉ? Còn cuốn sách Toán và bao nhiêu cuốn sách nữa, sao mà nó dầy cộm, không như các cuốn sách tô màu của nhà trẻ!.... Hai bên đường, người và xe chạy ngược xuôi, nườm mượp, em ngồi sau xe của mẹ, nghe loáng thoáng tiếng mẹ dặn dò:

- Con vào trường, phải lễ phép chào các thầy, các cô con nhé, tìm xem lớp một C ở đâu, thì đứng vào xếp hàng, nếu bạn nào chen lấn thì con cứ tạm nhường nhịn bạn; nếu bạn nào bắt nạt con, phải nói khéo, nếu bạn vô lí cố tình gây chuyện, thì con phải mách cô giáo, đừng gây gổ với các bạn, con nhé! ...

Đã đến cửa trường, nghe mẹ dặn thế, tôi càng ngại ngần bước vào sân... mặt tôi ngẩn ra... nhìn mẹ lo âu như chực khóc! Mẹ tôi cười xòa, ôm tôi mà nói:

- Mẹ lo xa mà dặn con thế thôi, chứ trường này, các bạn con cũng có cha mẹ, dặn dò, dạy dỗ các bạn như ba mẹ đã dạy dỗ, dặn dò con vậy mà! Này nhé. Hôm nọ xem danh sách lớp con, thấy có tên của bạn Bình Minh và bạn Anh Dũng, cùng là bạn của lớp mẫu giáo cũ, con có nhớ không?

Nghe đến đó, tôi mới hết rưng rưng nước mắt, mỉm cười và gật đầu, tạm biệt mẹ. Cầm chiếc cặp nặng nề và to kềnh càng ấy, tôi lúng túng bước vào sân trường, cổng trường dầy đặc học sinh...tôi ngước nhìn bốn bên xem lớp 1C của tôi ở đâu, nhưng tôi chỉ thấy loáng thoáng các anh, các chị lớp bốn, lớp năm đang chạy quanh tôi, chơi trò rượt bắt một cách vui vẻ .... Những anh chị ấy làm tôi không tìm đường đến được lớp mình, nhưng lại cho tôi cảm giác yên tâm: Ngôi trường này là một nơi vui vẻ, có lẽ ít ngày sau, tôi sẽ cùng bạn Bình Minh, Anh Dũng và các bạn mới chơi đùa nơi đây! Nghĩ vậy, tôi mỉm cười và có thêm kiên nhẫn, tìm ra lớp mình!

Vừa rảo bước trên sân tìm lớp, trong trí tôi vừa lúc nhớ lại giọng đọc một bài văn hay của mẹ tôi đêm qua: "*Con ơi! hiện thời, không một đứa trẻ nào mà không đi học. Con hãy nghĩ đến những người thợ làm lụng cặm cụi cả ngày, tối đến còn phải cắp sách đi học, những cô thiếu nữ suốt tuần lễ bị giam giữ trong xưởng, chủ nhật đến, cũng rủ nhau đi học, những binh lính hết giờ luyện tập cũng đem sách vở ra học, viết. Cho đến những đứa trẻ mù, trẻ câm, chúng cũng đều đi học cả.*

Mỗi buổi sáng, lúc con ra đường, con hãy nghĩ cũng vào giờ này, trong thành phố ta có đến ba vạn đứa trẻ cũng như con, đi "chầu" lớp học trong ba tiếng đồng hồ để được mở mang trí tuệ... Con hãy tưởng tượng cũng vào giờ này, có những đứa trẻ lếch thếch trên những con hẻm nhà quê, rảo bước trong các phố phường huyên náo, dưới bầu trời oi ả hay trong cơn mưa tuyết lạnh lùng, chúng đi thuyền ở xứ chằng chịt sông ngòi, chúng phải cưỡi ngựa trên những cánh đồng không mông quạnh hay ngồi xe trượt trên những bãi băng giá lạnh, chúng xuống lũng, lên đồi, chúng xuyên rừng, lội suối, chúng vượt qua những ngọn đồi hẻo lánh hoang vu. Ăn mặc hàng nghìn lối khác nhau, nói bằng trăm thứ tiếng khác nhau...Từ ngôi trường lấp lánh trong tuyết xứ Canada đến nóc trường hẻo lánh lẫn trong khóm gồi xứ Ả Rập, có tới hàng triệu triệu đứa trẻ cùng học một điều giống nhau bằng các thể thức khác nhau... Trong cái "tổ kiến học sinh" ấy, con được hân hạnh dự phần......

Cố lên, tên lính nhỏ trong đạo quân lớn lao kia! Cố lên con ơi, lấy sách vở làm khí giới, lấy lớp học làm quân đội, lấy thế giới làm bãi chiến trường, coi sự ngu dốt là thù địch và lấy sự văn minh của nhân loại làm cuộc khải hoàn, con phải phấn đấu luôn luôn và chớ hề làm tên lính hèn nhát!"

Khi tôi đứng xếp hàng vào lớp 1C một lúc sau thì cô giáo mới của chúng tôi xuất hiện. Đó là cô N. một cô giáo có dáng vẻ tận tụy và gầy gò. Cô hướng dẫn chúng tôi so hàng rồi dắt chúng tôi lên lớp. Buổi học ấy, cô giáo xếp chỗ ngồi, chia tổ cho chúng tôi. Điều vui nhất là tôi và bạn Bình Minh lại được xếp vào cùng một tổ. Cô còn dặn chúng tôi phải mua bao nhiêu quyển vở, bao bìa dán nhãn ra sao,

những quy định về kỉ luật, cách giơ tay phát biểu và những trường hợp sẽ được cô khen thưởng.... Tôi càng ngày càng thấy có nhiều điều mới, và hay....

Reng....Reng...giờ ra chơi ấy, tôi đã cùng bạn Bình Minh và một bạn mới chạy chơi rượt bắt, nhưng rủi sao, khi gần bắt được bạn Minh thì tôi trượt chân ngã, máu rướm ra ở đầu gối. Các chị lớp lớn chỉ cho chúng tôi *"phòng y tế"*. Hai bạn cùng dìu tôi về phòng y tế. Nhìn vẻ mặt lo lắng của các bạn cũ và mới, tôi cảm động quá, nhìn các bạn mỉm cười: *"Không sao, không có đau đâu mà, hay mình chơi tiếp nhé?"*. Nhưng bạn Minh nói: *"Thì bạn cứ vô nhờ cô y tá băng lại đi, rồi mình chơi tiếp được mà!"*

Những giọt *"An côn"* làm tôi rát quá, xuýt xoa, nhăn nhó. Nhưng sau khi cô y tá lau chùi và băng bó xong, tôi lại hết đau ngay. Chúng tôi lại tiếp tục vui đùa trên những dãy hành lang lớp một.

Vậy mà khi vào học tiếp hai tiết nữa, tôi thấy đói bụng, và nhớ mẹ lạ lùng, tôi cố quên hình ảnh mẹ để nghe cô giảng.... cho đến khi trống trường báo hiệu tan học.

Bỗng một giọng nói đột ngột vang lên: "*Con ơi, ngồi làm gì ở đó mà lâu thế? Con dọn dẹp, sắp xếp xong chưa? Đi ăn cơm đi nào!*" Tôi giật mình nhìn lại, thì ra mẹ đã kéo tôi về thực tại: năm học lớp tám đang chờ đón tôi. Tạm biệt mùa hè!

Mộc Lan

Đề 4: Người thầy (người bạn ấy) sống mãi trong lòng tôi.

Bài tham khảo 4 A

NGƯỜI BẠN DƯỚI HỌC BÀN

Nguyễn Quân là một nam sinh có cá tính đặc biệt: Quân thích sự suy tư, yêu văn học, yêu gia súc và nghệ thuật. Cha Quân sớm mất vì hi sinh trong chiến tranh, để cho mẹ tần tảo gánh vác mọi chuyện. Đôi lúc Quân thầm lặng nhìn mái tóc bạc của mẹ, rồi nhớ đến những ngày ấu thơ, còn đủ song thân. Ngày ấy, mẹ Quân là một người có sắc đẹp uy nghi và đài các, chẳng ai trong tỉnh sánh kịp. Người đàn bà khuê các ngày xưa ấy, từ khi thành góa phụ, đã trải bao gian nan, mái tóc bà đã bạc phơ trên gương mặt vẫn còn vương nét kiêu sa và quý phái. Vốn tính kiên cường và tự hào về truyền thống gia đình, Quân đã trở thành một học sinh học giỏi nhưng có một cá tính lạ lẫm, khiến các bạn khó thân gần. Quy luật tự nhiên mà, các ngôi sao thường sáng, nhưng cách xa nhau trên bầu trời.

Khi mẹ Quân quyết định bỏ tỉnh Đà Lạt để đưa gia đình về Sài Gòn sinh sống, mẹ Quân đã tìm nhiều cách để xin chuyển Quân vào học lớp 9 trường này. Một hôm, sau giờ thi kiểm tra chất lượng, Quân bỏ quên chiếc máy tính bỏ túi ở ngăn bàn. Lựa giờ ra chơi ban chiều, Quân nhờ mẹ đưa đến trường để tìm lại. Khi bước đến nơi căn phòng ấy, cậu học trò bối rối, rụt rè nhìn vào nơi mình đã ngồi học buổi sáng. Bất ngờ thay, Quân loáng thoáng nhìn thấy người học trò ngồi đó không phải là một bạn trai. Quân lùi lại, lúng túng. Quân không đủ bình tĩnh để nhìn rõ mặt cô bạn học trò ấy. Chỉ thấy dáng vẻ một cô bé ngồi thu mình, lặng lẽ nhìn ra cửa sổ xa xa..... Mẹ Quân nhìn con, cười xòa, rồi người bảo: *"Thôi con ngại thì cứ đứng ở đây, để mẹ vào hỏi cho"*.

Không biết mẹ hỏi thế nào, mà mẹ đi về phía văn phòng nhà trường rồi lát sau, mẹ Quân vui vẻ cầm máy tính về đưa con, còn nói: *"Đây này con ạ, đó thật là một cô học trò lễ phép, cẩn thận và tốt bụng, cô ấy đã gói lại rồi gửi lại chiếc máy tính này cho thầy giám thị hành lang, cô bé tên là Kim Liên".*

... ..Một buổi ra chơi nọ, Quân ngồi một mình ở cuối lớp...trong cô đơn, bỗng Quân nghĩ đến những bạn học buổi chiều, biết đâu....những bạn học buổi chiều ấy cũng có những học trò cô đơn như Quân nhỉ? Rồi Quân nhớ đến cái bóng dáng thấp thoáng chiều nào của Kim Liên. Lá thư đã hình thành từ đó....

Liên là cô bé con có tâm hồn nhạy cảm, nhút nhát, mơ mộng nhưng lại rất tháo vát và thích cỏ hoa. Nghe bố mẹ kể rằng thuở bé Liên có biệt danh là *"công chúa phiền muộn"*. Liên vẫn nhớ ngày lên chín, lên mười, cô bé thường được mẹ cho ăn những viên thuốc tễ để tẩm bổ, còn cha cô thì thường xuyên chăm chút cho Liên bằng những tô phở hết sức đặc biệt. Nhưng không hiểu sao năm học này, Liên thật là cô đơn vì rất ít bạn. Ngồi bên cạnh Liên là Thúy Hằng. Thúy Hằng là cô bạn người Nam, có đôi mắt to thật thu hút. Nhưng từ ngày Hằng chuyển trường, chỉ còn lại một mình Liên thơ thẩn trong giờ ra chơi, giữa một vườn rộng ríu rít bao tiếng nói cười của bè bạn chưa quen.

Một buổi ra chơi nọ, Liên chán nản vì không muốn lang thang một mình giữa vườn trường với tâm trạng lạc lõng nữa. Liên ngồi thừ ra một mình ở cuối lớp...

Chiếc bánh bao ngon lành mẹ đưa mang theo, Liên cũng không đụng tới.

Bàn tay Liên như có cảm giác thừa ra chống cằm suy nghĩ chán...Liên thọc tay vào hộc bàn dọn dẹp giấy vụn. Bất ngờ...một mảnh giấy màu xanh lơ gấp tám vuông vức hiện ra....

Trời! Một lá thư! Nhưng mà thư của ai thế nhỉ?

Liên hồi hộp mở ra. Thư viết:

"Mình là học sinh buổi sáng, lớp 9A1, ngồi ở chỗ này. Mình tên là Hoàng Quân, gia đình mình mới chuyển trường từ Đà Lạt về Sài Gòn, muốn kết bạn với người bạn học buổi chiều ngồi ở nơi đây. Có những buổi ra chơi, mình cảm thấy thật cô đơn, nhàm chán vì buồn nhớ trường cũ, bạn xưa. Mình chưa có người bạn mới nào thân thiết cả. Mong sao chúng ta sẽ là bạn tốt của nhau nhé?

Trong lúc viết thư cho bạn, mình đang hình dung bạn cũng đang ngồi ở chiếc bàn cuối cùng này, trong một giờ ra chơi, nhìn ra hai bên cửa sổ, có những chú chim nhảy nhót trên cành phượng xanh đã rụng hết hoa. Có điều khác biệt là nắng của mình giờ ra chơi là nắng 9 giờ sáng thì nắng của bạn là 3 giờ chiều. Mình ước mong bạn sẽ nghe thấy những tiếng chim sẻ, nhìn thấy chúng nó nhảy nhót vui tươi như mình đã thấy khi ngồi một mình ở đây giờ ra chơi trong sáng thứ sáu cuối tuần này.

Mình tạm dừng bút nhé, mong sao bạn rất vui vẻ khi nhìn ánh nắng chiều xuyên qua kẽ lá, cành cây. Mong bạn sẽ cảm nhận rằng tia nắng ấy đôi khi là oi bức, nhưng nó luôn cho bạn nhiều sức sống và hi vọng cần thiết. Và bạn hãy nhớ rằng ban mai hôm sau, khi ánh nắng bình minh chan hòa khắp các cành cây, kẽ lá, là lúc ấy mình bước đến trường với hy vọng sẽ nhận được thư hồi âm của một người bạn mới. Mình chẳng mong gì hơn sẽ cùng bạn chia sẻ những vui buồn, khó khăn trong học tập. Nếu bạn hồi âm, hãy cho mình biết hoàn cảnh và tâm sự của bạn nhé!

Quân."

Tái bút:

Đây là lá thư mình viết cho bạn lần thứ ba, vì có lẽ hai lá thư trước bị lao công hay ai dẹp mất rồi! Nếu có hồi âm, xin bạn bỏ vào một phong bì mình dán một cách bí mật ở dưới gầm học bàn nhé! Hãy ngồi xuống sàn lớp và ngước mắt nhìn lên, bạn sẽ thấy một hộp thư bằng giấy cứng, mình dán bằng keo tốt, đính vào mặt dưới của gầm bàn ...

Liên ngồi thụp xuống bàn học của mình, lui cui như những lần nhặt bút rơi, nhưng ngước mắt nhìn lên phía gầm bàn, thực sự có một hộp thư bí mật đã dán vào đó từ lúc nào! Một cảm giác ngạc nhiên và xúc động đã đến với Liên. Liên nhìn ra ánh nắng giờ ra chơi ngày ấy. Lần đầu tiên cô bé có lại cái cảm giác hạnh phúc khi có một người bạn thân bên cạnh mình. Vâng, cho dù chưa biết mặt người bạn tên là Hoàng Quân ấy, Liên vẫn không thấy cô đơn nữa khi biết rằng có một người cũng cô đơn như mình, đang muốn sẵn sàng kết thân và chia sẻ tâm sự vui buồn tuổi học trò với mình.

Bồi hồi, cuống quít, Liên đã viết cho người ấy một lá thư hồi âm, và để vào hộp thư bí mật dưới ngăn học bàn (........)

Sáng hôm sau, Liên bồi hồi tìm thư ...nhưng không có một lá thư trả lời. Giờ ra chơi ấy, cô bé ngồi một mình, lấy thư cũ của Quân ra đọc. Cô bé đọc đi đọc lại lá thư cũ ấy của Hoàng Quân trong khi lấy bánh bao ra ăn, và tin là một lúc nào đó, Quân sẽ trả lời thư. Niềm tin ấy sao mà hạnh phúc thế!

Ngày hôm sau, thư tới. Quân viết:

"Một niềm vui nhỏ len vào tâm tư tôi khi thấy thư hồi âm của bạn. Tuy mình chưa bao giờ nói chuyện trực tiếp, nhưng sao đọc thư của Liên, mình có cảm giác như đã gặp lại người bạn cũ, từ lâu, làm mình có cảm giác thân thiện và gần gũi. Cuộc đời của mình và gia đình đang chuyển sang một ngả khác. Cám ơn Kim Liên đã nhận lời kết bạn và tâm sự với mình. Có lẽ chúng ta gặp nhau và hiểu nhau vì chúng ta là hai ngôi sao cô đơn, có lẽ chúng ta có một tâm hồn đồng điệu hay có lẽ niềm tin của Quân nơi Liên là chính xác: Liên là một cô bạn có tâm hồn sâu sắc, có tấm lòng tốt, một đạo đức tốt và biết trân trọng nét đẹp nơi tâm hồn con người. Đó là một vinh hạnh của Quân khi được kết bạn với Liên.

Cuộc đời của chúng ta, rồi sẽ có những thăng trầm, vui buồn trong học tập và cuộc sống. Hi vọng rằng mỗi bước đi của chúng ta, dù chênh lệch không gian và thời gian, nhưng mà Quân hứa chúng ta sẽ luôn hỏi han và động viên nhau, trên con đường học tập này, Liên nhé!"

Thân ái!

Nguyễn Quân

(.......) Thư từ tuổi học trò có khi mau, khi chậm, vì những bài học và bài tập của ngôi trường nổi tiếng là có chất lượng cao luôn lấp đầy những tháng ngày học niên. Liên chưa hề biết mặt Quân, nhưng cô bé mường tượng qua lời Quân tự miêu tả, thì Quân là một bạn trai có mái tóc màu nâu xám, thích âm nhạc, thích

cầm máy ảnh chụp cảnh thiên nhiên và thiết kế các kiểu áo quần, lại có năng khiếu hội họa. Đôi lần nhận thư Quân, Quân có kể là đã xin mẹ đưa Quân đến trường vào một buổi chiều, nhưng rồi dù Liên mấy lần trông ngóng, vẫn chỉ nhận được những lời xin lỗi vì lỡ hẹn. Rồi Liên còn nhận được một bức tranh nho nhỏ do Quân vẽ bằng màu nước hay là cho Liên mượn một đĩa CD nhạc, để làm hòa.

Thấm thoắt đã năm tháng trôi qua, tình bạn ngày càng thân thiết qua những lá thư học trò. Quân hiểu cô bạn học của mình có tính chăm chỉ, thật thà và hiếu thảo. Liên kể rằng vì muốn giúp mẹ, nên các buổi chiều cuối tuần, Liên thường cùng mẹ phụ trách một nhà hàng nhỏ trên đường Lê Lai. Số tiền lời phần lớn Liên đưa mẹ, còn một nửa thì Liên xin mẹ cho Liên học thêm nghề làm hoa vải. Chuyện học hành, Liên không giỏi như Quân, đôi khi Quân còn làm nháp giúp cho Liên những bài toán rắc rối mà cô giáo cho đem về nhà chuẩn bị trước, kèm theo những gợi ý về phương pháp giải toán. Chỉ đôi khi Liên và Quân cùng bàn bạc về những bài văn. Tình bạn qua thư ấy làm cho Liên thú vị, tuy hạnh phúc, cô bé phải lén lút giấu bè bạn và cha mẹ, đôi khi, cô bé có cảm giác mình có tội với gia đình, với cô giáo, và Liên xấu hổ như một tên ăn cắp khi đang ngồi viết thư cho Quân. Nhưng bù lại, cái cảm giác hạnh phúc ngày càng lớn lên khi Liên nghĩ rằng một người bạn dù chưa biết mặt nhưng hiểu nhau, chia sẻ những tâm sự vui buồn với nhau vẫn hơn là hai người ngồi cạnh bên nhau mà thờ ơ và có khi còn ganh ghét nhau về một con điểm! Khi đã hiểu và thân nhau, giúp nhau tiến bộ trong học tập, cả hai càng mong có một ngày nào gặp mặt nhau. Và dịp ấy đến khi Liên nhận được thiệp mời sinh nhật của Nguyễn Quân. Sinh nhật Quân rơi vào ngày hai tháng hai, tức là ngày mồng sáu tết âm lịch năm ấy.

Không ngờ, trên đường Liên đến dự tiệc sinh nhật, có một chuyện bất ngờ xảy ra...

Thực ra, vì mặc cảm của con nhà nghèo, Liên đã nói dối Quân. Dù rằng hôm ấy là mồng sáu Tết, Liên vẫn phải đem hoa đi bán ở các cửa chùa như Vĩnh Nghiêm, Ấn Quang, để phụ ba mẹ. Tuy rằng Liên đã chuẩn bị một món quà đặc biệt cho Quân từ trước, là một bó hoa hồng bằng vải, do chính tay Liên làm, nhưng Liên không chuẩn bị ruy băng để kết nơ vào chùm hoa hồng ấy. Ba mẹ đã dắt em đi chúc tết hàng xóm, Liên lấy xe gắn máy của mẹ, chạy vội đi tìm mua ruy băng trên những con phố Sài Gòn còn đóng cửa ăn Tết kĩ, rồi chạy vội đến công trường Quốc tế.....tìm nhà Quân cho kịp giờ sinh nhật. Đó là một khu vực ở gần chợ Bến Thành, mà cô bé chưa bao giờ đến. Lúc vội vã băng sang đường, cô bé cán phải chân một con chó berger, trên cổ nó còn lòng thòng một nửa sợi dây xích mạ kền sáng loáng. Liên ngã xuống, chiếc xe gắn máy đè lên người cô, xăng đổ ra, bốc mùi nồng nặc, chiếc quần zin toạc ra một vệt ....lộ một bên đùi. Cô bé đang hốt hoảng chới với thì con chó sủa lên dữ dội, trong đau đớn quằn quại, nó chồm lên, những chiếc vuốt sắc của nó cào mạnh trên ngực cô bé......Liên thét lên cầu cứu, nhưng không ai kịp trở tay. Người gần nhất cầm gậy đến toan đánh con chó dữ, nhưng cô bé đã ngã xuống, lả đi. Lác đác, mấy người bu lại, xúm xít, một tốp đánh đuổi con chó

hung tợn, một tốp khiêng Liên lên xe, chuẩn bị đưa đến nhà thương. Chợt Liên tỉnh lại, mở mắt ra, móc ra món quà méo mó, và thều thào nói:

- Bác à……chuyển dùm con, món quà này…đến địa chỉ này….và nhắn dùm con là…..

Chưa nói hết lời, cô bé lại thiếp đi ….

Ông lão bán vé số dạo đứng gần đó, cầm bó hoa và tờ giấy nhỏ Liên trao, nhẩm đọc địa chỉ:

"Nguyễn Quân - Chung cư Số 1 Công trường Quốc tế, phòng 29 Lô M"

Rồi ông hô to lên nhiều lần: *"Ai là Nguyễn Quân, chung cư số 1 phòng 29 Lô M?"*

Một thiếu niên mặc sơ mi trắng chạy ra, tay cầm một đoạn dây xích chó mạ vàng, miệng la to:

- Cháu là Quân đây? Có chuyện gì chờ cháu một chút. Cháu phải chăm sóc cho con berger đã. Nó đâu rồi?

Ông lão kéo tay Quân lại, chỉ theo chiếc xe đang rồ máy, nói: *"Cô nhỏ kia đến tặng cháu cái này, mà sao cháu lại để con chó chạy ra, cổ cán trúng nó, rồi nó quay lại cắn cổ?"*

Nguyễn Quân giựt mình, vội đỡ lấy bó hoa, mắt rướn nhìn theo bóng dáng cô gái xa lạ, gương mặt còn mê man, rũ rượi. Chợt một tấm thiệp rớt ra từ bó hoa vải. Quân cầm lên xem. Tấm thiệp có dòng chữ rất quen thuộc mà cậu ta thường tìm kiếm ở hộc bàn, nhưng hôm nay không phải là một lá thư dài!

" Anh Quân!

Chúng mình đã hiểu nhau, thân nhau và tin nhau. Điều đó là hạnh phúc của Liên. Gửi món quà sinh nhật này đến Quân, Liên xin gửi hết tình cảm và những ao ước chưa thổ lộ của Liên về một tình bạn cao đẹp của chúng mình. Liên không tặng Quân hoa hồng tươi, vì hoa hồng tươi rất mau tàn, lại có gai nhọn làm Quân rướm máu tay. Những bó hoa vải này do Liên làm cho Quân đấy. Mong Quân giữ gìn nó như giữ gìn tình bạn lâu dài đầy ước hẹn tương lai của hai ta! Dù sau này có chuyện gì xảy ra, Liên vẫn không bao giờ hối tiếc là chúng mình đã có những ngày tháng hạnh phúc trong một mái trường thân yêu".

Kim Liên, người bạn gái."

Tái bút: Có một điều, xin lỗi anh…vì Liên đã nói dối….là nhà Liên không có làm gì trên đường Lê Lai cả, mà là ở các ngôi chùa, Liên sẽ trình bày sau nhé!!"….

Trích từ truyện vừa *Mãi mãi không quên* của Mộc Lan

Tháng 9. 2009

Bài tham khảo 5

Người xưa cấm nói sai: "*Ghét của nào, trời trao của ấy*". Là một học sinh nam nhút nhát tôi chúa ghét những đứa con gái đanh đá, lắm mồm. Thế mà thượng đế nỡ thực hiện lời nguyền ấy khi ngài ân cần trao cho tôi con Hồng "*chà và*" (vì nó y hệt nhân vật Hồng "*chà và*" lớn trong truyện "*Hoa hồng xứ*

khác" của Nguyễn Nhật Ánh) ngày cô giáo xếp cho nó ngồi cạnh tôi để tôi "*kèm cặp*" nó cho nó khỏi nói chuyện riêng. Lạy Chúa! Một con người như nó (đanh đá, chanh chua) thế mà nhiều lúc nó lại có một tấm lòng nhân hậu, vì bạn bè đến thế. Có lúc nó đã làm tôi phải đau khổ đến "*gầy gò*" suốt bao tháng trời rồi cũng chính nó đến với tôi, giúp đỡ tôi hết lòng khi tôi gặp khó khăn...

Đúng là "*nhất quỷ, nhì ma, thứ ba con Hồng*". Nó mới đến lớp có mấy bữa mà đã thâu tóm toàn bộ "*đội quân con gái*" hùng mạnh. Rồi nó mãnh diện lên ngôi ra tay trị bọn con trai "*yếu đuối*" chúng tôi. Nó là một thằng con trai thì đúng hơn.

Ngồi trong lớp, nó luôn luôn chọc ghẹo tôi, tìm mọi cách để gây chiến với tôi (vì tôi là thằng béo và lùn nhất lớp). Có lần tôi đứng dậy phát biểu ý kiến, nó bỏ hòn đá vào ghế chỗ tôi ngồi. Lúc tôi ngồi xuống thì... chưa hết, nó còn hăm hè cấm tôi không được mách thầy. Tôi chỉ còn nước nhăn nhó cho qua chuyện. Tôi đã luôn nghĩ không tốt về nó nếu như không có chuyện xảy ra...

Một lần tôi ốm khá nặng, phải nghỉ phép nằm bẹp ở nhà. Chiều hôm đó, thật lạ lùng, nó đến thăm tôi và mang theo một túi quà. Lúc này trông nó hiền ơi là hiền:

- Cậu cố ăn cho khỏe để mà đi học, bài vở tớ chép hộ cậu, đừng ngại.

Tôi trố mắt nhìn nó như đang nhìn người ngoài trái đất. Sao hôm nay nó dễ thương đến vậy? Bây giờ thì nhất định nó không là "con trai" nữa.

- Thôi đùa thế đủ rồi, ta lấy sách ra học nhé! Cậu cố gắng, có gì không hiểu cứ hỏi tớ.

Nói là làm, nó nhanh nhẹn lấy sách giảng cho tôi, đầu tiên là môn Toán (đang ốm mà nó bắt tôi phải tính toán) nó ra lệnh cho tôi như cô giáo vậy. Nó hỏi bài, tôi trả lời. Tuy mệt nhưng tôi cũng cố gắng để khỏi phụ lòng nhiệt tình của nó.

Nó cười tươi hài lòng vì cậu "*học trò*" ngoan ngoãn. Nhìn nó, bất giác tôi cũng bật cười.

- "*Bây giờ đến môn Địa...*" Nó nhắc và cứ lăm lăm cây thước.

- Môn này khó quá, tớ không học được đâu.

Bố Hồng dạy Địa lí nên nó giỏi môn này ghê. Tên nước, tên sông nó nhớ như in. Tôi nghe nó giảng mà chỉ biết lắc đầu, lè lưỡi. Tôi đành lòng chịu sự chỉ dẫn của Hồng vậy. Một lát, thấy tôi mơ màng, nó bực tức:

- Cậu nhắc lại xem tớ vừa nói gì nào?

Tôi giật thót tim (như kẻ ăn vụng bị mẹ bắt được vậy):

- Ơ... ơ Thái Bình Dương là đại dương lớn nhất còn Bắc Băng Dương là đại dương....ơ ... là đại dương nhỏ nhất.

- *Lần sau cậu chú ý hơn nhé!* Mặt nó giãn ra cho đến lúc về. Nó đi rồi mà giọng nói nhiệt tình, đôi mắt vừa nghịch ngợm, vừa dịu dàng còn đọng mãi trong tôi. Tôi thầm nhủ: "*Hồng chà và ơi! Thôi tao chả ghét mày nữa đâu!*".

Hai tuần sau tôi đi học được. Nhờ Hồng mà tôi theo kịp bạn bè, thầy giáo không phải phụ đạo thêm. Một hôm tôi đánh bạo hỏi nó:

- Vì sao mà cậu tốt với tớ quá vậy?

Nó nhoẻn miệng cười, nụ cười của nó rạng rỡ và chân thành:

- *Vì cậu là bạn của tớ, Thắng ạ.*

Giờ đây, ngồi cạnh nó, nó vẫn còn chọc ghẹo tôi nhưng đã dịu dàng hơn trước rất nhiều. Những lúc tôi tức nó thì nụ cười rạng rỡ hôm nào của nó lại hiện về làm dịu lòng tôi – Nụ cười tình bạn.

MAI QUYẾT THẮNG

HS PTCS Chuyên Nga Sơn- Thanh Hóa

Bài tham khảo 6

Có lẽ bây giờ đã quá muộn khi tôi nói về chuyện của tuổi thơ, một câu chuyện buồn giữa tôi và bà Tám. Dù muộn nhưng tôi vẫn phải kể ra để trong tôi bớt đi nỗi ân hận ngập tràn.

Hồi ấy, khi tôi còn là một cậu bé nghịch ngợm và bướng bỉnh, tôi đã gây ra không biết bao nhiêu là chuyện không hay cho mọi người và có lẽ bà Tám là người gánh chịu không ít những chuyện như thế.

Hồi ấy, bà Tám đã già, bà ở trong một căn nhà nhỏ cạnh nhà tôi. Bà chẳng có chồng con. Tôi nghe đâu ngày xưa bà bị người ta lừa. Một gã đàn ông giàu sang lịch sự đến "cướp" đi đời con gái của bà. Từ đó chẳng ai để ý, rồi bà cứ ở vậy. Tôi nghe chuyện bà chẳng động lòng thương mà ngược lại tôi còn ghét bà là đàng khác. Hàng ngày cứ thấy khuôn mặt nhăn nheo đăm chiêu của bà là tôi khó chịu. Cũng chẳng hiểu rõ vì sao tôi không có cảm tình với bà như vậy. Có lẽ vì bà sống lặng lẽ, hay lánh người làng.

Bà chỉ sống bằng mảnh vườn nhỏ. Mảnh vườn nhỏ của bà trồng rất nhiều loại cây ăn quả mà tôi thích. Hằng ngày, bà vẫn lom khom chống gậy ra nhổ cỏ vun xới cho cây. Vì muốn chọc tức bà, tôi quyết tâm phải lấy được một thứ quả gì đó trong vườn. Tôi rình mò cả buổi chiều, chờ lúc bóng bà khuất hẳn sau bức phên rách tôi mới lần vào. Nhanh như cắt, tôi thoăn thoắt trèo lên cây ổi. Những trái ổi chín thơm lừng cuốn hút. Tôi bứt và bứt. Lá ổi rơi xào xạo, thân cây rung rung. Nghe tiếng động con chó già tinh quái nhà bà Tám chạy ra. "*Chẳng nhẽ lại bị tóm cổ sao*". Chân tay tôi đã bắt đầu run. Con chó sủa inh ỏi. Tôi với ngay quả ổi xanh nhắm mắt ném. "*Ối!*" tiếng kêu chợt vang lên. Thì ra tôi đã ném trúng bà Tám đang đứng ngay cạnh con chó lúc nào không biết. Bà ôm chặt, tuổi già sức yếu, dù một quả ổi trúng người cũng đau lắm chứ! Con chó vẫn sủa. Chân tay tôi càng run. Tôi thét lên: "*Cháu không chú ý mà!*". Rắc! Rắc! Cành ổi gãy, tôi ngã nhào và không biết gì nữa. Khi tỉnh lại trời đã nhá nhem tối. Tôi đang nằm trong ngôi nhà quen thuộc của mình. Người đầu tiên tôi thấy là bà Tám. Trên nét mặt già nua khắc khổ của bà đầy nỗi âu lo. Tôi buột miệng kêu: "*Bà!*". Bà vỗ nhẹ vào người tôi.

- Cháu nằm yên đi, nghỉ cho lại sức.

Tôi định ngồi dậy nhưng bị khựng lại bởi cái đau kinh khủng. Nhìn xuống thấy tay mình băng bó. Mẹ bảo tôi bị gãy tay và suốt hai ngày nay bà Tám bỏ cả ăn, ngủ để ngồi túc trực bên tôi. Tôi nhìn bà. Vết bầm vẫn còn trên mặt. Tôi định nói xin lỗi nhưng không sao nói được. Nước mắt cứ muốn trào ra. Bà cũng rầu rầu:

- *Chỉ tại bà thôi cháu ạ.*

Tôi không còn biết thế nghĩa là như thế nào. Lúc ấy mẹ tôi đỡ lời:

- Bà đừng nói vậy! Chỉ tại cháu nó nghịch dại mới nên nông nỗi này. Bây giờ cháu đã đỡ, bà cứ yên tâm về nghỉ.

Bà Tám yên lặng. Ánh mắt già nua nhìn xa vời vợi. Ánh mắt ấy đã ám ảnh tôi suốt một thời gian dài.

Ít lâu sau nhà tôi chuyển ra thành phố. Nhiều việc bận rộn khiến tôi không có thời gian về thăm bà. Mãi tới hôm vừa rồi tôi mới lại được trở về thăm chốn cũ. Nhưng đâu còn nữa mái nhà tranh, còn đâu nữa hình bóng bà Tám năm nào. Thay vào đó là một ngôi nhà 3 tầng đẹp đẽ. Thì ra bà Tám đã mất. Mảnh vườn của bà họ hàng đã bán cho một gia đình khác.

Tôi đứng lặng người nghĩ lại chuyện xưa. Nghĩ về bà Tám, nước mắt tôi ứa ra lúc nào không biết.

- Bà Tám ơi, xin bà hãy tha thứ cho cháu – Đứa trẻ nghịch ngợm này.

LÊ THỊ HẠNH

HS PTCS Thọ Xuân

Đề 7: Tôi thấy mình đã khôn lớn.

Bài tham khảo

Để chuẩn bị cho ngày kiểm tra chất lượng đầu năm học, hôm nay, mẹ bảo em: "*Con ạ, đã gần đến ngày kiểm tra rồi, con soạn lại góc học tập cho chu đáo đi con ạ! Con gái mẹ đã lớn rồi! Năm nay con thử sắp xếp một mình xem sao!*"

Nghe lời mẹ, em hí hoáy bắt tay vào soạn cặp, chợt rơi ra một tấm ảnh cũ của em năm lớp năm! Nhìn tấm ảnh, em ngạc nhiên vô cùng. Trời ơi, bây giờ em đã khác xưa nhiều quá, bồi hồi, em ngồi trước gương soi để so sánh mình bây giờ và mình ngày xưa ấy!

Nhớ năm học lớp năm, em còn là một cô bé đang sún vì thay răng sữa, mà răng mới không kịp mọc, vẫn phải đi chụp hình gấp để làm hồ sơ chuẩn bị thi tốt nghiệp cấp một. Tấm ảnh trên tay em là một cô bé có đôi mắt ngơ ngác, rụt rè, pha chút ngái ngủ hay sượng sùng. Mái tóc cắt ngắn ôm lấy hai má bầu bĩnh, nếu mà không hé ra cái góc tối đen nho nhỏ của chiếc răng vừa nhổ, trông em hệt như búp bê nhà trẻ! Mà thật sự hôm đi chụp hình ấy, em cứ lúng túng không biết làm cách nào để che đi cái răng sún, trong khi tính em lại hay cười. Lúc ấy mím môi lại thì cũng không được, cuối cùng ...là một tấm ảnh ngộ nghĩnh này đây!

Thế mà bây giờ trong gương lại hiện ra một cô gái trẻ, mái tóc buông dài, bóng mượt, đôi môi hồng hồng vểnh lên như sắp cười với mọi người, làm cho mỗi lần gặp ai xa lạ, em lại phải mím môi lại cho có vẻ thật nghiêm trang! Đã vậy, tay chân em vụt dài ra, làm cho đôi khi bước chân em cứ có cảm giác như là sắp ngã. Quần áo thì hệt như chú bé làng Gióng, mỗi cái áo mẹ mới may cho, em mặc chỉ được vài tháng đã sứt chỉ vì chật chội.

Đang ngồi nghĩ ngợi mông lung thì tiếng chuông điện thoại reo vang, mẹ em nhấc máy lên nghe, rồi nói:

- Con ơi, cô chủ nhiệm muốn gặp con bàn việc công tác đây, con a!

Em bồi hồi cầm điện thoại từ tay mẹ trao lại. Cô nói:

- *"Ngọc ạ! Cô rất tin tưởng em về sức học, tính cách tự chủ, tính kỉ luật và lòng nhiệt tình công tác, giúp bạn. Vậy em hãy cố gắng giúp bạn Loan vượt qua kì ôn tập này, em nhé! Loan hiện nay cũng còn chưa khỏe sau khi cắt ruột thừa, em ạ! Nếu em đồng ý nhận công tác này, cô cũng sẽ xin phép mẹ, cho em về học trễ, mỗi ngày 30 phút trong tuần tới, em nhé!*

Trước niềm tin tưởng của cô, em cảm động nói:

_ *Vâng ạ, em sẽ giúp bạn hết lòng, để không phụ lòng tin tưởng của cô!*

Sau khi em nhận lời, cô dặn dò em vài điều nữa rồi mới bảo em: "Cô cần gặp mẹ để trao đổi thêm!"

Nói xong, cô bảo em trao điện thoai cho mẹ, em chuyển máy cho mẹ mà thấy lòng mình vui sướng vô cùng khi nhận được sự tin tưởng của cô giáo chủ nhiệm. Mẹ em trò chuyện với cô xong, lại gần bên em vuốt tóc em nói

_ Đấy! Con đã lớn rồi, cô giáo giao cho con công tác là một vinh dự, và cũng là thử thách đấy! Hãy cố gắng lên, con nhé!

Em vui vẻ cúi xuống "dạ" một tiếng rồi chạy ra sân, sao mà cuộc sống tươi đẹp và đầy bí ẩn bất ngờ thế nhỉ! Loay hoay, đôi chân em đi nhầm một chiếc giày của mẹ, làm cho đôi chân em khập khiễng thật buồn cười!

Mộc Lan

8. Kể về một kỉ niệm đáng nhớ đối với con vật nuôi mà em yêu thích.

DÀN BÀI

I. Mở bài

Thúy Lan từ từ mở mắt, em giật bắn mình: tại sao em không nằm ngủ với mẹ trên giường đệm như mọi khi? Tại sao em nằm cuộn tròn trên chiếc thảm chùi chân ngay lối đi xuống bếp?

Nàng mở to mắt: Trời ơi! Em không còn là Thúy Lan nữa, em đã hóa thành con mèo đen! Ác hại thay em lại là con mèo Mun sống ngay trong gia đình em!

II. Thân bài

Chia làm hai đoạn:

A. Những điều Thúy Lan quan sát:

1. Khung cảnh gia đình quen thuộc như xưa nhưng tất cả đồ đạc đều to lớn so với tầm vóc thân mèo của Thúy Lan. Em phải nhảy lên ghế vẫn ngồ học, ô kéo bàn học quá nặng em không sao mở ra được, nàng không giở được sách với hai bàn chân mèo khờ dại...
2. Vẫn cha em ngồi đọc sách báo, vẫn mẹ em thu dọn những việc lặt vặt, vẫn em em Thúy Vân hay vuốt ve con mèo Mun như em. Em giật mình khi thấy chị bếp là người hay đập con mèo Mun vì tội ăn vụng và làm đổ thức ăn. Em hoảng hốt khi thấy con chuột nhắt quá to đang chạy trốn em...

B. Cảm tưởng của Thúy Lan:

1. Dần dần em bớt sợ nhưng buồn tủi đến chảy nước mắt. Đau khổ nhất là em không nói được tiếng người để trò chuyện với người thân, nhất là với Thúy Vân. Đến bữa cơm, em nghẹn ngào ăn không được, Thúy Vân vuốt ve rồi bế em vào lòng nói với cả nhà: "Ba má à! Con Mun nó ốm hay sao ấy, hôm nay nó không ăn cơm!". Em đau xót cam phận...
2. Thế mới biết được làm người là sung sướng, dù phải nghèo khổ, làm vụng vất vả để sinh sống, Thúy Lan tự ăn năn hối lỗi khi nhớ đến lúc tức giận đến hỗn hào với cha mẹ mỗi khi có điều không như ý trong gia đình. Thúy Lan còn thấy yêu thương súc vật hơn bao giờ hết vì biết đâu những con vật ấy lại không như mình...

III. Kết bài

Đang miên man nghĩ ngợi, Thúy Lan chợt thấy con Tô-Tô chạy vào phòng. Em sợ quá, chạy trốn. Con chó liền đuổi theo làm em đập đầu vào chân bàn thì té ra là một giấc ngủ mê! Thúy Lan choàng tỉnh dậy và thuật lại cho mọi người trong gia đình nghe.

9. Kể về một lần em mắc khuyết điểm khiến thầy, cô giáo buồn lòng.

DÀN BÀI GỢI Ý

I. Mở bài:

- Sáng thứ sáu, cô giáo dạy Hóa học dặn dò các học sinh ôn bài để thứ hai làm kiểm tra. Chiều thứ bảy, em đã xin ba mẹ cho đi đá banh với bè bạn, sáng chủ nhật mệt mỏi, em nằm coi phim, và nghĩ bụng: tối chủ nhật sẽ ôn bài kĩ lại...

- Nhưng tối hôm ấy... Nam, bạn em đến rủ đi ăn chè...em và Nam xách xe dạo phố, về nhà lúc 8 giờ, mới ngồi vào ôn bài ...

II. Thân bài:

- Sáng thứ hai, buổi kiểm tra đến. Trong 3 câu hỏi và 1 bài toán về thí nghiệm, em chỉ trả lời được qua loa 2 câu. Lúng túng, hỏi Nam, Nam lắc đầu...em nhìn vở hóa học, và nháy mắt....ra hiệu bảo Nam đưa cho em....

- Chờ cô giáo đi về cuối lớp, em mở vở ra, chép vội vàng. Bất thình lình cô đi lên, em đẩy vội cuốn tập về Nam.

- Cô giáo lại xuống cuối lớp, Nam hỏi em, em thầm đọc cho Nam chép, hai đứa thì thào.... cho đến khi cô nhắc, mới ngồi yên.

- Giờ phát bài, cô giáo đọc điểm cả lớp. Không có tên em và Nam. Khi Nam lúng túng đứng lên hỏi, cô bảo:

- Hai em lên đây, cô muốn hỏi điều này!

Trước mắt chúng em, hai bài kiểm hiện ra trong khung điểm với những dấu hỏi đỏ chói của cô thay cho điểm làm bài. Cô nhìn chúng em, nghiêm nghị nói:

- Bài này ai chép của ai? Sao lại sai giống nhau thế hả các em?

Em và Nam.. đỏ bừng mặt, nhìn nhau ấp úng!

Cô chờ một lúc lâu, không ai trả lời. Cô quyết định:

- Nếu chúng em làm bài chung, cô sẽ cho chung điểm là 4 điểm, chia ra cho hai em, mỗi em hai điểm nhé? Điều quan trọng là chúng em phải thành

thật, để còn có cơ hội sửa chữa. Chúng em đi học, để hiểu biết, chứ không phải đi học, để dối trá thế này!.

Reng....eng....Tiếng chuông ra chơi ...giải thoát cho hai chúng em khỏi những đôi mắt của bè bạn.... chúng nó ùa ra, đứa đi mua kem, đứa chạy đuổi nhau trên hành lang.

Em lí nhí:

- Thưa cô, em đọc cho bạn ấy... câu ba ạ! Em xin lỗi cô!

Nam lại nói "Thưa cô, vì hôm qua em đến rủ bạn Hùng đi chơi tối quá...nên...chúng em không kịp học bài ạ."

Cô giáo im lặng một lát, rồi bảo:

Hai em biết nhận lỗi là tốt, nhưng quan trọng là phải biết sửa lỗi. Hai em hãy về học lại những bài hóa học vừa qua, cô sẽ cho kiểm tra lại khi cô sắp xếp được thời gian!

Chúng em chẳng mong gì hơn thế. Lí nhí cảm ơn cô, chúng em ra về.

III. Kết luận:

- Từ biệt cô, chúng em ra về, lòng vừa hối hận, vừa cảm động trước tấm lòng của cô khoan dung. Chúng em rủ nhau sẽ cố gắng học bài kĩ.

- Chúng em sẽ học thuộc, không chỉ là bài hóa học này, mà là những bài học của các môn học khác nữa, để xứng đáng là một học sinh ngoan, đền đáp tấm lòng và công lao của cô giáo em.

10. Đề: Kể một câu chuyện cảm động thể hiện công ơn của cha mẹ đối với con.

BÀI THAM KHẢO

Tôi là đứa con trai duy nhất của bố mẹ tôi. Mẹ tôi chiều tôi lắm. Hễ tôi xin mua gì, mẹ cũng mua cho. Nhưng trái ngược với mẹ, bố tôi rất nghiêm khắc. Bố không cho tôi đi chơi với mấy đứa bạn nghịch ngợm. Mỗi lần đi học về là bố thường kiểm tra lại bài tập, vở ghi của tôi. Cũng chính vì thế mà tôi chỉ quý mẹ, có gì chỉ tâm sự với mẹ.

Hôm ấy, tôi đang chơi bi ở sân trường thì thằng Tuấn, thằng Hùng gọi:

- Hoàng ơi, có ăn bàng chín không?

- Nghe đến bàng chín, tôi đã thèm lắm rồi. Tôi hỏi:

- Ở đâu?

- Cứ theo rồi khắc biết.

Hai đứa dẫn tôi đến gốc cây bàng cuối sân. Dạo này có lệnh cấm trèo nên cây bàng chi chít những quả chín vàng mọng. Ba đứa tôi thoăn thoắt trèo lên. Những tia nắng vàng chiếu xuống làm quả bàng thêm vàng, ngon hơn. Ba đứa tôi thi nhau chuyền hết cành này đến cành kia chọn quả chín ăn. Kìa! Một chùm bàng dăm bảy quả trông rất ngon mắt ở cành nhỏ phía xa xa. Tôi vội vàng leo ra. Bỗng "rắc! rắc!" cành bàng nơi chân tôi đứng bị gãy. Tôi hốt hoảng định bám vào cành khác nhưng không kịp nữa rồi. Tôi đã bị lơ lửng trên không và rơi bịch xuống đất, bất tỉnh.

Khi tỉnh dậy, tôi thấy mình đang nằm trong bệnh viện. Tôi cảm thấy đầu mình tê tê làm sao ấy mà lại rất nặng khó chịu vô cùng. Tôi từ từ mở mắt ra. Mẹ đang ngồi ở đầu giường. Mẹ nhìn tôi, ánh mắt đầy lo âu. Tôi cảm thấy ân hận quá. Thấy tôi tỉnh dậy, mẹ mừng quá reo lên:

- Kìa con! Con đã tỉnh dậy rồi ư? Con có đau lắm không?

- Con chỉ thấy khó chịu thôi mẹ ạ. Thế bố đâu hả mẹ?- Tôi hỏi.

- Bố con... Bố con... - Mẹ ngập ngừng, một thoáng bối rối.

- Bố con đâu hả mẹ? Trời ơi, tôi cảm thấy người mình nóng ran lên.

- Đầu con ê ẩm lắm, con không chịu được nữa đâu.

Vừa dứt lời tôi lấy tay sờ lên đầu và bứt cả băng ra. Tôi bỗng cảm thấy choáng váng và mê man không biết gì nữa.

Lần thứ hai tỉnh dậy tôi thấy mình nằm ở căn phòng cũ. Trên đầu tôi được thay một tấm băng mới. Vẫn khuôn mặt thân thương, ánh mắt dịu hiền, mẹ ngồi nhìn tôi. Thấy tôi đã tỉnh, mẹ dịu dàng:

- Bây giờ con phải bình tĩnh và cẩn thận hơn trước đó.

- Vâng ạ! – Tôi đáp lời mẹ.

Tuy thế trong thâm tâm tôi vẫn tự hỏi: Tại sao trong lúc mình ốm đau như thế này bố lại không đến nhỉ? Hay là bố ghét mình? Hay là bố bận việc gì? Không hẳn là thế? Vậy tại sao? Câu hỏi đó cứ dằn vặt tôi trong suốt thời gian tôi nằm bệnh viện.

Hôm xuất viện về nhà, tôi thấy bố đang nằm trên giường thiêm thiếp ngủ. Khuôn mặt bố hốc hác, tóc lốm đốm bạc, đôi mắt hõm sâu. Nước da bố xanh xao khác hẳn mọi khi. Tôi ngạc nhiên vô cùng. Tôi vừa ngồi vào ghế thì Hùng, Tuấn xách chiếc làn đỏ bước vào.

- Cháu chào các bác! Kìa Hoàng! Bạn đã thấy đỡ chưa? Tuấn nhanh nhẹn hỏi.

- Chào các cháu. Các cháu vào chơi với Hoàng. Bác trai mệt vừa thiếp đi. Mẹ tôi nói.

- Cảm ơn các cậu, tớ đỡ rồi – Tôi lên tiếng.

- Hoàng ạ, hôm nay hai đứa mình đến để xin lỗi cậu bởi vì tại chúng mình rủ cậu trèo bàng cho nên mới xảy ra tai nạn đáng tiếc này. Xin hai bác thứ lỗi cho chúng cháu. Vì chúng cháu mà Hoàng đã bị ngã và mất bao nhiêu là máu, bác trai đã phải tiếp máu cho Hoàng nên đã bị ốm!

- Có thật vậy không mẹ? – Tôi thảng thốt hỏi mẹ.

Mẹ khẽ gật đầu. Từ trên ghế tôi chạy vội lại ôm chầm lấy bố. Hai hàng nước mắt tôi từ từ rơi. Ôi! Chính bố đã tiếp máu cho mình, thế mà mình lại nghi ngờ bố.

- Bố! Bố tha thứ cho con. Chỉ vì con mà bố bị suy kiệt!

Bố tôi tỉnh dậy:

- Không sao đâu con ạ!

- Bố!

Tôi và bố ôm chặt lấy nhau. Một tình cảm yêu thương trào lên trong tôi. Căn nhà nhỏ bé tràn đầy hạnh phúc. Mẹ nhìn bố con tôi khẽ mỉm cười.

ĐỖ THỊ THU HƯƠNG
Trường THCS Nguyễn Hiền, Nam Hà

ABC

PHẦN II: VĂN THUYẾT MINH

A. KHÁI QUÁT VỀ VĂN THUYẾT MINH

Văn bản thuyết minh là kiểu văn bản thông dụng trong mọi lĩnh vực đời sống nhằm *cung cấp tri thức về các hiện tượng và sự vật trong tự nhiên, xã hội* bằng phương thức trình bày, giới thiệu, giải thích.

• Văn bản thuyết minh có tính chất khách quan, thực dụng, là loại văn bản có khả năng cung cấp tri thức xác thực, hữu ích cho con người.

• Một văn bản thuyết minh hay là một văn bản trình bày rõ ràng, hấp dẫn đặc điểm cơ bản của đối tượng thuyết minh.

• Văn bản thuyết minh sử dụng ngôn ngữ chính xác, cô đọng, chặt chẽ, sinh động.

B. PHƯƠNG PHÁP THUYẾT MINH

Để nêu bật đặc điểm bản chất, tiêu biểu của sự vật, hiện tượng, người ta thường sử dụng các phương pháp thuyết minh sau:

1. Phương pháp nêu định nghĩa

Ví dụ:

- Tiến sĩ là người đỗ cao nhất trong kì thi đình. Ngày trước, người đi học sau khoảng 10 năm đèn sách đủ vốn chữ để dự thi Hương, tức khoa thi tổ chức liên tỉnh, cứ ba năm mở một khoa. Đạt điểm cao của kì thi này đạt học vị Cử nhân. Năm sau, các ông Cử tới kinh đô dự kì thi Hội. Những người đủ điểm chuẩn sẽ dự kì thi Đình (thi Hội và thi Đình thực ra là hai giai đoạn của một cuộc thi). Trúng tuyển kì thi này được gọi là Tiến sĩ. Đỗ Tiến sĩ có thể được bổ làm quan.

- Giun đất là động vật có đốt, gồm khoảng 2500 loài, chuyên sống ở vùng đất ẩm.

2. Phương pháp liệt kê

Kể ra lần lượt các đặc điểm, tính chất của sự vật theo một trật tự nào đó.

Ví dụ:

- Tại đây có một số hiện vật quý: bên trái có chuông Bích Ưng đại chung (chuông lớn của nhà Giám) do Nguyễn Nghiễm đúc năm 1768, bên phải có một tấm khánh đá, mặt trong có hai chữ Thọ Xương, mặt ngoài khắc bài minh viết kiểu chữ lệ, nói về công dụng của loại nhạc khí này. Tiếp sau Đại Bái là Hậu Cung nơi đặt tượng Khổng Tử và 4 môn đệ là Nhan Tử, Tăng Tử, Mạnh Tử, Tử Tư (Văn Miếu).

3. Nêu ví dụ cụ thể

Phương pháp này giúp người đọc hiểu được sự lợi hại của một hiện tượng nào đó.

Ví dụ:

- Theo các nhà khoa học, bao bì ni lông lẫn vào đất làm cản trở quá trình sinh trưởng của các loài thực vật bị nó bao quanh, cản trở sự phát triển của cỏ dẫn đến xói mòn ở các vùng đồi núi. Bao bì ni lông bị vứt xuống cống làm tắc các đường dẫn nước thải, làm tăng khả năng ngập lụt của các đô thị về mùa mưa. Sự tắc nghẽn hệ thống cống rãnh làm cho muỗi phát sinh, lây truyền dịch

bệnh. Bao bì ni lông trôi ra biển làm chết các sinh vật khi nuốt phải. Đặc biệt, bao bì ni lông màu đựng thực phẩm làm ô nhiễm thực phẩm do chứa các kim loại như chì, ca-đi-ni gây tác hại cho não và là nguyên nhân gây ung thư phổi. Nguy hiểm nhất là khi các bao bì ni lông thải bị đốt, các khí độc thải ra đặc biệt là chất đi-ô-xin có thể gây ngộ độc, gây ngất, khó thở, nôn ra máu, ảnh hưởng đến các tuyến nội tiết, giảm khả năng miễn dịch, gây rối loạn chức năng, gây ung thư và các dị tật bẩm sinh cho trẻ sơ sinh...

"Thông tin về Trái Đất năm 2000"

4. Dùng số liệu (con số)

Ví dụ:

- Trong số báo đầu tháng 9, tạp chí Forbes Mỹ đã thực hiện cuộc thống kê về công ăn việc làm với kết quả như sau:

Thu nhập cao nhất	*Bác sĩ phẫu thuật*	*Nha sĩ*	*Đầu bếp*
Thu nhập thấp nhất	*Bồi bàn*	*Cưa xẻ gỗ*	*Thợ lợp nhà*
Nghề nguy hiểm nhất	*Tài xế xe tải*	*Lính cứu hỏa*	*Ngư dân*

Ba nghề được trả lương cao nhất ở Mỹ đều liên quan đến việc chữa trị cơ thể con người. Các bác sĩ và nhà phẫu thuật có thu nhập cao nhất. Tính trung bình năm 2001 họ kiếm được hơn 138.400 đôla mỗi người. Tại Mỹ hiện có 598.000 người làm nghề này (có giấy phép hành nghề và bằng cấp hẳn hoi). Các nha sĩ xếp hàng thứ 2, 152.000 nha sĩ ở Mỹ có thu nhập trung bình 129.030 đô la mỗi người (2001). Các bác sĩ nhi khoa xếp thứ 5 về thu nhập, 18.000 bác sĩ nhi khoa ở Mỹ kiếm được 107.560 đô la mỗi người (2001). Xen vào giữa 5 vị trí trên cùng về thu nhập là các tổng giám đốc và giám đốc công ty (CEO) - 547.000 CEO kiếm được 113.810 đô la mỗi người trong năm.

5. Phương pháp so sánh

Phương pháp so sánh có tác dụng làm nổi bật bản chất của vấn đề cần được thuyết minh.

Ví dụ:

Có người bảo: Tôi hút, tôi bị bệnh, mặc tôi!

Xin đáp lại: Hút thuốc là quyền của anh, nhưng anh không có quyền đầu độc những người ở gần anh. Anh uống rượu say mèm, anh làm anh chịu. Nhưng hút thuốc thì người gần anh cũng hít phải luồng khói độc. Điều này hàng nghìn công trình nghiên cứu đã chứng minh rất rõ.

Vợ con, những người làm cùng phòng với những người nghiện thuốc cũng bị nhiễm độc, cũng đau tim mạch, viêm phế quản, cũng ung thư. Anh có quyền hút, nhưng có mặt người khác, xin mời anh ra ngoài sân, ngoài hành lang mà hút.

Tội nghiệp thay những cái thai còn nằm trong bụng mẹ, chỉ vì có người hút thuốc ngồi cạnh mẹ mà thai nhiễm độc, rồi đẻ non, đẻ ra đã suy yếu. Hút thuốc cạnh một người đàn bà có thai quả là một tội ác.

***Ôn dịch, thuốc lá* – Nguyễn Khắc Viện**

6. Phương pháp phân loại, phân tích

Đối với những loại sự vật đa dạng, người ta chia ra từng loại để trình bày. Đối với sự vật có nhiều mặt, người ta chia ra từng mặt để thuyết minh.

Ví dụ: Muốn thuyết minh về một thành phố, có thể chia thành từng mặt.

1. Vị trí địa lí
2. Khí hậu
3. Dân số
4. Lịch sử
5. Văn hóa và con người
6. Địa danh và sản vật

Ghi nhớ

Để làm bài văn thuyết minh, trước hết phải nhận thức rõ yêu cầu của BÀI THAM KHẢO là cung cấp tri thức khách quan, khoa học về đối tượng thuyết minh.

- **Người làm bài phải quan sát, tìm hiểu kĩ lưỡng, chính xác đối tượng cần thuyết minh, tìm cách trình bày theo trình tự thích hợp sao cho người đọc dễ hiểu.**
- **Sử dụng ngôn từ chính xác, diễn đạt rõ ràng, mạch lạc.**

11. Thuyết minh về kính đeo mắt.

Bài tham khảo

I. NGUỒN GỐC KÍNH ĐEO MẮT

Kính đeo mắt có hai loại là kính mát và kính thuốc.

Bạn sẽ bất ngờ khi biết rằng kính mát không chỉ đơn thuần là bảo vệ mắt dưới ánh nắng mặt trời, chúng ta hãy cùng quay về thời kì cổ đại của thành Rome và Trung Hoa để biết thêm về lịch sử của kính mát. Người ta kể lại rằng, trước đây hoàng đế cổ đại của thành Rome là Nero rất thích xem các trận chiến của các võ sĩ giác đấu qua cặp kính mát được gắn đá quý sáng lóa. Còn ở Trung Hoa, kính mát ra đời từ thế kỉ XII hoặc thậm chí còn sớm hơn. Kính mát lần đầu tiên được sản xuất với thấu kính là tròng kính phẳng có màu thạch anh khói. Loại kính này có thể làm mắt người nhìn không được rõ và cũng không có chức năng bảo vệ mắt khỏi tia tử ngoại, đặc điểm duy nhất của loại kính mát lúc này là giảm ánh sáng chóa cho mắt.

Kính mát không có sự thay đổi lớn nào về kỹ thuật cho đến thế kỉ XVIII sau một thí nghiệm của Jame Ayscough. Ông đã thử nhuộm màu cho tròng kính, ông tin chắc rằng tròng kính được nhuộm màu xanh sẽ giúp người sử dụng nhìn rõ hơn khi đeo kính. Lúc này Ayscough vẫn chưa biết đến việc sản xuất kính mát có khả năng chống tia tử ngoại.

Năm 1929, tại Mỹ, Sam Foster đã tạo ra một cuộc thay đổi lớn về kỹ thuật để đưa kính mát đến gần với đại đa số người tiêu thụ hơn, kính mát lúc này được thiết kế có khả năng chống lại tia tử ngoại mặt trời. Foster rất nhanh nhạy bán loại kính này đến dân tắm nắng dọc bờ biển thành phố Atlantic, New Jersey và Woolworth.

Nguồn gốc kính có khả năng bảo vệ mắt khỏi nắng bắt nguồn từ Không lực Hàng không Mỹ. Thập niên năm 1930, nhiệm vụ của Bausch và Lomb là tạo ra cặp kính bảo vệ phi công khỏi ánh sáng chói, nhận dạng được độ cao ánh sáng hắt từ mặt biển. Edwin H Land là người phổ biến kỹ thuật này, ông cũng là người phát minh ra camera Polariod với thấu kính phân cực màu vàng có khả năng chống lóa. Thấy được thị trường tiềm năng của loại kính này, năm 1937 họ đã đăng ký thương hiệu Ray Ban cho nó và quảng cáo loại kính này như là vật bảo vệ đến các anh hùng Mỹ, những người năng động và đam mê thể thao.

Vào năm 1936, kính mát trở nên rất phổ biến khi Edwin H. Land ứng dụng phát minh bộ lọc Polaroid của mình vào việc sản xuất kính. Vào thời điểm này, đã có rất nhiều người Mỹ quan tâm đến việc đeo kính mát. Các ngôi sao nổi tiếng, các nhạc công bắt đầu đeo kính trong khi trình diễn. Họ dùng kính mát ngoài chức năng bảo vệ mắt, còn như là một món đồ thời trang giúp cho họ có một phong cách rất "cool". Kính mát đã trở thành một "hiện tượng văn hóa", nhiều người đã rất thích đeo kính mát không chỉ vì nắng, thậm chí khi họ đang ở trong nhà.

Kính mát ngày càng thành công to lớn hơn nhờ vào Thế chiến thứ II nổ ra và phong cách "Coolness" của các phi công mang nó. Ngay tức thời, quảng cáo kính mang hình ảnh của các quý bà trứ danh cùng với các phi công mang kính thể thao Ray-Ban. Hãy xem Đại tướng Arthur, chỉ huy trưởng trung đoàn bay Pacific trong Thế chiến II mang kính hiệu Ray-Ban, cùng với tẩu thuốc và đầu đội nón chỉ huy đem đến hình tượng vừa cao quý, vừa huyền thoại và đáng kính đến nhường nào.

Foster Grant, nhân vật đầu tiên giới thiệu kính mát đến Hợp chủng quốc Hoa Kì, cũng như Bausch và Lomb, đã rất thành công vào thập niên năm 60 khi giới thiệu các nhân vật nổi tiếng đeo kính mát. Cuộc cách mạng quảng cáo kính đã thành công đến nỗi vào thập niên năm 70 có khi nó mang lợi nhuận đến hàng tỷ đô la. Ngày nay, thời trang kính đã ăn sâu vào tiềm thức văn hóa tiêu dùng ở Mỹ, châu Âu và châu Á, với hàng trăm nhà sản xuất kính từ những chiếc nhỏ xíu rẻ tiền cho trẻ con đến kính hàng hiệu có thể nghe cả nhạc MP3, mặc dầu các nhà quảng cáo không bao giờ giới thiệu kính như là một sản phẩm bảo vệ sức khỏe tuyệt đối, với hàng ngàn minh chứng cho thấy nhiều tác hại từ kính dỏm như là đục thủy tinh thể, ung thư thì kính mát vẫn là vật dụng không thể thiếu.

Ngày nay, kính mát ngày càng có nhiều tiện ích, bảo vệ mắt khỏi tia tử ngoại trở thành tiêu chí trong công nghiệp sản xuất kính và đã xuất hiện nhiều loại kính mát chuyên dụng cho thể thao.

Hiện nay kính mát được nhuộm rất nhiều màu và thay đổi rất nhiều kiểu dáng. Quy ước cho "kính thuốc" là phải thay đổi màu sắc khi tiếp xúc với ánh sáng mặt trời. Năm 2004, Oakley phát triển thương hiệu kính có gắn phụ kiện tai nghe kỹ thuật số. Ngày nay, nhiều người mù đeo kính, các nhân vật nổi, minh tinh điện ảnh cũng đeo kính, thậm chí các nhân vật trong tiểu thuyết cũng đeo kính. Kính mát đã đi một chặng đường phát triển rất dài từ thuở sơ khai xuất hiện tại Rome và Trung Hoa.

Bên cạnh đó, các nhà khoa học cũng nghiên cứu ra loại kính thứ hai là kính dùng cho những người bị cận thị hay viễn thị, loạn thị, loại kính này được nhân dân ta gọi là " *kính thuốc*"

CÁCH CHỌN KÍNH THUỐC:

Ngoài việc bảo vệ sức khỏe cho đôi mắt, kính đeo mắt ngày nay còn được xem như một món thời trang với mẫu mã, màu sắc, công dụng và chất liệu ngày càng đa dạng. Tuy nhiên việc chọn một cặp kính thích hợp và đảm bảo được chất lượng không đơn giản như bạn nghĩ.

A. Những nguyên tắc để chọn kính thuốc:

Đối với kính có độ (kính thuốc) phải đạt những tiêu chuẩn sau:

1. Kính phải bền, khó vỡ, được điều chế bằng những loại thủy tinh đặc biệt đồng nhất và có chiết xuất cao, khó trầy xước.
2. Vị trí đeo trước mắt phải đúng tâm, nếu không sẽ gây mỏi mắt, nhức đầu, đau cổ.
3. Gọng kính áp sát trên mũi, tạo cảm giác nhẹ nhàng nhưng chắc chắn. Kính không được lỏng lẻo vì dễ gây trượt.
4. Gọng áp nhẹ và song song với trán, phần gọng ở tai không được chặt quá.

B. Chọn tròng kính thích hợp

Hiện nay trên thị trường có hai loại tròng:

- *Tròng nhựa*: được tổng hợp từ các loại nhựa hữu cơ.

Ưu điểm: nhẹ, không vỡ. Khuyết điểm: dễ trầy xước, sau một thời gian sử dụng độ trong suốt sẽ giảm. Với các tiến bộ khoa học kĩ thuật, hiện đã có loại tròng kính rất mỏng, không vỡ và khó bị trầy xước gọi là kính siêu mỏng.

- *Tròng thủy tinh*. Ưu điểm: không trầy, giữ được độ trong suốt lâu.

Khuyết điểm: dễ vỡ, thường nặng, nhất là những kính có độ cận viễn cao.

C. Những đặc tính khác nhau của các loại tròng

Tùy theo cá tính, nghề nghiệp, quan điểm thẩm mĩ, bệnh tật mà mỗi người sẽ chọn cho mình một loại tròng với các đặc tính phù hợp.

- *Kính nhựa*: thường dùng cho những người ít cẩn thận hay trẻ em để tránh bị vỡ.

- *Kính đổi màu:* là những loại kính có màu thay đổi khi ra ngoài nắng hay vào trong nhà. Khi ánh sáng càng mạnh thì màu kính càng sậm, loại kính này giúp cho mắt nhìn khỏi chói, mát mắt, đỡ nhức đầu.

- *Kính ngăn chặn tia cực tím UV*: Khi ra ngoài nắng lâu, các tia cực tím có thể sẽ gây các bệnh về mắt như: viêm giác mạc, cườm, phỏng võng mạc, suy thoái hoàng điểm, làm mắt mờ dần. Vì vậy khi ra nắng, chúng ta nên đeo kính để ngăn chặn tia cực tím. Kính màu không ngăn chặn được tia cực tím mà chỉ có tác dụng làm giảm ánh sáng đến mắt.

- *Kính chống chói:* là những loại tròng được chế tạo đặc biệt, có phủ một lớp hóa chất để loại bỏ các tia phản chiếu. Khi đeo kính, mắt sẽ không bị chói và dễ chịu hơn. Kính này được dùng cho những người lái xe vào ban đêm hay thường xuyên phải làm việc ở những nơi có nhiều đèn, ánh sáng nhân tạo (máy tính, máy ảnh, truyền hình...).

- *Kính siêu mỏng*: là những kính rất nhẹ có tính thẩm mĩ cao, thường được dùng cho những người cận viễn nặng hay mổ cườm không đặt thủy tinh thể nhân tạo.

- *Kính đơn tiêu*: là những kính có cùng một độ hội tụ để điều chỉnh cận thị, viễn thị, loạn thị hay cườm.

- Kính lưỡng tiêu hay kính hai tròng: có thể giúp mắt nhìn được xa và gần (đọc sách).

- Kính đa tiêu hay kính có độ tăng dần (cấp số): có thể giúp mắt nhìn được mọi khoảng cách từ xa đến gần. Khi mới đeo loại kính này, có thể mắt hơi bị lóa nhưng sau một thời gian sẽ quen dần.

D. Làm sao biết kính có chất lượng tốt?

Chất lượng của các loại kính đeo mắt (dù là kính mát hay kính có độ, từ rất rẻ đến loại đắt tiền) đều phụ thuộc vào hai thành phần chính.

Phần tròng: Dù bằng thủy tinh hay nhựa đều phải đồng nhất và trong suốt, có độ bền tốt, không dễ vỡ, không dễ xước (nhất là loại kính nhựa), chiết xuất cao và nhẹ; phải ngăn chặn được tia cực tím khi ra nắng nhìn được chính xác, không gây lóa mắt, không làm mỏi và bảo vệ được mắt.

Các loại kính rẻ tiền do không đạt những tiêu chuẩn này, do vậy khi đeo thường gây ảnh hưởng xấu cho mắt. Ví dụ như kính làm bằng thủy tinh không chất lượng (kính cưa) dễ gây nhức đầu, rất nguy hiểm khi lái xe.

Kính không ngăn ngừa được tia cực tím: ra nắng nhiều có thể gây một số bệnh về mắt.

Khi cho trẻ em đeo kính, nên chọn những kính khó vỡ, khó trầy xước, gọng mềm, ôm sát mắt mà không gây khó chịu cho trẻ.

E. Nên mua kính ở đâu?

Sau đây là một số tiêu chuẩn của các tiệm kính thuốc (có tính hướng dẫn) mà các bạn có thể đến mua:

- Tiệm phải có nhân viên đã được huấn luyện chuyên ngành (ở Mỹ là các Ophthometrist, ở nước ta là các kĩ thuật viên khúc xạ và mắt kính).
- Tiệm đã mở lâu năm, nhân viên có nhiều kinh nghiệm.
- Nếu cần phải có bác sĩ chuyên khoa phụ trách. Tuy nhiên, không phải bác sĩ nhãn khoa nào cũng am hiểu về kính và khúc xạ. Muốn biết phải học thêm về ngành này. Khoảng 20 năm trước, Thành phố Hồ Chí Minh có bệnh viện Điện Biên Phủ (nay là BV. Mắt) có mở các lớp về khúc xạ cho một số bác sĩ nhãn khoa.
- Có đầy đủ trang thiết bị để đo và khám mắt đúng tiêu chuẩn.
- Không nên tin vào những lời quảng cáo hay hình thức bên ngoài (một tiệm kính thuốc không nhất thiết phải quá lớn hay hào nhoáng).

Mộc Lan

12. Thuyết minh về cây bút.

DÀN Ý

I. Mở bài:

- Giới thiệu về ngôn ngữ loài người.
- Giới thiệu về cây bút bi.

II. Thân bài:

1. Sự tiến triển của cây bút.
2. Công dụng.
3. Phân loại và chất liệu.
4. Chất liệu và giá cả.

III. Kết luận:

Một câu chuyện vui về "ngòi bút".

BÀI THAM KHẢO

"Nghe tin em vào đại học
Nửa tin nửa ngờ tên lại trùng tên.
Hôm nay nhận được thư em
Nét chữ nghiêng nghiêng cười trên giấy trắng".

Vâng, nét chữ đã đi liền với văn hoá con người. Để có một nét chữ *"cười trên giấy trắng"*, ta không thể không nói tới cây bút. Cây bút đã đi liền với văn minh nhân loại.

Nhu cầu viết chữ của con người đã xuất hiện trước khi có cây bút. Người tiền sử viết và vẽ bằng cách khắc trên đá hoặc dùng bột màu, gạch màu vẽ trên hang động. Cách đây mấy trăm năm, người phương Tây dùng lông cánh của loài ngỗng để chấm mực viết. Trong lúc đó, người Á châu lại dùng lông thỏ để kết thành ngòi bút. Thế kỉ XX-XXI này mới phát sinh ra bút máy và bút bi. Khi chất liệu thay đổi thì hình dạng bút cũng thay đổi theo. Thời Nho học, bút của người Á châu bằng lông thỏ gắn vào trúc, mực là một chất rắn được mài hàng giờ mới trở thành chất lỏng. Khi nền Nho học cáo chung, nhường chỗ cho Tây học thì nước ta xuất hiện bút chì, bút mực. Bút chì làm bằng gỗ được khoét một ống dài. Ở giữa ống đó đựng chì. Chì là một loại gỗ mềm đã được đốt cháy. Khi viết nó phát sinh ra một màu đen mịn. Với thời gian, chì được pha chế bằng hoá chất, trong những nhà máy tối tân. Độ đen của chì được quy định bằng các con số từ 1B đến 4B, 5B, v.v... Bút sắt là loại bút có ngòi làm bằng sắt, gắn vào một quản gỗ sơn đủ màu xinh tươi. Chiếc ngòi bút dài độ 2 – 3cm, có một đường rãnh nhỏ. Thầy trò chấm mực mà viết độ 5 –3 dòng. Khi mực khô lại chấm tiếp. Nó xuất hiện ở nước ta khoảng giữa thế kỉ XX và sau đó nó bị thay thế bằng bút máy.

Bút máy là loại bút được chế tạo bằng nhựa, kim loại. Xuất hiện ở phương Tây khoảng giữa thế kỉ XX. Ngòi bút là kim loại tổng hợp, không rỉ sét, có khi còn được mạ vàng. Trên ngòi bút là một ruột bút bằng chất dẻo, đàn hồi như piston để bơm một số lượng mực, có thể viết trong thời gian vài ngày. Vỏ bút máy làm bằng nhựa tổng hợp với nhiều màu sắc phong phú, kiểu dáng và chất lượng đa dạng để phù hợp với túi tiền của nhiều người trong xã hội.

Cuối cùng, thập niên 70 của thế kỉ XX lại sinh ra một loại bút thay thế cho bút máy. Loại bút phổ biến nhất ngày nay được sử dụng khắp nơi là bút bi. Bút bi tiếng Pháp viết là *bille*, gọi theo tên của một công ti Pháp, còn gọi là bút *Bic*, hoặc *bút nguyên tử*. Bút bi có chứa một ống mực đặc hơn mực của bút máy. Dưới cùng là một ngòi bút kim loại, có bộ phận quan trọng là một viên bi nhỏ xíu. Khi viết, viên bi lăn tròn, hé một khe nhỏ cho mực chảy ra, mực được in lên giấy là nhờ chuyển động lăn của một viên bi nhỏ có đường kính khoảng từ 0,7cm đến 1mm gắn ở đầu ống chứa mực.. Loại mực dùng cho bút bi khô rất nhanh sau khi được viết lên giấy.

Từ đó xã hội Việt Nam xuất hiện từ "viết bi" hay còn gọi là "viết bic". Ngày nay viết bi của hãng Bic bên Mỹ vẫn còn đó nhưng mỗi đất nước đều chế ra nhiều loại bút tương tự như vậy, chúng chỉ khác nhau về chất liệu, kiểu dáng, màu sắc và giá tiền. Có hai loại bút bi chính: Loại dùng một lần và loại có thể nạp mực lần sau. Loại dùng một lần chủ yếu làm bằng loại nhựa rẻ tiền có thể bỏ đi khi hết mực. Loại có thể nạp lại mực thường được làm bằng kim loại hoặc nhựa tốt. Ống mực để nạp lại gồm một ống mực và một đầu bi gắn liền với nhau. Bút bi có thể có nắp đậy khi không dùng đến hoặc cũng có loại có thể kéo đầu bi vào bằng một lò xo. Cách kéo đầu bi có thể là bấm nút, hay xoay thân bút. Có một loại bút bi hiệu là *Space pens, được thiết kế để viết trong trạng thái chân không. Do Fisher phát minh ra. Nó dùng khí nén để dồn mực vào đầu ngòi bút. Do đó bút này có thể viết khi lật ngược đầu bút, hoặc viết trong trạng thái chân không, thí dụ như các phi hành gia rời xa mặt đất, lên mặt trăng, ngồi trên phi thuyền.v.v...*

Những năm gần đây, bút bi cũng trở thành phương tiện sáng tác nghệ thuật. Những tác phẩm được giới thiệu ở một số trang web như biro_art.com và birodrawing.co.uk. nhiều người cũng dùng bút bi để vẽ hình lên người họ, còn được gọi là hình xăm bằng bút bi. Vì lí do này, cùng với sự phổ biến đối với trẻ nhỏ, quy định quan trọng trong nhiều nước trên thế giới hiện nay về thành phần mực bút bi là không gây độc hại.

Kiểu bút hiện đại nhất mà người đi học, đi làm không thể không biết là loại bút *lông kim*. Ban đầu bút lông kim là loại bút mực đen cao cấp được chế tạo ra với những quy định chặt chẽ về kích thước, để dành cho các kiến trúc sư và hoạ sĩ vẽ kĩ thuật hoặc sáng tác tranh ảnh. Phần ruột của nó được cấu tạo tương tự như bút máy nhưng ngòi là một ống kim loại nhỏ kèm theo một chất lông mềm cuối ngòi với kích cỡ từ 0,3mm đến 0,5; 0,7mm, những năm gần đây bút lông kim được dùng rộng rãi trong học sinh cấp 2 và 3 với nhiều màu sắc.

Đi liền với văn hoá và nghệ thuật nhân loại, cây bút đã giúp con người làm ra bao nhiêu tác phẩm. Nguyễn Du cũng một lần tả về cây bút của một người tương tư:

"Trúc se ngọn thỏ, tơ chùng phím loan"

Khi đại văn hào Pháp đi qua cảnh một quốc gia, đã khai với nhân viên hải quan: "Sống bằng ngòi bút" và nhân viên ấy ghi rằng: "Victor Hugo: buôn bán bút". Đó là một câu chuyện cười ý nhị nhất về cây bút mà tôi được đọc.

Mộc Lan

13. Thuyết minh về đôi dép lốp.

I. NGUỒN GỐC ĐÔI DÉP LỐP

Hồi chiến tranh, miền Bắc nghèo lắm. Tất cả các loại dép tạm gọi là *"thời trang"* thời đó như dép nhựa Tiền Phong, dép Thái Lan (mà sau này ở miền Nam gọi là dép Lào)... đều không thể trang bị cho quân đội được, một phần vì đắt, một phần vì cấu trúc không phù hợp.

Dép gì có thể đạt được cả 3 yêu cầu: rẻ, khá chắc chắn và dễ sử dụng?

Hồi ấy, lốp (vỏ) xe ô tô cũ thải ra rất nhiều mà không thể sử dụng vào việc gì khác (ngoài việc làm đệm chống va cho tàu thủy), thế là có một sáng kiến phát sinh: cắt lốp cũ làm đế, săm (ruột) ô tô cũ làm quai.

Đôi dép lốp ra đời từ đấy. Loại dép này trong Nam gọi là "dép râu".

II. MIÊU TẢ ĐẶC ĐIỂM ĐÔI DÉP LỐP

Đôi dép lốp chỉ là một phần rất nhỏ được cắt từ chiếc lốp ô tô quân sự của thực dân Pháp bị quân và dân ta phục kích tiêu diệt tại một vùng căn cứ địa Việt Bắc năm xưa. Nó được đo cắt rất khéo, không dày cũng không mỏng, quai trước to bản, kiểu quai dép xăng–đan, rất chắc chắn. Dép lốp nhìn không bóng bẩy như giày, nhưng đạt yêu cầu: rẻ, dễ sử dụng và bền. Nhược điểm là đế quá cứng (dễ phồng chân) hay tuột quai, nên thời đó, trong xâu chìa khóa của mỗi người thường có thêm cái *"rút quai dép"*.

Tuy nhiên nó đã được trang bị cho quân đội cách mạng trong một thời gian dài.

Về sau này, khoảng đầu thập niên 1970, bộ đội mới được trang bị dép "đúc". Nó có cấu trúc giống dép lốp, nhưng đế bằng cao su đúc nên mềm, nhẹ và nhẵn (láng) hơn, quai chắc chắn hơn, người sử dụng thấy dễ chịu hơn.

Điều đáng ngạc nhiên là đôi dép lốp đã trở thành đề tài, nguồn cảm hứng sáng tác của rất nhiều giới văn, nghệ sĩ cả trong và ngoài nước. Đôi dép lốp không chỉ bên cạnh các chiến sĩ trong cuộc sống thường nhật mà còn cùng Bác đi khắp mọi miền của Tổ quốc thân yêu và đến với bầu bạn xa gần trên thế giới. Trong cả bốn mùa: xuân, hạ, thu, đông, đều có thể sử dụng đôi dép lốp; riêng vào mùa đông, Bác Hồ thường đi thêm đôi tất vải để giữ ấm cho chân.

* Khi tới thăm đồng bào, đặc biệt thăm hỏi động viên bà con nông dân, Bác Hồ cũng đi dép lốp, mặc bộ quần áo nâu chàm, trông rất giản dị và gần gũi. Có khi Bác còn tháo dép xách tay, xắn quần đi trên đồng nước bùn lầy cùng với bà con. Đôi dép của Người lúc nào trông cũng sạch sẽ và đen bóng. Ở bất kì nơi đâu, nhân dân cũng nói về đôi dép của Bác như một báu vật mà họ muốn chiêm ngưỡng. Đặc biệt là các cháu thiếu nhi, khi Bác tới thăm, chúng đã tìm mọi cách để được sờ tận tay và được tận mắt ngắm nhìn đôi dép của Bác. Rồi đến những chiến sĩ ngoài đảo xa, có dịp Bác về thăm cũng tranh nhau được sửa sang lại chiếc dép cho Bác được chắc chắn hơn.

Đặc biệt, một lần đến thăm Thủ đô Niu Đêli – Ấn Độ, câu chuyện về đôi dép lốp của Bác càng có thêm nhiều điều ngạc nhiên thú vị. Khi Bác tiếp các quan chức cấp cao trong Chính phủ Ấn Độ, họ đều chú ý nhìn vào đôi dép dưới chân Người, họ luôn liếc nhìn với vẻ lạ lùng và rất đỗi trân trọng. Báo chí đặc biệt bài nào cũng nói về đôi dép cao su của Bác như một chuyện lạ, một huyền thoại về một con người tuyệt vời của thế kỉ lúc bấy giờ.

Người dân Ấn Độ đã tỏ rõ lòng ngưỡng mộ đến kì lạ về đôi dép lốp này. Khi Bác Hồ tới thăm một ngôi đền lớn và cổ kính của Ấn Độ thì có một chuyện lạ xảy ra. Lúc Bác bước vào trong đền, để lại đôi dép bên ngoài thì bất ngờ có hàng trăm phóng viên báo chí, nhiếp ảnh, quay phim ập đến vây kín đôi dép cao su của Bác. Họ như phục sẵn từ rất lâu rồi, một số phóng viên còn cúi xuống dùng tay sờ, nắn đôi dép tỏ vẻ lạ lùng và trịnh trọng. Sau đó họ vội vàng ghi chép lại những gì mình vừa thấy. Từ những góc độ, cự ly khác nhau, các phóng viên thi nhau bấm máy, họ chen nhau để có được những vị trí thuận lợi. Rồi tiếp theo đó là cảnh đám đông dân chúng kéo đến từ các ngả, ùa vào để được ngắm nghía đôi dép. Có những tấm ảnh chụp đặc tả về đôi dép cao su này với những suy ngẫm khác nhau. Đôi dép đã cùng Bác vào sinh ra tử, nó chất chứa bao kỉ niệm sâu sắc và cảm động không thể nào quên. Kể cả khi đôi dép đã cũ, Bác cũng kiên quyết giữ lại để dùng, không muốn đổi đôi mới. Đức hy sinh cao cả của Bác đã được thể hiện qua câu nói: "Tôi chỉ có một ham muốn, ham muốn tột bậc là làm sao cho đất nước được tự do, độc lập, đồng bào ta ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành".

III. Ý NGHĨA CỦA ĐÔI DÉP LỐP

Có thể nói, đôi dép lốp có một chiều dài lịch sử – qua bao năm tháng – đã gắn bó cùng nhân dân và các chiến sĩ cách mạng từ những ngày đầu của cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ cho tới ngày thống nhất, xây dựng đất nước hòa bình.. Đôi dép cao su không chỉ có ý nghĩa quan trọng trong cuộc đời Bác mà với cả dân tộc Việt Nam. Qua hình ảnh đôi dép cao su, cũng cho ta thấy được đức tính giản dị, tiết kiệm đáng quý của người lính cách mạng. Không chỉ có vậy, nó còn chứa đựng bài học bổ ích là bài học làm người, sống sao cho có ích cho xã hội, cho đất

nước, luôn biết quý trọng sức lao động, mồ hôi, nước mắt của người dân. Phải luôn quan tâm tới bản chất bên trong chứ không chỉ chú trọng hình thức bên ngoài, cũng như đôi dép cao su tuy cũ nhưng mãi bền vững theo thời gian.

Đôi dép lốp có ý nghĩa vô cùng lớn lao và nhắc nhở chúng ta phải luôn biết nâng niu, trân trọng những giá trị của cuộc sống. Hình ảnh người chiến sĩ bước đi ung dung, thư thái với đôi dép lốp giản dị mà vẫn toát lên vẻ uy nghiêm lạ thường, lúc nào cũng khiến chúng ta ngưỡng mộ .

14. Bài viết số 3: Thuyết minh về chiếc nón lá.

Sao anh không về thăm quê em
Ngắm em chằm nón buổi đầu tiên
Bàn tay xây lá, tay xuyên nón
Mười sáu vành, mười sáu trăng lên.

Bài thơ đan nón _ Nguyễn Khoa Điềm

Nước Việt Nam nằm trong khu vực nhiệt đới gió mùa nên quanh năm nóng lắm, mưa nhiều. Cùng với tà áo dài thướt tha, tự bao giờ chiếc nón lá Việt Nam đã sinh ra và sống mãi theo bề dài của lịch sử văn hóa Việt Nam, và đi vào thơ ca, nhạc họa. Sau đây chúng ta hãy đi vào tìm hiểu thêm về chiếc nón lá đáng yêu này.

Không ai xác định được nón lá có từ bao giờ. Nhưng hình ảnh của nón lá đã có trên hình trống đồng Ngọc Lũ và trên tháp đồng Đào Thịnh từ khoảng 2500 đến 3000 năm trước. Nón lá có nhiều loại như nón Gò Găng (sản xuất ở Bình Định, làm bằng lá dứa, dùng cho người cưỡi ngựa), nón quai thao (sản xuất ở miền Bắc thế kỉ XIX), nón thúng và thứ nón thung nổi tiếng là nón Ba Tầm và nón bài thơ (ở Huế)

Về cấu tạo, nón lá là một loại nón phần lớn được làm bằng lá buông, lá dừa, lá gồi, lá cọ, lá hồ hay lá du quy diệp, cùng với tre trúc là nguyên vật liệu làm vành nón. Vật liệu đơn sơ bao nhiêu thì ngược lại, công phu làm nón lại tỉ mỉ bấy nhiêu.

Muốn làm một chiếc nón lá, đầu tiên phải có một cái khung làm nón. Khung làm nón này là một khối, hình chóp, làm bằng gỗ, hình dáng nó thô hay thanh do tùy vùng miền. Nón lá Huế có dáng thanh hơn nón lá Nam Bộ vì độ rộng nhiều và độ sâu của khung ít hơn.

Sau đó, phải đi lựa mua lá loại vừa tầm, phơi trong nắng chiều cho hơi se lại. Sáng hôm sau, ủi lá sao cho lá phẳng, láng mà không cháy trên những dụng cụ riêng. Sau khi tỉa bớt những đầu thừa đuôi thẹo của lá, đến giai đoạn chuốt nan tre. Việc này có thể do nam hay nữ làm, nhưng phải chuốt đều, bằng tre còn tươi, uốn thành những vòng tròn bóng bẩy, dẻo dai, cột lại bằng dây cước rồi xếp vào khuôn gỗ theo thứ tự từ nhỏ nhất ở đỉnh nón và lớn dần ...đến vành thứ mười sáu là vành cuối cùng. Kế đến, xếp lá lên đều đặn rồi bắt đầu chằm nón bằng kim nhỏ và những sợi cước trong suốt, mảnh như sợi chỉ, chạy theo mười sáu vành ấy. Chiếc nón đẹp hay xấu, có giá trị cao hay không còn do mũi khâu nhỏ hay to. Mũi khâu càng tỉ mỉ, chiếc nón càng mịn và đẹp, được xếp vào loại đắt tiền, dành cho những phụ nữ khuê các sang trọng sử dụng.

Nón bài thơ xứ Huế do một người tên là nghệ nhân Bùi Quang Bặc sáng chế ra vào những năm 1960, ngoài những nguyên liệu của nón lá khác, ông đã lấy giấy mỏng cắt thành những câu thơ, câu ca tình tứ, ép vào giữa hai lớp lá.

Khi soi lên nắng, hiện lên những câu thơ chan chứa hồn người bên cạnh hình ngôi chùa Thiên Mụ hay phong cảnh núi Ngự sông Hương.

Dù nón lá có nhiều loại, nhưng công dụng chung của nón lá thật là đa dạng. Ngoài việc che mưa tránh nắng, người đi xa, khát nước có đôi khi ghé vào dòng sông hay chiếc ao đầu làng mà múc nước giải khát, rửa mặt.

Nó còn có mặt khi người phụ nữ làm đồng, đi chợ, bán buôn hay chơi hội. Kèm theo nón lá là chiếc quai lụa, làm tôn lên vẻ yêu kiều sang quý của người phụ nữ Việt.

Chiếc nón còn làm duyên cho người con gái, phù hợp với nét tính cách kín đáo, tế nhị Á Đông, dưới vành nón, ẩn hiện một đôi mắt, một nụ cười hay che lấp một tâm trạng khó bày tỏ....đó chính là cái duyên của chiêc nón lá Việt Nam:

"Sao em biết anh nhìn mà nghiêng nón
Trời mùa thu mây che có nắng đâu?"

(*Thơ* Trần Quang Long)

Ca dao còn rất nhiều câu lục bát hay nói về nón lá như:

Anh về Bình Định ba ngày
Dặn mua chiếc nón lá dày, không mua.

Ở các vùng làm nón, ngày cưới, nhà giàu rước dâu bằng kiệu, chàng rể thì đội nón đi ngựa; còn những nhà nghèo cũng ráng sắm đôi nón ngựa cho cô dâu chú rể đội đầu, nên ca dao có câu:

Cưới nàng đôi nón Gò Găng
Xấp lãnh An Thái, một khăn trầu nguồn.

Hay: *"Chén tình là chén say sưa*
Nón tình em đội nắng mưa trên đầu".

(Ca dao)

Nếu nói đến các loại hình nghệ thuật múa, nước ta còn có điệu múa nón, và bao hình ảnh nghệ thuật, hội họa cũng lấy nón lá làm đề tài.

Đó là cái duyên thầm kín của văn hóa Việt mà du khách nước ngoài chẳng quản đường xa, thường mua về châu Âu, châu Mỹ sau khi rời đất nước ta.

Dù bây giờ đời sống thị thành trên chiếc xe gắn máy cần kèm theo chiếc nón bảo hiểm, nhưng chúng ta hy vọng nón lá Việt Nam còn sống mãi với dân tộc Việt Nam. Một người Việt xa xứ, giảng dạy ở Đại học Washington đã có những suy nghĩ rất hay về nón lá: "*Tôi đã đi khắp bốn phương trời, đã thấy nhiều kiểu mũ, nón của nhiều nước và nhiều dân tộc, nhưng chưa thấy kiểu nón nào bình dị, đoan trang, yêu kiều và duyên dáng, đơn sơ và thực tiễn như chiếc nón lá Việt Nam*".

Mộc Lan

15. Thuyết minh về áo dài.

BÀI THAM KHẢO

Tục ngữ Việt Nam có câu: *Người đẹp vì lụa, lúa tốt vì phân*. Suy ngẫm nhiều, chúng ta thấy đúng là y phục góp phần quan trọng vào vẻ đẹp của mỗi con người, góp phần quan trọng vào sự thướt tha của phụ nữ.

Áo dài Việt Nam là loại trang phục truyền thống của Việt Nam, che thân từ cổ đến đầu gối hoặc quá đầu gối, dành cho cả nam lẫn nữ. Áo dài thường được

mặc vào các dịp lễ hội trang trọng, hoặc nữ sinh mặc khi đi học. Không ai biết áo dài nguyên thủy có từ lúc nào và hình dáng ra sao, nhưng theo những hình khắc trên trống đồng Ngọc Lũ cách đây vài nghìn năm, đã có hình phụ nữ mặc trang phục áo dài với hai tà xẻ. Sử gia Đào Duy Anh viết: Theo sách sử chép thì người Văn Lang xưa mặc áo dài cài nút về bên tả. Từ đó suy rằng trước thời Bắc thuộc người Việt gài áo về tay trái, sau bắt chước người Trung Quốc, mới mặc áo gài về bên phải.

Theo từng thời kì lịch sử mà chiếc áo dài có những thay đổi về chi tiết. Kiểu sơ khai của áo dài là áo giao lãnh, tương tự như áo tứ thân nhưng khi mặc thì không buộc hai vạt trước lại. Sau để tiện làm việc, áo giao lãnh được thu gọn thành áo tứ thân, gồm có hai vật trước và hai vạt sau. Áo tứ thân hợp với phụ nữ thôn quê quanh năm bươn chải, lao động đồng áng. Sau đó, áo ngũ thân ra đời, phù hợp cho phụ nữ tỉnh thành với sự biến đổi vạt nửa trước bên phải của áo tứ thân thu nhỏ, thành một vạt con. Vạt thứ năm nhỏ hơn, nằm dưới một vạt trước. Áo ngũ thân che kín thân hình, không để hở áo lót, mỗi vạt có hai thân nối sống, tượng trưng cho tứ thân phụ mẫu. Vạt thứ năm nằm dưới vạt trước, khép kín nhờ năm chiếc khuy, tượng trưng cho "ngũ thường" của Nho giáo và "ngũ hành" của triết học Đông phương. Đến thế kỉ XVIII, một số người Minh Hương bất mãn với nhà Thanh, sang Việt Nam lập nghiệp, mang theo một lối sắc phục của người Hoa. Để tạo bản sắc riêng cho dân tộc, Vũ Vương Nguyễn Phúc Khoát (1739-1765) đã ban hành một sắc dụ về ăn mặc cho toàn dân xứ Đàng Trong, đây là bước định hình quan trọng cho áo dài biến thành quốc phục Việt Nam: "Áo thì cổ đứng, cửa ống tay rộng hay hẹp tùy tiện, hai bên nách trở xuống phải khâu kín, không được xẻ mở..."

Nhưng có ý kiến cho rằng áo ngũ thân xuất hiện trong thời vua Gia Long (1802-1819). Năm Minh Mạng triều đình có chiếu chỉ cấm mặc váy mà phải mặc quần hai ống (vì áo ngũ thân phải mặc với quần hai ống, không thể mặc với váy) nên có câu ca dao:

" Tháng tám có chiếu vua ra
Cấm quần không đáy, người ta hãi hùng".

Những năm đầu thế kỉ này tà áo dài theo hai khuynh hướng: Phối hợp với y phục phương Tây, các nhà tạo mẫu cho ra đời những kiểu áo dài có dây kéo sau lưng. Những kiểu cổ áo trái tim, kiểu cổ thuyền. Khoảng 1930, họa sĩ Cát Tường sáng tạo ra kiểu áo dài mới bằng cách biến tứ thân, ngũ thân thành áo hai tà. Thân trên áo được may sát, ôm theo những đường cong của cơ thể tạo ra vẻ yêu kiều, gợi cảm rất độc đáo. Hàng nút cũng được chuyển dịch, cổ áo cũng nhiều thay đổi, và phong phú hơn, mặc với quần "sa tanh" trắng..., gọi là áo dài *"Le mur"*, nhưng có đôi người đưa ý kiến phản bác vì quá "*lai căng*". Vũ Trọng Phụng cũng có thái độ trong tác phẩm *Số đỏ*. **Một khuynh hướng khác của các** nhà tạo mẫu là khuynh hướng trở về nguồn. Các nhà thiết kế dùng những hoa văn hình chim hạc trên áo dùng để thiết kế ở thân trước áo dài, cổ áo dài hoặc dùng những hoa văn trên vải thổ cẩm để làm viền, những chiếc áo dài vừa duyên dáng vừa hiện đại vừa cổ điển, trang phục kèm theo áo dài cũng thay đổi theo thời gian như quần màu đen, trắng hòa cùng màu với áo, khăn đóng ngày nay thay thế bằng vương miện dùng trong ngày cưới của cô dâu.

Năm 1934, một họa sĩ khác là Lê Phổ đã bỏ bớt những nét lai căng và đưa vào những nét đẹp truyền thống của áo dài dân tộc, được nữ giới hoan nghênh nhiệt liệt.

Sau Cách mạng tháng Tám, đối mặt với giặc đói, giặc dốt, Bác Hồ vận động nhân dân bỏ thói quen mặc áo dài. Ngày hòa bình thống nhất, chiếc áo dài lại được cả nước ca ngợi và sử dụng. Nhờ sự khéo léo của những nhà thiết kế mà chiếc áo dài Việt Nam vừa tôn vẻ đẹp dịu dàng thể hiện nét kín đáo thướt tha của người phụ nữ Việt Nam. Vì sao vậy? Phần trên thường kín cổ, thể hiện vẻ kín đáo nhưng cũng làm hiện lên bờ vai và đôi tay trắng thon dài của cô gái rất đẹp. Nhờ cắt may khéo léo, phần trên thể hiện nét đẹp khỏe mạnh gọn gàng thùy mị của cô gái Việt Nam, đồng thời hai tà áo lúc mở lúc khép, quấn quýt trong gió tạo vẻ thướt tha dịu dàng của chiếc áo dài. Nét đẹp đó làm say mê bao văn nhân, thi sĩ Việt Nam, say mê bao khách nước ngoài khi giao dịch, tham quan du lịch Việt Nam. Nhà thơ Nguyên Sa đã viết nhiều bài thơ về áo dài Việt Nam như:

"Nắng Sài Gòn anh đi mà chợt mát
Bởi vì em mặc áo lụa Hà Đông
Anh vẫn yêu màu áo ấy vô cùng
Thơ anh viết vẫn nguyên màu lụa trắng".

Cố nhạc sĩ Văn Cao và Phạm Duy cũng đưa hình ảnh áo dài Việt Nam vào trong bài *"Bến xuân"* của mình *"Tà áo em rung trong giấc mộng ngập ngừng ngoài Bến xuân".* Đến thế kỉ XXI này, tuy xã hội Việt Nam đã theo nhiều trào lưu y phục phương Tây nhưng người ta vẫn không quên giữ gìn và phát huy vẻ đẹp của chiếc áo dài. Trong vài thập niên gần đây, tà áo dài đã là đồng phục quy định của nhiều công sở và trường học ngay cả dịp quan trọng như ngày tết, ngày lễ, ngày cưới, người ta cũng dùng áo dài làm trang phục cho cô dâu và phụ nữ. Với những loại vải quý phái, chất liệu đặc biệt như tơ tằm gấm, lụa và vẽ màu sắc lộng lẫy hoặc nhu hòa, chiếc áo dài đã giúp cho người phụ nữ Việt Nam tăng thêm vẻ trang trọng và tươi đẹp. Các nữ sinh mới lớn cắp sách đến trường trong tà áo dài trắng tăng thêm nét yểu điệu, tinh khiết, trong sáng và vô tư như những thiên thần.

Áo dài Việt Nam là một trong những nét đẹp truyền thống của người Việt Nam. Người nữ sinh trung học ngày nay nên tự hào khi được mặc chiếc áo này! Bảo vệ nét đẹp áo dài Việt Nam là bảo vệ văn hóa và phong tục của người Việt Nam, nó cũng là nguồn đề tài vô tận cho các thi nhân nghệ sĩ Việt Nam.

Mộc Lan

16. Đề: Thuyết minh về cây lúa Việt Nam.

DÀN BÀI CHI TIẾT

I. MỞ BÀI: *Giới thiệu cây lúa* và tầm quan trọng của nó đối với người Á Đông:

Tục ngữ Việt Nam có câu: "Con trâu là đầu cơ nghiệp" vì ông bà xưa đã đặt sự nghiệp trồng lúa lên hàng đầu.

II. THÂN BÀI

Sự phát triển của cây lúa:

_ Hạt giống phải ngâm trong nước ba sôi hai lạnh, vài ngày sau chúng đâm rễ, nông dân gieo hạt trên mảnh đất đã chuẩn bị sẵn.

_ Trước khi gieo hạt: người nông dân phải cày bừa kĩ, xới cho tơi đất.

_ Cây mạ lớn dần, được nhổ lên, bó lại từng bó.

_ Chuẩn bị đất ruộng cũng bằng cách cày bừa, bỏ phân, xới đất rồi đem mạ cấy xuống, cứ khoảng 3 tấc lại cấy mấy nhánh mạ.

_ Mạ bén rễ lớn lên thành cây lúa, màu xanh lá mạ chuyển dần sang màu xanh lá cây.

Tùy giống lúa, hoặc 3 tháng hoặc 6 tháng nó sẽ ra bông, trổ đòng đòng rồi kết hạt. Hạt lúa non màu xanh cốm, rồi chuyển dần sang màu vàng.

_ Khi lúa chín, hạt nẩy mầm no tròn và trĩu ngọt. Một ít lá lúa vàng úa là lúc báo hiệu đã đến lúc cắt lúa.

Ngày xưa người nông dân phải đập lúa, chuyên chở bằng sức người, ngày nay có cả máy tuốt lúa, máy cắt lúa và cả máy xay lúa, máy chà gạo. Có nhiều loại lúa truyền thống của nước ta như: nàng Hương, Tám Xoan, Nếp Ngỗng.

Hiện nay nước ta đã nhập thêm nhiều giống và lai ghép nhiều loại lúa mới như: Thơm Thái, Đài Loan, Tào Hương...

Sự sử dụng, chế biến hạt lúa:

_ Lúa nếp: Có thể lấy nếp non làm cốm, ở Hà Nội nổi tiếng với cốm làng Vòng. Từ cốm, người ta làm ra bánh cốm để ăn ngày thường hoặc dùng trong tiệc cưới hỏi. Từ cốm, người ta xào lên chế biến thành món cốm dẹp với các gia vị: đường, dừa nạo thành một món ăn rất hấp dẫn.

Từ hạt nếp người ta giã ra làm bánh giầy, bánh nếp nhân đậu hoặc nấu lên thành những món xôi: xôi đậu phộng, xôi đậu xanh, xôi lạp xưởng... đó là những món ăn không thể thiếu trong dịp lễ hội họp gia đình như tết nhất, giỗ kị, cưới xin...

Nếu hạt nếp để nguyên làm bánh, không ai quên món bánh chưng mà Lang Liêu làm để cúng tổ tiên ngày Tết.

_ Hạt gạo: sử dụng là món lương thực chính mỗi ngày. Dù người nghèo nhất đến người giàu nhất ở Á Đông. Nếu không chế biến thành cơm, người ta có thể xay thành bột để làm các món bánh như: bánh giò, bánh cuốn, bánh xèo, bánh đúc, bánh in, bánh lọt, bánh khọt, bánh bèo... là các món ăn được chế biến với những cách thức và gia vị khác nhau.

Ảnh hưởng của cây lúa đối với thơ ca, hội họa, nhiếp ảnh, âm nhạc: Lúa là đề tài cho các nghệ sĩ sáng tác. Từ kinh nghiệm trồng lúa, ông bà ta cũng đúc kết nhiều bài học quý báu truyền lại cho con cháu: "Tấc đất tấc vàng".

"Làm ruộng tháng năm, coi chăm tháng mười"
"Mồng chín tháng chín có mưa, mẹ con đi sớm về trưa mặc lòng
Mồng chín tháng chín không mưa, mẹ con bán cả cày bừa mà ăn"
"Ăn kỹ no lâu, cày sâu tốt lúa"
Ăn cơm làm cỏ, chẳng bỏ đi đâu".

III.KẾT LUẬN

Nỗi khổ nhọc, vất vả của người nông dân Việt Nam, hy sinh, thiệt thòi:

"Ai ơi bưng bát cơm đầy
Dẻo thơm một hạt, đắng cay muôn phần"

Ngày nay với kĩ thuật trồng trọt mới, phân giống mới nghề trồng lúa không những cung cấp lương thực cho người dân trong nước mà còn xuất khẩu đem ngoại tệ về hoặc đổi máy móc và các mặt hàng công nghệ khác ở các nước tiên tiến làm phong phú và nâng cao đời sống nước ta.

Mộc Lan

17. Đề: Thuyết minh về một giống vật nuôi.

DÀN BÀI GỢI Ý

I. Mở bài: Giới thiệu về con vật nuôi.

II. Thân bài

1. Giới thiệu tên gọi, xếp loại, hình dáng của con vật ấy.

2. Đời sống:

- Sự ăn uống
- Đặc điểm về cơ thể, sự trưởng thành, sự sinh sản
- Đức tính đặc biệt của con vật nuôi này.
- Những truyện kì thú về nó ở Việt Nam và thế giới.

III. Kết bài

BÀI THAM KHẢO

17. CON CHÓ

1. Chó là giống vật nuôi đầu tiên được con người thuần hóa cách đây mười ngàn năm vào cuối kỉ băng hà. Tổ tiên của loài chó bao gồm cả cáo và chó sói, là một loài động vật có vú. Loài chó mà chúng ta thấy ngày nay được tiến hóa từ một loài chó nhỏ, màu xám. Vào cuối kỉ băng hà, cách đây 40.000 năm, chó sói và người sống chung với nhau thành nhóm săn mồi theo bầy. Sau đó, con người đã thuần hóa chúng trở thành chó nhà. Trong tiếng Việt, chó được nhiều người gọi là con cầy. Có những tên gọi quen thuộc đặt cho nó như Cún, Ki Ki, nhưng cũng có nhiều người đặt cho nó nhiều tên kiểu cách. Nó thuộc động vật bốn chân, ăn tạp.

2. Chó có bốn chi: hai chân trước và hai chân sau: ngực nở, bụng thon, chân nó thường có bốn ngón và một ngón treo, móng con. Chó ăn uống rất dễ, thức ăn nhiều khi là cơm thừa, canh cặn của chủ. Một số chó Nhật, hoặc béc giê được cưng chiều, lại ăn những thứ như lá lách heo, thịt bò vụn.... Những con chó nào có bốn móng treo thường được gọi là *"tứ túc huyền đề"* đó là dấu hiệu của giống chó khôn. Xa xưa có câu.

"Chó khôn tứ túc huyền đề
Tai thì hơi cúp, đuôi thì hơi cong".

Chó có những loài rất nhỏ như chó phốc (chỉ lớn hơn mèo một chút), có những loài rất to như chó bẹc giê. Lúc mới ra đời, chó không có răng, nhưng sau bốn tuần tuổi, chúng được 28 răng. Khi mọc đầy đủ là 42 chiếc. Mắt chó có đến ba mí. Tai của chúng có thể nhận được 35.000 âm rung chỉ trong một giây. Đặc biệt: Khứu giác của chúng cũng nhạy bén tuyệt vời; nó có tài đánh hơi rất xa, phân biệt và ghi nhận được mùi của từng loại, có thể phân biệt gần 220 triệu mùi. Vì tai nó rất thính, nghe ngóng được, nhận rõ tiếng động rất nhẹ, nên người ta thường nuôi nó để canh trộm, săn bắt cướp. Xưa nay có nhiều câu chuyện, phim ảnh kể về những khả năng săn bắt cướp tài tình của chó. Nó đã cùng với các chiến sĩ vượt hiểm nguy để săn, lùng cho kì được những tên cướp dã man. Nhưng không chỉ thế, đặc tính nổi bật của nó là lòng trung thành. Nhiều câu chuyện có thật kể về con chó đi tìm chủ nửa vòng trái đất trong cả chục năm trời để được trở lại với chủ nghèo nàn ngày xưa. Khi nó về đến nơi thì nó đã già yếu lắm, bộ lông xơ xác, thân hình gầy gò. Còn ông chủ thì bệnh tật, vậy mà nó

mừng rỡ, quấn quýt bên ông còn hơn cả lúc ở với ông chủ nhà giàu. Khi ông chủ đau bệnh rồi chết, mọi người chôn ông ngoài nghĩa trang, nó cũng ra nằm ở mồ mả nhịn ăn mà chết. Những năm gần đây, chuyện lạ quốc tế còn kể về một người tuyên bố đám cưới với chó. Điều đó có nhiều điều khiến ta suy nghĩ: một là người ấy bất bình thường, hai là người ấy muốn cho thế giới biết rằng loài chó rất đáng yêu, đức tính trung thành của nó có thể kết bạn trăm năm với loài người, xứng đáng làm bạn tri ân tri kỉ với loài người.

Trong văn học Việt Nam, có những hình ảnh con chó nổi tiếng như con Vàng của *Lão Hạc*, trong văn học nước ngoài có con chó Buck của *Jack London*.

Gần đây trong nhiều phim ảnh Đông Tây, nó là nhân vật chính trong những cuốn phim nhiều tập, làm say mê bao nhiêu khán giả. Ở nước ta hiện nay đã nhập khẩu nhiều giống chó rất xinh xắn như chó xù Trung Quốc, chó Xù Nhật Bản, chó bécgiê Anh – Pháp – Mỹ – Đức. Việt Nam có một giống chó rất khôn, sức vóc cũng gần bằng bécgiê xuất xứ từ đảo Phú Quốc, gọi là chó Phú Quốc. Đời sống hiện nay văn minh, nước ta đã mở ra nhiều lớp huấn luyện chó để săn bắt cướp, đánh trộm, giữ nhà.

Ở một số nước kinh tế cao, người ta làm giàu bằng những dịch vụ chăm sóc chó như: làm nhà cho chó, thẩm mĩ viện chăm sóc chó, đồ hộp cho chó, tổ chức tang lễ cho chó...

Chó là một loài có ích hầu như không thể thiếu được trong đời sống con người. Dù nhà giàu hay nhà nghèo, dù cá nhân hay tập thể cơ quan luôn luôn có những người nuôi nấng, bảo vệ loài vật đáng yêu này.

Nhưng thỉnh thoảng có những con chó không may nhiễm phải vi rút lây bệnh dại sẽ trở nên vô cùng dữ tợn hung hăng cắn người, người nào bị cắn cũng điên và chết.... Cho nên nuôi chó phải có trách nhiệm chích ngừa bệnh dại cho nó. Một số người thiếu lòng nhân đạo chuyên làm nghề bán thịt chó, ăn thịt chó. Ở Việt Nam điều đó là bình thường, nhưng đối với các nước phương Tây thì nó là một sự tàn nhẫn.

Nếu ai có lòng thương yêu chó, nuôi nấng nó, sẽ hiểu hết được sự tinh khôn, tính trung thành của nó thì hãy có trách nhiệm chăm sóc nó cho chu đáo, để nó có thể sống trọn đời hạnh phúc với chúng ta.

18. CON TRÂU

Trâu là một loài động vật nuôi trong nhà, thuộc bộ trâu bò, là thú nhai lại. Xưa chúng sống hoang dã ở Nam Á, Đông Nam Á như Pakistan, Ấn Độ, Bangladesh, Nepal... và có cả miền Bắc châu Úc. Hiện nay trâu rừng còn tồn tại trong thiên nhiên nhưng không còn nhiều.

Riêng ở Việt Nam, trâu rừng còn rất ít, ở dọc theo dãy Trường Sơn. Di chỉ tìm được ở Phú Lộc, Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa cho thấy trâu Việt Nam đã được thuần hóa từ thời vua Hùng dựng nước. Trâu Việt Nam có nguồn gốc từ trâu rừng thuần hóa thuộc nhóm trâu đầm lầy. Thân hình vạm vỡ, thấp ngắn, có hình khối bầu dục, bụng to, bầu vú nhỏ, sừng dài hình lưỡi liềm, toàn thân phủ lớp lông màu xám hoặc xám đen. Nó thường có 2 vùng lông màu trắng ở dưới cổ và giữa hai sừng.

Trâu cái nặng trung bình từ 250 đến 400kg. Trâu cái mang thai từ 11 đến 11 tháng rưỡi, mỗi lứa đẻ từ 1 đến 2 con nghé. Trâu đực thường nặng hơn (trung bình từ 400 đến 450kg). Thức ăn chủ yếu của chúng là cỏ, bộ máy tiêu hóa có 4 ngăn

để thích hợp cho việc nhai lại. Khi ăn, nó dùng lưỡi vơ cỏ và cắt cỏ bằng răng cửa của hàm dưới. Sau khi bứt cỏ, nó nuốt ngay và chứa vào một túi rất lớn trong bao tử, một lát sau thức ăn được chuyển sang túi tổ ong. Khi nào nghỉ ngơi, nó đưa cỏ lên miệng nhai lại thật kĩ rồi chuyển sang túi thứ tư trong bao tử. Lên 3 tuổi, trâu cái có thể đẻ lứa đầu nhưng đến 45% trâu cái đẻ lứa đầu ở năm 4 tuổi. Trâu ở vùng núi sinh sản nhiều hơn ở đồng bằng (vùng núi 40 – 45%, đồng bằng 20 – 25%). Một đời con trâu cái thường sinh được 5 – 6 nghé. Nghé sơ sinh nặng từ 22 đến 25kg. Răng cửa bắt đầu mọc từ 3 tuổi và kết thúc thời kì sinh trưởng lúc 6 tuổi. Trâu có tính hiền lành thường vâng theo lời chủ, sức khỏe lại bền bỉ dẻo dai, ăn uống dễ, không tốn kém. Từ thuở khai thiên lập địa con người đã thuần hóa trâu để nó cùng khai phá thiên nhiên và tham gia sản xuất với mình. Nó có tầm quan trọng trong đời sống nông dân nên tục ngữ có câu:

- *Con trâu là đầu cơ nghiệp*
- *Tậu trâu, cưới vợ, làm nhà*

Trong ba việc ấy thật là khó thay.

Sau 1 ngày làm việc mệt nhọc, điều nó thích nhất là đắm mình trong nước, tắm vùng vẫy nhưng nếu đó là trâu thồ (trâu kéo xe) thì chúng còn phải lặn lội đường xa. Lực kéo cày của trâu trung bình bằng 0,40 mã lực. Trâu loại A mỗi ngày cày được 3 – 4 sào, loại B được 2 – 3 sào, loại C khoảng 1 sào rưỡi. Trâu kéo xe ở đường xấu chở được 400 – 500kg, trên đường tốt tải trọng của trâu từ 700 – 800kg, đến trên 1 tấn.

Một giáo sĩ người Ý đến Việt Nam truyền đạo Thiên Chúa từ 1738 đến 1765 tại Đàng Ngoài có chứng kiến đám rước trâu trong thời Trịnh Nguyễn, đã kể lại cảnh tượng này trong một bản viết tay, lưu trữ tại thư viện Quốc gia Pháp. Phan Huy Chú cũng ghi lại Đám rước trâu và Mục đồng trong lễ Lập xuân hàng năm gần giống như vị giáo sĩ Ý. Các dân tộc ít người miền Trung nước ta và dân Trung Á vẫn giữ tục giết trâu khi tổ chức lễ lạt. Tết trâu cũng là một phong tục cổ truyền ở các vùng nông thôn Việt Nam. Tại Nga Sơn (Thanh Hóa) và Vĩnh Linh (Quảng Trị) vài ngày trước Tết, người ta tìm thứ cỏ thật ngon và mớ rơm khô để thưởng trâu ăn Tết. Trâu được tắm rửa sạch sẽ, chuồng quét dọn kỹ càng. Sáng mồng một Tết, mỗi con Trâu được dán trước trán một lá bùa đỏ để trừ tà, xua đuổi vận rủi trong năm cũ cũng như chúc cho trâu năm mới sức khỏe dồi dào, ăn no cày mạnh. Sau khi cúng thần chuồng, trâu cũng được ăn cỗ với các món bánh chưng, thịt cá, xôi chè. ...đồng thời chủ cũng chọn ngày tốt dắt trâu cày thử lấy hên.

Trâu còn dùng để xẻ thịt hoặc cho sữa. Trong một chu kì vắt được từ 400 đến 500 kg sữa. Trong 24 giờ trâu thải ra 10kg phân. Trong thịt trâu có gần 22% prôtit, 3% lipit, 30 miligam % canxi, 150 miligam % photpho. Đó là loại thịt bổ dưỡng cho nhiều người.

Theo các nhà chuyên môn, trâu chọi phải đầu nhỏ, cổ dài, bờm tròn, lưng hơi nhô lên, sừng trâu phải cứng, vuông ở chân sừng, mặt sừng mịn, không dấu vết, vươn thẳng một mạch lên khỏi đầu, hai chiếc sừng cân đối và như nằm trong một mặt phẳng. Hơn nữa sừng phải kín, tiếng chuyên môn để chỉ những cặp sừng hai đầu không quá xa nhau, và cũng không cao khỏi trán trâu bao nhiêu. Tốt nhất khi cặp sừng cách trán trâu chừng sáu tấc, 20 phân ngày nay (20cm) và hai đầu sừng cách nhau khoảng 12 tấc. Mắt trâu phải tròn và lanh lợi, nằm dưới cặp vành mắt cứng khỏe. Hàm trâu phải thuộc loại hàm nghiên, nghĩa là đen như nghiên mực. Tai trâu phải thuộc loại sừng, xoáy trâu trên đầu

phải nhiều lông và những lông mày phải cứng. Trán phải dẹt, thân phải mập lẳn.... Trâu phải cao vây, sa ức, kín sườn, bụng cheo đúng như lời tục ngữ. Vạy là cái bướu ở vai, ức là phía ngực. Muốn kín sườn, đôi vai trâu phải to, còn bụng cheo tức là loại bụng hơi lớn lớn.

Người ta còn kén trâu qua đuôi, đùi, chân và các khớp chân: đuôi tròn, đùi dài, chân ngắn, khớp dẻo dai. Ngoài ra, cũng cần để ý tới khoáy trâu, nghĩa là chỗ lông trâu hợp thành từng khoáy đối nhau ở hai bên đùi là con trâu sẽ chiến thắng sau những cuộc giao đấu hăng say.

Loại trâu chọi thường được lựa trong những con trâu từ tám đến mười tuổi.

Hình ảnh con trâu còn là đề tài phổ thơ ca hội họa và âm nhạc của các nước Đông Nam Á. *Thập mục ngưu đồ* là một bộ tranh được một thiền sư Nhật Bản vẽ từ 800 năm trước. Ban đầu nó có tên là *thập trận ngưu đồ*, dùng để phá công án. Sau khi truyền sang Trung Hoa, bộ tranh này được lưu truyền trong giới Phật học thời nhà Tống (thế kỉ 12), mười bức tranh có đề tài Chăn trâu này được ví với quá trình tu tập trên con đường tiến đến giác ngộ và giải thoát. *Thập mục ngưu đồ* được du nhập vào Việt Nam từ lâu, nhưng đến thời Lê Dụ Tông, thế kỉ XVIII mới được thiền sư Quảng Trí sáng tạo lại với những cảnh giới mới để luyện tâm:

"Có thì có tự mảy may
Không thì cả thế gian này cũng không
Vừa xem bóng nguyệt lòng sông
Ai hay không có, có không là gì?"...

Đó mới chính là mục đích của các vị thiền sư sáng tạo ra *Thập mục ngưu đồ*, mong phật tử tu tập để biến *"trâu đen"* thành *"trâu trắng"* tức sự chuyển hóa từ vô minh đến sự giác ngộ, tỉnh thức.

Khi nền kĩ thuật nông nghiệp chưa phát triển, trâu thay cho máy cày, là tài sản quan trọng của người nông dân, khi cơ khí nông nghiệp phát triển, tầm quan trọng của trâu đã lùi xuống nhưng nó vẫn là gia súc quen thuộc và cần thiết cho nông dân hiện nay.

Mộc Lan

Bài viết số 3: Thuyết minh về một danh lam thắng cảnh.

19. CHỢ BẾN THÀNH

Ai đến Sài Gòn, chắc cũng một đôi lần được bước tới và tham quan, mua sắm ở chợ Bến Thành. Nằm ở trung tâm thành phố, chợ Bến Thành rất đỗi quen thuộc với người dân Việt và du khách quốc tế Thành phố Hồ Chí Minh.

Sở dĩ có tên là chợ Bến Thành là vì chợ gần bến sông và gần thành Quy. Đầu thế kỉ XVII, khi người Việt đến lập cư ở vùng đồng bằng sông Cửu Long thì vùng đất Sài Gòn xưa trở thành nơi phố chợ đông đúc náo nhiệt nhất vùng Nam Kì lục tỉnh. Giữa thế kỉ XIX, xuất hiện một chợ nhỏ nằm ở khu đất đồng lầy kề bên bờ sông Bến Nghé và sát thành Sài Gòn. Chợ Bến Thành được mô tả trong sử cũ như sau: Đó là một *"phố chợ nhà cửa trù mật ở dọc theo bến sông. Chỗ đầu bến này có lệ đến đầu mùa xuân gặp ngày tế mạ, có thao diễn thủy binh, nơi bến có đò ngang chở khách buôn ngoài biển lên. Đầu phố phía Bắc là ngòi Sa ngư, có gác cầu ván ngang qua, hai bên nách cầu có dãy phố ngói, tụ tập trăm thứ hàng hóa, dọc bến sông ghe buôn lớn nhỏ đến đậu nối liền"*.

Thời ấy, đất Gia Định là một vùng nông nghiệp trù phú nên chợ Bến Thành đầy hàng hóa, nào gạo, cá khô, tôm khô, cau, đường... bán ra để mua tơ lụa, quả thô, nhang, quạt, trà, đồ sành sứ, thuốc uống, dược thảo... từ nước ngoài mang đến. Đây chính là khu vực mà nay dành cho thương cảng Sài Gòn. Sau cuộc nổi dậy của Lê Văn Khôi (1833 - 1835) phố chợ Bến Thành không còn sầm uất như trước. Chợ được xây bằng gạch, sườn gỗ, lợp tranh.

Sau khi đánh chiếm Gia Định, thực dân Pháp đã cho lập một nhà lồng làm chợ ở ngay trên nền đất mà nay là Trường Trung học Ngân hàng 3. Ngôi chợ này bị cháy năm 1870, nhưng đã được trùng tu với sườn sắt. Trước nhà lồng chợ có con kinh rộng chạy đến trước cửa tòa nhà nay là trụ sở của Ủy ban Nhân dân thành phố. Đến năm 1887-1888 thì con kinh này được lấp lại, làm cho khu vực Võ Di Nguy, Tôn Thất Thiệp trở nên náo nhiệt hơn. Đại lộ Nguyễn Huệ trước kia là đường kinh lấp. Ngôi chợ Bến Thành được chuyển đến vị trí ngày nay.

Nhà lồng chợ được khởi công xây cất trên vùng đất trước đó là một ao sình lầy gọi là ao Boresse. Ngôi chợ này được khởi công xây cất từ khoảng năm 1912 và khánh thành vào tháng 3 năm 1914. Ngày khánh thành có khoảng 100.000 người tham dự, có cả dân từ các tỉnh đổ về. Cuộc lễ diễn ra trong ba ngày 28, 29 và 30 tháng 3 năm 1914 với pháo bông, xe hoa.

Thế là chợ Bến Thành xưa trở thành Chợ Cũ, còn Chợ Bến Thành mới được gọi là Chợ Mới Sài Gòn. Mãi đến năm 1940 hai con đường bên hông chợ còn là bến xe đò miền Đông và miền Tây. Gần một trăm năm qua, chợ Bến Thành bao giờ cũng là một trung tâm thương mại, trung tâm phồn hoa náo nhiệt của thành phố Sài Gòn và các tỉnh Nam Bộ cũ. Dần dần nó trở thành một chợ lớn, nơi tập trung những mặt hàng quý hiếm của trong nước và nước ngoài.

Chợ Bến Thành ngày nay có khoảng 3.000 hộ kinh doanh. Hình ảnh chợ Bến Thành thường được dùng làm biểu tượng cho thành phố.

Chợ Bến Thành ngày nay lại được đầu tư nâng cấp to đẹp lên rất nhiều so với trước, để nó xứng đáng là một trung tâm buôn bán lớn ở phía nam đất nước. Hàng hoá chợ Bến Thành rất phong phú, bao gồm hầu hết các sản vật trong nước – đặc biệt là sản vật ở vùng đồng bằng sông Cửu Long – cùng các mặt hàng công nghệ hiện đại trên thế giới.

20. Cần Thơ và bến Ninh Kiều

Cần Thơ gạo trắng nước trong
Ai đi đến đó lòng không muốn về.

Câu hát bâng khuâng đưa ta về một miền Nam Bộ, nơi có những thiên cảnh làm vướng bận bao tao nhân mặc khách. Cần Thơ nằm ở trung tâm đồng bằng sông Cửu Long, giữa một mạng lưới sông ngòi kênh rạch. Cần Thơ tiếp giáp với 6 tỉnh: bắc giáp An Giang và Đồng Tháp, nam giáp Sóc Trăng, Bạc Liêu, tây giáp Kiên Giang, đông giáp Vĩnh Long. Cần Thơ có nhiều hệ thống sông ngòi kênh rạch như sông Hậu, sông Cần Thơ, sông Cái Tư, sông Cái Sắn, kênh Quản Lộ, kênh Phụng Hiệp, kênh Xã No. Các tuyến đường lớn chạy qua tỉnh là quốc lộ 1A, quốc lộ 80, quốc lộ 91. Cần Thơ là trung tâm giao thông thủy bộ của cả vùng Nam Bộ, nối liền với Kampuchia, có bến cảng khá lớn tiếp nhận tàu 5000 tấn, có sân bay Trà Nóc nằm bên bờ sông Hậu. Từ xa xưa, Cần Thơ đã được coi là trung tâm của lúa gạo miền Tây Nam Bộ, hiện nay là một trong những tỉnh sản xuất và xuất khẩu lúa gạo chính của cả nước. Với đất đai phì

nhiều, bên cạnh thế mạnh về cây lúa và cây ăn quả các loại. Cần Thơ còn có nguồn thủy sản khá phong phú, chủ yếu là tôm cá nước ngọt (hơn 5.000ha ao nuôi tôm cá nước ngọt) và chăn nuôi heo, gà, vịt. Các ngành công nghiệp hiện có chủ yếu là điện năng (nhà máy điện Trà Nóc: 33000kw), kĩ thuật điện, điện tử, hóa chất, may, da và chế biến nông sản, thủy sản...là thế mạnh của tỉnh.

Xứ sở ấy là của những con người hào phóng, các tài tử giai nhân Cần Thơ. Họ luôn tự hào và kiêu hãnh khi nhắc đến bến Ninh Kiều:

"Cần Thơ có bến Ninh Kiều
Có dòng sông đẹp với nhiều giai nhân"

Xưa, bến Ninh Kiều là một bến sông đầu chợ Cần Thơ. Ninh kiều ngày ấy tấp nập thuyền bè qua lại giao thương, hàng cây dương chắn gió ven bờ đã trở thành tên gọi của bến sông: *bến Hàng Dương*. Công việc giao thương ngày thêm phồn thịnh, bến Hàng Dương do đó cũng được mở rộng và sửa sang, rồi dần trở thành một thắng cảnh của đất Tây Đô. Sau 1958, bến này chính thức được đặt tên là bến Ninh Kiều. Dân gian truyền tụng rằng xưa, tại Ninh Kiều vào những đêm trăng sáng, thuyền bè tấp nập, tài tử giai nhân cùng nhau lĩnh xướng thơ ca, do vậy bến này còn gọi là bến Cầm Thi, Cầm Thi đọc trại là Cầm Thơ, rồi sau trại ra thành Cần Thơ, là tên của đất Cần Thơ xưa nay vậy. Nay, Ninh Kiều là quận trung tâm của thành phố Cần thơ. Theo Nghị định số 05/ 2004/ NĐ_CP ngày 02 tháng 01 năm 2004 của Chính phủ, quận Ninh Kiều được thành lập trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của phần lớn các phường nội thành của thành phố Cần Thơ cũ gồm Cái Khế, An Hòa, Thới Bình, An Nghiệp, An Cư, An Hội, Tân An, An Lạc, An Phú, Xuân Khánh, Hưng Lợi và xã An Bình (thuộc thành phố Cần Thơ cũ). Quận Ninh Kiều có gần ba ngàn hecta diện tích tự nhiên (2.922,04ha) và 206.213 nhân khẩu (năm 2004).

Người Cần Thơ luôn tự hào với bến Ninh Kiều, nơi bờ sông nhìn ra dòng Hậu Giang hiền hòa, thơ mộng. Bến Ninh Kiều là một địa điểm mà du khách hay tìm đến, nằm bên hữu ngạn sông Hậu, ngay ngã ba sông Hậu và sông Cần Thơ, gần trung tâm thành phố Cần Thơ. Trên bến sông, thuyền bè luôn qua lại tấp nập, chở đầy những sản vật vùng đồng bằng sông Cửu Long. Bên bến Ninh Kiều là cảng Cần Thơ, cảng này được xây dựng hiện đại có khả năng tiếp nhận trọng tải 5.000 tấn, gần bến Ninh Kiều có chợ Cần Thơ, một trung tâm buôn bán lớn ở miền Tây Nam Bộ. Thời gian đắp đổi khôn lường như dòng sông Hậu hiền hòa trôi xuôi. Ninh Kiều nay là niềm tự hào của dân Cần Thơ, đây không chỉ là nơi các thương buôn tìm đến, mà còn là nơi các tao nhân mặc khách bao lần bịn rịn, lưu luyến bến Hàng Dương:

" Đất Châu Thành anh ở
Xứ Cần Thơ em về
Bấy lâu sông cạn biển thề
Phân tay mai trúc, dầm dề cuộc châu"

(Ca dao)

Thật chẳng quá lời nếu ta nói Ninh Kiều là một kho trái cây đầy ắp, bởi liền kề với bến sông lại là nơi tập trung những quả ngon, vật lạ của Nam Bộ như xoài tượng, xoài thanh ca, xoài giòn của Cao Lãnh, vú sữa trắng, quít đường của Cần Thơ, măng cụt, sầu riêng hay bưởi Biên Hòa, mít tố nữ Bà Rịa - Vũng Tàu, nhãn Bạc Liêu, cam mật Sa Đéc....Cần Thơ hôm nay có nhiều nét đổi thay, là một thành

phố năng động, trẻ trung, Tây Đô, một danh xưng đầy tự hào của thành phố Cần Thơ, nay được đặt trong khu công nghiệp, bến Ninh Kiều vẫn từng ngày chung ánh ban mai, chung những buồn vui hay lo toan vất vả... từ đó, lời thơ, tiếng hát vẫn ngày ngày cất lên....:

Cần Thơ ngày tôi đến
Mưa nhạt nhòa phố sông
Đường mênh mông gió lộng
Tự hỏi người biết không?

Cần Thơ ngày anh xa
Có mắt ai lệ nhòa?
Có biết em chờ đợi
Dù một lần người qua?

Ai đi về Cần Thơ
Cho tôi hỏi bao giờ
Bước chân yêu chung nhịp
Trên Ninh Kiều mộng mơ?

(Cần Thơ ngày tôi đến _ Thơ Hạ Yến *2009)*

Mộc Lan

21. HÀ TIÊN

Có những miền đất khi đi qua đọng lại trong ta nhiều ấn tượng khó quên: Hà Tiên là một nơi như thế. Thuộc miền Tây Nam Bộ, Hà Tiên là vùng đất được thiên nhiên ưu đãi có biển, núi, rừng xen giữa đồng bằng phì nhiêu. Thị xã Hà Tiên được hình thành cách đây 300 năm. Thị xã Hà Tiên sầm uất và nên thơ nằm giữa các núi pháo đài (Kim Dữ), núi Lăng (Bình San), núi Ngũ Hổ và Đông Hồ. Muốn ngắm toàn cảnh Hà Tiên không gì thú bằng trèo lên tận đỉnh núi Tô Châu, một quả núi nho nhỏ, xinh xắn nằm phía trước thị xã. Đứng từ đỉnh, du khách có thể chiêm ngưỡng cảnh quan Đông Hồ, một hồ nước có chiều dài 3km và rộng 2km, ở ngay cửa sông Giang Thành. Đông Hồ đẹp nhất vào những đêm gió mát trăng thanh, do đó họ Mạc (Mạc Cửu) mới đặt tên là "*Đông Hồ ấn nguyệt*" tức Đông Hồ in bóng trăng.

Ngày xưa, gần núi Tô Châu có một đảo nhỏ gọi là Tiểu Kim Dữ, nay đã dính vào địa đầu núi này. Đối diện với Tiểu Kim Dữ là Đại Kim Dữ ở bên mé chợ Hà Tiên, họ Mạc đặt tên là "*Kim Dữ lan đào*" (hòn đảo vàng chắn sóng gió).

Dấu tích một thời khai hoang còn in rõ nét trên mảnh đất này qua hình ảnh lăng Mạc Cửu được người dân thờ nhớ ơn công lao mở mang bờ cõi của dòng họ Mạc.

Hang Thạch Động cách thị xã Hà Tiên 3km, được xem là động đá duy nhất ở đồng bằng sông Cửu Long. Hang khá rộng, bên trong vô cùng dễ chịu bởi không khí mát lạnh được toát ra từ vách đá cấu tạo bằng đá vôi. Động có nhiều thạch nhũ với nhiều hình thù lạ mắt được tạo nên từ những giọt nước mưa chảy xuống qua hàng trăm năm: Nhô ra biển vịnh Thái Lan là bãi tắm Mũi Nai được bao bọc bởi hai ngọn núi lấn biển. Một trong những ngọn núi đó vươn mình như đầu chú nai đang ngơ ngác tìm bầy. Xuôi về Hòn Chông, qua những rặng dừa xanh cao vút sẽ thấy Hòn Phụ Tử thiêng liêng đứng giữa trời mây,

non nước. Như một biểu tượng tình cha con, Phụ Tử mang bóng dáng người cha cao cả đang che chở cho đứa con nhỏ bé của mình.

Nhà lưu niệm Đông Hồ cũng là một dấu ấn văn hoá thu hút du khách mỗi khi ghé ngang Hà Tiên. Từ năm 1926 đến năm 1934, nhà thơ Đông Hồ đã chủ trương dạy tiếng Việt cho học trò và cổ động bạn bè cùng theo tại nhà lưu niệm này. Qua nhiều biến cố nhà lưu niệm Đông Hồ hiện được nữ sĩ Mộng Tuyết, người bạn đời của ông gìn giữ bảo quản và trưng bày những kỉ vật, di cảo ông từng gắn bó.

Trong nhà được bài trí đơn giản nhưng tao nhã. Di cảo nhà thơ sắp xếp gọn gàng trong tủ kính. Một số bức thư họa uyên thâm ông mừng tuổi vợ mỗi độ xuân về được treo trang trọng trong phòng khách. Thăm nhà lưu niệm Đông Hồ để hiểu rõ hơn những giá trị của công trình khảo cứu bậc tiền nhân xưa. Đến Hà Tiên không chỉ thấy sự phát triển của miền đất trẻ mà còn để cảm nhận nụ cười thân ái của con người và cảnh đẹp nơi đây.

Lăng họ Mạc

Từ mé Kim Dữ đi về hướng tây vài kilomét là đến núi Lăng tức Bình San. Họ Mạc đặt tên là "*Bình san điệp thuý*". Trên núi Lăng có lăng mộ họ Mạc, hiện nay còn khoảng hơn 40 ngôi, có bia đá. Ngôi mộ Mạc Cửu quy mô hơn cả, chiếm địa thế cao nhất. Trước lăng có tượng Mạc Cửu mặc nhung phục, tay cầm kiếm đứng trên một bệ cao oai phong lẫm liệt. Dưới chân núi Lăng có đền thờ họ Mạc, lúc nào cũng mở cửa để khách thập phương đến chiêm bái.

Từ lăng tẩm họ Mạc, du khách có thể đến thăm chùa Phù Dung gần đó. Chùa do Mạc Thiên Tích xây để cho bà vợ thứ tu hành. Còn một ngôi chùa khác mang tên Tam Bảo do Mạc Cửu xây để cho mẹ già tu niệm cùng với hai quả đại hồng chung ngân vang, được họ Mạc đặt tên là "*Tiêu tự thần chung*".

Những khối đá kì hình dị dạng

Từ chợ Hà Tiên đi về hướng biên giới chừng 3km là Thạch Động. Động đá này cao 98m, hình dáng tương tự như chiếc mũ lông của lính ngự lâm Hoàng gia Anh Quốc, trông vừa đẹp vừa lạ mắt. Đi thêm chừng 2km nữa thì đến núi Đá Dựng. Đây là ngọn núi đá vôi cao 83m, đỉnh bằng phẳng, bên trong có nhiều hang động đầy thạch nhũ óng ánh trông như ngọc châu. Họ Mạc đặt tên là "Châu nham lạc lộ" (châu nham là núi như châu ngọc, lạc lộ là bãi chim cò thường đến ngủ).

Nếu đi dọc bờ biển, cách thị xã 4km là Mũi Nai, cao 100m, trên đỉnh có ngọn hải đăng xây từ thế kỉ XIX. Từ xa trông Mũi Nai nhô ra biển chẳng khác nào đầu chú nai đang ngơ ngác nhìn sóng nước. Đẹp nhất và nổi tiếng nhất phải kể đến hòn Phụ Tử, xưa nay là hình ảnh biểu trưng cho non nước Hà Tiên thơ mộng và quyến rũ. Hòn Phụ Tử gồm hai trụ đá, một cao lớn, một thấp bé nhô lên từ biển trông như hình tượng cha con quấn quýt lấy nhau, dầm mưa dãi nắng từ bao vạn kỉ giữa mặt nước trong xanh...

Thật là kì thú và đầy ấn tượng nếu các bạn du lịch đến Hà Tiên.

Theo **tuần báo DU LỊCH**

22. MÙA HÈ Ở THỤY SĨ

Tên chính thức của Thụy Sĩ là Liên bang Thụy Sĩ, là một quốc gia không giáp biển, thuộc khu vực Tây Âu với số dân khoảng 7 triệu rưỡi người. Thụy Sĩ là quốc gia theo thể chế cộng hòa liên bang, gồm 26 bang với thủ đô là thành phố Berne và hai trung tâm kinh tế lớn là Geneva và Zurich.

Với nhiều người, Thuỵ Sĩ giống như một bài thơ ngọt ngào, nơi có vị đậm kẹo chocolate, cái béo ngậy pho mát và cả thịt bò nữa. Đất nước đó như không hề thay đổi theo thời gian: phụ nữ vẫn tết tóc đuôi sam, người ta vẫn làm kẹo và pho mát theo phương pháp thủ công và trên nhiều nẻo đường, du khách vẫn dễ dàng bắt gặp một khung cảnh thanh bình với những đàn bò nhởn nhơ gặm cỏ sau những ngôi làng tí xíu. Thật giống như trong truyện cổ tích.

Sau một thời gian ngắn đáp tàu từ Zuzich, du khách sẽ được đưa xuống Luzem, một điểm nghỉ ngơi truyền thống của những ai thích phiêu lưu khám phá. Thành phố lúc nào cũng như một festival nhiều dân tộc, nơi đại diện các nước tìm đến để kết bạn, thưởng thức các đặc sản và khám phá vẻ đẹp Thuỵ Sĩ. Từ cửa sổ nhiều khách sạn lớn, bạn có thể ngắm vườn hồng khoe sắc trong các bồn pha lê trong suốt kì ảo ở khu vực trung tâm thành phố. Cảnh tượng huyền diệu ấy khiến nhiều người ngất ngây tới mức lời mời xuống nhà ăn thưởng thức bữa trưa chiêu đãi của tiếp viên khách sạn khó lọt vào tai họ. Và kể từ ngày đó cho đến khi dời đi, mỗi buổi sáng thức dậy, mở cửa ra hóng mát ở ban công, vẫn cảnh tượng ấy lại như hớp hồn họ.

Luzem như một thành phố cổ được miêu tả trong sách. Những đường phố đá cuội dài và hẹp luôn khiến du khách có cảm giác mình được dẫn dắt trở lại thời quá khứ. Phong cách kiến trúc của các lâu đài, tháp đồng hồ, nhà thờ khách sạn và các biệt thự khiến bạn luôn phải ngoái nhìn. Phương tiện đi lại chủ yếu là xe đạp và trên bờ sông, nhiều người nhàn nhã ngồi thả câu. Nhiều nơi nước trong vắt đến mức bạn có thể nhìn thấy cá đang bơi lội bên dưới. Chỉ cần tản bộ qua Luzem thôi cũng đủ để đem đến cho bạn cảm giác mình đang lạc vào một mảnh đất kì diệu ngọt lành và yên ả.

Sau một ngày sục sạo khắp các ngõ ngách của thành phố, đã đến lúc bạn chuẩn bị hành trang chinh phục núi Stanserhom. Trên chuyến tàu dẫn lên đỉnh núi, du khách có dịp ngắm nhìn những sườn núi dốc đứng, những lối mòn ngoằn ngoèo và cả những rừng cây bụi đầy hoa cùng ánh nắng. Dù đã được hướng dẫn viên giới thiệu trước song ai cũng phải ồ lên kinh ngạc khi tàu lên tới đỉnh. Từ Stanserhom bạn nhìn thấy không chỉ những rặng núi hùng vĩ cao vút lẩn khuất trong mây, mà còn cả chục cái hồ tuyệt đẹp với cơ man những khoảng rừng xanh. Và rồi từ những thung lũng đâu đó tiếng lục lạc của trâu bò vọng đến, âm thanh trong trẻo lanh lảnh vang rung bất tận trong gió và như đang hòa cùng tiếng thông reo để làm thành một bài ca vĩnh cửu. Đến đây, ngoài việc nằm trên một chiếc võng chợp mắt một chút trước giờ ăn trưa, du khách còn có cơ hội nhảy dù hoặc đi tàu lượn. Dưới chân núi là những đồng cỏ trải dài và những ngôi nhà lá đơn sơ. Làng mạc ư? Không đâu. Đó thực chất là nhà nghỉ chân dành cho du khách. Và cả lũ bò cũng không phải là gia súc của dân bản địa. Chúng là tài sản của các công ty du lịch - những cỗ máy kiếm ra tiền bởi khi leo lên lưng một con bò đi dạo hoặc chụp ảnh, người ta phải trả cước phí, dù không đắt.

23. VENISE - HÒN NGỌC CHÂU ÂU

Venise là thành phố của tình yêu và sự lãng mạn, ở Venise không có phương tiện nào khác ngoài thuyền và thuyền. Cả một hệ thống thuyền máy hệt như một hệ thống metro chạy quanh thành phố. Venise từng là thành phố giàu có nhất, phồn vinh nhất của châu Âu, và của cả thế giới thời kì Phục hưng. Cả thành phố Venise nằm trên 118 hòn đảo trong một vịnh dài 60km, rộng 4km và được nối với đất liền bằng công trình nghệ thuật độc đáo. Giữa những toà nhà

được xây dựng kiên cố và bề thế là hệ thống kênh đào và thuỷ lộ chằng chịt, đan kết vào nhau tạo thành một mạng lưới giao thông thuận tiện. Người ta tính rằng, trong thành phố có khoảng 200 kênh và 400 cầu để vượt qua các kênh đó. Nhiều cây cầu có từ thời cổ xưa và là những công trình kiến trúc quý giá, trong đó nổi tiếng nhất là cầu Rialto xây từ thế kỉ XVI, chỉ có một vòm bằng đá nối liền hai hòn đảo lớn của thành phố. Lối kiến trúc độc đáo có một không hai của những toà nhà, nhà thờ và cung điện nổi đã làm cho Venise trở thành một thành phố lãng mạn nhất thế giới.

Vào những ngày lễ hội hoá trang, thành phố này thu hút lượng du khách thật đáng kể. Lễ hội Carnival đầu tháng 2 là một lễ hội đầy màu sắc và sống động. Đây là một nét văn hoá đặc trưng không chỉ của thành phố này mà còn của cả nước Ý. Những chiếc mặt nạ tinh xảo, độc đáo và huyền bí dùng trong đêm hội hoá trang được các nghệ nhân khéo tay của thành phố chế tác đã nổi tiếng khắp mọi nơi. Ngoài ra, người dân Venise còn tổ chức rất nhiều lễ hội văn hoá khác như: lễ hội đua thuyền Vogalonga; ngày hội đám cưới trên những chiếc thuyền trang trí hoa rực rỡ Festa della Sensa vào tháng 5; lễ hội Festa del Redentore mừng ngày thành phố thoát khỏi bệnh dịch khủng khiếp năm 1576 với những màn pháo bông ấn tượng của tháng 7 và rất nhiều lễ hội mang màu sắc tôn giáo khác trong tháng 11 và 12...

Là một trong những thành phố cổ kính của châu Âu, vì vậy bạn sẽ không cảm thấy lãng phí thời gian và tiền bạc khi đặt chân đến Venise để thưởng thức nghệ thuật với rất nhiều những nhà hát, bảo tàng, gallery... Bảo tàng Ca'Rezzonico có từ thế kỉ thứ XVIII là một bảo tàng nổi tiếng nhất của Venise và nó đã mở cửa trở lại vào tháng 6-2001 sau một thời gian dài sửa chữa. Đây là một tin vui cho thành phố và cả khách du lịch vì bảo tàng Ca'Rezzonico lưu giữ rất nhiều những tấm thảm thêu, đồ sơn mài và những chiếc ghế bành đặc trưng của thế kỉ XVIII cũng như những tác phẩm nghệ thuật của các danh hoạ và nhà điêu khắc nổi tiếng như: Canaletto, Rosalba Carriera, Giambaltista Tiepolo và Francesco Guardi...

Một điều nữa khiến Venise luôn thu hút được sự chú ý là Liên hoan phim Venise hằng năm... Cuốn lịch lễ hội và sự kiện ở Venise quả thật không bao giờ lật hết. Con người nơi đây không ngừng dệt sợi chỉ nối quá khứ, hiện tại và tương lai bằng các lễ hội, các tập tục, các buổi độc tấu và hội chợ muôn màu muôn vẻ... Đến Venise, bạn hãy mua một cái mặt nạ Carnaval, mặt nạ ở đây đẹp và rất sang trọng.

***Theo* tuần báo DU LỊCH**

24. Bài viết số 5: Thuyết minh về cây dừa.

BÀI THAM KHẢO

"Ai đứng như bóng dừa
Tóc dài bay trong gió .....

Từ bao giờ, cây dừa đã đi vào văn thơ, ca nhạc của người Việt Nam ta. Khách phương xa đặt chân về thôn quê nước Việt, đều được một loại dù thiên nhiên che nắng trên mọi nẻo đường: Cây dừa Việt Nam. Đó là một loài cây thông dụng và có nhiều công dụng trên đất nước ta gắn bó suốt đời với người dân Việt Nam ta.

Tuổi thơ Việt Nam, trẻ em nào cũng có ít nhiều kỉ niệm gắn bó với cây dừa. Các nghệ nhân khéo léo thường lấy lá dừa non màu xanh lá mạ quấn tròn, thuôn thuôn và cong cong trong tay lão nghệ nhân biến thành một con châu

chấu khổng lồ chỉ trong nháy mắt. Lá dừa khô làm vách lá, mái lá hoặc chất đốt. Thân dừa ngày xưa thỉnh thoảng được dùng làm bình đựng ấm trà, đến ngày nay đã được làm đũa, muỗng và một số đồ mĩ nghệ xuất khẩu đa dạng. Cây dừa có bao nhiêu loại thì sinh ra biết bao nhiêu loại trái. Có loại như dừa xiêm, dừa dâu, dừa bị. Quả dừa xiêm có màu xanh mát, cho cùi dẻo, nước ngọt. Dừa lửa là loại dừa có màu đỏ cam bọc ngoài trái, chấu nước của nó không bằng dừa xiêm. Dừa dâu là loại dừa trái nhỏ cũng pha màu lửa nhưng lợi hơn, nhỏ hơn trái bưởi, cho nước rất ngọt. Dừa bị là dừa nhỏ, lấy cơm vắt nước cất hoặc kho, chế biến làm thực phẩm.

Đối với người trưởng thành, lá dừa không chỉ làm đồ chơi mà nó có công dụng trong đời sống. Có khi tham gia vào những cổng chào trong đám cưới, có khi lá dừa khô kết thành đuốc.

Nước dừa làm mĩ phẩm thiên nhiên của thiếu nữ Nam Bộ. Có lời lưu truyền rằng con gái Bến Tre tắm nước dừa nên da trắng, mịn. Các cụ già bị huyết áp cũng uống nước dừa để trị bệnh.

Cơm dừa là một thực phẩm chế biến đa dạng. Thành phần hoá học của nó rất nhiều đạm và chất béo nên rất bổ dưỡng. Ở Bến Tre xắt dừa mỏng xào với chuối để làm kẹo chuối. Dừa già thì xay nhuyễn vắt nước cốt để làm nhân bánh. Ngày 30 tết chuẩn bị đón giao thừa không ít phụ nữ và trẻ em quây quần bên mẻ nước dừa thơm thơm béo béo pha những màu trắng tinh, màu hồng phấn, màu xanh lá dứa thật hấp dẫn. Cây dừa là hình ảnh của xứ nhiệt đới ẩm, dáng nó nghiêng thường xõa bóng bên dòng nước. Lá dừa là chiếc lược khổng lồ chải vào bầu trời xanh. Hình ảnh cây dừa đã đi vào ca dao, thơ văn và ca từ của nhiều nghệ sĩ Việt Nam và nước ngoài.

Cây dừa xuất hiện từ bao giờ thì không rõ nhưng nó gắn bó với mọi người trên đất nước Việt Nam: trẻ em, phụ nữ, người già... trong ngày thường cũng như trong ngày cưới, ngày tết. Với tình hình Việt Nam mở cửa đón khách du lịch năm châu, quả dừa xiêm lại trở thành món quà mới mẻ với những người khách ôn đới. Nó đã trở thành một biểu tượng đẹp của sinh thái nước Việt chúng ta.

Mộc Lan

Đề 25. Bài viết số 5: Thuyết minh về cây tre.

BÀI THAM KHẢO

Ai đã từng đọc thơ ca Việt Nam hiện đại, hẳn sẽ nhớ những câu lục bát này:

"*Tre xanh, xanh tự bao giờ*
Tự ngàn xưa, đã có bờ tre xanh
Thân gầy guộc, lá mong manh
Mà sao nên lũy, nên thành, tre ơi
Ở đâu tre cũng xanh tươi
Cho dù đất sỏi, đất vôi bạc màu "....

Việt Nam có một hệ thực vật phong phú và đa dạng. Một trong những nguồn tài nguyên thực vật phân bố tương đối rộng và gần gũi với cuộc sống hằng ngày của người dân là cây tre, được mệnh danh là "*gỗ của người nghèo*".

Tre là một nhóm thực vật đa niên, thân gỗ, là một loại thực vật có hoa, nhưng chỉ nở hoa một lần duy nhất vào lúc cuối đời. Hoa tre co mùi hương hơi

nồng và có màu vàng nhạt như màu đất. Tre Việt Nam có 7 loại là: tre mạnh tông, tre gai, tầm vông, tre vàng sọc, tre mỡ, tre tàu và trúc. Tre xanh lúc còn sống có màu xanh mượt, đốt dài và bóng nhẵn, đường kính của thân tre trưởng thành khoảng từ 6 đến 8cm. Cao không đến 10m. Tre gai kích thước ốm và thấp hơn, lá cũng mỏng manh hơn nhưng ở mỗi đốt tre mọc ra rất nhiều nhánh gai, sắc, nông dân thường trồng thành hàng rào chống trộm. Tre ngà là loại tre có thân sọc vàng xen lẫn với sọc xanh rất đẹp. Người ta thường trồng làm cảnh. Tre rừng, mọc hoang trong rừng nên thường không tươi tốt lắm. Ngược lại, lồ ô, tầm vông là loại tre rừng khổng lồ, bề ngang và bề cao của nó gấp hai, ba lần tre xanh. Nó mọc thành từng bụi, từng hàng như rừng trong vùng đất hoang. Người ta đốn lấy gỗ làm nhà tranh, nhà sàn rất chắc chắn. Lồ ô to lớn bao nhiêu thì trúc lại mảnh mai, yếu ớt bấy nhiêu vì thân rỗng và kích thước nhỏ bé. Có hai loại trúc là trúc xanh và trúc vàng. Gần đây nước ta có nhập thêm một ít trúc kiểng gọi là trúc Nhật. Những cây kiểng này có hình dáng đặc biệt, thân màu vàng óng, lá xanh mượt mà rất được mọi người ưa chuộng, trồng làm cảnh và thường bày ở mái hiên, phòng khách.

Tre được sử dụng làm cột kèo để dựng nhà, làm đũa, làm máng nước, rổ rá, làm vật dụng nông nghiệp. Tre trồng làm hàng rào. Tre khô làm củi đun. Thân tre chẻ nhỏ để nhóm bếp rất đượm lửa. Lá tre thường được người miền Nam lấy để gói *bánh tro* vào dịp lễ giết sâu bọ. Lạt tre dùng để cột bánh. Thân tre được dùng để làm đũa. Các thợ thủ công cũng đã tận dụng thân tre để đan thành giỏ tre, rổ tre. Nhân dân ta thường đong dầu, đong nước mắm khi mua bán bằng ống tre. Thời cách mạng, bộ đội Việt Nam dùng ống tre để đựng nước, nấu cơm. Trong quán ăn ở vùng nông thôn, người ta cũng chẻ thân tre để làm ống tăm cho khách sử dụng sau bữa ăn. Trong chiến tranh, tre được sử dụng làm vũ khí rất lợi hại. Lịch sử có kể về Nguyễn Thiện Thuật sử dụng tre để làm vũ khí chống giặc Pháp. Ngày nay, những bộ salon làm bằng mây và tre rất được ưa chuộng và trở thành một món hàng xuất khẩu đắt giá. Năm 2009, nông dân An Giang đã trồng tầm vông để lấy nguyên liệu sản xuất, lãi 120 triệu đồng trên một hecta.

Hình ảnh cây tre đã đi vào ca dao, thơ văn và ca từ. Chẳng hạn như:

"Rễ siêng chẳng ngại đất nghèo
Tre bao nhiêu lá bấy nhiêu cần cù
Nghiêng mình trong gió tre đu
Cây kham khổ vẫn hát ru lá cành...

(*Tre Việt Nam* Nguyễn Duy)

Ông bà ta có nhiều kinh nghiệm trong việc lựa chọn tre tốt:

Trồng tre, trồng trúc, trồng dừa
Muốn nên cơ nghiệp thì chừa lang vân.

Người ta còn sử dụng tre già hay tre non vào những việc khác nhau:

Tháng tám tre non làm nhà
Tháng năm tre già làm lạt

Người thợ mộc còn so sánh độ bền của tre như sau:

Tre già là bà gỗ lim

Ngoài ra, ông bà ta còn nhìn cây tre để nghe ngóng về thời tiết: *"Lá tre trôi lộc, mùa rét xộc đến"*. Và từ đó người xưa còn rút ra một quy luật sống của thiên nhiên và con người: *"Tre già, măng mọc"* tre chẻ ra làm nuộc lạt, trở thành một

thứ không thể thiếu ở nhiều chỗ: khi gói bánh, bó rau hoặc lợp nhà. Ca dao cũng nhắc đến nuộc lạt: "*Bao nhiêu nuộc lạt nhớ ông bà bấy nhiêu*".

Ai từng đọc truyện *Thánh Gióng* hẳn không quên bụi tre Đằng Ngà khi Thánh Gióng nhổ tre đánh tan giặc ngoại xâm: "*Chẻ tre nghe Gióng*".

Tre không những đi vào thơ văn mà măng tre còn là một thực phẩm chế biến đa dạng. Các món ăn từ măng tre: măng tươi, măng khô, bún măng vịt, măng xào thịt ba rọi, thịt kho măng, măng luộc chấm mắm tôm, măng chua... Bún măng vịt là món ăn được nấu với vịt non, béo, măng tươi hoặc khô đã được luộc và thay nước nhiều lần, khi ăn người ta cho bún, một ít hành răm và rau sống vào nữa, trở thành một món ăn vừa thơm vừa béo với nước dùng ngọt dịu. Măng tươi đã luộc kĩ, có màu vàng chanh, được xắt miếng xào chung với thịt ba rọi trở thành một món ăn dân dã và rất ngon nếu có thêm một vài lát ớt đỏ thì lại càng hấp dẫn. Thịt heo kho măng cũng là một món ăn "bắt mắt", nấu nhanh và để được vài ngày, tiết kiệm được thời gian nấu nướng mà khi chan vào chén cơm nóng thì cũng rất ngon miệng. Măng luộc phải chọn măng trúc non, vào mùa mưa. Sau khi luộc nhiều lần, ta xắt mỏng rồi chấm với mắm tôm hoặc nước mắm ngon ăn kèm với cơm như một món rau. Nó sẽ có một vị vừa ròn vừa mát, kèm theo một vị ngọt dịu của măng tươi. Nói tóm lại thì cây tre luôn là người bạn đồng hành và nó đóng góp tất cả lợi ích của bản thân mình cho con người Việt Nam.

Từ bao đời nay, cây tre là người bạn gắn bó và gần gũi với người dân Việt Nam. Hiện nay cuộc sống ngày càng hiện đại và có nhiều đồ dùng là bằng nhựa, inox xuất hiện. Nhưng người ta vẫn có khuynh hướng quay về với thiên nhiên. Ngày nay, nhiều người đã bỏ trồng lúa hoặc cây khoai, đốn cây tre để có chỗ xây nhà lầu, nhưng nếu một lúc nào đó, nước ta không còn một bóng tre thì đời sống sẽ khó khăn và buồn tẻ biết mấy! Tre đã cống hiến tất cả sự sống cho con người nên ta phải yêu quý và bảo vệ cây tre Việt Nam.

Mộc Lan

Thuyết minh về một lễ hội ghi lại những nét đẹp của phong tục truyền thống hoặc thể hiện khí thế sôi nổi của thời đại.

26. HỘI LIM và tục hát Quan họ

Hàng năm ngày 13 tháng Giêng, về hồi tiền chiến tài tử cố đô Thăng Long rủ nhau người người lớp lớp đi xem Hội Lim, để nghe các trai gái đồng quê cùng nhau say đắm trong điệu hát Quan họ.

Hội Lim tổ chức trên đồi Lim, tên chữ là Hồng-Vân-Sơn. Đây là một ngọn đồi thuộc địa phận ba xã Duệ Đông, Lũng Sơn và Lũng Giang, huyện Tiên Du tỉnh Bắc Ninh, ở ngay gần quốc lộ số 1 từ Hà Nội đi Lạng Sơn, các ga xe lửa, ga Lim, chừng hơn một nửa cây số.

Từ Hà Nội tới đồi Lim, quãng đường xa 25 cây số, sở dĩ gọi là đồi Lim vì xưa kia trên đồi này mọc toàn cây lim, một thứ gỗ rắn chắc. Ngày nay rừng lim không còn, đồi thông trọc lóc với đá và đất núi sắc đỏ như son, thỉnh thoảng xen vào mấy nương sắn và mấy sơn trang. Dưới chân núi, thuộc địa phận xã Lũng Giang, sát bên lề đường quan lộ và chợ Lim với những lều gianh mái lá. Cửa chợ có một cây đa cổ thụ to lớn, bóng vùng rợp rất xa, các làng lân cận gọi là cây đa Lim. Gốc cây đa có quán ngói gọi là cầu Lim.

Phía bên trái Hồng Vân tự là văn chỉ xã Lũng Giang. Văn chỉ xây lớn với bệ gạch rêu phong. Văn chỉ thờ đức Khổng Tử và các tiên hiền tổng Nội Duệ, huyện Tiên Du. Cách chùa không xa, về phía tay mặt, có một ngôi lăng tường đá ong kiên cố, trước lăng là một tấm bia lớn đứng sừng sững khiến khách xem Hội Lim không ai bỏ qua được. Trong lăng có đủ voi, ngựa, nghê, ngỗng cùng sập đá, ngai đá thật trang nghiêm.

Đây là lăng ngày Hiếu Trung Hầu, tên húy là Diễn; làm quan dưới triều vua Lê Cảnh Hưng. Xuất thân hoạn quan, ngài đã được thăng đến chức Thanh Hoa trấn đốc đồng. Dân chúng quanh vùng quen gọi lăng ngài là lăng quan Trấn.

Hiếu Trung Hầu không có con. Khi gần chết ngài bầu hậu hàng tổng làm đình cho mấy xã. Để ghi nhớ công ơn ngài, hàng năm đến ngày 13 tháng Giêng âm lịch dân tổng Nội Duệ mở hội rất to tại lăng ngài. Ngày hội được gọi là ngày Hội Lim.

Hội kéo linh đình với cờ xí phấp phới, với rước xách tế lễ. Dân tổng Nội Duệ kéo nhau tới lễ lăng Hiếu Trung Hầu, tới lễ Hồng Vân tự để cầu nguyện được một năm may mắn.

Trong ngày hội có cờ bỏi, và tại chùa có kể hạnh do các bà vãi tụng lên công đức của chư Phật để khuyên thiện.

Ngoài ra còn có những trò chơi cờ bạc như đáo đĩa, tổ tôm điếm rất được dân chúng ham mê.

Đáng kể và đặc biệt nhất ở Hội Lim là tục HÁT QUAN HỌ.

Đây là một lối hát đối đáp giữa hai bên trai gái. Qua những câu hát các cô, các cậu khen ngợi nhau, tỏ tình với nhau. Lời hát đôi khi thật văn chương bóng bẩy, đôi khi thật thắm thiết nồng nàn.

Hát quan họ phải hát giọng đôi, hai người châu miệng vào nhau cùng hát, hai giọng luyện với nhau, tiếng ngân vang, vang vút, tiếng trầm êm ái như ru!

MỘT BỌN QUAN HỌ

Trai gái quan họ, đi hội, họ họp nhau thành từng bọn quan họ gồm ít nhất năm người, do một người dẫn đầu, lo việc mời mọc bạn hát, hoặc quyết định những điều liên quan tới cả bọn. Người này bọn quan họ tôn là anh Hai hoặc chị Hai.

Sau đó là các anh chị Ba Tư Năm và Sáu...

Nếu quan họ có sáu người, thì ngoài anh Tư hoặc chị Tư còn có anh chị Bống. Không có anh Cả hoặc chị Cả như hát ví.

Một bọn quan họ bao giờ cũng gồm toàn những người cùng một làng, để còn đối đáp hát với trai gái làng khác. Trai gái trong làng không cùng hát với nhau ở hội.

Họ có thể hát tập, hát chơi với nhau trong làng, nhưng đã đến hội, bao giờ họ cũng tìm những bọn quan họ thiên hạ để mời hát, như vậy vừa được dịp tỏ tài năng nêu danh tiếng cho làng mình, vừa được hát thẳng cánh không nể nang gì, với những câu giọng vặt khó và lạ để cho bọn cùng hát với mình không được, tăng thêm giá trị cho bọn mình.

Tại các hội xuân, trai gái quan họ, trông thấy những bọn quan họ ở làng nào là họ nhận ra ngay. Mỗi bọn đều có một đặc điểm riêng, khi đứng vợi nhau cũng như khi hát với các bọn bạn.

MỜI HÁT Ở HỘI

Đi tới hội, các bọn trai gái quan họ sau khi lễ Phật hoặc lễ Thần, tùy theo hội chùa hay hội đình, cùng nhau đứng ở quanh nơi điểm hội, ở sân đình, ở trước chùa, ở những thửa ruộng khô quanh đình chùa. Họ chờ bọn khác mời hát hoặc họ đang tìm kiếm một bọn hát bạn để mời hát. Trong lúc họ có thể xem những trò vui khác ở hội như đánh đu, đánh cờ, chơi tổ tôm điếm...

Khi một bọn quan họ thấy một bọn quan họ khác, nếu là bạn quen biết vẫn hát thường trong các hội khác thì dễ dàng lắm. Họ chào nhau, rồi mặc nhiên như đã hẹn hò trước, họ cùng nhau hát cầu vui sau khi đã mời nhau trầu nước.

Bọn trai bảo bọn gái:

- Liền chị hôm nay đã đến đây, chắc liền chị vui lòng cho liền em hầu tiếp mấy câu.

Thế là bọn gái nhận lời:

- Liền anh đã không chê chúng em, xin liền anh cho chúng em theo.

Xưng hô với nhau, các bọn nam nữ quan họ thật là khiêm tốn. Họ tôn nhau là liền anh và liền chị, bao giờ cũng tự xưng mình là liền em.

Và họ cũng rất là nhún nhường lịch sự: khi họ nói xin liền anh cho chúng em theo là ý họ muốn bên nam hát trước. Bên nam lẽ tất nhiên cũng phải lịch sự khiêm tốn:

- Liền em chỉ biết những chợ gần, liền chị đã đi chợ xa, xin liền chị cho liền em theo.

Câu nói trên của bên nam thật hết sức nhã nhặn càng tôn trọng bên nữ. Khi họ nói chỉ biết những chợ gần là ý họ muốn nói họ biết ít câu hát, chỉ hát được những câu dễ hát, thông thường. Và khi họ nói liền chị đã đi chợ xa là ý họ muốn đề cao bọn nữ biết nhiều câu hát.

Rút cục thường thường bọn nữ hát trước, bọn nam hát sau.

Có những trường hợp có một bọn quan họ nam hoặc nữ tới hội nhưng không gặp những bạn hát quen, chỉ thấy toàn những bọn lạ, rồi họ mời, có khi nam mời nữ, có khi nữ mời nam.

Một bọn nam chờ ở hội đã lâu không gặp bạn quen, thấy một bọn nữ liền mời. Thấy nhau họ biết nhau đó là một bọn quan họ. Họ biết qua nhân số năm hoặc sáu người, và đi hội nhiều, mắt họ nhìn quen, họ nhận ra ngay đó là một bọn quan họ.

Họ mang trầu tới mời. Đi hội, các bọn quan họ thường có sẵn bọn trầu để mời hát. Miếng trầu là đầu câu hát! Có những bọn quan họ lịch sự, không mang trầu ở nhà đi, lấy ngay những cơi trầu hàng nước bán trong ngày hội mời bạn hát. Bạn hát dùng bao nhiêu họ trả tiền nhà hàng.

Họ mang cơi trầu tới trước bọn mà họ đoán là bọn quan họ. Họ mời:

- Mời liền chị xơi trầu! Nhất niên nhất lệ, hôm nay dân làng đây mở hội, gặp liền chị, xin liền chị cho liền em được hầu tiếp ca mấy câu mừng xuân.

Lẽ tất nhiên bọn con gái chối từ nói là không biết hát. Bọn trai sẽ năn nỉ:

- Vui xuân, liền chị biết chợ xa thì đi chợ xa, không biết chợ xa thì đi chợ gần.

Bọn gái lúc đầu từ chối nhưng sau cũng nhận lời. Cũng có khi bọn gái từ chối hẳn vì họ đã có hẹn với một bọn trai khác. Họ sẽ trả lời thẳng thắn:

- Chúng em xin cảm ơn liền anh, nhưng thú thực hôm nay chúng em đã có hẹn, xin hẹn với liền anh đến hội khác.

Có thể các cô đưa ra đề nghị gặp bọn trai ở hội nào ngày hôm sau hay một ngày gần đó.

Đối với những bọn liền chị đã có hẹn trước như vậy, lẽ tất nhiên các liền anh không thể cố mời được và đành nhận sự hẹn hò một ngày gặp gỡ mai đây.

Hát ở hội:

Bạn hát gặp nhau, cũng như hai bọn quan họ mới tiếp xúc lần đầu,sau khi chào mời và nhận trầu của nhau, họ bắt đầu hát, bên nào hát trước tùy theo sự thỏa thuận của đôi bên như đã trình bày.

Họ hát với nhau qua các giọng Sổng, Vặt và Bỉ.

Họ hát giọng đôi. Bọn gái thường lấy nón che gió để giọng đỡ văng, hát đỡ mệt. Bên nọ hát một câu, bên kia đáp lại.

Trong lúc hát, qua mỗi đoạn, họ lại dùng mấy tiếng gọi nhau như để nói hết tâm tình qua lời ca. Họ nhắc anh Hai ơi, chị Ba ơi... Chị Hai ơi, chị Ba ơi... cho đến anh Sáu ơi, rồi họ lại gọi trở lại anh Hai, chị Hai nếu câu hát quá dài.

Ngồi rằng ngồi tựa vườn đào
Thấy người thục nữ ra vào lòng những vấn vương.

CHỊ HAI ƠI!

Gió rằng gió lạnh đêm trường
Nửa chăn để đó, nửa giường để đó chơi ai.

CHỊ BA ƠI!

So rằng chữ sắc chữ tài
Có công gắn bó ai người phụ nghĩa quên công.

CHỊ TƯ ƠI!

Họ hát với nhau ở bờ ruộng trước cửa chùa, ở bên đường cạnh đình làng, họ hát với nhau ở trên đồi như ở Hội Lim.

Họ xúm nhau họp thành một bọn, mải mê hát với nhau mặc cho thời gian trôi qua, mặc cho những ai đi xem có đứng quanh họ để thưởng thức lời ca câu hát của họ. Họ không biết tới ngoại cảnh, đôi bên họ chỉ biết hát với nhau. Mùa xuân gió tuy lạnh nhưng lòng họ đang xuân!

Chỗ này một đám hát, chỗ kia một đám hát! Bao nhiêu những câu tình tứ nồng nàn, bao nhiêu những lời hứa hẹn ái ân! Nhiều cuộc trăm năm đã bắt đầu ở nơi đây qua những câu hát đằm thắm yêu đương.

Thường họ đến hội vào lúc quá trưa như trên đã nói và họ bắt đầu hát vào khoảng giờ mùi. Họ hát với nhau có khi tới lúc bóng chiều đổ xuống mới chia tay. Có khi cùng về một đường, họ tiếp tục hát trên đường về. Khi họ đi theo đường đê, bờ đê cao, giọng hát văng vẳng rất xa, nghe rất du dương. Những lúc chia tay này, bao nhiêu câu hát hay, đầy luyến ái họ đều đem ra hát với nhau, và lúc này họ không cần phải chọn câu đối cho xứng với câu xướng của bọn hát bạn, họ chỉ cần hát để nói lên sự cảm mến nhau.

Gió xuân miền Bắc lạnh, nhưng họ không thấy lạnh, những câu hát đã khiến cho họ ấm áp.

Họ tiễn đưa nhau đến cổng làng mới chia tay và họ còn hẹn nhau gặp gỡ ở những ngày hội mấy hôm sau. Có những bọn hát với nhau hết xuân này sang xuân khác và nhiều lứa đôi tốt đẹp đã nên duyên nhờ những khúc hát hội Xuân.

MỜI BẠN HÁT TỚI NHÀ HÁT TRẮNG ĐÊM

Có nhiều bọn quan họ, tuy đã hát ở hội và trên đường về với một bọn quan họ bạn, đến lúc chia tay vẫn còn bịn rịn lưu luyến không muốn mỗi bọn về một nẻo. Họ đề nghị mời nhau về làng họ rồi hát suốt đêm.

Đọc đến đây các bạn sẽ mỉm cười, sao họ say nhau quá vậy? Thật họ quả có say nhau, vì phần nhiều trai gái quan họ đều là những người mới lớn, chưa lập gia đình. Như vậy gặp nhau, gần nhau, hát tặng nhau toàn là những lời ca đầy tình tứ, làm sao họ khỏi say nhau. Say nhau họ không muốn bỏ dở cuộc hát, họ cần hát cho thật thỏa, thật đã, như vậy họ mời nhau về làng để hát mua vui một canh có sao!

Có khi bọn trai mời bọn gái, có khi bọn gái mời bọn trai. Thường thì, hai bọn mới gặp nhau đã say nhau lời hát, bọn gái mời bọn trai về làng trước. Tại sao vậy? Xin thưa: Bọn trai ngủ đêm ở một làng lạ không sao, còn bọn gái trước khi ngủ đêm xã nào cần phải được phụ huynh biết trước và cho phép.

Khi một bọn gái mời một bọn trai về làng, họ phải trình phụ huynh và bọn gái này được tiếp ở nhà chị Hai.

Tục lệ quan họ lạ lắm! Bọn quan họ trai do bọn gái mời tới làng được phụ huynh bọn gái tiếp đã rất long trọng. Cha mẹ các cô gái tỏ ra rất quý mến những chàng trai. Những chàng trai này được mời lên nhà trên, ngồi một bên, còn các cô gái ngồi mé bên kia, trong khi đó người làng các cô kéo tới nghe hát và xem mặt liền anh.

Đôi bên sẽ hát với nhau trắng đêm!

Họ hát quên ăn chăng? Không, bọn quan họ trai được tiếp đãi lịch sự với cơm nước thịnh soạn. Các cô gái đã góp tiền nhau đã làm cơm mời liền anh. Lẽ tất nhiên liền anh xơi cơm bên này, liền chị cũng xơi cơm ở mé bên kia, và hai mâm đều có vẻ như hai mâm cỗ Xuân.

Lần này liền chị mời liền anh, một bữa khác, liền anh sẽ xin phép phụ huynh liền chị để mời lại. Trong khi liền anh tới làng liền chị, các trai làng không hề tỏ vẻ ghen tuông mà còn rất nhiều thiện cảm với liền anh là khác.

Không nói cho trai làng, nếu cô gái quan họ có chồng, chồng cô cũng không ghen; và chính họ cũng không nhận là vợ, e liền anh mất cảm tình, họ chỉ bảo đó là cháu hay là họ hàng gì đó! Trường hợp này rất ít vì các cô gái đã lập gia đình thường giữ ý không đi hát hội như khi còn son trẻ.

Đã có làng, có một chị Hai có chồng đứng đầu một bọn quan họ nữ. Bọn này mời một bọn quan họ nam tới làng, và chị Hai phải lo việc đăng cai. Chính chồng chị đã thân hành làm cơm để mời liền anh.

Sau bữa cơm, hai bên liền anh và liền chị cùng nhau tiếp tục cuộc chơi tới tang tảng sáng. Liền anh ra về, liền chị tiễn đưa tới tận cổng làng, và cũng có nhiều anh chị em của liền chị đưa chân theo.

Khi một bọn quan họ nam mời một bọn quan họ nữ tới hát đêm cũng vậy, cũng cơm nước và cũng có người làng tới xem mặt liền chị và cũng tiễn đưa lúc sáng ngày.

Đừng ai có ý nghĩ gì xấu với họ! Họ tiếp nhau, suốt đêm chỉ bằng câu hát, và không có chuyện trên bộc trong dâu, hay nói theo Kinh Thi là những trò trèo tường dòm vách.

HÁT GIẢI

Từ trên mới chỉ trình bày về những cuộc hát vui Xuân, ở hội cũng như ở nhà. Hát quan họ có những cuộc thi đua lấy giải rất gay go.

Tại nhiều hội Xuân tại vùng quan họ, ngoài các cuộc vui như đánh đu, đánh cờ... còn có treo giải hát quan họ. Thường có ba giải, và giải thưởng gồm trà, pháo, khăn điều, đôi khi có thêm tiền.

Giải quan họ được treo suốt ngày hội để các bọn quan họ các nơi có thì giờ tới dự.

Hát quan họ giải, thường hát ở nhà tả vu, hữu mạc đình làng.

Giải thưởng đặt ở trên mọi án thư, hai bên là hai chiếc tràng kỉ, dành cho hai bên nam nữ dự giải.

Trên án thư, về mé bên nữ có úp mười chiếc chén và phía nam có sáu chiếc. Mỗi khi bên nào thua, bị lấy đi một chiếc chén. Như vậy, muốn thắng, bên nam phải thắng bên nữ mười câu, còn bên nữ chỉ cần thắng bên nam sáu câu là được. Hát được một bọn chưa phải là được, có thể có những bọn khác vào tranh tài. Bọn thắng phải làm sao giữ được giải trong suốt thời gian ấn định của hội làng có khi một hai ngày, có khi ba ngày.

Đôi bên hát giải dưới sự trọng tài của một người cầm trịch. Người cầm trịch là một người hát giỏi biết nhiều giọng, có thể hát lại được những câu hát sai của bên thua.

Muốn vào dự giải, bọn dự thi phải hát qua đủ năm giọng trên cho người cầm trịch nghe. Không hát đủ năm giọng trên không được dự hát giải.

Hát giải quan họ cần phải hát đối nghĩa là bên hát trước hát một câu bên hát sau phải có một câu đối lại, phải đối cả ý lẫn giọng, sai ý hoặc sai giọng đều không được. Khi đối giọng phải đối đủ những mạch đệm như câu ý a, tình tang, hự trăng ới hư.

TRỞ LẠI HỘI LIM

Sau khi trình bày xong tục hát quan họ mà làng Cầu Lim tức là Lũng Giang có thể là nơi khởi thủy, chúng tôi xin trở lại hội Lim.

Hội Lim với tục hát quan họ, với nhiều trò vui cổ truyền khác, thường được dân chúng quanh vùng rất ưa thích nên hằng năm vào ngày hội bao giờ cũng rất đông khách kéo tới lễ thần và xem hội. Các cô gái quê, nhân dịp này kéo nhau tới hát hội.

Con gái Bắc Ninh có tiếng là xinh đẹp nhưng duyên dáng hơn lại chính là những cô gái Duệ Cầu Lim, nhan sắc các cô đã khiến những chàng trai quanh vùng không quên nổi, và hàng năm cứ chờ tới hội Lim để mong gặp gỡ:

Hôm nay là buổi hội Lim,
Nhớ em nên phải đi tìm em đây.
Lòng em vẫn ước ao tình hôm nay.
Trầu ăn ta lại càng say,
Càng say nhớ buổi hôm nay càng nhiều.

Ấy những người trai gái vùng quê họ thương yêu nhau chỉ tỏ tình qua mấy câu hát và mai sau duyên nợ nên vợ nên chồng đó là số trời, họ không sàm sỡ, không lần khân. Bản chất của họ ngây thơ như thế đấy!

Theo TOAN ÁNH

Trích HỘI HÈ ĐÌNHĐÁM của Toan Anh_ Quyển hai trang 76_99

1974 Sai Gon

26 . TỤC ĐỐT PHÁO

Ngày tết, ngày hội Xuân, thường thường làng nào cũng đốt pháo, nhưng đặc biệt làng Đông Ky, khi đốt pháo thì đốt những quả pháo khổng lồ bên những tràng pháo dây. Chiếc pháo khổng lồ này có thể to bằng thân một phi cơ DC-3, bằng đầu máy một đoàn xe lửa.

Tiếng pháo tượng trưng cho tiếng súng của Thiên Cương đế bắn quân địch.

Theo sự tích, ngày mồng bốn, quân của Thiên Cương đế giao tranh với quân giặc kịch liệt và đã đại thắng trong trận này.

Để nhắc lại võ công hiển hách của thần linh, dân làng đốt liên hồi những tràng pháo thay cho tiếng súng. Tiếng pháo cũng nói lên sự vui mừng của dân làng, thay cho tiếng ba quân hò reo, lại thay cả những tiếng hô của tướng lĩnh thúc ba quân xung phong tiến.

Pháo đốt ở sân đình bắt đầu từ giờ Mùi cho đến chiều tối, cho đến khi nào dân làng đốt hết pháo. Pháo nổ lạch tạch đùng, những quả pháo cối nổ xen lẫn những tràng pháo dây, nghe như ngày nay những tiếng đại bác lẫn vào những tiếng liên thanh.

Giữa những tiếng pháo nổ lại có những tiếng la hò của dân làng như lệnh vỡ. Thật là tưng bừng, thật là náo nhiệt, thật là vui thú với cảnh thanh bình.

Trước hồi Đệ nhị Thế chiến, vật liệu làm pháo còn mua được dễ dàng, trong làng có người làm được những quả pháo dài tới 16 thước ta, đường kính 4 thước ta (gần hai thước ngày nay), nghĩa là to nhinh nhỉnh như thân chiếc phi cơ DC-3. Quả pháo được treo cao trên cây, ngòi thật dài, lúc đốt dân làng phải tránh xa.

Còn những tràng pháo cũng dài, dài một cách khả kính, lúc đốt đã phải treo trên cây cao, vẫn còn phải vắt qua tường đình, qua nhà tám mái thõng xuống sân đình. Bắt đầu đốt, pháo nổ phải hàng giờ mới hết.

Lớn, nhỏ, dân làng ai cũng đốt pháo. Tiếng pháo làm hoảng sợ quân địch, xua đuổi tà ma, nói lên sự hân hoan của dân làng và tượng trưng cho sự thịnh vượng của toàn xã.

Với pháo đốt như vậy, chúng ta hãy tưởng tượng sân đình ngày hôm đó, xác pháo rắc ra sao, và mùi khói bốc lên vừa thơm vừa khét tới độ nào. Xác pháo hồng như muốn khoe với hoa xuân, đua với màu sắc sặc sỡ quần áo ngày xuân.

Ngày Tết càng vui vẻ, người ta chơi Tết càng hân hoan theo pháo nổ để tự thưởng công cho những ngày lam lũ và vất vả quanh năm.

28. Đề: Giới thiệu về ca dao Việt Nam.

BÀI THAM KHẢO

Ca dao, dân ca là những khái niệm tương đương chỉ các thể loại trữ tình dân gian kết hợp lời và nhạc, diễn tả đời sống nội tâm của con người Việt Nam. Hiện nay, người ta có sự phân biệt hai khái niệm *dân ca* và *ca dao*. *Dân ca* là những sáng tác kết hợp *lời* và *nhạc*, *ca dao* là lời thơ của dân ca.

Thí dụ:

"Ai đem con sáo sang sông
Để cho con sáo sổ lồng bay xa".

là lời ca dao của bài dân ca *Lí con sáo* với âm điệu thay đổi theo từng miền:

Thí dụ:

" Ài i..i đem con sáo ...sáo sang sông
Cho sáo sổ lồng...
Cho sáo sổ lồng...
Sổ lồng bay xa con sáo... sáo bay xa...
Sổ lồng bay xa con sáo... sáo bay xa..."

Ca dao còn gồm cả những bài thơ dân gian mang phong cách nghệ thuật chung với lời thơ dân ca.

Ngoài ra, khái niệm ca dao còn được dùng để chỉ một *thể thơ dân gian- thể ca dao*. Đó là một thể thơ xen kẽ những câu sáu chữ với câu tám chữ, theo nhịp chẵn, chữ thứ sáu ở câu sáu vần với chữ thứ sáu của câu tám. Thí dụ:

"Tay ôm bó mạ xuống đồng
Miệng ca tay cấy mà lòng nhớ ai".

Ca dao diễn tả tình cảm, tâm trạng của một số kiểu nhân vật trữ tình: *người mẹ, người vợ, người con*, v.v... trong quan hệ gia đình; *chàng trai, cô gái* trong quan hệ tình bạn, tình yêu; *người phụ nữ, người dân thường* v.v... trong quan hệ xã hội. Nó không mang dấu ấn cá nhân tác giả như thơ trữ tình (của văn học viết). Trong ca dao, những tình cảm, tâm trạng của các kiểu nhân vật trữ tình và cách thể hiện thế giới nội tâm của các kiểu nhân vật này đều mang tính chất chung, phù hợp với lứa tuổi, giới tính, nghề nghiệp, địa phương... Trong cái chung đó, mỗi bài ca dao lại có nét riêng độc đáo, sáng tạo. Bất cứ ai trong nhân dân, nếu thấy bài ca phù hợp đều có thể sử dụng, xem đó là tiếng lòng mình. Vì thế, ca dao được coi là "thơ của vạn nhà", là tấm gương soi của tâm hồn và đời sống dân tộc Việt Nam.

Ca dao có những đặc điểm nghệ thuật truyền thống. Nó rất ngắn gọn. Hơn 90% số bài ca dao đã được sưu tầm đều sử dụng thể thơ *lục bát* hoặc *lục bát biến thể*. Trong ca dao còn có các thể thơ khác như *song thất lục bát* (hai câu 7 tiếng kết hợp với câu thơ sáu tám), *vãn bốn* (câu thơ bốn tiếng) *vãn năm* (câu thơ năm tiếng).

Ca dao là *thơ trữ tình - trò chuyện* nên khi phân tích, cần tìm hiểu bài ca dao ấy là lời của ai tâm sự với ai, tâm sự ấy là gì và được thể hiện như thế nào.

Ca dao rất ngắn gọn, hàm súc, thể hiện đậm nét những yếu tố truyền thống. Khi tìm hiểu những vấn đề nói trên, cần đặt bài ca dao vào nhóm tác phẩm và các hệ thống (đề tài, nhân vật, hình ảnh, ngôn ngữ) của nó. Làm như vậy tức là dựa vào *cái chung* để hiểu *cái riêng* và từ *cái riêng* mà hiểu *cái chung* của kho tàng ca dao, từng bài ca dao cụ thể.

29. Đề: Hãy thuyết minh (có minh họa) về một thể loại văn học mà em đã học trong chương trình Ngữ văn.

BÀI THAM KHẢO

I. Mở bài

Trong văn chương cổ điển của nước ta, thể thơ phổ biến là thể thất ngôn bát cú Đường luật. Thể thơ này được quy định chặt chẽ từ đời Đường, Trung Quốc, thường được gọi là thơ luật để phân biệt với thơ cổ phong. Thơ thất ngôn bát cú Đường luật chẳng những là một loại văn bài được sử dụng trong thi cử ngày xưa, mà còn là thể loại sáng tác chủ yếu được các nhà thơ nước ta ưa chuộng.

II. Thân bài

1. Yếu tố đầu tiên của tiết tấu là ***lượng thơ.***

Mỗi dòng thơ đều có 7 chữ (thất ngôn) và 8 dòng thơ đều trọn ý, trở thành 8 câu thơ (bát cú). Chính lượng thơ cùng với những yếu tố thi luật sẽ giúp ta phân biệt thể thất ngôn bát cú Đường luật với các thể thơ khác.

2. Trên *độ dài* của lượng thơ, tiết tấu được thực hiện bằng cách *phân nhịp*. Trong bài *Cảm tác vào nhà ngục Quảng Đông* (Phan Bội Châu) các dòng thơ có ***nhịp thơ*** chẵn – lẻ. Hai câu 3, 4 có nhịp 4/3:

Đã khách không nhà/ trong bốn biển,

Lại người có tội/ giữa năm châu.

Để không trùng lặp, hai câu kế tiếp, dù vẫn có nhịp chẵn – lẻ, nhưng được thay đổi để không trùng với hai câu trên, nên có nhịp 2/2/3:

Giang tay/ ôm chặt/ bồ kinh tế,

Mở miệng/ cười tan/ cuộc oán thù.

3. Phối thanh

Nhịp thơ chẳng những được tổ chức theo lượng thơ, mà chủ yếu là theo *luật phối thanh*, gồm *luật bằng trắc* và *phép niêm*.

- Từng câu trong bài thơ phải theo *luật bằng trắc* nhất định. Đó là cách sắp xếp đúng vị trí những tiếng bằng, trắc trong câu thơ:

• Nếu tiếng thứ 2, thứ 6 bằng, thì tiếng thứ 4 trắc: câu thơ có luật bằng:

Vẫn là hào kiệt, vẫn phong lưu,

B T B

• Nếu tiếng thứ 2 và thứ 6 trắc, thì tiếng thứ 4 bằng: câu thơ có luật trắc:

Chạy mỏi chân thì hãy ở tù.

T B T

Còn luật thơ toàn bài căn cứ vào luật của câu 1: bài *Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác* có luật bằng vì câu 1 theo luật bằng.

- Ngoài ra, luật bằng trắc của các dòng thơ hòa hợp, cân xứng nhau, tạo nên *phép niêm*. Trong bài thất ngôn bát cú Đường luật, từng đôi câu thơ niêm với nhau: câu 1 niêm câu 8, câu 2 niêm câu 3, câu 4 niêm câu 5, câu 6 niêm câu 7.

Chính luật bằng trắc và phép niêm tạo nên sự hài hòa về nhạc điệu, góp phần tạo sức rung cảm cho bài thơ khi được ngâm lên.

4. Vừa tạo nên sự cân đối cho bài thơ, vừa cân đối ý thơ là ***phép đối***. Đó là sự bố trí hai dòng thơ song song về số lời, đối lập về bằng trắc nhưng tương đồng về cú pháp. Trong thơ thất ngôn bát cú Đường luật, phép đối được thực hiện nghiêm ngặt ở hai câu thực (3, 4) và hai câu luận (5, 6): đối về thanh, về ý và về từ loại:

Đã – khách không nhà – trong – bốn biển,

Lại – người có tội – giữa – năm châu.

Bủa tay – ôm chặt – bồ kinh tế,

Mở miệng – cười tan – cuộc oán thù.

5. Về ***bố cục***, bài thất ngôn bát cú Đường luật thường gồm 4 đoạn: đề, thực, luận, kết. Trong bài thơ *Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác:*

- *Câu phá đề (1):* nêu cảm xúc mở đầu, thể hiện sự ung dung, nét ngang tàng.

- *Câu thừa đề* (2): gợi đề tài bị giam cầm để đưa xuống ý các câu dưới.

- *Hai câu thực* (3, 4): tả cuộc đời đầy sóng gió của nhà chí sĩ yêu nước.

- *Hai câu luận* (5,6): thể hiện khẩu khí của bậc hào kiệt.

- *Hai câu kết* (7,8): khẳng định tư thế hiên ngang, ý chí sắt thép của người anh hùng.

6. ***Vần*** là hiện tượng hiệp các khuôn vần giữa các âm tiết trên những dòng thơ, có tác dụng liên kết các dòng thơ, tạo nên hiện tượng hòa âm, đồng thời giúp ta dễ nhớ, dễ thuộc thơ.

Bài thơ thất ngôn bát cú Đường luật chỉ gieo *một vần* (độc vận) cho toàn bài, ở âm tiết cuối câu 1 và ở các câu chẵn 2, 4, 6, 8. Ta thấy bài thơ *Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác* chỉ gieo một vần cho toàn bài ở cuối các câu 1 (***lưu***), câu 3 ***(tù)***, câu 4 (***châu)***, câu 6 ***(tù)***, câu 8 ***(đâu)***.

7. ***Ngôn ngữ thơ*** cũng ghi nhận nhiều nét đặc sắc, thể hiện một phong thái thật đường hoàng, tự tin, vừa ung dung thanh thản, vừa ngang tàng bất khuất: *hào kiệt, phong lưu.* Có những cụm từ mang ý nghĩa sâu sắc. *Khách không nhà, người có tội* thể hiện bi kịch cá nhân tác giả giữa bi kịch chung của cả đất nước: nước mất nên người yêu nước lâm vào cảnh bốn bể không nhà, bị săn lùng khắp năm châu, trở thành người có tội, mỉa mai thay lại là tội yêu nước, thương nhà. Cũng có ngôn ngữ khoa trương (*ôm chặt bồ kinh tế)* thể hiện khẩu khí của bậc hào kiệt, đẩy ý thơ lên nét lãng mạn anh hùng...

III. Kết bài

Thơ làm ta xúc cảm vì ý và rung động vì lời. Khi cảm thông tâm sự của nhà thơ thì trong một chừng mực nào đó, ta rung động với những vần thơ êm ái, ngôn ngữ gợi cảm, âm điệu du dương trầm bổng. Đó chính là sự đóng góp của nhạc điệu, những yếu tố thi luật chặt chẽ mà phóng khoáng, tạo niềm cảm phục chân thành trước tầm vóc kì vĩ, phi thường của người anh hùng lúc sa cơ, niềm xúc động sâu sắc trước ý chí sắt thép và tâm sự bi tráng của nhà thơ yêu nước Phan Bội Châu vào đầu thế kỉ XX của nước ta.



PHẦN III: PHÂN TÍCH NHÂN VẬT VÀ TÁC PHẨM

LÍ THUYẾT PHÂN TÍCH TÁC PHẨM và PHÂN TÍCH NHÂN VẬT

I. KHÁI NIỆM VỀ PHÂN TÍCH TÁC PHẨM

A. Khái niệm về tác phẩm

Tác phẩm là một sáng tác được ra đời sau những cảm hứng, xúc động và biểu hiện của một nghệ sĩ. Nó có thể thuộc về văn học (như một bài thơ, một truyện ngắn, một tiểu thuyết, một kịch bản), thuộc về hội họa (như một bức tranh) hay âm nhạc, điêu khắc...

B. ***Phân tích tác phẩm là tìm hiểu ý nghĩa, nêu lên giá trị về nội dung và nghệ thuật, vị trí và tác phẩm ấy.***

Phân tích tác phẩm phải đặt nó trong mối quan hệ giữa tác phẩm và hoàn cảnh tác giả, đồng thời phải tìm mối quan hệ giữa tác phẩm và hoàn cảnh xã hội, lịch sử.

Công việc phân tích tác phẩm của học sinh lớp 9 chỉ là phân tích tác phẩm văn học, gồm hai thể loại chính là THƠ và TRUYỆN

C. ***Phân tích nhân vật là dựa vào ngoại hình, ngôn ngữ, cử chỉ và lối xử sự của nhân vật ấy để tìm ra tính cách nhân vật và thông qua tính cách nhân vật, ta sẽ tìm ra chủ đề mà người viết gửi gắm trong tác phẩm.***

D. Bốn dạng đề thường gặp

1. *Đề phân tích toàn tác phẩm*

Ví dụ 1: Em hãy phân tích hai câu thơ của Bảo Định Giang:

"Tháp Mười đẹp nhất bông sen
Nước Nam đẹp nhất có tên Bác Hồ"

Ví dụ 2: Em hãy phân tích bài thơ *"Quê hương"* của Tế Hanh.

2. *Đề phân tích một khía cạnh hoặc một nhân vật trong tác phẩm:*

Ví dụ 1: Em hãy phân tích bài thơ *"Nhớ rừng"* của Thế Lữ để tìm hiểu tâm sự của một thế hệ Việt Nam trong đó.

Ví dụ 2: Em hãy phân tích nhân bé Hồng trong trích đoạn *Trong lòng mẹ* (trích từ hồi kí *Những ngày thơ ấu*) của Nguyên Hồng để tìm thấy những nét đẹp của tình mẫu tử.

3. *Đề phân tích để chứng minh*

Ví dụ 1: Phân tích nhân vật lão Hạc trong truyện ngắn cùng tên của Nam Cao để chứng minh rằng cuộc sống của nhân dân ta trước Cách mạng tháng Tám là một bi kịch không có lối thoát.

Ví dụ 2: Nhà văn Hoài Thanh có nhận xét về giá trị của tác phẩm *Lục Vân Tiên* như sau:

"Nhân dân ta yêu Lục Vân Tiên không phải chỉ vì nội dung mà còn yêu vì nghệ thuật, yêu ngòi bút rất sắc của Nguyễn Đình Chiểu khi đâm thẳng vào hạng người phản phúc, lừa bịp, yêu những hình ảnh nhân nghĩa sáng ngời xuất hiện dưới ngòi bút nhà thơ".

Em hãy phân tích một hai đoạn trích đã học và đọc thêm trong truyện *Lục Vân Tiên* để làm sáng tỏ một trong những giá trị nói trên của tác phẩm.

4. *Đề hỗn hợp giữa phân tích và phát biểu cảm nghĩ.*

Ví dụ: Em hãy phân tích bài thơ: *"Đập đá ở Côn Lôn"* của Phan Chu Trinh và qua đó phát biểu cảm nghĩ của em về lí tưởng của tác giả.

II. HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH

Bước 1: Nắm vững yêu cầu của đề

Có những sự nhanh nhẹn *"nguy hiểm"* là nghe đọc đề hoặc chép đề xong, các em cắm cúi viết ngay, *"tràng giang đại hải"* và ...lạc đề!

1. Tốt hơn hết, em hãy chép lại đề vào một tờ giấy nháp. Chép càng rõ, càng thưa dòng càng tốt. Dù có chép đề vào bài thi rồi, cũng cứ phải chép lại trên giấy nháp.

2. Sau đó, em hãy dùng các loại bút màu để gạch dưới, đóng khung các từ quan trọng, các ý quan trọng, các câu ghép có ngữ pháp đặc biệt trong đề. Chú ý:

a. các từ bóng bẩy, nhiều nghĩa.

b. Các từ Hán Việt.

c. Các từ có nghĩa riêng trong đề.

d. Các câu ghép có kết cấu như:

C – V nhưng C – V

Dù C – V nhưng C – V

Em phải biết ý của vế 2 quan trọng hơn vế 1, *khi làm bài phải phân tích kĩ vế 2.*

3. Rút ra yêu cầu:

a. Yêu cầu phân tích tác phẩm nào?

b. Phân tích toàn bộ hay phân tích một nhân vật, một đặc điểm?

c. Có phân tích để chứng minh vấn đề hay không?

d. Ngoài phân tích, có phát biểu cảm nghĩ hay bình luận gì không?

e. Cốt lõi của vấn đề?

Thực hành tìm hiểu đề

Ví dụ 1: Em hãy phân tích bài thơ "Nhớ rừng" để tìm hiểu tâm sự của một thế hệ thanh niên Việt Nam trước 1945.

a. Yêu cầu phân tích bài thơ *Nhớ rừng*

b. Chỉ đi sâu vào tâm trạng con hổ là chủ yếu.

c. Không yêu cầu chứng minh.

d. Không yêu cầu phát biểu cảm nghĩ.

e. Cốt lõi vấn đề: nêu lên tâm sự một thế hệ qua hình ảnh con hổ trong Thảo Cầm Viên mà tác giả miêu tả ở bài thơ.

Bước 2: Nắm vững và phác thảo dàn ý

I. Phần nhập đề

Cách 1: Dẫn vào đề theo lối trực tiếp (trực khởi). Cách này ngắn, gọn, tiết kiệm thời gian nhưng đôi khi kém hấp dẫn.

Cách 2: Dẫn vào đề theo lối gián tiếp (gián khởi). Nếu áp dụng cách 2, nhập đề sẽ gồm 3 phần nhỏ:

a. Dẫn vào đề: bằng nhiều phương pháp.

b. Đặt vấn đề: bằng cách lập lại vấn đề chính của đề luận.

c. Giới hạn vấn đề: cũng là phần chuyển ý: báo trước công việc sẽ giải quyết ở thân bài.

Có nhiều phương pháp dẫn vào đề; nếu nắm vững, sẽ tiết kiệm được thời gian làm phần đặt vấn đề để đi vào phần giải quyết vấn đề một cách tỉ mỉ, không vội vã. Sau đây là một số phương pháp chính:

1. Phương pháp giới thiệu vài sự kiện quan trọng trong cuộc đời tác giả:

Ví dụ: Phân tích đoạn trích "Nước Đại Việt ta" trong Bình ngô đại cáo của Nguyễn Trãi, ta có thể viết nhập đề như sau:

Dẫn vào đề: Mùa xuân 1428, một sự kiện lịch sử quan trọng đã đến trên đất nước ta: Nghĩa quân Lam Sơn đã liên tiếp thắng lợi, tướng nhà Minh bỏ khí giới, đầu hàng; Nguyễn Trãi thay Lê Lợi viết Bình Ngô đại cáo, tuyên bố hòa bình, độc lập. Cũng từ mùa xuân đó, cuộc đời của người anh hùng văn võ song toàn Nguyễn Trãi đã chuyển sang giai đoạn khác. Những sự kiện ấy đã ảnh hưởng không nhỏ đến sự nghiệp văn học của Ức Trai tiên sinh.

Để hiểu rõ hơn, chúng ta thử đi vào phân tích đoạn trích "Nước Đại Việt ta"...

2. *Phương pháp giới thiệu quê hương tác giả*

Ví dụ: Phân tích *Truyện Kiều* (hoặc một đoạn trong *Truyện Kiều*) của Nguyễn Du.

Dẫn vào đề:

"Nửa đêm qua huyện Nghi Xuân
Bâng khuâng nhớ Cụ, thương thân nàng Kiều"...

Hơn hai trăm năm về trước, nơi làng Tiên Điền huyện Nghi Xuân ấy đã có một thi hào dân tộc ra đời – Nguyễn Du – người đưa văn học chữ Nôm của dân tộc ta đến đỉnh cao từ thế kỉ thứ XVIII.

3. *Phương pháp giới thiệu hoàn cảnh sáng tác*

Ví dụ: Phân tích bài thơ *"Khi con tu hú" của Tố Hữu.*

Dẫn vào đề: Là một thanh niên yêu nước, Tố Hữu sớm tham gia vào những hoạt động cách mạng chống Pháp, tháng 4 năm 1939, ông bị thực dân Pháp bắt giam vào phủ Thừa Thiên ở Huế, ông lại chuyển sang nhà ngục Lao Bảo ở Quảng Trị và nhiều nhà tù ở Tây Nguyên. Trong hoàn cảnh đó, bài thơ "Khi con tu hú" đã ra đời năm 1939 ....

4. *Phương pháp suy diễn*

(Tức mở đầu bằng một lãnh vực lớn hơn, rộng hơn lãnh vực tác phẩm; rồi từ đó mới đi vào giới thiệu tác phẩm).

Thí dụ:

Công cha như núi Thái Sơn
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra
Một lòng thờ mẹ kính cha
Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con.

Em hãy phân tích bài ca dao ấy.

Dẫn vào đề: Nói đến "đạo làm người" thực chất là nói đến việc sử lí sao cho tốt nhất mối quan hệ giữa người và người trong xã hội. Một trong những quan hệ ấy là: chữ "Hiếu". Ca dao có nhiều bài thơ hay về đề tài này, trong đó có bài ca dao sau: "Công cha như núi Thái Sơn..."

5. *Phương pháp tương đồng*

Là cách đề cập một vấn đề, một tác phẩm tương tự với đề luận.

Ví dụ: Cùng đề trên.

Dẫn vào đề: Nói đến hai từ *công cha nghĩa mẹ, người xưa có câu:*

Chim trời ai dễ đếm lông
Nuôi con ai dễ kể công tháng ngày

Cùng với chủ đề trên, ca dao còn có một bài lục bát nổi tiếng:

Công cha như núi Thái Sơn...
....mới là đạo con"

6. *Phương pháp tương phản*

Cùng đề trên.

Dẫn vào đề: Trong đời, có bao nhiêu người vì nhớ ơn cha mẹ mà đêm ngày báo đáp, lại có bao người bất hiếu mà lỗi phận làm con..... Cho nên ca dao có câu chế nhạo họ rằng:

" Cha mẹ nuôi con bể hồ lai láng
Con nuôi cha mẹ, tính tháng, tính ngày"
" Làm ơn há dễ trông người trả ơn".

Trên đây là một số phương pháp thông thường có thể áp dụng để làm nhập đề, các đoạn văn nhập đề trên chỉ là thí dụ gợi ý cho các em dễ hiểu và từ đó dễ rèn luyện.

II. Phần thân bài

Trong phân tích tác phẩm, có thể có hai cách xây dựng bài.

Cách 1:

A. Phân tích nội dung tác phẩm.

B. Phân tích nghệ thuật tác phẩm.

Cách này xét cho cùng không được thông dụng lắm và có một số nhược điểm.

Cách 2:

Kết hợp phân tích cả nghệ thuật và nội dung theo hướng thông qua nghệ thuật để khám phá nội dung. Cách này lại có hai hướng.

1. Cắt ngang tác phẩm

Tức là phân tích dựa theo kết cấu thể loại tác phẩm.

Ví dụ: Phân tích bài "Khóc ông phủ Vĩnh Tường" ta có một thể theo trật tự.

1. Hai câu đề.
2. Hai câu thực.
3. Hai câu luận.
4. Hai câu kết.

Hướng này thường áp dụng cho những tác phẩm ngắn hoặc có nội dung rõ ràng, kết cấu đơn giản.

2. Bổ dọc tác phẩm

Tức là phân tích theo từng khía cạnh của chủ đề tác phẩm hoặc theo từng nhân vật.

Ví dụ: Nếu phân tích tác phẩm *Truyện Kiều*, người ta thường phân tích

1. Giá trị tố cáo của *Truyện Kiều*.

2. Giá trị nhân đạo của *Truyện Kiều*.

3. Những tư tưởng của Phật giáo trong *Truyện Kiều*.

Bổ dọc tác phẩm thường dùng cho các tác phẩm dài hoặc ngắn nhưng có nhiều tình tiết và tầng nghĩa đan cài vào nhau.

Dù vận dụng cách nào, tư duy phân tích của chúng ta vẫn phải bảo đảm ba bước:

1. Khái quát về tác phẩm

2. Phân tích tác phẩm

3. Tổng hợp.

III. Phần kết luận

Một bài phân tích tác phẩm cũng thường gồm ba phần như các bài nghị luận khác là:

1. Khẳng định giá trị vấn đề

2. Mở rộng, nâng cao vấn đề.

3. Phát biểu cảm nghĩ

(Nếu vậy có yêu cầu phát biểu cảm nghĩ thì phần này phải làm ở thân bài)

Nhưng cần cụ thể như sau:

a) Khẳng định giá trị của tác phẩm, tác giả trong hoàn cảnh sáng tác, (nếu là đoạn trích thì khẳng định vị trí của đoạn trích trong tác phẩm). Khẳng định vị trí của tác phẩm trong nền văn học nước nhà.

b) Đề cập tới một chủ đề lớn hơn, có liên quan với chủ đề của tác phẩm, đặt tác phẩm vào một dòng văn học hay một giai đoạn văn học.

c) Cho biết phần nào, ý nào, nhân vật nào gây xúc động nhất?

- Thái độ sống nên có?

Bước 3: Nắm vững câu hỏi tìm ý

A. Trường hợp tác phẩm là thơ

1. *Hoàn cảnh sáng tác như thế nào?*
2. *Tác giả sử dụng các từ đặc sắc nào? Các từ ấy diễn tả ý gì? Thể hiện tâm trạng tác giả ra sao?*
3. *Tác giả dùng các hình ảnh đẹp, đặc sắc nào? Vậy phong cảnh như thế nào? Phong cảnh buồn hay vui, bộc lộ tâm trạng gì?*
4. *Tác phẩm sử dụng những biện pháp tu từ nào? Biện pháp ấy bộc lộ nội dung gì?*
5. *Bài thơ có gợi điển tích gì không? Điển tích ấy nói lên điều gì?*
6. *Nhịp, thanh, vần của bài thơ có gì đặc biệt? Điểm đặc biệt ấy thể hiện điều gì?*
7. *Có tứ thơ nào mới lạ, đặc sắc trong bài?*
8. *Giá trị nghệ thuật và nội dung của bài thơ?*
9. *Tác dụng của bài thơ?*

B. Trường hợp tác phẩm là truyện

1. *Tác phẩm của ai? Sáng tác thời điểm nào? Hoàn cảnh nào? Khái quát về tác phẩm?*
2. *Phân tích cốt truyện (bổ ngang) hoặc phân tích nhân vật (bổ dọc).*
3. *Ở đầu tác phẩm, nhân vật (hoặc các nhân vật) được giới thiệu ra sao? Hoàn cảnh thế nào? Hành động ngôn ngữ, tâm trạng như thế nào? Qua đó nhân vật bộc lộ đặc điểm gì?*
4. *Ở giữa tác phẩm, nhân vật (hoặc các nhân vật) gặp những hoàn cảnh gì, biến cố gì? Trước những hạnh phúc, bất hạnh, may mắn hoặc rủi ro ấy, họ có suy nghĩ gì, hành động ra sao? Vậy họ đã bộc lộ tính cách gì? Tốt hay xấu?*
5. *Kết thúc truyện, từng nhân vật có số phận ra sao? (Sướng hay khổ? Hạnh phúc hay bất hạnh?) Số phận ấy có phù hợp với tính cách, đạo đức của nhân vật ấy không? (Có hợp lí không?)*
6. *Tác giả muốn nói lên kết luận gì, khám phá gì về xã hội và con người thông qua cuộc đời và số phận của nhân vật ấy (hoặc các nhân vật ấy)?*
7. *Em đánh giá như thế nào về tác phẩm, tác giả và có cảm xúc thế nào?*

Bước 4: Thực hành trên nháp.

A. Đối với tác phẩm là thơ

Gồm 5 công việc sau:

1. Chép lại bài thơ thật rõ, chừa hàng thừa hoặc lề rộng.

2. Gạch dưới các yếu tố nghệ thuật bằng bút màu (từ đặc sắc, điển cố, từ láy, hình ảnh đẹp, tu từ, nhịp, vần, thanh, đối...).

3. Suy nghĩ và trả lời trên giấy bên cạnh hoặc bên dưới các dòng thơ vừa chép các câu hỏi tìm ý ở bước 4. Có thể trả lời bằng cách gạch đầu dòng.

4. Diễn đạt các ý gạch đầu dòng trên thành những đoạn văn trau chuốt. Vừa viết vừa vận dụng phương pháp dựng đoạn, chuyển ý theo trật tự của phương pháp phân tích là: phân tích khái quát – phân tích chi tiết – tổng hợp.

5. Đọc lại, sửa chữa từ ngữ, chính tả và ngữ pháp.

B. Đối với tác phẩm là truyện

1. Ghi lại vắn tắt cốt truyện, nhưng phải bảo đảm các nhân vật chính, các tình tiết quan trọng, các hành động, tình huống, lời nói của các nhân vật.

2. Gạch dưới các chi tiết hành động, tình huống và suy nghĩ, lời nói có ý nghĩa sâu sắc của các nhân vật.

- Gạch dưới số phận các nhân vật ở cuối cốt truyện.

3. Trả lời các câu hỏi tìm ý đã học thuộc lòng ở bước 4 vắn tắt trên giấy nháp.

4. Diễn đạt các ý vắn tắt thành đoạn, thành phần thân bài, vừa viết vừa lưu ý kĩ năng dựng đoạn, chuyển ý, trật tự phân tích khái quát – phân tích chi tiết – tổng hợp.

5. Đọc lại, sửa chữa từ, chính tả, ngữ pháp.

LƯU Ý:

Nếu thời gian có hạn hoặc khả năng diễn đạt của em đã khá thành thục thì xong công việc 3 của bước 5, em có thể bắt đầu viết thẳng vào bài thi.

Đề 30: Phân tích nhân vật bà mẹ và bé Hồng trong tập hồi kí "Những ngày thơ ấu" của Nguyên Hồng.

Nguyên Hồng là nhà văn của những người cùng khổ. Ông thường viết về những lớp người "dưới đáy" với tình cảm yêu thương sâu sắc, chân thành. *Những ngày thơ ấu* là một tập hồi kí giàu chất trữ tình, trung thực và cảm động về tuổi thơ cay đắng của Nguyên Hồng thời thơ ấu. Đây là tác phẩm có giá trị của Nguyên Hồng và cũng là một tác phẩm có giá trị của văn học Việt Nam giai đoạn 1930 – 1945.

Trong lòng mẹ là chương IV của tập hồi kí *Những ngày thơ ấu* của Nguyên Hồng với tấm lòng yêu thương mẹ thật tha thiết, hồn nhiên, mãnh liệt trong đoạn trích.

Chương IV của tác phẩm đã miêu tả một cách sinh động *"những rung động cực điểm của một tâm hồn trẻ dại"* (Thạch Lam) đối với người mẹ, đã bộc lộ sâu sắc lòng yêu thương mẹ của bé Hồng. Hình ảnh người phụ nữ trong xã hội phong kiến, bị trói buộc trong những hủ tục khắt khe từ đó mà đau khổ, bất hạnh triền miên được thể hiện rõ.

Qua tác phẩm, bà mẹ của bé Hồng là người phụ nữ bất hạnh, không hề có hạnh phúc! Bà bị ép gả chồng mà không hề được tự ý lựa chọn theo mơ ước của mình. Càng đau khổ hơn khi chồng bà là người nghiện ngập, bệnh hoạn. Gia đình bên chồng tuy khá giả nhưng ích kỉ, nhiều thành kiến và cổ hủ nên đã ghét bỏ bà. Họa vô đơn chí! Bà góa chồng, gia đình tan nát lại nghèo khó, đành gửi con lại cho gia đình bên chồng để lưu lạc kiếm sống.

Người mẹ tái giá. Gia đình chồng coi đó là hành động tội lỗi nhục nhã vì bà có thai khi chưa hết tang chồng. Bà luôn bị gièm pha, oán trách, mỉa mai. Đến ngày giỗ chồng, cũng như lúc ra đi, bà mạnh dạn trở về để gặp con, để hai mẹ con lại có những phút giây *ngọt ngào êm dịu* hiếm hoi.

Như vậy, trước hết ta thấy bà mẹ bé Hồng điển hình cho người phụ nữ xưa, ngoan ngoãn theo thói tục cũ: lấy chồng theo sự lựa chọn của cha mẹ. Xuất giá tòng phu, bà vẫn sống trong khuôn khổ cũ. Khi chồng mất, bà túng quẫn, bà lại *"bước đi bước nữa"*, đã tự cởi trói cho mình để tìm hạnh phúc cho cuộc đời còn lại của mình. Bà đã thể hiện cá tính mạnh mẽ vượt lên thói tục thông thường để tìm hạnh phúc mới.

Người mẹ phải xa đứa con yêu dấu của mình nhưng lúc nào bà cũng thương nhớ con, đau nhói trong tim khi nghĩ đến cảnh con bà bơ vơ, lạc lõng, bị hắt hủi bên gia đình chồng cũ. Yêu con, bà đã chấp nhận mọi lời dị nghị và cách đối xử ghẻ lạnh để về thăm con trong ngày giỗ đầu chồng cũ. Ta có thể hiểu vì sao bà bặt tăm, không thư từ thăm hỏi, không quà bánh cho con đến gần một năm trời. Bà không muốn con bà phải nghe những lời đay nghiến, mỉa mai. Gặp lại con, bà xúc động, ôm con vào lòng với biết bao yêu thương và nước mắt. Đó là tình mẫu tử vô biên của một người đàn bà bất hạnh, đắng cay.

Thật xót xa khi cảnh đời thật của người mẹ trong hồi ký của nhà văn lại là cảnh đời tiêu biểu cho người phụ nữ Việt Nam thời xưa. Lễ giáo phong kiến, hủ tục khắt khe chỉ tạo thêm những dòng lệ thảm cho cuộc đời vốn bất hạnh của người phụ nữ. Mẹ bé Hồng là người dám thoát ra để vươn tới một hạnh phúc, một cuộc sống hợp lí tốt đẹp hơn.

Qua hồi kí về tuổi thơ nhiều cay đắng của Nguyên Hồng, ta hiểu thêm về phẩm chất cao quý của người phụ nữ Việt Nam trong thời đại với những hoàn cảnh thương tâm và ước mơ chân chính, với lòng thương con đậm đà, tha thiết.

Nội dung cơ bản của đoạn trích cũng toát lên từ chương hồi kí này là nỗi cay đắng uất nghẹn và tình thương yêu vô bờ bến của bé Hồng đối với người mẹ nhân từ, tần tảo mà cuộc đời chịu nhiều bất hạnh. Có hai sự kiện đã hóa thành kỉ niệm không thể phai mờ được nhà văn kể lại, ghi lại. Thứ nhất là cuộc trò chuyện của bé Hồng với bà cô; thứ hai là mẹ bé Hồng trở về, cuộc gặp gỡ đầy nước mắt, đầy niềm vui và hạnh phúc.

Nhớ lại cuộc trò chuyện với bà cô tức là nhà văn nhớ lại cảnh côi cút của một đứa bé và cảnh ngộ thương tâm của người mẹ hiền từ. Cha bé Hồng mất chưa đầy một năm. Mẹ bé Hồng trở thành người đàn bà bị cái tội bước đi bước nữa, nên bị gia đình chồng ruồng rẫy.

Vì *"cùng túng quá"* trong cái xã hội đầy thành kiến và hủ tục độc ác, người mẹ khốn khổ ấy phải bỏ con đi tha phương cầu thực. Thế là bé Hồng mất cha, lại xa mẹ phải sống nhờ họ hàng, bị hắt hủi tàn nhẫn. Đã một năm, bé Hồng không nhận được thư, không lời thăm hỏi hay một đồng quà của mẹ, bé Hồng nhớ thương mẹ, nhiều khi *rơi nước mắt.*

Cuộc trò chuyện với bà cô là kỉ niệm không thể quên về một nỗi đau uất nghẹn mà tuổi thơ Nguyên Hồng đã trải qua. Nỗi đau sâu xa của bé Hồng không chỉ là xa vắng mẹ mà còn là nỗi đau xé lòng khi đang nhớ thương mẹ, lại phải nghe những lời nói xấu cay nghiệt về mẹ. Ác ý của người cô bộc lộ rất rõ. Giọng của bà cô lúc *ngọt* lúc *nghiêm nghị* tỏ ra ngậm ngùi thương xót. Nhưng thực ra, lời nói của bà như khoét sâu vào nỗi đau của đứa bé tội nghiệp. Bé Hồng nhận rõ nét mặt khi cười rất kịch của bà cô. *Rắp tâm* của bà là gieo rắc vào đầu óc đứa cháu những *hoài nghi để nó khinh miệt và ruồng rẫy mẹ nó nhưng bé đinh ninh đời nào tình thương yêu và lòng kính mến mẹ tôi lại bị rắp tâm tanh bẩn xâm phạm ngay đến.* Tuy còn bé, rơi vào hoàn cảnh éo le như thế, Hồng đã sớm khôn ngoan, cố gắng giấu kín ý nghĩ và tình cảm của mình đối với bà cô. Nhưng cũng vì giấu kín nên nỗi đau và uất nghẹn ấy càng bùng nổ dữ dội.

Nỗi đau khổ sâu xa của chú bé không chỉ là thiếu tình thương mà còn ở chỗ chú thường bị người khác xúc phạm một cách độc ác về mẹ chú. *Một người đàn bà bị cái tội là góa chồng, nợ nần cùng túng quá, phải đi tha phương cầu thực,* xa cả đứa con yêu dấu.

Bằng cử chỉ cùng giọng nói thân tình tự nhiên nhất, bà cô bảo chú bé hãy đi thăm mẹ và "*thăm em bé*" (con sau của người mẹ). Đấy là những lời đầy dụng ý: *hai tiếng "em bé" mà cô tôi ngân dài ra thật ngọt, thật rõ, quả nhiên đã xoắn chặt lấy tâm có thể tôi như ý cô tôi muốn. Chú bé Hồng từ chỗ im lặng cúi đầu đến nước mắt ròng ròng*... Cái *cười dài trong tiếng khóc* đó cho ta thấy nỗi đau đớn tủi cực và cả nỗi căm giận buộc phải nén lại của chú bé sâu sắc biết chừng nào! Không phải là giọt nước mắt xấu hổ, tủi thân mà là giọt nước mắt của tình thương qua ý nghĩ thương mẹ tại sao phải sinh em bé một cách giấu diếm, trốn tránh.

Dường như chưa cho thế là đủ, bà cô còn *tươi cười* kể cho chú bé nghe rằng mẹ chú *ăn vận rách rưới, mặt mày xanh bủng* ngồi cho con bú ở chợ.. Chưa nghe hết câu chú bé đã nghẹn họng *khóc không ra tiếng.* Chú đau đớn và vô cùng căm giận những cổ tục đã đầy đọa người mẹ hiền từ đáng thương của mình.

Tình thương yêu mẹ của chú bé khi gặp lại mẹ là cảm giác vui sướng thấm thía tột cùng của chú khi được trở về "trong lòng mẹ". Đó là một cảm xúc lớn lao, mãnh liệt dâng trào, một cảm giác hạnh phúc tuyệt vời đã xâm chiếm toàn bộ cơ thể và tâm hồn chú bé.

Thoáng thấy bóng người ngồi trên xe kéo giống mẹ mình, chú bé cuống quýt đuổi theo gọi bối rối: *"Mợ ơi! Mợ ơi! Mợ ơi!..."* Nếu người quay lại ấy là người khác thì thật là điều tủi cực ghê gớm cho chú bé, *khác gì cái ảo ảnh của một dòng nước trong suốt chảy dưới bóng râm đã hiện ra trước con mắt gần rạn nứt của người bộ hành ngã gục giữa sa mạc.* Bé Hồng khát tình mẹ như người bộ hành khát nước đến kiệt sức ở sa mạc. Hình ảnh so sánh cực tả nỗi nhớ mong mẹ tới cháy ruột của bé Hồng. Khát khao càng mãnh liệt nên được gặp mẹ, bé Hồng xiết bao hồi hộp, sung sướng! Chú bé *thở hồng hộc, trán đẫm mồ hôi* và khi trèo lên xe, chú *ríu cả chân lại.* Biết bao hồi hộp sung sướng, đau khổ toát lên từ những cử chỉ cuống quýt ấy. Và khi được mẹ kéo tay, xoa đầu hỏi thì chú bé *òa lên khóc và cứ thế nức nở.* Dường như bao nhiêu sầu khổ dồn nén không được giải tỏa trong chú bé suốt thời gian xa mẹ dài đằng đẵng, lúc này bỗng vỡ òa trong tiếng khóc nức nở, tức tưởi của bé Hồng. Trong ánh mắt thương yêu của đứa con mong mẹ, mẹ chú hiện ra xiết bao thân yêu, đẹp tươi: vẫn tươi sáng với đôi mắt trong và nước da mịn, làm nổi bật màu hồng của hai gò má. Chú bé cảm thấy ngây ngất sung sướng tận hưởng cảm giác khi được sà vào lòng mẹ, cảm giác mà chú đã mất từ lâu. Tôi ngồi trên đệm xe, đùi áp đùi mẹ tôi, đầu ngả vào cánh tay mẹ tôi, tôi thấy những cảm giác ấm áp đã bao lâu mất đi bỗng lại mơn man khắp da thịt. Chú bé còn cảm nhận thấm thía hơi mẹ vô cùng thân thiết đối với chú: Hơi quần áo mẹ tôi và những hơi thở ở khuôn miệng xinh xắn nhai trầu phả ra lúc đó thơm tho lạ thường.

Dường như tất cả các giác quan bé Hồng đều thức dậy và mở ra để tận hưởng cái êm dịu vô cùng của người mẹ. Trong những giây phút say sưa và rạo rực ấy, bé Hồng không nhớ gì, không nghĩ gì, kể cả những lời âu yếm mẹ con nói với nhau, lẫn câu nói cay độc của bà cô hôm nào. Sự xúc động, tình thương yêu của bé Hồng thật sinh động, nồng thắm.

Tình thương mẹ là nét nổi bật trong tâm hồn bé Hồng. Nó mở ra trước mắt ta cả một thế giới tâm hồn phong phú của bé. Thế giới ấy lấp lánh ánh sáng nhân đạo, luôn luôn làm cho chúng ta ngạc nhiên.

Tình thương mẹ đã cho bé Hồng một cái nhìn sắc bén đối với con người và sự việc ngoài đời. Tình thương ấy không gì có thể cản ngăn, chia cắt được và ngày càng trở nên thắm thiết nồng nàn. Qua đó, ta càng hiểu và yêu mến bé Hồng, hiểu sâu hơn tình mẫu tử thiêng liêng. Hồi kí *Những ngày thơ ấu* của Nguyên Hồng trở thành một áng văn nghệ thuật, vừa có tầm vóc tư tưởng lớn lao, vừa thể hiện chân thật "*rung động cực điểm của một linh hồn trẻ dại*"

(Thạch Lam)

Đề 31: Phân tích nhân vật bé Hồng trong tác phẩm "*Những ngày thơ ấu*" của Nguyên Hồng (chủ yếu dựa vào đoạn trích "Trong lòng mẹ").

Bài tham khảo

Nếu ai hỏi tôi : *Tình cảm nào thiêng liêng cao đẹp nhất?* Tôi xin trả lời là tình mẫu tử! Nếu ai hỏi tôi: *Nhà văn Việt Nam nào viết về tình mẫu tử đẹp nhất?* Tôi xin trả lời là Nguyên Hồng! Có phải chăng vì Nguyên Hồng là một người con thương mẹ tha thiết, nên ông đã nổi tiếng khi viết về mẫu thân của mình? Vâng, chính tác phẩm *Những ngày thơ ấu* được Nguyên Hồng viết khi vừa tròn mười tám tuổi, đã đưa ông bước vào làng văn một cách chững chạc và vững chắc. Tác phẩm chính là một tập hồi kí về cuộc đời đầy đau khổ, sóng gió của nhà văn.

Sau đây, chúng ta chủ yếu đi vào đoạn trích "Trong lòng mẹ để phân tích nhân vật " bé Hồng". Bằng cách dẫn truyện tài tình, tác giả đưa ta đến với gia đình bé Hồng, một gia đình khá giả nhưng bất hạnh . Bằng chứng là vào ngày sinh của chú bé, rất nhiều vị có máu mặt đến chúc mừng. Đồ lễ, đồ mừng chậtních cả nhà. Tưởng rằng bé Hồng sẽ mãi sống trong cảnh giàu sang, sung sướng, nhưng đâu ngờ cuộc đời em chìm ngập trong đau thương, khổ ải. Có lẽ bất hạnh lớn nhất đối với Hồng là việc cha mẹ em lấy nhau chỉ vì ép buộc, không có hạnh phúc. "*Sự trái ngược cay đắng đó tôi đã hiểu rõ rệt và thấm thía ngay từ năm tôi lên bảy, lên tám*". Chính em cũng phải nói thế là gì! Còn cay đắng, xót xa nào hơn khi biết "*người mẹ thỉnh thoảng lại mỉm cười êm ấm, dịu dàng*", nhưng trong lòng thì "*luôn luôn giá buốt, đau đớn, phiền muộn*". Trong mái nhà thơ ấu của bé Hồng, tình cảm gia đình đã có cái gì đó gượng ép, cha mẹ sống với nhau mà như không có tình cảm, tất cả là vì đứa con chung, chính là Hồng. Và cũng ngay từ bé, Hồng đã nghe những lời đồn không mấy tốt đẹp về mẹ. Vì thế, trong suốt một thời gian dài, Hồng phải sống trong sự dằn vặt, phân vân, không biết ai đúng, ai sai. Rồi khi gia cảnh sa sút vì cái bàn đèn của bố Hồng, gia đình đã quyết định bán nhà. Tuy rằng đó là một sự mất mát lớn, nhưng Hồng là một chú bé rất giàu tình cảm. Những lời nói ngây thơ của em: *Để con đi học rồi con xây lại nhà cho bà* đã phần nào giảm bớt không khí nặng nề, u ám đang bao trùm lên gia đình Hồng. Mẹ thì buôn bán thua lỗ, thầy thì nghiện thuốc phiện, ngày ngày phải sống ăn bám vào vợ. Vậy đấy! Cái cuộc sống tưởng như sung sướng, nhàn hạ của Hồng, giờ trở nên nghèo túng, thiếu thốn. Mà không những em thiếu thốn về mặt sinh hoạt, vui chơi mà em còn thiếu một gia đình ấm cúng, thực sự trở thành chỗ dựa vững chắc cho tuổi ấu thơ của em. Người cha, chỗ dựa của cả gia đình, nay lại nghiện ngập, hút sách, sống ăn bám, đến nỗi phải cướp tiền của Hồng để mua thuốc hút!Thử hỏi rằng ai mà không xấu hổ, đau đớn khi có một người chồng, một người cha như vậy? Cuối cùng, thì cha Hồng, cả đời sống tối tăm, u uất, đã chết trong nghèo nàn, nghiện ngập.

Mẹ Hồng bao lâu khao khát yêu thương, đã phải chôn vùi tuổi thanh xuân trong cuộc hôn nhân không lối thoát, nay đã vùng lên, thoát khỏi sự cổ hủ của phong kiến đè nặng lên cuộc đời mình. Bà đi vào Thanh Hóa, bỏ lại bé Hồng bơ vơ, côi cút giữa sự ghẻ lạnh của những người họ hàng giàu có. Hồng phải chịu đựng những lời lẽ cay nghiệt, xấu xa từ phía từ họ nội giàu có. Hoàn cảnh làm em phải trở thành đứa trẻ lêu lổng, đói rách, luôn khao khát cuộc sống, một tình yêu thương đích thực. Thế mà cái mong muốn giản đơn ấy mãi mãi không thực hiện được. Đối với

Hồng, cái cảnh của nhà thờ đêm Nô-en không có chỗ cho em, cho những con chiên bé nhỏ tìm sự che chở, ban phước của Chúa, mà chỉ dành cho những ông Tây, bà Đầm, những chức dịch, những kẻ quyền quý, khệnh khạng và bệ vệ. Khó khăn lắm em mới len được vào, để có thể nhìn thấy bàn thờ. Rõ ràng cái xã hội thối tha bẩn thỉu ấy không phải là chỗ đứng của em. Nhưng biết làm sao được! Chúa đã ấn định cho cuộc đời Hồng một vực thẳm tăm tối, vô đáy. Cái vực thẳm ấy sẵn sàng nhấn chìm em, nếu em có một phút lỡ làng, quên đi bản chất hồn nhiên ngây thơ, chân thật của mình.

Tình thương và hình ảnh của mẹ luôn ngời sáng trong tâm trí Hồng. Mặc dù sống hoàn cảnh như vậy, nhưng tâm hồn Hồng vẫn cứ là vì sao lấp lánh giữa bầu trời thăm thẳm. Trong tâm tư của em vẫn tồn tại hình ảnh một người cha dịu dàng, ngọt ngào; một người mẹ *chỉ vì sợ hãi những thành kiến cổ hủ mà xa lìa các con, nhưng tình thương và hình ảnh của mẹ luôn ngời sáng trong tâm trí Hồng*. Chính cuộc nói chuyện giữa Hồng và bà cô đã nói lên điều ấy. Bà cô thì một mực nói xấu, xúc xiểm mẹ Hồng, ngay cả chúng ta cũng phải công nhận rằng Hồng rất thông minh, tinh ý. Bởi đối với một đứa trẻ, một năm không được gặp mẹ, không nhận được một lá thư, một lời thăm hỏi âu yếm, không xin mẹ được một đồng quà thì khi bắt gặp câu hỏi (của người cô) *có muốn vào chơi với mẹ hay không?* Với tâm lí ngây thơ, trong sáng sẽ trả lời ngay là có, không chút đắn đo. Nhưng Hồng thì lại khác. Em cũng toan trả lời là *có*, nhưng chợt nhận ra những điều không tốt đẹp trong câu nói ấy nên mới phản bác lại ý muốn dồn nén trong lòng từ bấy lâu nay của mình. Để có được cái *chợt* ấy quả là một quá trình lâu dài, được hình thành từ những việc xảy ra trong cuộc sống mà em quan sát và tiếp thu được. Những động cơ xấu, như lời bà cô, đã làm mất đi phần nào tính ngây thơ trong Hồng, để đến nỗi mỗi lời nói, mỗi hành động của em đều được cân nhắc, suy nghĩ kĩ càng. Trong em, sự độc ác của bà cô đã cho em một bài học về cách tính tốn của người lớn, đã biến em thành một người khôn ngoan, "phòng thủ kẻ xấu" đã trở thành bản năng tự vệ, và vũ khí duy nhất của em, để bảo vệ cho danh dự của người mẹ thân yêu. Bởi ở cái xã hội của em, mọi người hầu như đều giả dối, ác độc. Đáng thương biết bao! Và tiếng cười của em khi trả lời bà cô: *"Cháu không muốn vào"* như gây cho người đọc cảm giác dường như Hồng không chú ý, không buồn bã khi phải xa mẹ. Mặc dù trả lời như vậy nhưng chắc rằng lúc bấy giờ, trong lòng Hồng, hình ảnh và những tình cảm yêu thương mặn nồng đối với mẹ đang trào dâng nghẹn ngào.

Tất cả diễn biến tâm trạng của Hồng đều trái ngược với lời nói, hành động của em. Điều đó chẳng lẽ không phải là một nỗi đau thầm kín nhưng sâu sắc, giằng xé tâm hồn em hay sao? Đặc biệt tâm trí của bé Hồng cũng được nhà văn miêu tả theo mức độ tăng dần. Lúc đầu Hồng còn "*cười*", sau đó "*lòng em thắt lại, khóe mắt đã cay cay*". Chúng ta càng hiểu rõ và căm ghét bà cô độc ác bao nhiêu, thì tình thương yêu, cảm thông dành cho bé Hồng lại càng mãnh liệt, đậm đà bấy nhiêu. Vết thương lòng trong em đã không được hàn gắn, nay lại bị người khác khoét sâu thêm nên Hồng cảm thấy lòng mình thắt lại, quặn đau. Nếu trước kia em cố làm ra vẻ tỉnh táo thì nay em không thể kìm nén được nữa. Em trở về đúng tâm trạng của mình: đau đớn, khi thấy cô nói xấu, xúc xiểm người mẹ mà em hằng tôn quý. Sự đau đớn đó lại càng lên tới tột đỉnh khi Hồng nghe cô nói mẹ mình sinh em bé, và Hồng đã chỉ: *"cười dài trong tiếng khóc"*. Nhưng Hồng đâu trách mẹ, dù mẹ chưa đoạn tang cha mà đã chửa đẻ với người khác. Chính bởi em cũng hiểu cuộc hôn

nhân của cha mẹ hoàn toàn bị ép buộc không có hạnh phúc. Cho nên việc mẹ xây dựng hạnh phúc với người khác, chẳng qua vì mẹ cố tìm lại thời thanh xuân mà mình đã đánh mất, đã chôn vùi dưới nấm mồ thời gian mà thôi.

Nhà văn miêu tả rất thành công điệu cười của Hồng: "*cười dài trong tiếng khóc*". Cái tiếng cười ấy chứa đựng biết bao hàm ý. Trước hết đó là một tiếng cười chua xót, tủi phận khi không có một gia đình như ai. Sau nữa là tiếng cười căm giận, mỉa mai. Trong cuộc nói chuyện ấy, cuối cùng là hình ảnh bé Hồng với *cổ họng nghẹn ứ, khóc không còn ra tiếng*. Có lẽ lúc ấy do quá đau đớn nên Hồng mới trở nên yếu đuối, quy gục về thể xác. Nhưng trong tâm hồn em, tình thương đối với mẹ vẫn là vô biên. Nhà văn viết: *Giá những cổ tục đã đày đọa mẹ tôi ấy là một vật như hòn đá, cục thủy tinh hay mẩu gỗ, tôi quyết vồ ngay lấy, nhét vào miệng, nghiến cho kì vụn như cám mới thôi*. Phải! Em vẫn còn đủ sức để nghiền nát, để xoá bỏ những gì đã đày đọa mẹ em khổ cực. Chi tiết này chứng tỏ tình cảm của Hồng đối với mẹ thật bao la, vô bờ bến.

Nếu trong cuộc nói chuyện với bà cô, Hồng đã phải đau đớn, giằng xé bao nhiêu thì nay em lại được đền bù bấy nhiêu. Đó là sự trở về của mẹ Hồng. Bằng những trực giác hết sức tinh tế nhạy bén của mình, thêm vào đó là tình cảm nồng nàn Hồng dành cho mẹ, em đã phát hiện rất chính xác người ngồi trên xe kéo là mẹ mình. Nhưng do quá sung sướng, bất ngờ nên Hồng nghĩ *mình đã lầm*. Vậy nhưng em vẫn cất tiếng gọi một cách bối rối: "*Mợ ơi! Mợ ơi! Mợ ơi!*"

Đến đây, ngay cả người đọc cũng hồi hộp và mừng thầm thay cho em. Nếu người đó là mẹ Hồng thì em đã được đền bù thích đáng sau bao ngay sống khốn khổ, bơ vơ. Nhưng nếu không phải thì còn thất vọng bằng nào. Chính em cũng nói lên điều đó. Thực sự em nhầm lẫn thì "*khác nào người bộ hành đi giữa sa mạc mênh mông thì bắt gặp ảo ảnh của bóng râm và dòng suối*". May mắn thay đó chính là mẹ. Hình ảnh em hồng hộc chạy theo xe tay, đến nơi thì khóc lên nức nở chứng tỏ em rất nhạy cảm. Em tủi thân lắm nên tiếng khóc nghẹn ngào mới bật ra khi gặp mẹ. Đồng thời đó còn là tiếng khóc sung sướng, vỡ òa ra. Và khi nhà văn nói lên tâm trạng của em: *Nhận ra mẹ không còm cõi xơ xác quá như lời cô tôi nói*, chúng ta mới vỡ lẽ rằng dù sao Hồng vẫn còn là một đứa trẻ. Em bảo vệ, bênh vực mẹ là thế, nhưng em vẫn chịu ảnh hưởng của lời nói độc địa từ bà cô. Niềm sung sướng choáng ngợp tâm trí nên em có thể quên ngay những lời đồn đại xấu xa về mẹ. Từ những cảm giác đê mê sung sướng của chú bé khi nằm "*trong lòng mẹ*", nhà văn nêu lên nhận xét khái quát đầy xúc động về sự *êm dịu vô cùng* của người mẹ trên đời: "*Phải bé lại và để bàn tay người mẹ vuốt ve từ trán xuống cằm và gãi rôm ở sống lưng cho, mới thấy người mẹ có một êm dịu vô cùng*". Lúc nỗi nhớ, niềm thương, nỗi uất ức lâu ngày bị dồn nén, bỗng đột ngột được giải tỏa, bé Hồng *òa lên khóc rồi cứ thế nức nở....*"Hồng lúc ấy chỉ là một chú bé con, trở về trong lòng người mẹ yêu dấu, rất thơ ngây và trong trắng. Em thực sự phải được hưởng niềm hạnh phúc lớn lao ấy bởi con người, tâm hồn em đích thực là một vì sao lạc lõng, nhỏ bé nhưng sáng chói giữa bầu trời bao la.

Qua toàn bộ tác phẩm, nhất là ở chương IV, chúng ta có thể học tập được rất nhiều đức tính ở bé Hồng. Mặc dầu lớn lên trong một hoàn cảnh rất khắc nghiệt nhưng Hồng vẫn đấu tranh cho cuộc sống của mình, đấu tranh cho những gì mà mình thấy là lẽ phải, hợp đạo lí. Chắc chắn sau này hình ảnh cậu bé đáng yêu và đáng thương này mãi ngời sáng trong tâm hồn chúng ta.

Qua miêu tả của nhà văn, ta cảm nhận được một thế giới tâm hồn phong phú, đạo làm con ngời sáng của chú bé Nguyên Hồng. Tình mẫu tử trong trái tim cậu bé như viên kim cương tỏa sáng, như ngọn đuốc soi đường cho chú bé, sưởi ấm hai mẹ con, sưởi ấm bao trái tim người đọc trong những đêm tối đau thương cuối thế kỉ hai mươi, và mãi mãi là bài ca bất hủ về tình mẫu tử thiêng liêng bất diệt!

Bài của ***Huỳnh Mỹ Linh***

Giáo viên trường PTCS ***Hai Bà Trưng TP HCM***

Đề 32: Qua đoạn trích *"Trong lòng mẹ"*, em hãy chứng minh nhận định:

"Hồi ký của Nguyên Hồng không phải là những trang ghi chép một cách giản đơn, khô khan những sự việc đã qua. Ông viết hồi ký theo cách thức của một nhà văn với một rung động mãnh liệt của trái tim người nghệ sĩ".

Bài tham khảo

Nguyên Hồng là ngòi bút của "*những người khốn khổ*", đã thủy chung với con đường văn học trong suốt cuộc đời cầm bút của mình. Đặc biệt qua hồi ký, ông không ghi chép một cách giản đơn, khô khan sự việc đã qua. *Ông viết hồi kí theo cách thức của một nhà văn với những rung động mãnh liệt của trái tim người nghệ sĩ.*

Cụ thể qua đoạn trích *Trong lòng mẹ,* Nguyên Hồng đã thể hiện số phận đau thương và vẻ đẹp phong phú của người phụ nữ bất hạnh cũng như đứa trẻ thơ vô tội bằng trái tim xúc động chân thành.

Thực vậy, *Trong lòng mẹ* là chương tiêu biểu cho bút pháp giàu chất trữ tình, xuất phát từ một trái tim nghệ sĩ. Suốt cả chương sách đều tràn đầy cảm xúc. Phần trên thuật lại cảnh đối thoại giữa chú bé và bà cô thâm độc, cảm xúc của chú bé cố nén lại, nhưng ẩn giấu bên trong là nỗi căm ghét đối với hủ tục, đối với bà cô thâm độc đang làm tổn thương đến lòng yêu thương mẹ của chú bé. Nhân vật bà cô được thể hiện khá sắc sảo, sinh động. Bà ta chẳng những tiêu biểu cho cái nhìn thành kiến cổ hủ, phi nhân đạo của xã hội khi đó, mà còn là người đàn bà có tâm địa thật đen tối khi cố ý khoét sâu vào nỗi đau rướm máu trong tâm hồn nhạy cảm của đứa cháu mồ côi, cố ý gieo vào lòng nó thái độ khinh miệt, ruồng rẫy đối với người mẹ mà nó vẫn yêu thương.

Qua đoạn văn, có thể thấy ngòi bút Nguyên Hồng khá sắc sảo, tinh tế trong việc đi sâu thể hiện tâm lí, tâm trạng nhân vật. Diễn biến tâm trạng đau đớn, căm giận ngày càng tăng của chú bé Hồng khi nghe những lời lẽ ngọt ngào giả dối của bà cô được miêu tả thật cụ thể: từ chỗ *cúi đầu không đáp hoặc cười đáp lại đến chỗ lòng thắt lại, khóe mắt đã cay cay rồi nước mắt ròng ròng*... với *cảm giác đau đớn* song đã *cười dài trong tiếng khóc* để hỏi lại bà cô, và cuối cùng là *cổ họng nghẹn ứ khóc không ra tiếng.* Tất cả chứng tỏ sự đau đớn và căm giận đến điên cuồng, muốn *vồ ngay lấy mà cắn, mà nhai, mà nghiền cho kì nát vụn* những cổ tục đã đày đọa mẹ chú.

Đến đoạn tả cảnh chú bé gặp mẹ, nhảo vào lòng mẹ, ngòi bút phân tích cảm xúc, cảm giác của tác giả đã đạt tới độ sâu sắc, tinh tế hiếm có. Cảnh ngộ và tâm sự riêng của một đứa trẻ bị lạc loài được Nguyên Hồng thuật lại, kể lại

dưới ánh sáng của những tư tưởng xã hội và tình cảm nhân đạo sâu sắc. Nguyên Hồng không chỉ kể lại những kỉ niệm thời thơ ấu, mà thực sự sống lại những ngày thơ ấu của mình. Câu văn nào của Nguyên Hồng cũng rưng rưng những cảm xúc tươi rói. Ông sáng tạo ra những nhân vật sinh động giống như những con người đang đi lại nói năng, suy nghĩ, toan tính trong cuộc đời thật.

Là một em bé mồ côi cha, bé Hồng rất giàu tình thương mẹ. Chính tình thương đó dẫn giúp cho bé Hồng nhận ra đâu là lẽ phải, đâu là những người, những tập tục cần lên án. Tình thương ấy sẽ được tác giả tả một cách sinh động qua lần bé Hồng gặp mẹ.

Ở đoạn văn này, tình yêu thương mẹ của chú bé không phải chỉ là những ý nghĩ tỉnh táo mà là một cảm xúc lớn lao mãnh liệt dâng trào. Từ những cảm giác đê mê sung sướng của chú bé khi nằm *"trong lòng mẹ"*, nhà văn nêu lên nhận xét khái quát đầy xúc động về sự *êm dịu vô cùng* của người mẹ trên đời: *"Phải bé lại và để bàn tay người mẹ vuốt ve từ trán xuống cằm và gãi rôm ở sống lưng cho, mới thấy người mẹ có một êm dịu vô cùng"*.

Đây là hồi kí, lời nhân vật cũng là lời tác giả, nhà văn đã nhập thân với nhân vật, nên cảm xúc dào dạt trong lòng chú bé thể hiện đầy đủ ở lời văn, giọng văn của tác phẩm. Rồi trong khi nhân vật đang kể chuyện mình, nhà văn còn xen vào những lời trữ tình ngoài đề để bình luận, đầy xúc động và sự *êm dịu vô cùng* của người mẹ. Đó cũng là một biểu hiện đậm nét về chất trữ tình của nhà văn Nguyên Hồng.

Nguyên Hồng quả là nhà văn có tài. Với một trái tim nghệ sĩ, ông nắm bắt và miêu tả chính xác những chi tiết ngoại hình thể hiện tinh tế quá trình diễn biến của đời sống nội tâm nhân vật. *Trong lòng mẹ* miêu tả rất nhiều tiếng khóc của bé Hồng mà không lần nào giống lần nào. Khi uất nghẹn phải ghìm nén, bé Hồng cảm thấy *cổ họng... đã nghẹn ứ khóc không ra tiếng.* Lúc nỗi nhớ, niềm thương, nỗi uất ức lâu ngày bị dồn nén, bỗng đột ngột được giải tỏa, bé Hồng *òa lên khóc rồi cứ thế nức nở.*

Tuy nhiên, sự hấp dẫn và sức mạnh lay động lòng người trong hồi kí của Nguyên Hồng chủ yếu vẫn là nhờ ở sự chân thành trong cảm xúc của người viết. Nguyên Hồng không chỉ kể lại, thuật lại những sự việc đã qua, mà còn sống lại, hóa thân vào những sự việc ấy. Các sự việc được kể, được thuật cũng chỉ là để nhà văn giãi bày, bộc bạch những tình cảm yêu thương, căm giận đang cần được thể hiện. Kỉ niệm về bà cô là những nỗi đau cố nén lại rồi uất nghẹn bật thành tiếng khóc. Cuộc gặp gỡ với mẹ là những rung động mãnh liệt nhất của tâm hồn trẻ thơ và cuối cùng cả cơ thể đứa bé hòa tan vào những cảm giác rạo rực, vui sướng cực điểm. Văn Nguyên Hồng tràn theo cảm xúc ấy. Cho nên nhịp điệu, giọng văn thấm đẫm cảm hứng trữ tình.

Không theo sự sắp xếp của lí trí, mạch văn Nguyên Hồng tràn theo cảm xúc, theo con tim của nghệ sĩ, nhạy cảm, chan chứa yêu thương, căm giận, sôi nổi và chân thành. Nguyên Hồng đã cho ta những trang hồi kí có sức cuốn hút người đọc rất đặc biệt, đậm đà tính nhân đạo, thông cảm sâu sắc với những đau khổ và khát vọng hạnh phúc thầm kín của người phụ nữ. Trái tim nghệ sĩ ấy cũng chan chứa niềm yêu thương và thể hiện mãnh liệt quan điểm tiến bộ về tình yêu và hôn nhân.

Đề 33: Phân tích nhân vật chị Dậu trong đoạn trích *"Con có thương thầy thương u..."* (*"Tắt đèn"*... Ngô Tất Tố) để làm rõ tấm lòng thương con qua diễn biến tâm lí của chị.

Bài tham khảo

Tắt đèn là tác phẩm hiện thực xuất sắc của nhà văn Ngô Tất Tố về nông thôn Việt Nam trước Cánh mạng tháng Tám 1945. Nhân vật chính nổi bật chính của tác phẩm là chị Dậu, người phụ nữ nông dân với nhiều phẩm chất đáng quý. Đặc biệt qua đoạn trích *Con có thương thầy thương u*... thuộc chương X và XI của tiểu thuyết *Tắt đèn*, Ngô Tất Tố đã ít chú ý kể sự kiện mà đi sâu diễn tả nỗi niềm bên trong để làm nổi bật tâm lí và tính cách nhân vật. Một trong những nét nổi bật của tính cách ấy là tấm lòng thương con của chị Dậu.

Các sự kiện của hai chương rất đơn giản: văn tự bán con đã đóng triện của lí trưởng, chị Dậu về nhà báo cho cái Tí biết việc nó đã bán rồi dẫn con, dắt chó sang nhà Nghị Quế.

Thương con là đặc điểm nổi bật của trái tim người mẹ, nhưng thương con mà phải bán con để cứu chồng khỏi bị đánh đập hành hạ vì thiếu thuế lúc ốm đau thì chỉ có chị Dậu và tài năng phân tích tâm lí của nhà văn. Thương con, nên mọi việc mua bán đã xong, chị Dậu không nỡ nói ra ngay sự thật về việc cái Tí bị bán. Nhưng càng chậm nói ra sự thật, chị Dậu càng đau đớn. Chương X giống như một cuộc đối thoại ngầm giữa nỗi đau sâu kín của chị với những lời nói, cử chỉ của hai đứa con ngoan, hiếu thảo và rất ngây thơ. Tác giả đã khéo léo làm cho người đọc đau với nỗi đau chị Dậu!

Thằng Dần vô tâm và ngây thơ, không hiểu rõ cảnh nhà. Nó hỏi mẹ nó đi đâu từ trưa đến giờ, có mua được gạo không, vì sao mẹ về mà không có gạo. Cái Tí sớm chia sẻ lo toan với mẹ. Điều mà nó quan tâm là thầy nó được cởi trói chưa? Vì sao nón của mẹ rách tan tành, tay buộc giẻ. Thấy mẹ không trả lời, nó kể việc nhà: nào là cái Tỉu quấy khóc, nó phải *lèo đèo cắp em ở sườn* để *hì hụi rửa khoai, tra nồi xin lửa nhóm bếp*, nào là *củi ướt chảy ướt chả; hì hụi mãi vẫn không cháy cho,* thế mà nó vẫn luộc chín nồi khoai. Thằng Dần vòi vĩnh, quấy nhiễu bao nhiêu, thì cái Tí lại tỏ ra ngoan bấy nhiêu. Nó mắng em *sa sả*, không cho em *làm tội mẹ*. Nó muốn chia sẻ nỗi đau của mẹ cha. Nó tìm mọi cách làm mẹ vui lòng để vợi bớt nỗi đau. Mẹ về, nó chào mẹ *đon đả*. Nó kể chuyện nhà bằng *giọng hú hí*. Nó gọi cái Tỉu bằng *cô ả, cô ta*. Nó kể chuyện giống như pha trò. Tí ấy hỏi mãi, kể mãi mà mẹ vẫn chẳng nói gì, cái Tí cố làm cho mẹ vui, phải trò chuyện với nó bằng câu hỏi: "*U bảo con có ngoan không?*"

Nhưng *chị Dậu không trả lời. Thơ thẩn*... *rồi chị Dậu vẫn không nói gì. Buồn rầu*... Sau những câu hỏi, sau câu chuyện con cà, con kê của cái Tí, câu văn trên được láy đi, láy lại giống như một điệp khúc làm nổi bật sự im lặng kéo dài của chị Dậu. Chị Dậu về nhà là để báo cho cái Tí một cái tin rất buồn, rất đau. Chưa hay biết về sự nghiệt ngã đang chờ đợi, cái Tí cố làm cho mẹ được vui, được khuây khỏa. Làm sao có thể nói được với một đứa con như thế, rằng nó đã bị mẹ bán đi. Trong sự im lặng của chị Dậu có nỗi đau tê tái hòa lẫn với tình thương con da diết. Đó là nỗi đau chết nửa người của chị Dậu, *là tất cả tình thương* sâu kín không nói nên lời, không dám làm đau lòng cái Tí với cái tin sét đánh ấy.

Tình huống ngày càng căng thẳng cùng với hàng loạt hành động tiếp theo của cái Tí. *Nó lễ mễ* bưng rổ khoai luộc. Nó *bới từ trôn rổ bới lên, gắp những mẩu khoai*

to xếp đầy hai bát. Nó đặt một bát lên bàn thờ để dành phần cho thầy nó, rồi dặn em không được ăn *vèn.* Tuy mẹ không trả lời, cái Tí cũng đang vui. Dường như chỉ cần có cái ăn, có mẹ, được giúp đỡ mẹ là nó đã vui rồi. Bằng cái dáng bộ *vui vẻ,* nhẹ nhàng, nó đặt một bát lên chõng mời mẹ ăn khoai. Thằng Dần ngồi *sán bên cạnh rổ khoai và nuốt nước dãi ừng ực.* Cái Tí lật đật chạy đi tìm quạt để quạt cho khoai chóng nguội. Khi rổ khoai vừa đi hết khói, hai đứa trẻ *xúm lại... Những sự hiếu thảo, ngoan ngoãn của hai đứa trẻ ngây thơ vô tình lộ ra từ nãy đến giờ, hình như là những lưỡi dao găm cắt từng khúc ruột chị Dậu.*

Nỗi đau của chị Dậu trào ra thành dòng nước mắt. *Càng nhìn chúng nó, chị càng nước mắt ngắn dài.* Cái Tí bắt đầu cảm thấy có một cái gì không bình thường trong sự im lặng kéo dài và những giọt nước mắt của mẹ nó. Nó giục mẹ ăn khoai để có sữa cho em bé bú. Nó bưng bát khoai chìa tận vào mặt mẹ. Nể con, chị Dậu cầm lấy một củ, rồi lại đặt xuống chõng. Thái độ của cái Tí từ chỗ *ngạc nhiên,* chuyển qua *băn khoăn* và giờ đây *vẻ nghi ngại hiện ra sắc mặt.* Kịch tính được đẩy lên đến cao trào khi chị Dậu báo với cái Tí rằng nó chỉ còn được ăn ở nhà với các em bữa cuối cùng này thôi. Chị Dậu vẫn tránh không nói tới chữ *bán.*

Ngô Tất Tố miêu tả tâm lí vô cùng tinh tế. Ông rất am hiểu tâm lí con người, nên không để cho chị Dậu nói ra cái tiếng *bán* rất tàn bạo ấy. Một người yêu con như chị Dậu không nỡ và cũng không thể nói ra tiếng *bán con.* Nhà văn để ra tiếng *bán* ấy phát ra từ miệng cái Tí khiến chị Dậu, và cả chúng ta, những người đọc, càng thêm đau đớn: *"U bán con thật đấy ư? Con van u, con lạy u, con còn bé bỏng, u đừng bán con đi, tội nghiệp! U để con ở nhà chơi với em con".* Ngô Tất Tố sử dụng rất tài tình các chi tiết ngoại hình miêu tả diễn biến tâm lí của nhân vật. Biết có chuyện chẳng lành, nhưng chưa hiểu hết ý câu của mẹ, cái Tí xám mặt lại và hỏi bằng giọng luống cuống: *"Vậy thì bữa sau con ăn ở đâu?".* Quá bất ngờ khi nghe mẹ nói rằng sẽ phải *ăn ở nhà cụ Nghị thôn Đoài,* cái Tí *giẫy nẩy,* giống như *sét đánh bên tai, nó liệng củ khoai vào rổ và òa lên khóc...*

Thương con, đau đến thắt lòng chị Dậu *chỉ thổn thổn, thức thức, không nói lên được câu gì. Bộ mặt sầu thảm dần dần ngả xuống, đối thẳng với mặt con bé đương bú.* Thương con, chị Dậu không nỡ nói ra sự thật về việc cái Tí bị bán. Càng chậm nói, chị càng giữ mãi nỗi đau và sự hồi hộp riêng. Khi sự thật được nói ra, nỗi đau vỡ òa, chị Dậu cố tỏ ra *quả quyết, giả câm giả điếc* để dẫn con, dắt cho sang nhà Nghị Quế. Càng tỏ ra quả quyết, càng giả điếc giả câm, trái tim chị càng tan nát với nỗi niềm riêng. Chương X và XI được gắn kết với nhau bằng sự diễn biến tâm trạng đầy kịch tính ấy.

Những giọt nước mắt của chị Dậu ở cuối chương trên, tiếng khóc, tiếng *lải nhải* của cái Tí và thằng Dần ở đầu chương này chuẩn bị cho nỗi đau lên đến điểm đỉnh trong tâm trạng chị Dậu. Chị Dậu càng rũ rượi. *Chống tay lên trán, chị như nghĩ ngợi phân vân. Một lúc sau, chị đứng phắt dậy với dáng điệu quả quyết:*

- Thôi, phải tội với trời, mẹ chịu! Cảnh nhà đã thế, mẹ đành dứt tình với con!

- Tức thì chị chùi nước mắt và đi làm những việc... đau đớn nhất. Các hành động đứng *phắt dậy,* cử chỉ chùi *nước mắt biểu hiện* ý nghĩ *dứt tình* thái độ quả quyết của chị Dậu. Chị xích con chó cái buộc vào cột nhà, nhốt đàn chó con vào rổ thưa trên có mẹt đậy và lạt chằng chắc chắn. Chị lục quần áo của cái Tí gói lại, cho cái Tỉu bú thêm lúc nữa. Xong xuôi, một tay bưng rổ chó con lên đầu,

một tay cầm xích dắt con chó cái, chị giục cái Tí đội nón, cắp lấy gói quần áo để *sang bên cụ Nghị*. Nhưng chị Dậu càng quả quyết thì cái Tí càng níu kéo, xin van. Sự mâu thuẫn ấy là nỗi đau tan đàn xẻ nghé, là tiếng lòng ai oán nhất của người dân chế độ sưu thuế đương thời.

Chị Dậu cương quyết nhưng phải chứng kiến cảnh cái Tí vừa *lau sạch nước mắt, lại mếu, lại giàn giụa nước mắt*, chị càng đau đớn. Vừa giục con đội nón, ôm lấy gói quần áo để ra đi, chị đã *sụt sịt*. Thấy cái Tí *nhếch nhác mếu máo khóc, chị Dậu lã chã hai hàng nước mắt*. Cố kiếm lời thấm thía để khuyên con nhưng bản thân chị lại nức nở. Tâm trạng chị Dậu khép lại bằng một đoạn văn có rất nhiều dư âm: *Với những tiếng thổn thức trong đáy tim và những giọt nước mắt luôn luôn đọng ở gò má, chị Dậu cố sống cố chết những nhẵng dẫn con chó lẽo đẽo dưới ánh nắng mùa hè. Con vẫn lướt mướt khóc, chó vẫn ý ẳng kêu, chị vẫn nhất định giả câm giả điếc mong cho chóng đến nhà cụ Nghị.*

Chị Dậu, với lòng thương con trong hoàn cảnh éo le này, là điểm sáng của tác phẩm *Tắt đèn*. Qua đó, hình ảnh, phẩm chất cao đẹp của người phụ nữ nông dân trước Cách mạng tháng Tám được tô đậm.

Ngô Tất Tố xứng đáng là nhà văn của nông dân. Ông am hiểu và cảm thông sâu sắc với đời sống tủi cực của những con người suốt đời cổ cày vai bừa. Bằng tài năng và tấm lòng, ông đã thể hiện thấm thía nỗi đau tan cửa nát nhà, mẹ con, chị em phân lìa do thuế nặng, sưu cao mà những người nông dân đã phải trải qua dưới chế độ thực dân, phong kiến.

Đề 34. Phân tích nhân vật chị Dậu qua đoạn trích *"Tức nước vỡ bờ"*, trích *"Tắt đèn"* Ngô Tất Tố.

Bài tham khảo

Trong giai đoạn 1936-1939, văn đàn Việt Nam xuất hiện nhiều tác phẩm có giá trị, hình thành một trào lưu văn học hiện thực phê phán mạnh mẽ xã hội và phản ánh sinh động cụ thể những nỗi đau khổ, lầm than của nhân dân Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám năm 1945. Ngô Tất Tố là một cây bút hiện thực phê phán xuất sắc của dòng văn học này. *Tắt đèn* là một tác phẩm thành công nhất của Ngô Tất Tố. Đó là một bản cáo trạng lên án chế độ thối nát của bọn thực dân phong kiến, đồng thời *Tắt đèn* còn xây dựng hình tượng nhân vật chị Dậu, tiêu biểu cho phụ nữ nông dân Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám với những phẩm chất tốt đẹp: yêu thương chồng con sâu sắc và có tinh thần đấu tranh chống áp bức.

Đoạn trích *Tức nước vỡ bờ* kể lại sau khi anh Dậu bị ngất xỉu ở sân đình, sợ bị vạ lây, bọn tay sai đem anh Dậu trả về cho gia đình như một cái xác chết. Chị Dậu cùng bà con hàng xóm ra sức chăm sóc cho anh Dậu. Chị vô cùng đau đớn xót xa, lo lắng cho mạng sống của chồng. Chị ân cần chăm sóc từng giấc ngủ, từng bữa ăn cho anh Dậu.

Trong lúc anh Dậu đau nặng, chị đã *rón rén* bưng một bát cháo lớn đến chỗ chồng nằm và dịu dàng nói *"Thầy hãy cố dậy húp một ít cháo cho đỡ xót ruột"*. Rõ ràng chị đã tận tụy, hết lòng chăm sóc chồng. Việc làm của chị xuất phát từ lòng yêu thương chân thành sâu sắc của người vợ. Chị cố ngồi *xem chồng có ăn ngon miệng không*. Hình ảnh này khiến em liên tưởng đến bà Tú, vợ của Tú Xương cũng tần tảo, đảm đang lo lắng và hy sinh tất cả cho chồng con:

Lặn lội thân cò khi quãng vắng
Eo sèo mặt nước buổi đò đông.

Những tình cảm cao đẹp đó chính là đặc điểm tiêu biểu nhất của người phụ nữ Việt Nam. Cũng chính vì tình cảm vợ chồng cao đẹp, chị Dậu đã dũng cảm đấu tranh chống lại bọn tay sai để bảo vệ người chồng yêu quý.

Khi anh Dậu đang run rẩy bê bát cháo lên thì bọn cai lệ và người nhà lí trưởng đã rầm rập tiến vào với những *roi song, tay thước, dây thừng*. Chúng chưa hành hung nhưng mồm vẫn còn chửi bới mỉa mai. Đối phó với hoàn cảnh bất ngờ đó, thái độ ban đầu của chị Dậu hoàn toàn bị động, chị *run run* van xin đến thiết tha nài nỉ: *"Khốn nạn nhà cháu đã không có, dẫu ông có chửi mắng cũng thế thôi, xin ông trông lại"*. Chị đã hạ mình nhẫn nhục khi xưng hô ông, *cháu* để bảo vệ tính mạng của chồng. Nhưng chúng nào có nghe, bọn tay sai vẫn hung hăng xông tới. Bọn chúng giật phắt dây thừng, *đùng đùng chạy sầm sập đến chỗ anh Dậu*. Đến giờ phút này, trước sự ức hiếp tàn bạo của chúng, chị không còn nhẫn nhục được nữa, rõ ràng nước càng tức càng vỡ bờ, chị đã chủ động đấu tranh chống lại kẻ thù. Tinh thần phản kháng biểu hiện ở thái độ và hành động. Chị xám mặt lại và cách xưng hô cũng thay đổi. Lần cuối, chị không gọi chúng bằng *ông* và xưng *con, cháu* nữa, mà là *mày* với *bà*, chị đã tự đặt mình trên kẻ thù và giành thế chủ động: *"Mày trói ngay chồng bà đi, bà cho mày xem"*. Hàng động của chị quyết liệt và *nhanh như cắt* chị nắm ngay gậy của hắn, *túm tóc* lẳng cho một cái ngã nhào ra thềm.

Câu nói đầy vẻ thách thức cùng với hành động quyết liệt vừa là một câu biểu hiện của lòng thương yêu chồng, vừa cho thấy sự dũng cảm, tinh thần đấu tranh quyết liệt của chị. Rõ ràng là *"tức nước vỡ bờ"*. Câu nói đầy khí phách của chị Dậu *"Thà ngồi tù chứ để cho bọn chúng làm tình làm tội mãi thế tôi không chịu được"* biểu hiện mãnh liệt sức phản kháng, lòng căm thù giai cấp chất chứa từ lâu. Bao nhiêu nỗi tủi nhục bấy lâu chị cam chịu, giờ đây không dằn được nữa, nhất là chúng đã cố tình hành hạ anh Dậu. Chị đã lấy thân che chở cho chồng mà cũng không yên, cuối cùng chị đã vùng lên đấu tranh chống lại áp bức với một sức mạnh quật khởi của lòng căm thù.

Hành động của chị Dậu trong đoạn trích *Tức nước vỡ bờ* chứng minh rằng "*ở đâu có áp bức là ở đó có đấu tranh*". Sự phản kháng của chị Dậu cũng là một biểu hiện tinh thần đấu tranh chống áp bức, dù mang tính cách tự phát, nhưng vẫn thể hiện một tiềm lực tốt của giai cấp nông dân. Khi có sự lãnh đạo của Đảng, giai cấp nông dân vùng lên đấu tranh với sức mạnh quật khởi bằng ý thức tự giác cách mạng. Với nghệ thuật miêu tả tính cách nhân vật qua các diễn biến căng thẳng của tình tiết. Ngô Tất Tố đã xây dựng thành công nhân vật chị Dậu. Đó là hình tượng chân thực, đẹp đẽ về người phụ nữ nông dân trước Cách mạng tháng Tám có lòng thương yêu chồng, có tinh thần đấu tranh dũng cảm chống mọi áp bức, bất công của chế độ thực dân phong kiến.

Đề 35: Qua chương *"Tức nước vỡ bờ"* (*"Tắt đèn"* - Ngô Tất Tố), phân tích diễn biến tâm lí của chị Dậu: chị Dậu có thể nhẫn nhục chịu đựng nhưng khi đã bị đẩy tới chân tường thì cũng biết vùng lên chống trả quyết liệt, thể hiện một khả năng phản kháng tiềm tàng.

Bài tham khảo

Tức nước vỡ bờ là chương thể hiện rõ cách nhìn con người trên bình diện giai cấp của Ngô Tất Tố. Qua đó, bộ mặt nông thôn Việt Nam hiện lên như là mối xung đột có kịch tính cao giữa bọn thống trị tay sai và người nông dân bần cùng khốn khổ vì sưu thuế. Bên cạnh những bộ mặt hung hăng tàn ác của bọn tay sai như cai lệ và người nhà lí trưởng là hình ảnh tiêu biểu cho người nông dân - nhẫn nhịn, chịu đựng nhưng khi bị đẩy tới chân tường, cũng biết vùng lên chống trả quyết liệt, thể hiện một khả năng phản kháng tiềm tàng.

Mười bảy chương truyện trước đã thuật lại biết bao cảnh khốn cùng của vợ chồng chị Dậu trong những ngày sưu thuế. Thuộc loại nghèo *bậc nhì, bậc nhất trong hạng cùng đinh,* đến vụ thuế, anh Dậu ốm liệt giường. Mọi việc dồn vào một tay chị Dậu lo toan chạy vạy. Chị đành bán chó, bán con trong cảnh mua bán cay nghiệt của vợ chồng Nghị Quế, phải nếm những *nắm đắm* của bọn lính và người nhà lí trưởng. Anh Dậu lại bị đánh, bị trói giữa lúc ốm đau. Sự tàn nhẫn, nỗi khốn cùng ngày càng quá quắt, vượt sức chịu đựng của người phụ nữ đáng thương ấy. Nộp xong suất sưu của chồng, chị những tưởng trả xong *món nợ nhà nước*. Nào ngờ bọn hào lí còn bắt anh Dậu phải đóng nốt suất sưu của Hợi. Anh Dậu tiếp tục bị đánh, bị trói đến ngất xỉu. Nửa đêm, người ta vác trả về cho chị anh Dậu rũ rượi như một xác chết. May có hàng xóm giúp đỡ, chị đã cứu được chồng. Ấy thế mà anh Dậu vừa *run rẩy cầm* bát cháo, bọn họ đã rủa sả: *"Ông tưởng mày chết đêm qua, còn sống đấy à?"*. Anh sợ quá lăn ra phản, không nói nên lời. Tên người nhà lí trưởng còn mỉa mai và sau đó đe dọa dỡ nhà. Căng thẳng nhất là lúc cai lệ *bịch luôn vào ngực chị Dậu và tát vào mặt chị một cái đánh đốp*.

Trong *Tắt đèn*, chị Dậu được miêu tả như một người phụ nữ rất mực dịu dàng. Vì bị áp bức bóc lột, chị Dậu đành chịu đựng, nhẫn nhục, và trong nhiều trường hợp, chị là người có thể nhẫn nhục, chịu đựng. Nhưng chị Dậu không thuộc loại người yếu đuối, chỉ biết than khóc. Thông minh, sắc sảo, đảm đang, tháo vát, chị Dậu còn tiềm tàng một khả năng phản kháng. Ngay giữa đình làng, trước mặt bọn hào lí, chị đã dám tru tréo, kêu to lên sự bất nhân của chế độ sưu thuế thực dân, phong kiến: *"Khốn nạn thân tôi! Trời ơi! Em tôi chết rồi còn phải đóng sưu, hở trời"*. Bị quăng từ đình làng về, rồi được cứu sống, anh Dậu chỉ còn biết khóc em, khóc cái Tí, khóc cho số phận của anh. Trái lại, chị Dậu tỏ thái độ bất cần. Chị bình tĩnh khuyên giải chồng *"Còn như mấy đồng tiền sưu, tuy có nóng thật, nhưng lo chưa kịp thì khất. Thịt người tanh, chẳng ai ăn được. Thầy em cứ yên tâm nằm nghỉ, không phải lo lắng gì cả"*.

Trong cảnh *tức nước vỡ bờ,* diễn biến tâm lí chị Dậu được miêu tả tinh tế và nhất quán. Chị có thể nhẫn nhục chịu đựng cam phận người dân thấp cổ bé miệng, nhưng khi bọn tay sai quá tàn ác đẩy chị đến chân tường, chị cũng biết vùng lên chống trả quyết liệt, thể hiện khả năng phản kháng tiềm tàng.

Trước thái độ hung hăng, những lời quát tháo hách dịch của cai lệ, chị Dậu *run run*. Chị sợ thì ít, mà lo cho chồng thì nhiều. Chị gọi cai lệ là *ông*, tự xưng là *cháu*. Chị van xin, cầu khẩn bằng giọng cố thiết tha: *"Hai ông làm phúc nói với ông Lí hãy cho cháu khất..."*

Chị lập luận khá đanh thép, có sự thuyết phục lớn, có lí, có tình:

"Khốn nạn! Nhà cháu đã không có, dẫu ông chửi mắng cũng đến thế thôi. Xin ông trông lại!"

Đến khi thấy tính mạng của chồng bị đe dọa, thái độ của chị Dậu thay đổi hoàn toàn. Chị vẫn cố van xin, nhưng vội vàng đặt đứa con đang bế xuống đất. Bên cạnh lời nói là hành động chạy đến đỡ lấy tay cai lệ, không để hắn đụng tới anh Dậu. Khi thấy sự nhún mình không có hiệu quả chị đã đứng lên ngang hàng với bọn bất nhân để lí luận, cảnh báo chúng. Đang xưng hô *"ông-cháu"*, chị Dậu chuyển qua *"ông-tôi"* với cai lệ. Người đàn bà uất ức đã liều mình đứng dậy tự đặt ngang hàng với cai lệ để cảnh cáo hắn: *"Chồng tôi đau ốm, ông không được phép hành hạ!"*.

Thái độ của chị Dậu ngày càng quyết liệt. Người đàn bà dịu dàng bỗng trở nên đáo để. Chị hạ cai lệ xuống thứ *"mày"* và ngang nhiên thách thức: *"Mày trói ngay chồng bà đi, bà cho mày xem"*. Tư thế *là tức nước vỡ bờ!* Chị Dậu quật ngã bọn tay sai hung ác trong tư thế ngang hàng, bất khuất với sức mạnh kì lạ. *Chị túm lấy cổ cai lệ ấn dúi ra cửa. Cai lệ ngã chỏng quèo trên mặt đất, miệng vẫn lầm nhảm thét trói vợ chồng kẻ thiếu sưu.* Tên người nhà lí trưởng cũng bị chị Dậu *túm tóc lẳng cho một cái, ngã nhào ra thềm.* Giọng văn của Ngô Tất Tố trở nên hả hê. Dưới ngòi bút của ông, hình ảnh chị Dậu hiện lên khỏe khoắn, quyết liệt bao nhiêu, thì hình ảnh bọn tay sai hung ác trở nên nhỏ bé, hèn hạ, nực cười và hài hước bấy nhiêu.

Thương thay anh Dậu, con người được bảo vệ phải lên tiếng – tài tình và tinh tế thay ngòi bút của Ngô Tất Tố! Tiếng nói hiền lành, cam chịu lại là lời tố cáo bọn thống trị có giá trị nhất: *"U nó không được thế! Người ta đánh mình không sao, mình đánh người ta thì mình phải tù, phải tội"*. Chị Dậu như đã lên đến lưng cọp. Nghe anh Dậu can, chị càng phẫn uất: *"Thà ngồi tù. Để cho chúng làm tình làm tội mãi thế, tôi không chịu được..."* Câu nói mộc mạc đầy phẫn uất ấy giống như lời tuyên ngôn hùng hồn cho quy luật, có áp bức, dứt khoát sẽ có đấu tranh.

Sức mạnh kì diệu của chị Dậu là sức mạnh của lòng căm hờn, uất hận bị dồn nén đến mức không thể chịu đựng được nữa. Một người đàn bà lúc nào cũng chỉ nghĩ tới chồng, tới con, nhiều lần lấy thân mình che chở đòn roi cho chồng. Vì chồng con, người đàn bà ấy sẵn sàng *thà ngồi tù.*

Qua cảnh *"Tức nước vỡ bờ"*, Ngô Tất Tố đã miêu tả tình thế diễn biến tâm lí chị Dậu một cách lô gích. Đó là một tính cách nhất quán. Chị Dậu có thể nhẫn nhục, chịu đựng, nhưng khi đã bị đẩy tới chân tường thì cũng biết vùng lên chống trả quyết liệt thể hiện một khả năng phản kháng tiềm tàng.

Nguyễn Tuân gọi chân dung chị Dậu trong Tắt đèn là "*bức chân dung lạc quan*", Nguyễn Tuân quả quyết rằng ông đã gặp chị Dậu trong "*một đám đông phá kho thóc của Nhật trong những ngày huyện kì tổng khởi nghĩa*". Nói như thế là Nguyễn Tuân đã khẳng định tài năng miêu tả nhân vật của Ngô Tất Tố. Dưới ngòi bút của Ngô Tất Tố, nhân vật chị Dậu vừa hiện lên sống động giống như người có thật, vừa thể hiện được quy luật tất yếu của đời sống. Cho nên, chị Dậu của Tất Tố có khả năng bước ra khỏi trang văn để đến với cuộc đời và sống mãi trong đời sống tinh thần của chúng ta.



Đề 36: Phân tích nhân vật vợ chồng Nghị Quế trong tác phẩm *"Tắt đèn"* của Ngô Tất Tố.

Bài tham khảo

Bản chất của bọn quan lại, địa chủ thời thực dân phong kiến là dùng mọi thủ đoạn để làm giàu trên xương máu của nhân dân lao động nghèo khổ. Vợ chồng Nghị Quế là hình ảnh tiêu biểu sâu sắc nhất đã được Ngô Tất Tố xây dựng thành công trong tác phẩm *Tắt đèn*. Hình ảnh độc ác, tàn nhẫn của ông Nghị, bà Nghị trong tác phẩm đã giúp ta hiểu thêm về tầng lớp địa chủ thời ấy.

Trong xã hội Việt Nam giai đoạn 1936-1939, nhân dân ta đang chịu cảnh một cổ hai tròng: thực dân và phong kiến. Thuế thân, thứ thuế đánh trên đầu người rất nặng nề làm cho nhân dân ta vốn không đủ ăn, đủ mặc, lại càng trở nên khánh kiệt, điêu đứng.

Đã vậy, bọn địa chủ chỉ nhờ dịp thuế ngặt nghèo, khi cánh cổng làng Đông Xá đóng lại, trâu không được ra đồng làm việc là chúng tha hồ giở thủ đoạn tàn bạo nhất để mua rẻ bán đắt từ tài sản đến sức lao động của người nghèo khổ nhất. Phải, chính thời điểm ấy, vợ chồng Nghị Quế đã có dịp bộc lộ bản chất tàn ác, bất nhân mua ổ chó và đứa con ruột của chị Dậu. Trước hết, Nghị Quế là loại địa chủ ngu dốt, vọng ngoại mù quáng, lại rất keo kiệt bủn xỉn. Hắn cho rằng theo Tây, giống Tây là sang trọng nên dặn vợ phải gọi con cái là *mợ* như bà phán, bà kí trên tỉnh. Nói năng như vậy là văn minh. Từ xưng hô đến cách bày biện trong nhà đều cải tiến. Hắn treo tranh quảng cáo sữa bò giữa hai câu đối trong phòng khách! Tuy nhiên, cách ăn uống của nó thô thiển, thiếu văn hóa, lại mất vệ sinh. *Hắn súc miệng òng ọc mấy cái, rồi nhổ toẹt xuống nền nhà.* Hắn có một cái dinh cơ lớn mà một đĩa giò kho ăn làm mấy bữa. Còn dư lại bà Nghị phải đếm từng miếng, giao hẹn với người giúp việc. Nhân lúc sưu thế ngặt nghèo, vợ chồng Nghị Quế đã dùng thủ đoạn *"ông đánh bà xoa"* để mua rẻ chó của chị Dậu. Túng cùng, sợ anh Dậu đang đau ốm mà bị hành hạ, đánh đập, chị Dậu đứt ruột bán cái Tí. Nhân tiện, vợ chồng Quế mua luôn đàn chó với giá rẻ. Ông nghị dùng thủ đoạn *"ức hiếp"*, *"dọa nạt"*, dồn chị Dậu vào thế bí, biểu hiện qua các cử chỉ đập tay xuống sập, quát..., qua giọng nói lúc thì quát, lúc thì cáu..., qua lời nói: "*Bán thì đi làm văn tự. Không bán thì về. Về thẳng!*"... Trái lại, bà Nghị dùng thủ đoạn *"dỗ dành"*, làm ra "thông cảm" biểu hiện qua cử chỉ an ủi:

"Thôi thế này, chó tao cũng mua vậy, cả chó con lẫn chó cái sang đây tao trả cho một đồng nữa. Với con bé kia một đồng là hai. Thế là mày đủ tiền nộp sưu lại khỏi nuôi chó, khỏi nuôi con, sướng nhé!"

Cái từ *sướng nhé* của bà Nghị thật nhẫn tâm, tưởng như nhát dao cắt thêm một nhát vào tấm lòng đang đứt đoạn của người mẹ nghèo khổ, cùng quẫn. Có người mẹ nào sung sướng khi phải xa rời đứa con ruột thịt của mình với niềm vui sướng *khỏi phải nuôi con* như chị? Tại sao bà Nghị, là một phụ nữ lại không hiểu rõ điều ấy? Phải chăng vì mối lợi đã làm bà tối mắt, nói và làm chỉ cố thuyết phục người ta làm theo ý riêng của bà, có lợi cho bà nhất mà thôi? Chà đạp lên tình mẫu tử thiêng liêng, bà Nghị quả là con người tàn nhẫn! Sự ti tiện bủn xỉn thật dễ nhận ra khi vợ chồng Nghị Quế muốn mua rẻ con bé đã tỏ ra nghi ngờ, dèm pha, hạ tuổi cái Tí xuống 6 tuổi, có lí do trả giá rẻ hơn nữa! Thảm hại, đau đớn cho chị Dậu thì tàn nhẫn, bất nhân bấy nhiêu lại dồn về Nghị Quế! Thực vậy, một đứa trẻ ngây thơ, hiếu thảo nhưng cái Tí lại bị chà đạp. Với

chó, bà Nghị căn dặn *che cho nó khỏi nắng* còn cái Tí lại bị bà bắt ăn cơm thừa của chó. Thực không có tính người!

Vơ vét cũng chưa hả, vợ chồng Nghị Quế còn lật lọng bằng cách đê tiện nhất. Từ hai đồng hứa mua cái Tí, cuối cùng cũng chỉ có hai đồng lại có thêm một bầy chó. Chị Dậu van nài, bà hứa cho thêm hai hào nữa nhưng lại bắt đóng lại hai tiền giấy mực. Chúng thật xảo quyệt! Chị Dậu biết bị xử ép, thiệt thòi nhưng *về thì đâm đầu vào đâu, để chồng bị trói đến bao giờ nữa?* Hiểu rõ hoàn cảnh chị, vợ chồng Nghị Quế đã không hề nương tay giúp đỡ mà còn chèn ép nhiều hơn.

Cho đến khi cái văn tự bán con viết xong thì có lẽ cả chị Dậu, cả người đọc chúng ta đều sửng sốt đến hốt hoảng! Mua bán với giá hai đồng mà văn tự đã thành hai mươi đồng. Thực là trắng trợn chưa từng có! Thế là chị Dậu không có cơ hội chuộc lại đứa con thân yêu của mình. Để giải thích cho chị Dậu khốn cùng ấy, bà ta đã nói: *"Tao nắm đằng chuôi chứ không nắm đằng lưỡi"*. Thật là đau xót cho chị Dậu. Chị Dậu đứt ruột đến bao lần! Chị Dậu bảo vệ người chồng đau ốm khỏi bị đánh đập mà khó khăn chồng chất đến thế! Sưu thuế đánh trên đầu người dân nghèo mà nặng nề đến thế ư?

Sự ti tiện và lật lọng đến thế vẫn chưa đủ, ta còn hốt hoảng hơn khi "bà" Nghị giàu sang ấy còn trả tiền thiếu cho chị, để đến nỗi việc đóng thuế còn rắc rối mã. Sợi dây khốn cùng bế tắc ngày càng thít chặt lấy người phụ nữ đáng thương này!

Đến đây thì bản chất "mặt người dạ thú", giàu mà dốt nát, bất nhân đã lộ rõ ra. Chọn lọc chi tiết giàu ý nghĩa biểu hiện, Ngô Tất Tố đã xây dựng được hai nhân vật phản diện rất điển hình cho một địa chủ ngu dốt, bất nhân đương thời.

Qua hành vi, ngôn ngữ của vợ chồng Nghị Quế, ta hiểu được bản chất bất nhân, tàn ác của một tầng lớp xã hội trong buổi nhân dân ta còn chìm đắm trong bóng đêm của thời Pháp thuộc. Đó là cách làm giàu, cách sống của một tầng lớp người quên tình dân tộc và quên tình đồng loại. Ta càng hiểu vì sao nông dân ta đi làm cách mạng để giành lấy quyền sống cho mình. Ngày nay và cho mãi mãi sau này, *Tắt đèn* còn mãi như một minh chứng hùng hồn cho tội ác của chế độ sưu thế trước Cách mạng tháng Tám 1945.

Đề 37: Phân tích bộ mặt tàn ác, bất nhân của lũ tôi tớ, tay sai chế độ thực dân, phong kiến qua chương XVIII *"Tức nước vỡ bờ"* trích từ tiểu thuyết *"Tắt đèn"* của Ngô Tất Tố.

Bài tham khảo

Tắt đèn là tác phẩm hiện thực xuất sắc của nhà văn Ngô Tất Tố viết về nông thôn Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám. Giống với những tác phẩm tiêu biểu thời kì mặt trận dân chủ như *Bước đường cùng* của Nguyễn Công Hoan, *Giông tố* và *Vỡ đê* của Vũ Trọng Phụng đã nhìn con người *trên tinh thần giai cấp. Tắt đèn* với chương *Tức nước vỡ bờ* là đỉnh cao của mối xung đột ấy, thể hiện rõ cách nhìn con người trên bình diện giai cấp. Trước hết là cách nhìn của tác phẩm đối với bọn tay sai của chế độ thực dân phong kiến đương thời. Đó là bọn người tàn ác, bất nhân, coi mạng người dân như cỏ rác.

Thực vậy, tính chất tàn ác bất nhân ấy được thể hiện trước hết ở việc dồn người dân vốn đã lâm vào hoàn cảnh khốn khổ đến đường cùng. *Tức nước vỡ*

bờ là chương truyện có kịch tính rất cao. Mười bảy chương trước đã thuật lại không biết bao nhiêu là cảnh cùng cực, khốn đốn của vợ chồng chị Dậu trong những ngày sưu thuế. Nhà nghèo *lên đến bậc nhì, bậc nhất trong hạng cùng đinh*, đến vụ thuế, anh Dậu lại bị ốm liệt giường.

Cho nên, vì suất sưu của anh Dậu mà chị Dậu phải bán chó, bán con, phải chịu đựng những lời rủa sả cay độc của vợ chồng Nghị Quế và cũng từng phải nếm cả những *đòn roi* của bọn lính và người nhà lí trưởng. Cũng vì suất sưu ấy mà anh Dậu bị đánh, bị trói giữa lúc ốm đau. Sự bất nhân, tàn nhẫn ấy còn thể hiện ở chỗ chẳng những đánh thuế vào người sống, mà còn dựng cả người chết lên để đánh thuế. Cho nên, nộp xong suất sưu của anh Dậu. Chị Dậu những tưởng đã trả được *món nợ nhà nước*, nào ngờ, bọn hào lí cho biết số tiền vừa nộp ấy chỉ mới tính vào suất của *chú Hợi* đã chết từ năm ngoái, tiền thuế đinh của anh Dậu vẫn còn phải..nợ! Thế là chị Dậu bị đẩy tới chỗ cùng đường. Anh Dậu tiếp tục bị đánh, bị trói cho đến ngất xỉu. Nửa đêm, người ta vác anh Dậu rũ rượi như một cái xác trả về cho chị Dậu. Nhờ có hàng xóm đỡ đến giúp, chị Dậu đã cứu sống được chồng.

Nhưng trời vừa sáng, bộ mặt cai lệ và người nhà lí trưởng lại hiện ra *sầm sập tiến vào với những roi song, tay thước và dây thừng*. Tính mạng của anh Dậu bị đe dọa nghiêm trọng. Thế là, "tức nước vỡ bờ", chị Dậu đã vùng lên chống trả một cách quyết liệt. Đặt nhân vật vào tình huống đầy kịch tính ấy, tác giả đã phơi bày thành công bộ mặt tàn ác, bất nhân của lũ tôi tớ, tay sai dưới chế độ thực dân phong kiến thời đó.

Cai lệ có lính tráng trong tay để sai bảo. Nhưng cai lệ chưa phải là quan. Đó là một chức hạng bét của chế độ đương thời, một loại cánh tay nối dài của quan phủ quan huyện ngày xưa. Người nhà lí trưởng tất nhiên không có chức quyền gì. Y chính là đầy tớ của bọn hào lí trong làng. Thậm chí, y có thể là một người nghèo. Có lần chị Dậu năn nỉ hắn: *"Bạn nghèo với nhau, bác nói khéo với ông lí cho tôi"*, nhưng hắn đã *hầm hầm vác gậy* bỏ đi và thô lỗ: *"Tôi không dám bạn với nhà chị"*. Cai lệ và người nhà lí trưởng tuy địa vị có khác nhau nhưng sự tàn ác bất nhân thì không ai kém ai. Chân dung của chúng đã được nhà văn khắc họa khá sắc sảo.

Giữa túp lều tồi tàn như nơi chứa phân tro có một người đàn ông vừa thoát chết, một người đàn bà nuôi con mọn với ba đứa trẻ. Thình lình cai lệ và người nhà lí trưởng xuất hiện, đằng đằng sát khí, *sầm sập tiến vào*. Tay chúng cầm *roi song, tay thước, dây thừng*. Đó là những dụng cụ đánh người. Với thái độ ra oai, cai lệ gõ đầu roi *xuống* đất rất hách dịch, gọi anh Dậu là *thằng*, chị Dậu là *mày*, xưng *ông*, xưng *cha mày*. Cai lệ mở mồm la thét, quát tháo: *"Mày định nói cho cha mày nghe đấy à?"* Bên cạnh giọng thét, giọng quát còn có *giọng thâm hè và trợn hai mắt*. Thật là bộ mặt của hung thần! Tên người nhà lí trưởng thì mỉa mai tên cai lệ để tên này càng hung tợn hơn: "*Chị khất tiền sưu đến chiều mai phải không? Đấy! Chị hãy nói với ông cai để ông ấy ra đình kêu với quan cho! Chứ ông lí tôi thì không có quyền dám cho chị khất một giờ nào nữa!"* Anh Dậu đang ốm đau lại bị trói đến ngất xỉu đi, vậy mà họ chẳng hề động tâm. Vừa thấy *anh run rẩy cất bát cháo,* cai lệ rủa sả: "*Ông tưởng mày chết đêm qua, còn sống đấy à?"* Anh Dậu sợ lăn ra phản, người nhà lí trưởng còn mỉa mai cười: "*Anh ta* lại *sắp phải gió như đêm hôm qua đấy"*. Cả hai tên bất nhân không để ý đến lời van xin tha thiết của người đàn bà khốn khổ ấy. Hắn không để chị nói

hết câu mà chỉ giục: *"Nộp tiền sưu! Mau. Nếu không có tiền nộp sưu cho ông bây giờ, thì ông sẽ dỡ cả nhà mày đi"*.

Hắn càng hung hăng, sai người nhà lí trưởng trói anh Dậu. Người nhà lí trưởng còn *không dám hành hạ một người đang ốm nặng, sợ hoặc xảy ra sự gì*. Ấy thế mà hắn dám *đùng đùng giật phắt cái thừng, chạy sầm sập* đến chỗ anh Dậu... *bịch luôn vào ngực chị Dậu mấy bịch, tát vào mặt chị một cái đánh đốp*. Chân dung của cai lệ và người nhà lí trưởng được khắc họa bằng những chi tiết điệu bộ, giọng nói và hành vi. Không hề có chi tiết nào về suy nghĩ của chúng. Đó là sự sắc sảo của ngòi bút Ngô Tất Tố. Chúng chỉ biết đánh trói, hành hạ người như một cái máy vô tri. Chúng làm gì có lòng trắc ẩn của con người. Đó là bản chất bất nhân của bọn đầy tớ tay sai.

Tóm lại, chân dung của bọn tay sai chế độ thực dân phong kiến thực chất là bọn mặt người dạ thú. Tiếng của chúng chỉ là âm thanh *hầm hè, quát, thét*. Đầu óc chúng không biết nghĩ suy, trái tim chúng không hề rung động! Hung dữ và thô bạo như vậy, chúng tạo được tình huống kịch tính căng thẳng cho mạch truyện, đẩy nhân vật chị Dậu đến tình trạng "*tức nước vỡ bờ*". Thật là những chân dung được khắc họa bằng cái nhìn tinh tế và ngòi bút sắc sảo bậc thầy của nhà văn Ngô Tất Tố.

Đề 38: Hãy phân tích hai nhân vật cha và con trong truyện ngắn *"Lão Hạc"* của Nam Cao.

Bài tham khảo

Lão Hạc là truyện ngắn thành công của Nam Cao viết về đời sống của người nông dân Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám 1945. *Lão Hạc*, nhân vật chính trong truyện, là một nông dân chất phác, đôn hậu, có nhiều nỗi khổ tâm, sống trong cảnh nghèo đói đơn độc độc nhưng giàu lòng tự trọng và rất mực thương con.

Xã hội trong truyện *Lão Hạc* là một xã hội bất công, cầm tù nhân dân trong cảnh nghèo đói, lam lũ. Bên cạnh những người do nghèo đói mà đi ăn trộm như Binh Tư, còn có những con *người lương thiện giàu lòng tự trọng như Lão Hạc* – đóa sen thơm ngát giữa ao bùn!

Là một nông dân nghèo, không có ruộng, lão phải cày thuê cuốc mướn. Lão dành dụm, chắt chiu mới có mảnh vườn nho nhỏ. Tài sản duy nhất giúp lão có thêm chút hoa màu. Hoàn cảnh lão thật đơn chiếc; vợ lão mất sớm, còn hai cha con mà phải chật vật mới đủ ăn hàng ngày, lấy đâu ra cho con trai cưới vợ? Tiền mặt, tiền cau, tiền rượu, tiền cưới nữa chắc phải mất đến hai trăm. Không cưới nổi vợ, con trai lão buồn rầu bỏ đi phu cao su, gửi lại biếu bố vài đồng bạc ăn quà và con chó Vàng – dự định sẽ thịt trong ngày cưới. Vợ mất, con đi biệt xứ với lời hẹn có bạc trăm mới trở về, lão sống cô đơn, hiu quạnh với tuổi già, chỉ có con Vàng làm bạn. Lão dồn tình thương nhớ con trai cho con Vàng. Ngòi bút bùi ngùi xúc động: "*Già rồi, mà ngày cũng như đêm, thui thủi một mình thì ai chả buồn*". Những lúc đó có con Vàng làm bạn cũng đỡ hơn một chút. Lão và con Vàng sống lây lất qua ngày với củ ráy, củ khoai, bữa trai, bữa ốc... Vậy mà ngặt nghèo đến nỗi lão phải xa con Vàng. Trong nụ cười gượng gạo, chứa chan bao nước mắt, cay đắng, xót xa cho số phận: "*Thì ra cậu Vàng ăn khỏe hơn tôi, ông giáo ạ. Mỗi ngày cậu ăn thế thì tôi lấy đâu ra tiền mà nuôi. Thôi thì bán phắt đi, đỡ được đồng nào hay đồng nấy*". Xã hội khắc nghiệt đã cướp đi

tất cả niềm vui nhỏ bé của lão. Chưa hết tai ương, cơn bão lại cướp đi những hoa màu ít ỏi trong vườn. Rồi cơn ốm hai tháng mười tám ngày đã đẩy lão xuống tận cùng cơ cực, nghèo đói. Lão chọn cái chết khốc liệt, chua chát: tự đầu độc.

Câu chuyện chứng tỏ lão Hạc là con người đôn hậu. Những lời tâm sự, suy nghĩ chân tình của lão trong cảnh ngặt nghèo khi nói với ông giáo khiến ta mủi lòng. Lòng đôn hậu của lão còn biểu hiện cảm động hơn qua cách chăm sóc con Vàng. Lão chăm sóc nó như chăm một đứa trẻ: cho nó ăn cơm bằng bát, lão ăn gì cũng cho nó ăn: *lão cứ nhắm vài miếng lại gắp cho nó một miếng như người ta gắp thức ăn cho con trẻ, rồi* lão bắt rận, rồi lão tắm cho nó, rồi nựng nịu mắng yêu nó... Đến lúc túng quẫn không còn gì để nuôi nó, thậm chí không còn gì để nuôi thân, dự định bán nó đi mà lão đắn đo mãi. Khi bán nó rồi lão khóc vì thương: *lão cười như mếu và đôi mắt ầng ậng nước* và nhất là vì lão xót xa thấy "*già bằng ấy tuổi đầu rồi mà còn đánh lừa một con chó*". Lòng thương và nỗi ân hận của lão đối với con Vàng sâu sắc đến mức trở thành nỗi đau khôn lường: *mặt lão đột nhiên co rúm lại... cái miệng móm mém của lão mếu như con nít.* Lão *hu hu khóc* và ân hận:

"*Khốn nạn ông giáo ơi! Nó có biết gì đâu!... nó cứ làm in như là nó trách tôi...: "A! Lão già tệ lắm! Tôi ăn ở với lão như thế mà lão xử với tôi như thế này đấy à?*".

Thật là một con người đôn hậu, chất phác! Biết bao người dám lừa bịp và xử tệ với thân nhân, đồng loại không một chút xót thương. Vậy mà lão Hạc, do hoàn cảnh ngặt nghèo vẫn tự trách mình chưa tốt với con chó!

Không những thế, *lão Hạc còn là một nông dân giàu tự trọng.* Dù sống trong cuộc sống nghèo khổ, túng quẫn, lão vẫn giữ lòng tự trọng. Lão nghèo nhưng không hèn, không vì miếng ăn mà quỵ lụy kêu xin ai. Thậm chí đoán vợ ông giáo hơi có ý phàn nàn về sự đỡ đần của ông giáo đối với mình, lão đã lảng tránh ông giáo.

Tự trọng đến mức không muốn sau khi mình chết còn bị mọi người khinh rẻ. Chẳng còn gì ăn mà lão vẫn không hề đụng tới số tiền dành dụm và đem gửi ông giáo để nếu mình chết thì ông tang ma cho mình: "*Con không có nhà, lỡ chết không biết ai đứng ra lo cho được; để phiền cho hàng xóm thì chết không nhắm mắt được mắt...*" Thật là một nhân cách hiếm có trên đời!

Cảm động hơn là tấm lòng lão Hạc dành cho đứa con trai độc nhất của lão. Thương con lão ước mong cho con hạnh phúc. Dù đói khổ không còn cái ăn nhưng biết con trai không đủ tiền cưới vợ, lão vẫn giữ nguyên vẹn cái vườn cho con với ý nghĩ "*mẹ nó tậu thì nó hưởng*". Vì nghèo, lão không cưới được vợ cho con. Càng đau xót hơn khi con đi làm đồn điền cao su "*nó là người của người ta rồi, chứ đâu có còn là con của tôi*". Thương nhớ con, lão nói chuyện với con Vàng và cảm thấy như vơi đi nỗi nhớ con vì con Vàng là một kỉ niệm của con trai lão để lại.

Thương nhớ con, lão suy nghĩ sâu xa, không thể bán vườn vì lão nghĩ đến tương lai của con. Lão đã để riêng hoa lợi của khu vườn, dành làm vốn cho con sau này. *Lão đã hi sinh tất cả vì con.* Trước khi mất, lão gửi mảnh vườn lại cho ông giáo, người hàng xóm thân thiết của lão để khi con trai về giao lại cho con. Lão chết nhưng tấm lòng vẫn hướng về con và mong muốn cuộc sống của con trai mình không gặp cảnh đớn đau như lão. Bi thương thay cuộc đời lão Hạc!

Lão muốn sống trong sạch nhưng xã hội ấy không cho lão sống. Cuộc đời quá bế tắc, lão phải tự tử để bảo toàn danh dự của mình. Cái chết của lão Hạc đã chứng minh sự trong sạch của lão. Cái chết của lão đã tố cáo xã hội đen tối thời bấy giờ không thể chấp nhận một con người lương thiện như lão. Lão Hạc quả là một nhân cách cao đẹp, dù cuộc sống có cơ cực đến đâu. Nam Cao đã khắc họa được hình ảnh lão Hạc thật đẹp đẽ, cao quý như hình ảnh những con cò, con hạc trong bài ca dao:

"... Có xáo thì xáo nước trong,

Đừng xáo nước đục đau lòng cò con".

Là một nông dân sống trong hoàn cảnh ngặt nghèo của xã hội thực dân, phong kiến, con người luôn bị cảnh chết chóc đe dọa hàng ngày. Vậy mà lão Hạc vẫn giữ tròn phẩm chất cao quý, bản chất lương thiện. Tấm lòng yêu thương và hi sinh vì con của lão thật đáng quý. Xúc động trước tình phụ tử cao quý thiêng liêng của lão Hạc, em lại càng yêu quý và ngưỡng mộ con người chất phác mà cao thượng ấy. Sự ra đi của lão Hạc tuy đớn đau, nhưng chẳng khác nào một cánh hạc thanh cao từ bỏ trần gian, bay vút tận trời xanh.

Lão Hạc là hình tượng cảm động và cao quý về người nông dân thời Pháp thuộc. Trước khi mất, lão gửi mảnh vườn cho ông giáo, người hàng xóm thân thiết và tin cậy của lão để khi con trai về, giao lại cho con. Lão tự đầy mình đến cái chết, để không ăn vào số tiền và mảnh vườn, với mong muốn cuộc sống của con mình không gặp khó khăn như lão. Vậy là con trai lão Hạc là người như thế nào?

Đó là một thanh niên vắng mặt, là tất cả yêu thương và mong đợi của lão. Qua nỗi nhớ của lão, ta hiểu thêm tính cách của anh thanh niên con trai của lão Hạc.

Trước hết, anh là một đứa con trai yêu quý của lão Hạc. Mẹ mất, anh vẫn chăm chỉ làm ăn, ước mơ lấy được người con gái anh yêu và sống hạnh phúc bên nàng. Anh đã chuẩn bị chu đáo cho đám cưới, nuôi con chó để dành cho tiệc vui. Thế nhưng gia đình cô gái thách cưới quá cao, gần trăm bạc! Lão Hạc phân tích cho con: "*Bán vườn rồi thì cưới vợ ở đâu?*". Thế là cô gái anh yêu trở thành vợ người khác!

Anh ra đi, phải ra đi vì phẫn chí bởi ở lại càng đau khổ! Xa quê hương và người cha thân yêu, anh rất khổ tâm. Nghèo đến không lấy nổi vợ, thật đau xót! Thương cha, có hiếu nhưng anh vẫn phải ra đi, mong có bạc trăm mới trở về để trả món nợ danh dự! Thế là anh xin đi làm đồn điền cao su nhưng ai mà không biết:

Cao su đi dễ khó về

Khi đi trai tráng, khi về bủng beo!

Chỉ có anh, biết hay không biết, anh vẫn đi với biết bao đau xót và phẫn uất, phẫn uất nên vẫn liều lĩnh đi... ước mơ, hi vọng... thật là đau xót, đáng thương!

"*Tôi chỉ chỉ biết khóc chứ còn biết làm sao được nữa? Thẻ của nó người ta giữa. Hình của nó người ta đã chụp rồi. Nó lại đã lấy tiền của người ta. Nó là người của người ta rồi, chứ đâu còn là con của tôi*". Đó là tiếng than đứt ruột của người cha thương con hết lòng mà phải chịu sống xa con! Cha xót, con phải đau! Anh rất hiếu thảo, ngay khi nhận được tiền đăng kí, anh đã nghĩ đến cha: "*Con biếu thầy ba đồng để thỉnh thoảng thầy ăn quà... Con đi chuyến này cố chí làm ăn, bao giờ con có bạc trăm con mới về, không có tiền, sống khổ sống sở ở cái làng này nhục lắm...*". Thương cha và hiếu thảo, anh đã nghe lời

cha *"chẳng lấy đám này thì lấy đám khác"* mặc dầu anh đã trót yêu cô gái. Anh là nạn nhân của tục thách cưới!

Nơi anh tìm đến với hi vọng chịu khó để có bạc trăm lại là nơi đầy đọa và bóc lột sức lao động tinh vi, tàn nhẫn của thực dân Pháp. Phải chăng anh quá chân thật, hiền lành nên đã ước mơ xa thực tế, chỉ có lão Hạc đã nhìn rõ vấn đề *"nó là người của người ta rồi, chứ đâu là con tôi?"* Hóa ra *anh là nạn nhân của bọn thực dân Pháp trong việc chúng vơ vét tài nguyên và nhân lực Việt Nam*. Muốn vươn lên, rửa món nợ danh dự, muốn sống đầy đủ và hạnh phúc, anh lại rơi vào cái bẫy, trở thành nô lệ đáng thương! Từ đây, cho anh sẽ mỏi mắt chờ đợi bởi lẽ thường tình đã được đúc kết:

Cao su xanh tốt lạ đời
Mỗi cây bón một xác người công nhân

Hình ảnh con trai lão Hạc tiêu biểu cho người thanh niên chân thực, biết yêu thương, có khát vọng vươn lên, sống tốt đẹp bằng công sức lao động của chính mình. Thương cha nhưng bất đắc chí anh đã trở thành nạn nhân của chế độ bóc lột đương thời.

Nghệ thuật xây dựng rất độc đáo, hình tượng con trai lão Hạc chỉ được phản ánh thông qua cuộc nói chuyện tâm tình giữa lão Hạc và ông giáo. Hình ảnh con trai lão Hạc không rõ nét bằng lão Hạc nhưng thật đáng thương. Cùng với lão Hạc, hai nhân vật đã nêu bật chủ đề tác phẩm và tố cáo chế độ đương thời. Trong đó, những người lao động chân chính là nạn nhân của nghèo đói, hủ tục cưới xin rườm rà và thực chất bóc lột của các đồn điền cao su do Pháp làm chủ. Bên cạnh hình ảnh của chị Dậu, anh Dậu, cái Tí, lão Hạc và con trai lão Hạc góp phần làm rõ bức tranh hiện thực của xã hội ta thời Pháp thuộc.

Đề 39: Phân tích nhân vật ông giáo trong truyện ngắn *"Lão Hạc"* của Nam Cao.

Bài tham khảo

Truyện ngắn *Lão Hạc* là một trong những thành công của Nam Cao trong việc xây dựng những hình tượng người nông dân Việt Nam sống dưới ách thống trị nặng nề trong xã hội thực dân nửa phong kiến, những con người phải sống một cuộc đời đầy đau khổ nhưng vẫn mang một vẻ đẹp tâm hồn thật cao quý. Nếu lão Hạc là hình tượng nhân vật gây xúc động bởi tình phụ tử thiêng liêng và nhân cách cao thượng thì ông giáo cũng là điểm sáng về tình thương người, về cách nhìn đầy cảm thông trân trọng đối với người nông dân nghèo đói đương thời.

Trước hết, ta thấy nhân vật "tôi" trong tác phẩm là một người trí thức nghèo. Nghề giáo trong xã hội ấy thường bị thất nghiệp. Mọi mơ ước, lí tưởng, mọi nhiệt tình sôi nổi của tuổi trẻ đành bỏ dở và phai nhạt dần. Kể cả những cuốn sách quý giá ông giáo cũng đành bán đi để chữa bệnh cho con. Ông giáo, do đó, rất cảm thông với nỗi đau xót của lão Hạc... Ông tâm sự như muốn nói với người bạn đồng cảnh ngộ: *"Lão Hạc ơi! Ta có quyền giữ cho ta một tí gì đâu? Lão quý con chó Vàng của lão đã thấm vào đâu với tôi quý năm quyển sách của tôi!"*

Từ kinh nghiệm, từ nỗi đau bản thân, *ông giáo dễ dàng thông cảm với lão Hạc. Ông thấy được phẩm chất cao quý của lão Hạc và rất trân trọng lão Hạc.* Ông đã nhận xét nếu không hiểu sâu tâm hồn phẩm chất của họ, ta chỉ thấy họ ngu dốt, gàn dở, xấu xa! Ngược lại, đã hiểu và yêu quý lão Hạc, ông giáo ngẫm

giúp đỡ lão Hạc đến nỗi vợ của ông phàn nàn trách cứ. Đó là thời buổi cái đói khổ và cái chết chóc đang rình rập bất cứ ai! Hiểu nhau ở tinh thần, thể hiện bằng hành động giúp đỡ cụ thể, điều đó rõ là tình cảm sâu xa, nhân hậu.

Tuy nhiên, cả một xã hội đang bị cảnh chết đói đe dọa, có người còn giữ được đạo đức nhân cách, có người phải trộm cắp để sống. Vì vậy, thấy lão Hạc xin bả chó của Binh Tư, ông giáo lầm tưởng lão Hạc cũng từ bỏ nhân cách, đói nghèo đến liều lĩnh rồi. Dù vậy, ông giáo cũng suy nghĩ rất nhân hậu: Lão Hạc lại nối gót Binh Tư làm nghề bắt trộm chó để sống, lẽ nào một con người hiền lành chất phác như vậy mà giờ đây lại có ý nghĩ và hành động xấu xa đến như thế? Vừa kính nể về nhân cách, vừa thương vì hoàn cảnh túng cùng, ông giáo cảm thấy buồn trước sự suy thoái đạo đức. Đến lúc nghe và thấy cái chết thảm khốc vì ăn bả chó của lão Hạc, ông giáo chợt nhận ra: "*Không! Cuộc đời chưa hẳn đáng buồn, hay vẫn đáng buồn nhưng lại đáng buồn theo một nghĩa khác*". Thật vậy, cuộc đời chưa hẳn đáng buồn vì lão Hạc vẫn là con người có đạo đức, có nhân cách cao quý, lão Hạc vẫn xứng đáng với niềm tin của ông, lão chưa mất nhân phẩm vì miếng cơm manh áo! Chưa hẳn đáng buồn, vì lão Hạc vẫn là con người có đạo đức, có nhân cách cao quý, lão Hạc vẫn xứng đáng với niềm tin cậy của ông, lão chưa mất nhân phẩm vì miếng cơm manh áo! *Nhưng đời đáng buồn theo nghĩa khác:* ông giáo buồn vì con người mà ông đang yêu mến, quý trọng ấy lại nghèo đến nỗi không có cái ăn để tồn tại trên cõi đời này. Cuộc đời con người lương thiện lại bi thảm đến thế? Vậy thì chân lí "*ở hiền gặp lành*" còn tồn tại nữa chăng?

Đối với lão Hạc, còn quý gì hơn lời hứa thực hiện điều ông trăn trối: *Lão Hạc ơi! Lão Hạc ơi! Lão hãy yên lòng mà nhắm mắt! Lão đừng lo gì cho cái vườn của lão… cái vườn mà lão nhất định không chịu bán đi một sào*". Ta như nghe ông giáo đang thề nguyện trước vong linh người đã khuất, ta tin rằng ông sẽ làm tròn lời hứa với lão Hạc.

Truyện *Lão Hạc* đã cho ta thấy xã hội đương thời có nhiều cảnh bi thương, dồn con người lương thiện vào đường cùng không giúp được, không cưu mang nổi nhau để cuối cùng phải tự kết liễu đời mình một cách thảm thương. Ý nghĩa tố cáo của truyện thật sâu sắc!

Tóm lại, ông giáo là người trí thức, không may mắn trong xã hội đương thời nhưng vẫn có tấm lòng nhân hậu đáng quý, có cái nhìn sâu sắc để cảm thông chia sẻ và quý trọng một người chất phác thật thà như lão Hạc. Biết bao người có lòng nhân hậu mà không giúp nhau vượt qua bi kịch của cuộc sống! Qua ông giáo, ta hiểu cái nhìn cảm thông tin tưởng của Nam Cao đối với nhân cách đáng quý: dù đó là trí thức hay nông dân thì quan hệ giữa họ vẫn là tri kỉ, họ có thể kí thác những điều hệ trọng, thiêng liêng nhất đời mình.

ĐỀ 40: ***"Chao ôi! Đối với những người ở quanh ta, nếu ta không cố tìm mà hiểu họ, thì ta chỉ thấy họ gàn dở, ngu ngốc, bần tiện, xấu xa, bỉ ổi… toàn những cớ để cho ta tàn nhẫn; không bao giờ ta thấy họ là những người đáng thương."*** (Nam Cao — ***Lão Hạc***).

Hãy chứng minh nhận xét này qua các nhân vật trong truyện ngắn "Lão Hạc" của Nam Cao.

BÀI THAM KHẢO

Có những tác phẩm đọc xong , ta quên ngay, nhưng cũng có những tác phẩm đọc xong, ta hồi hồi xao xuyến như vừa chia biệt một người thân, vừa mất mát một tài sản vô giá, vừa hận lại vừa muốn khóc!! Đó là tâm trạng tôi khi đọc xong " lão Hạc" của Nam Cao. Lão Hạc đã chết, và bao nhiêu lão Hạc đã chết ? tôi nào biết, nhưng tôi mãi nhớ Nam Cao và Lão Hạc của Nam Cao!

Không phải ngẫu nhiên mà Nam Cao với tác phẩm "*Lão Hạc*" của ông đã đưa ra nhiều ý kiến nhìn nhận về lão Hạc để rồi cuối cùng khéo léo đưa ra quan điểm về cách nhìn nhận đánh giá con người, đồng thời đó cũng là quan điểm sáng tạo của ông. "*Chao ôi! Đối với những người ở quanh ta, nếu ta không cố tìm mà hiểu họ thì ta chỉ thấy họ gàn dở...*". Bằng ngòi bút linh hoạt xuất sắc, cả tác phẩm "*Lão Hạc*" của ông đã toát lên quan điểm đó một cách thầm kín mà sâu xa.

Ở bản thân lão Hạc, cái hình thức bên ngoài khá mâu thuẫn với bản chất bên trong của lão. Chính vì vậy, để đạt được một hình ảnh lão Hạc có sức thuyết phục lớn như ngày nay chắc chắn Nam Cao phải có sự đồng cảm sâu sắc với quần chúng lao khổ.

Mỗi nhân vật trong tác phẩm đều nhìn nhận lão Hạc với một quan điểm riêng. Vợ ông giáo nhìn nhận lão Hạc chỉ từ một hướng. Khi ông giáo nói chuyện về lão Hạc, thị gạt phắt đi *"Cho lão chết! Ai bảo lão có tiền mà chịu khổ. Lão làm lão khổ chứ ai làm lão khổ"*.

Vợ ông giáo hiểu một cách nông cạn về lão Hạc quá! Thị đâu biết rằng, lão để dành tiền lại là để khỏi liên lụy đến hàng xóm sau này khi làm ma cho lão. Bởi lão biết rằng, những người láng giềng cũng nghèo như lão mà thôi. Lão là một con người sống biết lo xa, sống hôm nay mà đã nghĩ ngày mai. Vậy mà vợ ông giáo đã hiểu lão Hạc một cách lầm lẫn, ông giáo rất buồn, nhưng ông không trách vợ *"Vợ tôi không ác, nhưng thị khổ quá rồi."* Rất cụ thể, Nam Cao đưa ra dẫn chứng: *"Một người đau chân có lúc nào quên được cái chân đau của mình để nghĩ đến một cái gì khác đâu?"* Đúng vậy, đau chân còn có lúc đỡ, lúc khỏi, chứ cái nghèo đói nó cứ bám riết lấy con người ta. Và ắt hẳn vợ ông giáo *"chẳng còn nghĩ gì đến ai được nữa;* người ta xuất phát vốn là một người tốt – vợ ông giáo cũng vậy nhưng *"cái bản tính tốt của người ta bị những nỗi lo lắng, buồn đau, ích kỉ che lấp mất"*. Thế đấy, một con người như thế thì làm sao hiểu nổi người khác, nhất là một người phức tạp như lão Hạc.

Cũng như lão Hạc và vợ chồng ông giáo, Binh Tư xuất phát cũng là một người nông dân. Nhưng không chịu nổi cuộc sống lương thiện để rồi suốt đời nghèo khổ, Binh Tư đã quay mặt với cái thiện. Từ lâu, Binh Tư đã *"vốn không ưa lão Hạc bởi lão lương thiện quá"*. Khi nhìn nhận về lão Hạc, Nam Cao cũng đã để cho một con người Binh Tư suy nghĩ về lão: *"Lão làm bộ đấy! Thật ra thì lão chỉ tẩm ngẩm thế nhưng cũng ra phết chứ chả vừa đâu. Lão vừa xin tôi một ít bả chó"*. Qua câu nói đầy ẩn ý của Binh Tư, ta tưởng chừng như Binh Tư lại chính là người hiểu lão Hạc. Nhưng trước cái chết của lão Hạc, ta mới thấy Binh Tư đã hiểu về lão Hạc một cách rất sai lệch. Binh Tư vốn là một tên dùng bả chó để ăn trộm cho nên phải chăng hắn nghĩ rằng người ta dùng bả chó chỉ để làm cái việc xấu xa giống hắn. Thế đấy, vẫn với *"một cái chân đau"*, Binh Tư cũng đã nhìn nhận con người chỉ qua hình thức bên ngoài.

Xuyên suốt câu chuyện là cả một quá trình tìm hiểu lão Hạc của ông giáo. Kết lại câu chuyện cũng là những suy nghĩ của ông giáo về lão Hạc nói riêng, và cuộc đời bần cùng hóa của người nông dân nói chung.

Ông giáo, nhân vật *"tôi"* chính là người kể chuyện có những nét rất gần gũi với Nam Cao. Tuy *"tôi"* không hoàn toàn đồng nhất với Nam Cao nhưng đã phần nào mang hình mẫu của tác giả. Bản thân ông giáo cũng phải có cả một quá trình khám phá để nhận biết lão Hạc. Lúc đầu, ông cho lão Hạc là một con người lẩm cẩm, nói đi nói lại mỗi chuyện con chó và *"trong lòng tôi rất dửng dưng"*. Con chó mà lão thường nhắc đến với một tình cảm hiếm có thì ông giáo cho rằng: *"Lão quý con chó vàng của lão đã thấm vào đâu so với tôi quý năm quyển sách của tôi"*. Về sau qua câu chuyện lão Hạc kể, ông giáo cũng đã hiểu thêm phần nào lão Hạc: *"Bây giờ thì tôi hiểu tại sao lão không muốn bán con chó Vàng của lão"*. Thế rồi dần dần, sau khi Lão Hạc bán con chó, ông giáo đã hiểu lão Hạc nhiều hơn. Nhìn bộ mặt *"cười như mếu và đôi mắt ầng ậng nước"* của lão Hạc, ông giáo đã *"muốn ôm choàng lấy lão mà òa lên khóc"*. Ông giáo đã có sự đồng cảm, xót xa sâu sắc với lão Hạc và *"tôi không xót xa năm quyển sách của tôi quá như trước nữa"*. Tuy ông giáo mới chỉ dừng lại ở mức hiểu và thông cảm cho lão Hạc nhưng cũng đã mất đi một thời gian tìm hiểu. Khi thêm một cuộc đối thoại nữa với lão Hạc thì ông giáo đã có một bước nhận thức sâu hơn về lão Hạc, nể phục lão Hạc. Nhưng cũng sau cái lần gửi hết tiền và mảnh vườn cho ông giáo, lão Hạc *"chỉ ăn khoai"*, rồi dần dần *"lão chế tạo được món gì, ăn món nấy"*. Ông giáo muốn giúp đỡ lão Hạc nhưng mà sự giúp đỡ đều vô ích bởi *"Lão từ chối tất cả những gì tôi cho lão. Lão từ chối một cách gần như là hách dịch. Và lão cứ xa tôi dần dần"*. Đúng vào lúc đó thì cái tin thì thầm của Binh Tư: *"Lão bảo có con chó nhà nào cứ đến vườn nhà lão... Lão định cho nó xơi một bữa, nếu trúng lão với tôi uống rượu"* đủ khiến ông giáo cũng phải lầm tưởng: *"Con người đáng kính ấy bây giờ cũng theo gót Binh Tư để có ăn ư?*. Và ông đã phải thốt lên rằng: *"Cuộc đời quả thật cứ mỗi ngày một thêm đáng buồn"*..

Nhưng ngay sau đó, trước cái chết của lão Hạc, quan điểm của ông giáo đã khác hẳn: *"Không! Cuộc đời chưa hẳn đã đáng buồn, hay vẫn đáng buồn nhưng lại đáng buồn theo một nghĩa khác"*. Tại sao lão Hạc lại phải chọn cái chết tàn khốc như vậy – một cái chết sáng tỏ nhân cách cao thượng, lão đã chọn một cái chết cũng vật vã và thương đau như cuộc đời lão, "*chẳng ai hiểu lão chết vì bệnh gì mà đau đớn và bất thình lình như vậy*". Chỉ có hai người hiểu "*Nhưng nói ra làm gì nữa*". Vậy thì cuộc đời này vẫn chẳng đáng buồn làm sao. Bởi sao những người như lão Hạc không được sống hạnh phúc. Tuổi lão Hạc lẽ ra giờ đây phải được quây quần quanh con cháu hưởng thụ phần cuối của cuộc đời. Vậy mà... lão Hạc ơi, cùng với các nhân vật trong truyện, bây giờ người đọc mới thực sự hiểu nỗi lão. Con người lão phức tạp quá! Nhìn hình thức bên ngoài, ta không thể hiểu bản chất bên trong của lão rằng: lão đang nghĩ gì, lão sẽ làm gì? Cũng đã có những người hiểu về lão Hạc một cách nông cạn như thế nhưng đều bởi vì họ có "*một cái chân đau*". Đây cũng chính là nét đặc sắc trong tác phẩm của Nam Cao. Khác với chị Dậu trong "*Tắt đèn*" của Ngô Tất Tố, chị đẹp cả hình thức lẫn tâm hồn và ai nhìn vào chị cũng thấy đẹp; mỗi nhân vật trong "*Lão Hạc*" nhìn nhận lão với ý kiến riêng của mình và không phải ý kiến nào cũng tốt đẹp. Nhưng dường như trước cái chết của lão Hạc, mọi người đều đã vỡ lẽ ra, bởi vì "*Hình như tấm lòng của Nam Cao muốn viết về con người, cho con người sâu hơn, rộng hơn cái anh đã viết ra.*" (Kim Lân). Ông quan niệm mỗi con người đều có một góc cạnh, và quả thật trong cuộc

sống, con người có những góc cạnh như thế. Cuối cùng, lão Hạc cũng đã chết – chết "*vinh*" – chết như lão đã từng sống.

Những người nông dân trong trang viết của Nam Cao cũng rất đa dạng, tốt có xấu có. Có những người đến chết vẫn giữ được bản chất của mình như lão Hạc. Có những người sống vì người khác không màng danh lợi cho riêng mình như ông giáo. Nhưng cũng có những người vì khổ quá nên "*chẳng còn nghĩ gì đến ai được nữa*", sống ích kỉ, sống cho riêng mình như vợ ông giáo. Và có cả những người giữa cảnh tranh tối tranh sáng của xã hội đương thời đã phải từ bỏ cái gốc người nông dân, quay mặt với cái thiện như Binh Tư.

"*Cái chết dữ dội như con chó dại ấy là cái chết của con người nặng yêu thương, trọng nghĩa tình, Nó khép lại thiên truyện nhưng không đè nặng tim tôi như như cái chết Chí Phèo...*" Cô giáo Hoàng thị Thương đã nói thế ! Nhưng người viết bài này lại khóc cho Lão Hạc của Nam Cao, muốn làm văn tế lão Hạc và thương tiếc, xót xa cho bao nhiêu người cha Việt Nam mãi mãi !

Thế đấy, cuộc sống xã hội này phức tạp lắm thay. Và để sống giữa một xã hội như thế, ta không thể không "*cố mà tìm hiểu những người ở quanh ta*". Trải qua thời gian nhưng cùng với tác phẩm "*Lão Hạc*" của mình, quan điểm của Nam Cao đã trở thành bất hủ, và hình tượng lão Hạc vẫn còn mãi trong văn học Việt Nam. Tôi ước gì lão Hạc đã được đi cấp cứu, trở về ngôi vườn, ăn cháo của ông bà giáo, và đón trai mình trở về nhà!

Bài của ***Huỳnh Mỹ Linh_Trần Hải Yến***

Giáo viên trường PTCS ***Hai Bà Trưng TP HCM***

41. Đề: Phân tích và phát biểu cảm nghĩ về *Cô bé bán diêm*

BÀI THAM KHẢO

Truyện *Cô bé bán diêm* của An-đéc-xen đã gợi cho em một nỗi cảm thương đến xót xa trước cảnh ngộ nghèo khổ, khốn cùng và cái chết vô cùng thương tâm của cô bé. Cô bé đã cạn kiệt về vật chất và bị tổn thương nặng nề về tinh thần. Trong cuộc đời này còn có gì đau đớn hơn khi là một cô bé bị bỏ rơi, cô đơn, lẻ loi giữa trời.

Cô bé bán diêm là truyện đặc sắc dành cho thiếu nhi, gây xúc động người đọc.

- Phân tích nhân vật cô bé bán diêm trong truyện ngắn cùng tên

<u>II. THÂN BÀI</u>

Thời điểm xảy ra câu chuyện khá đặc biệt: Đêm giao thừa, mọi người sum họp dưới mái ấm gia đình để cùng nhau tiễn đưa năm cũ và đón chào năm mới trong không khí thiêng liêng, ngập tràn hạnh phúc. Riêng cô bé mồ côi mẹ, đầu trần, chân đất, váy áo phong phanh, bụng đói meo đang dò dẫm trong bóng tối. Suốt ngày hôm nay, cô bé lang thang khắp nơi mà không bán được bao diêm nào.

A. ***Phân tích tình cảnh đáng thương***

Đêm Noel, quang cảnh xung quanh đẹp đẽ, ấm áp lạ thường: cửa sổ mọi nhà đều sáng rực đèn và trong phố sực nức mùi ngỗng quay.

Những hình ảnh ấy gợi cô bé nhớ lại năm xưa được đón giao thừa bên bà nội hiền hậu trong căn nhà xinh xắn có dây thường xuân bao quanh. Tác giả đã sử dụng những hình ảnh tương phản làm nổi bật tình cảnh hết sức tội nghiệp của cô bé. Em đang rét có lẽ càng rét hơn khi thấy mọi nhà rực sáng

ánh đèn. Em đang đói, có lẽ càng đói hơn khi ngửi thấy mùi ngỗng quay sực nức. Chẳng có điều gì tốt đẹp chờ đợi cô bé ngoài cái xó xỉnh tối tăm, rét mướt đầy tiếng mắng nhiếc, chửi rủa của người cha thô lỗ, cộc cằn. Những lần đón giao thừa năm xưa vui vẻ cùng bà và cha mẹ giờ đây đã lùi vào dĩ vãng. Tai họa đã làm cho gia đình cô bé tan nát. Mẹ mất, bà nội cũng qua đời, em không còn được ai yêu thương, ấp ủ.

- Thời gian và không gian: *Em đi lang thang trong đêm giao thừa... giữa trời đông giá rét... rét dữ dội... Bông tuyết bám đầy trên mái tóc dài xõa thành từng búp trên lưng em.*

- Hoàn cảnh gia đình: nghèo, mẹ mất, người cha nghèo đói và tàn nhẫn. Em phải bán diêm để kiếm sống, *nếu không bán được bao diêm hay không ai bố thí cho một đồng xu nào, đêm về nhất định là cha em sẽ đánh em. Cho nên cô bé ngồi nép trong một góc tường giữa hai ngôi nhà...* cho đỡ lạnh. Không bán được diêm, sợ cha đánh nên em chẳng dám về nhà. Vả lại ở nhà cũng đói, cũng rét như ở đây thôi: *Cha con em ở trên gác sát mái nhà và mặc dầu đã nhét giẻ rách vào các khe hở lớn trên vách, gió vẫn thổi rít vào trong nhà.*

Giữa đêm giao thừa giá buốt, cô bé lủi thủi một mình với chiếc giỏ đựng diêm. Lúc em nép vào một góc tường để tránh cơn gió bấc rét thấu xương cũng là lúc những khao khát cháy bỏng bùng lên trong trái tim nhỏ bé. Đôi bàn tay em cứng đờ vì lạnh, em ao ước được sưởi ấm bằng một que diêm: *Chà! Giá quẹt một que diêm mà sưởi cho đỡ rét một chút nhỉ? Giá em có thể rút một que diêm ra quẹt vào tường mà hơ ngón tay nhỉ? Cuối cùng em đánh liều quẹt một que. Diêm bén lửa thật là nhạy. Ngọn lửa lúc đầu xanh lam, dần dần biến đi, trắng ra, rực hồng lên quanh que gỗ, sáng chói trông đến vui mắt.*

— Những hình ảnh tả cảnh đói rét lang thang của cô bé tương phản với cảnh no đủ, ấm cúng của mọi người, *cửa sổ mọi nhà đều sáng rực ánh đèn và trong phố sực nức mùi ngỗng quay.*

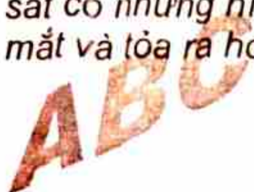
B. Phát biểu cảm nghĩ

Trước cảnh ngộ nghèo khổ, cơ cực của cô bé, lòng tôi như đau thắt lại. Có lẽ nào ta lại không cảm thấy xót xa khi nghĩ về hình ảnh cô bé một mình bơ vơ, giữa một không gian mênh mông trong đêm tối, rét cắt da, cắt thịt. Trong khi mọi người được sum vầy vui vẻ trong các căn nhà ấm áp, bên lò sưởi kia, thì em bé phải một mình đi bán những bao diêm, em chẳng được ai quan tâm để ý. Cảnh ngộ đó của cô bé càng làm đau đớn tim ta hơn, vì nó lại xảy ra trong đêm giao thừa, khi tất cả niềm vui và sự đầy đủ ùa vào những căn nhà ấm cúng.

B. NHỮNG MỘNG TƯỞNG ĐẸP NHƯNG NAO LÒNG

1. Các mộng tưởng của em bé qua các lần quẹt diêm (mơ lò sưởi, bàn ăn, cây thông Nô-en, người bà, hai bà cháu bay đi) lần lượt diễn ra thật hợp lí, hợp với những điều khao khát của em: được sưởi ấm, được ăn ngon, được đi chơi, được thương yêu, chấm dứt mọi lo lắng, buồn khổ.

- Quẹt que diêm thứ nhất: Em tưởng chừng như đang ngồi trước lò sưởi bằng sắt... tỏa ra hơi nóng dịu dàng. Ngọn lửa chắp cánh cho trí tưởng tượng của em bay bổng: *Em hơ đôi tay trên que diêm sáng rực như than hồng. Chà! Ánh sáng kì dị làm sao! Em tưởng chừng như đang ngồi trước một lò sưởi bằng sắt có những hình nổi bằng đồng bóng nhoáng. Trong lò, lửa cháy nom đến vui mắt và tỏa ra hơi nóng dịu dàng.*



Thật là dễ chịu! Đôi bàn tay em hơ trên ngọn lửa; bên tay cầm diêm, ngón cái nóng bỏng lên. Chà! Khi tuyết phủ kín mặt đất, gió bấc thổi vun vút mà được ngồi hàng giờ như thế, trong đêm đông rét buốt, trước một lò sưởi, thì khoái biết bao!

Thực tế và mộng tưởng xen kẽ với nhau. Trong ánh lửa bập bùng của que diêm, những hình ảnh của cuộc sống đầy đủ hiện ra rõ ràng trong đầu óc cô bé. Mải mê tưởng tượng nên que diêm cháy gần bén ngón tay mà em không thấy nóng. Em ao ước lúc này mà được ngồi trước lò sưởi để hơ đôi bàn tay đã cứng đơ vì lạnh thì sung sướng biết bao! Que diêm cháy hết, cô bé lại trở về với hiện thực phũ phàng:

Em vừa duỗi chân ra sưởi thì lửa vụt tắt, lò sưởi biến mất. Em ngồi đó, tay cầm que diêm đã tàn hẳn. Em bần thần cả người và chợt nghĩ ra rằng cha em đã giao cho em đi bán diêm. Đêm nay về nhà thế nào cũng bị cha mắng.

- Quẹt que thứ hai: Bàn ăn đã dọn... và có cả một con ngỗng quay.

Em quẹt que diêm thứ hai, diêm cháy và sáng rực lên. Bức tường như biến thành một tấm rèm bằng vải màu. Em nhìn thấu vào tận trong nhà. Bàn ăn đã dọn, khăn trải bàn trắng tinh, trên bàn toàn bát đĩa bằng sứ quý giá, và có cả một con ngỗng quay. Nhưng điều kì diệu nhất là ngỗng ta nhảy ra khỏi đĩa và mang cả dao ăn, phuốc-sét, cắm trên lưng, tiến về phía em bé.

Rồi... quê diêm vụt tắt; trước mặt em chỉ còn là những bức tường dày đặc và lạnh lẽo.

Đáng buồn thay! Những ảo ảnh đó chỉ hiện lên trong chốc lát. Lửa tắt, vây quanh em vẫn là bóng tối mịt mùng, là cái lạnh thấu xương, cái đói rã rời và đáng sợ hơn cả là nỗi cô đơn không ai chia sẻ: *Thực tế đã thay thế cho mộng tưởng; chẳng có bàn ăn thịnh soạn nào cả, mà chỉ có phố xá vắng teo, lạnh buốt, tuyết phủ trắng xóa, gió bấc vi vu và mấy người khách qua đường quần áo ấm áp vội vã đi đến những nơi hẹn hò, hoàn toàn lãnh đạm với cảnh nghèo khổ của cô bé bán diêm.*

- Quẹt que diêm thứ ba: Em thấy hiện ra một cây thông Nô-en... hàng ngàn ngọn nến sáng rực, lấp lánh trên cành lá xanh tươi...

Trí tưởng tượng phong phú đã đem lại cho em những ao ước mới: em muốn đêm Giáng Sinh phải có cây thông Nô-en. Nên quyết định quẹt que diêm thứ ba: Em quẹt que diêm thứ ba. Bỗng em thấy hiện ra một cây thông Nô-en. Cây này lớn và trang trí lộng lẫy hơn cây mà em được thấy năm ngoái qua cửa kính một nhà buôn giàu có. Hàng ngàn ngọn nến sáng rực, lấp lánh trên cành lá xanh tươi và rất nhiều bức tranh màu sắc rực rỡ như những bức bày trong các tủ hàng, hiện ra trước mắt em bé. Nhưng rồi diêm tắt. Tất cả các ngọn nến bay lên, bay lên mãi rồi biến thành những ngôi sao trên trời. Xung quanh em vẫn là hai bức tường và đêm tối rồi em nghĩ tới bà em vì bà em, người hiền hậu độc nhất đối với em, đã chết từ lâu, trước đây thường nói rằng: "Khi có một vì sao đổi ngôi là có một linh hồn bay lên trời với Thượng đế".

- Quẹt que diêm thứ tư: Em nhìn thấy rõ ràng là bà em đang mỉm cười với em.

Em quẹt que diêm nữa vào tường, một ánh sáng xanh tỏa ra xung quanh và em bé nhìn thấy rõ ràng bà em đang mỉm cười với em.

- Bà ơi! Em bé reo lên, cho cháu đi với! Cháu biết rằng diêm tắt thì bà cũng biến đi mất như lò sưởi, ngỗng quay và cây Nô-en ban nãy, nhưng xin bà đừng bỏ cháu ở nơi này; Trước kia khi bà chưa về với Thượng đế chí nhân, bà cháu

ta đã từng sung sướng biết bao! Dạo ấy bà đã từng nhủ cháu rằng nếu cháu ngoan ngoãn, cháu sẽ được gặp lại bà, bà ơi! Cháu van bà, bà xin Thượng đế chí nhân cho cháu về với bà. Chắc Người không từ chối đâu.

- Quẹt tất cả những que diêm còn lại: Em thấy hai bà cháu bay vụt lên cao, cao mãi...

Chính lúc đó cô bé đầu trần, chân đi đất, run rẩy vì lạnh và đói. Sự đầm ấm của các gia đình hiện ra qua khung cửa sổ kia càng làm chúng ta xót xa cho cô bé khốn khổ tội nghiệp, không có lấy một chút hạnh phúc nào trong đêm giao thừa. Nhất là hình ảnh cô bé chỉ biết ngồi thu chân vào hốc tường mà hồi tưởng, mà ước mơ. Một que diêm bật sáng lên là cuộc sống quá khứ lại hiện về. Đó là những ngày sống vui vẻ, tràn đầy hạnh phúc bên bà nội hiền từ, nhân hậu như một bà tiên, trong ngôi nhà nhỏ xinh xắn có dây thường xuân bao quanh. Nhưng que diêm tắt là một thực tại vô cùng nghiệt ngã, phũ phàng lại ập đến. Em đang phải sống trong trăm đường cơ cực, khổ sở. Cả ngày phải đi bán diêm, nếu không bán được, đến tối về lại bị bố đánh đập. Và trong đêm giao thừa rét căm căm này em không dám về vì chẳng bán được một que diêm nào. Các mộng tưởng của em bé diễn ra lần lượt theo thứ tự như trên rất hợp lí. Vì trời rất rét nên trước hết em mơ tưởng đến lò sưởi; tiếp đó vì đang đói em mơ tưởng đến bàn ăn đầy thức ăn ngon mà sau các bức tường kia, mọi nhà đang đón giao thừa; vì là đêm giao thừa nên ngay sau đó "cây thông Nô-en" hiện ra; đến đây tất nhiên gợi cho em nhớ đến đã có một thời em cũng được đón giao thừa như thế, khi bà em còn sống và hình ảnh bà em xuất hiện.

Kết thúc câu chuyện là sự đối lập giữa cảnh đời vui vẻ và cái chết bi thảm của em bé bán diêm:

Sáng hôm sau, tuyết vẫn phủ kín mặt đất, nhưng mặt trời lên, trong sáng, chói chang trên bầu trời xanh nhợt. Mọi người vui vẻ ra khỏi nhà.

Trong buổi sáng lạnh lẽo ấy, ở một xó tường, người ta thấy một em bé gái có đôi má hồng và đôi môi đang mỉm cười. Em đã chết vì giá rét trong đêm giao thừa.

Ngày mồng một đầu năm hiện lên trên thi thể em bé ngồi giữa những bao diêm, trong đó có một bao đã đốt hết nhẵn. Mọi người bảo nhau: "Chắc nó muốn sưởi cho ấm!", nhưng chẳng ai biết những cái kì diệu em đã trông thấy, nhất là cảnh huy hoàng lúc hai bà cháu bay lên để đón những niềm vui đầu năm.

Ngay cả những ước mơ nhỏ bé của em mà cũng chỉ thấy được qua mộng ảo. Mỗi một que diêm sáng lên sáng lên ước mơ ở đây không phải là ánh sáng của một cây đèn hay của một nguồn ánh sáng gì to lớn. Nó chỉ là một ánh lửa diêm nhỏ bé, dễ dàng tắt lụi trong đêm băng tuyết. Bởi vậy mỗi que diêm bật lên sao có thể sưởi ấm được tấm thân và tâm hồn đã đông lạnh của cô bé. Nó chẳng qua chỉ là chỗ bấu víu cực kì mong manh của cô bé mà thôi. Em bé quẹt cả số diêm còn lại chính là để cố bám lấy những ước mơ đó. Trong khi chúng ta có đầy đủ những thứ đó thì cô bé bán diêm của An-déc-xen lại thiếu tất cả. Ngay cả giấc mơ đẹp nhất em cũng chỉ được thấy khi đã hấp hối.

2. Những mộng tưởng của em bé qua các lần quẹt diêm về lò sưởi, bàn ăn, cây thông là sát với thực tế, vì đó là những nhu cầu thiết thực cho cuộc sống của em. Còn mộng tưởng được gặp lại bà, và em thấy bà em *to lớn và đẹp lão, rồi hai bà cháu bay vụt lên cao*... thuần túy chỉ là nỗi khát khao tha thiết của em bé vốn thiếu hẳn tình thương yêu chăm sóc của người thân.

Trong phần kết của truyện, cái chết của cô bé nghèo khổ, đói rét làm ta xót xa. Em bé thật đáng thương! Chỉ có mẹ và bà thương yêu em, nhưng họ đều đã qua đời. Cha em có lẽ vì quá nghèo khổ nên cũng đối xử với em tàn nhẫn. Người qua đường nhìn thấy thi thể em vào buổi sáng đầu năm với thái độ dửng dưng, vô cảm. Trong xã hội tư bản thiếu sự đồng cảm và tình thương yêu giữa người với người, nhà văn An-đéc-xen đã viết truyện này với niềm xót thương vô hạn đối với em bé bán diêm bất hạnh nói riêng và cả tầng lớp người nghèo khổ nói chung. Nhưng mặt khác, cái chết đó thật thanh thản qua hình ảnh *đôi má hồng và đôi môi đang mỉm cười* và em đang đi vào giấc mơ *huy hoàng lúc hai bà cháu bay lên để đón lấy những niềm vui đầu năm*. Chúng ta càng trân trọng những ước mơ đó của em bao nhiêu lại càng đau đớn bấy nhiêu trước cái chết vô cùng thương tâm của em.

III. KẾT BÀI:

Truyện *Cô bé bán diêm* kể về kiếp đời của một em gái nhỏ bất hạnh, chết trong đói rét mà lòng vẫn ôm ấp những mộng tưởng đẹp. Truyện mang giá trị nhân văn cao quý, gợi nỗi cảm thương sâu sắc cho người đọc. Cần xây dựng cuộc sống ấm no cho tất cả mọi người, nhất là cho những em bé đáng thương trên đời. Để làm dịu bớt nỗi đau đang nhức nhối trong tim và cũng để an ủi những linh hồn tội nghiệp, nhà văn đã miêu tả em bé chết nhưng đôi má vẫn hồng và đôi môi đang mỉm cười. Tuy vậy, nội dung câu chuyện *Cô bé bán diêm* và kết thúc thương tâm của nó vẫn khiến người đọc rơi nước mắt.

Dẫu tác giả có tả em bé chết nhưng đôi má vẫn ửng hồng, đôi môi đang mỉm cười, đồng thời hình dung ra cảnh huy hoàng hai bà cháu bay lên trời để đón lấy những niềm vui đầu năm thì nỗi đau trong ta vẫn không thuyên giảm, mà thậm chí cứ nhắm mắt lại thì hình ảnh ấy lại càng day dứt ta hơn.

Hình ảnh cô bé bán diêm mãi mãi để lại trong lòng bao người đọc trên khắp thế gian này niềm đau thương vô hạn, như luôn nhắc nhở chúng ta hãy yêu thương giúp đỡ lẫn nhau. Và đó cũng chính là tấm lòng nhân hậu tràn đầy của An-đéc-xen.

Hoàng Vũ Thu Liên

Trường THCS Hai Bà Trưng

42. Đề: Đôn Kihôtê là một người có lí tưởng, muốn thực hiện những điều công lí chính nghĩa, trừng phạt kẻ độc ác, xóa bỏ việc bất công. Dựa vào nhận xét trên, em hãy phân tích nhân vật Đôn Kihôtê qua phần phân tích đoạn văn *Đánh nhau với cối xay gió* và các chương khác trong tác phẩm *"Đôn Kihôtê"* của *Xéc-van-tex*.

BÀI THAM KHẢO

Xéc-van-tex (1547-1616) là một nhà văn lớn, yêu công lí, bác ái, đã thể hiện những giá trị nhân văn cao quý ở thời đại Phục hưng, là nhà văn nổi tiếng của đất nước Tây Ban Nha. Ông đã để lại cho nhân loại nhiều kiệt tác, trong đó có tiểu thuyết Đôn Ki-hô-tê làm say mê bao thế hệ người đọc trên thế giới, Đôn Ki-hô-tê cũng là nhân vật chính trong tác phẩm vừa nói đã từ trong lòng sách bước ra cuộc đời, đi vào lòng người nhiều thế hệ, trên ba trăm năm nay. Thật vậy, từ bấy đến nay, đã có bao thế hệ yêu thích tác phẩm ấy, đặc biệt là nhân vật ấy, một nhân vật vừa đáng cười chê, lại vừa đáng thương yêu, khâm phục.

Đáng cười chê, bởi vì Đôn Ki-hô-tê đúng là một con người thiếu bình thường. Bình thường làm sao được, khi nhà quý tộc trứ danh xứ Man-tra này mê đọc sách kiếm hiệp đến mức cuồng dại. Ông đọc mải miết từ tối đến sáng, từ sáng đến tối, đọc đến mức do ngủ ít đọc nhiều nên đầu óc ông teo đi, mất cả trí khôn. Đã vậy, nhà quý tộc còn bán cả một phần ruộng đang cày cấy để mua sách kiếm hiệp về chất đống trong nhà. Bao nhiêu điều trong sách đều ăn sâu vào đầu óc ông. Có thể nói Đôn Ki-hô-tê mê sách kiếm hiệp đến mức cuồng tín, không còn biết phải trái, thực hư. Từ suy nghĩ đến hành động, ông đều bị nội dung sách kiếm hiệp chi phối. Bởi vậy, ông mới tự thấy mình là một nhà quý tộc tuổi đã ngũ tuần, ốm yếu, gầy gò là một trang hiệp sĩ dũng mãnh có thể chiến thắng tất cả mọi hiệp sĩ ở trên đời và con ngựa khốn khổ của chàng là con tuấn mã Rô Xi-man-tê. Nhà quý tộc trứ danh này cũng nhìn cái cối xay gió ra tên khổng lồ có cánh tay dài. Trong quãng đời làm hiệp sĩ của mình, nhà quý tộc đã lắm phen bị điêu đứng vì những ảo tưởng do tự mình tạo ra như thế.

Tuy vậy, trong các nhược điểm vừa nói vẫn bộc lộ ra những phẩm chất đáng yêu, đáng quý của nhà quý tộc, của trang hiệp sĩ này. Trong cuộc sống, không gì quý hơn lí tưởng, bởi lẽ không lí tưởng cuộc sống của con người sẽ nhàm chán, vô vị. Cũng chính từ cuộc sống nhàm chán vô vị của gã quý tộc thôn quê mà Đôn Ki-hô-tê đọc sách, tìm ra cho mình một lí tưởng. Cũng vì say mê lí tưởng mà nhà quý tộc này đã vùi đầu vào sách đến mất ngủ quên ăn. Ông đã mong ước trở thành một chàng hiệp sĩ giang hồ, một thương, một ngựa chu du thiên hạ, thực hiện chính nghĩa, bênh vực kẻ hèn yếu, tiêu diệt bất công, đạp bằng mọi gian nguy trên đời, để lại tiếng thơm truyền lưu hậu thế. Dẫu sao, lí tưởng đó vẫn là điều tốt đẹp nhất từ xưa đến nay. Lí tưởng ấy vượt xa mọi thứ lí tưởng vị kỉ tầm thường.

Đâu phải chỉ là mong ước, Đôn Ki-hô-tê còn hành động. Chàng coi việc cứu khốn phò nguy ấy là lẽ sống của cuộc đời chàng. Chàng quyết tâm rời bỏ cuộc sống bình yên, chỉ đọc sách và hưởng thụ ích kỉ. Chàng đã đánh bóng lại những vũ khí đã han rỉ, sửa chữa lại cái mũ. Đi thăm con ngựa cà khổ, chàng đặt tên mới cho nó là Rô Xi-man-tê. Chàng cũng không quên đặt biệt hiệu cho mình.. Để rồi chàng đã mặc áo giáp, cắp giáo lên ngựa dấn thân vào con đường hành hiệp mà chàng đã biết trước là đầy thử thách, gian nguy, có thể phải hi sinh cả tính mạng mình. Hành động ấy của Đôn Ki-hô-tê dẫu là do ảo tưởng, nhưng cũng đẹp đẽ biết mấy.

Nghĩ là làm, Đôn Ki-hô-tê đã xông vào quyết tâm đánh chết những tên khổng lồ hung tợn, xấu xa, để giải phóng cho mọi người khỏi mối đe dọa khủng khiếp, chàng đã đánh nhau với cối xay gió. Đoạn trích *Đánh nhau với cối xay gió* kể về một trong những trận giao chiến của Đôn Ki-hô-tê. Nội dung xoay quanh mấy sự việc chính: Sự xuất hiện của cối xay gió. Đôn Ki-hô-tê đánh nhau với cối xay gió. Đôn Ki-hô-tê bị thương. Việc ăn ngủ của hai thầy trò trên đường đi. Qua đó, tính cách của hai nhân vật được bộc lộ rõ nét. Sự tương phản hoàn toàn giữa chủ và tớ đã tạo nên một cặp nhân vật bất hủ trong văn học thế giới. Tính cách của Đôn Ki-hô-tê thật nực cười, tuy vậy lão cũng có ít nhiều ưu điểm. Bác nông dân Xan-chô Pan-xa có những mặt tốt, song cũng có nhiều điểm đáng chê trách.

Hiệp sĩ Đôn Ki-hô-tê cao lênh khênh, gầy nhẳng, trông như một bộ xương biết đi. Lão mặc áo giáp, đầu đội mũ sắt, vai vác giáo dài, cưỡi trên lưng con ngựa già còm nhom, hăng hái lên đường lập chiến công. Đang đi, chợt hai thầy trò phát hiện ra ba bốn chục chiếc cối xay gió giữa đồng và Đôn Ki-hô-tê vừa

nhìn thấy liền nói với giám mã với giọng tràn đầy khí thế: "*Vận may run rủi khiến cho sự nghiệp của chúng ta tốt đẹp quá sự mong muốn, vì kia kia, anh bạn Xan-chô Pan-xa ơi, có đến ba chục hoặc trên ba chục tên khổng lồ ghê gớm, ta quyết giao chiến giết hết bọn chúng.*"

- Lũ súc sinh kia không được chạy trốn! Có ta là hiệp sĩ, một thương một mã đến đọ sức với bọn ngươi đây.

- Dù cho bọn ngươi có vung nhiều cánh tay hơn cả tên khổng lồ Bri-a-rê đi nữa, các ngươi cũng sẽ phải đền tội.

Lời nói ấy chứng tỏ quyết tâm của chàng hiệp sĩ cho dù giám mã có can ngăn, bảo đó chỉ là cối xay gió. Đôn Ki-hô-tê háo hức tưởng tượng ra kết quả của cuộc giao chiến này là vừa thỏa chí bình sinh, vừa thu được chiến lợi phẩm, vừa hành động hợp với ý Chúa: *Những chiến lợi phẩm thu được, chúng ta sẽ bắt đầu giàu có. Bởi đây là một cuộc chiến đấu chính đáng và quét sạch cái giống xấu xa này ra khỏi mặt đất là phụng sự ý Chúa đấy.*

Có thể chúng ta phì cười trước hành động của nhà quý tộc xứ Man-tra này, nhưng chúng ta không khỏi khâm phục trước quyết tâm trừ gian khử ác của chàng, dù là biết những tên khổng lồ này xảo quyệt và mạnh mẽ hơn mình bội lần. Mặc cho Xan-chô hết lời giải thích, Đôn Ki-hô-tê vẫn khăng khăng không chấp nhận sự thật. Thực ra, nếu hiểu theo nghĩa đen của câu chuyện, thì chàng hiệp sĩ này là một người nhầm lẫn, nhưng nếu ta hiểu theo một nghĩa "tượng trưng" và "triết lí" hơn, thì thực sự các cối xay gió là "*những nhu cầu vật chất*" luôn theo sát con người để hành hạ bao tử và tâm trí con người. Do đó, việc đánh nhau với cối xay gió vừa là màn hài kịch, vừa là một câu chuyện đầy triết lí của cuộc sống mưu sinh trần thế! Đôn Ki-hô-tê muốn ra tay tiêu trừ "khổng lồ xấu xa" ấy. Mục đích của lão rất tốt, ta hãy nghe chàng cao giọng phê phán bác giám mã Xan-chô: "*Xem ra anh chẳng thành thạo gì về những chuyện phiêu lưu… Đấy là những tên khổng lồ, và nếu anh sợ thì hãy tránh xa ra mà cầu kinh trong lúc ta sẽ đương đầu với chúng trong cuộc giao tranh điên cuồng và không cân sức.*

Rõ ràng trước mắt chàng hiệp sĩ là đám gió *nhưng trong bụng vốn đinh ninh phía trước là những tên khổng lồ nên Đôn Ki-hô-tê chẳng những không nghe lời can ngăn của giám mã Xan-chô, mà khi đã tới gần cũng chẳng nhận ra đấy là những chiếc cối xay; đã thế, chàng ta còn thét lớn: "Chớ có chạy trốn, lũ hèn mạt nhát gan kia, bởi duy nhất chỉ có một hiệp sĩ tấn công bọn mi đây".*

Cuộc giao chiến giữa người với vật được tác giả miêu tả bằng giọng văn hài hước, hóm hỉnh: *Vừa lúc đó nổi lên một làn gió nhẹ và các cánh quạt lớn của những chiếc cối xay gió bắt đầu chuyển động; thấy thế, Đôn Ki-hô-tê liền nói: "Dù cho bọn ngươi có vung nhiều cánh tay hơn cả gã khổng lồ Bri-a-rê-ô, các ngươi cũng sắp phải đền tội". Nói xong, lão nhiệt tình thành tâm niệm cầu mong nàng Đuyn-xi-nê-a của mình cứu giúp cho trong lúc nguy nan này; rồi lấy khiên che kín thân, tay lăm lăm ngọn giáo, lão thúc con Rô-xi-nan-tê phi thẳng tới chiếc cối xay gió gần nhất ở trước mặt, va đâm mũi giáo vào cánh quạt; gió làm cánh quạt quay tít khiến ngọn giáo gãy tan tành, kéo theo cả người và ngựa ngã văng ra xa.*

Dẫu sao, đó cũng là hành động của một con người dám hi sinh vì lí tưởng, sẵn sàng chấp nhận một cuộc đấu tranh không cân sức, chỉ vì muốn thực hiện lí tưởng cao đẹp của mình.

Nếu độc giả nhỏ tuổi hồn nhiên bật cười trước suy nghĩ ngớ ngẩn và hành động dại dột khi Đôn Ki-hô-tê khi cả người lẫn ngựa đã bị cánh quạt của chiếc

cối xay gió văng trúng, ngã lăn ra đất thì người suy nghĩ sâu xa sẽ thấy vừa chua xót vừa thương hại cho chàng hiệp sĩ cao thượng nhưng chiến đấu vì một ảo ảnh quá xa vời!

Xan-chô Pan-xa vội thúc lừa chạy đến cứu, và khi tới nơi thì thấy chủ nằm không cựa quậy. "Giúp tôi với, lạy Chúa!", Xan-chô nói, tôi đã chẳng bảo ngài rằng phải coi chừng cẩn thận đấy ư, rằng đó chỉ là những chiếc cối xay gió, ai chẳng biết thế, trừ kẻ nào đầu óc cũng quay cuồng như cối xay!". Giám mã Xan-chô nói rất đúng tâm trạng của Đôn Ki-hô-tê lúc này. Nhưng trong tình thế vừa cười vừa khóc ấy, lão vẫn ngoan cố cho rằng việc làm của mình là đúng và vẫn tự lừa dối bằng những lời hoa mỹ hoang đường, bịa đặt: *Thôi im đi, anh bạn Xan-chô, ...chuyện chinh chiến thường biến hóa khôn lường chứ không như các chuyện khác; bởi lẽ, ta cho rằng, và đúng là như thế, chính lão pháp sư Phơ-re-tôn trước đây đã đánh cắp thư phòng và sách vở của ta, bây giờ lại biến những tên khổng lồ kia thành cối xay gió để tước đi của ta niềm vinh quang đánh bại chúng, vì lão thâm thù ta lắm cơ; nhưng rồi các pháp thuật xấu xa của lão cũng sẽ không thể nào đối chọi với thanh kiếm lợi hại của ta. Đến nước này thì giám mã Xan-chô chỉ còn biết lắc đầu và cầu Chúa hết sức phù hộ cho và nâng Đôn Ki-hô-tê dậy, đỡ lão ngồi lại lên lưng con Rô-xi-nan-tê cũng bị toạc nửa vai!*

Tuy bị trọng thương nhưng Đôn Ki-hô-tê không hề rên rỉ. Tinh thần chịu đựng kiên cường ấy cũng đáng khen nhưng rất tiếc đấy lại là do lão cố bắt chước đúng như các hiệp sĩ giang hồ... trong sách: *Ta không kêu đau là vì hiệp sĩ giang hồ có bị thương thế nào cũng không được rên rỉ, dù xổ cả ruột gan ra ngoài.*

Tương phản với Đôn Ki-hô-tê là giám mã Xan-chô Pan-xa béo lùn, thực dụng và láu cá. Bác ta nhận làm giám mã cho Đôn Ki-hô-tê với hi vọng sau khi công thành danh toại, ông chủ sẽ cho bác làm thống đốc, cai trị một vài hòn đảo giữa biển khơi. Suốt cuộc phiêu lưu, giám mã đủng đỉnh cưỡi lừa đi theo chủ và lúc nào cũng mang theo bầu rượu cũng cái túi hai ngăn đựng đầy thức ăn ngon.

Đầu óc Xan-chô hoàn toàn tỉnh táo. Khi chủ khẳng định mấy chục chiếc cối xay gió trước mặt là những tên khổng lồ, bác ngạc nhiên hỏi: *Những tên khổng lồ nào cơ?* Rồi giải thích thật cặn kẽ: *Thưa ngài, xuất hiện ở kia chẳng phải là các tên khổng lồ đâu mà chỉ là những cối xay gió, và cái vật trông giống cánh tay là những cánh quạt, khi có gió thổi, chúng sẽ quay tròn làm chuyển động cối đá bên trong.* Chủ vẫn khăng khăng muốn đánh nhau, bác ra sức can ngăn. Khi chủ lâm nạn, anh ta vội thúc lừa tới cứu và xót xa vì chủ bị ngã quá đau. Cách xử sự đó chứng tỏ anh ta tử tế và biết thương người. Bên cạnh đó, anh ta là người sống rất thực tế. Đoạn miêu tả cung cách ăn uống thể hiện khá rõ tính cách ấy *Xan-chô nhắc chủ đã đến giờ ăn. Đôn Ki-hô-tê đáp là lúc này chưa cần ăn, nếu Xan-chô đói thì cứ tự nhiên. Được phép, Xan-chô ngồi lại cho thật thoải mái trên lưng lừa, lôi các thứ ở trong cái túi hai ngăn ra, vừa đi theo chủ vừa ung dung đánh chén, thỉnh thoảng lại tu bầu rượu một cách ngon lành khiến tay chủ quán rượu dễ thương nhất ở Ma-la-ga cũng phải phát ghen. Vừa đi vừa chè chén như thế, Xan-chô chẳng còn nhớ gì đến những lời hứa hẹn của chủ và cảm thấy cái nghề đi tìm kiếm chuyện phiêu lưu này dù có nguy hiểm đến đâu cũng chẳng vất vả gì mà lại thoải mái nữa là khác...* Trong khi giám mã Pan-xa ngủ say như chết, Đôn Ki-hô-tê thức trắng suốt đêm, sáng ra lại không cần ăn sáng nữa, tất cả chỉ vì "*đã là hiệp sĩ thì phải như thế*". Phải có một nghị lực phi thường, một quyết tâm sắt đá mới có thể làm được như thế! Việc ngủ của hai

thầy trò cũng được tác giả miêu tả rất đúng với tính cách từng người. Suốt đêm, Đôn Ki-hô-tê không cần ngủ mà thức trắng để suy nghĩ viển vông: *... Đêm hôm ấy, hai người ở dưới các vòm cây và Đôn Ki-hô-tê bẻ một cành khô, rút cái mũi sắt ở chiếc cán gãy lắp vào làm thành ngọn giáo. Đôn Ki-hô-tê suốt đêm không ngủ để nghĩ đến nàng Đuyn-xi-nê-a của lão, bắt chước những hiệp sĩ lão từng đọc trong sách thức trắng nhiều đêm ròng ở trong rừng hoặc nơi hoang mạc liên tưởng nhớ tới tình nương...*

Ở chương khác, khi thấy một thiếu phụ ngồi trong xe, Đôn Ki-hô-tê tin rằng đó là một nàng công chúa, một người lương thiện bị bọn cướp giam cầm ức hiếp bức hại. Thế là chàng hiệp sĩ xông vào sống mái với hai thầy tu, chẳng cần đếm xỉa đến hậu quả tai hại sẽ đến với bản thân mình.

Yêu chính nghĩa, khao khát công lí, sẵn sàng trừ gian diệt ác, đó chính là đặc điểm của tính cách nhân vật Đôn Ki-hô-tê. Chính vì say mê lí tưởng, chàng hiệp sĩ đã kiên trì. Không một phút nào chàng nao lòng, chán nản, cho dù bao lần phải ngã quỵ vì thương tích. Dù bị thương, chàng không hề than vãn nửa lời, chỉ cắn răng cam chịu đau đớn vì: "*Đã là người hiệp sĩ thì có bị thương cũng không rên rỉ dù là xổ cả ruột ra ngoài*".

Trái lại, *Xan-chô Pan-xa thì không thể, bởi vì dạ dày no căng toàn là rượu thịt, bác ngủ một mạch và nếu như chủ không gọi, thì dù ánh nắng chiếu thẳng vào mặt và vô số tiếng chim líu lo đón mừng một ngày mới có lẽ cũng không đủ để đánh thức bác. Vừa ngủ dậy, bác vớ ngay lấy bầu rượu, thấy nó nhẹ hơn tối hôm trước nên buồn rầu vì xem chừng trên quãng đường này khó đào đâu ra rượu ngay để đổ vào cho đầy.*

Nhân vật Đôn Ki-hô-tê tuy có nhiều điều đáng trách, nhưng cũng có lắm chỗ đáng yêu. Trong tính cách của nhân vật Đôn Ki-hô-tê tuy có một số điều tốt đẹp như căm ghét áp bức bất công, sẵn sàng xả thân, mong muốn lập lại trật tự xã hội, đem lại công lí cho người nghèo.... Nhưng điều tốt đẹp đó còn xuất phát từ động cơ là vì *tình nương Đuyn-xi-nê-a!* Gạt bỏ đi những tưởng tượng vớ vẩn, xa rời thực tế, nhược điểm thời đại, giai cấp đã sản sinh ra, thì Đôn Ki-hô-tê đã phản ánh ước mơ của con người thời đại Phục hưng ở Tây Ban Nha thời ấy. Chàng hiệp sĩ xứ Man-tra này đeo đuổi một lí tưởng công bằng và bác ái cao cả, đẹp đẽ, nhưng đã nhầm lẫn kẻ thù và dùng cách thức chiến đấu đã lỗi thời nên chuốc lấy thất bại.

Đây cũng là tính cách chung của một hạng người trong xã hội đương thời mà tác giả muốn phê phán. Rõ ràng đấu tranh với sai lầm của bản thân cũng là một cuộc chiến gay go, gian khổ.

Hình tượng Đôn Ki-hô-tê đã sống trên ba trăm năm nay, được biết bao thế hệ yêu mến. Đối chiếu giữa Đôn Ki-hô-tê và Xan-chô Pan-xa về mọi mặt, ta sẽ thấy mục đích của nhà văn là cố tình xây dựng một cặp nhân vật tương phản hoàn toàn. Đôn Ki-hô-tê gầy gò, cao lênh khênh lại cưỡi trên lưng con ngựa còm nên trông như càng cao thêm. Xan-chô Pan-xa đã béo lùn lại ngồi trên lưng lừa nên càng lùn tịt. Đôn Ki-hô-tê có khát vọng cao cả, Xan-chô Pan-xa chỉ có ước muốn tầm thường. Đôn Ki-hô-tê khao khát giúp ích cho đời, Xan-chô Pan-xa chỉ nghĩ đến quyền lợi cá nhân. Đôn Ki-hô-tê sống với ảo ảnh và lí tưởng, Xan-chô Pan-xa sống với rượu thịt và thực tế. Đôn Ki-hô-tê dũng cảm, Xan-chô Pan-xa hèn nhát.. Đặt cạnh nhau, người này sẽ làm cho tính cách của người kia nổi bật.

Khi nào trên quả đất này còn "*những tên khổng lồ hung tợn*", còn những người bị ức hiếp, bức hại, giam cầm, thì Đôn Ki-hô-tê còn được yêu mến. Bài thơ "*Ai bảo chàng Đôn Ki-hô-tê chết rồi*" của nhà thơ nữ Liên Xô I.U.Lia.Dru-nhi-na đã khẳng định:

Ai bảo chàng Đôn Ki-hô-tê chết rồi,
Chàng đang mở cuộc hành trình mới.

Bài của giáo viên Huỳnh Ngọc Liên
PTCS Hai Bà Trưng, TP HCM

Đề 44. Em hãy phân tích nhân vật Be-man trong truyện *Chiếc lá cuối cùng* của O Hen-ri.

DÀN Ý

I. MỞ BÀI:

- Giới thiệu tác giả O Hen-ri và truyện ngắn Chiếc lá cuối cùng.

- Hình tượng trung tâm: dây thường xuân già rụng từng chiếc lá...; nhân vật trung tâm là họa sĩ Be-man, người đã vẽ chiếc lá cuối cùng để cứu sống người khác, biểu tượng cho đức hi sinh quên mình cao cả.

II. THÂN BÀI:

A. CON NGƯỜI: HỌA SĨ BE-MAN

1. Tuổi tác (ngoài 60 tuổi), tính tình đặc biệt và hình ảnh tấm vải trống trơn từ hai mươi lăm năm đã nói lên quãng đời trăn trở của một nghệ sĩ chân chính muốn sáng tạo một tác phẩm để đời, nhưng đành chấp nhận sống như một người thất bại trong nghệ thuật.

2. Tâm hồn khát khao cái đẹp, luôn luôn có ý định vẽ một bức tranh kiệt tác nhưng chưa bao giờ bắt đầu cả. Có sự cảm nhận nhạy bén, hiểu được trạng thái u uất của Giôn-xy, có lòng nhân ái tuyệt vời, quyết tâm chặn sự tàn ác vô tình của thiên nhiên để cứu sống Giôn-xy.

B. HÀNH ĐỘNG HI SINH CAO CẢ

1. Chiếc lá thường xuân vẽ trên tường vào cái đêm mùa đông là một tác phẩm tuyệt vời của Be-man.

- Với đức hi sinh cao cả, bằng tài năng và tâm hồn của một nghệ sĩ giàu lòng nhân ái, Be-man đã vẽ chiếc lá thường xuân định mệnh. Chiếc lá được vẽ trong đêm lạnh buốt, khủng khiếp dưới ánh sáng của một chiếc đèn bão..., vài chiếc bút lông rơi vung vãi và một bảng màu xanh vàng pha trộn lẫn lộn...

- Be-man họa chiếc lá với mục đích giành giật Giôn-xy khỏi tay tử thần. Quả thật bức họa "chiếc lá cuối cùng" có tác dụng màu nhiệm: Giôn-xy trở lại với đời sống, với niềm ước mơ sáng tạo.

2. Truyện kết thúc với hai sự kiện bất ngờ càng tôn vinh cái chết cao quý của họa sĩ Be-man.

- Khi Giôn-xy đau ốm, tuyệt vọng và rơi vào trạng thái hoang tưởng về "chiếc lá cuối cùng", thì nước mắt Be-man chảy ròng ròng nhưng bề ngoài hét lên sự khinh bỉ nhạo báng của mình đối với những chuyện tưởng tượng ngốc nghếch. Như vậy, chiếc lá cuối cùng sắp rụng, Giôn-xy chờ chết, Be-man sống bình thường.

- Khi người họa sĩ già âm thầm vẽ chiếc lá giữa đêm mưa tuyết để thay thế cho chiếc lá cuối cùng vừa rụng, cứu được Giôn-xy khỏi tay tử thần thì chính ông lại lìa đời. Như vậy, chiếc lá cuối cùng lìa cành, Be-man chết, Giôn-xy được sống.

III. KẾT BÀI:

- "Chiếc lá cuối cùng" mà Be-man đã vẽ không những là một tác phẩm kiệt xuất về mặt nghệ thuật (giống hệt chiếc lá thường xuân, dù được vẽ trong đêm tối đầy mưa gió), mà còn là một biểu tượng của lòng nhân ái, đức hi sinh cao cả, sự quên mình để bảo tồn sự sống cho người khác của nhân vật Be-man.

BÀI THAM KHẢO

O Hen-ri là nhà văn Mĩ chuyên viết truyện ngắn, và sáng tác rất nhiều. Có những năm, số lượng các truyện ngắn của ông sáng tác lên rất cao: 65 truyện năm 1904, 50 truyện năm 1905... Một số truyện mang ý nghĩa phê phán xã hội rõ rệt. Một số truyện khác thường nhẹ nhàng, toát lên tinh thần nhân đạo, thương yêu người nghèo khổ, rất cảm động. *Chiếc lá cuối cùng* là một truyện giàu tình yêu thương của các nghệ sĩ nghèo. Đặc biệt, nhân vật Be-man là nhân vật tiêu biểu cho tình yêu thương cao cả ấy. Tìm hiểu nhân vật Be-man, ta càng hiểu sức sống lâu dài của truyện *Chiếc lá cuối cùng*.

Chiếc lá cuối cùng là thế giới của những họa sĩ nghèo. Đó là không gian chật hẹp của Gri-niz bị chia nhỏ, chật chội. Đã chật chội lại *mọc rêu* và cô quạnh hoang tàn. Đó là không gian thích hợp cho những người nghèo cư ngụ. Họ gồm có ba họa sĩ: cụ Be-man và hai cô họa sĩ trẻ.

Thời gian họ quen nhau không lâu, thế mà ở họ lại sáng lên tình yêu thương ruột thịt hiếm có. Họ thu nhập không cao nhưng có chung một lòng yêu nghệ thuật, ước mơ sáng tác một tác phẩm để đời. Mùa đông băng giá là điều kiện để bệnh viêm phổi, tên phá hoại này so tài với mọi đối thủ. Hắn đánh vào Giôn-xi, cô họa sĩ nhỏ bé, thiếu máu khiến cô ta lăn ra bất động. Nghèo, không tiền thuốc, không thân nhân ở gần, cô chỉ có một niềm tin đớn đau là *cô đơn chuẩn bị cho chuyến đi xa xôi bí ẩn của mình*.

Và cô bệnh nhân ấy *yên trí là mình không thể khỏi được* đã bình thản lạnh lùng làm cái việc nhìn qua cửa sổ, trong tư thế nằm trên giường bệnh đếm từng chiếc lá thường xuân, đang rụng dần trong gió lạnh. Đối với Giôn-xi, chiếc lá là biểu tượng của thước đo thời gian, thước đo cuộc đời của cô. Cô rơi vào tình trạng bi quan đến mức có những ý nghĩ lạ lùng: "*Những chiếc lá trên cây thường xuân, khi nào chiếc lá cuối cùng rụng thì em cũng ra đi thôi. Em biết điều đó đã ba ngày nay rồi. Ông bác sĩ không nói với chị sao?*"

May sao, Giôn-xi còn có Xiu luôn cận kề chăm sóc, an ủi cô: "*Chị muốn ở bên cạnh em kia. Vả lại chị không muốn em cứ nhìn mãi những chiếc lá thường xuân vớ vẩn đó nữa*".

Xiu đi tìm cụ Be-man, mời cụ ngồi làm mẫu để vẽ và trình bày tâm trạng của Giôn-xi. *Cụ đã ngoài sáu mươi và có một bộ râu như Môi-dơ của Mi-ke-lăng-giơ loăn xoăn trừ cái đầu như đầu thần Xa-tia lòa xòa xuống cái thân hình một tiểu yêu. Be-man là người thất bại trong nghệ thuật.* Cụ đã già rồi mà tấm vải vẽ vẫn còn trống trơn. Cụ chưa vẽ được gì, chẳng phải cụ không có tài, mà chính là cụ băn khoăn, trăn trở gần suốt cuộc đời, chưa biết vẽ gì cho xứng đáng là một kiệt tác: *Trên giá vẽ ở góc buồng là một tấm vải trống trơn, từ hai mươi lăm năm nay vẫn cứ chờ đợi mãi nét vẽ đầu tiên của bức tranh kiệt tác.*

Có ước mơ chân chính, suy nghĩ đã nhiều nhưng vẫn còn đó sự trăn trở! Biết vẽ gì? Ngay lúc Giôn-xi tuyệt vọng, gần tuyệt mệnh là lúc *cụ uống rượu nặng quá độ*. Xiu tìm thấy cụ *sặc sụa mùi rượu dâu loại nặng trong gian buồng tối om om của cụ ở tầng dưới*. Có lẽ vì cụ thất vọng, trăn trở mãi mà vẫn không đặt bút vẽ được bức tranh kiệt tác. Bên cạnh ước vọng cao quý về nghệ thuật, cụ còn có một tình cảm đặc biệt đối với hai cô họa sĩ như là tình cha con. Thực vậy, *cụ là một ông già nhỏ nhắn dữ tợn, hay chế nhạo cay độc sự mềm yếu của bất kì ai, và tự coi mình là một con chó xồm lớn chuyên gác cửa bảo vệ hai nữ nghệ sĩ trẻ ở phòng vẽ tầng bên*.

Với cá tính ấy, tình thương ấy, khi nghe kể về ý nghĩ kì quặc của Giôn-xy cụ phản ứng thật quyết liệt:

- "*Sao! Trên đời này lại có những người ngớ ngẩn muốn chết vì một cây leo chết tiệt nào đó rụng hết lá ư? Tôi chưa bao giờ nghe thấy một chuyện như thế cả*".

Tuy nhiên, đó chỉ là một thoáng, sự thực, cụ đang thai nghén một tác phẩm kiệt xuất, cụ sắp làm một việc đầy ý nghĩa hi sinh.

Một ngày mới lại về, Giôn-xi thều thào ra lệnh *kéo chiếc màn* để cô nhìn ra ngoài. Tất nhiên, Xiu không muốn nhưng vẫn làm theo. Nhưng *ô kìa, sau trận mưa và những cơn gió phũ phàng... vẫn còn một chiếc lá thường xuân bám trên tường gạch. Tuy ở gần và cuống lá còn giữ màu xanh sẫm, nhưng rìa lá hình răng cưa, đã nhuộm màu vàng úa, tuy vậy, chiếc lá dũng cảm vẫn bám vào cành*... Một ngày qua cho đến hoàng hôn chiếc lá đơn độc vẫn bám lấy các cuống của nó ở trên tường và rồi màn đêm cùng với mưa và gió bấc lồng lộn đập mạnh vào cửa sổ mưa rơi lộp độp...

Chiếc màn xanh lại được kéo lên khi buổi sáng lại về. *Chiếc lá thường xuân vẫn còn đó*. Và Giôn-xi chợt hiểu ra *có một cái gì đó làm cho chiếc lá cuối cùng vẫn còn đấy để em thấy rằng mình đã tệ như thế nào* và hi vọng *một ngày nào đó sẽ được vẽ vịnh Na-plơ* lại trỗi dậy trong cô: cùng với niềm hi vọng ấy nhựa sống lại lên men, nghị lực và mầm sống lại hồi sinh, khiến bác sĩ phải thốt lên: *được năm phần mười rồi*.

Như vậy, điều gì đã khiến Giôn-xi khỏe trở lại? Có thể một phần do thuốc men phát huy hiệu lực, có thể một phần do bàn tay chăm sóc chu đáo của Xiu. Nhưng bao trùm lên tất cả, cái đã lôi Giôn-xi ra khỏi con đường dẫn về cõi hư vô là màu xanh của chiếc lá thường xuân, chiếc lá cuối cùng trên chiếc tường đối diện với phòng của họ. *Chiếc lá đó chẳng bao giờ nó rung rinh hoặc lay động khi gió thổi*. Bởi vì đó chính là tác phẩm kiệt xuất của cụ Be-man. Cụ đã vẽ nó vào cái đêm mà chiếc lá cuối cùng đã rụng. Và đã tạo được tác phẩm kiêt xuất ấy, cụ Be-man đã không ngần ngại đổi nó bằng cuộc sống của chính mình. Nghệ thuật chân chính mang chức năng sinh thành và tái tạo. Nó thức dậy niềm tin và cuộc sống. Nó mở đường cho những khát vọng lớn lao, nó chắp cánh cho những ước mơ tái tạo.

Do vậy, hình tượng Be-man đã tạo được ấn tượng sâu sắc. Be-man đã đánh bại được tử thần, trả lại màu xanh cho chiếc lá úa, trả lại màu hồng cho đôi má Giôn-xi, trả lại niềm tin và nghị lực cho tâm hồn yếu đuối.

Ước mơ một đời chưa thực hiện, thai nghén và thực hiện tác phẩm bằng cả con tim yêu thương mà phẫn nộ, phẫn nộ với sự mềm yếu của bất kì ai. Nhưng điều quan trọng hơn cả là cụ Be-man – con người tốt – có lòng yêu thương đối

với Giôn-xi trong điều kiện có thể của mình. Thương yêu chân thành đến độ hi sinh, sáng tác trong giá lạnh để bảo vệ niềm hi vọng cho Giôn-xi. Đó là lòng yêu người yêu nghệ thuật của cụ Be-man.

Đề 45: Phân tích hai nhân vật Xiu và Gion_Xi trong truyện ngắn "Chiếc lá cuối cùng" của O Hen-ri.

BÀI THAM KHẢO

O Hen-ri là nhà văn Mỹ chuyên viết truyện ngắn rất nổi tiếng. Tác phẩm của ông rất phong phú, đa dạng, phần lớn hướng vào cuộc sống nghèo khổ của nhân dân Mỹ, toát lên tinh thần nhân đạo sâu sắc. Một trong những truyện nổi tiếng nhất là *Chiếc lá cuối cùng*. Qua đó, nhân vật Giôn-xi tưởng như đã đầu hàng thần chết, bất ngờ lại chiến thắng, bình phục. Một trong những người chăm sóc cho Giôn-xi là Xiu, cô họa sĩ đồng nghiệp, bạn thân thiết với Giôn-xi đã tận tình giúp đỡ bạn thoát cơn hiểm nghèo của bệnh tật.

Tìm hiểu nhân vật Xiu, ta càng thêm xúc động trước tình bạn cao quý, tình người hiếm có trong xã hội ấy.

Câu chuyện gồm một số nhân vật ngoài nhân vật bác sĩ, có ba nhân vật được đặt tên là Giôn-xi, Xiu và Be-man, hai phụ nữ và một ông già. Họ đều là các họa sĩ. Đây là thế giới của những nghệ sĩ nghèo. Họ tìm đến quảng trường Gri-niz gần công viên Oa-sinh-tơn. Một cô từ bang Men tới, cô kia quê ở Ca-li-phoóc-ni-a. *Sở thích của họ về nghệ thuật, về món rau diếp xoăn trộn dầu dấm và kiểu ống tay rộng hợp nhau,* cùng với nghề hội họa đã gắn hai cô thành một đôi bạn thân thiết. Họ thuê chung phòng ở đấy và hàng ngày làm việc *sát con đường dẫn tới nghệ thuật bằng những bức tranh minh họa cho những truyện ngắn của các tạp chí, do các nhà văn trẻ viết.*

Họ làm bạn với nhau từ tháng năm và tới tháng mười một thì phải đương đầu với một thử thách lớn. Giôn-xi bị ốm. Đối với những người nghèo, dù là họa sĩ, thì đói rét và bệnh tật thường xuyên là khách không mời, đã gõ cửa rình rập và đe dọa họ.

Chọn một nhân vật trong trạng thái ốm đau bệnh tật làm tiêu điểm cho hành vi hoạt động của các nhân vật khác là đòn bẩy để từ đó làm nổi lên các tình cảm nhân đạo, tạo ra thước đo phẩm chất nhân vật. Đây là cách làm quen thuộc ở ngòi bút O Hen-ri, cũng là một cách tạo tình huống có vấn đề để dẫn dắt tới cách giải quyết đột biến, bất ngờ khi kết thúc truyện. Bệnh tật ở đây là bệnh viêm phổi – một gã đàn ông vô địch – lực sĩ ngoại hạng sẵn sàng so tài với mọi đối thủ. Hắn đánh vào Giôn-xi *một phụ nữ nhỏ bé, thiếu máu* và khiến cô ta nằm lăn ra bất động. Nghèo, không tiền thuốc, không thân nhân, cô có một niềm tin đau đớn là *chuẩn bị sẵn sàng cho chuyến đi xa xôi bí ẩn của mình. Những sợi dây ràng buộc cô với tình bạn, với thế gian này cứ lơi lỏng dần từng cái một thì ý nghĩa kì quặc kia hình như lại càng choán lấy tâm trí cô mạnh mẽ hơn.* Sự so sánh cuộc đời con người với chiếc lá thường xuân mong manh trước làn gió nhẹ trong giá rét phũ phàng của mùa đông là một sự so sánh tuyệt vời sâu sắc.

Cô đã tin điều bất hạnh: Cô sẽ chết khi chiếc lá thường xuân cuối cùng rụng xuống. Trước tình trạng bệnh hoạn trầm trọng, bế tắc về thể chất cũng như tinh thần của bạn, Xiu tận tình chăm sóc bạn, cả hai cùng nghèo, Xiu coi bạn như người thân của mình. Xiu là người nghe bác sĩ báo cụ thể về bệnh tình, sức khỏe của bạn: *"Bệnh tình của cô ấy có thể nói là mười phần chỉ còn hi vọng được một thôi. Nếu chị làm cho cô ta hỏi được một câu về mốt tay áo mới của*

áo choàng mùa đông thì tôi xin thưa với chị là khả năng khỏi bệnh của cô ấy là một trên năm chứ không phải trên mười nữa".

Sau khi bác sĩ đi khỏi, Xiu vào phòng làm việc và khóc ướt đẫm cả một chiếc khăn trải bàn Nhật Bản. Xiu mang cả bản vẽ vào phòng bạn để làm việc. Thấy bạn đếm ngược, Xiu cũng lo lắng theo dõi bạn, và sau đó lại trách bạn, giải thích sai lạc ý nghĩa bi quan và lạ lùng của người bệnh.

"Ô, chị chưa bao giờ lại nghe thấy một chuyện vô lí đến như thế... Xiu làm ra vẻ mạnh bạo khinh thường... Những chiếc lá thường xuân già đó thì có liên quan gì đến việc em khỏi bệnh kia chứ?... Ấy sáng nay ông bác sĩ đã nói với chị là em sẽ chóng bình phục thôi, đúng ra là ông ta nói thế nào nhỉ... khả năng khỏi là mười phần chắc chín: ông ta nói thế!". Xiu lo lắng cho bạn bằng cả đồng tiền vừa kiếm được: *"Giờ thì em cố ăn tí cháo nhé và để Xiu... quay về với bản vẽ của mình, có thể chị mới bán được tranh cho lão chủ bút, để mua rượu Booc-đô cho đứa em ốm của chị và mua sườn lợn cho cái bản thân háu ăn của chị nữa chứ".*

Xiu còn an ủi người bệnh: "...*Giôn-xi yêu quý"* – Xiu nói và cúi xuống bên người bạn, ... *"Em hãy hứa với chị là hãy nhắm mắt lại và không nhìn ra ngoài cửa sổ nữa cho đến khi chị xong việc được không? Mai chị phải trao những bức tranh này rồi. Chị cần ánh sáng, nếu không thì chị đã kéo mành mành xuống rồi đấy".*

Qua đó ta thấy Xiu quả là người bạn hiếm có. Cô còn bồn chồn tâm sự với cụ Be-man: *"Cô ấy yếu đuối và mảnh mai như một chiếc lá, quả thật, rất có thể sẽ bay đi mất, khi mối ràng buộc mong manh giữa cô ấy ở trên trần thế này suy yếu".*

Xiu là người ân cần, ngọt ngào với Giôn-xi lúc cô ương bướng nhất: *"Em thân yêu",* - Xiu nói, cúi khuôn mặt hốc hác xuống gần gối... *"Nếu em không còn muốn nghĩ đến mình nữa thì hãy nghĩ đến chị, chị sẽ làm gì đây?"*

Xiu cũng là người đầu tiên được nghe những chuyển biến tâm hồn của Giôn-xi lúc cô bắt đầu nhận ra sự bi quan là sai quấy. Đặc biệt là Xiu lại được nghe Giôn-xi ước mơ. *Một giờ sau cô lại nói: "Xiu ơi, em hi vọng một ngày nào đó sẽ được về vịnh Na-plơ".*

Lòng tốt và sự kiên nhẫn của Xiu đã góp phần chiến thắng những ý nghĩ bi quan của Giôn-xi. Chị đã thắng nhưng chị chưa bằng lòng với việc *chợt tỉnh* của Giôn-xi. Chị phải cho Giôn-xi ý thức rõ hơn nữa cái giá của sự chiến thắng. Thật vậy, Giôn-xi cần hiểu rõ người chiến sĩ cao cả đã hi sinh, đương đầu với tử thần là Be-man: "... *Chị có câu chuyện muốn nói với em, con chuột bạch của chị – cô nói – Hôm nay cụ Be-man đã chết vì sưng phổi ở bệnh viện rồi... hãy nhìn ra cửa sổ kia... tại sao chẳng bao giờ nó rung rinh... đó chính là tác phẩm kiệt xuất của cụ Be-man đấy. Cụ vẽ nó vào cái đêm mà chiếc lá cuối cùng đã rụng".*

Tìm hiểu nhân vật Giôn-xi, ta sẽ hiểu tấm lòng nhân đạo của O Hen-ri.

Trong truyện *Chiếc lá cuối cùng* ngoài nhân vật bác sĩ, có ba nhân vật được đặt tên là Giôn-xi, Xiu và Be-man, hai phụ nữ và một ông già. Họ đều là các họa sĩ nghèo. Họ sống trong khung cảnh đường xá nhà cửa đều tồi tàn. Đây là thế giới của những nghệ sĩ nghèo. Họ tìm đến quảng trường Gri-niz gần công viên Oa-sinh-tơn vì *phố này có khả năng rất quý. Hãy tưởng tượng một tay thu ngân nào đó mang hóa đơn đòi tiền sơn hay giấy và vải vẽ đi qua con đường này đột nhiên lại gặp ngay chính mình quay trở ra, tiền nợ không thu được một xu nhỏ.* Và cái quảng trường ấy *bị chia nhỏ thành những quảng trường "chằng chịt"*

khiến cho phạm vi không gian càng bị thu hẹp lại. Và công việc họ làm chắc chắn không đưa lại cho họ thu nhập cao trong khi đó họ có khá nhiều điều cần phải đối phó.

Khoảng thời gian mà hai cô gái quen nhau chưa nhiều. Họ làm bạn với nhau từ tháng năm và tới tháng mười một thì họ phải đương đầu với một thử thách lớn. Giôn-xi bị ốm. Trước kia, Giôn-xi từng mơ ước sẽ vẽ một bức tranh về vịnh Na-plơ. Cả ba nghệ sĩ gắn bó với nhau bởi ước mơ vươn tới nghệ thuật cao siêu. Giờ đây, nghèo túng, không có tiền thuốc thang khiến Giôn-xi rơi vào tâm trạng tuyệt vọng. Cô đếm những chiếc lá của cây leo bám bên kia tường, nghĩ rằng mình sẽ không cưỡng lại được với mùa đông lạnh lẽo. Nàng mất hết nghị lực sống, chỉ còn chờ đón cái chết. Giôn-xi bất hạnh, bất lực trước bệnh tật, bất động trên chiếc giường sắt sơn. Không gian trở nên chật hẹp hơn, sự vật trở nên tĩnh lặng. Duy đôi mắt của người bệnh là dấu hiệu của sự sống, song đôi mắt ấy cứ *trân trân nhìn cái đầu hồi nhà gạch bên cạnh.* Cái nhìn *trân trân,* bất động khiến cho mọi hoạt động như ngưng lại, màu sắc của bức tranh ảm đạm hơn, và tiếp đó được gia tăng qua trạng thái tinh thần của người bệnh qua nhận xét của bác sĩ: *Cái cung cách con người ta cứ sắp hàng đứng sẵn bên phía anh chủ thầu đám ma, làm cho mọi thứ thuốc men đều trở thành vô dụng.*

Từ tình trạng yếu đuối, mất nghị lực, Giôn-xi có những suy nghĩ lạ lùng, bi quan. Thực vậy, Giôn-xi cảm giác về cái chết không thể tránh được. Cô bệnh nặng, ít hi vọng được sống. Lại bị ám ảnh bởi một liên tưởng từ chiếc lá rời cành lay lắt trong gió mưa, và cô *yên trí là mình không thể khỏi được,* nên lạnh lùng làm cái việc nhìn qua cửa sổ trong tư thế nằm trên giường bệnh đếm từng chiếc lá thường xuân đang rụng dần trong gió lạnh. Đối với Giôn-xy, chiếc lá là biểu tượng của thước đo thời gian, thước đo cuộc đời cô. Cô đã xây dựng cho mình một niềm tin bất hạnh: cô sẽ ra đi khi chiếc lá thường xuân cuối cùng rụng xuống. Đó là một niềm tin đớn đau theo chủ nghĩa bi quan, rất hợp lí với một họa sĩ có tâm hồn đa cảm và thể trạng yếu ớt lại đang bị bệnh tật giày vò trong nghèo đói. Cô đang rơi vào tâm trạng cô đơn rất đau đớn. *Trong khắp thế gian, cái cô đơn nhất là một tâm hồn đã chuẩn bị sẵn sàng cho chuyến đi xa xôi bí ẩn của mình. Những sợi dây ràng buộc cô với tình bạn, với thế gian này cứ lơi lỏng dần từng cái một thì ý nghĩ kì quặc kia hình như lại càng choán lấy tâm trí cô mạnh mẽ hơn.* Sự so sánh cuộc đời con người với chiếc lá mong manh trước làn gió mạnh trong giá rét phũ phàng của mùa đông là một sự so sánh tuyệt vời sâu sắc. Đồng thời nó cũng nói lên sự đồng cảm xót xa của nhà văn trước đồng loại. Nghèo, đơn độc, sống nhờ tình thương của bạn bè, trong cơn bệnh ngặt nghèo Giôn-xi tự cảm thấy mình là gánh nặng cho người khác. Cô đau khổ tự giày vì thấy người khác phải chăm sóc mình, phải bận tâm vì mình. *Trong ánh hoàng hôn, Giô-xi vẫn trông thấy chiếc lá thường xuân đơn độc bám lấy cái cuống của nó ở trên tường và rồi, cùng với màn đêm buông xuống, gió bấc lại lồng lộn, trong khi mưa vẫn đập mạnh vào cửa sổ và từ mái hiên thấp kiểu Hà Lan mưa rơi lộp độp xuống mặt đất.*

Tuy nhiên, chiếc màn xanh lại được kéo lên khi buổi sáng lại về. Chiếc lá thường xuân vẫn còn đó. Và Giôn-xi cảm thấy sự yếu đuối của mình là không đúng. *Có một cái gì đó làm cho chiếc lá cuối cùng vẫn còn đấy... rồi hi vọng một ngày nào đó sẽ được về vịnh Na-plơ lại trỗi dậy trong cô. Cùng với niềm hi vọng ấy, nhựa sống lại lên men, nghị lực và mầm sống lại hồi sinh, khiến bác sĩ phải thốt lên: "được năm phần mười rồi". "Chăm sóc chu đáo thì chị sẽ thắng"*

và *"cô ấy khỏi nguy hiểm rồi"*. Cái gì đã khiến cho Giôn-xi hồi phục? Có thể một phần do thuốc men của bác sĩ, một phần nhờ Xiu chăm sóc chu đáo nhưng rõ ràng nhất, cái điều đã lôi Giôn-xi ra khỏi con đường dẫn về cõi hư vô màu xanh của chiếc lá thường xuân, chiếc lá cuối cùng trên bức tường đối diện gian phòng của họ. *Chiếc lá đó chẳng bao giờ nó rung rinh hoặc lay động khi gió thổi.* Bởi vì đó chính là tác phẩm kiệt xuất của cụ Be-man. Cụ đã vẽ nó vào cái đêm mà chiếc lá cuối cùng đã rụng. Và để tạo được tác phẩm kiệt xuất ấy cụ Be-man đã không ngần ngại đổi nó bằng cuộc sống của chính mình. Nghệ thuật chân chính mang trong nó chức năng sinh thành và tái tạo. Nó đã thức dậy niềm tin vào cuộc sống, mở đường cho những khát vọng lớn lao, chắp cánh cho những ước mơ tái tạo...

Tình thương của Xiu một phần đã cứu sống Giôn-xi. Một tình bạn, tình người như vậy thật hiếm hoi trong xã hội tư sản. Nhân vật Xiu cùng với nhân vật Giôn-Xi và cụ Bơ-men đã bộc lộ rõ chủ đề của truyện: nghệ thuật tài hoa xuất phát từ tình người, tình nhân đạo và có thể chiến thắng thần chết.

Bài của giáo viên Huỳnh Mỹ Linh
PTCS Hai Bà Trưng. TP HCM

46. Phân tích nhân vật chị Dậu trong *Tắt đèn* của Ngô Tất Tố.

Ngô Tất Tố là nhà văn hiểu biết sâu sắc đời sống và tâm trạng của quần chúng, có cái nhìn đúng đắn đối với quần chúng. Chúng ta trở lại nhân vật chị Dậu. Chị Dậu là người nghèo khổ, bị áp bức bóc lột tàn tệ. Cuộc đời của chị quằn quại trong bùn lầy và bóng tối. Nhưng chị lại là người có một phẩm chất cao quý, đẹp đẽ.

Chị Dậu là người hiền lành, thật thà, chăm chỉ làm ăn, thương chồng, thương con rất mực. Chị có thể tiêu biểu cho lớp phụ nữ nông dân Việt Nam, cần cù lao động, chịu thương, chịu khó. Nhưng có một lúc, con người hiền lành ấy đã cả gan đánh lại bọn đầu trâu mặt ngựa để bảo vệ cho chồng. Tuy hành động ấy mới chỉ có tính chất tự phát và nhất thời, nhưng cũng phần nào nói lên được ý chí không chịu khuất phục của những con người bị chà đạp, dày xéo. Đó là một hành động đẹp đẽ. Lời nói của chị Dậu là một lời phản kháng đanh thép: "Chồng tôi đau ốm ông không được phép hành hạ!". Trong lúc bị hà hiếp quá đáng, người đàn bà ấy có thể liều chết chống lại bọn thống trị: "Thà ngồi tù. để cho chúng nó làm tình làm tội mãi thế, tôi không chịu được"...

Nếu uy lực không hoàn toàn đè bẹp được chị thì tiền tài cũng không mua chuộc được chị, tuy có khi chỉ vì một đồng bạc, chị đã cắt đứt tình ruột thịt, mang con bán cho nghị Quế. Cái đêm chị bị tên tri phủ tìm cách cưỡng hiếp, chị đã cương quyết chống lại và đã thắng được con thú vật đáng ghê tởm. "Quan phủ lóp ngóp đứng dậy, mở ví lấy nắm giấy bạc độ hơn chục đồng, chìa vào tận mặt chị Dậu. Ngài thở và nói: "Có muốn lấy tiền tao cho!". Chị Dậu giằng nắm bạc vứt tọt xuống đất".

Cái đêm "quan cụ" định diễn lại tấn tuồng của tên tri phủ kia, chị Dậu cũng cho hắn một bài học đích đáng. Bên cạnh tính chất đê hèn của bọn quan lại giàu có, phẩm chất đạo đức của người đàn bà nông dân nghèo khổ càng sáng tỏ, đẹp đẽ.

Đối lập với quần chúng là bè lũ thống trị, những bọn mặt người dạ thú, tàn bạo, tham lam và dâm dục. Nếu Ngô Tất Tố thành công trong việc biểu hiện

quần chúng, thì ông cũng đã thành công trong việc tố cáo những cái xấu xa, thối nát của giai cấp thống trị. Những lí đương lí cựu, chánh hội, phó hội cho đến viên tri phủ, vợ chồng nghị Quế.v.v... đều là một bọn người đang xúm nhau lại hút máu mủ nhân dân. Sưu thuế là tai họa đối với nhân dân nhưng lại là món béo bở đối với chúng. Vì sưu thuế chị Dậu đã bán khoai, bán lúa, bán chó, bán con, vì sưu thuế anh Dậu bị cùm kẹp, đánh đập suýt chết; nhưng bọn cường hào, quan lại thì nhờ sưu thuế mà được ăn, được uống, được hút lại có tiền bỏ túi. Chúng mưu mô lợi dụng cảnh hoạn nạn của quần chúng để làm giàu, để hưởng thụ. Đọc *Tắt đèn* chúng ta thương cảm những người lao khổ bao nhiêu thì lại càng căm ghét bọn thống trị bấy nhiêu. Bức tranh xã hội càng chân thực thì càng có sức mạnh tố cáo và càng có tác dụng giáo dục cho công chúng lòng căm thù sâu sắc đối với chế độ áp bức, bóc lột. Thái độ của Ngô Tất Tố trong *Tắt đèn* rất rõ rệt. Đối với quần chúng, ngòi bút của tác giả dạt dào một tấm lòng thông cảm sâu sắc còn đối với bọn quan lại, cường hào ngòi bút của nhà văn lại đầy giọng đả kích, châm biếm. Ngô Tất Tố không hề e dè trong việc vạch trần tính chất bỉ ổi, vô nhân đạo của bọn thống trị. Thái độ của nhà văn là một thái độ chiến đấu. Tính chiến đấu toát ra từ giá trị hiện thực và giá trị nhân đạo của tác phẩm. Cố nhiên, cũng như những nhà văn hiện thực khác lúc bấy giờ, với nhãn quan giai cấp của mình, Ngô Tất Tố chưa thể nhìn thấy bước đường sắp tới của lịch sử. Kết thúc *Tắt đèn*, chị Dậu chạy vào đêm tối, "mịt mù như tiền đồ của chị". Nhưng đứng về quan điểm lịch sử, chúng ta không thể nhất thiết đòi hỏi nhà văn phải có một cái nhìn cách mạng đối với xã hội được. Ngô Tất Tố dũng cảm bóc trần mâu thuẫn của xã hội, nói lên đời sống cơ cực và phẩm chất tốt đẹp của những người bị áp bức, vạch trần chân tướng của bọn thống trị, đó là những thành công đáng cho chúng ta trân trọng.

Nguyễn Đức Đàn

Lược trích ***Tập nghị luận phê bình văn học tập III***

Đề 47: Phân tích hình ảnh nhà cách mạng yêu nước qua bài thơ "Cảm tác vào nhà ngục Quảng Đông" của Phan Bội Châu.

BÀI THAM KHẢO

Phan Bội Châu là nhà yêu nước, nhà cách mạng lớn của dân tộc Việt Nam trong hơn hai mươi năm đầu thế kỉ XX. Ông còn là nhà văn, nhà thơ lớn với sự nghiệp sáng tác khá đồ sộ, gồm nhiều thể loại, thấm đượm tình cảm yêu nước thương dân thống thiết.

Cảm tác vào ngục Quảng Đông là một trong hai bài thơ được ông sáng tác khi bị chính quyền tỉnh Quảng Đông bắt giam năm 1913. Đọc lại bài thơ ta càng hiểu rõ phong thái ung dung của một lãnh tụ cách mạng kiên cường của dân tộc:

Vẫn là hào kiệt, vẫn phong lưu,
Chạy mỏi chân thì hẵng ở tù.
Đã khách không nhà trong bốn bể,
Lại người có tội giữa năm châu.
Dang tay ôm chặt bồ kinh tế,
Mở miệng cười tan cuộc oán thù.
Thân ấy hãy còn, còn sự nghiệp,
Bao nhiêu nguy hiểm sợ gì đâu!

Bị chính quyền Trung Quốc bắt giam, giao cho thực dân Pháp, bị tòa án thực dân ở Đông Dương kết án tử hình vắng mặt nhưng ông vẫn coi chuyện bị bắt giam là những phút nghỉ chân. Trong tù, ông thấy mình vẫn là người có tài cao, chí lớn, vẫn là người phong lưu. Câu đầu khẳng định dù là hoàn cảnh có thay đổi nhưng phong độ anh hùng, tư thái phong lưu không hề thay đổi:

Vẫn là hào kiệt, vẫn phong lưu,

Chạy mỏi chân thì hẵng ở tù.

Lời thơ tự nhiên, pha chút tự hào đùa vui biểu hiện thái độ coi thường hiểm nguy, không nao núng tinh thần. Nhà thơ coi việc ở tù như một việc bình thường trong cuộc sống. Đó là cách suy nghĩ biến việc nghiêm trọng (ở tù và bị kết án tử hình) thành việc bình thường để tự động viên, an ủi mình.

Hai câu tiếp theo là sự cảm nhận có phần chua xót, mỉa mai của tác giả trước tình cảnh bi đát của đất nước và của chính mình:

Đã khách không nhà trong bốn bể,

Lại người có tội giữa năm châu.

Thực vậy, nước mất, nhà tan, ông trở thành kẻ không nhà, bị bọn thực dân săn đuổi, kết án. Tuy cảm nhận về bản thân nhưng câu thơ mang hàm ý rộng lớn. Đó là nỗi đau của cả quê hương, đất nước, của cả dân tộc. Nỗi đau mang tầm vóc lớn lao.

Đến đây ta mới thấy hết khí phách anh hùng của Phan Bội Châu. Trong hoàn cảnh khắc nghiệt như vậy (*khách không nhà*, *người có tội*), ông vẫn giữ vững chí khí hào kiệt. Bốn câu sau thể hiện hoài bão lớn lao:

Dang tay ôm chặt bồ kinh tế,

Kinh tế đây tức *kinh bang tế thế* nghĩa là trị quốc an dân. Thái độ *dang tay ôm chặt* thật kiên quyết, mãnh liệt, cho thấy ý chí vượt mọi khó khăn gian khổ để giữ vững sự nghiệp đang đeo đuổi của nhà chí sĩ:

Mở miệng cười tan cuộc oán thù.

Hình ảnh lạc quan, cách nói khoáng đạt. Oán thù do giặc Pháp, do chính quyền Quảng Đông gây ra sẽ được hóa giải khi nào? Chắc chắn chỉ có được khi thắng lợi. Thật là khẩu khí phi thường của một lãnh tụ cách mạng đầy bản lĩnh và tự tin. Tinh thần cách mạng ấy thể hiện chí khí phi thường của tác giả, tạo nên sức mạnh cho lời thơ.

Thân ấy hãy còn, còn sự nghiệp,

Bao nhiêu nguy hiểm sợ gì đâu!

Tư thế lẫm liệt hiên ngang của người anh hùng một lần nữa được khẳng định bằng những lời đúc kết thật trọn vẹn: coi thường nguy hiểm, kiên trì hoạt động, tin tưởng ở sự nghiệp cách mạng. Lời thơ dõng dạc, dứt khoát càng tăng thêm niềm tin và ý chí gang thép của tác giả.

Tóm lại, bài *Cảm tác trong nhà ngục Quảng Đông* phong phú về giọng vẻ, thể hiện nét đẹp kì vĩ của một nhà cách mạng lớn của dân tộc với những hoài bão cao cả là sức truyền cảm lớn từ một trái tim yêu nước cháy bỏng. Phan Bội Châu quả rất xứng đáng với lời nhận định của Bác: "Bậc anh hùng, vị thiên sứ, đấng xả thân vì độc lập dân tộc, được hai mươi triệu con người trong vòng nô lệ tôn kính".

Đề: 48. Cụ Phan Bội Châu khi thấy một người bạn trong tù chán nản, đã làm một bài thơ khuyên giải, trong ấy có hai câu đáng ghi nhớ nhất:

"Nếu phải đường đời bằng phẳng cả
Anh hùng, hào kiệt có hơn ai!"

Hãy giải thích và chứng minh câu nói ấy của nhà lãnh đạo phong trào Đông Du và thử so sánh điểm tương đồng với câu ca dao Việt Nam:

"Ở đời muôn sự của chung,
Hơn nhau một tiếng anh hùng mà thôi".

BÀI THAM KHẢO

I. Mở bài:

Trong hoàn cảnh khó khăn, con người thường đâm ra hoang mang, chán nản. Khi bị giam ở nhà ngục Quảng Châu, tình trạng này cũng xảy ra. Một người bạn tù của cụ Phan Bội Châu tỏ ra bi quan đau khổ, cụ Phan lấy danh nghĩa người lãnh đạo, đã viết một bài thơ động viên, khuyên bảo, trong ấy có hai câu đặc sắc rất được người đời truyền tụng:

"Nếu phải đường đời bằng phẳng cả,
Anh hùng, hào kiệt có hơn ai!".

Hai câu ấy khi đọc qua, khiến ta nhớ đến câu ca dao Việt Nam:

"Ở đời muôn sự của chung,
Hơn nhau một tiếng anh hùng mà thôi".

Vậy ta thử tìm hiểu ý nghĩa lời khuyên bảo của nhà lãnh đạo phong trào Đông Du và tìm điểm tương đồng giữa lời thơ cụ Phan với lời ca dao đã được ngàn đời nhắc nhở.

II. Thân bài:

Trước khi đề cập đến con đường đời - một khái niệm tuy thực tế mà trừu tượng ta hãy nhìn lại con đường thực sự mà chúng ta đã dùng để di chuyển từ nơi này đến nơi khác. Con đường thật sự mở ra từ châu thành, bằng phẳng và rộng rãi. Nhưng ra một đỗi, ta đã thấy đường thu hẹp lại, có chỗ gồ ghề, lồi lõm. Kìa một núi cao sừng sững trước mắt, đường xuyên qua ư? – Không! Đường vượt lên một cái dốc thật cao rồi ngoặt sang một bên, chạy vun vút xuống sườn núi, thung lũng, và cứ như thế mà đường tiến mãi…

Con đường đời nào có khác chi! Biết bao nhiêu người đi qua trước ta đã bảo cho ta biết: đường đời lắm chông gai, nhiều cạm bẫy, đầy rẫy chướng ngại, còn nguy hiểm hơn con đường thực tế nhiều.

Học lịch sử, ta đã từng nghe nhắc đi nhắc lại đến ngàn lần bốn chữ "*Anh hùng hào kiệt*". Anh hùng là gì và hào kiệt là gì? Anh là loài cỏ quý nhất trong muôn loài cỏ, hùng là loài thú mạnh nhất trong muôn loài thú; hào kiệt là kẻ tài trí hơn người. Anh hùng, hào kiệt là hạng người xuất chúng, tài trí hơn người danh lưu muôn thuở.

Thay vì lời kêu gọi bạn: *"Hãy cương quyết tiến lên!"*, *"Hãy cố gắng vượt qua khó khăn trở lực!"*, cụ Phan Bội Châu đã dùng lời thơ thâm thúy để vừa đi sâu vào tâm hồn bạn, vừa để che mắt thực dân. Nhưng nội dung lời thơ là chỉ cho bạn thấy: *"Đường đời lắm chông gai, trở lực, hãy can đảm, kiên nhẫn vượt qua để xứng đáng là kẻ nối chí các bậc anh hùng, hào kiệt. Bằng không ta chỉ là hạng tầm thường!"*.

Đọc hai câu thơ của cụ Phan, ta thấy được cái quan niệm về thế cuộc của cụ: thời thế tạo anh hùng và anh hùng nỗ lực để biến chuyển thời thế, tạo lập những tình thế mới có lợi cho dân, cho nước.

Ta hãy nhìn qua lịch sử nước người và lịch sử nước ta thì đủ rõ.

Nếu nhà cách mạng Tôn Văn chịu cúi đầu làm quan cho triều đình Mãn Thanh thì cuộc Cách mạng Tân Hợi (1911) làm sao có thể bùng nổ, chế độ dân chủ làm sao có thể kiến tạo ở Trung Hoa? Nuôi chí kiên nhẫn, vượt mọi khó khăn trên đường đời, đi từ Á sang Âu, sang Mỹ nghiên cứu một chính thể thích hợp với đòi hỏi của dân tộc Trung Hoa, vượt bao nhiêu cạm bẫy mà triều đình nhà Thanh đã giăng mắc, cụ Tôn Văn hoàn thành sứ mạng và nổi tiếng là người chiến sĩ dân chủ tiền phong của Á châu.

Ở nước ta, lịch sử đã chứng minh: Chính trong những cuộc khởi nghĩa quyết liệt chống quân xâm lược Tàu, chính cái tinh thần trung trinh, vượt khó, chính cái gian khổ mười năm, chính lời nói quyết liệt bất chấp mọi khó khăn lịch sử đã tạo ra Bà Trưng, Bà Triệu, Lê Lợi, Trần Hưng Đạo; chính trên con đường dài gai góc chống thực dân, chính trên chiến trường Yên Bái, chính ở phong trào Cần Vương, phong trào Đông Du, phong trào Duy Tân mà sáng tỏ danh nghĩa Phạm Hồng Thái, Nguyễn Thái Học, Phan Đình Phùng, Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh.

Thời thế đã tạo ra những bậc anh hùng ấy đã đem hết tâm chí mình để mang lại một tình thế mới cho quốc gia, dân tộc. Ta được có ngày nay chính là nhờ sự nỗ lực, quyết tâm, tinh thần vượt khó của các bậc anh hùng tiền bối vậy. Thật rõ là:

"Có khó mới có anh hùng,
Qua bao gian khổ, tỏ lòng trung kiên".

Quan niệm của cụ Phan Bội Châu hoàn toàn thích hợp với thực tế của trào lưu tiến hóa xã hội. Người ta thường nói: "*Trường đồ tri mã lực, sự cửu thức nhân tâm*". Một chiếc xe có chạy đường gồ ghề, lồi lõm nhiều dốc, quanh co, mới gọi là xe tốt; người lái xe có vượt qua những đoạn đường nguy hiểm mới tỏ được thực tài.

Sự phát triển xã hội là một con đường nhiều hầm hố, gai góc. Người anh hùng có khi đi thẳng, có khi đi quanh, lúc qua đèo, khi xuống trũng, có khi phải sa xuống hố sâu, vực thẳm, nhưng "*Thất bại là mẹ thành công*", Hoàng Hoa Thám, Đinh Công Tráng, Trương Công Định mất đi mà danh nghĩa anh hùng ấy đến ngàn năm sau vẫn còn kích động lòng người, kiến tạo được những ngày tươi đẹp hôm nay.

Nhu cầu xã hội cũng đã đào tạo anh hùng và chính những vị anh hùng ấy đã tạo ra những bước tiến xa rộng cho nhân loại. Nhu cầu phát triển kỹ nghệ ở các nước châu Âu đã sản xuất ra Denis Papin, một Montgolffier, nhu cầu phát triển thương mại đã khiến xuất hiện một Magellan, một Christophe Colomb. Denis Papin đã vượt qua bao ngày lao đao lận đận để thành người cha vinh quang của máy hơi nước. Christophe Colomb bất chấp phong ba, bão tố, với

một chiếc thuyền buồm vượt biển đã tìm ra tân thế giới, ánh sáng của xã hội văn minh ngày nay.

Làm người ở đời cũng thế, cứ mãi sống cuộc đời "*Sớm vác ô đi, tối vác về*", ẩn mãi trong cái bóng mát cuộc đời thì còn có thú vị gì. Những lúc bươn chải tìm sống, những lúc đem hết khả năng hoàn thành công việc là lúc người ta sung sướng nhất. Những lúc ấy, con người rực lên như một ngôi sao sáng trong vòm trời đêm, và nhiều lần chói sáng như thế cái ánh sáng kia sẽ bất diệt: Người ta đã thành bậc anh hùng.

Anh hùng hào kiệt vẫn là người, là những người có ít khuyết điểm mà có nhiều ưu điểm, nhiều đức tính. Người anh hùng là người lúc nào cũng kiên nhẫn, cố gắng, chiến thắng mọi trở lực mọi hoàn cảnh khó khăn. Có khi người anh hùng cũng chịu cảnh thất bại, nhưng với những đức tính sẵn có thì có sợ gì! Bởi thế mà cụ Phan Bội Châu, sau bao nhiêu lần thất bại vẫn giữ vững niềm tin:

"*Tay ba lần gãy mới biết thuốc tiên*
Đánh trăm trận quen mới mong tướng giỏi
Nếu không thất bại sao thành công,
Xưa nay anh hùng từng thua mới được".

Một nhà thơ hiện đại cũng tỏ ra đồng ý với cụ:

"*Có vấp ngã, mắt mới nhìn sáng suốt,*
Có đau thương, lòng mới cứng rắn hơn.
Có thẳng căng như một sợi dây đàn,
Mới tạo được những âm thanh kì diệu"

Hường Hoa

Tấm lòng kiên nhẫn của các bậc anh hùng không gì lay chuyển nổi. Ý chí chịu đựng khổ nhọc của các bậc anh hùng chiến thắng mọi hoàn cảnh gian lao. Vì thế mà cụ Nguyễn Bá Học mới nói: "Đường đi khó, không khó vì ngăn sông cách núi, mà khó vì lòng người ngại núi e sông". Chí của bậc anh hùng là khinh thường đường xa muôn dặm, núi cao muôn trùng; sông dài sao bằng lòng kiên nhẫn, núi cao sao bằng tinh thần chiến thắng gian lao.

Ta đã nhận rõ lời nói của cụ Phan Bội Châu thật là chí lí. Giờ đây ta hãy nhận xét điểm tương đồng giữa câu nói của cụ Phan và câu ca dao:

"*Ở đời muôn sự của chung,*
Hơn nhau một tiếng anh hùng mà thôi"

Câu ca dao này cũng đề cao hai chữ anh hùng. Ta có nhiều tiền ngày mai có thể sẽ hết; ta có nhiều đất, có thể ngày mai đất sẽ hóa thành bể rộng mênh mông; ta có nhà cao, cửa rộng, nhà cửa kia sụp đổ dễ dàng. Tất cả là của ta tạo ra đấy, nhưng đó là những thứ mà ai cũng có thể làm ra được và có thể mất đi bất cứ lúc nào. Nhưng danh nghĩa anh hùng thì nghìn đời hãy còn rạng. Nếu Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi chịu đầu hàng quân giặc thì ngày nay cũng chỉ là cát bụi. Nếu J.J. Rousseau, Voltaire, Lương Khải Siêu, Khang Hữu Vi xu phụ quân quyền, thử hỏi ngày nay danh tiếng có còn được nêu cao ngọn cờ dân chủ?

Câu ca dao đã nêu cho ta thấy "*Hơn nhau một tiếng anh hùng mà thôi*". Nhưng thế nào mới là anh hùng? – Anh hùng là những người không quá nặng lòng ở những cái sẵn có như tiền bạc, ruộng đất, nhà cửa, là những kẻ không chịu sống mãi một cuộc đời bằng phẳng như mặt nước hồ thu, mà luôn kiên nhẫn vượt khó.

Chỗ tương đồng giữa lời nói mà cụ Phan và câu ca dao Việt Nam là ở đó. Lời cụ Phan bổ túc cái ý nghĩa chứa đựng trong câu ca dao vạch rõ đường hướng lập chí của bậc anh hùng.

III. Kết bài:

Đời là một trường tranh đấu, một cuộc vật lộn không ngừng, một nơi lựa chọn vàng, thau. Có cao sức lửa mới biết tuổi vàng.

Ta còn đương tuổi trẻ vẫn thấy đường đời là khó, nhưng phải coi sự chiến thắng cái khó là thú vị vô tận. Ngày nay ta có những cái khó nhỏ, nhưng ngày mai sẽ có những cái khó lớn hơn. Lòng kiên nhẫn và chí cương quyết sẽ đưa ta đến thành công nếu không tạo thành được bậc anh hùng, cũng giúp ta hoàn thành nhiệm vụ một con người đối với dân với nước.

Minh Văn – Xuân Tước

Trích NGHỊ LUẬN LUÂN LÝ và PHỔ THÔNG

của Minh Văn và Xuân Tước _ NXB Sống Mới, Sai Gon, 1964

Đề 49: Phân tích hình tượng người chiến sĩ cách mạng trong bài thơ "Đập đá ở Côn Lôn" của Phan Châu Trinh.

BÀI THAM KHẢO

Phan Châu Trinh là một nhà nho yêu nước sớm có tinh thần dân chủ. Ông người làng Tây Lộc, huyện Tiên Phước, phủ Tam Kì, tỉnh Quảng Nam. Thân sinh ông là Phan Văn Bình, một võ quan từng tham gia hoạt động chống Pháp trong phong trào Cần Vương. Năm 1885, thân phụ mất khi ông mới 13 tuổi. Năm 1892, ông đi học và nổi tiếng học giỏi, là bạn học chung với Huỳnh Thúc Kháng. 1900, ông đỗ cử nhân, đồng khoa với Ngô Đức Kế và Nguyễn Sinh Sắc. Được bổ làm thừa biện bộ Lễ một thời gian, nhưng ông bỏ làm quan, hoạt động cứu nước. Hoạt động yêu nước của ông đã góp phần làm dấy lên phong trào đấu tranh cách mạng đầu thế kỉ XX. Cũng như nhiều nhà cách mạng khác, Phan Châu Trinh còn sáng tác thơ văn để thức tỉnh lòng yêu nước của nhân dân.

Nói về Côn Lôn, nay là Côn Đảo, đó là một hòn đảo nước ta, nằm ở tận cùng tổ quốc, bốn bề sông nước, bị Pháp chiếm đóng từ 1861 đến 1945 để giam giữ những phạm nhân chính trị, có những câu thơ từ nhà tù ấy truyền tụng rằng:

"Núi Côn Lôn được pha bằng máu
Đất Côn Lôn năm sáu lớp xương người
Mỗi bước chân che lấp một cuộc đời..."

Bài thơ *Đập đá ở Côn Lôn* được Phan Châu Trinh ông làm tại nơi bị tù khổ sai ở đảo Côn Lôn do bị kết tội khởi xướng phong trào chống thuế ở Trung Kì:

Làm trai đứng giữa đất Côn Lôn
Lừng lẫy làm cho lở núi non.
Xách búa đánh tan năm bảy đống,
Ra tay đập bể mấy trăm hòn.
Tháng ngày bao quản thân sành sỏi,
Mưa nắng chi sờn dạ sắt son.
Những kẻ vá trời khi lỡ bước,

Gian nan chi kể việc con con!

Đọc lại bài thơ, ta càng hiểu sâu tấm lòng và khí phách của nhà cách mạng yêu nước vào đầu thế kỉ này.

Ngoại trừ hai tiếng *Côn Lôn*, bài thơ không còn từ nào nói về việc tù đày, giam hãm. Tác giả tả cảnh người tù đập đá ở Côn Lôn với tư thế của những người đập đá vá trời, dời non lấp bể. Người đọc không còn cảm thấy sự nặng nhọc của công việc khổ sai mà chỉ thấy những động tác lớn lao mạnh mẽ, sảng khoái như đang dốc sức làm thay đổi giang sơn đất nước. Bài thơ là dạng một bài thơ "*khẩu khí*" luôn có hai nghĩa: một nghĩa tả thực và một nghĩa hàm ẩn. Nghĩa tả thực miêu tả cảnh tác giả bị thực dân Pháp bắt làm tù khổ sai tại Côn Đảo, nghĩa thứ hai thể hiện chí khí của người anh hùng.

Hai câu đầu: "*Làm trai đứng giữa đất Côn Lôn,*
Lừng lẫy làm cho lở núi non"

Nếu hiểu theo nghĩa tả thực thì đó là hoàn cảnh thật cực nhọc của những người tù khổ sai nơi đất Côn Lôn: Một vùng đất bốn bề là biển, tội nhân toàn là những chí sĩ yêu nước, bị Pháp bắt đem đến hải đảo này hoặc bắt làm những việc lao động cực nhọc, hoặc bị bắn chết mà không có một tòa án công bằng nào lập ra. Vậy mà Phan Chu Trinh vẫn hiên ngang viết: "Lừng lẫy làm cho lở núi non".

Đó là tư thế đối mặt với kẻ thù, ở ngay nơi mà kẻ thù giam cầm đày đọa. Đối với người trai đó chỉ là chuyện bình thường. Câu thơ còn toát lên niềm tự hào, kiêu hãnh: người chiến sĩ ấy đang làm những chuyện vang dội *lừng lẫy* tiếng tăm.

Xách búa đánh tan năm bảy đống,
Ra tay đập bể mấy trăm hòn.

Hình ảnh đập đá thể hiện sức mạnh và khí thế của con người. *Đá* tượng trưng cho những trở ngại khó khăn nhất – *chân cứng đá mềm*. Câu thơ mô tả cụ thể *năm bảy đống, mấy trăm hòn* khiến ta hình dung được công việc khổ sai nặng nhọc của người tù: *xách búa, ra tay đập bể*. Núi đá cao chất ngất, người tù phải làm việc liên tục mới đạt mức *tan năm bảy đống, bể mấy trăm hòn*. Câu thơ còn có một ý nghĩa ẩn dụ. Đó là hành động cách mạng, đập tan ách áp bức thống trị của kẻ thù. Sự nghiệp cứu nước, hành động cách mạng không bị gián đoạn bởi sự giam hãm của kẻ thù. Các động từ *xách búa, ra tay* thật mạnh mẽ, khỏe khoắn. Các số lượng *năm bảy* và *mấy trăm* càng làm rõ sức mạnh ấy. Hai câu thơ đầy khí thế tiến công, tưởng như sức mạnh vô địch của người anh hùng ấy sẽ đập tan bất cứ những trở ngại, khó khăn nhất.

Quả là tư tưởng của hai nhà cách mạng họ Phan đã gặp nhau:

Chạy mỏi chân thì hẵng ở tù.

(Phan Bội Châu)

Nhà tù càng tỏ rõ chí khí kiên cường, phẩm chất anh hùng của hai nhà cách mạng ấy:

Tháng ngày bao quản thân sành sỏi,
Mưa nắng chi sờn dạ sắt son.

Trong lúc ấy, cảnh Côn Lôn là một cảnh tượng dễ làm lung lay chí khí con người. Có một tù nhân đã viết:

Côn Lôn hải đảo giữa vời,
Tội nhơn ra đó trăm ngàn,

Chịu cơ hàn nỗi nằm, nỗi ăn
Thương thay cực khổ khôn ngăn
Sớm đi làm, tối về trối trăn
Đất trời thấu chăng, đã năm ba phen loàn
Nào thở than
Bởi rủi ro khiến xui vận hạn
Nghĩ lại thêm càng
Tuôn giọt lụy chứa chan
Tứ vi nước mênh mông
Đã xa rời vợ con
Tối khôn cùng thương nhớ....
Lặn biển, trèo non
Biết thuở nao vuông tròn...??

(Nguyễn Tùng Bá, 1915)

Ngược lại, mang hoài bão lớn, có hành động cách mạng, bản thân chí sĩ họ Phan, là người chiến sĩ đâu kể gì đến tấm thân dày dạn phong trần, sẵn sàng chấp nhận gian khổ hiểm nguy. Miễn sao họ giữ được tấm lòng kiên trung với sự nghiệp cách mạng: đỏ như son, thủy chung, bền vững. Ý thơ đi sâu vào phẩm chất cách mạng của người chiến sĩ, vừa như một lời thề kiên trung nhất với non sông:

Tháng ngày bao quản thân sành sỏi
Mưa nắng chi sờn dạ sắt son
Những kẻ vá trời khi lỡ bước,
Gian nan chi kể việc con con!

Câu thơ gợi nhớ sự tích Nữ Oa vá trời, khắc đậm hình ảnh và ý nghĩa của công việc đập đá, làm lở núi non kia là đang làm công việc lớn lao đầy ý nghĩa như vá trời, như đang đỡ lấy vận mệnh của đất nước. Tầm vóc lớn lao ấy thật đối lập với chuyện *con con*. Quả thực, *gian nan* là chuyện thường tình của những bậc anh hùng *khi lỡ bước*.

Bằng cảm xúc mãnh liệt, chân thật, hình ảnh nhân vật đã biểu hiện tâm hồn, khí phách, nhiệt tình cách mạng của nhà chí sĩ Phan Châu Trinh trong hoàn cảnh *lỡ bước*. Đó cũng là khí phách và hình tượng tiêu biểu cho cả một thế hệ yêu nước, vào đầu thế kỉ XX ở nước ta như Phan Bội Châu, Huỳnh Thúc Kháng, Phan Đình Phùng v.v....

Mộc Lan

Đề 50. Qua bộ phận thơ văn yêu nước đã học từ đầu thế kỉ XX đến trước Cách mạng tháng Tám 1945, em hãy chứng minh khí phách anh hùng, ý chí kiên cường và tấm lòng yêu nước thiết tha của các tác giả trong giai đoạn này.

BÀI THAM KHẢO

Văn học Việt Nam đầu thế kỉ XX đã chuyển mình theo hướng hiện đại hóa. Thành tựu quan trọng nhất là bộ phận văn học yêu nước và cách mạng mà tiêu biểu là nhà thơ văn Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Trần Tuấn Khải, Phạm

Tất Đắc, Tản Đà. Thành tựu về nghệ thuật chỉ là những mầm mống ban đầu nhưng nổi bật là tư tưởng canh tân, cải tạo xã hội, là lòng yêu nước thắm thiết, cảm động trong một giai đoạn chuyển mình của cách mạng Việt Nam. Tuy chưa có đường lối đúng đắn, những nhà chí sĩ, nhà nho ấy đã thể hiện rõ khí phách anh hùng, ý chí kiên cường và lòng yêu nước thiết tha qua thơ văn.

Trước hết là hình ảnh cảm động của nhà chí sĩ Việt Nam qua ngòi bút của Nguyễn Ái Quốc trong *Những trò lố* hay *Va-ren và Phan Bội Châu*. Trong truyện, khi nghe Va-ren nói thao thao bất tuyệt, Phan Bội Châu vẫn *im lặng, dửng dưng* như một pho tượng trước miệng lưỡi khéo léo và xảo quyệt của Va-ren. Thậm chí ngọn râu mép của cụ chỉ *nhếch lên một chút* thì cụ đã chiến thắng. Cụ đã làm cho Va-ren *sửng sốt cả người* trước thái độ hiên ngang và lòng yêu nước cao cả ấy. Thực vậy, anh hùng ngoài nhà tù là chuyện đáng kính phục, anh hùng ngay trong nhà tù càng làm ta ngạc nhiên và kính phục hơn. Phan Bội Châu kiên cường trong gian nan lỡ bước, vẫn ung dung coi đó là dịp nghỉ chân:

Vẫn là hào kiệt, vẫn phong lưu
Chạy mỏi chân thì hẵng ở tù.

Tạm nghỉ ngơi, tất sẽ đi tiếp con đường cách mạng, con đường cứu nước. Ý chí ấy không cùn nhụt trước gông cùm của nhà tù, sự nghiệp ấy gắn liền với sinh mệnh nhà cách mạng:

Thân ấy hãy còn, còn sự nghiệp
Bao nhiêu nguy hiểm sợ gì đâu.

Đồng thời với Phan Bội Châu còn có nhà cách mạng, nhà nho khí tiết Phan Châu Trinh. Trong nhà tù đế quốc ở Côn Lôn, bị đày đọa, khí phách anh hùng, ý chí kiên cường của Phan Châu Trinh càng biểu hiện rõ:

Làm trai đứng giữa đất Côn Lôn
Lừng lẫy làm cho lở núi non
Xách búa đập tan năm bảy đống
Ra tay đập bể mấy trăm hòn.

Phải chăng ý chí kiên cường đã làm cho quân thù khiếp sợ, và tinh thần sắt thép của những nhà cách mạng ấy đã trở thành những điểm son của lịch sử dân tộc.

Đất nước là máu thịt của nhân dân. Đất nước mất chủ quyền, thơ văn giai đoạn này thường mang tâm sự yêu nước thiết tha.

Những bài *Gánh nước đêm* của Trần Tuấn Khải, *Chiêu hồn nước* của Phạm Tất Đắc, *Nhớ cảnh Hàm Rồng* của Tản Đà thấm đẫm tình cảm yêu nước. Những lúc bế tắc trên bước đường cứu nước, biết bao người mang tâm sự như cô gái gánh nước đêm bởi *non sông mù mịt* mà *bước đêm khuya thân gái ngại ngùng* cho nên họ cất lời than vãn:

Nước non gánh nặng, cái đức ông chồng hay hỡi có hay?

Yêu nước, nhận thức rõ tình trạng mất chủ quyền, làm sao không đau xót đến vạch trời lên hỏi: ta trông cậy vào quan. Ôi, cái danh hiệu mới cao quý làm sao: quan phụ mẫu, cha mẹ của dân.

Thế thời quan cha mẹ ở đâu?

Thưa rằng: Đang ở trong đình kia, cách đó chừng bốn năm trăm thước. Đình ấy cũng ở trên mặt đê, nhưng cao mà vững chãi, dầu nước to hơn thế nữa, cũng không việc gì.

Thật tài tình, nhà văn đã bắt đầu mô tả "quan phụ mẫu", bắt đầu từ cái nền *cao mà vững chãi* thật là đối lập với thế dân, nhà dân đang ngập lụt.

Tiếp theo, ta còn được biết thêm về không khí vui vẻ, hình ảnh tráng lệ và sinh hoạt rộn ràng ung dung của đình làng: *Trong đình, đèn thắp sáng trưng; nha lệ lính tráng, kẻ hầu người hạ, đi lại rộn ràng ... trông mà thích mắt.* Đặc biệt lại có đủ *thầy đề, thầy đội nhất, thầy thông nhì* và *chánh tổng* cùng ngồi hầu bài. Bọn quan lại thật thảnh thơi, an nhàn làm sao ấy! Họ an nhàn và hưởng thụ, vui chơi bên nhau. Riêng *quan phụ mẫu* còn được ưu đãi đặc biệt hơn cả. Một mình quan được ăn mà thôi: *Bên cạnh ngài, mé tay trái, bát yến hấp đường phèn để trong khay khảm*

Cũng là nhà cửa, cũng giang sơn
Thế mà nước mất nhà tan hỡi trời!

Trời nào có câu trả lời nên cuối cùng lại là tiếng thét đau đớn bàng hoàng, là nỗi đau xé lòng của người dân mất nước:

Vạch trời thét một tiếng vang
Cho thân tan với giang san nước nhà!

Từ chí nguyện cao cả ấy, tấm lòng gắn bó *thân tan với giang san* ấy, con dân Đại Việt với cái nghĩa đồng bào, đã tha thiết gọi nhau quyết tâm liều thân cứu nước, không thể mong chờ ỷ lại vào ai:

Đồng bào hỡi con nhà Đại Việt
Có thân mà chẳng biết liệu đời,
Tháng ngày lần lữa đợi thời,
Ngẩn ngơ ỷ lại người, ai thương?

Hiểu được tình hình đất nước ấy, ta mới hiểu tấm lòng thiết tha đến mức *héo hon* như thế nào! Không ít những cuộc đấu tranh vũ trang đã bị dập tắt. Do vậy, tấm lòng yêu nước thật thắm thiết, chất chứa nỗi âu lo nhưng đầy dũng khí, quyết tâm:

Nghĩ thân thế héo hon tấc dạ,
Trông non sông lã chã dòng châu.
Một mình cảnh vắng đêm thâu,
Muốn đem máu đỏ nhuộm màu giang san.

Lòng yêu nước sâu đậm không chỉ thể hiện ở lời thơ chiến đấu hay căm hờn mà còn gửi gắm qua nỗi nhớ da diết cảnh vật quê hương đất nước. Có yêu thích cảnh đẹp, có quý mến giang san cẩm tú, ta càng đau buồn khi mất nước. Do vậy, ca ngợi đất nước là biểu hiện tinh tế của lòng yêu nước. Ta có thể hiểu được nỗi lòng của nhà thơ núi Tản sông Đà đối với cảnh Hàm Rồng:

Ai xui ta nhớ Hàm Rồng,
Muốn trông chẳng thấy cho lòng không khuây.

Nhà thơ chân thành mong ước vẻ đẹp kia còn mãi với thời gian:

Ước sao sông cứ còn sâu,
Non cao còn cứ giữ màu xanh xanh.
Khung cầu còn cứ như tranh,
Hỏa xa cứ chạy, bộ hành cứ đi.

Từng lời, từng chữ thể hiện những ước mơ tốt đẹp, những ân cần gắn bó với quê hương! Điều đó cho thấy họ luôn canh cánh một nỗi niềm đối với non sông đất nước.

Nhìn lại chặng đường văn học đầu thế kỉ XX, ta phải kể đến sự thành tựu về nội dung đáng kể này. Đó là giai đoạn cách mạng Việt Nam đang chuyển mình, trăn trở để tìm ra con đường cứu nước hiệu quả nhất. Đó cũng là lúc thực dân ra tay đàn áp các phong trào đấu tranh. Trong màu khói lửa ấy, những tấm lòng yêu nước, vẫn ngời lên, bật lên những tiếng thét cứu nước, sáng lên những ý chí gang thép kiên cường của những người yêu nước, quyết tâm *xối máu nóng, rửa vết nhơ nô lệ (*Phan Bội Châu). Tự hào thay những nét son của lịch sử và văn học ta!

Đề 51: Tìm hiểu tâm trạng nhân vật trữ tình trong bài thơ "Muốn làm thằng Cuội" của Tản Đà.

BÀI THAM KHẢO

Vầng trăng làm cảm hứng vô tận của thi ca. Vẻ đẹp trong sáng dịu dàng của trăng đem lại cho ta những cảm xúc, những ước vọng về một thế giới đẹp đẽ, thanh cao. Có lẽ Tản Đà là thi sĩ thể hiện sâu sắc nhất khát vọng ấy trong bài thơ *Muốn làm thằng Cuội*. Theo Hoài Thanh, đó là nốt nhạc đầu tiên của khát vọng lãng mạn, khơi nguồn cho những sáng tạo của phong trào "Thơ mới" sau này. Đọc bài thơ, ta có dịp tìm hiểu tâm trạng nhân vật trữ tình trong bài thơ:

Đêm thu buồn lắm chị Hằng ơi!
Trần thế em nay chán nửa rồi.
Cung quế đã ai ngồi đó chửa?
Cành đa xin chị nhắc lên chơi.
Có bầu có bạn, can chi tủi,
Cùng gió cùng mây, thế mới vui.
Rồi cứ mỗi năm rằm tháng tám,
Tựa nhau trông xuống thế gian cười.

Tản Đà sống trong xã hội thực dân nửa phong kiến. Dưới ách thống trị của thực dân Pháp, nhiều luồng văn hóa tư tưởng khác nhau dần hình thành. Tản Đà và những hoạt động văn chương của ông lúc bấy giờ có một vai trò nhất định trên văn đàn công khai. Thơ văn Tản Đà có nhiều tác phẩm thấm đượm tinh thần yêu nước, những lo âu trăn trở về non sông, vũ trụ, nhân sinh... có tác động tích cực tới xã hội lúc bấy giờ. Nhưng cái lớn nhất mà Tản Đà để lại trong thơ văn chính là bản sắc thi sĩ, cái *tôi* của nhà thơ. Tản Đà đã khẳng định vai trò của cá nhân, của chủ thể con người trong sáng tạo văn học nghệ thuật bằng tác phẩm và lối sống của mình. Điều đó, trước Tản Đà, trong văn học Việt Nam chưa hề có, chính là cái mà người đời gọi, cũng như Tản Đà tự nhận là *ngông*.

Theo lời tự thuật của Tản Đà trong cuốn *Giấc mộng lớn* thì hai câu mở đầu bài thơ *Muốn làm thằng Cuội* in ở đầu *Khối tình con* là mãi đến sau này mới làm ra, nhưng cái cảm tưởng thực đã phát từ sau mối tình đầu tiên của ông với một cô gái ở phố Hàng Bồ – Hà Nội. Nhưng gần chục năm sau, qua nhiều từng trải hiểu biết về cuộc đời, Tản Đà mới thấm thía cái thân phận *Hai mươi năm lẻ hoài cơm áo* của mình. Cái ước vọng *muốn làm thằng Cuội* mới hình thành rõ nét trong ông. Trong cái xã hội coi trọng đồng tiền và địa vị thì tài năng cũng

như những tình cảm chân thật không đủ đem lại hạnh phúc cho con người. Tâm sự buồn bã dở dang *chán nửa rồi* của ông đã bật lên thành những lời thở than, nhắn gửi trước hết lên vầng trăng, người bạn muôn đời của những kẻ cô đơn giữa *đêm thu*:

Đêm thu buồn lắm chị Hằng ơi!
Trần thế em nay chán nửa rồi.

Lời tâm sự chân thật, hóm hỉnh ấy, ai có thể làm ngơ hay trách cứ? Hơn thế nữa, Tản Đà vốn tự nhận mình là nhà thơ đã có dịp lên "hầu trời". Cho nên nhà thơ có quyền thân mật như thế đấy với chị Hằng! Thi sĩ còn ướm hỏi có ai trên cung quế chưa? Thật là một câu hỏi khéo làm duyên thường gặp trong văn học dân gian: hỏi trăng, tâm sự cùng trăng...

Đã hỏi khéo rồi mới nói *xin chị nhắc lên chơi*:

Cung quế đã ai ngồi đó chửa?
Cành đa xin chị nhắc lên chơi.

Cách lên trăng rất lạ, được *nhắc* lên như một đứa trẻ – thằng Cuội mà! Và lên trăng rồi vẫn chỉ là một đứa trẻ, làm bầu làm bạn vui cùng mây gió với chị Hằng. Ở hai câu đầu, cảnh và tình là nỗi buồn chán, lời là lời than. Đến những câu sau, nỗi chán cảnh trần thế chỉ còn gián tiếp qua việc miêu tả cái vui thích trên cung trăng:

Có bầu có bạn, can chi tủi,
Cùng gió cùng mây, thế mới vui.

Đó chính là thế giới mà Tản Đà mơ ước, là cõi đời trong sáng thanh khiết. Tản Đà *muốn làm thằng Cuội* vì chán đời, ước mơ chị Hằng *nhắc lên* mặt trăng *chơi*, nói là *chơi* mà là muốn ở đó lâu dài. Tuy nhiên bài thơ không có giọng điệu buồn chán nặng nề về cuộc đời trần thế, tức là hoàn toàn không phải là tâm sự bế tắc, chán nản cuộc đời không lối thoát. Ước vọng ấy còn thể hiện cái tình của ông đối với trăng, là cái lãng mạn của tâm hồn thi nhân khao khát vượt ra khỏi cuộc đời hữu hạn và chật hẹp. Do vậy, nhà thơ muốn xa lánh trần gian mãi mãi, muốn ở một nơi thật xa mà nhìn về, để thấy được cảnh trần thế, thấy cảnh sống khổ đau, chật hẹp, đầy cát bụi.

Ước vọng thoát li thể hiện tâm trạng của nhân vật trữ tình: muốn ngồi trên cung trăng nhìn xuống mà cười chế nhạo thế gian. Đặc biệt, trong tưởng tượng, khi đã thoát tục rồi nhà thơ càng thấy rõ cái chật hẹp bé nhỏ của cõi đời và nguyện được làm tiên mãi mãi để:

Rồi cứ mỗi năm rằm tháng tám,
Tựa nhau trông xuống thế gian cười.

Cười cho tất cả những giành giật, lo toan bé nhỏ của kiếp người trần gian, cười sung sướng vì khắp dưới cõi trần kia không ai được biết, được hưởng một cuộc sống thần tiên thoát tục như mình. Đó là niềm vui, là hạnh phúc tinh thần riêng mà Tản Đà tự tạo cho mình trong cõi mộng. Cũng như trong cuộc đời thực, ông thường tìm cho mình những vui thú thanh cao khi dạo chơi các miền đất nước, trong những mối tình tri kỉ với bạn bè khắp nơi. Con người ấy không hề bi quan mà biết làm giàu cho đời sống tinh thần của mình.

Bài thơ *Muốn làm thằng Cuội* của Tản Đà thể hiện tâm trạng buồn chán của nhân vật trữ tình, gợi cho ta những nỗi niềm nghĩ suy man mác, một nỗi buồn trong sáng. Trong bao nhiêu tác phẩm thi ca viết về trăng, bài thơ *Muốn làm thằng Cuội*

của Tản Đà vẫn tồn tại mãi với dấu ấn riêng biệt của một tâm hồn thi sĩ, một tâm hồn Việt Nam lãng mạn và tha thiết với trần gian, trần gian thanh cao của ước mơ!

52. Đề: Phân tích bài thơ Nhớ rừng. (*Lời con hổ ở vườn Bách thú*)

Gậm một khối căm hờn trong cũi sắt
Ta nằm dài, trông ngày tháng dần qua
Khinh lũ người kia ngạo mạn, ngẩn ngơ
Giương mắt bé giễu oai linh rừng thẳm
Nay sa cơ, bị nhục nhằn tù hãm
Để làm trò lạ mắt, thứ đồ chơi
Chịu ngang bầy cùng bọn gấu dở hơi
Với cặp báo chuồng bên vô tư lự,
Ta sống mãi trong tình thương nỗi nhớ
Thuở tung hoành hống hách những ngày xưa
Nhớ cảnh sơn lâm, bóng cả, cây già
Với tiếng gió gào ngàn, với giọng nguồn hét núi
Với khi thét trường ca dữ dội
Ta bước chân lên, dõng dạc, đường hoàng
Lượm tấm thân như sóng cuộn nhịp nhàng
Vờn bóng âm thầm, lá gai, cỏ sắc
Trong hang tối, mắt thần khi đã quắc
Là khiến cho mọi vật đều im hơi
Ta biết ta chúa tể cả muôn loài
Giữa chốn thảo hoa không tên, không tuổi.

Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối
Ta say mồi đứng uống ánh trăng tan?
Đâu những ngày mưa chuyển bốn phương ngàn
Ta lặng ngắm giang sơn ta đổi mới?
Đâu những bình minh cây xanh nắng gội
Tiếng chim ca giấc ngủ ta tưng bừng?
Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng
Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt
Để ta chiếm lấy riêng phần bí mật?
Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu!

Nay ta ôm niềm uất hận ngàn thâu
Ghét những cảnh không đời nào thay đổi
Những cảnh sửa sang tầm thường giả dối:
Hoa chăm, cỏ xén, lối phẳng, cây trồng
Dải nước đen giả suối, chẳng thông dòng
Len dưới nách những mô gò thấp kém

Dăm vừng là hiền lành, không bí hiểm
Cũng học đòi bắt chước vẻ hoang vu
Của chốn ngàn năm cao cả âm u.
Hỡi oai linh, cảnh nước non hùng vĩ
Là nơi giống hùm thiêng ta ngự trị
Nơi thênh thang ta vùng vẫy ngày xưa
Nơi ta không còn được thấy bao giờ!
Có biết chăng trong những ngày ngao ngán
Ta đương theo giấc mộng ngàn to lớn
Để hồn ta phảng phất được gần ngươi
Hỡi cảnh rừng ghê gớm của ta ơi!

THẾ LỮ

(Mấy vần thơ, tập mới)

BÀI THAM KHẢO

Bài thơ mượn lời một con hổ ở vườn Bách thú. Đề tài đầy kịch tính. Cảnh ngộ là một thân tù hèn mọn, bất lực, hồn vía là một chúa sơn lâm. Ông chúa này đã hết thời đập phá hung dữ đòi tự do. Ông đã thấm thía sự bất lực và ý thức được tình thế của mình, cam chịu cảnh gặm nhấm một khối căm hờn, nằm dài trông ngày tháng qua, mặc cho thân thể bị tụt xuống ngang cấp với các loài hèn kém. Nhìn bề ngoài, người ta có thể nói con hổ này đã thuần hóa, *chịu ngang bầy cùng bọn gấu dở hơi, với cặp báo chuồng bên vô tư lự.* Nhưng đấy chỉ là bề ngoài thôi, còn thế giới bên trong của mãnh thú, tội nghiệp thay, vẫn ngùn ngụt lửa. Bút pháp lãng mạn của Thế Lữ có dịp tung hoành, có dịp chứng tỏ sức diễn đạt phong phú của Thơ mới khi dựng lại khung cảnh kì vĩ trong mộng tưởng của chúa sơn lâm.

Mối bi kịch thân ở nơi tù, hồn ở giang sơn cũ đã tạo nên chất men ngưỡng mộ đối với hoài niệm. Qua tâm linh của loài hổ, rừng núi hiện lên trong vẻ kì vĩ đắm say. Kì vĩ vì thâm nghiêm *bóng cây già;* kì vĩ vì dữ dội oai hùng với từ *gào, hét, thét, dữ dội*; kì vĩ vì hoang vu bí ẩn: *hang tối, thảo hoa không tên tuổi, riêng phần bí mật.*

Trong cảnh núi rừng kì vĩ đó hiện lên hình ảnh oai linh của một chúa sơn lâm. Trọng tâm của bức tranh rừng này là con hổ. Nhưng trước khi để hổ hiện ra, Thế Lữ đã dựng cảnh để gợi không khí oai hùng, kinh sợ. Vào đúng lúc tiếng gào thét của thiên nhiên đang ở đỉnh cao dữ dội, chúa sơn lâm xuất hiện. Đầu tiên để thấy bàn chân, một bước chân *dõng dạc, đường hoàng.* Câu thơ như đoạn phim cận cảnh quay chi tiết, thu hút sự chú ý của khán giả. Sau bàn chân là tấm thân, xuất hiện rất từ tốn nên càng oai hùng, to lớn. Chiều dài của tấm lưng trải ra theo câu thơ, một sự mềm mại tích chứa sức mạnh:

"Lượn tấm thân như sóng cuộn nhịp nhàng
Vờn bóng âm thầm lá gai, cỏ sắc".

Cách miêu tả từng động tác, lại là những động tác có chọn lựa của bàn chân, tấm thân và ánh mắt đã thể hiện được sức chế ngự của mãnh thú trước phong cảnh. Mấy câu thơ sau đã hoàn tất tốt bức chân dung của chúa sơn lâm. Cái oai của chúa rừng còn chế ngự cả cảnh vật khi chúa đã đi qua *khiến cho mọi vật đều im hơi.* Câu nói kiêu hãnh của loài hổ không có gì quá đáng:

"Ta biết ta chúa tể của muôn loài
Giữa chốn thảo hoa không tên, không tuổi".

Chỉ một đoạn thơ này đã đủ nói cái quá khứ oai hùng, giang sơn nhất khoảnh của chúa rừng. Thế Lữ còn dư sức bút, một đoạn nữa cũng của đích ấy, những chi tiết lấy từ sinh hoạt của các ác thú. Óc tưởng tượng của nhà thơ tiên phong trong phong trào Thơ mới thật phong phú, từ chi tiết thực của đời thú, ông đã dựng được chân dung tâm hồn của vị chúa tể. Có bốn cảnh đêm trăng – ngày mưa – sáng xanh – chiều đỏ. Bức tứ bình này (Thế Lữ cũng là họa sĩ đã từng học cao đẳng mỹ thuật) ít chi tiết, nhưng nét đậm rõ, màu lên từng mảnh lớn, trong cảnh có cả âm thanh khi tưng bừng tươi sáng, khi câm lặng bí ẩn. Bút pháp tả cảnh ở đây hiếm thấy trong thơ Việt Nam. Vẫn là tả tập tính của thú nhưng sắc gợi của câu thơ rộng xa, giúp người đọc thấy cái hồn của cảnh và *"tâm trạng"* con thú.

"Nào đâu những đêm vàng bên suối
Ta say mồi đứng uống ánh trăng tan?"

Sự im lặng thiêng liêng có chút ghê rợn nhưng thật kì ảo quyến rũ: bên suối trăng một mãnh thú uống nước, rình mồi.

Tác giả nâng uy quyền của chúa rừng bằng cách để hắn đối diện với thiên nhiên, tạo hóa trong cả bốn bức tranh đó – đối diện với trăng, với mưa, với bình minh, với hoàng hôn. Và ở cả bốn khung cảnh, con hổ đều ở thế chế ngự – chú ý các động từ tả hoạt động của hổ trong bốn cảnh:

"Say mồi, đứng uống
lặng ngắm giang sơn
đợi mặt trời chết, để chiếm lấy..."

Đẹp nhất, dữ dội, bi tráng nhất là cảnh hoàng hôn. Bức tranh rực rỡ trong gam đỏ: đỏ của máu lênh láng, đỏ của mặt trời gay gắt. Tác giả dùng chữ *mảnh* để chỉ mặt trời, tưởng như mặt trời cũng bé đi trong mắt nhìn loài hổ. Không khí chết chóc bao trùm, gợi lên do máu lênh láng, do giây phút hấp hối gay gắt của mặt trời. Chỉ ít phút nữa vũ trụ sẽ chết lặng, ngự trị trong bóng tối, chỉ còn có oai linh của hổ. Đấy là điểm cao trào nhất của quyền lực, gần như sự bất tử. Từ trên đỉnh cao huy hoàng của hồi tưởng, hổ đã sực tỉnh cái thân tù:

"Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu!"

Lời than có sức lay động và ngân vang do sự tương phản ấy. *Hùm thiêng khi đã sa cơ...* Bản thân sự hồi tưởng này đã cụ thể hóa cảnh ngộ của câu thơ: *Gậm một mối căm hờn trong cũi sắt.* Một lần hồi tưởng là một lần ý thức thêm sự bất lực, là một lần gậm nhấm thất bại.

Nhiều người đã bình luận có lí về ý nghĩa xã hội của bài thơ: Hổ trong cũi sắt nhớ tự do là biểu tượng cho tình cảm của người dân Việt mất nước. Bài thơ có ý nghĩa thức tỉnh lòng yêu nước, ý chí tự tôn dân tộc một cách kín đáo. Tuy nhiên, nếu chỉ thấy ý nghĩa đó, chúng ta chưa thấy hết bài thơ và cũng rất nên đề phòng trường hợp khi đi vào ý nghĩa xã hội, vốn có của bài thơ. Đoạn cuối bài thơ không xuất sắc bằng các đoạn trên, nhưng lại bộc lộ rõ khuynh hướng tư tưởng của bài thơ qua tâm sự chúa sơn lâm:

"Nay ta ôm niềm uất hận ngàn thâu
Ghét những cảnh không đời nào thay đổi
Những cảnh sửa sang tầm thường, giả dối:

Hoa chăm, cỏ xén, lối phẳng, cây trồng
Dải nước đen giả suối, chẳng thông dòng
Len dưới nách những mô gò thấp kém
Dăm vừng lá hiền lành, không bí hiểm
Cũng học đòi bắt chước vẻ hoang vu
Của chốn ngàn năm cao cả, âm u".

Niềm uất hận đương nhiên là vì tù túng, nhưng cái uất nhất do sự tù túng gây nên là phải chấp nhận cái tầm thường. Hổ nhớ rừng không chỉ là nhớ tự do mà còn là, theo tôi lại là chủ yếu nếu căn cứ vào văn bản của bài thơ, nhớ cái cao cả, cái chân thực, cái tự nhiên. Tới đây, chúng ta gặp thuộc tính của chủ nghĩa lãng mạn: vươn tới cái phi thường, cao hơn cuộc sống hàng ngày buồn tẻ, đơn điệu, bé nhỏ trong tầm tay trần tục của con người: *hoa chăm, cỏ xén, lối phẳng, cây trồng.* Xuân Diệu thuở ấy từng mơ ước:

"Thà một phút huy hoàng rồi chợt tắt
Còn hơn buồn le lói suốt trăm năm"

Đây không phải chỗ để luận cái đúng sai của nhân sinh quan này, chỉ xin nói tới nó như một đặc điểm của chủ nghĩa lãng mạn. Thế Lữ cũng thường say đắm những cảnh siêu phàm, những tương phản rất xa nhau của thiên nhiên:

"Cảnh vĩ đại, sóng nghiêng trời, thác ngàn đổ
Nét mong manh, thấp thoáng cánh hoa bay".

Thơ Thế Lữ, do vậy, nhiều lần đắm vào cảnh tiên. Niềm khát khao của con hổ nhớ rừng là khát khao trở về với cái kì vĩ, siêu phàm, không chung sống được với cái tầm thường, thấp kém, giả tạo. Đó cũng là vẻ đẹp của nhân cách, tuy rằng mang nỗi khát khao ấy trong mình là đã sẵn niềm thất vọng, vì cái phi thường của các nhà lãng mạn cũng là cái phi thực. Vả lại, siêu phàm cũng dễ đồng nghĩa với cô đơn. Hãy đọc Xuân Diệu:

"Ta là một, là Riêng, là Thứ Nhất
Không có chi bè bạn nổi cùng ta
(...) Ta bỏ đời, mà đời cũng bỏ ta
Giữa vắng ngắt, giữa lạnh lùng thế tuyệt!

(Hy Mã Lạp Sơn)

Nỗi lòng của *Hy Mã Lạp Sơn* trong thơ Xuân Diệu cũng là nỗi lòng con hổ trong cũi sắt của Thế Lữ, nó thuộc về bản chất của chủ nghĩa lãng mạn. Quá nhấn mạnh, đến ý nghĩa xã hội, e làm hẹp đi chất nhân bản của bài thơ và cũng làm mờ đi quy luật thẩm mỹ của chủ nghĩa lãng mạn. Còn một lí do nhỏ nữa: Tự do của con hổ là tự do của một ông chúa, *Ta biết ta chúa tể muôn loài,* khát khao tự do của hổ, qua một loạt hình tượng của bài, là khát khao ngự trị, khao khát tước đoạt tự do của kẻ khác. Cho nên coi hổ trong cũi là thân phận của dân tộc ta e có chỗ khó giải thích khi nói tới tính thống nhất của hình tượng.

VŨ QUẦN PHƯƠNG

Trích ***Thơ và thẩm bình thơ*** của Vũ Quần Phương, NXB VN 1989

53. Đề: Hãy phân tích tâm trạng của con hổ trong vườn bách thú qua bài thơ "Nhớ rừng" của Thế Lữ.

BÀI THAM KHẢO I

Thế Lữ là ngôi sao sáng nhất của phong trào "Thơ mới" (1932 – 1945). Thơ ông tràn đầy những ước mơ. *Nhớ rừng* là tâm sự của một con hổ *sa cơ bị nhục nhằn tù hãm*, là tâm sự của cả một thế hệ trí thức trẻ tuổi trước Cách mạng tháng Tám. Bài thơ nhanh chóng được đón nhận rất rộng rãi, chứng tỏ có sức đồng cảm mãnh liệt. Tìm hiểu tâm trạng của con hổ, ta sẽ hiểu thêm tâm trạng của một lớp người đương thời vậy.

Trước hết là tâm trạng uất hận của con hổ trong cảnh tù hãm ở vườn bách thú. Trong cái dáng dấp *nằm dài* hiền lành kia là một nỗi chán ngán đầy ẩn nhẫn *trông ngày tháng dần qua*. Nhưng sự thực đã được giới thiệu từ đầu *gậm một khối căm hờn*... Hóa ra, đó là bi kịch của chúa sơn lâm – chúa tể của đại ngàn – vốn lừng lẫy, vốn là *oai linh rừng thẳm* đang *sa cơ, nhục nhằn tù hãm*, mất tự do. Bài thơ được mở đầu với đoạn:

Gậm một khối căm hờn trong cũi sắt
Ta nằm dài trông ngày tháng dần qua,
Khinh lũ người kia ngạo mạn ngẩn ngơ,
Giương mắt bé giễu oai linh rừng thẳm.
Nay sa cơ, bị nhục nhằn tù hãm,
Để làm trò lạ mắt thứ đồ chơi,
Chịu ngang bầy cùng bọn gấu dở hơi
Với cặp báo chuồng bên vô tư lự.

Nghe thế, chúng ta sẽ lầm tưởng rằng chúa sơn lâm đã bị khuất phục, đã trở nên hiền lành, không còn lồng lộn dữ tợn nữa, nếu chỉ thoáng qua vẻ ngoài của con hổ:

Ta nằm dài trông ngày tháng dần qua.

Nào ai biết hổ đang "*Gậm một khối căm hờn trong cũi sắt*", "*gậm*" không phải là nhai ngấu nghiến mà là nghiến từ từ cho đến lúc nát ra. Sắt đâu phải dễ tan vỡ, *khối căm hờn* cũng không dễ nuốt trôi! Hổ hẳn là muốn phá tan mọi thứ đang vây hãm mình vì nỗi hận đang lên đến cao độ. Bằng cách đó con hổ muốn phá tan tất cả mọi thứ vì nỗi căm tức trong nó đang đến tột đỉnh. Nó căn tức vì bị giam cầm thì ít mà bị xếp ngang hàng với "*bọn gấu dở hơi*", "*cặp báo vô tư lự*" thì nhiều. Tâm trạng nó lúc này còn là cảm thấy vô cùng nhục nhã với hoàn cảnh nó đang phải chịu đựng. Nhục nhã vì nó đường hoàng là chúa sơn lâm vậy mà lại bị tù hãm để "*làm trò lạ mắt thứ đồ chơi*" cho "*lũ người ngạo mạn, ngẩn ngơ*" *là* đối tượng trước tiên mà nó hết sức khinh ghét. Với biện pháp nhân hóa, Thế Lữ đã làm rõ tâm trạng của con hổ khi ở trong tù, nổi bật là sự căm hờn uất hận và nỗi nhục nhã mà nó phải chịu đựng. Cay đắng hơn, từ địa vị chúa tể, giờ đây chỉ còn ở vị trí thấp hèn *đồ chơi* ngang hàng với *bọn gấu dở hơi, bọn báo vô tư lự*. Thật là nhục nhã! Thật là căm hận! Đại từ "ta" biểu hiện sắc thái kiêu hãnh, tự cao, tự đại, biết rõ giá trị của mình trong khi bọn tiểu nhân đang giễu cợt sự *sa cơ* của "bậc anh hùng". Chính vì thế mà nỗi uất ức, căm hờn ngày càng đè nặng lên tâm hồn chúa sơn lâm.

Tiếp theo là nỗi khao khát tự do mãnh liệt thể hiện qua những hoài niệm về một núi rừng kì vĩ cùng sức mạnh vô biên của chúa tể rừng xanh. Từ ngục tù cũi sắt, con hổ đang thả hồn theo nỗi nhớ quê hương, nhớ núi rừng xa xưa với nỗi niềm nhớ tiếc:

Nhớ cảnh sơn lâm, bóng cả, cây già
Với tiếng gió gào ngàn, với giọng nguồn hét núi
Với khi thét khúc trường ca dữ dội....

Cảnh rừng thời hổ làm chúa sơn lâm hiện ra sao mà uy linh, sao mà hùng tráng! Nó vừa có vẻ bí hiểm, hùng vĩ cổ kính và vừa rất dữ dội khiến người ta phải ghê sợ đến thế. Chỉ bằng một câu, cùng biện pháp so sánh, tác giả đã cho ta thấy vẻ đường hoàng dõng dạc, oai vệ của hổ:

Ta bước chân lên, dõng dạc, đường hoàng
Lượn tấm thân như sóng cuộn nhịp nhàng

Cái *bước chân lên* đó, cái thân hình uốn lượn đó chỉ có được ở chúa sơn lâm, cái uốn lượn vừa mềm mại, vừa nhanh lại vừa khỏe, ít thấy loài nào có thể làm được. Chắc hẳn rằng con hổ đang rất kiêu hãnh khi "*bước chân lên dõng dạc, đường hoàng*" khi "*lượn tấm thân như sóng cuộn nhịp nhàng*", bởi nó biết nó là chúa tể của muôn loài, giữa chốn "*thảo hoa không tên, không tuổi*". Trong niềm căm uất và đau đớn ấy, chúa sơn lâm đang nhớ về cuộc đời tự do, oanh liệt ngày xưa, những ngày xưa thật rực rỡ:

Nhớ cảnh sơn lâm, bóng cả, cây già,
Với tiếng gió gào ngàn, với giọng nguồn hét núi.
Với khi thét khúc trường ca dữ dội,
Ta bước chân lên, dõng dạc, đường hoàng.

Tình thương, nỗi nhớ, xúc cảm ấy nối hai bờ không gian – thời gian, gắn liền quá khứ và hiện tại. Từ không gian là *cũi sắt*, hổ nhớ về không gian bao la rộng rãi và tự do, không gian rừng thẳm. Thiên nhiên đó kì vĩ phóng khoáng, đổi thay liên tục và vô tận trong bình minh, chiều tà và đêm xuống. Cảnh rừng hoang vu *bóng cả, cây già* chứa đựng những điều bí mật: hang tối, rừng sâu, *thảo hoa không tên, không tuổi,* hòa với những âm thanh man dại *gió gào ngàn, nguồn hét núi* cùng những màu sắc rực rỡ trong buổi nắng mai vàng, chiều đỏ tía và đêm đen huyền bí âm u. Phải chăng đó là bức tranh tứ bình với các cảnh đêm trăng, ngày mưa, sáng xanh, chiều đỏ, cả một không khí vừa dữ dội vừa oai nghiêm của rừng thẳm. Bút pháp lãng mạn thiên về cái cao cả, cái phi thường, tạo dựng một hình ảnh thiên nhiên thật kì vĩ. Đó là thiên nhiên trong cõi nhớ của hùm thiêng.

Hổ kiêu hãnh:

Ta biết ta chúa tể cả muôn loài,
Giữa chốn thảo hoa không tên, không tuổi.

Trên cái nền thiên nhiên ấy, hổ hiện ra trong tư thế thật oai phong. Giữa khúc *trường ca dữ dội* của rừng thiêng tấu lên, hổ *bước chân lên, dõng dạc, đường hoàng.* Nói về nỗi nhớ rừng của con hổ nếu dừng ở đây cũng được, nhưng với trí tưởng tượng phong phú và con mắt nhìn của một họa sĩ tài ba, tác giả còn vẽ nên bức tranh bằng thơ giàu hình ảnh và tràn đầy màu sắc:

Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối

Ta say mồi đứng uống ánh trăng tan?
Đâu những ngày mưa chuyển bốn phương ngàn
Ta lặng ngắm giang san ta đổi mới?
Đâu những bình minh cây xanh nắng gội,
Tiếng chim ca giấc ngủ ta tưng bừng?
Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng
Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt,
Để ta chiếm lấy riêng phần bí mật.

Chúa sơn lâm đang chế ngự thiên nhiên với tâm trạng tự hào, kiêu hãnh, nó chinh phục thiên nhiên, nhưng không phá phách, làm hư hại thiên nhiên. Bởi "*những đêm vàng bên bờ* suối" mang một vẻ huyền ảo, bởi "*những ngày mưa chuyển bốn phương ngàn*" làm cho núi rừng như được thay áo mới, bởi cảnh thiên nhiên rất sống động vào buổi bình minh nhờ tiếng chim ca. Và:

Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng
Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt,

Có thể nói rằng hình ảnh "*những chiều lênh láng máu sau rừng*" và "*ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt*" là đẹp nhất, dữ dội nhất và tự hào nhất của chúa sơn lâm. Mặt trời là sự sống của muôn loài mà con hổ cũng coi khinh. Đó là thời điểm huy hoàng nhất, rực rỡ nhất, sự chiến thắng huy hoàng của chúa sơn lâm. Điệp ngữ "*đâu*" càng nhấn mạnh, xoáy sâu vào nỗi nhớ rừng của con hổ.

Vừa là một chúa tể, hổ còn như một thi sĩ mơ màng *đứng uống ánh trăng tan*, như nhà hiền triết *lặng ngắm giang san* trong cơn *mưa chuyển bốn phương ngàn*, thành bậc đế vương *có chim ca giấc ngủ ta tưng bừng*. Hơn thế nữa, một vị chúa tể tàn bạo làm chủ bóng tối *chiếm lấy riêng phần bí mật*. Những hình ảnh và động tác đầy ấn tượng miêu tả cuộc sống tự do, thơ mộng và dữ dội đầy quyền uy. Đấy là cảnh ngắm mưa, ngắm trăng, trời đất, thưởng thức *đêm vàng* trong im lặng kì ảo, quyến rũ, tận hưởng ban mai *cây xanh nắng gội*, cảnh đợi chiều xuống với hoàng hôn đỏ rực. Qua cảm nhận của chúa sơn lâm, ánh mặt trời hoàng hôn giống hệt sắc máu *lênh láng*:

Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng
Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt.

Cùng trong hoài niệm của chúa sơn lâm, chỉ có một mặt trời xứng đáng có quyền uy ngang tầm với hổ. Thế mà chiều đến, mặt trời kia cũng dần *đợi chết*, cũng gục ngã, *lênh láng máu sau rừng*. Mặt trời *chết*, mặt trời cũng như một con thú hấp hối sau một cuộc đọ sức ghê gớm nhất, gay go nhất. Cách nhìn, cách nghĩ của chúa sơn lâm thật ngạo mạn. Mặt trời cũng không còn tồn tại, không còn giữ được ngôi vị cao cả. Khi màn đêm xuống, quyền uy của chúa sơn lâm là bao trùm vũ trụ. Hổ *vờn bóng*, giẫm nát *lá gai*, *cỏ sắc* là đỉnh điểm của quyền uy mãnh hổ về đêm – kẻ thống trị cả vũ trụ.

Tất cả đều trong hoài niệm của hổ: rừng thiêng đang hòa tấu một khúc nhạc dữ dội để tôn vinh sức mạnh của chúa sơn lâm. Say sưa trong bản nhạc ca ngợi quyền uy và tự do trong dĩ vãng, mãnh hổ bỗng sực tỉnh và gào hét xót xa! Những chiến công của hổ chợt qua trong tâm trạng đầy thất vọng và nuối tiếc. Nó thốt lên lời ai oán: "*Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu!*". Cả câu phần lớn sử dụng thanh bằng làm âm hưởng câu thơ từ không khí hào hùng của những chiến thắng huy hoàng bỗng trở nên buồn hơn. Con hổ nhớ về quá khứ

vàng son của mình với tâm trạng tự hào kiêu hãnh thì nó lại nhìn vào hiện thực với một sự uất hận căm tức. Nó căm ghét:

"Những cảnh sửa sang, tầm thường, giả dối."

Với: *"hoa chăm, cỏ xén, lối phẳng, cây trồng"*.

Tất cả mọi thứ đều do bàn tay con người. Đó là sự giả tạo, bắt chước vẻ đẹp của tự nhiên một cách vụng về. Đó không phải là cảnh rừng chân thật, tự nhiên và cao cả. Qua đó ta hiểu được tâm trạng của con hổ lúc này là khao khát một cái gì đó chân thật, tự nhiên, cao cả.

Khinh bạc căm tức với hiện tại, nó lại khao khát trở về với *"núi non hùng vĩ"*, *"nơi thênh thang ta vùng vẫy ngày xưa"* trở về với cuộc sống tự do. Nhưng đang bị giam cầm trong cũi sắt, chúa sơn lâm đành thả hồn mình theo *"giấc mộng ngàn"* để được sống lại những giờ phút huy hoàng thuở xưa, cố xua đi những ngày ảm đạm, *"ngao ngán"* của mình.

Nghệ thuật tương phản làm nổi bật lời thét gào ngân vang xót xa. Từ đỉnh cao huy hoàng của tự do, quyền uy chúa tể, hổ sực tỉnh nhớ tới thân phận tù đày của mình. Các từ nghi vấn sử dụng liên tiếp *nào đâu, đâu những*... bộc lộ niềm hoài niệm đau đớn tiếc nuối, uất hận. Tâm trạng cũng trở nên phức tạp, đa dạng: nhớ thương, đau buồn, uất hận.

Cuối cùng là tâm trạng u uất, chán ngán trước sự giả tạo, đơn điệu của cảnh tù hãm. Càng thương nhớ vẻ đẹp cao cả dữ dội của rừng xanh tự do bao nhiêu, chúa sơn lâm càng căm hờn, chán ngán trước cảnh giả tạo, đơn điệu, tù túng ở vườn bách thú bấy nhiêu:

Ghét những cảnh không đời nào thay đổi,
Những cảnh sửa sang, tầm thường, giả dối:
Hoa chăm, cỏ xén, lối phẳng, cây trồng
Dải nước đen giả suối chẳng thông dòng
Len dưới nách những mô gò thấp kém
Dăm vầng lá hiền lành không bí hiểm.
Cũng học đòi bắt chước vẻ hoang vu...."

Tâm trạng của chúa sơn lâm cũng là tuyên ngôn của chủ nghĩa lãng mạn, dứt khoát không chấp nhận cái tầm thường, cái vô nghĩa, sự bắt chước giả tạo. Càng ghét cay, ghét đắng thực tại giả dối bao nhiêu, chúa sơn lâm càng tiếc thương đau đớn nhớ về dĩ vãng bấy nhiêu. Hổ vẫn thả hồn về giang sơn cũ trong *giấc mộng ngàn to lớn*, giấc mộng về rừng thẳm, về tự do như một cõi thiên đường:

Hỡi cảnh rừng ghê gớm của ta ơi!

Con hổ nhớ rừng, nhớ một thời oanh liệt đã qua chính vì nó đang chán ngán trước cuộc sống tù hãm mất tự do. Tâm trạng con hổ, vì khát vọng tự do, cũng chính là của nhà thơ, của cả một xã hội, một thời đại bấy giờ, đang bực tức, đang chán ngán cuộc sống thực tại mất tự do. Thật là một tâm trạng vừa kiêu hãnh vừa tuyệt vọng. Đó chính là điều làm nên sức sống mãnh liệt của hình tượng con hổ, của bài thơ.. Đó là tâm trạng của chúa sơn lâm mà cũng là tâm trạng của thế hệ thanh niên lãng mạn thời đại: khát khao tự do, sống cao cả, không chấp nhận cái buồn tẻ, vô nghĩa.

Bài của giáo viên Huỳnh Mỹ Linh
PTCS Hai Bà Trưng, TP HCM

54. Phân tích bài thơ *Quê hương* của Tế Hanh

Ai trong đời cũng có một mảnh đất chôn nhau cắt rốn. Dù như con chim non sớm lạc bay hay cánh đại bàng đã vút bay lên, hỏi ai mà không một lần tưởng nhớ về nơi ấy? Nhiều nhà thơ đã sáng tác về quê hương, nhưng bài thơ của Tế Hanh thực sự là một bài thơ cảm động.

Bài thơ này được tác giả viết năm 1938, khi 17 tuổi, phải xa quê vào Huế học tập. Bài thơ là nỗi nhớ nhà, nhớ quê da diết cùng những người dân thân thiết và bình dị! Bài thơ đau đáu, rưng rưng như một tiếng gọi mẹ âm thầm.

Mở đầu bài thơ là những hồi ức thật trong sáng hồn nhiên:

" Làng tôi ở vốn làm nghề chài lưới
Nước bao vây cách biển nửa ngày sông"

Quê ông như một cù lao nổi giữa bốn bề sông nước. Dân làng ông gắn chặt đời mình với biển cả thiên nhiên đầy dữ dội. Đây là một làng nghèo giống như bao làng biển khác, nhưng khi xa rồi, nỗi nhớ đến quặn lòng:

"Khi trời trong, gió nhẹ, sớm mai hồng
Dân trai tráng bơi thuyền đi đánh cá
Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã
Phăng mái chèo mạnh mẽ vượt trường giang
Cánh buồm trương to như mảnh hồn làng
Rướn thân trắng bao la thu góp gió….

Qua đoạn thơ này, tác giả đã sử dụng những sắc màu thãt tươi thắm để phác họa một bức tranh quê vui tươi mộc mạc: bầu trời trong vắt, nắng hồng, gió nhẹ. Những chàng trai lực lưỡng trẻ trung giong thuyền ra khơi như chàng Gióng cưỡi ngựa ra trận mạc. Những từ thật đắt được sử dụng cùng âm điệu, liên liên tiếp nhau: "hăng, phăng, giang, làng…" tạo thành một âm thanh ngân nga mênh mông …giữa biển rộng trời cao. Một cảnh lao động vừa yên bình, lại vừa mạnh mẽ biết bao! Hình như ở đó ẩn chứa bao niềm kiêu hãnh và tự hào về quê hương thân yêu:

"Cánh buồm trương to như mảnh hồn làng
Rướn thân trắng bao la thu góp gió"

Vâng, mảnh hồn làng nghe khiêm tốn bao nhiêu, thì cái khả năng "thu góp gió" của làng chài ấy lại lớn lao kì vũ bấy nhiêu. Hình ảnh cánh buồm là một hình ảnh hữu hình, được đem ví với một "mảnh hồn làng" vừa thiêng liêng, lại vừa trừu tượng. Ở đây, tác giả không nói đến một vị thần "hoàng làng" hay một cá nhân nào, chỉ duy nhất một danh từ độc đáo được nhắc đến là: "mảnh hồn làng" nghe thật lạ lùng, trữ tình, tha thiết và thiêng liêng biết bao! Cánh buồm từ một vật vô tri đã được biến thành một vật thể mới, có tâm hồn riêng, có sức sống riêng, và là sức sống của cả một làng quê hun đúc lại!

Cảnh ra khơi lãng mạn như một bức tranh thắm sắc, như một bài thơ đượm màu lãng mạn, thì cảnh đoàn thuyền trở về lại ồn ào một không khí ấm no,

"Ngày hôm sau, ồn ào trên bến đỗ
Khắp dân làng tấp nập đón ghe về
Nhờ ơn trời, biển lặng, cá đầy ghe
Những con cá tươi ngon thân bạc trắng..."

Có lẽ hình ảnh này là niềm ước mong của toàn dân chài. Người ra biển và người đón thuyền đều chỉ có một ước mong: *"nhờ ơn trời, biển lặng, cá đầy ghe"*! Hỏi có niềm vui nào hơn là biển êm, sóng lặng không có phong ba bão tố, không có hiểm nguy giữa trùng dương. Với cánh buồm mong manh chẳng chút tối tân, dân chài đã phó mặc tất cả sinh mệnh mình cho đại dương suốt mấy ngày đi biển. Cái kết quả sau cùng thật bí ẩn, thật quyết định cho hạnh phúc của làng chài: cá đầy ắp khoang thuyền!

Chẳng còn sự sung sướng nào hơn, tác giả thốt lên một câu thơ, như thay mặt cả làng, cảm tạ ơn trời đất, như tiếng reo mừng của người em nhỏ, người vợ hiền: *"Nhờ ơn trời, biển lặng, cá đầy ghe"*.

Cũng trong niềm vui đoàn tụ ấy, nhà thơ đã thật sự xúc động trước vẻ đẹp của những chàng trai quanh năm vật lộn với phong ba bão tố:

"Dân chài lưới làn da ngăm rám nắng
Cả thân hình nồng thở vị xa xăm"

Và chiếc thuyền thân yêu cũng như một chiến binh mệt mỏi sau một trận chiến hào hùng với nhiều công trạng:

"Chiếc thuyền im, bến mỏi trở về nằm
Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ"

Tế Hanh tả tâm trạng của "chiếc thuyền" mà sao ta cứ ngỡ như tác giả tả một chú ngựa ngoan cường dũng mãnh? Câu thơ như một bàn tay vuốt ve chú ngựa, vuốt ve con thuyền với tấm lòng trìu mến, ánh mắt biết ơn.

Cảm xúc chưa hết dạo dào yêu thương trong đoạn trên, tác giả lại cho chúng ta một cảm giác nhung nhớ xót xa vì xa xôi cách trở:

"Nay xa cách, lòng tôi luôn tưởng nhớ
Màu nước xanh, cá bạc, chiếc buồm vôi
Thoáng con thuyền rẽ sóng chạy ra khơi
Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá."

Nỗi nhớ trong lòng tác giả chẳng diễn đạt bằng những từ lớn lao, mà chỉ bằng một cảm xúc giản dị:

"Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá"

"Cái mùi nồng mặn" ấy nghe thật là chân quê, nhưng đó là những từ chân thành nhất, chính xác nhất nếu ai đã từng ngửi mùi cá tươi trên biển, mùi muối đang khô. Đó là tất cả cảm xúc yêu quê hương của một tâm hồn thơ lúc mười bảy tuổi. Một tài năng thơ đã sớm phát tiết và lưu lại cho chúng ta một bài thơ dạt dào cảm xúc về một vùng quê biển bình yên. Có lẽ khi tha hương, ai nhớ về quê hương, cũng nhớ những phút giây bình yên nơi đó, để mà thương yêu, để mà nuối tiếc. Có phải thế không?

Mộc Lan

55. Đề: ***Phân tích hình ảnh ông đồ trong bài thơ: "Ông đồ" để làm rõ niềm cảm thương chân thành về một lớp người và lòng hoài niệm một thời đã qua của Vũ Đình Liên.***

Bài tham khảo

Sự thất thế của Nho học và giới trí thức cũ đã được Trần Tế Xương phản ánh ngắn gọn và chua xót:

Nào có ra gì cái chữ Nho
Ông nghè, ông cống cũng nằm co
Sao bằng đi học làm thông phán
Tối rượu sâm banh, sáng sữa bò.

Riêng Vũ Đình Liên với bài *Ông đồ* đã in bóng dáng của một thời tàn và nỗi lòng ân hận của lớp người đương thời.

Thực vậy, *Ông đồ* chính là "các di tích tiều tụy đáng thương của một thời tàn" (Vũ Đình Liên) đã bị rơi vào quên lãng. Qua hình ảnh này, nhà thơ thể hiện niềm thương cảm chân thành với ông đồ, nỗi hoài niệm đối với một thời đại đã qua.

Trước hết là hình ảnh ông đồ trong thời đắc ý. Tầng lớp nho sĩ xưa, nếu đỗ đạt cao, làm quan to là vinh hiển nhất, nếu không thì thường dạy học, gọi là ông đồ. Đầu thế kỉ XX, chế độ thi cử phong kiến dần dần bị bãi bỏ tại Nam Kì, Bắc Kì rồi Trung Kì. Chữ nho được ít người trọng vọng. Trong hai khổ đầu, nhà thơ đã hết lời ca ngợi tài năng ông đồ. Đó là một tài năng được số đông tán thưởng, yêu mến. Ông xuất hiện cùng *mực tàu giấy đỏ* bên hè phố *mỗi khi hoa đào nở* như cùng góp thêm vào cái đông vui, cái rực rỡ của phố phường đang tưng bừng đón Tết. Hình ảnh đó đã trở thành quen thân không thể thiếu trong dịp Tết đến, xuân về. Câu đối đỏ của ông đồ là một trong những thứ cần thiết để đón xuân:

Thịt mỡ, dưa hành, câu đối đỏ
Cây nêu, tràng pháo, bánh chưng xanh

Chữ nghĩa thánh hiền và nghề dạy học của ông trong cái xã hội tôn sư trọng đạo ấy khiến ông được mọi người kính nể. Theo phong tục, ngày Tết đến, mọi người cần sắm câu đối hoặc một đôi chữ nho viết trên giấy điều dán trên vách, trên cột, vừa để trang hoàng nhà cửa, vừa gửi gắm lời cầu chúc tốt lành. Khi đó, ông đồ được thiên hạ tìm đến. Đó là thời đắc ý của ông đồ. Lúc này, ông đồ là người nghệ sĩ đang trổ tài trước lòng mến mộ của mọi người. Ngày ấy, viết chữ cũng còn là vẽ, là làm tranh, là làm nghệ thuật. Đã từng có ngành "thư pháp" (nghệ thuật viết chữ). Cái tài cái hoa tay của ông đồ đã để lại cho đời những nét chữ *phượng múa rồng bay* như những tác phẩm nghệ thuật thực sự mà người đời ngưỡng mộ, *tấm tắc ngợi khen.* Đấy là những dấu hiệu của vẻ đẹp văn hóa một thời, là sự tôn vinh một giá trị văn hóa cổ truyền. Có người nói chữ Nho là chữ thánh hiền vốn chỉ để dùng răn dạy và ngâm vịnh cao sang, giờ mang ra mua bán dù sao cũng là chuyện thất thế, chuyện đáng thương. Nhưng có lẽ, ở đây phải tính đến một nét sinh hoạt văn hóa phổ biến trong đời sống nói chung.

Nhưng thời gian lặp lại mà sinh hoạt ấy không lặp lại. Hai khổ 3,4 vẫn là hình ảnh ông đồ bày mực tàu giấy đỏ lên hè phố khi Tết đến, nhưng tất cả đã khác xưa. Nếu trước kia là:

Bao nhiêu người thuê viết
Tấm tắc ngợi khen tài

thì giờ đây, cảnh tượng sao mà vắng vẻ:

Nhưng mỗi năm mỗi vắng
Người thuê viết nay đâu?

Điệp ngữ *mỗi năm mỗi vắng* đã diễn tả độ tàn phai nhanh chóng của thị hiếu truyền thống. Từ *mỗi* lặp lại như không chỉ gõ nhịp cho bước đi suy tàn của thời gian mà còn gợi được cả không gian ngày càng vắng lặng. Câu hỏi phiếm định: *Người thuê viết nay đâu?* Được thốt lên như một nỗi cảm thông da diết đến nhức nhối về tình cảnh không có người thích thú thưởng thức văn hay chữ tốt nữa. Đây không đơn giản là chuyện thị hiếu, mà còn là chuyện tri âm, lòng ngưỡng mộ tài hoa. Còn duyên thì giấy thắm mực đượm, hết duyên giấy mực đều tàn phai. Các định ngữ vắng, *vắng, buồn, đọng, không thắm, sầu* khắc họa sự buồn bã, lụi tàn của một sự sống. Ông đồ bị rơi vào quên lãng, vô tình bởi một thị hiếu đã chết, một phong tục bị bỏ quên, bởi sự vô cảm của người đời:

Ông đồ vẫn ngồi đấy
Qua đường không ai hay
Lá vàng rơi trên giấy;
Ngoài trời mưa bụi bay.

Đoạn thơ giàu chất tạo hình với ngòi bút đặc tả đầy sức gợi trong sự đối lập giữa cái tĩnh và cái động: ông đồ – người qua đường, giấy – lá rơi, mưa bay. Tất cả chỉ làm tăng thêm dáng vẻ bất động của ông đồ. Ông đồ ngồi đấy, như một pho tượng bị lãng quên, không còn một chút giao cảm, đồng điệu với cuộc đời, như một di tích dù đẹp nhưng bị từ chối vì không hợp thời. Ông đồ sống mà như không tồn tại, có mà cũng như không, buồn bã, đơn côi, xa vắng giữa dòng đời tấp nập. Hình ảnh ông đồ lạc lõng, cô đơn giữa đám đông mới chua xót làm sao!

Ngoài trời mưa bụi bay... Có lẽ đây là câu hay nhất của bài thơ. Chỉ là câu tả cảnh bình dị, nhưng lại là câu thơ chất chứa tâm trạng, tâm hồn... Không phải là mưa to gió lớn hay mưa rả rích sầu não ghê gớm gì, chỉ là *mưa bụi bay*. Nhưng cảnh mưa bụi đầy trời ấy sao mà ảm đạm, mà lạnh lẽo... Mười hai thế kỉ trước, một nhà thơ đời Đường đã viết bài *Thanh minh*, trong đó có hai câu:

Thanh minh thời vũ tiết phân phân
Lộ thượng hành nhân dục đoạn hồn

Có người dịch:

Thanh minh lất phất mưa phùn
Khách đi đường thấm nỗi buồn xót xa.

Thì ra cái mưa phùn *lất phất*, cái *mưa bụi bay* chỉ nhè nhẹ man mác thế thôi mà cũng làm nát hồn người *(dục đoạn hồn).*

Bài thơ mở đầu là *Mỗi năm hoa đào nở – Lại thấy ông thấy ông đồ* già và kết thúc là *Năm nay đào lại nở – Không thấy ông đồ xưa* có tác dụng làm nổi bật chủ đề. Đó là cái tứ *"cảnh cũ người đâu"*, thường gặp trong thơ cổ. Năm nay đào lại nở, Tết lại đến, mùa xuân lại về, nhưng *ông đồ xưa* thì không thấy nữa. Từ nay hình ảnh ông đồ vĩnh viễn đi vào quá khứ, vĩnh viễn vắng bóng trong cuộc sống sôi động.

Hai câu cuối cùng là lời tự vấn của nhà thơ, là nỗi bâng khuâng thương tiếc ngậm ngùi... Hai câu trực tiếp phát biểu cảm xúc dâng trào kết đọng suốt cả bài thơ và mang ý nghĩa khái quát sâu xa. Từ một ông đồ ngồi viết câu đối bán Tết, nhà thơ nghĩ đến những *người muôn năm cũ* không còn nữa... Họ không còn

nữa, nhưng anh hồn của họ, những giá trị mà họ đã góp vào cuộc sống tinh thần của quê hương đất nước này, giờ ở đâu?

Câu hỏi ấy cứ vương vấn không dứt trong lòng người đọc sau khi đọc xong bài thơ bình dị mà hàm súc. Dư ba đó là một chút bâng khuâng đến ngỡ ngàng, như một niềm ân hận. Đoạn thơ như những nén hương tưởng nhớ của hậu sinh trót lỗi vô tình.

Hình ảnh ông đồ với hai cảnh đối lập xưa, nay đã thể hiện sâu sắc niềm cảm thương chân thành trước cảnh đời thất thế của một lớp nhà nho cuối mùa, thể hiện lòng hoài niệm về một thời đã qua.

ĐỀ 56: Phân tích bài thơ "Khi con tu hú" của Tố Hữu.

BÀI THAM KHẢO

Tu hú kêu bà còn nhớ không bà
Bà hay kể chuyện những ngày ở Huế
Tiếng tu hú sao mà tha thiết thế
Mẹ cùng cha công tác bận không về
Cháu ở cùng bà, bà bảo cháu nghe
Bà dạy cháu làm, bà chăm cháu học....

(*Bếp lửa* - Bằng Việt)

Tu hú phải chăng là nguồn đề tài đầy cảm xúc của nhiều thi nhân miền Bắc?

Bài thơ "*Khi con tu hú*" được Tố Hữu sáng tác vào tháng 7 năm 1939, khi nhà thơ trên bước đường hoạt động cách mạng đang bị địch bắt giam tại Lao Thừa Phủ – Huế. Bài thơ phản ánh tâm trạng ngột ngạt của một người cộng sản trẻ tuổi sôi nổi yêu đời bị giam cầm giữa bốn bức tường vôi lạnh: Tâm trạng ấy càng trở nên bức xúc khi nhà thơ hướng tâm hồn mình đến với bầu trời tự do ở bên ngoài. Đặc biệt, giữa không gian tự do ấy bỗng vang ngân tiếng chim tu hú gọi bầy. Với âm thanh da diết đó, nỗi ngột ngạt, u uất càng dồn nén và biến thành niềm khát vọng tự do cháy bỏng không thể kìm hãm nổi:

Ta nghe hè dậy bên lòng
Mà chân muốn đạp tan phòng hè ôi!

Mở đầu bài thơ, với tựa đề "*Khi con tu hú*", tác giả muốn khẳng định đây là một thứ âm thanh mở ra mạch cảm xúc của toàn bài thơ. Tác động của âm thanh này đặt vào tâm cảnh của nhà thơ càng trở nên tha thiết và thôi thúc hướng đến tự do.

Ta biết rằng, người thanh niên cộng sản Tố Hữu dù bị tù đày, tra tấn nhưng không nản chí sờn lòng. Nhà thơ đã xác định:

Đời cách mạng từ khi tôi đã hiểu
Dấn thân vô là phải chịu tù đày
Là gươm kề tận cổ súng kề tai
Là thân sống chỉ coi còn một nửa.

(*Trăng trối*)

Trở lại câu thơ mở đầu của bài thơ: "*Khi con tu hú gọi bầy*". Đó là cái thời điểm thiết tha và thiếu thốn khi nghe con chim tu hú gọi bầy, tiếng gọi trở về với bạn bè, đồng đội. Tiếng chim gọi bầy càng tăng thêm nỗi cô đơn của nhà thơ giữa bốn bức

tường lạnh lẽo. Tố Hữu bị bắt giam giữa lúc nhiệt tình cách mạng của tuổi thanh xuân đang sục sôi, muốn đem tất cả nhiệt huyết để cống hiến cho cách mạng.

Tiếng chim tu hú gọi bầy đã thúc dậy một nỗi nhớ sâu xa trong Tố Hữu. Trong thế giới tăm tối của ngục tù, nhà thơ đã huy động nhiều giác quan để hình dung, tưởng tượng đồng quê thân thuộc ngoài kia:

Lúa chiêm đang chín, trái cây ngọt dần
Vườn râm dậy tiếng ve ngân
Bắp rây vàng hạt đầy sân nắng đào.

Một bức tranh được "vẽ" trong tâm tưởng bằng nỗi nhớ da diết. Nhịp sống của đồng quê thật rộn rã và tràn đầy sức sống. "*Lúa chiêm đang chín, trái cây ngọt dần*", sự vật đang vận động tiến dần đến sự hoàn thiện, hoàn mĩ (đang chín, ngọt dần). Một mùa hè đã báo hiệu, một mùa hè với những cảnh vật, âm thanh, màu sắc, ánh nắng quen thuộc. Phải là một con người tha thiết yêu cuộc sống, gắn bó máu thịt với quê hương mới có nỗi nhức nhối không nguôi đến như thế!

Trí tưởng tượng của nhà thơ được chắp cánh đến với bầu trời khoáng đạt:

Trời xanh càng rộng càng cao
Đôi con diều sáo lộn nhào từng không.

Cũng là bầu trời xanh thân thiết của tuổi thơ với "*đôi con diều sáo lộn nhào từng không*". Giữa khoảng trời bao la, cao, rộng, vài con diều sáo nhào lộn như nét chấm nhỏ nhoi giữa cái mênh mông của đất trời. Hình ảnh con diều sáo lộn nhào giữa từng không cũng là niềm khát vọng được tự do của người chiến sĩ cách mạng bị giam cầm.

Niềm khát khao đó bị dồn nén lúc này đây đã bùng lên mãnh liệt:

Ta nghe hè dậy bên lòng
Mà chân muốn đạp tan phòng hè ôi!
Ngột làm sao chết uất thôi
Khi con tu hú ngoài trời cứ kêu.

Nhịp sống trào dâng, mời gọi, thôi thúc tràn ngập vào tận ngõ ngách tăm tối của chốn ngục tù, len lỏi vào tâm hồn người cộng sản trẻ tuổi biến thành nỗi khát khao hành động: "*muốn đạp tan phòng*".

Bài thơ có 10 câu, câu mở đầu và câu kết thúc là tiếng kêu của con tu hú. Âm hưởng tiếng kêu xuyên suốt toàn bài, tiếng kêu liên hồi, khắc khoải và da diết. Tiếng kêu vang vào thế giới chật chội, tăm tối của nhà lao và tâm trạng nhà thơ trở nên bức bối, ngột ngạt, đến nỗi phải kêu lên:

Ngột làm sao chết uất thôi
Con chim tu hú ngoài trời cứ kêu.

Bài thơ đã khép lại, đã kết thúc rồi mà như còn giọng rền rĩ thở than của thi nhân! Đó là tâm trạng đau đớn, nói chẳng nên lời của một cánh chim non đang tràn trề sinh lực, càng khát khao bay lên lại càng bị kéo xuống giam hãm trong bốn bức tường!

Bài thơ cho ta hiểu thêm nét đẹp trong tâm hồn người cộng sản trẻ tuổi. Người chiến sĩ gang thép đó có một thế giới nội tâm rất mực phong phú, rung động mãnh liệt với nhịp đập của cuộc sống, gắn bó thiết tha với quê hương ruộng đồng, và một niềm khát khao tự do cháy bỏng

Bài thơ khép lại nhưng ta nghe tiếng tu hú "*cứ kêu*", kêu hoài, kêu mãi... đó là tiếng kêu của khát vọng tự do cho tác giả, tự do cho dân tộc, quê hương!

Bài của học sinh Huỳnh Mộng Liên,
PTCS Hai Bà Trưng, TP HCM

57. Đề: Phân tích bài thơ *Tức cảnh Pác Bó* của Bác Hồ.

BÀI THAM KHẢO

Thơ tứ tuyệt hình thức đã rất bé mà nội dung lại bé nốt thì nó còn gì? Nó sẽ lọt thỏm giữa bao nhiêu ngôn từ chữ nghĩa ầm ĩ khác. Bắt buộc nó phải bé hạt tiêu theo quy luật nghịch: hình thức càng bé, nội dung càng phải lớn. Nói như cách nói bây giờ, bằng số chữ ít nhất, nó phải đem đến khối lượng thông tin nhiều nhất.

Người làm thơ tứ tuyệt thường có tâm lí im đi hay viết ra, nói hay là không nói? – Thôi thì nói vài câu. Trong vài câu ấy phải gói ghém chất chứa bao nhiêu điều. Nếu người nói đã gói lại, mà người đọc lại không mở ra, thì còn gì là thơ tứ tuyệt.

Vì thế, tôi thử cố phân tích, cố mở ra một bài thơ con của Bác xem sao. Bài *Tức cảnh Pác Bó.*

Sáng ra bờ suối, tối vào hang.

Như phần lớn các bài thơ của Bác, bài thơ này mở đầu bằng nói đến cảnh vật. Tâm hồn Á Đông, Việt Nam của tác giả hòa hợp với thiên nhiên. Nhưng thiên nhiên cảnh vật ở đây khác với ở "*Non xa xa; nước xa xa*". Hay ở ..."*Tiếng suối trong như tiếng hát xa*".

Thiên nhiên ở "*Sáng ra bờ suối*" không phải là đối tượng thưởng thức. "*Sáng ra bờ suối*" tươi mát lắm. Nhưng chữ suối thế thôi, suối là một địa điểm thế thôi, chứ không suối mát, suối trong, suối hát, suối ca... gì cả. Bác vốn là người hay thưởng thức thiên nhiên kia mà! Bị trói vẫn thưởng thức: "*Mặc dù bị trói chân tay, chim ca rộn núi, hương bay ngát rừng*". Rét buốt gối quắp lưng còng vẫn thưởng thức: "*Nhòm song, Bắc đẩu đã nằm ngang*".

Nhưng không. Ở đây suối, hang chỉ là nơi làm việc và ẩn náu, sáng tối chỉ là thời khắc biểu (chứ không phải là bình minh, tịch dương tuyệt đẹp cho mắt nhìn) và vào ra cũng chỉ là hoạt động của một nhà cách mạng thời bí mật (chứ không phải lên xuống, lại qua của người du ngoạn, của thi nhân).

Cuộc sống thời bí mật đó hình như đã được khá ổn định trên một khoảng thời gian khá lâu, đủ để thành nếp, đều đặn, nhịp nhàng, cân đối...sáng ra, tối vào, vào hang, ra suối. Câu thơ vừa nói lên việc tổ chức cuộc sống khéo léo, vừa nói lên tâm hồn của con người đã sống nhịp nhàng hoà hợp trong khung cảnh ấy, tự tại ung dung.

Để thử lại bài toán, ta tạm sửa đi ít chữ, thay đổi cấu trúc câu thơ xem sao.

Nếu viết: *"Tối vào hang, tối ra bờ suối"*..., câu thơ sẽ sáng sủa quá, không hợp với tình hình lịch sử lúc ấy, nhởn nhơ quá, không hợp với tâm hồn tác giả lúc bấy giờ. Câu thơ sẽ mở về phía *"suối"*, phía cảnh đẹp thưởng thức, phía thi sĩ, hơn là khép lại phía *"hang"*, phía căn cứ hoạt động, phía nhà cách mạng. Nhưng ở Bác, con người thứ hai này mới là chính. Bác *"lai vô ảnh, khứ vô hình"*.

Tình hình lúc ấy nửa suối, nửa hang, đang vươn ra ánh sáng nhưng động là phải rút ngay vào bí mật, nhìn trên toàn bộ thì hang vẫn là chính, vì thế câu thơ vẫn khép lại bằng *"tối vào hang"*.

Nếu câu thơ lại viết: *"Sáng ra rừng rậm, tối vào hang"*... thì cũng không đúng nốt với tình hình lịch sử, với tâm hồn tác giả. Tình hình không bao giờ là đen tối với Bác cả. Ngay trong nhà tù thì Người vẫn *"Ngồi trên hố xí đợi ngày mai"*.

Và câu thơ như trên sẽ đánh mất suối, đánh mất cái phần *thơ*, bộ phận tổ thành quan trọng góp phần hoàn chỉnh tâm hồn vốn vĩ đại của tác giả.

Nếu lại viết: *"Sáng ra, tối vào, suối với hang"*... thì thật là xô bồ nói cho xong chuyện, không còn trật tự gì nữa. Hay đấy là một thứ trật tự lặp lại khá chán chường:

Cháo bẹ, rau măng vẫn sẵn sàng.

Câu trên nhìn toàn bộ, khái quát toàn đồ *"mở cửa thấy núi"* (khai kiến sơn) nên câu này cần nhiều chi tiết cụ thể. Nhưng cụ thể đến mấy thì cụ thể, trong câu thơ bảy chữ, Bác chỉ dùng có bốn chữ đầu để nói vẻn vẹn hai chi tiết cháo bẹ, rau măng, còn... ba chữ sau thì Người đã vội nói ý: *"vẫn sẵn sàng"*. Mà cuộc sống cụ thể của Bác hồi ấy có biết bao chi tiết gian khổ! Nhưng Bác đã bỏ qua. Nói hay là không nói? Ừ thôi thì nói. Nói một cách nhẹ nhàng! Gian khổ nhẹ tênh, gian khổ nhẹ nhàng, nhịp nhàng cả với cảnh sinh hoạt nhịp nhàng lúc đó: *"sớm tối"*, *"vào ra"*, *"suối hang"*, *"bẹ măng"*,*"rau cháo"*.

Những chi tiết gian khổ nhất, Bác đã bỏ qua. Còn chúng ta với tấm lòng nhớ ơn Bác, chúng ta không thể bỏ qua, không thể bỏ quên. Một bạn làm thơ đã liệt kê các chi tiết ấy:

(*Cuộc đời cách mạng thật là sang*)

"Bắt con ốc khe, chặt nõn chuối ngàn.
Một bát cơm ngô, giữa ngày bệnh yếu,
Bác chia cùng dân tộc buổi lầm than,
Cháo bẹ, rau măng, vây lùng bủa quét,
Cái nở sinh là một vết thương hồng".

Ba chữ *"vẫn sẵn sàng"*, có giải thích là rau cháo vẫn đầy đủ sẵn sàng. Có người lại giải thích khác đi, là *tinh thần vẫn sẵn sàng*, dù rau măng, cháo bẹ. Chưa biết ý nào đúng hơn. Câu thơ xê xích giữa hai nghĩa đó, trong cái cánh quạt, quãng cách mở ra giữa hai nghĩa đó. Nhưng bất cứ nghĩa nào, ở quãng nào giữa hai nghĩa đó, câu thơ vẫn nói lên tinh thần lạc quan của tác giả. Không có ba chữ này, làm sao chuyển được từ cảnh trên xuống ý câu ba:

"Bàn đá chông chênh, dịch sử Đảng"

Người đời Đường, đời Thanh (Trung Quốc) cho rằng tứ tuyệt khó nhất là ở câu ba. Đại đa số các bài thơ tứ tuyệt chuyển ở câu ấy, có khi kết ở câu ấy, biến hóa, đổi dời từ câu ấy.

Từ không khí thiên nhiên, suối hang, sớm tối, chuyển qua không khí hoạt động xã hội: Đảng, sử, dịch sử Đảng... Từ những chữ cái mềm mại, suối, măng, rau cháo chuyển qua bàn đá, chất đá rắn chắc. Từ những âm bằng êm đềm, chuyển qua những dấu trắc, nặng *(dịch)*, sắc *(đá)*, hỏi *(sử)* đanh thép rắn rỏi.

Chuyển nhưng rất là hồn nhiên, nhẹ nhàng, chả có gì là gãy đứt với bên trên. Trong khung cảnh hang suối ấy, người xưa san thi, dịch kinh (Kinh dịch chấm son mài)... Và ngày nay giờ Bác ngồi *"dịch sử Đảng"*. Nhưng khác nhau một vực một trời.

Tôi đã về Pác Bó. Không có tấm đá nào như bàn cả. Chỉ có tấm lòng vững như bàn thạch của người cách mạng đã nhìn đá ra bàn. Tình thế trong nước, trên thế giới lúc ấy khá *chông chênh*. Nhưng *chông chênh* gì thì *chông chênh*, dựa lên tình hình cách mạng, tấm lòng cách mạng lúc ấy, Bác vẫn tiến hành sáng tạo ra lịch sử. *"Dịch"* chỉ là một chữ khiêm tốn của Bác đấy thôi, Bác đâu chỉ có dịch. Bác đang viết sử Việt Nam, cả sử thế giới bằng thơ lục bát dân tộc. Và Bác đang tổ chức, lãnh đạo phong trào, sáng tạo nên lịch sử Việt Nam. Chữ "*dịch*" ngoài ra còn nói lên sự gắn bó với phong trào cách mạng quốc tế của Bác:

"*Cuộc đời cách mạng thật là sang*"

Một nhà thơ khác có thể kết thúc bằng một câu thơ tả tình, tả cảnh, chìm trong cảnh tình, nhập vào cảnh vật. Bác không thích làm văn nghệ, "*Ngâm thơ ta vốn không ham*", Bác làm thơ là để nói lên ý của mình, nói trắng ra ý của mình.

Nhưng câu thơ không khô khan như một ý thẳng dựng. Câu thơ vẫn tươi mát, nhẹ nhàng, vì trong ấy có một cái mỉm cười, một tí mỉm cười. Bác lạc quan, hay cười nhưng đôi lúc không khỏi cười chua chát. Như thời ở nhà ngục Quảng Tây bị ghẻ, Bác bảo là "*mặc áo gấm*", gãi ghẻ, Bác bảo "*tựa gảy đàn*".

Lần này thì không phải thế. Lần này là cái cười, hơi triết lí một chút, của một người đã từng chứng kiến tất cả những cái sang trọng, giàu có nhất trên đời, lẫn những cái cùng cực, đau khổ nhất trên đời. Và bây giờ với tấm lòng từng trải nên bao dung đó, đáng giá sự vật. Ông chủ báo *Người cùng khổ* cũng là người từng sống trong khách sạn vương giả nhất châu Âu. Cuộc đời cách mạng thật là sang như thế là so với tất cả cuộc đời khác mà Bác đã từng chứng kiến, hay từng sống.

Kỉ niệm ba năm ngày mất của Bác, chúng ta tìm hiểu tất cả những gì Người để lại. Lần này là một bài thơ. Một bài thơ mà hình như trên đường đi tiện tay Người hái bên đường, để lại bên đường, rồi tiếp tục đi. Vì với Bác, con đường, cái đích cuối con đường mới là cái chính.

CHẾ LAN VIÊN

1972

Trích lại từ Tổng tuyển tập phê bình văn học Hồ Chí Minh của Vũ Tiến Quỳnh năm 1991

ĐỀ SỐ 58. Phân tích bài thơ *"Ngắm trăng"* của Hồ Chí Minh.

BÀI THAM KHẢO

Trăng là nguồn cảm hứng muôn đời của thi nhân, trăng là người bạn tâm tình; trăng là đề tài của hội họa và âm nhạc. Trong thơ văn đông tây kim cổ, đã có biết bao bài thơ hay viết về trăng, để lại ấn tượng không phai mờ trong trái tim người đọc. Một trong những tác giả viết nhiều về trăng là Hồ Chí Minh. Suốt cuộc đời cách mạng gian truân và vẻ vang của Bác, Bác luôn coi trăng là tri âm, tri kỉ.

Bài thơ "*Ngắm trăng*" ra đời trong một hoàn cảnh đặc biệt: giữa chốn lao tù tăm tối của chế độ Tưởng Giới Thạch, thi sĩ – người tù tay bị xách, chân bị cùm, thân thể đọa đày nơi ngục lạnh mà lòng thanh thản thưởng thức vẻ đẹp của một đêm trăng sáng:

Ngục trung vô tửu diệc vô hoa
Đối thử lương tiêu nại nhược hà?
(Trong tù không rượu cũng không hoa

Cảnh đẹp đêm nay khó hững hờ).

Câu thơ mở đầu tả thực cảnh lao tù khắc nghiệt: "*Trong tù không rượu cũng không hoa*". Câu thơ thứ nhất là một câu thơ tả thực về hoàn cảnh nhà tù. Tuy không tả những bức tường giam lạnh lẽo và những bộ mặt của cai ngục, nhưng mà hai chữ "ngục trung" nghe mới chua xót làm sao! Trong tù làm gì có rượu và hoa là những thứ vốn để tạo thi hứng cho tâm hồn thi sĩ!? Xưa nay, uống rượu ngắm trăng, uống rượu thưởng hoa là chuyện thường tình. Nhưng ở đây, trong hoàn cảnh lao tù này, cái "*không rượu*" chồng lên cái "*không hoa*"... Hiện thực xám ngắt và lạnh lẽo phủ định tất cả. Vậy mà câu thơ thứ hai đã có một biến chuyển về tâm lí tác giả cũng như người đọc. Một biến chuyển thật bất ngờ: "*Cảnh đẹp đêm nay khó hững hờ*"! Thế mới là lạ: trong huyết mạch Bác, trong trái tim yêu đời bao la của Người cảm hứng vẫn dạt dào, nồng đượm khiến Người phải thốt lên: "*Cảnh đẹp đêm nay khó hững hờ*".

Tâm trạng này giúp người tù thoát khỏi cảnh trạng u ám của mình: tác giả quên hết mình là tù nhân khi đối diện với trăng. Tác giả nhìn trăng như nhìn một bạn thân, một khách cũ ghé nhà, và ái ngại tạ lỗi cùng trăng, phân trần cùng trăng: *"Xin lỗi nhé! Vì đang ở trong tù nên thiếu hoa, thiếu rượu mời bạn vàng của ta"*. Câu thơ thể hiện niềm xao xuyến, rạo rực của Bác trước đêm trăng đẹp. Ánh trăng thanh khiết vời vợi kia như thúc giục, như mời gọi thi nhân hãy ra giữa chốn tự do mà giao hòa, chia sẻ. Thế nhưng nghiệt nỗi hoàn cảnh trói buộc con người. Ở hai câu sau, tuy tác giả đang bị giam hãm, việc thưởng ngoạn chỉ thu gọn trong một cử chỉ âm thầm, lặng lẽ:

Nhân hướng song tiền khán minh nguyệt
Nguyệt tòng song khích khán thi gia.
(Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ,
Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ.)

Nhưng phong thái tác giả thật là ung dung khi tự nhận mình là "thi gia". Vâng! Tác giả không còn nhớ hoàn cảnh tối tăm của nhà tù, chỉ biết mình có trăng, trăng có mình, và hai người tri kỉ chiêm ngưỡng nhau, trân trọng và thân thiết, sẻ chia với nhau trong lặng thầm, trong yêu thương:

"*Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ,*
Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ"

Bác lặng lẽ, say mê ngắm ánh trăng sáng ngoài cửa sổ. Bốn bức tường giam chật hẹp không ngăn được cảm xúc mênh mông, Bác thả hồn theo ánh trăng và gửi gắm vào đó khát vọng tự do khôn cùng của mình. Thoảng đâu đây lời thì thầm tâm sự: "*Trăng ơi, trăng có hiểu cho lòng ta yêu trăng đến độ nào?*" Sự thổ lộ giãi bày chân thành tự trong sâu thẳm hồn người đã được trăng cảm động và chia sẻ. Ánh trăng lung linh bỗng chốc sống động, linh hoạt hẳn lên: "*Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ*". Trước sự hiện diện của trăng đẹp, cái hiện thực tối tăm u ám của nhà tù dường như bị xóa tan, nhường chỗ cho mối giao hòa thiêng liêng giữa nhà thơ tự do và thiên nhiên vĩnh cửu. Bác hướng cái nhìn vào ánh trăng sáng trong đêm lao ngục cũng như bao lần khác, trong hoàn cảnh sống gian nan, Người luôn hướng tới cái đẹp của cuộc đời. Suốt bài thơ, không có một âm thanh, một tiếng động nào dù là nhỏ. Sự im lặng tuyệt đối ấy tôn lên cái sâu thẳm của hồn người, hồn tạo vật. Người ngắm trăng, trăng ngắm người trong lặng lẽ. Không nói mà nói bao điều. Giữa bao bài thơ trăng, bài "*Ngắm trăng*" của Hồ Chí Minh mang vẻ đẹp giản dị mà khác lạ.

Đến đây, hẳn chúng ta không quên ở bài thơ *Không đề*, tác giả đã nói đến sự tự do vô biên của tâm hồn:

Thân thể tại ngục trung
Tinh thần tại ngục ngoại…
(Thân thể ở trong lao
Tinh thần ở ngoài lao)

Đó phải chăng là một tinh thần khoáng đạt của thi nhân, cũng là một tinh thần sắt thép của người chiến sĩ? Thế cho nên tác giả đã rút ra một bài học triết lí, một lời khuyên mình và khuyên người:

Dục thành đại sự nghiệp
Tinh thần cánh yếu đại
(" Muốn nên sự nghiệp lớn
Tinh thần càng phải cao")

Bài thơ *Ngắm trăng* và bài thơ *Không đề* có những nét đặc sắc riêng, nhưng cho ta một phong cách chung của tác giả: Hai bài thơ, một tâm hồn, một nghị lực hàm chứa tuyệt vời sâu sắc về đạo đức, phẩm giá và phong cách của một con người nổi bật trong lịch sử nước ta suốt thế kỉ XX và mãi mãi sau này!

Bài của giáo viên ***Nguyễn Phương Lan***
PTCS Hồng Bàng, TP HCM

59. Phân tích bài thơ *Đi đường* của Hồ Chí Minh.

"Ngâm thơ ta vốn không ham
Nhưng vì trong ngục, biết làm chi đây
Ngày dài ngâm ngợi cho khuây
Vừa ngâm vừa đợi đến ngày tự do"

Đó là tâm sự của một người tù đặc biệt: Hồ Chí Minh, người tù vì mang tội làm gián điệp khi đang bôn ba tìm đường giải phóng dân tộc và đánh đuổi thực dân Pháp xâm lược. Với mục đích đơn sơ là ghi lại những sự việc, cảm xúc trong mười bốn tháng bị giam cầm, bài thơ "Đi đường" dịch từ bản gốc là "Tẩu lộ" thực sự là một bài thơ nhật kí chân thành và sâu sắc.

"Tẩu lộ tài tri tẩu lộ nan
Trùng san chi ngoại hựu trùng san
Trùng san đăng đáo cao phong hậu
Vạn lí dư đồ cố miện gian".

Bản dịch:

Đi đường mới biết gian lao
Núi cao rồi lại núi cao trập trùng
Núi cao lên đến tận cùng
Thu vào tầm mắt muôn trùng nước non".

Nếu ai không biết hoàn cảnh ra đời của bài thơ này, có lẽ nghĩ rằng đây là lời thơ của một khách nhàn du thưởng ngoạn danh lam thắng cảnh! Có ngờ đâu chuyện "đi đường" của tác giả không phải là chuyện trèo núi ngao du, mà là

chuyện đi đường của một tù nhân: đi trong cột trói, đi trong nỗi đọa đày về tinh thần lẫn thể chất. Tác giả đã nói về điều này ở bài "Trên đường đi":

"Mặc dù bị trói chân tay
Chim ca rộn núi hương bay ngát rừng"
Hay là: *"Năm mươi ba cây số một ngày,*
Áo mũ dầm mưa rách hết giày"
....hay là: *"Hôm nay xiềng xích thay dây trói*
Mỗi bước leng keng tiếng ngọc rung"....

Có mường tượng ra cảnh đi đường như thế, ta mới thấu hiểu hai chữ "gian lao" trong câu thơ "đi đường mới biết gian lao" của tác giả.

Nếu một người phải lặn lội đường xa với *"núi cao rồi lại núi cao trập trùng"* mà được thong dong ăn uống, nghỉ ngơi, đã thấy rã rời chân tay vì đường xa, không có xe cộ. Vậy mà trong hoàn cảnh ăn uống thiếu thốn của tù nhân, lại đeo thêm xích xiềng, đi trong mưa gió, lại không được tự do ngơi nghỉ, thì có phải là một thử thách lớn lao vô cùng? Vậy mà ở đây, lời thơ không mang nỗi oán than, mà chỉ như là một sự khám phá, một sự chiêm nghiệm về cuộc sống:

"Đi đường mới biết gian lao", qua đó ta cảm nhận được bản lĩnh và nghị lực của một nhà thơ chiến sĩ.. Ở câu hai, tác giả tả cảnh núi non hiểm trở, cũng không hề tá nỗi nhọc nhằn vì xiềng xích của mình. Câu thơ là một cách độc thoại nội tâm, một sự suy ngẫm về lẽ đời và sự ghi chép khi đã tìm ra được một chân lí thú vị trong lúc phải chịu đựng những cảnh đoạ đày phi lí, phi nhân. Dân gian Việt Nam từng mượn chuyện đi đường để khuyến khích, động viên con cháu: *"đi một ngày đàng, học một sàng khôn"* Ở câu hai này, phép dùng điệp ngữ *"trùng san" và hư từ "hựu"* được dịch ra là: *"núi cao rồi lại núi cao trập trùng"* thật là một gợi tả mang tính tượng trưng về con đường đời của mỗi con người, hay con đường cách mạng của dân tộc Việt Nam, vừa là cảnh tả thực con đường Bác phải trải qua. Theo một người là Đặng Văn Cáp nghiên cứu về địa lí kể lại thì đường đi của Bác *"từ ngục Tĩnh Tây đi Thiên Bảo dài hơn hai mươi cây số, toàn núi cao hiểm trở" (Hồ Chí Minh thơ toàn tập,* NXB VN, TP HCM. trang 57).

Qua hai câu sau, tứ thơ biến chuyển bất ngờ:

"Trùng san đăng cáo cao phong hậu
Vạn lí dư đồ cố miện gian".

Bản dịch thơ của Nam Trân là:

"Núi cao lên đến tận cùng
Thu vào tầm mắt muôn trùng nước non".

Tuy là bản dịch hay nhất, nhưng dịch giả vẫn không diễn tả được cái ý cảm động của tác giả trong ba từ "*cố miện gian*". Cả câu bốn diễn tả tư thế của một người tha hương, lên đứng tận đỉnh núi cao chót vót, quay đầu lại nhìn non sông cố quốc với tấm lòng lưu luyến, trĩu nặng nhớ thương.

Đến đây, chúng ta hãy thử đọc bài *Lên lầu Quan tước* của Vương Chi Hoán đời Đường:

Mặt trời đã khuất non cao
Sông Hoàng cuồn cuộn chảy vào bể khơi
Muốn xem nghìn dặm xa xôi
Hãy lên tầng nữa trông vời nước non

(bản dịch của Trần Trọng San)

ABC

Cũng là hai thi nhân *"Đăng cao"*, nhưng một người đi mãi mới đến đỉnh núi cao ngất. Một người chỉ cần bước lên một tầng lầu. Người thì bôn ba khắp bốn phương trời để phấn đấu. Một người nhàn du, sống nơi u nhã để thưởng lãm sơn thủy.

Dù sao chúng ta hãy trở lại tâm tư của nhà thơ chiến sĩ. Đó là một hình ảnh và tâm sự của một con người *"Đêm mơ nước, ngày thấy hình của nước"*, một ngòi bút mang tính nhân văn với những khao khát tự do cho dân tộc và quê hương Việt Nam. Một nỗi khao khát mà suốt đời Người đã thực hiện.

Bài của học sinh ***Nguyễn thị Bích Khê.***
Trường Hai Bà Trưng, TP HCM 2008-2009

60. Phân tích tác phẩm *Hịch tướng sĩ*

Trước cuộc xâm lược của quân Nguyên Mông lần thứ hai (1285), tình hình bang giao giữa nhà Nguyên và nước ta rất căng thẳng. Từ năm 1281, chúng đã ép Trần Di Ái làm vua, chuẩn bị đưa về nước làm bù nhìn cho chúng. Bọn sứ giả trịch thượng, nghênh ngang, yêu sách đủ điều. Thời kì hoãn binh không kéo dài được nữa. Hội nghị Bình Than đã họp từ lâu (1282). Nay phải chuẩn bị gấp rút hơn. Trần Quốc Tuấn thấy tình hình tướng lĩnh chưa được sẵn sàng, soạn ra cuốn *Binh gia diệu lí yếu lược* thường được gọi là *Binh thư yếu lược* và làm bài hịch này để khuyên răn các tướng nhận rõ tình hình bấy giờ, ra sức học tập binh thư, rèn luyện võ nghệ, chuẩn bị chống giặc. Bài hịch, do đó, coi như là một bài mở đầu cho việc phổ biến cuốn sách kia. Không thấy tư liệu nào chép thời điểm sáng tác bài văn, nhưng căn cứ vào nội dung, thì phải trước năm 1285.

Hịch là một thể văn kêu gọi chiến đấu. Nó không theo công thức nào. Nó là một bài chính luận, thường dùng văn xuôi, có khi dùng văn biền ngẫu. Để kêu gọi thành công, nó phải nêu được lí lẽ xác đáng nhưng chủ yếu nhằm chinh phục tình cảm. Bài hịch hay thường đậm tính trữ tình. Văn học của ta cũng không nhiều bài hịch. Vì vậy không nên nhấn mạnh hịch như một thể loại hoàn toàn riêng biệt.

Kết cấu bài hịch sáng rõ. Mục đích là thức tỉnh. Muốn thức tỉnh trước hết phải nêu gương. Sau đó vạch tình hình: hiện trạng nước nhà, hiện trạng chủ soái, hiện trạng tì tướng, phê phán và động viên. Cuối cùng là đòi hỏi thức tỉnh.

Mở đầu tác giả nêu một loạt gương trung thần nghĩa sĩ. Chuyện xưa rồi chuyện nay, chuyện xa rồi chuyện gần, chuyện sử sách khó tin đến chuyện mới xảy ra chưa bao lâu còn truyền ở cửa miệng. Đúng là trung thần nghĩa sĩ xưa nay vô số, không sao kể hết. Và là trung thần nghĩa sĩ thì phải dám xả thân như vậy. Huống chi tình hình hiện nay hiểm nghèo biết mấy! Tình hình đất nước, tình hình tướng lĩnh, quân đội, bao nhiêu điều đáng lo. Đất nước đâu phải buổi thanh bình. "Ta cùng các ngươi sinh ra phải thời loạn lạc, lớn lên gặp buổi gian nan". Sự tình trong câu nói đâu phải là cường điệu, đó là sự thật. Sự thật ấy là nỗi đau xót chung của đất nước, của ta cùng các ngươi.

Tình hình đã chung thì xúc cảm ắt phải chung. Đây là điều nung nấu trong tâm trạng chủ soái: "Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối, ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa, chỉ căm tức rằng chưa xả thịt lột da, nuốt gan uống máu quân thù, dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa, ta cũng vui lòng". Kêu gọi đó chăng? Không. Đó là cởi mở tâm tình sâu kín nhất nồng đượm nhất với kẻ mình hoàn toàn tin cậy, với kẻ mình có thể phơi bày ruột gan được. Cũng bắt đầu bằng "ta" và lấy "ta" làm chủ thể. Chủ thể "ta" ấy là một vị tướng soái phụ tử, nó có sức cảm hóa. Lan truyền mầu nhiệm như ánh mặt trời

làm tươi tốt cỏ cây. Thương mình vì mình thì không cần thiết, nhưng thương mình mà giúp mình cởi bỏ được nỗi đau ấy, nghĩa là chia sẻ với mình mối căm thù ấy rồi cùng mình chuẩn bị tốt để tiêu diệt được quân giặc thì hay biết chừng nào! Quan trọng hơn cả là lặp lại và nhấn mạnh ba lần cùng ta cùng nhau: cùng ta coi giữ binh quyền, lúc trận mạc cùng nhau sống chết, lúc ở nhà cùng nhau vui cười. Tuy cách biệt chức vị, tuy quan hệ chủ tớ, nhưng là cùng nhau lãnh trách nhiệm chung, cùng nhau làm nhiệm vụ chiến đấu, sống chết đều cùng nhau. Đã có thể nói có chút dân chủ gì trong cách đối đãi đó chăng? Chắc chắn tình cảm thắm thiết ấy là biểu hiện tốt đẹp của tinh thần *"phụ tử chi binh"*.

Thế mà nhìn lại hàng ngũ tướng tá của mình thì thế nào? Té ra các ngươi không hề nhục; các ngươi chỉ lo vui chơi; giặc đến thì ta và các ngươi đều bị bắt, ta và các ngươi đều mất tất cả: vậy bấy giờ có vui chơi được không? Cho nên các ngươi hãy nghe lời ta biết lo trước, huấn luyện quân sĩ, giết được giặc rửa được thù, bấy giờ không muốn vui chơi có được không? Lập luận của chủ soái chỉ có thế. Lí lẽ cũng bấy nhiêu. Nói mất thì cũng chỉ nói đến cái mất những lợi ích thiết thân: thái ấp, bổng lộc, gia quyến. Nói được thì cũng chỉ những lợi ích thiết thân ấy: thái ấp vững bền, bổng lộc đời đời, gia quyến ấm êm. Chẳng quốc gia dân tộc, độc lập tự chủ, nòi giống tiên rồng gì cả. Có kẻ cho đó là một hạn chế. Lí ra phải đặt vấn đề nghĩa vụ của người dân, người tướng mới phải. Vậy mà xét ra nói lợi ích thiết thân lại là lịch sử nhất, thích hợp nhất. Nó là một bước đi sâu thêm vào nội dung dân tộc. Chủ quyền thiêng liêng của dân tộc không dừng ở lãnh thổ, nó còn bao hàm quyền sinh sống của nhân dân. Con người còn có nguồn sống: ruộng đất, bổng lộc, gia quyến, mồ mả, tổ tiên..., nói cách khác, còn có đời sống vật chất và đời sống tinh thần, ngoài miếng ăn còn có tình cảm, có văn hóa phong tục, có trước mắt và có mai sau, có trách nhiệm đối với hiện tại và đối với lịch sử muôn đời. Đúng là lấy cá nhân làm chủ thể, nhưng lợi ích cá nhân ấy gắn liền với trách nhiệm cực kì trọng đại là trách nhiệm đối với sự mất còn của nước nhà, của chế độ.

Bao trùm hơn cả là nhân chuyện tướng lĩnh ham vui chơi lấy việc vui chơi mà nói. Nghe như có giọng hài hước nhưng tình thì rất thực, rất nghiêm trang. Chủ soái chỉ đem những thú vui chơi tầm thường đối chiếu với sức mạnh quân địch, vạch ra cái bất lực của các trò say mê trước sức mạnh ấy, cho họ thấy rõ mà thấm thía, nghĩ suy. Chủ soái chỉ đánh giá các thú say mê ấy bằng tiêu chuẩn của người làm tướng, có trách nhiệm cầm quân chống giặc, chứ đâu có cấm không được say mê. Vì thế có phê phán, có nêu cười, nhưng hết sức bao dung và hiểu biết.

Mục đích bài hịch là thức tỉnh. Bởi người nghe như đang ngủ mê. Đang ngủ mê mà lay dậy chắc không phải lay một lần. Lời văn trở đi trở lại, trùng điệp, chồng chất, tầng tầng lớp lớp là vì vậy.

Có hai đoạn ngắn thì như hai tầng lập luận chồng lên nhau, cái sau ngược hẳn với cái trước. Trước là chỉ biết vui chơi, giặc đến sẽ mất hết, muốn vui chơi cũng không được. Sau là chăm lo việc binh, giặc đến đánh thắng, muốn không vui chơi cũng không được. Ấy là cái mất cái được đối lập với nhau, lấy cái mở đầu "Nay các ngươi" và *"Nay ta bảo thật các ngươi"* làm cái so sánh, lấy luôn câu kết luận *"Dẫu các ngươi muốn vui chơi phỏng có được không?"* và *"Dẫu các ngươi không muốn vui chơi phỏng có được không?"* dẫn làm câu thuyết phục cuối cùng. Cái kết luận ấy, như trên đã nói, đâu có lí luận gì cao xa, mà chỉ là những điều thường tình nhưng được trình bày dưới dạng nghi vấn, xoáy vào

lòng người, buộc người phải tự trả lời, thì sức thuyết phục đối với lí trí không nhiều nhưng đối với trái tim thì sâu đậm.

Lời văn ở hai đoạn đâu phải là lời quở trách, càng không có giọng điệu sỉ nhục. Đó là lời nhỏ to, hơn thiệt, có lúc như đặt mình vào họ mà nghĩ suy, cân nhắc giùm; khiến cho lời khuyên răn càng đượm lòng bao dung, nồng hậu. Người nghe không thấy mình bị vùi dập mà thấy mình vẫn được tín nhiệm, mình sẽ thức tỉnh, mình sẽ giỏi giang. Tuy nhiên, thân mật không có nghĩa là xa rời nguyên tắc, bỏ qua trách nhiệm. Cho nên, sau khi phân tích, động viên, chủ soái nêu ra mục đích cụ thể, trực tiếp của bài hịch và đặt thành một thế lưỡng nan hoặc là bạn, hoặc là thù, hai cái phải chọn một, không có cái thứ ba: *"Nếu biết chuyên tập sách này theo lời ta dạy bảo thì trọn đời là tôi chủ, nhược bằng khinh bỏ sách này, trái lời ta dạy thì trọn đời là nghịch thù"*.

Nhắc lại lần cuối câu để thẹn, và chấm dứt bằng một câu tỏ rõ tấm lòng của chủ soái: *"ta viết ra hịch này để các ngươi biết bụng ta"* – lời văn không mất giọng tâm tình nhưng đã nghe như ra lệnh. Người nghe vì tình, không thể không cảm thông, vì lí, không thể không bị thuyết phục.

Trong lịch sử văn học dân tộc không có nhiều bài hịch. Các bài khác, từ Hịch đánh Trịnh của Tây Sơn đến Hịch đánh Tây của nhân dân Nam Kì, của văn thân Bắc Kì, Hịch đánh chuột của Nguyễn Đình Chiểu, nội dung phần nhiều dùng lí lẽ, giọng điệu lí trí là chính. Không như bài hịch này, trước sau đều dùng thủ thuật của thuyết pháp, lí lẽ không cao xa mà gần gũi, không trừu tượng mà cụ thể, lấy người lấy việc mà nêu gương quy phục thay lời giảng giải, thuyết lí... nhưng tất cả đều thấm đượm ân tình, đạo nghĩa của chủ soái theo tinh thần phụ tử chi binh. Bài hịch có những hạn chế nhất định, nhưng chính tấm lòng yêu nước nồng nàn của chủ soái, nỗi lo toan đầy thương yêu cho tướng lĩnh, sự quyết tâm đòi hỏi đầy tin cậy đối với họ, đã tạo nên một sức lay động sâu xa, mãnh liệt, và khi được truyền ra rộng rãi, đã làm cho toàn quân nức lòng hăng hái giết giặc.

Lược ghi bài giảng của Giáo sư Lê Trí Viễn

60B. Đề: Chứng minh đoạn trích "Nước Đại Việt ta…" có ý nghĩa như tuyên ngôn độc lập.

DÀN BÀI

I. Mở bài

II. Chứng minh: "Nước Đại Việt ta là một tuyên ngôn độc lập"

* Dẫn chứng 1: tác giả tuyên bố Đại Việt độc lập về văn hiến

"Nước Đại Việt ta từ trước
Vốn xưng nền văn hiến đã lâu".

*Dẫn chứng 2: tác giả tuyên bố ranh giới địa lí của Đại Việt

*Dẫn chứng 3: tác giả tuyên bố Đại Việt có phong tục riêng

"Phong tục Bắc Nam cũng khác"

*Dẫn chứng 4: tác giả tuyên bố Đại Việt có lịch sử riêng.

"Từ Triệu Đinh Lý Trần bao đời gây nền độc lập cùng Hán Đường Tống Nguyên mỗi bên hùng cứ một phương. Tuy mạnh yếu từng lúc khác nhau song hào kiệt đời nào cũng có".

III. Kết bài

* Văn bản nước Đại Việt ta thực sự là một tuyên ngôn độc lập hào hùng, lí luận sắc bén, có sức thuyết phục.

* Nguyễn Trãi không những là một nhà văn có tài, mà còn là vị tướng có công – Đã sống cao thượng, chết oan khuất trong thế kỉ XV. Xin thắp lên nén nhang tưởng nhớ Người.

60C. Đề: So sánh "Nam quốc sơn hà" và "Nước Đại Việt ta" để thấy sự phát triển của ý thức độc lập dân tộc.

DÀN BÀI

I. Mở bài

II. Thân bài

Câu 1, 2 của *Nam quốc sơn hà*

"Sông núi nước vua Nam ở
Rành rành định phận bởi sách trời".

Diễn tả ý thức độc lập, khẳng định chủ quyền của người nước Nam được trời định sẵn.

Đến bài Nước Đại Việt ta thì ý thức độc lập đã phát triển bằng sự thể hiện lòng tự hào về một nền văn hiến "Vốn xưng nền văn hiến đã lâu".

Hơn nữa, dân tộc ta độc lập về lịch sử: tự hào rằng có lịch sử riêng, triều đình riêng:

"Từ Triệu Đinh Lý Trần bao đời gây nền độc lập cùng Hán Đường Tống Nguyên mỗi bên hùng cứ một phương. Tuy mạnh yếu từng lúc khác nhau. Song hào kiệt đời nào cũng có".

Thể hiện quyết tâm bảo vệ độc lập dân tộc bằng câu hỏi "cớ sao" (câu 3)

Và bằng thay đổi khẳng định thay đổi chiến đấu:

"Chúng bay sẽ bị đánh tơi bời"

⇨ so sánh với đoạn trích *Nước Đại Việt ta* thì sáu trăm năm sau, ý thức bảo vệ nền độc lập dân tộc đã được nâng lên và phát triển bằng niềm tự hào về một dân tộc anh hùng, bất khuất:

"Hào kiệt đời nào cũng có".

Tác phẩm *Nước Đại Việt ta* còn thể hiện ý thức độc lập dân tộc bằng sự tự hào về chiến công lịch sử trong những năm tháng chống giặc xâm lược:

Lưu cung tham công nên thất bại
Triệu tiết thích lớn phải tiêu vong
Cửa Hàm Tử bắt sống Toa Đô
Sông Bạch Đằng giết tươi Ô Mã"

III. Kết bài

1. Ý thức độc lập dân tộc rất quý báu, vẫn tồn tại, phát triển từ xưa đến nay.
2. Phát biểu cảm nghĩ về hai tác phẩm trên.

61. Một số tác phẩm văn học từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám năm 1945 đã phản ánh được nỗi khổ đau của những kiếp lầm than. Dựa vào những tác phẩm đã học và đọc thêm trong giai đoạn văn học này, em hãy làm rõ điều đó.

Bài tham khảo

"Sưu cao thuế nặng", "một cổ đôi tròng" là những nguyên nhân đã dẫn đến muôn vàn cảnh thương tâm cho nhân ta. Cho nên có ý kiến đã cho rằng: "*Một số tác phẩm văn học từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám năm 1945 đã phản ánh được nỗi khổ đau của những kiếp lầm than*". Thực vậy, có một số nhà văn đã gần gũi với nhân dân, thấu hiểu nỗi khổ của nhân dân nên đã phản ánh

được những nỗi khổ đau của nhiều số phận khác nhau trong những tác phẩm giai đoạn từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Tác giả đầu tiên mà chúng ta không thể quên là Ngô Tất Tố với truyện *Tắt đèn*. Chế độ phong kiến với bọn địa chủ cường hào áp bức bóc lột nông dân đã là nguyên nhân gây bao nỗi thống khổ của người dân thấp cổ bé miệng. Khi thực dân Pháp ổn định xong chế độ bảo hộ, thì nhân dân ta lại rơi vào cảnh một cổ hai tròng. Thực vậy, chỉ vì suất sưu, thứ thuế đánh vào đầu người mà cả gia đình chị Dậu tan nát. Anh Dậu ốm sắp chết vẫn bị đánh đập tàn nhẫn, đứa con mới bảy tuổi đã bị bán đi, thân phận con người không bằng một con chó, chị Dậu phải bỏ con nhỏ đang khát sữa để đi ở cho nhà giàu. Bọn tay sai đến nhà chị Dậu bất cứ lúc nào. Lần trước, hai tên cai lệ và người nhà lí trưởng đã xông đến quát tháo, đấm đá rồi trói anh Dậu giải ra đình, giữa lúc anh đang ốm nặng... Lần này, tai họa xảy đến quá đột ngột. Chị vừa mới *rón rén* bưng bát cháo đến cho chồng và đang lặng lẽ hồi hộp *chờ xem chồng chị ăn có ngon miệng hay không,* còn anh Dậu thì vừa mới *run rẩy cầm bát cháo* chưa kịp húp, hai tên tay sai đã sầm sập tiến vào, trong tay đầy những roi song, tay thước và dây thừng. Chúng là hiện thân của tai họa, hiện thân của sự khủng bố, đàn áp trong cái trật tự xã hội tàn bạo. Mở miệng, hắn chỉ *thét, quát, hầm hè,* tức là "ngôn ngữ" của loài thú dữ chứ đâu phải tiếng nói của con người! Và hắn cũng có nghe gì người khác nói đâu, nên mới không cho lọt vào tai bất cứ một lời nào của chị Dậu. Cuối cùng, khi chị Dậu hoảng sự quá, van xin hắn *"Cháu van ông, nhà cháu vừa mới tỉnh được một lúc, ông tha cho!"* thì hắn đã đáp lại bằng ngôn ngữ riêng của hắn, tàn ác và đểu giả: *"Tha này! Tha này! Vừa nói hắn vừa bịch luôn vào ngực chị Dậu mấy bịch rồi lại sấn đến để trói anh Dậu"*.

Thật là một tính cách tàn bạo bất nhân. Trong *Tắt đèn*, tuyến nhân vật phản diện khá đông. Các loại người thống trị ở nông thôn hiện ra gần đủ mặt. Trước hết là vợ chồng lão địa chủ trọc phú keo kiệt độc ác mà Nguyễn Tuân gọi là "*sinh vật Nghị Quế Chồng*" và "*sinh vật Nghị Quế Vợ*". Kế đó là một lũ lí dịch làng Đông Xá với đủ cả lí trưởng, phó lí, chánh hội, lí cựu... hống hách, thô lỗ, tham ăn, tục uống, nốc rượu và cãi chửi nhau về ăn chia tiền thuế lạm thu rồi nôn thốc nôn tháo ở đình làng..., còn các quan phụ mẫu như: quan phủ Tư Ân có *bộ râu mới lạ làm sao và cái mặt phèn phẹt như sắp sửa rơi xuống sân đình đánh huỵch,* quan trên công đường và quan trong tư thất, quan ông và quan bà, lại còn cả quan cụ *dê già* trên tỉnh và *quan cố*, bố quan cụ, uống sữa người cho bổ... Trong cái đám đông ấy, cai lệ chỉ là một nhân vật "chạy cờ", một gã tay sai mạt hạng, vô danh. Nhưng bộ mặt hung dữ, đểu cáng của hắn vẫn có một giá trị tiêu biểu cho cái tàn ác của chế độ tàn bạo ấy.

Bên cạnh hình ảnh điển hình của chị Dậu, hình ảnh cái Tí ăn cơm thừa của chó cũng là ấn tượng không phai trong lòng người đọc. Cái Tí vừa là nạn nhân của sưu thuế, vừa bị bà Nghị chà đạp lên nhân phẩm, chà đạp lên quyền trẻ em của một đứa bé mới bảy tuổi đầu!

Đắng cay chồng thêm cay đắng, bao lần vì bảo vệ chồng hay vì giữ gìn phẩm hạnh mà chị phải lâm vào cảnh nguy nan, *như một bầu trời "tối như mực, tối như cái tiền đồ của chị"*.

Hai cảnh đời trong truyện ngắn *Lão Hạc* của Nam Cao là hai kiếp sống cơ cực của những người nông dân nghèo, không ruộng đất. Con trai lão Hạc là nạn nhân của hủ tục thách cưới nặng nề. Khi người yêu đã đi lấy chồng giàu có, anh ta sinh phẫn chí, ra tỉnh đến sở mộ phu, kí giấy đi làm đồn điền cao su,

chấp nhận cuộc đời tha hương cầu thực. Từ nạn nhân của nghèo đói và hủ tục, con trai lão Hạc trở thành nạn nhân của thực dân Pháp trong các đồn điền cao su. Anh ra đi, để lại người cha côi cút, nghèo nàn và héo hon vì nhớ thương con, lão Hạc chỉ còn cách chọn cái chết mới giữ được cho con một mảnh vườn nhỏ. Còn lão Hạc thì tự chọn con đường âm thầm mà đớn đau nhất đó là ăn bả chó để từ giã cõi đời trong sự hi sinh lương thiện: *"Lão vật vã trên giường, đầu tóc rũ rượi, quần áo xộc xệch, hai mắt long sòng sọc. Lão tru tréo, bọt mép sùi ra. Khắp người chốc chốc lại bị giật mạnh một cái, nảy lên....Lão vật vã đến hai giờ đồng hồ mới chết"!*

Nói đến cảnh đời lầm than trước Cách mạng tháng Tám, ta làm sao quên được hình ảnh mẹ Nuôi mà của cải tiền bạc của chị đã bị trộm vét sạch! Thế mà *khốn nạn* thay cho chị, để được vào cửa quan, chị đã *mất toi hai hào cho thằng xỏ lá* là cậu lệ khi vào cửa. Đến lúc gặp quan vội vàng, lóng cóng lo quan gắt nên năm *đồng hào xổ ra, loẻng xoẻng rơi tiệt cả xuống gạch*. Cảnh nhặt tiền rơi của mẹ Nuôi thật thương tâm! Tiền của chị đánh rơi ngay trong nhà quan, chỉ có chị và quan, chị lại tìm để biếu quan thế mà lạ thay và như cách nói của Nguyễn Công Hoan khốn nạn thay cho mẹ Nuôi, cái *đồng hào đôi* cuối cùng ấy đã *biến đi đâu chóng thế được!*

Nhà văn đi sâu vào tâm trạng nhân vật để ta cảm thông với tình cảnh khốn khổ đáng thương của mẹ Nuôi và qua đó tố cáo hai bộ mặt của một "quan lớn". Bề ngoài là một quan lớn im lặng dửng dưng trước sự lúng túng của mẹ Nuôi, bên trong, quan đang đợi lúc *mẹ Nuôi đi khuất mới dịch chiếc giầy ra một tí... nhặt đồng hào đôi sáng loáng, thổi những hạt cát nhỏ ở đế giầy bám vào, rồi bỏ tọt vào túi*. Đó là bộ mặt của tên trộm mang danh một ông quan lớn! Thương thay mẹ Nuôi, người dân khốn khổ, nạn nhân của một đám trộm từ hợp pháp đến bất hợp pháp.

Còn nhiều nữa những kiếp lầm than, những đứa trẻ con của những bà mẹ khốn cùng. Thằng Cúc, Thằng Xuân, con Tí, con Túc trong *Gió lạnh đầu mùa, vẫn những bộ quần áo nâu bạc đã rách vá nhiều chỗ và qua những chỗ áo rách da thịt thâm đi, mỗi cơn gió đến chúng nó lại run lên, hai hàm răng đập vào nhau. Cái Hiên rất nghèo, chỉ có nghề đi mò cua, bắt ốc*. Những đứa trẻ như bé Hồng đã so sánh hình ảnh của mẹ mình *như một dòng nước trong suốt chảy dưới bóng râm đã hiện ra trước con mắt gần rạn nứt của người khách bộ hành ngã gục giữa sa mạc!* Nỗi khắc khoải chờ mong mẹ của chú bé thật tha thiết. Nỗi khổ tâm của chú bé Hồng còn sâu hơn nữa, chú bé luôn bị giày vò vì mẹ đi xa, phải sống nhờ họ hàng, tủi cực, bị hắt hủi, luôn luôn khát khao một chút hơi ấm tình mẹ mà không được. (*Những ngày thơ ấu* của Nguyên Hồng)

Qua những tác phẩm tiêu biểu trên, ta thấy tấm lòng và tài năng của tác giả đã phản ánh nỗi khổ đau của những kiếp sống lầm than trong xã hội nước ta trước Cách mạng tháng Tám. Đọc những tác phẩm đó, chúng ta thấy xúc động sâu sắc. Bao con người, bấy nhiêu số phận cứ hiện ra trước mắt và in đậm trong tâm những xót xa, ngậm ngùi. Nhìn ra xã hội hiện tại, ta vừa vui mừng vì đất nước thoát cảnh đói nghèo lầm than, vừa tiếc cho những thanh niên không biết hưởng tự do hạnh phúc, để xây dựng tương lai, mà họ đang sa vào cảnh ăn chơi trụy lạc, gây bao tội lỗi trên đời.

PHẦN IV: VĂN CHỨNG MINH

I. LÍ THUYẾT VỀ LẬP LUẬN CHỨNG MINH

Văn chứng minh là kiểu bài sử dụng hàng loạt các dẫn chứng có định hướng để khẳng định, để làm sáng tỏ vấn đề đó là đúng, là chân lí để thuyết phục người đọc, người nghe.

Ví dụ 1:

Lấy dẫn chứng về lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc ta để chứng minh rằng nhân dân ta rất anh hùng.

- Vấn đề phải chứng minh là: nhân dân ta rất anh hùng.
- Nguồn dẫn chứng: lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc ta. Không phải một, hai dẫn chứng mà là hàng loạt dẫn chứng có định hướng.

Ví dụ 2:

Chứng minh rằng thơ văn bồi đắp tâm hồn ta.

- Vấn đề phải chứng minh: thơ văn bồi đắp tâm hồn ta.
- Nguồn dẫn chứng khá rộng, có thể lấy từ: văn học dân gian, văn học trung đại, văn học Việt Nam 1945 - 1975, thơ văn nước ngoài.
- Cần tránh miên man, thiếu chọn lọc dẫn chứng.

Cần tránh phiến diện. Thiếu dẫn chứng văn học nước ngoài.

Cần chốt lại là *văn học chân chính, văn học đích thực mới bồi đắp tâm hồn ta.*

"Trong văn chương, chứng minh một vấn đề là phải trình bày dẫn chứng chính xác, cụ thể để làm cho người ta tin tưởng vấn đề ấy đúng.

Bài văn chứng minh ấy được gọi là bài: nghị luận chứng minh". Các dẫn chứng trong nghị luận chứng minh thường là các số liệu, sự kiện, nhân vật, danh ngôn hoặc thơ văn,... tất cả cần phải tiêu biểu, cụ thể, chính xác và phù hợp với vấn đề cần chứng minh.

II. HƯỚNG DẪN CÁC BƯỚC THỰC HÀNH

Bước thứ nhất: Nhận dạng đề

Đề nghị luận chứng minh thường được trình bày bằng nhiều dạng, các em học sinh cần nhận đúng dạng, nghĩa là xác định đúng thể loại.

Thông thường, một đề nghị luận thường gồm có hai phần:

1. ***Nêu vấn đề cần bàn bạc giải quyết***

   Thí dụ: Tục ngữ Việt Nam có câu: "*Lá lành đùm lá rách*".

2. ***Yêu cầu giải quyết vấn đề:***

   Theo một trong những thể loại như:

   - **Chứng minh**
   - **Phân tích**
   - **Bình luận**
   - **Phát biểu cảm nghĩ.**
   - **v...v...**

Thí dụ: "Em hãy chứng minh câu tục ngữ trên."

Đặc biệt, phần yêu cầu giải quyết vấn đề theo thể "chứng minh" có nhiều cách nói khác nhau.

- Cách A: "em hãy chứng minh "
- Cách B: "bằng các dẫn chứng em hãy làm sáng tỏ..."
- Cách C: "em hãy lấy hoặc tìm dẫn chứng minh hoạ vấn đề trên".

Thí dụ A: Ca dao Việt Nam có câu:

"Công cha như núi Thái Sơn.
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra..."

Em hãy chứng minh hai câu ca dao trên để hiểu rõ công ơn sâu nặng của mẹ cha.

Thí dụ B: Ca dao Việt Nam có câu:

"Công cha như núi Thái Sơn.
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra."

Dựa vào thực tế em hãy tìm các dẫn chứng để tìm ra sáng tỏ hai câu ca dao trên.

Thí dụ C: Ca dao Việt Nam có câu:

"Công cha như núi Thái Sơn.
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra."

Bằng các dẫn chứng em hãy làm sáng tỏ hai câu ca dao trên và cho biết cảm nghĩ của mình về công cha nghĩa mẹ.

Căn cứ vào cấu tạo của đề nghị luận và các dạng đề chứng minh đã trình bày ở trên, học sinh cần lưu ý ba điều khi tìm hiểu đề.

1. Vấn đề cần bàn bạc giải quyết là gì?
2. Giải quyết theo phương pháp nào, thể loại nào?
3. Tìm phạm vi tư liệu chứng minh ở đâu (trong đời sống hay trong văn học)?

III. NHỮNG TIÊU CHUẨN VỀ DẪN CHỨNG

Khi đề luận đưa ra một vấn đề yêu cầu học sinh chứng minh, ta nên hiểu rằng vấn đề ấy là một chân lí được khẳng định. Học sinh phải làm sao tìm được dẫn chứng để minh hoạ cho vấn đề ấy, làm sao để những ai chưa tin sẽ phải tin cả, nửa tin nửa ngờ sẽ tin hoàn toàn, cả tin mơ hồ sẽ tin tưởng vững chắc.

"Có bột mới gột nên hồ". Cũng vậy, có dẫn chứng mới làm nên bài văn chứng minh. Dẫn chứng là bản chất, là linh hồn của bài văn chứng minh.

Dẫn chứng trong văn chứng minh cần đảm bảo những tiêu chí sau:

- Về số lượng, dẫn chứng phải nhiều, phải có hàng loạt dẫn chứng. Dẫn chứng ít thì chứng minh sẽ sơ lược, mỏng mảnh, không đủ dữ kiện để khẳng định vấn đề. Dẫn chứng phải nhiều, phải phong phú.

- Về chất lượng, dẫn chứng phải hay, tiêu biểu, điển hình và toàn diện. Có thế mới làm sáng tỏ được các khía cạnh của vấn đề. Phiến diện là hạn chế lớn cần khắc phục trong văn chứng minh. Lúc lựa chọn ca dao, dân ca, tục ngữ, văn thơ... để làm dẫn chứng, ta luôn luôn tự hỏi: dẫn chứng ấy, câu văn, câu

thơ ấy đã hay chưa, đã tiêu biểu chưa, đã điển hình chưa. Có thuộc nhiều thơ văn mới có thể làm tốt, làm hay văn chứng minh được.

- Dẫn chứng phải sát đề, phải hướng về luận đề, hoặc luận điểm, hướng về khía cạnh của luận đề. Tính chất quy tụ, đồng tâm, đồng hướng của mọi dẫn chứng trong văn chứng minh là một thao tác cần đặc biệt chú ý luyện tập. Mỗi dẫn chứng là một mũi tên, tất cả đều phải bắn đúng mục tiêu, có thế mới làm sáng tỏ được luận đề.

Tóm lại, dẫn chứng phải phong phú, phải hay và điển hình, phải toàn diện và sát đề, trúng luận đề. Đó là những tiêu chí về dẫn chứng trong văn chứng minh.

Nói tóm lại, tìm ý trong văn chứng minh là tìm dẫn chứng minh hoạ cho vấn đề được nêu ra ở đầu bài sao cho mọi người tin tưởng vấn đề ấy đúng.

Vì thế, dẫn chứng cần phải
- ***Chính xác***
- ***Tiêu biểu***
- ***Sát hợp***
- ***Cụ thể***
- ***Hấp dẫn***

Để cụ thể hơn, các em cần biết những câu hỏi dưới đây:

1. Đề luận nêu lên vấn đề gì? Em thử giải thích nội dung ý nghĩa của vấn đề ấy? **2. Ai, ở đâu đã có những hành động gì, vào lúc nào chứng minh vấn đề ấy đúng?**

Câu hỏi thứ hai này có thể tách thành nhiều câu hỏi nhỏ như sau:

1. Ai ở Việt Nam ngày xưa đã có những hành động gì, chứng minh vấn đề ấy đúng?
2. Ai ở Việt Nam ngày nay đã có những hành động gì, chứng minh vấn đề ấy đúng?
3. Những ai ở Việt Nam ngày xưa đã có những hành động gì, chứng minh vấn đề ấy đúng?
4. Những ai ở Việt Nam ngày nay đã có những hành động gì, chứng minh vấn đề ấy đúng?
5. Ai trên thế giới ngày xưa đã có những hành động gì để chứng minh vấn đề ấy đúng?
6. Những ai trên thế giới ngày xưa đã có những hành động gì để chứng minh vấn đề ấy đúng?
7. Ai trên thế giới ngày nay đã có những hành động gì để chứng minh vấn đề ấy đúng?

- Cùng với phương pháp này chúng ta có thể đi vào các câu hỏi dàn ý chi tiết hơn về thời gian, dựa vào các thời điểm lịch sử như:

- **Thế chiến thứ nhất. Thế chiến thứ hai...**
- **Thế kỉ XV... thế kỉ XX...**
- **Trước Cách mạng tháng Tám, sau Cách mạng tháng Tám...**
- **Trước ngày hoà bình thống nhất (1975)**

Sau ngày hoà bình thống nhất, v.v...

Ta cũng có thể dùng cách suy luận này tìm ý trong các lĩnh vực khác nhau như:

- Lĩnh vực chiến đấu
- Lĩnh vực xây dựng
- Lĩnh vực khoa học
- Lĩnh vực y tế...

Từ đó các em sẽ có câu hỏi gợi ý sau:

- Ai trong chiến đấu ở Việt Nam đã có những hoạt động gì để chứng minh vấn đề ấy đúng? Trong thời xưa? Trong thời nay?

- Ai, những ai trong học tập và nghiên cứu khoa học đã có những hoạt động gì để chứng minh vấn đề ấy đúng (Ngày nay? Ngày xưa?) (Trong chiến tranh? Trong hoà bình)

IV. PHÂN TÍCH VÀ TRÌNH BÀY DẪN CHỨNG

1. Phân tích dẫn chứng

Có dẫn chứng hay, nhiều, toàn diện, sát đề chưa đủ mà còn cần phải biết phân tích dẫn chứng. Cá, thịt, thực phẩm tươi, sống phải được chế biến giỏi mới thành thức ăn ngon, bổ. Mọi dẫn chứng của một bài văn chứng minh cũng vậy, nghĩa là phải được phân tích đầy đủ, hợp lí. Phân tích và trích dẫn là một thao tác quan trọng tạo nên "chất văn" của bài chứng minh.

(Xem 3 thao tác phân tích – trích dẫn ở *Tập làm văn lớp 9)*

2. Trình bày dẫn chứng

Dẫn chứng không thể đưa ra một cách tùy tiện, xô bồ. Trái lại phải được sắp xếp theo một trình tự nhất định.

- Theo trình tự hệ thống luận điểm.
- Theo trình tự hệ thống sự việc.
- Theo trình tự hệ thống thời gian.
- Theo trình tự hệ thống không gian.

Ví dụ, bài *Tinh thần yêu nước của nhân dân ta* (ở bài mẫu), các dẫn chứng được Chủ tịch Hồ Chí Minh sắp xếp theo trình tự hệ thống thời gian: *xưa-nay*; ở phần "*nay*" lại sắp xếp dẫn chứng theo trình tự hệ thống không gian và các lớp người trong xã hội.

Tóm lại, có phân tích dẫn chứng mới làm cho văn chứng minh trở nên sâu sắc. Có sắp xếp, trình bày dẫn chứng theo trình tự hệ thống hợp lí mới tạo nên bố cục chặt chẽ, cân đối trong văn chứng minh.

3. Trích dẫn chứng

Nếu dẫn chứng là câu văn, câu thơ phải trích dẫn thật đúng, thật chính xác, phải đặt vào dấu ngoặc kép, phải chú thích tên tác giả, đầu đề. "Nói có sách, mách có chứng" là vậy. Trích dẫn chứng, nếu thơ cần trình bày trang trọng, cân xứng trên tờ giấy làm bài; có thế mới làm cho bài văn trang nhã, đẹp mắt.

62. Đề: "*Bài thơ Nhớ rừng của Thế Lữ đã thể hiện khát khao mãnh liệt, sự chán ghét cảnh sống tù túng, tầm thường, giả dối và lòng yêu nước thầm kín của người dân mất nước*". Em hãy chứng minh nhận định này.

DÀN BÀI

I. Mở bài

* Giới thiệu (tiểu sử tác phẩm) hoặc giới thiệu hoàn cảnh sáng tác.

* Giới thiệu tác phẩm

* Khao khát tự do mãnh liệt; chán ghét cảnh sống tù túng, tầm thường, gian dối; lòng yêu nước thầm kín của người dân mất nước.

II. Chứng minh

1. Chứng minh bài thơ thể hiện khao khát tự do thật mãnh liệt.

a/ Căm hờn khi mất tự do

Câu 1 và 2: *"Gặm một khối căm hờn trong cũi sắt*
Ta nằm dài trông ngày tháng dần qua".

b/ Khinh ghét lũ người quản lí vườn bách thú

Câu 3: *"Khinh lũ người kia ngạo mạn"*

Câu 4: *"Giương mắt bé diễu oai linh rừng thẳm"*

c/ Hồi tưởng lại những ngày tháng tung hoành ngang dọc nơi rừng thiêng bao la, làm chúa tể sơn lâm.

- Điều này thể hiện thật rõ trong đoạn 2 (từ câu 9 đến câu 30)

• *"Ta sống mãi trong tình thương nỗi nhớ*
Thuở tung hoành hống hách những ngày xưa...
... Giữa chốn thảo hoa không tên không tuổi"

- Qua đoạn này, ta thấy tuy núi rừng âm u hùng vĩ nhưng phải phục tùng chúa tể rừng xanh:

"Trong hang tối mắt thần khi đã quắc
Là khiến cho mọi vật đều im hơi".

- Chúa tể sơn lâm nuối tiếc những đêm trăng vàng, say mồi uống nước bên bờ suối và những ngày mưa, chúa sơn lâm ngắm núi rừng đổi mới, đâm chồi nảy lộc:

"Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối
Ta say mồi đứng uống ánh trăng tan.
Đâu những ngày mưa chuyển bốn phương ngàn
Ta lặng ngắm giang san ta đổi mới".

- Con hổ nhớ đến những bình minh trong khu rừng tự do với sức sống tưng bừng của muôn vật muôn loài và những hoàng hôn no đủ, chiến thắng:

"Đâu những bình minh cây xanh nắng gội
Tiếng chim ca giấc ngủ ta tưng bừng
Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng
Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt
Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu!".

2. Chứng minh: chán ghét cảnh sống từ túng tầm thường giả dối – từ câu 31 đến câu 39:

"Ghét những cảnh không đời nào thay đổi
Những cảnh sửa sang tầm thường giả dối

Hoa chăm, cỏ xén, lối phẳng, cây trồng
Giải nước đen giả suối, chẳng thông dòng
Len dưới nách những mô gò thấp kém
Dăm rừng lá hiền lành, không bí hiểm
Cũng học đòi bắt chước vẻ hoang vu
Của chốn ngàn năm cao cả, âm u".

3. Chứng minh: lòng yêu nước thầm kín của người dân mất nước.

- Thể hiện ở các từ ngữ nói về quê hương của con người "giang sơn", nước non hùng vĩ.

- *"Nơi thênh thang ta vùng vẫy ngày xưa"* ngầm diễn tả đất nước thời tự do, không bị Pháp xâm lược.

III. Kết bài

- Khẳng định giá trị nội dung và nghệ thuật của tác giả

Cảm nghĩ của em.

Đề 63: Trong bài thơ ***"Bài ca vỡ đất"*** nhà thơ Hoàng Trung Thông có viết: ***"Bàn tay làm nên tất cả***
Có sức người sỏi đá cũng thành cơm."

Dựa vào sự hiểu biết của em về những thành tựu của quê hương, đất nước do bàn tay lao động của con người tạo nên, em hãy làm sáng tỏ ý thơ trên.

Bài tham khảo

Sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, đất nước Việt Nam bước vào thời kì độc lập tự do, nhưng phải chiến đấu với giặc đói, một loại giặc sinh ra do bọn thực dân Pháp và phát xít Nhật để lại. Trong tình hình ấy, Hoàng Trung Thông đã viết bài *"Bài ca vỡ đất"*!

"Bài ca vỡ đất" của Hoàng Trung Thông ra đời năm 1948, có giá trị như một chân lí khẳng định vai trò to lớn của sức lao động sáng tạo của con người trong việc cải tạo thiên nhiên, bắt thiên nhiên phục vụ cuộc sống của con người. Hai câu tiêu biểu sau đây nhằm ca ngợi tinh thần lao động ấy:

"Bàn tay làm nên tất cả
Có sức người sỏi đá cũng thành cơm."

Nhìn lại quá trình lao động sáng tạo của nhân dân ta mấy chục năm gần dây, ta càng thấy rõ giá trị của hai câu thơ trên.

Hình ảnh *bàn tay* tượng trưng cho sức lao động của con người. *Sỏi đá* tượng trưng cho những trở ngại, khó khăn mà con người thường gặp trong đấu tranh chinh phục thiên nhiên. *Cơm* tượng trưng cho thành quả lao động mà con người thu được sau quá trình lao động của mình. Câu thơ ngắn gọn, giàu hình ảnh trên đã nêu lên mối quan hệ nhân quả giữa sức lao động của con người và công cuộc cải tạo thiên nhiên, bắt thiên nhiên phục vụ cho con người, tạo điều kiện ấm no hạnh phúc cho con người. Khái quát hơn, câu thơ còn ca ngợi vai trò, tác dụng to lớn của lao động trong việc cải tạo và chinh phục thiên nhiên, tạo ra những thành quả vật chất và tinh thần cho xã hội.

Tất cả mọi của cải vật chất, tinh thần trong xã hội đều do sức lao động của con người mà có. Con người cày cấy, trồng trọt để có lương thực, con người còn vẽ tranh, nặn tượng, sáng tác âm nhạc, thơ văn để đời sống tinh thần thêm phong phú.

Trong hoàn cảnh chiến tranh, đất nước ta đã phải trải qua bao cảnh đau thương, bom đạn đã gây nên bao cảnh tàn phá điêu linh. Do vậy, hòa bình lập lại cũng là lúc nhân dân ta bắt tay xây dựng, hàn gắn vết thương chiến tranh bằng chính bàn tay cần cù của mình. Mảnh đất xưa kia là chiến trường Điện Biên, thế mà chỉ mấy tháng sau, mầm sống đã lấm tấm xanh để trở thành nông trường Điện Biên. Củ Chi xưa kia là những ụ pháo, những vành đai chết, giờ đây do bàn tay cần cù của nhân dân đã trở nên trù phú xanh tươi. Những vùng đất hoang vu bạt ngàn rừng sát, rừng ngập mặn, giờ đây đã san sát những vườn tược và đồng lúa xanh tươi. Chính đôi bàn tay lao động với trái tim và khối óc của con người đã làm thay da đổi thịt mảnh đất hoang vu kia. Phải chăng sức lao động có khả năng giúp con người vượt qua mọi thử thách cao nhất?

Còn nữa, những công trình thủy điện Trị An, sông Đà mọc lên từ những vùng đất khô cằn, những chiếc cầu sông Hàn-Đà Nẵng, cầu Mĩ Thuận huyết mạch đã được xây dựng để nối liền những miền kinh tế khác nhau của đất nước. Những nhà máy, xí nghiệp mọc lên từ mọi miền đất nước để phục vụ cho những nhu cầu ăn ở của toàn dân như những nhà máy xi măng, những xí nghiệp chế biến hải sản và thực phẩm xuất khẩu, những xí nghiệp may. Những công trình lớn hơn như đường sắt Thống Nhất, xí nghiệp dầu khí Vũng Tàu và biết bao công trình lớn nhỏ khác nhau… tất cả đều do bàn tay cần cù và khối óc sáng tạo của con người xây dựng.

Vậy là do bàn tay, công sức lao động, chúng ta đã làm thay đổi bộ mặt của đất nước về mọi phương diện.

Tóm lại, mọi của cải vật chất và tinh thần trong xã hội đều do sức lao động của con người làm ra. Chính bàn tay ta đã "vắt đất ra nước, thay trời làm mưa" mà có lẽ sẽ áp dụng kĩ thuật hiện đại để làm ra mưa cho vùng hạn hán, giảm sức phá hoại của bão, thu điện từ đám mây, dùng năng lượng Mặt Trời để chạy máy. Sức lao động vật chất cũng như tinh thần của con người thật cần thiết và đáng trân trọng vì đó là sức bật của khoa học kĩ thuật, là nguồn sáng tạo biết bao điều kì diệu của phát minh sau này.

Sức lao động của con người đã làm ra tất cả. Ta không lạ khi Hoàng Trung Thông đã hết lòng ca ngợi lao động. Hiểu rõ sức mạnh thần kì ấy, ta không thể quên lao động có phương pháp, có động cơ đúng đắn và cao đẹp đã góp phần vào sự đổi mới của đất nước và dân tộc.

Ngày nay, đất nước ta bước sang thế kỉ XXI, những bàn tay lao động hôm nay không thể chỉ lấy "sức người" ra để biến sỏi đá thành cơm, mà những bàn tay ấy phải có tri thức mới, kĩ thuật mới. Có như vậy kinh tế ta mới hùng mạnh và sánh ngang với bè bạn năm châu.

64. Chứng minh: Ca dao là tiếng nói về tình gia đình, quê hương tha thiết.

DÀN BÀI THAM KHẢO

I. Mở bài

Xuất phát từ cảm hứng của người Việt, ca dao đã đi vào hồn người, dễ thuộc, dễ nhớ vì nó luôn diễn tả những tình cảm của con người, những tình cảm đầy tính nhân văn mà ai cũng có. Đó là tình gia đình, tình làng xóm và tình yêu quê hương tha thiết.

II. Thân bài

A. CA DAO LÀ TIẾNG NÓI VỀ TÌNH GIA ĐÌNH ĐẰM THẮM

1. Lòng kính yêu, biết ơn ông bà, cha mẹ, những người đã sinh thành, nuôi dưỡng ta nên người.

- Ca dao ghi lại tấm lòng của lớp lớp cháu con tưởng nhớ tới tổ tiên:

Con người có tổ có tông
Như cây có cội, như sông có nguồn.

- Ghi nhớ công ơn trời biển của ông bà, cha mẹ: công ơn đó là vô cùng to lớn:

Ngó lên nuộc lạt mái nhà,
Bao nhiêu nuộc lạt, nhớ ông bà bấy nhiêu.
Ơn cha nặng lắm ai ơi,
Nghĩa mẹ bằng trời, chín tháng cưu mang.
Công cha như núi Thái Sơn
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.
Một lòng thờ mẹ kính cha
Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con

- Cảm hiểu sâu sắc nỗi vất vả mà cha mẹ phải chịu đựng để nuôi dưỡng ta *bởi vì sương tuyết hóa ra bạc đầu*, nhớ đến *cơm cha, áo mẹ* chăm chút cho từ ngày *bé cỏn con* đến khi *lớn khôn thế này*, họ gửi tấm lòng vào ca dao, nhắc nhau *nghĩ sao* cho bõ những ngày cha mẹ nuôi ta và *ước ao* về ta:

Một lòng thờ mẹ kính cha,
Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con.

2. *Tình yêu thương giữa anh em trong gia đình*

- Cần hòa thuận để gia đình êm ấm, hạnh phúc:

Anh em nào phải người xa,
Cùng chung bác mẹ một nhà cùng thân.
Anh em như thể tay chân,
Anh em hòa thuận hai thân vui vầy.

- Phải đùm bọc, giúp đỡ nhau khi gặp khó khăn, hoạn nạn:

Anh em như chân với tay,
Rách lành đùm bọc, dở hay đỡ đần.

3. *Tình vợ chồng thủy chung son sắt:*

- Coi trọng tình nghĩa hơn sự giàu sang:

Chồng ta áo rách ta thương,
Chồng người áo gấm xông hương mặc người.

- Kiếm sống vất vả: *Củi than nhem nhuốc...* ăn uống đạm bạc: *Râu tôm nấu với ruột bầu*, nhưng vợ chồng luôn nhắc nhau: *Ghi lời vàng đá xin mình chớ quên*. Họ thấy cuộc sống vất vả mà vẫn vui, vẫn tin vào một ngày mai tốt đẹp:

Rủ nhau đi cấy đi cày,
Bây giờ khó nhọc có ngày phong lưu.
Trên đồng cạn dưới đồng sâu,
Chồng cày, vợ cấy, con trâu đi bừa.

B. CA DAO LÀ TIẾNG NÓI VỀ TÌNH LÀNG XÓM, QUÊ HƯƠNG THA THIẾT

1. *Làng xóm ấy*, trước hết là làng xóm thanh bình, có cánh đồng *mênh mông bát ngát*, mọi người chăm chỉ làm ăn:

Làng ta phong cảnh hữu tình,
Dân cư giang khúc như hình con long.
Nhờ trời hạ kế sang đông,
Làm nghề cày cấy vun trồng tốt tươi....

- Bởi vậy, khi đi xa thì nhớ, nhớ những gì tuy bình dị nhưng vô cùng thân thương:

Anh đi anh nhớ quê nhà,
Nhớ canh rau muống, nhớ cà dầm tương.
Nhớ ai dãi nắng dầm sương,
Nhớ ai tát nước bên đường hôm nao.

Mở rộng hơn tình làng xóm là tình quê hương đất nước.

2. *Tình quê hương đất nước*

Thương nhau ta đứng ở đây,
Nước non là bạn, cỏ cây là tình.

- Tình yêu thương, đùm bọc lẫn nhau của những người cùng quê hương đất nước:

Bầu ơi thương lấy bí cùng,
Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn.
Nhiễu điều phủ lấy giá gương,
Người trong một nước phải thương nhau cùng.

3. *Niềm tự hào về nước non ta miền nào cũng tươi đẹp*

- Lạng Sơn thì có phố Kì Lừa, có nàng Tô Thị, có chùa Tam Thanh, Thăng Long phồn hoa có:

Phố giăng mắc cửi đường quanh bàn cờ.

- Miền Trung thì *Non xanh nước biếc, như tranh họa đồ.*
- Miền Nam lại:

Đồng Tháp Mười cò bay thẳng cánh
Nước Tháp Mười lấp lánh cá tôm.

III. KẾT BÀI

- Ca dao phần lớn nói về tình cảm, trong đó rất nhiều câu đậm đà tình yêu gia đình, làng xóm quê hương. Nói về tình cảm đẹp đẽ của con người, lại bằng những lời lẽ đẹp, nên ca dao đã được nhiều người yêu thích.
- Nhờ vậy, ca dao không chỉ có giá trị về mặt văn chương mà còn là những mẫu mực diễn đạt tình cảm cho những sáng tác văn học viết sau này.

65. Những ấn tượng sâu sắc nhất của anh (chị) về hình tượng người nông dân trong văn học hiện thực phê phán Việt Nam giai đoạn 1930-1945.

BÀI THAM KHẢO

Có những tác phẩm văn học đọc xong, gấp sách lại và ta quên đi, khép luôn cả trí nhớ của mình về nó. Cho đến lúc cầm lại nó, ta mới chợt nghĩ mình đã

đọc rồi. Nhưng có những khi, có những cuốn sách như dòng sông chảy qua tâm hồn ta để lại một lớp phù sa, để lại những ấn tượng khắc chạm trong tâm khảm. Như con người nông dân trong văn học hiện thực phê phán 1930-1945 đọc rồi thì không thể quên được, nó cứ ám ảnh đeo đuổi ta mãi.

Người nông dân bước vào văn học từ những câu ca xưa, từ những áng văn cổ điển. Đến với dòng văn học thực hiện phê phán 1930-1945, ta gặp những chị Dậu, anh Dậu, cái Tí, cái Bần, Chí Phèo, Thị Nở, lão Hạc, anh Pha .... Họ đến và họ không ra đi, họ bắt tay, xót xa, cay đắng mãi với cuộc đời họ. Họ bắt ta phải ngẫm nghĩ mãi về ánh sáng lương tâm, lương tri trong con người họ, về sự cùng cực để bức ra cuộc sống ngột ngạt ấy của họ.

Sao cuộc sống của những người ấy lại có thể khổ đến thế? Có những lúc ta buột miệng nói: *"Khổ như chị Dậu"*. Cái nghèo khổ đè nặng, ấn mãi cuộc đời chị xuống. Cuộc đời được nảy sinh, tồn tại trong túp lều như nhà chứa tro hoặc chứa phân, cuộc đời "*quanh năm không dám chơi không ngày nào*" mà cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc. Cái nghèo khổ dồn nén, chất chứa trong hai đồng bảy bạc sưu. Hơn cả sự nghèo đói, trong đêm đen "*Tắt đèn*" chị đã quằn quại, chị đã đau cái nỗi đau lớn nhất của người mẹ: bán con. Ôi đứa con nuôi từ hòn máu nuôi đi, mang nặng đẻ đau, bán nó đi chị rứt từng khúc ruột. Đó là một phần máu mủ, một phần xương thịt của chị. Tiếng kêu trời của chị cứ bám lấy ta, cào cấu trong ta: *"Trời ơi tôi bán cả con lẫn chó và hai gánh khoai mới được hai đồng bảy bạc. Tưởng rằng đủ tiền nạp sưu cho chồng thì chồng tôi khỏi bị hành hạ đêm nay. Ai ngờ lại còn suất sưu của người chết nữa, khốn nạn thân tôi! Trời ơi! Em tôi chết rồi còn phải đóng sưu hở trời! Tôi biết đâm đầu vào đâu cho được hai đồng bảy bây giờ?"* Đâm đầu vào đâu? Câu hỏi của chị nhức nhối lòng ta. Ta phải thốt lên "*Trời ơi là trời, sống làm sao được đây! Quanh chị Dậu, quanh cái thẻ sưu, thực cả một " thiên la địa võng bóc lột sự sống, bức tử sự sống*" (Nguyễn Tuân). Có ai trong chúng ta khi bưng bát cơm ăn mà không nghẹn ngào nghĩ đến chị Dậu. Có ai trong chúng ta khi sà vào lòng mẹ mà không nghẹn ngào nghĩ đến chị Dậu. Có ai trong chúng ta khi bưng bát cơm ăn mà không nghẹn ngào nghĩ đến chị Dậu.Có ai trong chúng ta khi khi sà vào lòng mẹ mà không thổn thức cùng với cái Tí "*con van thầy, con van u, thầy cho con ở với nhà chơi với em con*", "*con ăn với ai, con ngủ với ai*". Tí khổ lắm, bảy tuổi đầu Tí đã phải lo toan, bảy tuổi đầu Tí đã phải chia lìa gia đình. Cắp sách đến trường sung sướng, ta lại càng xót xa khi nghĩ đến cái Tí. Đọc "*Tắt đèn*" rồi cứ đêm đêm, điện sáng lên, cái tối tăm, cái cay cực của cuộc sống lại giày vò ta. Sống lại cuộc đời của họ ta lại thấy ngột ngạt, tức thở.

Còn Chí Phèo, cái anh Chí Phèo ấy đã găm lại trong ta bởi cái kì dị, quái gở của cả hình thức lẫn cuộc đời và con người. Những cái đó, làm cho tôi, lần đầu tiên tiếp xúc với tác phẩm, cảm thấy sợ hãi. Sợ hãi cái con quỷ dữ ấy, sợ hãi cái thằng người say triền miên, sợ hãi, ám ảnh cái bóng Chí Phèo vật vờ dưới chân hắn trong đêm trăng. Tưởng như ngửi thấy mùi rượu, thấy được máu đang tứa ra trên khuôn mặt không tuổi ấy. Rồi cái sợ ấy ngấm mãi vào người và dần dần, trở thành sự chà xát ghê gớm. Chua xót lắm chứ, cái chua xót lớn nhất – Chí Phèo không

được sống như một người. Chị Dậu khổ, nhưng chị là một con người, là người mẹ, là người vợ. Còn Chí Phèo, hãy thử hỏi xem có nỗi đau đớn nào lớn hơn thế nữa! Không có gì khốn nạn và cùng cực hơn anh nông dân Chí Phèo ấy. Cho đến bao giờ, tiếng thét, tiếng kêu của anh ta mới nguôi đi trong tôi *"tao muốn làm người lương thiện"*. Không, tiếng kêu đó sẽ chẳng bao giờ dịu đi, nó vật vã cái phần nhân bản cao quý của con người, nó giày vò cái phần lương tri, lương năng trong con người. Nó không còn là khổ, là đau nữa, nó sâu, đau tận trong tâm can ta.

Những con người nông dân ấy đã phải sống quằn quại trong lòng chảo của xã hội xấu xa. Xã hội không cho họ con đường sống. Đọc rồi ta nhớ mãi những con người, những cuộc đời, những số phận bi thảm, những kết cục đau đớn của họ. Nhát dao của Chí Phèo cho đến bây giờ vẫn còn đau trong tôi. Cái nhát dao kết liễu cuộc đời anh Chí và đó cũng là cái nhát dao khoét sâu trong ta. Nam Cao đã để cho lão Hạc cào cấu ta bởi cơn giãy chết điên dại của lão. Sao họ khổ đến thế, đến cái chết cũng cứ phải khổ, cũng cứ phải vật vã. Cái chết đau đớn, cái chết rùng rợn, bao nhiêu cái khắc nghiệt của cuộc sống đã dồn cả hai tiếng đồng hồ giãy chết của lão Hạc. Và cho đến khi đã vào hòm rồi, người nông dân cứ vẫn còn phải khổ (*Chiếc quan tài – Nguyễn Công Hoan)*.

Cuộc sống của những người nông dân ấy tăm tối đớn đau, làm gì có cảnh:

"Trên đồng lúa xanh rờn và ướt lặng
Lũ cò con chốc chốc vụt bay lên
Làm giật mình những cô nàng yếm thắm
Cúi cuốc cào cỏ ruộng sắp ra hoa".

(Anh Thơ)

"Cô nàng yếm thắm" ấy chợt đến rồi chợt đi, trong ta những chị Dậu, Chí Phèo thì sống mãi. Ôi những người nông dân thuở ấy càng nghĩ lại càng thương, càng đau. Càng sung sướng trong cuộc sống *"Lúa mượt đồng ấm áp làng quê"* lại càng xót xa cho họ.

Họ không chỉ găm lại trong ta bởi cái khổ, họ còn đọng lại trong ta bởi ánh sáng lương tâm, lương tri trong họ, bởi sức sống ngầm trong con người họ. Dù cuộc đời có cay cực, bất công, dù cuộc sống quá tối tăm, chị Dậu vẫn sáng lên những phẩm cách trong sạch. Tôi nhớ mãi những ánh mắt, là nghị lực, là sức sống của chị. Ánh mắt sáng rực nhân cách ấy rọi chiếu như tia đèn pha, dường như muốn thiêu đốt những rác rưởi trong đình làng, trong xã hội. Ánh mắt đầy sức mạnh theo sát ta trên chặng đường đời, góp sức đốt trụi những ý nghĩ thấp hèn, những lời van vỉ, dựng ta dậy, xốc ta đi. Giữa bãi bùn lầy nhơ nhuốc của lòng chảo *"tắt đèn"*, chị là thứ *"hương sen dã ngoại"*. Một mùi hương không thể lẫn, một mùi hương thoang thoảng thôi nhưng không bao giờ hết. Cuối tác phẩm, chị Dậu rứt ra, lao vào đêm đen. Nhưng chính chị, bằng cuộc đời bị dồn đến chân tường ấy vẫn gieo trong ta một niềm tin mãnh liệt, dù hiện thực có nghiệt ngã hơn thế nữa thì chị Dậu vẫn đẹp, vẫn trong sáng. Niềm tin ấy hoà trong máu ta đốt thành niềm yêu say cuộc sống.

Có phải vì Chí Phèo được mô tả như một con quỷ, một con vật không tuổi nên cái phần *"người"* trong hắn làm ta bàng hoàng, chỉ một bát cháo hành của Thị Nở,

một *"đặc ân"* mà cuộc đời ban cho hắn cũng đủ thức dậy cái phần lương tâm, lương tri cái bản chất con người, trong lúc tưởng như nó đã huỷ diệt trong cái vỉ kì quái, gớm ghiếc. Không, nó vẫn sống và sống mãnh liệt. Tôi nhớ mãi cái buổi sáng Chí Phèo tỉnh dậy, lần đầu tiên hắn mở, lắng nghe âm thanh cuộc sống, tâm hồn rung lên những nhịp rung mới lạ. Chí nhớ lại có một thời Chí cũng có những ước mơ nho nhỏ, có một thời Chí cũng là người là trong Chí khát khao một cuộc sống lương thiện, muốn hoà mình, gia nhập cái xã hội bình dị của những người dân. Cái phần người nhỏ bé nhưng kì diệu ấy có sức đốt nóng ghê gớm. Cái ấn tượng ấy không mất đi, nó thì thầm, trong tôi: Dù người ta có nói gì với bạn đi nữa thì bạn hãy tin rằng cuộc sống vẫn đẹp và con người vẫn đẹp. Tôi lại thấy thoang thoảng đâu đây mùi cháo hành thơm nồng, thấy rạo rực như được sống cái buổi sáng mà Chí Phèo tỉnh giấc, có tiếng chân, có tiếng người đi chợ về hỏi nhau...

Và lão Hạc nữa, lão Hạc có cuộc đời khổ cực, đến giọt nước mắt cũng phải dồn hai gò má lại mà *"ép"* ra. Có những lúc đói, đào được củ gì ăn củ nấy nhưng lão vẫn không bán một tấc đất, một mảnh vườn của con. Giữa lúc con người sống với nhau như thú vật ấy, cái tình của lão với con chó vàng mới đẹp làm sao. Đôi mắt van vỉ của con chó là cái tình của lão Hạc đấy, nói với lão Hạc là nói với chúng ta, và cái đẹp nhất, cái in đậm nhất trong ta chính là cái tình ấy. Có một thời tôi không dám đọc *Lão Hạc* vì nó khủng khiếp quá, vì cái chết của lão ghê gớm quá. Nhưng cái tình, cái đẹp trong câu chuyện ấy cũng nhiều lắm. Cái ân tình trĩu nặng như chính mảnh đất lão đã sống, đã chết để gìn giữ.

Tôi muốn giữ chặt lấy thân hình lão đang cào cấu, nắn thẳng lại những cánh tay, bàn chân co quắp, và tôi thấy rõ ràng từ đôi mắt lão ứa ra những giọt nước mắt hiếm hoi, tôi thấy đôi tay lão từ từ nhấc dậy vuốt ve con chó vàng, tôi thấy miệng lão mấp máy dặn dò ông giáo canh giữ mảnh vườn. Lão Hạc ơi, lão hãy yên lòng mà nhắm mắt. Trong đêm tối một tia sáng cũng đủ rạch màn đêm, trong khổ đau, người nông dân vẫn giữ cái phần *"người"* đốt sáng rực cái phần *"người"* ấy. Chúng ta – người đọc – không thể nào quên được đôi mắt của chị Dậu, bát cháo hành của Thị Nở, nụ hôn đẫm nước mắt của con Tí với em nó. Những hình ảnh đó thấm mãi vị ngọt ngào trong ta.

"Bát cơm chan đầy nước mắt" của người nông dân xưa ấy, ta ăn và thấy nghẹn ngào, đắng chát. Cái ý nghĩ họ sống khổ cứ bám riết lấy ta, bắt ta đau và chính họ cũng đốt lên, hằn sâu trong ta những tia sáng cao đẹp của nhân phẩm. Ta sống, ta lớn lên, mang theo mãi trong mình những ấn tượng, những cảm xúc sâu sắc ấy. Và mỗi lần nghĩ về họ, những người nông dân ấy, ta lại thấy tất cả còn mới nguyên như lần đầu ta bước vào đêm đen *"tắt đèn"*, như lần đầu ta đến làng Vũ Đại .....

Và họ đứng bên nhau, hoà vào nhau, trở thành một bức tượng son sắt trong ta: Người nông dân thuở ấy.

Bài của cô giáo Nguyễn Bích Thuận

Giáo viên văn trường PTTH Lê Hồng Phong, TPHCM

PHẦN V: LÍ THUYẾT VỀ LẬP LUẬN GIẢI THÍCH

A. KHÁI NIỆM VỀ LẬP LUẬN GIẢI THÍCH

Giải thích một vấn đề trong văn nghị luận là phương pháp dùng lí lẽ để giảng giải, trình bày cặn kẽ ý nghĩa của vấn đề ấy sao cho người đọc người nghe:

- *Hiểu đúng*
- *Hiểu rõ*
- *Hiểu sâu* } *vấn đề ấy*
- *Hiểu rộng*

Dưới đây là một bài văn tiêu biểu về lập luận, giải thích:

66. THẾ NÀO LÀ NÊN NGƯỜI?

Không ai tự nhiên nên người, song người ta trở nên người.

Người ta thường lầm lộn ý nghĩa hai danh từ "nên người" và "làm nên". Đây là một người xoay xở đâu được một món tiền to, tậu nhà, tậu xe là được hàng xóm trầm trồ đưa làm mẫu cho con cháu: "Đấy, con người ta bằng tuổi con mà xem, người ta đã nên thân với đời". Vâng, người ấy đã làm nên với đời thật, song có thể bảo người ấy đã "nên người" chăng nếu phần trí thức của họ là miếng đất hoang vu hoặc phần tâm đức của họ là một vũng sình lầy?

Đây là một bác sĩ du học ở ngoại quốc mới về quê. Cha mẹ đều mừng cho đứa con đã nên thân với đời. Nhưng nếu người bác sĩ ấy mang thân xác về quê mà chỉ còn một lá phổi, thử hỏi có thể bảo ông ta đã "nên người" chăng? Đây là một nhà văn đã làm nên một sự nghiệp văn chương, nhưng nếu nhà văn ấy sống một cuộc đời bê tha, vô liêm sỉ, lạm dụng chút tài hoa để lừa dối bạn bè cùng những người hâm mộ, có thể bảo nhà văn ấy đã xứng đáng làm người chăng?

Một người chỉ làm nên ở một điểm hoặc ở một phần nào, thí dụ về chức nghiệp hay về tiền bạc, còn những phần khác lại khuyết điểm hay hư hỏng, những khối óc to mà chân tay bở như đất hoặc những tấm thân bồ tượng mà chứa bộ óc rỗng không, đó là những mảnh vụn chứ không phải là một người đầy đủ, đó là những dị nhân có cánh tay thật to gắn trên thân hình thật bé. Những người như thế dù tài năng hay địa vị họ đến đâu cũng không thể bảo họ đã nên người, một người xứng đáng làm người với tất cả những ý nghĩa của nó.

Năm xưa, một tờ báo bên Pháp phê bình một vị phi công đại tài đã hợp tác với quân Đức: "Là một phi công đại tài nhưng là một người thấp kém". Cũng bởi quan niệm làm người như thế nên nhạc sĩ trứ danh Beethoven nói: "Tôi thích làm một người xứng đáng hơn một nhạc sĩ trứ danh". Roosevelt, cựu Tổng thống Mỹ nói về một giáo sư danh tiếng: "Ông ấy đã hơn một nhà bác học, vì ông đã là một người với tất cả ý nghĩa của nó". Có thể nói một người đã nên người là khi họ biết phát triển con người của họ một cách điều hòa và đầy đủ về tất cả những phương diện: thể chất, trí thức, tâm đức và xã hội.

Một người xứng đáng làm người là một người có một thân thể tráng kiện, một khối óc sáng suốt và một lí tưởng cao đẹp.

Người ấy không phải là y sĩ, nhưng cũng biết cách giữ gìn sức khỏe, phòng ngừa bệnh tật, biết chọn thức ăn, biết cách cầm máu, biết làm hô hấp nhân tạo, biết cách nuôi con.

Người ấy không phải là lực sĩ, nhưng có thể cử tạ năm mươi cân, mang bao bị trên vai, đi bộ đôi ba chục cây số, có thể ngủ ngoài trời ở giữa đồng mà không sợ bị trúng sương cảm gió, có thể, nếu cần thức liền hai ba đêm để làm xong một công việc mà không ngây ngất, có thể nhảy xuống sông cứu người sắp chết đuối.

Người ấy không phải là tu sĩ, nhưng luôn luôn tìm hiểu những thị dục, những chỗ yếu của mình, có thể đủ sáng suốt để phân biệt đâu là hạnh phúc thanh cao, đâu là thú vui thấp hèn, có đủ đức hi sinh để hiến thân cho một nghĩa vụ cao cả, hoặc có thể làm một cách âm thầm những công việc bất vụ lợi mong đem lại đôi chút hạnh phúc cho những người xấu số hơn mình. Người ấy không phải là thi sĩ, nhưng rất có thể cảm thông cái đẹp của vũ trụ cũng như nỗi khổ đau của nhân loại. Tim họ có thể hòa nhịp với những khúc nhạc của gió chiều dạo trên lá trúc, cũng như đôi khi họ cũng nhỏ những giọt nước mắt không đâu để khóc vay cho thiên hạ.

Người ấy không phải là chiến sĩ, nhưng họ rất hiểu kỉ luật sắt của tạo vật: luật chiến đấu. Họ chiến đấu để chinh phục con người họ, chiến đấu để chinh phục cuộc đời.

Biết rõ giá trị của cần lao và sức cố gắng, họ dám liều lĩnh nếu cần liều lĩnh.

Thành công, họ không vênh váo, vì họ biết đó là kết quả tự nhiên của sự cố gắng. Bị ngã quỵ, họ không sờn lòng, vì họ rất yêu đời, tin ở đời, tin ở sự tiến bộ không ngừng của nhân loại... vì họ biết rằng chỉ có những người không làm gì cả mới không thất bại.

Người ấy mới thật nên người. Người ấy dù là một người thợ hay một người làm công cũng có thể kể là một giá trị trong xã hội. Vì chỉ có nhân phẩm mới là tiêu chuẩn để đánh giá một con người.

67. Thế nào là giáo dục một người?

Người ta lo khai trí những bạn trẻ
nhưng người ta không luyện chúng nó nên người.

Ch. Rivet.

Năm xưa, ông Vũ Ngọc Phan có viết một quyển sách về giáo dục: "*Con đường mới của thanh niên*". Ngay ở những trang đầu tác giả cố ý tìm một định nghĩa xác đáng cho danh từ giáo dục. Sau khi trình bày ý kiến những triết gia xưa và nay, chẳng hạn như theo Kant: "*Mục đích giáo dục là làm cho mỗi con người ta được thật hoàn toàn*", theo W. James, S. Mill, H. Spencer: "*Giáo dục có mục đích làm cho mọi người trở nên một vật sung sướng cho người ấy và đồng loại*", ông Phan cho rằng chỉ có định nghĩa sau đây của E. Durkheim là thiết thực và rõ ràng hơn cả:

"*Giáo dục là ảnh hưởng của những thế hệ người lớn đối với những thế hệ còn chưa chín chắn để tham dự vào cuộc đời trong xã hội. Giáo dục có mục*

đích là làm cho phát triển ở đứa trẻ những điều kiện vật chất, trí thức và tinh thần, là những điều mà toàn thể xã hội chính trị đang mong mỏi, đến cả cái hoàn cảnh riêng của đứa trẻ cũng mong mỏi nữa".

Theo chúng tôi, định nghĩa như thế ấy chỉ sát nghĩa, chưa được rõ rệt và thiết thực cho lắm. Sát nghĩa vì động từ "Eduquer" (tức là giáo dục) của tiếng Pháp, lấy nguồn gốc của một động từ La tinh "Educere", nghĩa là đem ra ngoài, làm nẩy nở; như vậy, định nghĩa chữ "giáo dục" theo Durkheim là "làm nẩy nở, làm phát triển ở đứa bé những điều về vật chất v.v..." thì không gì sát nghĩa hơn.

Song có thể định nghĩa chữ "giáo dục" một cách khác, vẫn đúng nghĩa và được rõ rệt thiết thực và gọn ghẽ hơn: "*Sự giáo dục là nghệ thuật làm nên một người*".

Làm nên một người trước nhất phải dạy cho nó biết cách chinh phục lấy nó, là dạy cho nó những phương pháp để tạo lấy sức khỏe, là rèn đúc cho nó một ý chí đanh thép, để có thể làm chủ thân xác, tư tưởng và tâm hồn của nó. Như vậy để đoạt lấy sức khỏe của thể chất và sự an tĩnh của tâm hồn, tức là để đoạt lấy hạnh phúc.

Làm nên một người là dạy cho nó biết cách chinh phục lấy cuộc đời, là dạy cho nó nghề để nuôi sống, là dạy cho nó những điều cần biết để lập gia đình, để lập danh phận, để lập nghiệp, là rèn tập cho nó những đức tính thiết thực; óc thực tiễn, óc tổ chức, làm việc có phương pháp, sống đắc lực, tức là dạy nó cách đoạt lấy thành công.

Đã giúp cho người bạn trẻ có đủ khí giới để chinh phục lấy sức khỏe, hạnh phúc, thành công tức là đã giúp cho nó sống một cách đầy đủ và điều hòa, nghĩa là đã làm cho nó trở nên người, mà như vậy cũng đủ lắm rồi. Aldous Huxley viết: "*Làm một người đầy đủ, điều hòa là một việc khó khăn, nhưng đó là công việc duy nhất của chúng ta. Người ta chỉ xin chúng ta một điều: trở nên người. Một người, anh nghe rõ? Không phải thần minh, cũng không phải là quỷ sứ*".

Trích *Muốn nên người* của Phạm Cao Tùng

Nhà sách Khai Trí. Saigon 1970

Trích "Muốn nên người" của Phạm Cao Tùng

68. LÒNG ÁI QUỐC

I. Đối với trẻ thì nước là một căn nhà nó ở, khu vườn nó chơi; là cha mẹ và bạn bè của nó. Tuy nước của nó nhỏ như vậy mà cũng được nó quyến luyến lắm.

Khi nó càng lớn thì tính quyến luyến đó càng mạnh, vì có thêm sức mạnh của tập quán vào. Nó quen sống ở những nơi đó, với những người đó, cho nên nó rời không được và sau này không bao giờ quên được. Ai đi xa, trở về cố hương mà không thấy như có một điệu nhạc ở trong lòng? Những vật mà hồi xưa ta dửng dưng, nay thành những bạn cũ của ta cả. Chúng đều có một linh hồn, trong đó có vướng linh hồn của ta. Một góc vườn, một phiến đá, một cánh cây đều giữ được những kỉ niệm vui buồn, những ước ao, mơ mộng của ta.

Mà hình như ta càng đau khổ thì càng quyến luyến với quê hương và gia đình. Những con chim sống ở những nơi trơ trọi, hoang dã hình như khó rời những nơi đó hơn cả "Một người miền núi thích cái chòi của nó hơn là ông vua thích cung điện của ông. Người miền núi thích núi hơn là dân đồng bằng thích

ruộng cày". Trong số những người thợ ra tỉnh làm ăn thì những người thợ nào thuở nhỏ ở một miền quê nghèo và buồn lại là những người thích về cố hương hơn cả. Gia đình cũng vậy. Những trẻ nào mà cha mẹ nghèo khổ và thường thấy những nỗi lo lắng, đau đớn của người thân lại là những đứa không thích ở trong trường. Mặc dầu ở trường, đời sống vật chất được đầy đủ hơn, chúng nó lúc nào cũng nhớ cha mẹ, anh em, lúc nào cũng xót xa, tiếc đời thanh đạm và những nỗi lo buồn mà chúng không được chia sẻ với người thân nữa.

Vậy ta lại được thấy một lần nữa cái mãnh lực của sự đau khổ. Chỉ có nó mới thực kết hợp được một cách chặt chẽ loài người với đồng vào và các vật. Khi người ta sống sung sướng ở giữa những người sung sướng thì trái lại, người ta cứ lẳng lặng sống, không thấy cần phải hiến thân cho nhau. Cho nên khi đi xa, người ta không thấy tiếc gì vì không để lại cái gì của mình cả.

II. Trẻ càng lớn thì quan niệm về quốc gia càng rộng. Quốc gia thành ra làng của chúng với đình chùa, trường học, với tất cả những người quen biết chúng và nhất là những bạn của chúng. Vì vậy mới có lòng yêu làng mình, chê làng khác, những cuộc ẩu đã giữa trẻ làng này và làng khác.

Rồi sau quốc gia là xứ mình ở. Người Bắc yêu xứ Bắc, người Nam yêu xứ Nam. Người Bắc xa xứ Bắc thì nhớ mùa đông ở xứ Bắc. Người Nam xa xứ Nam thì nhớ mặt trời ở xứ Nam.

Nhưng rồi quốc gia còn rộng ra nữa và cao lên nữa. Trong những đêm đông, cha mẹ hay ông bà kể chuyện thời xưa cho ta nghe, ta thấy cảm động và kính trọng tổ tiên rồi dần dần yêu tổ tiên, hiểu rằng tổ tiên có công với ta lắm. Ơ trường nhờ thầy dạy, ta lại hiểu thêm rằng có những liên lạc giữa người cùng một nước, rằng người này có ích cho tất cả người khác và tất cả chúng ta đều cộng tác vào một sự nghiệp, ta lại hiểu rằng tại sao ta lại trả nợ nước và trả cách nào, tại sao sống cách biệt những người khác, sống ích kỉ là một điều bất công, có khi còn là một hành vi hèn nhát nữa. Cũng ở trường ta hiểu được rằng, sở dĩ giàu có, vẻ vang là nhờ công những người xưa đắp đường, đào kinh, xây nhà, cất viện bảo tàng, khổ tư để viết những tác phẩm về văn chương, về khoa học mà bây giờ ta được hưởng và nhờ công ơn những người lính đã đổ máu để chống với ngoại xâm và nhờ những bậc vĩ nhân mà đến bây giờ ta còn được vẻ vang lây. Lúc đó, trong óc ta mới hiện lên cái hình ảnh thực của quốc gia, ta mới thấy quốc gia là "một sự liên đới lớn" bắt nguồn vừa ở dĩ vãng, vừa ở hiện tại và muốn cho nó được thịnh, mạnh, vẻ vang thì tất cả các tình cảm, các ý lực của mọi người phải cùng kết hợp lại.

Trích giáo dục tình cảm của P. Félix Thomas
(Bản dịch NGUYỄN HIẾN LÊ)

II. CÁC BƯỚC HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH

* Bước thứ nhất: NHẬN DẠNG ĐỀ GIẢI THÍCH

Nếu không cẩn thận, học sinh rất dễ nhầm lẫn giữa các dạng đề giải thích và chứng minh, giải thích với bình luận, giải thích với phát biểu cảm nghĩ. Từ việc xác định sai đến việc làm bài thi sai, ở lại lớp, không mấy xa xôi. Vì "*sai một li đi một dặm*" là một việc thường xảy ra xưa nay.

Sau đây là những yêu cầu thường thấy trong văn giải thích:

"Em hãy giải thích vấn đề trên. Em hãy tìm hiểu vì sao..."

"Em hiểu vấn đề trên như thế nào? Hãy giải thích...".

"Bằng các hiểu biết và lí lẽ, em hãy làm sáng tỏ vấn đề trên..."

"Vấn đề ấy nghĩa là gì?..." Tại sao...?

Đề chứng minh:

"Bằng các dẫn chứng, em hãy làm sáng tỏ vấn đề trên.."

Đề giải thích:

"Bằng các lí lẽ, em hãy làm sáng tỏ vấn đề trên...".

Đề bình luận:

"Em có ý kiến gì về vấn đề trên đúng, sai ở chỗ nào?"

Đề giải thích:

"Em hiểu vấn đề trên như thế nào?"

"Em hiểu gì về ý kiến ấy?"

"Em hiểu gì về câu ca dao trên?"

Thí dụ:

1. A. Gia Cốp nói: "*Kinh nghiệm có nét tương đồng với cây gậy chống nó giúp ích khi đi, song lại ngăn cản khi bay*". Em hiểu về câu danh ngôn trên như thế nào?
2. Ca dao Việt Nam có câu:

   "Đất tốt trồng cây rườm rà
   Những người thanh lịch nói ra dịu dàng
   Đất xấu trồng cây khẳng khiu
   Những người thô tục nói điều phàm phu".

   Em hãy giải thích ý nghĩa trong bài ca dao trên?.
3. Đọc sách có lợi ích gì? Trong các loại sách, em thích đọc loại nào nhất. Tại sao? Đọc như thế nào thì có lợi và đọc như thế nào thì có hại?

* Bước thứ hai: TÌM Ý

Về kĩ thuật làm nhập đề, chuyển ý và kết luận, văn giải thích cũng tương tự như văn chứng minh.

Muốn giải thích một đề luận theo phương pháp giải thích, các học sinh cần đặt mình vào vị trí một người cần tìm hiểu trước một vấn đề mới lạ. Những câu hỏi được đặt ra lúc ấy sẽ là:

1. NGHĨA LÀ GÌ?
2. BAO GỒM NHỮNG GÌ?
3. TẠI SAO?
4. NHƯ THẾ NÀO?

Từ những câu hỏi chính yếu trên ta có thể chia ra thành nhiều câu hỏi nhỏ.

Thí dụ: Ca dao Việt Nam có câu:

"Bầu ơi thương lấy bí cùng.
Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn".

Em hãy giải thích câu ca dao trên.

CÂU HỎI TÌM Ý

Áp dụng câu hỏi: "**Nghĩa là gì?**" Ta sẽ có:

1. Bầu nghĩa là gì?

2. Bí nghĩa là gì?

3. Chung một giàn nghĩa là gì?

Áp dụng câu hỏi "**Bao gồm những gì**? Ta sẽ có:

4. Nghĩa đen của bầu, bí, chung một giàn... Bao gồm những gì?

5. Nghĩa bóng của bầu, bí, chung một giàn... Bao gồm những gì?

Áp dụng câu hỏi "**Tại sao?**" ta sẽ có:

6. Tại sao bầu phải thương lấy bí?

7. Tại sao bầu bí khác giống lại chung một giàn?

Áp dụng câu hỏi "**Như thế nào?**" Ta sẽ có:

8. Bầu và bí có sự khác biệt như thế nào?

9. Bầu và bí có mối liên kết ra sao? Nghĩa bóng?

10. Tình thương cần thể hiện như thế nào là đúng?

11. Tình thương cần thể hiện như thế nào là sai?

III. CÁC BÀI THAM KHẢO

69. Dựa vào *Chiếu dời đô* của Lý Công Uẩn và *Hịch tướng sĩ* hãy nêu suy nghĩ của em về vai trò của những người lãnh đạo anh minh.

BÀI THAM KHẢO

I. Mở bài

Cách đây đúng một ngàn năm trước, năm 1009, vua Lý Công Uẩn lên ngôi hoàng đế, lấy hiệu là Lý Thái Tổ. Mùa xuân sau đó là năm 1010, vua Lý Thái Tổ đã dời đô từ Hoa Lư về Thăng Long. Từ đó về sau, triều Lý truyền ngôi được hơn 200 năm, trong hoàn cảnh đất nước thái bình thịnh trị. Đến khoảng năm 1231, một người con trai chào đời tại Kiếp Bạc, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương, đã có một thầy tướng bảo rằng: "*Người này ngày sau có thể cứu nước giúp đời!*" (Theo *Đại Việt sử kí toàn thư* ghi chép). Đó chính là Trần Hưng Đạo, người anh hùng, đức Thánh Trần, người đã để lại bài Hịch tướng sĩ và Binh thư yếu lược. Vậy chúng ta hãy dựa vào Chiếu dời đô của Lý Thái Tổ và Hịch tướng sĩ của Trần Hưng Đạo để tìm hiểu về vai trò của những người lãnh đạo anh minh!

II. Thân bài

Phần mở đầu bài chiếu, tuy là một bậc đế vương, là "thiên tử" nghĩa là có quyền thay trời quyết định mọi chuyện nhân gian, vậy mà vua Lý Thái Tổ vẫn viết những câu văn đặc biệt nhấn mạnh đến "ý dân": "*trên vâng mệnh trời, dưới theo ý dân, nếu thấy thuận tiện thì thay đổi*".

Đại Việt sử kí toàn thư ghi lại rằng khi vua Đinh Tiên Hoàng chọn đất làm đế đô, nhà vua đã chọn Hoa Lư vì: "*Chọn được đất hẹp ở Đàm Thôn, vua muốn dựng đô ở đó, nhưng thế đất hẹp mà thiếu hiểm trở, nên vẫn đóng đô ở Hoa Lư*". Hoa Lư là vùng đất bằng phẳng nhưng chật hẹp và bị bao vây bởi những dãy núi đá vôi dựng đứng, ra vào chỉ có một con đường độc đạo. Hiểm trở thì hiểm trở thật, song

không có lợi cho việc xây dựng triều đại và phát triển đất nước. Ở Hoa Lư, nhà Đinh và nhà Tiền Lê không bị giặc ngoại xâm, mà lại liên tiếp những nội loạn: vua tôi, cha con, anh em tranh giành nhau ngai vàng: Đinh Liễn giết em là Hạng Lang khi vua cha Đinh Tiên Hoàng còn tại thế, Đô Thích là bề tôi lại giết Đinh Tiên Hoàng, Lê Đại Hành vừa mất thì ba con đánh nhau....Đó là những lí do mà Lý Thái Tổ đã thể hiện qua câu: *"Hai triều Đinh Lê vẫn theo ý riêng mình...cứ đóng yên thành ở đây, khiến cho triều đại không được lâu bền, số vận ngắn ngủi, trăm họ phải hao tổn, muôn vật không được thích nghi. Trẫm rất đau xót về việc đó, không thể không dời đổi".*

Sau khi phân tích những lí do khiến vua nhà Lý muốn dời đô, nhà vua đã phân tích những ưu điểm của vùng đất mới: "Huống gì thành Đại La, ở vào nơi trung tâm của trời đất; được cái thế rồng cuộn hổ ngồi. Đã đúng ngôi Nam Bắc Đông Tây, lại tiện hướng nhìn sông dựa núi. Địa thế rộng mà bằng, đất đai cao mà phẳng; dân cư khỏi chịu cảnh khốn khổ ngập lụt, muôn vật cũng rất phong phú tốt tươi...."

Qua phần phân tích những ưu điểm của thành Đại La, chúng ta thấy vua nhà Lýđã không xuất phát từ mục đích phòng ngự, mà xuất phát từ ý muốn cho *"dân cư khỏi chịu cảnh khốn khổ ngập lụt"* đời sống của vua quan và toàn dân cũng khởi sắc vì *"muôn vật cũng phong phú tốt tươi". Sử gia Ngô sĩ Liên khen rằng: "Núi là vạt áo che, sông là dải đai thắt, sau lưng là sông nước, trước mặt là biển, địa thế hùng mạnh mà hiểm, rộng mà dài, có thể là nơi vua ở hùng tráng, ngôi báu vững bền, hình thế Việt Nam, không nơi nào hơn được nơi này!"*

Không những vua Lý Thái Tổ vừa tỏ lòng chăm lo, cải thiện đời sống muôn dân trong câu trên, mà nhà vua còn thể hiện bản lĩnh và ước vọng chính đáng của một nhà lãnh đạo anh minh trong việc ca ngợi những người lãnh đạo biết lo toan nghiệp cả dài lâu: *"Phải đâu các vua thời Tam Đại theo ý riêng mình mà tự tiện chuyển dời? Chỉ vì muốn đóng đô ở nơi trung tâm, mưu toan nghiệp lớn, tính kế muôn đời cho con cháu..."*

Thực vậy, dời đô ra Thăng Long, lợi ích về giao thương kinh tế đã rõ, còn về quân sự, tuy không có núi non hiểm trở như Hoa Lư, nhưng vẫn rất thuận tiện về việc giữ nước, giữ thành. Nếu kẻ xâm lược phương Bắc tấn công bằng đường sông, thì mỗi con sông là một phòng tuyến, nếu xâm lược bằng đường bộ, cũng phải băng qua nhiều cầu, nhiều sông, dân chúng hai bên bờ sông là lực lượng chiến sĩ can cường sẵn sàng bảo vệ quê hương!

Thế rồi, *"trên vâng mệnh trời, dưới theo ý dân"*, lần đầu tiên nhà Lý đã giữ vững chính quyền suốt hơn hai trăm năm, còn bảo toàn và mở rộng lãnh thổ của mình. Xây dựng Văn Miếu năm 1070 và Quốc Tử Giám năm 1070 đánh dấu sự phát triển của văn hóa và giáo dục, các khoa thi tuyển chọn hiền tài đã được mở ra bắt đầu từ năm 1075. Thể chế chính trị cũng được phân cấp quản lí rõ ràng, dựa vào luật pháp nhiều hơn là sự chuyên quyền độc đoán của một cá nhân. Công lao dời đô và xây dựng đất nước của Lý Thái Tổ thực sự lớn lao, lưu danh muôn thuở với non sông nước Việt!

Năm 1283, vua Nguyên sai Toa Đô mang quân đánh Chiêm Thành, nhưng chưa được. Năm 1284, Nguyên Thái Tổ bên Tàu muốn tiến đánh Đại Việt, phong cho hoàng tử Thoát Hoan làm Trấn Nam Vương.

Tháng 12 năm 1284, tướng nhà Nguyên là hoàng tử Thoát Hoan đem theo 16 tướng hùng mạnh cùng các quân sĩ giỏi chia làm 3 ngả tiến đánh Chi Lăng. Trần Hưng Đạo thất thế tại sông Đuống đưa quân chạy về Vạn Kiếp. Vua Trần Nhân Tông thấy thế giặc mạnh, phải bỏ kinh thành Đại La mà chạy, rồi cho mời Hưng Đạo Vương về Hải Dương mà phán rằng: "*Thế giặc to như vậy, mà chống với chúng thì dân chúng bị tàn sát, nhà cửa bị phá hại, hay là trẫm sẽ chịu hàng để cứu muôn dân?*"

Trần Hưng Đạo tâu rằng:

"Bệ hạ nói câu ấy là lời nhân đức, nhưng tôn miếu xã tắc thì sao? Nếu bệ hạ muốn hàng, xin hãy chém đầu thần trước đã, rồi sau hãy hàng!"

Từ câu thề mang đầu ra giữ ngai vàng và xã tắc, *Hịch tướng sĩ* ra đời cùng với *Binh thư yếu lược*, trong lúc ấy, Thoát Hoan cùng các binh tướng đang đóng đô tại kinh đô nước Việt. Đau nỗi đau của dân tộc, nhục nỗi nhục của hoàng gia và võ tướng, Trần Quốc Tuấn đã cầm bút viết *Hịch tướng sĩ*, không phải là giọng văn của kẻ sĩ chốn học đường, mà là tiếng kêu gào, tiếng trống kèn của một đại tướng thúc giục mọi quân sĩ xông pha giết giặc!

Tấm lòng đau đớn của Trần Quốc Tuấn chẳng phải nỗi buồn thương của một văn nhân khi nước mất nhà tan, mà là nỗi căm hận sục sôi kìm nén trong tiếng rít giữa kẽ răng, truyền đến ngàn vạn binh tướng bằng giọng văn hào hùng khí khái: "*Ta cùng các người sinh ra phải thời loạn lạc, lớn lên gặp buổi gian nan, ngó thấy sứ giặc đi lại nghênh ngang ngoài đường, uốn lưỡi cú diều mà sỉ mắng triều đình, mang thân dê chó mà bắt nạt tể phụ...thật khác nào ném thịt nuôi hổ đói, sao cho khỏi tai vạ về sau!...nay các ngươi ngồi nhìn chủ nhục mà không biết lo, thấy nước nhục mà không biết thẹn, làm tướng triều đình phải hầu quân giặc mà không biết tức, nghe nhạc thái thường để đãi yến ngụy sứ mà không biết căm*".

Ngày dựng kinh đô, Lý Thái Tổ ca ngợi Đại La thành, ao ước non sông vĩnh cửu, thì nay Trần Quốc Tuấn không hổ danh tôn tử anh hùng, đêm không ngủ, ngày không ăn, nuôi chí khôi phục cơ đồ đã mất: "*Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối, ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa...Chỉ căm tức rằng chưa xẻ thịt lột da, nuốt gan, uống máu quân thù. Dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa, cũng nguyện xin làm*" bằng cách phân tích những thú vui chơi sa đạo của các tướng sĩ:

"Hoặc lấy việc chọi gà làm vui đùa, hoặc lấy việc đánh bạc làm tiêu khiển, hoặc vui thú vườn ruộng, hoặc quyến luyến vợ con, hoặc lo làm giàu mà quên việc nước, hoặc ham săn bắn mà quên việc binh, hoặc thích rượu ngon, hoặc mê tiếng hát..."

Mặc dù là đại tướng quân, Trần Hưng Đạo đã đưa ra lời thuyết phục hết sức cảm động, vô cùng thống thiết bằng nghệ thuật sử dụng những hình ảnh đối lập thật chua chát:

"Nếu có giặc Mông Thát tràn sang thì cựa gà trống không đâm thủng áo giáp của giặc; mẹo cờ bạc không thể dùng làm mưu lược nhà binh; dẫu rằng ruộng lắm vườn nhiều, tấm thân quý nghìn vàng khôn chuộc, và lại vợ bìu con ríu, việc quân cơ trăm sự ích chi!"

Để thức tỉnh ba quân tướng sĩ, Trần Hưng Đạo không hề dùng kỉ luật hay pháp luật, mà những lời kêu gọi chân thành của vị tướng tài ba này xuất phát từ dòng máu tha thiết yêu quê hương, căm thù giặc xâm lược:

"tiền của tuy nhiều, không mua được đầu giặc, chó săn tuy khỏe, không đuổi được quân thù; chén rượu ngon không làm giặc say chết, tiếng hát hay không thể làm cho giặc điếc tai. Lúc bấy giờ, ta cùng các ngươi sẽ bị bắt, đau xót biết chừng nào!"

Ở đoạn hịch này, ta thấy hình ảnh dữ dội được đưa lên đầu đoạn là "đầu giặc"! Thực sự đối với một võ tướng, đầu giặc là tất cả sự nghiệp của người ấy! Huống chi là đối với Trần Hưng Đạo, ông đã lấy đầu mình ra thay cho sự hi sinh của Trần Nhân Tông.

Cuối bài hịch, sau khi vẽ ra cái tiền đồ tối tăm của các tướng sĩ bê tha sau khi thua trận, mất nước, tác giả đã khuyên nhủ hết lời các tướng sĩ hãy tìm ra con đường chân chính mà tiến bước: học tập binh thư yếu lược để cứu nước. Câu trả lời cho Trần Hưng Đạo là những chiến thắng chống quân Nguyên vang dội đến ngày nay.

Hơn một ngàn năm qua, lịch sử nước Việt đã trải qua bao sóng gió thăng trầm, nhưng công lao của Lý Thái Tổ và Trần Hưng Đạo mãi mãi là những vết son không phai trong văn học và lịch sử Việt Nam! *Chiếu dời đô* của Lý Thái Tổ là một tài liệu lịch sử đáng tự hào và ghi ơn; *Hịch tướng sĩ* của Trần Hưng Đạo vừa có giá trị văn học, lịch sử, lại vừa là một tấm gương rạng ngời thiên thu về tình yêu nước của anh hùng dân tộc Việt Nam xưa.

Mộc Lan

70. "*Nếu không có mục đích, anh không làm được gì cả. Anh cũng không làm được cái gì vĩ đại nếu như mục đích tầm thường" (Điđơrô).*

Em hiểu câu nói trên như thế nào? Câu nói đã gợi cho em những suy nghĩ nào về quan niệm sống của bản thân hiện nay?

BÀI THAM KHẢO

Trong xã hội, có người công thành danh toại, cũng có kẻ suốt đời lao đao, lận đận chẳng làm nên chuyện gì đáng kể. Có người sống không hề băn khoăn về mục đích, tựa như con tàu ra biển không xác định hướng đi, sống không biết ai, chết chẳng ai hay. Lại có người ý đồ thì rất lớn mà sự nghiệp rất nhỏ. Chuyện thành công hay thất bại do rất nhiều nguyên nhân tạo nên; trong đó chủ yếu là tính "mục đích". Nhà văn Pháp nổi tiếng Điđơrô đã nhận xét: "*Nếu không có mục đích, anh không làm được gì cả. Anh cũng không làm được cái gì vĩ đại nếu mục đích tầm thường*".

Câu nói của ông đề cập đến tính "*mục đích*" của mọi công việc, mọi hoạt động của con người. Con người phải có mục đích sống. Mục đích sống tốt đẹp là nguồn động viên con người phấn đấu để đạt được kết quả tốt đẹp hơn, sống hữu ích hơn trong xã hội.

Nhận xét trên của Điđơro hoàn toàn chính xác. Trong đời sống hàng ngày, thường khi bắt tay vào làm một việc gì, người ta đều đặt ra "*mục đích*" của công việc đó. Vậy "*mục đích*" là gì? *Mục đích là yêu cầu đặt ra trước khi thực hiện một công việc. Chúng ta có thể hiểu một cách đơn giản rằng "mục đích" chính là*

cái mà ta cần phải phấn đấu để đạt được trong quá trình thực hiện công việc, là "kết quả cuối cùng" phải đạt được mà con người "xác định" trước khi "hành động". Nó sẽ hướng mọi suy nghĩ, hành động, tập trung ý chí, nghị lực của con người để đạt được yêu cầu đã đặt ra.

"Mục đích" là kim chỉ nam của con người cho nên con người không thể sống, làm việc mà không có *"mục đích"* nào cả.

Khác với mọi loài thú khác sống theo bản năng tự nhiên, con người có trí tuệ soi sáng nên thường đặt ra yêu cầu cụ thể trước mỗi việc làm hay còn gọi là mục tiêu hành động và trí tuệ chi phối mọi suy nghĩ. Loài người thường dùng lí trí để phân biệt đúng sai, nên hay không nên khi hành động. Hành động thiếu mục đích thường không có hiệu quả. Trước khi làm một việc gì, con người thường đặt ra *"mục đích"* ấy. Từ trước tới nay, đã có bao nhiêu nhà bác học nghiên cứu, tìm tòi, sáng tạo trên mọi lĩnh vực để đem lại những kết quả tốt đẹp nhất, nhằm mục đích cải thiện đời sống con người.

"Mục đích" sẽ mở phương hướng, dẫn dắt mọi hoạt động của con người.

Có *"mục đích"*, con người mới có động lực thúc đẩy trong công việc, có niềm vui và niềm tin vào việc mình làm. Ngược lại, nếu sống không có *"mục đích"*, con người sẽ trở nên thụ động, bạc nhược và vô dụng, cuộc đời mất hết ý nghĩa.

Trăm ngàn công việc tới trăm ngàn *"mục đích"* khác nhau, mục đích có lớn, nhỏ, xấu tốt, tầm thường. Mỗi người đều có một mục đích sống riêng mình. Tầm quan trọng của *"mục đích"* là điều ai cũng phải công nhận nhưng *"mục đích"* như thế nào là chuyện cần bàn. Điđơro rất có lí khi nói: *"Anh cũng sẽ không làm được gì vĩ đại nếu như mục đích tầm thường."*.

Thế nào là *"mục đích"* tầm thường? Một kẻ chỉ nghĩ đến quyền lợi của cá nhân, làm gì cũng chỉ nhằm đạt kết quả cho cá nhân mình, cho gia đình mình mà không nghĩ đến quyền lợi của những người chung quanh thì *"mục đích"* ấy là *mục đích* tầm thường, ích kỉ. Cách sống của người đó không có ích cho cộng đồng. Bên cạnh đó, không ít người sống có mục đích cao thượng tốt đẹp. Họ là những con người có ích cho xã hội, gia đình và suốt đời cống hiến cho dân, cho đất nước, không màng gì đến bản thân. Họ sẵn sàng hi sinh tất cả để đất nước ngày càng giàu đẹp, nhân dân ngày càng sung sướng.

Động cơ nào thúc đẩy họ làm việc quên mình nếu không phải là *"mục đích"* đẹp đẽ và cao thượng? Như vậy, *"mục đích"* cao thượng chính là ngọn đuốc chỉ đường, là nguồn sức mạnh động viên con người tập trung ý chí, nghị lực và trí tuệ để thực tốt mọi công việc. Nhờ có *"mục đích"* sống lớn lao, cao cả, Hai Bà Trưng, Hồ Chí Minh .... cùng chung một khát vọng: bảo vệ Tổ quốc, đánh đuổi ngoại xâm, giành chủ quyền độc lập, tự do thiêng liêng cho dân tộc. Công lao to lớn của các vị anh hùng đó đời đời được nhân dân ca tụng và ghi nhớ.

Trong hoàn cảnh đổi mới hiện nay, các vị lãnh đạo Đảng và Nhà nước ta ngày đêm trăn trở, tìm đường đi đúng đắn nhất để khôi phục và phát triển kinh tế, nâng cao mức sống cho nhân dân, xây dựng một đất nước Việt Nam giàu mạnh như Bác Hồ hằng mong muốn. Đó là *"mục đích"* tốt đẹp. *"Mục đích"* đó đã tạo ra sức bật mới cho toàn dân tộc. Nhân dân ta bước đầu đã gặt hái được những thành công đáng kể.

Trong thời đại mới, sức mạnh của mỗi dân tộc không chỉ ở lòng dũng cảm và số lượng đông đảo quân đội như trước đây. Ngày nay, sức mạnh của mỗi dân tộc là sức mạnh của trí tuệ, của khoa học kĩ thuật và kinh tế phồn vinh. Các cường quốc trên thế giới đều là những nước phát triển kinh tế cao. Đối với ta, điều đó chỉ thực hiện được khi chủ nhân của đất nước là những người có trình độ, văn hoá kĩ thuật cao, có khả năng hoà nhập với trình độ của thế giới. Muốn vậy, không có cách nào là ra sức học tập thật tốt, học hỏi không ngừng.

Mục đích học tập tốt sẽ có tác dụng rất lớn đến việc hình thành và phát triển nhân cách. Nó làm cho con người ngày càng trở nên hoàn thiện hơn, hữu ích cho gia đình, xã hội.

Là thành viên còn nhỏ tuổi trong gia đình và xã hội, được cha mẹ cho cắp sách đến trường, liệu có ai đặt câu hỏi: "Học để làm gì" hay không? Nếu chúng ta xác định không đúng thì dễ thối chí nản lòng khi gặp khó khăn trong học tập. Quá trình học từ lớp 1 đến lớp 12 phải là quá trình rèn luyện phấn đấu không mệt mỏi của người học sinh.

Vậy học để làm gì? Học để ngày mai bước vào đời có một vốn kiến thức tối thiểu để làm người. Học để hiểu được điều hay lẽ phải. Học để khi trưởng thành có thể làm việc tự nuôi mình, giúp gia đình và giúp đời.

Nhưng mục đích tốt đẹp của mỗi người không phải tự nhiên mà có. Nó là kết quả của một quá trình rèn luyện và phấn đấu lâu dài của mỗi cá nhân. Ở lứa tuổi học sinh chúng ta, mục đích cao đẹp không phải là cái gì xa xôi, khó đạt tới. Chúng ta cần có nhận thức đúng đắn: Học tập là để nâng cao trình độ hiểu biết, nắm vững khoa học kĩ thuật, sau này dùng những tri thức đã học được để phục vụ đồng bào, Tổ quốc. Như vậy việc học tập của chúng ta đã có được mục đích tốt đẹp. Câu nói của nhà văn Pháp ĐicđơRô thật thấu tình đạt lí.

71. Đề: Một nhà văn Tây phương nói: *"Đời người không phải là một ngày hội cũng chẳng phải là một ngày tang tóc, mà là một ngày cần lao".* Em hãy thử giải thich câu nói ấy và nêu lên thái độ sống tốt nhất cho tuổi trẻ.

DÀN BÀI GỢI Ý

I. Mở bài

Nhập đề trực tiếp so sánh đối chiếu hai quan niệm nhân sinh: bi quan và lạc quan, do đó mà có câu bình luận.

II. Thân bài

A. Giải thích

- Thế nào là một ngày hội?
- Thế nào là một ngày tang tóc?
- Thế nào là một ngày cần lao?

B. Chứng minh

1. Đời người không phải là một ngày hội

- Cái tư tưởng bi quan cổ truyền của sĩ phu trước thời cuộc (Lý Bạch, Trạng Trình, Cao Bá Quát...)

- Hình thức lạc quan mà nội dung bi quan.
- Những ai coi đời người là ngày hội: kẻ ăn chơi, người vô tích sự, bất tài.
- Kết cục của ngày hội là ngày tang tóc.
- Không đồng ý quan niệm *"đời là ngày hội"*.

2. *Đời người không phải là một ngày tang tóc*
   - Quan niệm của kẻ bi quan, chán đời.
   - Hình thức và nội dung hoàn toàn bi quan.
   - Quan niệm này chặn đứng sự phát triển của xã hội.
   - Ta không đồng ý quan niệm *"đời là một ngày tang tóc"*.
3. *Đời người là một ngày cần lao*
   - Sự cần lao nuôi sống con người, nuôi sống xã hội.
   - Sự cần lao xây dựng con người, tái thiết xã hội.
   - Không một thứ gì tồn tại mà không do sức cần lao.
4. *Thái độ cần lao*
   - Cần lao là một phương tiện giúp ta đạt được lí tưởng tu thân, xây nhà, dựng nước.
   - Cần lao để tiến triển chứ không phải là để phá hoại.
   - Cần lao không phải là hình thức khổ sai, đó là hình thức nhiệm vụ.
   - Cần lao và lạc quan phải đi đôi, bồi bổ lẫn nhau.

III. Kết bài

- Không quá lạc quan, cũng không quá bi quan (lạc cực sinh bĩ)
- Chung lo cải tiến xã hội là nhiệm vụ của chúng ta.

Bài viết số 7:

72. Tuổi trẻ và tương lai đất nước

BÀI THAM KHẢO

Chủ tịch Hồ Chí Minh, lãnh tụ vĩ đại của Đảng ta, dân tộc ta, đã viết trong Thư gửi thanh niên và nhi đồng toàn quốc năm 1946 như sau: *"Một năm khởi đầu từ mùa xuân. Một đời khởi đầu từ tuổi trẻ. Tuổi trẻ là mùa xuân của xã hội"*. Vậy hôm nay chúng ta hãy cùng nhau bàn bạc về tuổi trẻ và tương lai của đất nước nhé!

Nói về đất nước ta trước năm 1945, thật là những cuộc sống tối tăm:

"Ôi nhớ những đêm nào thuở trước
Xóm làng ta xơ xác héo hon
Nửa đêm thuế thúc trống dồn
Sân đình máu chảy, làng thôn lính đầy"....

Những mảnh đời như lão Hạc, chị Dậu và cái Tí thật chẳng có lối thoát không còn hi vọng gì, còn con trai lão Hạc thì:

"Bán thân đổi mấy đồng xu
Thịt xương vùi gốc cao su mấy tầng ..."

ABC

Kiếp sống của nhân dân lao động thì tăm tối, bị chà đạp về nhân phẩm và quyền sống; kiếp sống của những người trí thức cũng chẳng có tương lai: những ông giáo của Nam Cao cũng hệt như con hổ nhớ rừng: "*Nay sa cơ chịu nhục nhằn tù hãm*"...

Nhưng Bác Hồ đã tiên đoán được tiềm năng của dân tộc Việt chúng ta. Năm 1921, người đã viết: *"Đằng sau sự phục tùng tiêu cực, người Đông Dương giấu một cái gì đang sôi sục, đang gào thét và sẽ bùng nổ một cách ghê gớm khi thời cơ đến"*.

Với ý nghĩa "tuổi trẻ là mùa xuân của xã hội, thực sự thanh niên là lực lượng hùng hậu, có sức khỏe. Có học vấn và tiềm năng sáng tạo, có khả năng tiếp cận và làm chủ khoa học hiện đại. Trong giai đoạn cách mạng mới, trước xu thế toàn cầu hóa về kinh tế và bối cảnh thế giới biến động phức tạp, Đảng ta đã khẳng định: "Thanh niên là lực lượng xung kích cách mạng, là nguồn nhân lực quyết định thắng lợi trong sự nghiệp xây dựng đất nước ta trong thời kì công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Thanh niên chiếm 1/3 dân số, là lực lượng xung kích, là người chủ hiện tại và tương lai của đất nước ta. Hiện nay, thanh niên ta đang đứng trước những thời cơ là:

- Sự nghiệp đổi mới của Đảng, sự đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, sự quan tâm của nhà nước và các cấp chính quyền và các ngành mở ra cho thanh niên nhiều cơ hội để phát huy tài năng, cống hiến và trưởng thành.
- Các chính sách của nhà nước như phát triển giáo dục, nâng cao trình độ học vấn và tay nghề, các chính sách khuyến khích đầu tư và phát triển kinh tế nhiều thành phần vv...là cơ hội để thanh niên vươn lên làm giàu chính đáng.

Trong những năm 1920, Bác viết bài "*Gửi thanh niên An Nam*" như sau:

"Thanh niên chúng ta đang làm gì? Nói ra thì buồn, buồn lắm: họ không làm gì cả. Những thanh niên không có phương tiện thì không dám rời quê nhà; những người có phương tiện thì lại chìm ngập trong sự biếng nhác; còn những kẻ xuất dương thì chỉ nghĩ đến việc thỏa mãn tính tò mò của tuổi trẻ mà thôi! Hỡi Đông Dương đáng thương hại! Người sẽ chết mất, nếu đám thanh niên của người không sớm hồi sinh!". Cùng thời lúc ấy, nhà cách mạng Phan Bội Châu cũng mượn tiếng gà gáy để đánh thức tuổi trẻ:

"Dậy! Dậy!Dậy!
Bên án, một tiếng gà vừa gáy...
Chim trên cây cũng tỏ ý chào mừng
Xuân ơi xuân, em có biết cho chăng?
Ba mươi năm lẻ đã từng chua với xót...!!"
Rồi từ đó, nhà chí sĩ kêu gọi thanh niên:
Chẳng thèm chơi, chẳng thèm mặc, chẳng thèm ăn
Đúc gan sắt để dời non lấp bể
Xối máu nóng rửa vết nhơ nô lệ...
Mới thế này là mới! Hỡi chư quân!"...

Bao nhiêu năm trôi qua từ những năm 1920 ấy, bao anh hùng đã đổ máu xương xuống mảnh đất này! Bây giờ, trong những thanh niên thế kỉ XXI, ai là người còn nhớ đến những người lãnh tụ chịu tù tội, ai đếm được những máu xương nhuộm thắm quê hương để giành độc lập tự do? Nếu bạn có một hoài bão

cao đẹp dựng xây đất nước, xin hãy đi lên bằng nghị lực của mình và một trí tuệ được thụ hưởng có chọn lọc thời mở cửa của thế kỉ XXI. Mong sao những thanh niên như thế có một tương lai tươi sáng khi bạn biết đi lên, sống xây dựng và cống hiến, bạn sẽ có một tương lai tươi sáng giữa một góc quê hương giàu đẹp!

Nhưng nếu bạn là một trong những bạn trẻ đang rong chơi thay cho việc vùi đầu vào nghiên cứu và học tập? Nếu bạn ăn chơi và vô tình sa chân vào con đường nghiện ngập, khó thoát ra? Vậy thì tương lai của những người như bạn đưa đất nước quê hương về đâu? Bạn đưa gia đình thân thích bạn đi đến nơi nào nếu nơi bạn đến là bệnh viện chữa AIDS? Nếu thanh niên chúng ta không là gánh nặng cho gia đình, xã hội, mà là chỗ dựa cho người thân yêu, thì đó là "con hơn cha là nhà có phước". Đất nước càng nhiều người như thế, càng giàu mạnh hùng cường.

Bài của học sinh Nguyễn thị Ngọc Bình

73. Bài viết số 7: Hãy nói không với các tệ nạn cờ bạc, ma túy, văn hóa phẩm không lành mạnh

BÀI THAM KHẢO

Học sinh là lứa tuổi của sự tò mò hiếu động và mong muốn khám phá những điều mới lạ nhưng học sinh rất dễ bị sa ngã. Dựa vào đó các tai họa của nhân loại như cờ bạc, ma túy, văn hóa phẩm đồi trụy đã nhanh chóng xâm nhập và lan rộng trong môi trường thanh niên. Sau đây chúng ta đi vào tìm hiểu tác hại của cờ bạc, ma túy và các văn hóa phẩm không lành mạnh có tác hại thế nào với lứa tuổi thanh niên học sinh.

Tuổi thanh thiếu niên chúng em là lứa tuổi đẹp nhất của đời người. Có nhiều thành ngữ, tục ngữ ca ngợi tuổi này như *"Tuổi trăng tròn"*, *"Tuổi mười bảy bẻ gãy sừng trâu"*. Đó là lứa tuổi mà thể lực phát triển đến mức tối đa, đầu óc chứa đầy những ước mơ cao đẹp, khao khát cống hiến, hi sinh.

Tuổi chúng em cũng là lứa tuổi có sức tiếp thu nhạy bén, ham tìm hiểu khoa học kĩ thuật nước ngoài, thích cái mới. Nhưng ngược lại, tuổi thanh niên cũng có những khuyết điểm như ham vui, dễ sa ngã, thân thiết với bạn bè, nhưng không biết phân biệt kẻ tốt người xấu.

Chính vì thế mà có những nguy cơ đang rình rập, nhiều cạm bẫy đang chờ đợi chúng em. Đó là hiểm họa cờ bạc, ma tuý, và văn hóa phẩm không lành mạnh. Vậy, chúng ta hãy thử đi vào tìm hiểu vấn đề này!

Cờ bạc là những trò chơi dựa vào sự may rủi, người chơi cờ bạc ban đầu xuất phát từ giải trí, nhưng sau đó bị "máu tham" nổi lên,không thể nào dừng lại được nữa! Hình thức của cờ bạc là sử dụng những lá bài tây, hoặc dựa vào xổ số để *ghi đề*, có người lại dựa vào những trận bóng đá hay những trận đua ngựa để "cá cược". Tất cả đều là những hình thức khác nhau của cờ bạc mà thôi! Cờ bạc ngày xưa có hình thức đơn giản hơn, nhưng cũng làm cho bao người khánh kiệt, nhà tan cửa nát. Con mất cha, vợ mất chồng. Cổ tích Việt Nam còn kể về những người đàn ông mê cờ bạc, mất hết tiền của, nhà đất rồi còn đem vợ đẹp ra mà đánh bạc!! Xem thế mới thấy cờ bạc có một "ma lực" thật đáng sợ! Người xưa có câu:

" Cờ bạc là bác thằng bần
Áo quần bán hết, tra chân vào cùm"

Các học sinh, thanh niên chúng em nên lánh xa trò cờ bạc, vì trong giới này còn những tay chơi chuyên nghiệp, luôn lừa gạt những người mới vào để lấy tiền kẻ ngây thơ. Đó là loại người "*cờ gian bạc lận*" mà không thể nào chúng ta thắng nổi họ!

Gần đây, thanh niên lại phải đối đầu với nguy cơ mới trên toàn thế giới: Ma túy!

"Ma" là cây gai, nghĩa bóng còn chỉ thói quen không thể chừa được. *"Tuý"* là say. Ma tuý là chất gây say, gây nghiện, không thể chừa bỏ được khi đã vướng vào. Nó là một danh từ chỉ chung các chất: cần sa, cocain, á phiện, heroin và các chất kích thích khác như xì cọt, bồ đà, thuốc lắc.....Theo lời những nạn nhân đã mắc vào ma túy thì nó có sức hấp dẫn một cách đáng sợ vì khi hút vào, nó làm người hút có một cảm giác lâng lâng kì lạ. Nhưng cạm bẫy tai hại của ma túy là khi đã hút vài lần thì không thể nào bỏ được nữa. Con nghiện bị cồn cào, cơn ghiền hành hạ thể xác đến độ mất hết lương tri, bằng mọi cách, người nghiện phải có thuốc, dù cho phải ăn cắp, cướp giựt hay là giết người, lừa gạt thân nhân để kiếm tiền hút chích! Họ có thể hành hung những người xung quanh, người thân của chính mình mà không có ý thức. Căn bệnh ghiền ma túy ấy đã làm mất đi lí trí của người con ngoan, người anh tốt trong cộng đồng để trở thành con nghiện nguy hiểm.

Trong lúc chính quyền các nước và bao tổ chức an ninh chống buôn bán ma túy thì các con buôn thế giới sẵn sàng bỏ bao nhiêu tỉ đô la và súng đạn, giết bao nhiêu người để buôn ma túy, vì số tiền lời là khổng lồ!

Con nghiện thường dùng nó dưới hình thức hút, chích để thỏa mãn cơn nghiện. Những kẻ khi đã nghiện thì đê mê, mất tỉnh táo về tinh thần, làm mất những kháng thể trong cơ thể, từ đó cơ thể suy nhược chỉ vì những chứng bệnh rất thông thường. Sự thiếu thuốc làm cho con nghiện mất hết lí trí, bị vật vã dữ dội và phải tìm mọi cách có tiền để thỏa mãn cơn nghiện bằng cách xin mượn, lừa đảo, ăn cắp. Các thanh niên, học sinh khi đã đi vào con đường nghiện ngập sẽ đi cướp giật của người khác, thậm chí không ngần ngại hành hung người thân quen quanh mình để có được tiền đi hút. Việt Nam ta là một nước đang phát triển nên ma túy vẫn còn hoành hành khắp Bắc Nam... Mới đây ở Thị Nghè một thanh niên đang trong cơn nghiện đòi tiền của mẹ để đi hút, người mẹ không cho, con nghiện đã đốt nhà và trong lúc sơ sẩy hắn đã bị điện giật chết trên nóc nhà mình. Đó là một trường hợp đau lòng đã xảy ra.

Trong thời gian tiêm chích người bệnh sẽ bị suy nhược cơ thể, đánh mất nhân cách đạo đức và nguy hiểm nhất là có khả năng lây nhiễm cho người khác làm lây lan dịch AIDS. Đối tượng học sinh là mục tiêu hàng đầu của những kẻ dụ dỗ buôn bán ma túy. Và cũng vì tính tò mò hiếu kì mà các em rất dễ sa ngã.

Các lí do khác khiến thanh niên dễ sa vào ma tuý là họ có một lối sống thiếu lí tưởng, thừa tiền bạc, cha mẹ nuông chiều, thả lỏng, giải trí không lành mạnh và cặp kè với bạn xấu. Vì vậy Nhà nước ta cũng đã tuyên truyền, giáo dục học sinh và thực hiện các biện pháp nghiêm khắc với những học sinh có hành vi tuyên truyền buôn bán ma tuý.

Cai nghiện héroin không phải là dễ dàng vì ý chí con người dễ bị tàn lụi, không thể chống lại những cơn vật vã khổ cực của cơn đói thuốc (vã mồ hôi, co giật, cảm thấy như ngàn mũi kim đâm vào thịt, như triệu con giòi bò lúc nhúc trong thịt. Những

người cai nghiện được sáu tháng, một năm, biết sự nguy hiểm của héroin đã làm khổ mình, gia đình mình hết sức, nhưng về nhà lại tái nghiện vì ý chí bị suy sụp.

Tác hại lớn nhất của héroin là dẫn đến HIV/AIDS: bao nhiêu người dùng một ống tiêm (chích) chỉ cần một người nhiễm HIV chích chung sẽ làm lây nhiễm qua đường máu cho kẻ khác một cách dễ dàng. Tuổi thọ của người nghiện héroin chỉ đếm được trên mấy đầu ngón tay, có người chích xong lăn đùng ra chết. Làm sao mà không chết khi đưa chất độc với những tạp chất (pha chế thêm) vào mình. Nếu người nghiện héroin nhiễm HIV thì sẽ nhanh chóng chuyển sang giai đoạn AIDS vì cơ thể suy sụp. HIV nhân bản mỗi ngày 10 tỉ siêu vi khuẩn, chỉ cần vài tuần con người đã trở thành *"con vật HIV"*. Nếu có thời gian theo dõi báo chí, chúng ta sẽ lo sợ biết bao trước hiểm họa của ma túy. Những số liệu thanh niên nghiện hút ngày càng tăng. Nhiều tội phạm buôn bán ma tuý đã bị bắt. Nhiều tổ chức tốt hướng dẫn, giúp đỡ thanh thiếu niên đã được lập ra như: trung tâm cai nghiện Bình Triệu, trung tâm tư vấn sức khỏe cộng đồng, những tổ chức y tế dự phòng.

Điều nguy hiểm hơn nữa là các văn hóa phẩm không lành mạnh như những phim ảnh thiếu đạo đức, nhiều án mạng hoặc nhiều kích thích về bản năng thấp hèn đang được lưu truyền rộng rãi. Trước nó lan truyền vào Việt Nam bằng những cuộn băng đĩa xách tay từ nước ngoài, bây giờ lan truyền bằng con đường internet!

Thực sự nếu là một học sinh biết lựa chọn tư liệu, thì internet là một phương tiện học tập hiện đại và phong phú. Nhưng đi vào internet khi chưa đủ kiến thức về môn vi tính, chúng ta sẽ bị những người xấu len lỏi vào máy tính của ta bằng những lá thư hấp dẫn, những phần thưởng và quà tặng bất ngờ thật lớn lao! Sau một cái click chuột của ta, là những trang web độc hại hiện ra, kèm vào đó là những virus được cài sẵn mà ta không biết hậu quả đến thế nào!

Ngay cả nhưng trò chơi có vẻ hết sức "*lành mạnh*" là game online, nếu các học sinh biết sử dụng đúng mức là một sự thư giãn vui vẻ, tập cho trí tuệ sắc sảo. Nhưng nếu các học sinh nhịn tiền quà bánh, trốn thầy cô, cha mẹ vào một tiệm "*game online*" thường xuyên, mỗi ngày hai đến bốn giờ đồng hồ, thì kết quả học tập sẽ thế nào? Sức khỏe các em ấy sẽ ra sao nếu không phải là những gương mặt thiếu trí nhớ lúc kiểm tra bài và thiếu bánh mì ngủ thường xuyên?

Mong sao em và các bạn của mình tránh xa được các tệ nạn cờ bạc, ma túy AIDS và những văn hóa phẩm tồi tệ! Ước gì các học sinh chúng ta luôn yêu thích giải trí lành mạnh như là thể thao ca nhạc, du lịch, xem phim hoặc đọc sách. Những thứ giải trí ấy vừa hấp dẫn, vừa bổ ích, vừa nâng cao kiến thức và đưa em đến những chân trời tuyệt diệu.

Mộc Lan

74. Trò chơi điện tử là món tiêu khiển hấp dẫn. Nhiều bạn vì mải chơi mà sao nhãng học tập và còn phạm những sai lầm khác. Hãy nêu ý kiến của em về hiện tượng đó.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

I. Mở bài

Nêu khái quát hiện tượng và thái độ của bản thân trước hiện tượng này.



II. Thân bài

** Tính hấp dẫn của các trò chơi điện tử:*

- Trong những năm gần đây, trò chơi điện tử đã trở thành một thú tiêu khiển mới mẻ, hấp dẫn, phù hợp với cuộc sống hiện đại, thu hút đông đảo thanh thiếu niên tham gia.

- Không thể phủ nhận những yếu tố tích cực của trò chơi điện tử:

+ Dễ thực hiện, rẻ tiền, sinh động với hình ảnh, âm thanh mới lạ, phong phú.

+ Góp phần giúp tư duy nhạy bén, năng động hơn.

+ Rất phù hợp với tâm lí tuổi mới lớn – là lứa tuổi ưa khám phá, thích thú trước những điều mới lạ.

+ Nêu ví dụ một số trò chơi hiện nay được giới trẻ ưa thích.

** Những điều đáng lo ngại:*

- Bên cạnh những yếu tố tích cực, trò chơi điện tử cũng tiềm tàng nhiều tác hại:

+ Nhiều trò chơi mang tính bạo lực, ảnh hưởng xấu đến sự phát triển nhân cách ở lứa tuổi học sinh.

+ Những thiết bị điện tử ảnh hưởng không tốt đến sức khoẻ của người tham gia trò chơi.

- Hiện tượng rất nhiều thanh thiếu niên vì quá say mê trò chơi điện tử nên bỏ bê học hành, sức khoẻ giảm sút, thậm chí dẫn đến nhiều trường hợp tử vong.

- Nguyên nhân của tình trạng này: các thanh thiếu niên nói trên đã không nhận thức được tác hại của trò chơi điện tử; còn dễ dãi với mình, thiếu tự giác, ý thức học tập chưa cao...

** Những đề nghị:*

- Việc mải chơi điện tử mà sao nhãng việc học tập là việc đáng phê phán, cần được chấn chỉnh.

- Đây là một hiện tượng xã hội cần được sự quan tâm đúng mức, đồng bộ của nhà trường – gia đình và xã hội (ví dụ nhà trường, gia đình tăng cường giáo dục ý thức tự giác trong học tập; các cơ quan chức năng cần quản lí chặt chẽ và có hiệu quả hơn nữa đối với việc kinh doanh các trò chơi điện tử...)

III. Kết bài

- Trò chơi điện tử là một thú tiêu khiển hấp dẫn của giới trẻ hiện nay nhưng nếu không biết điều tiết, sẽ dẫn đến nhiều tác hại, sai lầm.

- Nêu phương hướng của bản thân.

Đề 75: Trong một cuộc nói chuyện với học sinh, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy: *"Có tài mà không có đức là người vô dụng. Có đức mà không có tài thì làm việc gì cũng khó"*. Em hãy giải thích câu nói trên.

BÀI THAM KHẢO

Đầu thế kỉ XX, khi vừa làm xong nhiệm vụ giành độc lập, tự do, dân tộc ta lại phải đối đầu với giặc đói, giặc dốt, trước tình hình ấy, Bác đã dạy: "*Có tài mà không có đức là người vô dụng, có đức mà không có tài thì làm việc gì cũng*

khó". Câu nói ngắn gọn này thật có ý nghĩa sâu sắc. Chúng ta thử tìm hiểu kĩ hơn sẽ rút ra được bài học bổ ích cho mình.

Lời nói của Bác thì luôn luôn giản dị, nhưng ý tưởng của Bác lại vô cùng sâu sắc, không thể nghe qua mà hiểu ngay được. Chúng ta sẽ tìm hiểu từng phần một rồi sẽ tìm hiểu căn cứ sâu xa của lời khuyên này.

Tài là gì? Đức là gì? Tài là khả năng thực hiện một công việc hoặc sáng tạo một sản phẩm nào đó cho mọi người, có những người có thể thực hiện được những việc khác nhau một cách xuất sắc, ta gọi đó là người "đa tài", có những người làm gì cũng thất bại, thất bại trong mọi lĩnh vực, ta gọi đó là người "bất tài". Bên cạnh khả năng cống hiến cho xã hội, giá trị con người còn được đánh giá qua "đức", tức là những phẩm chất về tâm hồn, tính cách, lối xử sự của một con người trong xã hội. Ví dụ: Một người có những phẩm chất như: nghị lực, trọng danh dự, giữ chữ tín, siêng năng, nhân ái... người ta gọi đó là người có đạo đức tốt. Ngược lại, kẻ nào mang thói biếng nhác, đê hèn, xảo trá, tham lam, độc ác ... ta gọi đó là loại người vô đạo đức. Thế nào là người vô dụng? Người vô dụng là người không giúp ích gì cho xã hội, không mang lại hạnh phúc cho một ai. Con người ấy sống cũng như đã chết, gọi là "sống thừa" trong xã hội. Tại sao *Có tài mà không có đức là người vô dụng, có đức mà không có tài thì làm việc gì cũng khó*?

Bởi lẽ người ấy có tài mà không đem ra phục vụ nhân dân, đất nước, chỉ lo thu vén cho bản thân. Lòng tham vô đáy, họ đem tài năng phục vụ cho riêng bản thân, không phục vụ cho cái chung của tập thể. Vì vậy, *có tài mà không có đức* có thể dẫn đến hành động xấu, trái đạo đức, phản bội nhân dân Tổ quốc thì chẳng những vô dụng mà còn có tội. *Có tài mà kém đạo đức* thì tác hại càng lớn, càng đáng phê phán, lên án, vì họ có tài nhưng lại dùng tài năng ấy phục vụ cho những mục đích thấp hèn và như vậy sự tác hại càng to lớn.

Ngược lại, *người có đức độ mà thiếu tài năng*, theo Bác, *làm việc gì cũng khó*. Thực vậy, tài năng giúp ta hoàn thành công việc một cách hoàn hảo, đem lại hiệu quả lớn trong sản xuất. Người *có đức*, muốn phục vụ tốt, nhưng thiếu năng lực thì mọi ý định dù tốt đến mấy cũng khó biến thành hiện thực. Ta thường nghe nói *"nhiệt tình cộng ngu dốt ra phá hoại"*. Bởi lẽ nhiệt tình trong mò mẫm, tìm kiếm mà không nắm khoa học kĩ thuật thì công việc sẽ thất bại. Một học sinh ngoan, có hạnh kiểm tốt nhưng kết quả học tập kém, nhiệm vụ chính của học sinh chưa hoàn thành thì học sinh ấy chưa thể được coi là gương mẫu được. Do vậy, *đức* là yếu tố quyết định nhất, nhưng không phải là cái chung chung, trừu tượng mà đức phải thể hiện cụ thể trong việc hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ, đạt hiệu quả cao. *Tài và đức* là hai mặt bổ sung chặt chẽ cho nhau. Có cả *đức lẫn tài*, con người mới trở nên hoàn thiện, hiệu quả công tác mới cao.

Sở dĩ như vậy vì trong thanh niên chúng ta không ít những người mải mê học tập mà quên cả rèn luyện tính cách, đạo đức. Ngược lại, có những thanh thiếu niên được uốn nắn kĩ càng về đạo đức nhưng lại kém cỏi về tài năng. Hơn nữa, một người có tài mà không có đức sẽ không biết sử dụng đúng chỗ tài năng của mình. Đôi khi tài năng ấy dùng vào những mục đích ngu xuẩn, độc ác thì thật là nguy hiểm và bất hạnh cho xã hội và dân tộc. Ví dụ: một kĩ sư hóa

học giỏi mà vô đạo đức có thể kết cấu với bọn côn đồ để dùng hóa chất giết người, cướp của, phản bội dân tộc ...

Ngoài ra, người có tài mà không có đức sẽ thành vô dụng, vì người ấy sẽ bị xã hội xa lánh, ruồng bỏ và cô lập, một con én sẽ không làm nổi mùa xuân

Trái lại, người có đức mà không có tài thì làm việc gì cũng khó, vì tuy đạo đức người ấy đáng tin cậy nhưng bên cạnh thiện chí, anh ta lại thiếu trình độ, thiếu khả năng chuyên môn hoàn thành công việc một cách xuất sắc. Ví dụ: một giám đốc có nhiều phẩm chất như yêu nước, tận tụy, có tinh thần trách nhiệm ... nhưng lại không có tài điều khiển nhân viên, không đủ khả năng kiểm tra công việc của những người kĩ sư dưới quyền ... thì xí nghiệp ấy khó lòng đứng vững, nói gì đến việc mở rộng hay phát triển. Từ đó người có đức mà bất tài dễ bị coi thường, bị mất uy tín ... Chẳng bao lâu sau ông ta sẽ không thuyết phục, không cộng tác, không làm ăn được với ai trong nước, còn hi vọng gì đưa sản phẩm của mình đi xuất khẩu? Một nguy cơ rất dễ xảy ra là khi người chỉ huy không thể kiểm soát được công việc của các nhân viên, những nhân viên có tài mà không có đức dễ dàng làm những việc gian tham, móc ngoặc gây phương hại đến cho xí nghiệp, mang hậu quả nặng nề cho vị chủ quản, không phù hợp với đạo đức và quyền lợi của dân tộc, có hại cho mọi người. Người không có đức đôi khi tối mắt vì đồng tiền cám dỗ mà sẵn sàng nhúng tay vào làm điều sai trái, nghĩa là ta đã góp phần hại chính bản thân mình và mọi người. Vì thế, ta cần hết sức tránh điều trái dù cho là điều trái nhỏ. Nếu ta không tránh, không từ chối thì sẽ bị cám dỗ, mua chuộc, dẫn đến những hậu quả không lường trước được. Thực hiện điều phải thì khó, nhưng làm điều trái thì rất dễ. Những việc sai trái tưởng chừng như nhỏ bé, không hại gì nhưng nhiều việc sai trái nhỏ hợp lại lâu dần thành thói quen. Vì lẽ đó, ta phải giữ ý chí kiên định, phải biết kiềm chế mình và suy nghĩ chín chắn trước khi làm. Có những lúc làm việc xấu mà không biết. Bởi điều trái ấy rất nhỏ nhưng tác hại của nó lại rất lớn. Điều trái luôn mang đến tai họa, không hôm nay thì ngày mai. Chúng ta phải tránh xa điều trái. "*Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng*". Lời của Bác dạy là chân lí để thế hệ hôm nay phấn đấu rèn luyện.

Thế nhưng, có những người lại không thấy được điều đó. Họ có những việc làm vô ý thức, thiếu trách nhiệm. Bởi trước khi làm, họ đã không suy nghĩ chín chắn. Việc làm của họ luôn mắc phải sai trái, không ít thì nhiều. Những người ấy thật đáng trách. Vì những hành động thiếu sáng suốt của họ dần dần sẽ trở thành thói quen và đưa họ đến con đường tội lỗi. Bên cạnh đó, ta cũng cần phê phán những người thiếu kiên quyết, không có lập trường, dễ bị người xấu lôi kéo hay bị những ham muốn vật chất cám dỗ. Họ sẽ dễ dàng bị sa ngã. Đôi khi, những người ấy cũng có những suy nghĩ tốt đẹp nhưng rồi do không có quyết tâm, dễ mềm lòng, họ đã không thể thực hiện được suy nghĩ của mình. Điều ấy thật đáng tiếc! Cho nên, ta cần giúp họ nhận ra cái sai, thấy được điều hay lẽ phải để sửa chữa, khắc phục.

Qua phần tìm hiểu ý nghĩa và nguyên nhân của lời khuyên trên, chúng ta hẳn thấy rõ tầm quan trọng của *tài* và *đức*. Vậy tại sao Bác lại nói đến *tài* và *đức* với thanh niên? Không nói, hẳn mọi người cũng đã hiểu mục đích của Bác muốn gởi gắm một lời nhắc nhở quan trọng với thanh niên trong việc học tập, nghiên cứu khoa học, kĩ thuật và rèn luyện trau dồi tư cách đạo đức. Lời khuyên của Bác đã nói

lên mối tương quan mật thiết giữa *tài* và *đức*, nói lên tầm quan trọng không thể thiếu giữa *tài* và *đức* trong từng thanh niên. Vậy muốn trau dồi tài và đức, chúng ta phải biết quý trọng tuổi xuân, dành nhiều thời gian cho học tập, nghiên cứu khoa học kĩ thuật trong và ngoài nước. Bên cạnh đó, trau dồi ngôn ngữ nước ngoài ta sẽ có chìa khóa mở cửa thế giới. Trường học sẽ là môi trường thích hợp nhất cho học sinh chúng em rèn luyện những đức tính siêng năng, nhân ái, nghị lực, yêu đồng bào, Tổ quốc và đoàn kết tương thân tương trợ ...

Vậy là tài năng rất quan trọng, rất cần thiết. Xây dựng đất nước mà thiếu người tài thì làm sao giải quyết được biết bao việc khó khăn? Bảo vệ đất nước cũng cần đến người tài. Ta đã từng nghe *nhân tài như lá mùa thu, nơi duy ác hiếm người bàn bạc! (Bình Ngô đại cáo).* Người vừa có tài, vừa có đức thì thật đáng quý. Họ biết đem tài năng phục vụ lợi ích của dân tộc, đất nước, đem lại những hiệu quả to lớn trên mọi lĩnh vực. Đó là các anh hùng, danh nhân, các nhà khoa học chân chính, các nhà lãnh đạo, quản lí giỏi...

Tài và đức kết hợp nơi một con người thì con người ấy thật hữu ích cho đất nước.

Hiểu được tầm quan trọng của *tài và đức*, em tự nhủ phải cố gắng rèn luyện cả *tài và đức* để sau này trở thành người có ích cho xã hội, đáp ứng ước mong của cha mẹ và thầy cô, đặc biệt là khỏi phụ tình thương yêu của Bác thể hiện qua lời răn dạy của Người.

Sau khi giải thích câu nói trên của Bác, chúng ta đã hiểu được ý nghĩa sâu xa, tầm quan trọng của TÀI và ĐỨC, ta thấy đó là một ý tưởng thâm thúy nhấn mạnh tầm quan trọng thiết yếu của đạo đức, sau đó là tài năng. Ông bà ta ngày xưa cũng từng nói: "*Cái nết đánh chết cái đẹp*" và "*Tốt gỗ hơn tốt nước sơn*". Nếu ai trong thanh niên chúng ta cũng biết thực hiện được điều này thì thật là một tương lai sáng lạn cho Tổ quốc ta. Một danh nhân thế giới đã nói: "Chín mươi phần trăm thiên tài là sự nhẫn nại". Tuổi trẻ chúng ta đang có một quỹ thời gian rộng bao la, chúng ta hãy cố gắng đừng phí uổng tuổi thanh xuân của mình!

Bài của học sinh *Nguyễn Thị Lưu Ly*
PTCS Hai Bà Trưng-1990-1991

76: *Ông cha ta thường nói:*
"Có học phải có hạnh"
Em hiểu gì về lời dạy trên?

Bài tham khảo

"*Cái nết đánh chết cái đẹp*". Đó là câu ca dao mà ông bà ta truyền lại để khuyên nhủ cháu con. Đồng quan điểm ấy, ông cha ta thường nhắn nhủ ngắn gọn qua câu tục ngữ:

"Có học phải có hạnh".

Đây là một tư tưởng vạch hướng rèn luyện phẩm chất đạo đức cần thiết cho chúng ta hôm nay, chúng ta thử tìm hiểu xem.



Trước hết có học mới có tri thức, có hiểu biết, suy nghĩ, nhận thức. Học tập giúp ta hiểu sâu hơn, hiểu nhiều hơn các kiến thức trong khoa học, trong xã hội và trong nghề nghiệp của ta. Có *"hạnh"* là có nết tốt, có phẩm chất đạo đức mẫu mực, có sự rèn luyện, nhận thức và ứng xử theo tiêu chuẩn đạo đức. Đó là những điều đúng, điều thiện được mọi người công nhận. Có *hạnh* là có đức. Tóm lại câu tục ngữ trên nhấn mạnh sự kết hợp của hai mặt tài và đức. Để học tập rèn luyện kiến thức tài năng, ta không thể quên rèn luyện nhân cách, lẽ sống.

Từ ấu thơ, ta đã được học những bài học vỡ lòng trong cách ứng xử. Khi đến trường, ta thường được nghe: *Tiên học lễ, hậu học văn*. Song song với việc học văn hóa mở rộng kiến thức, bài học làm người càng cần thiết. Một người có văn hóa, có trình độ được mọi người kính nể. Nhưng nếu chỉ có kiến thức sâu rộng mà thiếu đạo đức thì không những làm giảm bớt sự kính nể mà còn bị mọi người xa lánh, khinh thường. Đạo đức là thước đo giá trị con người.

Người có học mà không có hạnh, thì có thể dùng tài năng ấy vào mục đích không chính đáng, chỉ vinh thân phì gia hoặc làm tay sai cho ngoại bang. Người có tài năng và đạo đức vẹn toàn càng được kính nể, yêu mến. Thực vậy, nếu văn hóa là cánh cửa dẫn ta vào khoa học kĩ thuật và văn minh, mở ra một xã hội ấm no và tiến bộ thì đức hạnh như bông hoa quý nhẹ nhàng mà thơm lâu, tỏa rộng. Để được như vậy, ta phải chú tâm rèn luyện, không phải dễ dàng có được. *"Có học phải có hạnh"* là chân lí, là hai yếu tố làm nên giá trị một con người toàn diện.

Tóm lại, câu tục ngữ trên là một phương châm vạch hướng rèn luyện cho học sinh chúng ta rèn luyện toàn diện. Ta cần hiểu rõ sự cần thiết của hai mặt học tập kiến thức và rèn luyện hạnh kiểm. Thiếu một trong hai mặt ấy thật đáng tiếc, ta chưa thể là con người toàn diện, đáng yêu mến kính trọng được. Thực hiện lời dạy của cha ông, ta mới có thể trở nên người tốt, hữu ích và thành công trong xã hội, không hổ thẹn với ông bà, cha mẹ:

"Cơm cha, áo mẹ, chữ thầy
Nghĩ sao cho bõ những ngày ước ao".

Đề 77: *Ca dao có câu:*

"Ngọc kia chẳng giũa chẳng mài
Cũng thành vô dụng, cũng hoài ngọc đi."
Em hãy giải thích câu ca dao trên.

Bài tham khảo

Sau lũy tre xanh, trên những cánh đồng lúa chín, nhân dân lao động Việt Nam âm thầm sáng tác nên kho tàng ca dao tục ngữ đặc sắc. Âm điệu mượt mà của ca dao đã đi vào hồn ta từ thuở nằm trong nôi. Đó là tiếng nói tâm tình rất giàu cung bậc. Ca dao không chỉ là tiếng nói trữ tình, là điệu buồn vui trong cuộc sống mà còn là những lời răn dạy êm đềm giàu sức thuyết phục:

"Ngọc kia chẳng giũa chẳng mài
Cũng thành vô dụng, cũng hoài ngọc đi."

Quả là một lời vàng ngọc giàu hình ảnh, giàu ý nghĩa về việc giáo dục con người. Chúng ta hãy thử đi vào tìm hiểu ý nghĩa câu ca dao này.

Trước hết, hình ảnh viên *"ngọc"* gợi cho nghĩ đến một món trang sức rất quý giá, long lanh đẹp mắt. Câu ca dao như gợi ta nghĩ đến một quá trình rèn luyện, *mài giũa* của người thợ từ lúc viên ngọc còn ẩn trong viên đá thô sơ, tầm thường cho đến khi hình thành được viên ngọc long lanh. Câu ca dao vừa ca ngợi công trình *mài giũa* ấy, đồng thời giả định nếu không có sự *mài giũa* kia thì làm gì hình thành được viên *ngọc* quý. Như vậy là không có viên ngọc sáng đẹp ấy, viên đá vẫn là viên đá vô dụng.

Câu ca dao ấy gợi cho ta nghĩ về con người. Từ nhỏ, nếu không qua sự giáo dục rèn luyện của gia đình và nhà trường, ta cũng như viên đá kia, vô dụng mà thôi. Nói cách khác, ta phải coi trọng công lao rèn luyện dạy dỗ của cha mẹ và thầy cô, phải coi trọng công việc tự rèn luyện, ý thức vươn lên của bản thân. Ta phải tự nguyện mài giũa, rèn luyện mình để trở thành viên ngọc sáng, nghĩa là thành con người tốt đẹp về mọi mặt. Tài năng của con người cũng vậy, đều phải do tập luyện. Mặc dù *"thiên tài bẩm sinh"* là do có sẵn, nhưng nếu ta bồi dưỡng, rèn luyện thêm, tài năng ấy tất sẽ ngày càng tinh vi sắc sảo, sẽ vượt bậc, đáng trân trọng. Ngược lại, có được tài năng mà ỷ lại, không quan tâm rèn luyện thì một ngày kia, tài năng cũng bị lụi tàn.

Tương tự như vậy, sự thông minh bẩm sinh và bản chất tốt đẹp của người học sinh quả là viên ngọc sáng chưa được mài giũa. Nếu biết chú trọng việc rèn luyện, mài giũa, bao gồm cả việc tự rèn luyện và thái độ tích cực rèn luyện dưới sự hướng dẫn của cha mẹ và thầy cô, chắc chắn viên *ngọc* bẩm sinh ấy sẽ sáng lên đẹp đẽ, long lanh, được mọi người yêu quý, tôn trọng. Trái lại, dù thông minh, tốt nết nhưng không qua rèn luyện, lâu dần sẽ thoái hóa, trở thành vô dụng – không còn giá trị ban đầu. Thật là uổng phí!

Câu ca dao trên vừa là một câu lục bát hay, vừa là một bài học sâu sắc khuyên chúng ta không nên chủ quan hoặc lười biếng mà sao nhãng việc rèn luyện bản thân. Ta phải biết phát huy những cái hay, cái đẹp vốn có để đẹp hơn, tốt hơn nữa. Cho đến nay, lời dạy này vẫn vô cùng quý báu nhằm nhắc nhở ta có ý thức trong việc rèn luyện học tập, tu dưỡng trong đạo đức, nhân cách, đặc biệt là phát huy tài năng sẵn có để góp phần hữu hiệu xây dựng đất nước đàng hoàng to đẹp hơn.

Đề 78. Trong thư gửi học sinh nhân ngày khai trường năm học đầu tiên sau Cách mạng Tám 1945, Bác Hồ viết:

"Non sông Việt Nam có trở nên vẻ vang không hay không, dân tộc Việt Nam có được vẻ vang sánh vai với các cường quốc năm châu hay không, chính là một phần lớn ở công học tập của các cháu!"

Em hiểu lời dạy đó như thế nào?

Bài tham khảo

Tục ngữ Việt Nam có nhiều lời khuyên về học tập như: *"Đi một ngày học một sàng khôn"*, *"Học một biết mười"*, *"Học ăn, học nói, học gói, học mở"*. Truyền thống

hiếu học là truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta thế nhưng thời Pháp thuộc, đa số nhân dân ta sống trong tăm tối, mù chữ do chính sách ngu dân của thực dân Pháp. Do vậy, sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, trong ngày khai trường năm học đầu tiên của chế độ mới, Bác Hồ đã ân cần nhắn gửi học sinh:

"*Non sông Việt Nam có trở nên vẻ vang hay không, dân tộc Việt Nam có được vẻ vang sánh vai các cường quốc năm châu hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các cháu*".

Lời dạy của Bác quả có nguyên cớ và ý nghĩa sâu xa.

Thực vậy, trước hết, Bác đã cho ta rõ mối quan hệ chặt chẽ giữa việc học tập của học sinh và tiền đồ của đất nước. Thế nào là một đất nước *vẻ vang?* Đó là một đất nước độc lập và giàu mạnh về kinh tế, quân sự, văn hóa. Ta thường nghe dân giàu nước mạnh. Dân giàu có ắt phải ấm no, đầy đủ cả vật chất lẫn tinh thần, tiến bộ về văn hóa, xã hội an ninh, lành mạnh. Đó là một đất nước phát triển, một đất nước *vẻ vang*.

Tiếp theo, niềm mơ ước của Bác được nhấn mạnh gắn liền với hình ảnh *sánh vai với các cường quốc năm châu*. Đây là một chuẩn mực cụ thể hơn, gần gũi hơn cho chúng ta suy ngẫm. Đã có rồi các cường quốc trên năm châu, ta chưa sánh vai cùng họ, ta còn thua kém họ. Ta tự hỏi họ hơn ta những gì? Đó là nền kinh tế giàu mạnh, khoa học kĩ thuật và văn hóa tiên tiến, vừa tiếp nhận tinh hoa nhân loại vừa góp mình vào trong sự phát triển của thế giới. Về mặt tình cảm, đó là ước mơ, về mặt lí trí, đó là chỉ tiêu phấn đấu, là cái đích cao đẹp mà nhân dân ta cần nỗ lực vươn tới.

Tại sao Bác không nêu rõ vấn đề như ta vừa giải thích trên đây? Tại sao lại nói: *chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các cháu*?

Xuất phát từ tầm nhìn xa trông rộng, Bác cho rằng sự nghiệp lớn lao như vậy cần huy động sức lực của toàn dân trong một thời gian dài. Điều đó có ý nghĩa Bác nhấn mạnh: thực hiện việc đổi mới đất nước ấy là lớp thanh thiếu niên, học sinh, những thế hệ làm chủ đất nước tương lai.

Hơn thế nữa, Bác còn nhìn thấy sự chênh lệch giữa đất nước ta và đất nước phát triển khác. Đất nước ta vừa trải qua hàng nghìn năm phong kiến, hàng trăm năm nô lệ thực dân, chiến tranh liên miên, đất nước mới độc lập nên còn nghèo nàn lạc hậu. Trong khi đó, các nước phát triển trên thế giới đã tiến bộ vượt bậc về khoa học kĩ thuật. So với các nước tiên tiến, ta thua kém xa. Muốn theo kịp họ, *sánh vai* cùng họ, ta phải nỗ lực học tập, học theo cách làm của họ, kinh nghiệm của họ, kho kiến thức khoa học mới mẻ của họ và những cuộc cách mạng từng giờ trên thế giới văn minh.

Muốn quốc phòng vững mạnh và kinh tế phát triển, ta phải nói đến khoa học, kĩ thuật. Thật vậy, đồng ruộng và tài nguyên chưa phải là tất cả. Muốn có năng suất cao, muốn khai thác tài nguyên, phải có kĩ thuật tiến bộ. Có kĩ thuật mới mong có năng suất cao và sản phẩm đẹp. Muốn nắm vững khoa học kĩ thuật không gì khác hơn học tập để có kiến thức vững vàng, có trình độ cao. Không học tập, làm sao có trình độ văn hóa cao?

Tóm lại, Bác đã khẳng định nhiệm vụ học tập cho các thanh thiếu niên, học sinh là rất quan trọng đối với tương lai của đất nước ta. Bác không chỉ quan tâm đến hiện tại mà còn có đôi mắt nhìn xa trông rộng tới tương lai.

Hiểu được lời dạy của Bác, ta thấy hết trách nhiệm của người học sinh trong việc học tập. Vì vậy ta cần xác định đúng đắn mục đích và động cơ học tập. Học để nắm vững kiến thức khoa học kĩ thuật, làm cho dân giàu nước mạnh. Ta phải kiên trì, vượt qua mọi khó khăn trong học tập. Ta phải có phương pháp học tập tốt. Cuối cùng, yêu nước, muốn đất nước *sánh vai cùng với cường quốc năm châu*, em tự nhủ phải vượt khó trong học tập hôm nay.

Mộc Lan

Đề 79. Nhà văn Nguyễn Bá Học nói:

"Đường đi khó, không khó vì ngăn sông cách núi mà khó vì lòng người ngại núi e sông".

Em hiểu câu nói đó như thế nào? Hãy giải thích.

Bài tham khảo

Nguyễn Bá Học là một nhà văn, một nhà giáo đầy nhiệt huyết đầu thế kỉ XX. Ông rất quan tâm đến việc giáo dục lớp trẻ. Trong tác phẩm *Lời khuyên học trò*, để động viên thanh niên rèn luyện thành người hữu ích, nhắc nhở học trò lấy tinh thần vượt khó làm trọng, ông đã nhấn mạnh.

"Đường đi khó, không khó vì ngăn sông cách núi mà khó vì lòng người ngại núi e sông".

Đây là một lời khuyên sâu sắc mà học sinh chúng em cần phải tìm hiểu ý nghĩa.

Lời khuyên của Nguyễn Bá Học nêu lên hình ảnh trở ngại trên một con đường, đó là *"núi sông và lòng người ngại núi e sông."* Trước hết, con đường là hình tượng cụ thể hóa mục đích của con người. Để đạt được mục đích ấy, nhiều khi ta phải vượt qua núi cao, sông sâu. Nếu quyết tâm, ta vẫn tới đích an toàn. Suy rộng ra, đường đi ở đây còn ẩn dụ với mọi ước mơ mà con người muốn đạt đến. *Sông, núi* ở đây chỉ những trở ngại to lớn của hoàn cảnh khách quan là những hình ảnh mang ý nghĩa tượng trưng cho những thách thức, khó khăn trên đường đời. *Lòng người* ở đây chỉ ý chí của con người. Câu nói trên đã nêu rõ hai trở ngại thường gặp: trở ngại *sông* rộng *núi* cao của thiên nhiên và trở ngại do *lòng người* thường mất tự tin, e ngại gặp khó khăn. Nhà văn khẳng định nếu có nghị lực, quyết tâm thì dù núi có cao, sông có sâu con người vẫn qua được.. Câu nói trên là một bài học cô đúc giàu hình ảnh về sự quyết tâm vượt khó.

Hiểu như vậy, ta thấy ý trọng tâm của câu nói là: sức mạnh của ý chí con người có thể vượt qua mọi khó khăn thử thách dù to lớn đến chừng nào.

Tại sao đường đi *không khó vì ngăn sông cách núi* mà *khó vì lòng người ngại núi e sông*? Thực vậy, những trở ngại trong cuộc sống tuy có nhiều nhưng không phải là không thể vượt qua. Núi cao bao nhiêu đi nữa, nếu trèo mãi, cũng sẽ qua. Mọi khó khăn, gian khổ mà ta gặp phải trên con đường đi tới đích chỉ là những thử thách, không thể nào chặn đứng quyết tâm của ta, buộc ta phải lùi bước. Đường đi *không khó vì ngăn sông cách núi* như vậy. Người ta phải leo lên đỉnh núi, lặn xuống thám hiểm đại dương. Đó là những minh chứng cho ý kiến trên. Như vậy ta thấy ý chí, tinh thần vượt khó cần thiết cho chúng ta. Đã từng gặp khó khăn trong công việc, ta thấy quả thực tinh thần vượt khó đã giúp ta kiên trì nhẫn nại để đi đến thành công. Vì cuộc sống muôn màu muôn vẻ,

đường đời nhiều lối quanh co. Trên đường ta đi đâu phải chỉ có hoa thơm cỏ lạ mà biết bao nguy hiểm, khó khăn luôn chờ ta phía trước. Nếu muốn thực hiện được ước mơ, ta phải dự tính trước để đương đầu với trở ngại gian nan. Thậm chí cả sự nguy hiểm. Câu chuyện rùa và thỏ chạy đua đã cho ta thấy rõ điều đó. Ý chí kiên trì, quyết tâm cao của rùa đã giúp rùa đạt được mục đích. Ngược lại, thỏ ỷ sức chạy nhanh nhưng chểnh mảng, cuối cùng lại thua rùa. *Lòng người* ở đây chính là ý chí, là sự kiên trì, nhẫn nại. Liên tục vượt khó thì dù có trở ngại về năng lực bản thân, vẫn có thể đạt đến đích. Sự chiến thắng bản thân còn có ý nghĩa quyết định hơn vì từ đó ta có thể chiến thắng cả thiên nhiên.

Khó khăn trở ngại là chuyện thường tình. Đó chỉ là những yếu tố khách quan thử thách ý chí và nghị lực chứ không thể nào chặn đứng bước chân hăm hở của những con người có quyết tâm cao:

Yêu nhau tam tứ núi cũng trèo,
Thập bát sông cũng lội, cửu thập đèo cũng qua.

(Ca dao)

Lịch sử cũng chứng minh rằng nhờ có ý chí, quyết tâm sắt đá, kiên trì bền bỉ ta sẽ thành công. Bài học ấy đã được Bác Hồ của chúng ta thực hiện trong quá trình đấu tranh cách mạng của Người. Và với kinh nghiệm của bản thân, Bác đã dạy ta rằng:

Không có việc gì khó
Chỉ sợ lòng không bền
Đào núi và lấp biển
Quyết chí ắt làm nên.

Thực hiện lời dạy của Người, biết bao thanh niên đã vượt khó trong những năm tháng đánh giặc Pháp xâm lược mà tầm vóc anh bộ đội còn đẹp đẽ, to lớn hơn cả núi đồi:

Rất đẹp hình anh lúc nắng chiều
Bóng dài trên đỉnh dốc cheo leo
Núi không đè nổi vai vươn tới
Lá ngụy trang reo với gió đèo.

(Tố Hữu)

Trong kháng chiến chống Mĩ, bao thanh niên đã làm nên trang sử vàng với tinh thần sắt đá:

Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước!
Mà lòng phơi phới dậy tương lai.

(Tố Hữu)

Nhưng tại sao *đường đi khó vì lòng người ngại núi e sông?* Nghị lực có ý nghĩa quyết định khi muốn làm bất cứ việc gì. Có ý chí quyết tâm, ta có thể vượt mọi khó khăn, trở ngại để đi tới đích. Thiếu ý chí, đường đi dù thuận lợi, cũng chẳng vượt qua được.

Tìm hiểu ý nghĩa câu nói trên và qua kinh nghiệm sống thực tế, ta sẽ hiểu rõ quan niệm trên là bài học tâm đắc của những người có ý chí và thành đạt xưa nay.

Ai qua bến phà Nhật Lệ mới thấy rõ dòng sông rộng chừng nào. Vậy mà, dưới bom đạn, mẹ Suốt đã chèo đò đưa bộ đội vượt sông đánh Mĩ:

Một tay lái chiếc đò ngang,
Bên sông Nhật Lệ quân sang đêm ngày.
Sợ chi sóng gió tàu bay...
Tây kia mình đã thắng, Mĩ này ta chẳng thua.

(Tố Hữu)

Thế mới biết sức mạnh của ý chí, của lòng quyết tâm có giá trị vô ngần. Chính vì thấu hiểu lời khuyên ấy và sau khi đất nước hòa bình, nhân dân ta cùng nhau xây dựng nhiều công trình lớn: công trình thủy điện Sông Đà, công trình thủy điện Trị An. Như một bài thơ đã viết:

"Bạt núi đồi, ta moi đất làm gang
Ngăn thác dữ, ta bắt sông làm điện"

(Tố Hữu)

Ta nên biết rằng sự thành công nào cũng đều trải qua cam go, thử thách. Sự nghiệp càng lớn thì khó khăn càng nhiều. Khó khăn càng nhiều thì ý chí phải càng cao. Đến lúc ấy sự thành công mới có ý nghĩa, ta mới quý trọng, nâng niu và giữ gìn những thành quả mình có được.

Hiểu được ý nghĩa của lời dạy ấy, chúng ta phải cố gắng rèn luyện tính bền bỉ, dẻo dai, kiên nhẫn, cố gắng trang bị cho mình vốn kiến thức sâu rộng, một trình độ học vấn vững vàng để mai sai thành con người tài năng và hữu ích cho xã hội. Vàng không sợ lửa, người có tài không sợ gian nan.

Christop Colomb (Crít-tốp Cô-lông) đã vượt biển cả với bao thử thách gay go tìm ra châu Mĩ. Nhờ có ý chí, con người đã bay vào vũ trụ, đổ bộ lên Mặt Trăng xa xôi.

Ý chí không chỉ giúp ta chiến thắng thiên nhiên mà còn giúp dân tộc ta chiến thắng kẻ thù xâm lược. Thực vậy, trong hội nghị Diên Hồng, các bô lão đời Trần đã đồng thanh trả lời "*Quyết chiến*!" và cảm động thay đối với câu hỏi "*Thế nước yếu lấy gì lo chiến chinh*?" là câu trả lời "*Hi sinh*". Do vậy, cuối cùng dân tộc ta đã đánh bại kẻ thù.

Thế mới biết sức mạnh ý chí là sức mạnh giúp ta vượt qua mọi cam go thử thách để đi đến thành công. Ước mơ ngày càng cao đẹp thì khó khăn càng nhiều. Khó khăn càng nhiều đòi hỏi ý chí càng cao. Có vượt qua gian lao thử thách, ta mới thấy hết giá trị và ý nghĩa của sự thành công.

Hiểu được ý nghĩa cao quý của lời dạy, em quyết tâm rèn luyện cho bản thân một ý chí vượt khó, một tinh thần kiên trì, bền bỉ trong học tập. Em sẽ cố gắng để trở thành người có tài năng vững vàng trong công việc, trở thành người chủ xứng đáng của đất nước.

Tóm lại, đường đời gian nan hiểm trở là môi trường tốt để thử thách con người. Núi có cao, sông có sâu bao nhiêu nếu con người không ngại núi, e sông thì sẽ vượt qua tất cả. Chỉ có quyết tâm cao, vượt mọi trở lực trên bước đường mơ ước, con người mới đạt được kết quả như ý. Thực vậy muốn đến với vinh quang ta phải vững tin để vươn tới bằng quyết tâm và nghị lực của chính bản thân mình. Vì "*Đường đi khó, không khó vì ngăn sông cách núi mà khó vì lòng người ngại núi e sông*".

Lời nói của Nguyễn Bá Học có ý nghĩa rất quan trọng và cần thiết trong việc rèn luyện ý chí của chúng ta. Không có mục đích rõ ràng, không có chí phấn đấu thì suốt đời chúng ta sẽ *"Người không có chí như thuyền không lái như ngựa không cương, trôi dạt lênh đênh không ra thế nào cả"* (Vương Dương Minh) Đó là lời nói của một nhà chính trị, nhà tư tưởng lớn bên Trung Hoa từ đời nhà Minh, mà đến nay vẫn còn đáng cho ta suy nghĩ.

Bài của học sinh Huỳnh Mỹ Linh, PTCS Hai Bà Trưng Saigon

Đề 80: Thiên nhiên là người bạn tốt của con người; con người cần yêu mến và bảo vệ thiên nhiên.

Em hãy chứng minh điều đó.

BÀI THAM KHẢO

Nay xa cách lòng tôi luôn tưởng nhớ
Màu nước xanh, cá bạc, chiếc buồm vôi
Thoáng con thuyền rẽ sóng chạy ra khơi
Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá.

(Tế Hanh)

Cái gì đã hiện diện và gắn bó nhà thơ với quê hương? Phải nói là thiên nhiên – với không khí nồng mặn riêng của biển, *màu nước xanh, cá bạc, chiếc buồm vôi* – tất cả như một mái ấm gắn bó với nhà thơ từ lúc mới lọt lòng mẹ... Do vậy, có ý kiến cho rằng "*thiên nhiên là người bạn tốt của con người. Con người cần yêu mến và bảo vệ thiên nhiên*".

Nhận định ấy đã được chứng minh hùng hồn qua thực tiễn cuộc sống quanh ta.

Trước hết, ta cần xác định thiên nhiên là gì mà gần gũi gắn bó với ta như một người bạn tốt? Điều đó thật quen thuộc với ta, thiên nhiên gồm tất cả những gì đang hiện hữu quanh ta mà không hoàn toàn do bàn tay ta xây dựng nên. Đó là bầu trời, mặt đất, núi cao, sông rộng, suối rừng, cây cỏ, chim muông... Tất cả như đã có sẵn ở quanh ta, đợi chờ bước chân ta tìm đến, chiêm ngưỡng... Tất cả như muốn giúp đỡ ta, như những bạn tốt của ta, cho nên ta cần yêu mến và bảo vệ thiên nhiên.

Thực vậy, mọi vật dụng của ta đều bắt nguồn từ thiên nhiên, dù đơn sơ như mái nhà tranh, nhà sàn hay hiện đại như nhà gạch, bê tông, từ giản dị như hạt cơm hay thanh cảnh như bánh cốm. Thiên nhiên là nguồn cung cấp vô tận cho con người:

Biển cho ta cá như lòng mẹ
Nuôi lớn đời ta tự thuở nào.

(Huy Cận)

Con người ngày càng tiến bộ, khoa học kĩ thuật càng phát triển nhưng không hoàn toàn thay thế được thiên nhiên. Ta chỉ cải tạo thiên nhiên mà thôi.

Phải nói là nhân loại càng văn minh, ta càng nhận ra giá trị to lớn, vô tận của thiên nhiên. Càng hiểu biết về y học, ta càng yêu quý không khí trong lành, càng sợ không khí, dòng nước ô nhiễm. Như vậy, một vấn đề mới được đặt ra: thiên nhiên cần ta yêu mến, bảo vệ để có thể phục vụ ta lâu dài, tốt đẹp hơn.

Thực vậy, rừng không những đã cung cấp cho ta những tài nguyên quý giá mà còn giữ ổn định khí hậu cho ta. Nếu ta phá rừng bừa bãi, sẽ gây xáo trộn khí hậu, rất tai hại. Từ nguồn sáng và nguồn sống bất diệt là Mặt Trời, ta hiểu tại sao có được màu xanh của lá, hơi ấm của mùa hạ, nét đẹp của chiều thu. Đối lập với Mặt Trời là Mặt Trăng, ta càng hiểu giá trị của màu xanh Trái Đất cũng như màu vàng của ánh trăng. Ta đã biết trên mặt trăng không có không khí nhưng trăng là ánh vàng hiền dịu tỏa sáng trần gian, trăng điều hòa con nước...

Bên cạnh Mặt Trăng, Mặt Trời, những con sông, những dòng suối không chỉ là cảnh sắc thiên nhiên thơ mộng, mà còn có giá trị thiết thực để ta lưu thông và xây dựng nhà máy thủy điện...

Thiên nhiên trong lành, thoáng đãng là nơi thu hút khách du lịch từ thành phố đông đúc trở về nghỉ ngơi tĩnh dưỡng vào cuối tuần, cuối tháng. Thiên nhiên là người bạn giúp ta lấy lại sức khỏe sau những ngày làm việc mệt nhọc. Màu xanh hoa lá, tiếng suối bên rừng, chim bay bướm lượn... tất cả đều an ủi tâm hồn ta, giúp ta quên sầu muộn ưu tư.

Biết bao văn nhân, thi sĩ trước thiên nhiên và vì thiên nhiên, đã cảm xúc và sáng tạo nên những tác phẩm nổi tiếng về thơ, văn, nhạc, họa. Thiên nhiên chính là nguồn cảm hứng vô tận để sáng tác văn học nghệ thuật, là người bạn muôn đời của văn nghệ sĩ và bất cứ ai yêu mến thiên nhiên.

Không chỉ nghệ sĩ sáng tác từ thiên nhiên mà cả khoa học, như Archimède đã tìm ra sức đẩy của nước – từ người bạn thiên nhiên – khi ông tắm. Newton khi nhìn quả táo rơi đã tìm ra định luật về sự rơi tự do. Quả thực thiên nhiên là nguồn sáng tạo vô tận của con người trên mọi lãnh vực, là người bạn tốt của con người. Ai trong chúng ta không nhớ câu Kiều nổi tiếng của Nguyễn Du. Sự gắn bó, thân thiết của thiên nhiên với con người thật chặt chẽ, sự cảm thông thật tuyệt vời sâu sắc:

Vầng trăng ai xẻ làm đôi,
Nửa in gối chiếc, nửa soi dặm trường.

Còn ai thấu hiểu nỗi buồn li biệt Thúy Kiều – Thúc Sinh hơn vầng trăng xẻ kia?

Chính vì hiểu được sự ích lợi và cần thiết của thiên nhiên, Nhà nước ta đã lên tiếng kêu gọi, cảnh báo phải bảo vệ thiên nhiên như bảo vệ lá phổi của mình. Hiện nay Nhà nước ta đã có những đạo luật nghiêm cấm việc săn bắt nhiều giống chim và thú quý. Nhiều vùng đã giữ gìn được những khu rừng nguyên sinh. Việc trồng rừng được quy hoạch, phối hợp với việc khai thác rừng một cách đúng mức. Con người đã có rất nhiều cố gắng nhằm ngăn chặn sự ô nhiễm môi trường tự nhiên. Thiên nhiên đòi hỏi được bảo vệ chặt chẽ và có hiệu quả để con người được thiên nhiên phục vụ hiệu quả hơn. Nếu thiên nhiên bị hủy hoại, con người sẽ mất đi ngôi nhà chung thân yêu và hạnh phúc của mình, mất đi người bạn tốt nhất của mình vậy!

Hiểu được sự cần thiết của thiên nhiên đối với cuộc sống con người, ta phải có ý thức bảo vệ, giữ gìn thiên nhiên như một người bạn quý. Hơn lúc nào hết, chúng ta hãy thực hiện cấp bách nhiệm vụ bảo vệ thiên nhiên để tạo cho mình một cuộc sống tốt đẹp trong bầu không khí trong lành của thiên nhiên. Thiên nhiên không chỉ là bạn tốt mà còn là tấm gương cống hiến cao cả nhất:

Nếu là con chim chiếc lá
Thì con chim phải hót, chiếc lá phải xanh
Lẽ nào vay mà không có trả
Sống là cho đâu chỉ nhận riêng mình.

Đề 81. Vai trò của cây cối (hoặc của rừng, của các loài động vật hoang dã, của nhiên liệu sạch...) trong việc bảo vệ môi trường sống.

BÀI THAM KHẢO

Trong cuộc sống của mình, con người đã không ngừng đấu tranh với thiên nhiên, chinh phục thiên nhiên. Nhưng mặt khác, con người phải luôn luôn nhớ rằng: Thiên nhiên là người bạn tốt của con người. Trong đó, rừng giữ vai trò quan trọng nhất giữa thiên nhiên.

Trước hết, chúng ta cần hiểu thiên nhiên là gì?

Nói một cách khái quát, thiên nhiên là tất cả những gì ở bên ngoài con người, xung quanh con người, không do bàn tay của con người làm nên. Cụ thể hơn, thiên nhiên là bầu trời, là rừng, là biển, là sông, là suối, là cây cỏ, chim muông... Tất cả những thứ đó luôn luôn ở bên cạnh con người, bảo vệ con người, giúp ích con người.

Từ xưa đến nay, thiên nhiên là nguồn sống vô tận của con người. Cơm gạo, thịt cá, nhà để ở, áo để mặc, nước để uống, khí trời để thở, đều do thiên nhiên cung cấp; con người càng tự mình tạo nên nhiều sản phẩm, lại càng cần có sự giúp đỡ của nhiên nhiên, lại càng thấy lợi ích của thiên nhiên. Mặt Trời ngày xưa chỉ sưởi ấm và chiếu sáng thì nay lại trở thành một nguồn năng lượng quan trọng trong sản xuất và đời sống. Một ngọn thác, một con suối, một dòng sông giờ đây không chỉ là một bức tranh phong cảnh, một con đường giao lưu, hay một nguồn nước, một nguồn thuỷ sản mà còn là những nguồn cung cấp điện năng khổng lồ. Một rừng cây không chỉ là một nguồn lâm sản dồi dào với những cây gỗ quý, những cây thuốc chữa bệnh, mà còn đóng vai trò điều hoà lũ lụt, là lá phổi khổng lồ cho con người được hít thở không khí trong lành...

Không chỉ giúp ích con người trong đời sống vật chất, thiên nhiên còn có một lợi ích to lớn trong đời sống tinh thần của con người. Sau những giờ, những ngày, những tháng lao động vất vả và căng thẳng bên cỗ máy, bên bàn giấy, trong phòng nghiên cứu, giữa những bức tường hoặc giữa những đường phố đông người và đầy khói bụi, thấy một bầu trời bao la có không khí trong sạch trên một sườn núi mát mẻ, bên một cánh rừng thông, một hồ nước hoặc trước mặt biển mênh mông chói nắng có tiếng sóng gầm gào, sẽ giúp cho con người tái tạo lại sức khoẻ, niềm vui sống và nhiệt tình lao động. Đôi khi, chỉ

riêng màu xanh của lá cây hay một tiếng suối róc rách bên rừng cũng đã khiến cho tâm hồn con người lấy được sự thư thái và yên tĩnh. Nhìn một đoá hoa nở, ngắm một cánh chim bay, con người cũng có thể nhận được một niềm vui lớn, vượt qua một nỗi buồn hay một khó khăn thất bại. Thiên nhiên làm cho tâm hồn con người trở nên cao rộng như trời, mênh mông như rừng, thản nhiên như biển, phong phú hài hoà cùng vạn vật.

Thiên nhiên là nguồn sáng tạo của thơ ca nghệ thuật, nguồn nghiên cứu phát minh của khoa học kĩ thuật. Chính vẻ đẹp của thiên nhiên, của núi sông hùng vĩ, của hoa lá chim muông đã tạo nên ở con người khát vọng nghĩ suy về cái đẹp và sáng tạo nên cái đẹp cho mình. Cái đẹp của một cảnh mặt trời mọc, một áng mây chiều, một đêm trăng sáng... làm xao xuyến bao nghệ sĩ tạo nên thơ, ca, nhạc, hoạ. Nhà khoa học từ thiên nhiên mà rút ra những quy luật của sự sống để từ đó mà sáng tạo nên những công trình phục vụ cho cuộc sống con người. Sự kì diệu trong cấu tạo của một ngọn lá, một chiếc rễ cây, trong dáng một cánh chim bay, một con cá lặn, trong hướng bay của một đàn chim đang di trú... cũng gợi lên bao suy nghĩ, tìm tòi cho bao nhiêu thế hệ nhà khoa học.

Thiên nhiên có ích là thế, tốt lành với con người là thế. Cho nên từ xưa con người đã yêu mến và bảo vệ thiên nhiên như người bạn quý.

Văn chương nghệ thuật đã coi thiên nhiên là người bạn không thể thiếu được của con người. Không thể đếm hết những bài thơ, bức hoạ ca ngợi vẻ đẹp muôn màu của thiên nhiên. Nhà hoạ sĩ phong cảnh nổi tiếng Lêvitan được hàng triệu người hâm mộ vì bức tranh *Mùa thu vàng* tuyệt diệu và những bức tranh về thiên nhiên nước Nga dịu dàng, trong sáng, tĩnh lặng.

Nguyễn Du làm say mê bao thế hệ vì những cảnh sắc thiên nhiên trong thơ:

Long lanh đáy nước in trời,
Thành xây khói biếc, non phơi bóng vàng

Thiên nhiên trong thơ Bác Hồ thực sự là con người, là người bạn đồng tâm, đồng chí, từ ánh trăng sau cửa sổ phòng giam hay nơi núi rừng Việt Bắc đến bóng cây cổ thụ, nhành hoa, tiếng suối giữa rừng đêm:

Tiếng suối trong như tiếng hát xa,
Trăng lồng cổ thụ, bóng lồng hoa.

Ngày nay, nền công nghiệp càng phát triển, con người càng sống nhiều trong các đô thị thì con người càng thấy thiên nhiên cần thiết và gần gũi. Một chậu hoa ngoài hiên, mấy giò lan trước thềm, đôi khi chỉ có một nhánh trầu bà leo tường cũng giúp cho người thành phố đỡ thiếu vắng thiên nhiên. Đối với mỗi người dân thành thị được đến Thảo cầm viên trong ngày nghỉ việc, được đứng dưới những tán cây cổ thụ, ngắm một chú voi, chú khỉ, chú gấu, nghe tiếng hót của chim hoạ mi, thưởng thức sắc lông của chim sơn tước ... là một niềm vui. Các thành phố càng mở rộng quy mô thì không gian dành cho những công viên càng phải lớn. Không có các thứ đó, con người thành phố không những sẽ trở nên khô cằn về tình cảm mà còn có nguy cơ thiếu cả không khí để thở nữa. Ở các nước công nghiệp phát triển, nhu cầu du lịch để được trở về với thiên nhiên rộng lớn và trong lành ngày càng là một nhu cầu bức bách.

Tuy nhiên, con người, do vô tình hay cố ý, đã có những hành động tàn phá thiên nhiên rất nặng nề. Người ta đã làm biến mất những khu rừng bạt ngàn, làm tuyệt diệt nhiều giống chim và thú quý. Những nhà máy đã gây ô nhiễm không khí, những dòng sông, những bờ biển. Chính con người đã phải gánh chịu hậu quả hết sức tai hại cho những hành động thô bạo đó. Nhân loại tỉnh táo đã từng lên tiếng nhắc nhở hành động bảo vệ thiên nhiên. Đã có những đạo luật nghiêm cấm việc săn bắt nhiều giống chim và thú quý. Nhiều quốc gia đã bảo vệ được những khu rừng nguyên sinh. Việc trồng rừng được đặt ra ở nhiều nơi với việc khai thác rừng một cách đúng mức. Con người đã có rất nhiều cố gắng nhằm ngăn chặn sự ô nhiễm môi trường tự nhiên. Những công việc đã làm được tuy rất to lớn nhưng chưa đủ trước tốc độ thiên nhiên bị phá hủy hiện nay. Thiên nhiên còn đòi hỏi được bảo vệ mạnh mẽ và có hiệu quả hơn nữa.

Thử tưởng tượng nếu có một buổi mai, tỉnh dậy, ta bỗng thấy thiên nhiên đã hoàn toàn biến khỏi cuộc sống, đâu đâu cũng chỉ có nhà cửa, chỉ có máy móc, ống khói... thì thật là khủng khiếp. Lúc ấy, Trái Đất sẽ là Mặt Trăng lạnh lẽo, dẫu vẫn được Mặt Trời chiếu sáng, nhưng không còn đâu bóng dáng của sự sống nữa.

Con người, hãy yêu mến và bảo vệ thiên nhiên bởi vì đó là người bạn tốt của con người.

(Theo Những bài thực hành TLV 8 – Trường Cao Đẳng Sư Phạm TPHCM ấn hành năm 1993_1994)

Đề 82. Giải thích ý nghĩa câu ca dao:

"Ta về ta tắm ao ta.

Dù trong dù đục ao nhà vẫn hơn".

DÀN Ý

I. Mở bài

- Ai cũng mang hình bóng quê hương với biết bao kỉ niệm vui buồn. Yêu quê hương là một tình cảm thiêng liêng không thể thiếu đối với mỗi chúng ta.

- Mỗi khi nhắc đến quê hương ai cũng cảm thấy tự hào. Tâm lí quen thuộc của con người là xấu tốt gì cũng là quê mình nên mình yêu quý. Điều đó thể hện rất rõ ở câu ca dao:

Ta về ta tắm ao ta
Dù trong dù đục ao nhà vẫn hơn.

- Lời ca dao gợi trong ta nhiều cảm xúc và suy nghĩ, ta hãy giải thích

II. Thân bài

A. Giải thích

- *Ao ta* là cái ao thân quen và gần gũi, cái ao ở nhà ta. *Ao ta* có *đục* hay *trong*, sâu hay cạn, ta vẫn cảm thấy thoải mái, được tự do lặn ngụp trong làn nước mát đó.

- Ao người dầu có trong hơn, đẹp hơn nhưng ta không cảm thấy tự nhiên như khi tắm ở ao nhà. Bởi nó đâu phải của ta, ta đâu có tự do lặn ngụp, làm sao biết được chỗ sâu, chỗ cạn.

- Cái ao còn có nghĩa rộng là những gì thân thuộc của quê hương xứ sở, những di sản văn hóa dân tộc về vật chất lẫn tinh thần do chính con người Việt Nam tạo dựng nên.

- Câu ca dao muốn nói đến thái độ gắn bó và sử dụng, trân trọng và giữ gìn những gì thuộc về quê hương, dân tộc ta.

B. Lí do - Vận dụng

1. *Ao ta* chính là quê hương, đất nước ta, nơi ta sinh ra và lớn lên. Quê hương đã là tim óc, là những gì thiêng liêng nhất với ta. Trong quê hương ấy có cả một lịch sử oai hùng, có biết bao anh hùng hi sinh, tiếp nối nhau.... Đó là di sản được tạo nên bằng những tinh hoa của sông núi, của con người Việt Nam.

   - Di sản ấy quý giá vô ngần cho nên thái độ đề cao di sản văn hóa dân tộc chính là thái độ đúng đắn và cần thiết đối với mỗi chúng ta.

   - *Ao nhà* chan chứa tình yêu quê hương. Cái gì của ta dù có xấu, có tốt cũng là của ta. Của người có đẹp, có sang đối với ta cũng xa lạ, không gần gũi được.

2. Câu ca dao nêu lên trách nhiệm giữ gìn, bảo vệ mọi giá trị vật chất, tinh thần và văn hóa của ông cha. Đừng để cái mới của người làm phai mờ truyền thống cũ.

   Trong thời kì mở cửa hiện nay, cái mới du nhập nước ta rất nhiều. Đây là điều kiện tốt giúp ta học hỏi nhiều điều hay của người để cải tạo cái cũ của mình.. nhưng ta cần biết tiếp thu có chọn lọc, biết gạn đục khơi trong để ao nhà mãi mãi tươi trong.

III. Kết luận

- Câu ca dao trên là lời khuyên giữ gìn và phát huy những truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

- Tuy nhiên, ta cũng cần tiếp thu có chọn lọc những tiến bộ của người để ngày càng tiến bộ.

ĐỀ 83. ***"Rủ nhau xuống bể mò cua***
Đem về nấu quả mơ chua trên rừng
Em ơi chua ngọt đã từng
Non xanh nước bạc ta đừng quên nhau".

Em hãy giải thích ý nghĩa của bài ca dao trên để thấy rõ lối sống tình nghĩa của nhân dân ta.

BÀI THAM KHẢO

Trong nhịp sống ồn ào hiện thời, có lẽ chúng ta đã quen với những âm thanh sôi động hối hả của các loại nhạc pop, rock... mà cứ tưởng như tâm hồn

ta được nuôi dưỡng, được lớn lên từ những khúc nhạc hiện đại này. Trong đời bạn, đã bao giờ bạn đọc đi đọc lại để suy ngẫm về ý nghĩa của một bài ca dao nào đó để những âm hưởng ngọt ngào, dịu nhẹ lắng đọng trong tâm hồn? Nơi đó là cội nguồn và bản sắc làm nên vẻ đẹp độc đáo cho văn học, cho âm nhạc của dân tộc mình. Cũng không cần phải tìm kiếm ở đâu xa lạ, ta hãy đến với sự kì diệu của thơ, của ngôn ngữ, của nhạc điệu trong bài ca dao sau:

Rủ nhau xuống bể mò cua,
Đem về nấu quả mơ chua trên rừng.
Em ơi chua ngọt đã từng,
Non xanh nước bạc ta đừng quên nhau.

Tìm hiểu sâu ý nghĩa của bài ca dao, ta mới cảm nhận được hết sự mộc mạc chân chất và tinh tế trong tâm hồn dân tộc.

Để hiểu rõ ý nghĩa ẩn chứa trong bài ca dao, ta cần nắm được nội dung của bài. Phải chăng đây là một lời tâm tình, nhắn nhủ của người xưa về lòng chung thủy. Lòng chung thủy là biểu hiện cao nhất, đẹp đẽ nhất trong đạo lí làm người. Tác giả dân gian đã dùng hình ảnh ẩn dụ để nói về cuộc sống mà nơi đây có hai con người đã gắn bó với nhau trong gian khổ, trong sung sướng.

Rừng, *bể* là những nơi thường xảy ra bão táp, sóng gió, luôn có mối nguy hiểm rình rập con người. Họ cùng *rủ nhau xuống bể*, cùng *đem về*, từ ngữ mang ý nghĩa thật hàm súc mà bình dị. Nó giúp ta hình dung được đây là một cuộc sống hạnh phúc. Hai con người gắn bó cùng nhau, đi đâu cũng có nhau, cùng trải qua bao vui buồn sướng khổ. Họ đã từng trải qua những gian khó, lúc lên thác xuống ghềnh, luôn có nhau. Thực tế đã chứng minh tấm lòng chung thủy của họ:

Rủ nhau xuống bể mò cua,
Đem về nấu quả mơ chua trên rừng.

Đôi lứa ở đây đang sống trong vị ngọt của tình yêu, tuy rằng vẫn còn đó những vị đắng của cuộc đời. Ở hai câu sau, ta gặp hai cụm từ *non xanh*, *nước bạc*. Khi nói về non và nước, chúng ta thường liên tưởng đến sự vĩnh hằng của thiên nhiên. Nhưng ở đây *non xanh*, *nước bạc* chỉ sự đổi thay.

Từ câu ca dao này, ta hiểu được rằng cuộc sống dù có nhiều đổi thay, nhưng cuối cùng người ta vẫn hướng về sự thủy chung, gắn bó. Trái tim không tự đếm nhịp đập của mình, nhưng ta có thể đo được tần số nhịp đập của trái tim khi ta muốn tìm hiểu về nó. Cũng như khi sáng tác bài ca dao, tác giả dân gian có lẽ cũng không trải qua quá trình giải thích, phân tích tình cảm của mình. Nhưng ta tìm hiểu ý nghĩa của bài ca dao để không mơ hồ, không thờ ơ với những lời nói như gan ruột của người xưa gửi gắm trong ca dao. Có lẽ t khi ta dừng lại để ngẫm nghĩ rằng mình đã và đang sống như thế nào. Nhưng khi đọc bài ca dao, ta thấy được lòng chung thủy, sự gắn bó trong tình người. Đó là sức mạnh giúp con người có thể vượt qua mọi gian khổ để đi tới hạnh phúc và khi đạt được hạnh phúc cần có ý thức giữ gìn.

Tôi thường liên tưởng đến một ý thơ của nhà thơ Chế Lan Viên:

Hãy biết ơn vị muối của đời cho thơ chất mặn.

Phải chăng *vị muối* làm nên chất mặn cho ca dao đó là cuộc sống với bao đắng cay nhọc nhằn của người lao động và trong cuộc sống đó, tâm hồn của họ luôn lấp lánh một tình yêu cuộc sống. Có lẽ lớn lao hơn hết là những lời nhắn nhủ sâu thẳm của người xưa về đạo lí, nghĩa tình. Đến bây giờ và mãi mãi về sau, ta còn cảm nhận được sức ngân vang đến vô cùng của những vần thơ dân dã.

Huỳnh Trần Vân Linh

Trường THPT Lê Quý Đôn, TP. Hồ Chí Minh

84. ĐỀ: Trong buổi họp mặt kỉ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam (20 -11), em được phân công viết bài chào mừng thầy, cô. Em hãy viết bài chào mừng để thể hiện được nhận thức đúng đắn của mình đối với vai trò, công lao của các thầy, cô và nói lên được lòng biết ơn của mình đối với thầy giáo, cô giáo.

DÀN BÀI

I. Mở bài

- Tôn sư trọng đạo là truyền thống lâu đời của dân tộc ta "Nhất tự vi sư, bán tự vi sư", nhân ngày Nhà giáo Việt Nam em xin ôn lại công lao của các thầy giáo, cô giáo bày tỏ lòng biết ơn những người đã dạy dỗ, chăm sóc mình suốt tuổi ấu thơ.

II. Thân bài

1. Vai trò, công lao của các thầy giáo, cô giáo

a. Thầy giáo, cô giáo là những người được xã hội giao phó cho trách nhiệm lớn lao là đào tạo thế hệ trẻ thành những con người mới - con người phát triển toàn diện:

- Truyền thụ những tri thức, những kinh nghiệm mà nhân loại đã tích lũy trong suốt quá trình lịch sử lâu dài (khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, kinh nghiệm sống...)

- Quan trọng hơn: Đào tạo thế hệ trẻ thành những con người phát triển toàn diện, đáp ứng đòi hỏi của xã hội "Vì lợi ích trăm năm trồng người".

- Như vậy, thầy giáo, cô giáo không chỉ là người dạy chữ mà quan trọng hơn: dạy người.

b. Thầy giáo, cô giáo là những người kĩ sư tâm hồn

- Dân tộc ta có truyền thống hiếu học, coi việc học là để làm người. Vì vậy, nghề dạy học được coi là một trong những nghề cao quý nhất, thầy giáo, cô giáo là những kĩ sư tâm hồn.

- Vì học sinh thân yêu, các thầy giáo, cô giáo đã luôn luôn quan tâm đến sự tiến bộ của mỗi em, vui sướng trước sự trưởng thành của các em, trăn trở với những thiếu sót mà các em vấp phải.

- Tình cảm thầy trò là tình cảm rất đặc biệt, sâu sắc. Tình cảm đó không chỉ biểu lộ đối với học sinh đang học mà có khi còn cả trong suốt cuộc đời (Nhiều gương sáng: có những học trò giỏi được xã hội giao phó cho đảm đương những chức vụ quan trọng vẫn giữ tình cảm thầy trò như khi còn đi học).

2. Thái độ đối với thầy giáo, cô giáo

- Có thể nêu một số sai sót của bản thân hoặc của các bạn về mặt này. Trên cơ sở đó nêu lên nhận thức đúng.

a. Tôn trọng và biết ơn thầy giáo, cô giáo:

- Thấy rõ lao động của thầy giáo, cô giáo là hết sức đặc biệt, sáng tạo không gì so sánh được. Đào tạo con người mới (lao động bền bỉ, lâu dài, hàng chục năm sau mới thấy thành quả).

- Tôn kính thầy giáo, cô giáo là tôn trọng những con người làm công việc cao quý: trồng người (vì lợi ích mười năm trồng cây vì lợi ích trăm năm trồng người).

b. Gần gũi, chân thành đối với thầy giáo, cô giáo:

- Muốn tiến bộ phải chân thành gần gũi các thầy giáo, cô giáo để nhờ thầy giáo, cô giáo chỉ bảo cho những sai sót mà sửa chữa.

- Phải coi thầy, cô như những người bạn sẵn lòng thông cảm, dìu dắt, giúp đỡ mình tiến bộ.

c. Quan tâm chăm sóc thầy giáo, cô giáo

- Lẽ sống của thầy là "Vì học sinh thân yêu". Quan tâm tới các thầy giáo, cô giáo là động viên thầy, cô chăm sóc giáo dục chúng mình.

- Là biểu hiện thái độ đạo đức cao đẹp: biết ơn những người đã dày công dạy dỗ mình.

d. Nỗ lực học tập rèn luyện làm theo lời chỉ bảo được thầy giáo, cô giáo.

- Đó là biểu hiện cao nhất của lòng biết ơn các thầy giáo, cô giáo.

- Đó là điều khiến các thầy cô vui lòng, hạnh phúc nhất.

III. Kết bài

- Nói lên cảm xúc chân thành nhất của em khi nghĩ về thầy cô.

- Lời chúc mừng các thầy giáo, cô giáo.

BÀI THAM KHẢO

Kính thưa quý thầy cô kính mến!

Em rất vui mừng sung sướng khi được phân công viết bài chào mừng các thầy cô trong ngày lễ long trọng 20 -11 năm nay. Thay mặt toàn thể các bạn học sinh trong trường, em xin gửi tới thầy cô những lời chào mừng tốt đẹp nhất, xin gửi tới thầy cô những đóa hoa điểm mười của chúng em như những biểu hiện của lòng biết ơn sâu sắc và thương yêu nhất, gần gũi nhất.

Kính thưa quý thầy cô!

Chúng em biết, thầy cô là người giáo dục chúng em bằng tình thương và trách nhiệm cao cả, trách nhiệm đào tạo thế hệ trẻ thành những con người mới. Thầy, cô đã cho chúng em những tri thức chọn lọc quý giá nhất, những kinh nghiệm mà nhân loại đã tích lũy trong suốt quá trình lâu dài của lịch sử và khoa học, kinh nghiệm ngàn đời và kinh nghiệm bản thân. Tất cả đều trở thành món ăn tinh thần giàu dinh dưỡng nhất, nuôi sống tâm hồn non nớt của chúng em. Các thầy cô đã "vì lợi ích trăm năm", vì "bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau" mà "trồng người", để đào tạo thế hệ trẻ thành những con người hữu ích,

đáp ứng đòi hỏi của xã hội hiện tại và tương lai. Thật đúng nhà thơ Bùi Đăng Sinh, lúc ngồi trong ghế nhà trường đã viết:

Đồi cao thắm sắc ti – gôn
Trồng hoa thầy đã trồng luôn cả người.

Thầy cô là chiếc cầu nối giúp chúng em tiếp xúc với tri thức và tâm hồn bao thế hệ, hơn thế nữa, các thầy cô còn là những kĩ sư tâm hồn. Hạnh phúc thay những bậc cha mẹ có con ngoan, con giỏi và cũng nhọc nhằn thay những phụ huynh có con chưa giỏi, chưa ngoan, thậm chí là những học sinh cá biệt của trường. Vậy ai là người chăm lo giáo dục các học sinh cá biệt ấy nhiều nhất, ai là người có trách nhiệm trực tiếp và gần gũi nhất? Nhận định rõ điều này, ca dao ta có câu:

Muốn sang thì bắc cầu kiều,
Muốn con hay chữ thì yêu kính thầy.

Đặc biệt thầy cô đã chăm lo, quan tâm rất nhiều đến sự tiến bộ của chúng em, vui sướng trước những thành tích, trước sự trưởng thành của chúng em và luôn luôn tìm cách giáo dục, nhắc nhở khi chúng em còn thiếu sót, sai lầm.

Từ cái nôi nhà trường, chúng em đã gắn bó, trưởng thành trong sự yêu thương động viên, nâng đỡ của thầy cô. Tình cảm đó là hành trang cho chúng em đi suốt cuộc đời, là nguồn nghị lực giúp chúng em vững bước và tự hào.

Có ai đã từng thành đạt, đã từng lớn lên mà chưa chịu ơn một người thầy? Có ai đã từng thành đạt, đã từng lớn lên mà chưa từng được dạy dỗ, chăm sóc dưới một mái trường?

Kính thưa quý thầy cô,

Là những người được thầy cô chăm sóc, giáo dục, chúng em hiểu công việc của thầy cô hết sức đặc biệt. Đó là một công việc âm thầm, bền bỉ như câu "vì lợi ích mười năm trồng cây, vì lợi ích trăm năm trồng người". Chúng em tôn kính thầy cô, vì thầy cô là những người làm công việc cao quý, là biểu hiện của mẫu mực và đạo đức, là văn hóa và nhân phẩm. Thực vậy, thầy cô là những tấm gương gần gũi và thân yêu biết bao!

"Ăn quả nhớ kẻ trồng cây", chúng em tự hứa với mình phải nỗ lực học tập rèn luyện theo lời chỉ bảo của thầy cô để thầy cô vui lòng.

Kính thưa thầy cô kính mến!

Trong không khí tưng bừng của ngày hội hôm nay, chúng em vô cùng phấn khởi được bày tỏ lòng kính yêu và biết ơn nhưng thật khó mà diễn tả hết những cảm xúc của chúng em. Chúng em xin kính chúc các thầy cô luôn an khang và hạnh phúc để mãi mãi dìu dắt chúng em, lớp lớp học sinh trở thành những công dân tốt, những người chủ biết xây dựng và bảo vệ tổ quốc, đưa nước Việt Nam thân yêu của chúng ta tiến nhanh tiến mạnh, sánh vai cùng các cường quốc năm châu.

Đề 85. Em hãy giải thích câu tục ngữ: *"Lá lành đùm lá rách"*.

BÀI THAM KHẢO

Những ngày lễ Tết, hội hè ở nước ta, bao nhiêu phụ nữ khéo tay đã gói ghém, làm ra những chiếc bánh ngon, đẹp. Trong vườn, bên ao, họ truyền cho nhau một kinh nghiệm giản dị:

Lá lành đùm lá rách

Ta hãy giải thích câu tục ngữ trên.

Trước hết, đây là một câu nói rất gợi hình. *Lá lành* là những chiếc lá còn tươi tốt, nguyên vẹn, chưa bị gió lay hay giập rách. Ngược lại, *lá rách* là những chiếc lá tả tơi vì gió hoặc các vật cứng va chạm vào. *Lá lành đùm lá rách* gợi ta liên tưởng đến hành động gói bánh. Trong lúc thiếu lá, nhân dân ta thường đặt lá rách, lá nhỏ vào giữa, trong cùng. Còn bên ngoài chiếc bánh là những chiếc lá tươi xanh, nguyên vẹn.

Câu "*Lá lành đùm lá rách*" còn gợi ý nghĩa sâu xa hơn. *Lá lành* tượng trưng cho hình ảnh những người có cuộc sống yên lành: có tiền của, no ấm hoặc mạnh khỏe. Ngược lại, *lá rách* ví với những người nghèo khổ, đói rét, đau ốm hoặc hoạn nạn. Như vậy, cả câu "*Lá lành đùm lá rách*" là một lời khuyên nhủ của người xưa với chúng ta: những người may mắn, mạnh khỏe, no ấm hãy biết cưu mang, giúp đỡ người ốm đau, hoạn nạn, thiếu thốn...

Xã hội hôm nay đã phát triển. Nhưng đâu phải bây giờ đã hết kẻ đói nghèo, khốn khổ, hoạn nạn, do vậy, rất cần sự tương thân, tương ái. Đây là đạo lí làm người và lòng nhân ái cao cả đã trở thành truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta.

Trong xã hội, không ai có thể sống tách biệt một mình mà tồn tại được. Dẫu một người có đầy đủ sức khỏe, tiền bạc nhưng cũng có khi gặp hoạn nạn. Sống giữa thiên nhiên lại càng rủi ro hơn vì những thiên tai nghiệt ngã. Dù giàu hay nghèo, *lành* hay *rách*, trước một quả bom của giặc ngoại xâm hay một trận thiên tai, thì máu nào cũng đỏ, xương nào cũng trắng. Không ai có thể làm ngơ trước những vết thương và tiếng khóc. Lòng thương yêu, đùm bọc lẫn nhau lúc khó khăn hoạn nạn chính là cơ sở tạo tình đoàn kết, thân ái, ràng buộc chặt chẽ các thành viên trong xã hội. Đó là sức mạnh vô song giúp con người sống qua những ngày ác liệt nhất trong đời:

Hàng xóm bốn bên trở về lầm lụi
Đỡ đần bà dựng lại túp lều tranh
Vẫn vững vàng bà dặn cháu đinh ninh
Bố ở chiến khu bố còn việc bố
Mày chớ viết thư kể này, kể nọ...

(*Bếp lửa* – Bằng Việt)

Suy rộng hơn nữa, câu tục ngữ "*Lá lành đùm lá rách*" không chỉ là lời khuyên "hãy giúp người" mà thực ra, giúp người chính là giúp mình. Vì sao vậy? Nếu muốn toàn xã hội như một cái bánh thơm ngon thì một chiếc *lá lành* không làm được gì cả. Chiếc *lá lành* phải *đùm lá rách* mới làm cho chiếc bánh chắc và thơm ngon. Vậy khi chiếc *lá rách* an toàn thì chiếc *lá lành* cũng bình yên. Hơn nữa, khi ta đem lại hạnh phúc, niềm vui cho người khác cũng chính là lúc lòng ta dâng lên một niềm hạnh phúc như câu danh ngôn nổi tiếng: "Niềm hạnh phúc của một người là đem lại niềm vui cho nhiều người". Thật vậy, qua những lần bão lụt ở miền Trung hoặc lũ lụt ở đồng bằng sông Cửu Long, nhiều người đã dành nhiều thời gian, công sức, tiền của để cứu trợ đồng bào gặp nạn. Họ xem đó là niềm vui vì được chia sẻ nỗi đau cùng đồng bào. Tinh thần tự nguyện ấy thật đáng quý.

Câu tục ngữ "*Lá lành đùm lá rách*" giản dị mà sâu xa, đơn sơ mà có giá trị lâu bền. Đó là một trong những nền tảng đạo đức của dân tộc Việt Nam, chứa đựng tinh thần nhân ái, nhân bản cao cả. Em sẽ luôn luôn ghi nhớ câu tục ngữ này và thực hiện thật tốt trong mọi hoàn cảnh.

Đề 86. Đoàn kết là một truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta. Em hãy chứng minh vấn đề đó qua việc tìm hiểu ý nghĩa câu ca dao:

"Một cây làm chẳng nên non,
Ba cây chụm lại nên hòn núi cao"

BÀI THAM KHẢO

Trong quá trình dựng nước và giữ nước, nhân dân ta thực hiện tốt bài học đoàn kết nên đã liên tục vượt qua trở ngại để giành độc lập dân tộc. Tinh thần đoàn kết ấy trở thành một truyền thống quý báu của dân tộc và hơn thế nữa đã được đúc kết thành một chân lí giàu hình ảnh qua hai câu:

"Một cây làm chẳng nên non
Ba cây chụm lại nên hòn núi cao".

Phải chăng bài học quý báu ấy đã được thực tế cuộc sống và lịch sử chứng minh để có thể mãi mãi là phương châm tốt đẹp cho chúng ta?

Người xưa đã quan sát thực tế, mượn hình ảnh thiên nhiên để so sánh với con người. Thực vậy, *một cây* đứng riêng lẻ, dù có to đến đâu, vẫn rất đơn chiếc so với một rừng cây và tất nhiên, càng nhỏ bé đối với thiên nhiên bao la, đối với vũ trụ mênh mông. Do vậy, trước gió bão to lớn cây đó có thể bị bẻ gãy. Trái lại, *ba cây* mọc gần nhau, cành lá tạo thành một khoảng rộng hơn có thể nương tựa nhau trước sức gió mạnh, rễ cũng đan xen để cùng bám chặt đất nên khó bị bật rễ. Tất cả tạo thành một sức mạnh mới, một sức mạnh bề thế, vững chắc, tương tự như *hòn núi cao*.

Qua các hình ảnh quen thuộc và cách ví von có phần cường điệu nói trên, câu ca dao gợi một ý nghĩa sâu xa hơn, đó là sự hợp quần, là tinh thần đoàn kết của tập thể con người. Nếu sự gắn bó của loài cây kia tạo nên sức mạnh thì tại sao con người lại không đoàn kết, gắn bó với nhau, tạo thành một sức mạnh tổng hợp để dễ dàng thành công? Đó chính là lời khuyên nhủ chân tình, là ý nghĩa thiết thực mà người xưa muốn gửi gắm đến chúng ta.

Trước hết, trong thực tế cuộc sống, sức mạnh tập thể đã nhiều lần giúp ta vượt qua trở ngại về vật chất lẫn tinh thần. Một con đê núng thế cần rất nhiều bao đất, cần rất nhiều bàn tay, công sức của toàn thể nhân dân. Một con bệnh ngặt nghèo cần được tập thể bác sĩ hội chẩn, tìm phương cứu chữa. Nhiều bộ óc và tài năng tập hợp lại mới có những kết quả tốt đẹp và chính xác về công trình khoa học lớn lao...

Tinh thần đoàn kết không những giúp cho ta vượt qua những trở ngại trong cuộc sống, trong lao động để đi đến thành công mà còn rất cần thiết trong công cuộc đấu tranh giành độc lập trước hiểm họa ngoại xâm. Lần giở những trang sử hào hùng của dân tộc, ta càng hiểu rõ tinh thần đoàn kết của dân tộc ta rất đáng tự hào. Đó là sức mạnh tạo nên chiến thắng của Ngô Quyền trên sông Bạch Đằng, của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn chiến thắng quân Nguyên – Mông...

Ta cũng không quên câu chuyện kể về một người cha gọi các con mình lần lượt đến và đưa cho một bó đũa rồi bảo từng người bẻ bó đũa ấy. Từ người anh lớn nhất đến đứa em út đều không ai bẻ gãy được! Bấy giờ người cha liền tách bó đũa ra để bẻ từng chiếc một. Và ông giảng giải: "Các con đều thấy, chia lẻ ra thì yếu, hợp lại thì mạnh. Vậy các con phải biết đùm bọc lấy nhau".

Ngay từ trong gia đình, nếu ta yêu thương, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau, cả gia đình được thuận hòa, hạnh phúc. Ở xóm làng, nếu biết một lòng đoàn kết tất cả sẽ yên vui, những tệ nạn xấu xa như ma túy, trộm cắp khó lòng xâm nhập. Nếu người dân cả nước biết phát huy tinh thần đoàn kết trong mọi lĩnh vực thì hoạn nạn nào không được khắc phục, khó khăn nào không thể vượt qua?

Tóm lại, đến đây, hẳn chúng ta đều công nhận giá trị quý báu của lời dạy "*Ba cây chụm lại...*". Đoàn kết là sức mạnh vô địch là phương châm sống và hành động để tồn tại và hạnh phúc.

Đề 87: Em hãy giải thích ý nghĩa của bài ca dao:

"Trong đầm gì đẹp bằng sen
Lá xanh bông trắng lại chen nhị vàng
Nhị vàng bông trắng lá xanh
Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn"

DÀN Ý

I. Mở bài

- Nét đẹp tâm hồn, phẩm chất cao quý của con người được ca dao nhắc nhở qua hình ảnh rất quen thuộc.
- Ghi lại bài ca dao.
- Chuyển mạch: giải thích ý nghĩa bài ca dao.

II. Thân bài

A. Giải thích

- Hình ảnh bông sen quen thuộc gợi hương thơm tinh khiết giữa ao đầm.
- Hoa sen mang nét đẹp đơn sơ, chân chất như nét đẹp bình dị, dân dã cùng tỏa hương thơm.
- Nhìn đi nhìn lại bông sen, câu ca dao khẳng định phẩm chất thật đáng quý: xuất thân từ bùn lầy mà không nhuốm mùi bùn hôi tanh, trái lại vẫn giữ hương hoa thơm tho tinh khiết.
- Bông sen là hình ảnh mang đậm phẩm chất cao đẹp của người lao động. Vẻ đẹp tâm hồn ấy luôn tinh khiết như bông sen giữa đầm lầy, dù gần bùn hôi tanh.

B. Lí do - Vận dụng

- Sen được ca ngợi vì sen mọc từ bùn lầy mà vẫn tỏa hương thơm ngát.
- Người nông dân, người lao động từ bao đời sống thật trong sạch. Nếp sống ấy biểu hiện đạo đức nhân cách tốt đẹp của họ. Dù cho xã hội còn đầy rẫy những cái xấu nhưng con người lao động chân chính vẫn không bị tác động.

- Họ luôn quan niệm "đói cho sạch, rách cho thơm". Dẫu "giấy có rách" cũng phải "giữ lấy lề" để sống trong sạch và cao quý.

- Ta không quên con cò trước khi chết còn xin được *xáo nước trong chớ xáo nước đục đau lòng cò con.* Lão Hạc dù chết vẫn để tiền lại cho con và tiền lo hậu sự cho bản thân. Chị Dậu tung xòe đồng tiền mua chuộc khắp nền nhà, không chịu sống ô uế.

- Hiện nay, giữa thời kì phát triển kinh tế, mọi người đang kiếm sống với nhu cầu vật chất ngày càng cao, người ta dễ quên đi những nét đẹp đẽ, cao quý của tâm hồn con người. Do vậy, hơn bao giờ hết, những bài học đạo đức làm người, xem trọng nhân cách cần được thường xuyên nhắc nhở.

- Tóm lại, giữa cái xấu xa thối nát, người Việt Nam vẫn giữ được truyền thống tốt đẹp của dân tộc, luôn ngẩng cao đầu, sống một cách trong sạch.

- Ngay từ bây giờ, ta phải rèn luyện đạo đức, nhân cách để trở thành người công dân tốt, thành đóa sen làm đẹp cho đời sau này.

III. Kết bài

- Là người Việt Nam, ta tự hào về truyền thống cha ông, về lẽ sống trong sạch, thanh cao.

- Đóa sen tỏa hương thơm giữa đầm lầy tượng trưng cho phẩm chất cao quý của con người lao động, luôn luôn được ngợi ca, trân trọng.

Đề 88: Nhân dân ta thường khuyên nhau:

"Anh em như thể chân tay,
Rách lành đùm bọc, dở hay đỡ đần"

Em hãy giải thích ý nghĩa câu ca dao trên.

BÀI THAM KHẢO

Ca dao không chỉ là những câu lục bát trữ tình thể hiện tình yêu đôi lứa muôn màu muôn vẻ mà còn là bài học đạo đức và cách ứng xử mẫu mực mang tính nhân hậu của dân tộc ta. Tiêu biểu là câu:

Anh em như thể tay chân
Rách lành đùm bọc, dở hay đỡ đần.

Câu ca dao thật giản dị, gần gũi mà chứa đựng bao điều đáng cho ta suy nghĩ. Trước tiên ta cần hiểu ý nghĩa một số hình ảnh như *tay chân* và *rách lành*. *Tay* và *chân* là hai bộ phận của con người, hỗ trợ cho nhau. *Anh em* trong một gia đình cũng vậy, đều cùng cha mẹ sinh ra, đều sống chung trong một mái nhà, cùng lớn lên, có quan hệ tình cảm gắn bó với nhau. *Anh* giúp *em*, *em* giúp *anh*. Mối quan hệ đó giống như mối quan hệ giữa *tay* và *chân*.

Qua hình ảnh so sánh ở câu thứ nhất, nhân dân ta nêu lên tình cảm khăng khít giữa *anh em*. Chính tình cảm này sẽ là cơ sở cho cách cư xử giữa *anh em* sau này.

Lành chỉ lúc đầy đủ sung sướng, *rách* chỉ khi nghèo khổ thiếu thốn. Hoàn cảnh có thể thay đổi song anh em vẫn phải thương yêu nhau, đùm bọc nhau, không hề thay đổi.

Câu ca dao trên đã nêu lên một vấn đề đạo đức, đồng thời cũng là vấn đề tình cảm cơ bản của con người: tình anh em. Anh em do cha mẹ sinh ra, sống trong một gia đình, khi bé, sống chung với nhau, yêu thương nhau đã đành. Lúc lớn lên, cũng phải giữ mãi tình cảm cao quý đó. Dù hoàn cảnh sống sướng, khổ khác nhau, anh em vẫn phải quan tâm, săn sóc giúp đỡ lẫn nhau. Giữ mãi tình anh em thắm thiết là bổn phận của mỗi con người trong gia đình. Đó là truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta được lưu truyền và thể hiện qua câu ca dao trên. Yêu thương, đùm bọc nhau là đạo đức, là nhân cách rất nhân bản của con người nói chung. Do vậy, gia đình nào yêu thương hòa thuận với nhau thì gia đình đó được hạnh phúc, cha mẹ được an vui lúc tuổi già.

Truyền thống cao đẹp và nhân bản đó còn được thể hiện rộng lớn hơn giữa đồng bào trong một đất nước mà đặc biệt, giữa dân tộc này với dân tộc khác mỗi khi có thiên tai như hạn hán, lũ lụt... Tình yêu thương đùm bọc đó đã tạo điều kiện cho người bị nạn vượt qua những khó khăn trước mắt và có niềm an ủi tinh thần để vươn lên.

Tình *anh em* là tình ruột thịt gắn bó, gần gũi với nhau rất mật thiết như *tay* và *chân* của một cơ thể. Ai cũng có cha mẹ và anh em. Do vậy, câu ca dao trên có ý nghĩa rất quan trọng đối với mọi người. Bài học ứng xử ấy lại thể hiện bằng những hình ảnh đơn giản và gần gũi biết bao. Nếu *tay chân* không giúp đỡ nhau thì cơ thể sẽ ra sao? Nếu *anh em* không *đùm bọc* nhau thì cha mẹ có vui lòng không?

Yêu thương, giúp đỡ nhau là cách sống đẹp của con người có đạo đức, trong phạm vi gia đình là tình anh em và trong phạm vi lớn rộng hơn là tình dân tộc và nhân loại.

Đề 89: Em hãy giải thích câu tục ngữ:

"Thương người như thể thương thân"

BÀI THAM KHẢO

Bên cạnh truyền thống anh hùng bất khuất, truyền thống nhân đạo đã trở thành máu thịt của nhân dân ta. Tục ngữ của ta cũng thấm nhuần lòng nhân đạo ấy:

"*Thương người như thể thương thân*"

Tìm hiểu quan niệm ấy, ta sẽ hiểu thêm nét đẹp tâm hồn của dân tộc ta.

Lời khuyên giản dị mà chan chứa tình người. Còn gì chí tình, chí nghĩa hơn là thương yêu, giúp đỡ người khác như thương yêu chính bản thân mình.

Lời răn dạy ngắn gọn mà chứa đựng ý nghĩa sâu xa. *Thân* là bản thân, là cái riêng được coi ngang bằng với mọi người khác (chỉ chung nhân loại). Lời răn dạy trên như muốn khuyên ta: Ta từng thân thương ta thế nào ta hãy chia sẻ, cảm thông mà thương thân người như thế. Thân ta nếu đã từng đau đớn vì một lí do nào đó như đứt tay, bệnh hoạn thì ta đã hiểu, đã trải qua nỗi đau ấy, đã thương xót bản thân mình. Đến nay, nếu người khác lâm cảnh khốn cùng, ta cảm thông giúp đỡ, quan tâm họ như ta vậy.

Vì sao câu tục ngữ trên lại khuyên ta phải giúp đỡ người khác? Nếu suy nghĩ kĩ, ta thấy điều ấy thật đơn giản: chưa có ai sống đơn độc lẻ loi mà đủ sức tồn tại. Gia đình có quan hệ anh em, cùng chung huyết thống, cùng chung kỉ niệm vui buồn. *Anh em như thể tay chân* nên lúc hoạn nạn phải giúp đỡ nhau theo tinh thần *máu chảy ruột mềm, chị ngã em nâng.*

Xa hơn nữa là bạn bè, hàng xóm quen biết cùng chung những lúc *tối lửa tắt đèn* bên nhau. Họ không cùng chung máu mủ nhưng lại là người gần gũi, dễ chia sẻ buồn vui với nhau. Do vậy, cũng có câu: *Bán anh em xa mua láng giềng gần.* Thực tế thì anh em không bán, láng giềng nên mua, đó là những người gần gũi và có thể hiểu ta, giúp đỡ ta trước khi anh em ta đến nơi. Họ chẳng khác gì anh em một nhà với ta.

Rộng hơn nữa là những người miền ngược hay miền xuôi trong đất nước ta. Đó là đồng bào, cùng một bọc, cùng là con mẹ Âu Cơ với ta... Tinh thần ấy đã trở thành truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Hơn nữa, về mặt lịch sử và địa lí, dân tộc ta có chung môi trường, điều kiện sống, cùng nhau hưởng hạnh phúc trong độc lập và chịu gian nan lúc nô lệ ngoại bang. Ta đã gắn bó biết bao trong kháng chiến gian khổ để có độc lập, tự do hôm nay. Ngoài ra, ta còn phải gắn bó đoàn kết với nhau trong đấu tranh với thiên nhiên. Biết bao lần ta đã gắn bó, đùm bọc nhau khi bị lũ lụt, hỏa hoạn. Biết bao lần ta đã "cứu đồng bào là để tự cứu mình" trong mối quan hệ khăng khít. Những việc làm ấy đều xuất phát từ tinh thần *thương người như thể thương thân* nói trên. Tình cảm ấy, về thực tế cần phải duy trì, về đạo lí là nét đẹp truyền thống, là nếp sống văn minh tốt đẹp của xã hội.

Do vậy, hiểu sâu sắc lí do trên ta cần phát triển mối quan hệ tốt đẹp ấy, hiểu rõ vẻ đẹp của lối sống đoàn kết thân ái, phải thương yêu người khác như chính bản thân. Ngày nay, câu tục ngữ không còn mang ý nghĩa giữa cá nhân với nhau mà còn mang nội dung rộng lớn hơn, trở thành tình cảm chung, nếp sống chung của toàn xã hội. Tình cảm nhân đạo ấy được phát triển rộng qua mối quan hệ với cả cộng đồng nhân loại. Thấm nhuần lời dạy ấy, bản thân chúng ta phải có ý thức rèn luyện đạo đức. Ngay từ nhỏ, ta phải biết đoàn kết yêu thương nhau từ trong gia đình, lớp học đến xã hội.

Theo tinh thần "tuổi nhỏ làm việc nhỏ", ta cần giúp đỡ đồng bào bị thiên tai, giúp đỡ những gia đình neo đơn, người già, người tàn tật. Đó chính là biểu hiện tốt đẹp giữa người và người trong xã hội.

Tóm lại, câu tục ngữ "*Thương người như thể thương thân*" đã cho ta một bài học về đạo làm người, nhắc nhở ta phải có lòng nhân ái, biết yêu thương mọi người chung quanh như thương yêu chính bản thân mình. Phát huy truyền thống tốt đẹp của ông cha, chúng ta vừa thể hiện nhân cách làm người, vừa góp phần xây dựng một đất nước văn minh tiến bộ.

Thật vậy:

Bầu ơi thương lấy bí cùng
Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn.

Cao quý thay lòng nhân ái! Vĩ đại thay *giàn* địa cầu của chúng ta!

Đề 90. Tục ngữ có câu: *"Chị ngã em nâng"*.

Em hãy giải thích câu tục ngữ trên.

DÀN Ý

I. Mở bài

- Tình tương thân, tương ái là truyền thống của dân tộc ta từ xưa đến nay.
- Dẫn câu tục ngữ: "*Chị ngã em nâng*".
- Chuyển mạch: giải thích ý nghĩa câu trên.

II. Thân bài

A. Giải thích

- Nghĩa đen của câu tục ngữ là lời nói giản dị, chân thật, đầy tình cảm. Là chị em trong gia đình, nếu không may người chị bị vấp ngã, thất bại, gặp khó khăn thì người em phải giúp đỡ để người chị đứng dậy.

- Nghĩa bóng: *Chị em* chỉ đồng bào, người trong một xóm, địa phương... Như vậy, câu tục ngữ nhằm nhắc nhở ta phải biết thương yêu, giúp đỡ lẫn nhau khi gặp hoạn nạn, khó khăn.

B. Lí do

- Là người cùng chung một tổ tiên, nói cùng một thứ tiếng, có chung một lịch sử, dù ở miền ngược hay miền xuôi, đồng bằng hay rừng núi, bất cứ nơi đâu cũng đều là anh em. Mà anh em trong một gia đình tất nhiên phải thương yêu nhau. Lẽ nào ta lại làm ngơ khi anh em ta gặp chuyện không may? Khi ấy liệu ta có thể sống yên tâm và vui vẻ hạnh phúc được không? Ông bà xưa cũng đã từng dạy "Máu chảy ruột mềm".

- Không ai trong xã hội sống lẻ loi được, mà cần phải có người xung quanh giúp đỡ. Những lúc "tối lửa tắt đèn", tình làng nghĩa xóm giúp ta vượt qua khó khăn. Chính tình cảm tưởng như bình thường ấy lại có sức mạnh giúp ta vượt qua gian khó để gượng dậy và vững bước hơn. Tình tương thân tương ái, giúp đỡ lẫn nhau không những là tình người, tình đồng loại mà còn là cơ sở của tình yêu nước, yêu Tổ quốc. Đây là một thứ tình cảm không thể thiếu được trong mỗi người chúng ta. Bởi lẽ đó, ông cha ta thường nhắc nhở con cháu:

Lá lành đùm lá rách
Bầu ơi thương lấy bí cùng
Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn

- Giúp đỡ nhau phải xuất phát từ lòng chân thành, không tính toán, vụ lợi mới là nghĩa cử cao đẹp. Nhưng cũng không nên giúp người bừa bãi mà ta cần thận trọng quan tâm đến các đối tượng để họ không ỷ lại mà lười biếng lao động...

- Yêu thương giúp đỡ lẫn nhau khi gặp khó khăn hoạn nạn là nghĩa vụ, bởi việc làm này tạo nên sự đoàn kết, thân ái của những người sống trong xã hội.

III. Kết bài

- Câu tục ngữ thể hiện lối sống giàu tình nặng nghĩa của nhân dân ta trong cuộc sống.
- Lối sống này cần được phát triển ngày càng tốt đẹp hơn.

Đề 91: *Hãy tìm hiểu ý nghĩa bài ca dao:*

"Trâu ơi ta bảo trâu này.
Trâu ra ngoài ruộng trâu cày với ta.
Cấy cày vốn nghiệp nông gia.
Ta đây trâu đấy, ai mà quản công.
Bao giờ cây lúa còn bông,
Thì còn ngọn cỏ ngoài đồng trâu ăn."

DÀN Ý

I. Mở bài

Từ ngàn xưa, nhân dân lao động nước ta âm thầm làm việc trên mảnh đất tổ tiên. Đôi khi nửa đêm, đôi khi sáng sớm, họ cô đơn bên cầu ao, bên mảnh ruộng. Người nông dân thiết tha yêu cuộc sống ruộng đồng, gắn bó với quê hương, đất nước. Đối với vườn cải, luống rau họ còn tỏ bày tình thân thiết:

Trời đừng nắng lắm trời ơi,
Rau con nó mệt nữa rồi nó đau!

Và có khi bên cạnh người nông dân chỉ còn lại con trâu hiền lành. Họ nói trâu bằng giọng thân tình và ngọt ngào như nói với con, với cháu:

"Trâu ơi ta bảo trâu này.
Trâu ra ngoài ruộng trâu cày với ta.
Cấy cày vốn nghiệp nông gia.
Ta đây trâu đấy, ai mà quản công.
Bao giờ cây lúa còn bông,
Thì còn ngọn cỏ ngoài đồng trâu ăn."

- Ta hãy tìm hiểu ý nghĩa bài ca dao trên.

III. Thân bài

1. Tiếng gọi *"Trâu ơi"* mở đầu bài ca dao bằng giọng điệu thân tình và từ xưng hô *"ta"* thể hiện lòng trìu mến. Nhà nông xem trâu như người bạn để tâm sự. Trâu được dẫn dụ, khuyên nhủ nên siêng năng ra đồng cùng cày ruộng với người:

   Trâu ơi ta bảo trâu này.
   Trâu ra ngoài ruộng trâu cày với ta.

2. *Trâu với ta, đây với đấy* chung nghiệp nông gia nên phải cùng chịu nhọc nhằn, dãi nắng dầm mưa để một ngày nào đó sẽ thu hoạch vụ mùa:

   Cấy cày vốn nghiệp nông gia.
   Ta đây trâu đấy, ai mà quản công.

   Đại từ *"ai"* có nội dung và sắc thái biểu cảm đặc biệt: người và vật bình đẳng, không có chút phân biệt, ngăn cách.

3. Nhà nông và con vật thân yêu như cùng giao ước: bây giờ cùng ra công khó nhọc, ngày mai sẽ cùng được hưởng lợi. Ta có lúa để ăn thì trâu có cỏ để gặm, ta no thì trâu không bao giờ phải đói:

Bao giờ cây lúa còn bông
Thì còn ngọn cỏ ngoài đồng trâu ăn.

4. Lòng trìu mến khăng khít qua lời nhắn nhủ trên đã thể hiện tình thân thiết của người nông dân đối với loài gia súc gần gũi nhất trong đời sống hằng ngày.

Đối với nhà nông, trâu bò còn là sức kéo không thể thiếu được, từ việc cày bừa, dọn đất gieo cấy đến việc cộ lúa, xe đất làm nền, chở cây, lá cất nhà... Mọi việc nặng nhọc đều do trâu đảm đương, cho nên trong sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt nông thôn, không thể không có sự giúp sức của con vật thân yêu đó. Hình ảnh con trâu đi trước cái cày theo sau là hình ảnh phổ biến ở nông thôn ta.

Qua bài ca dao này, chúng ta thấy hiện lên hình ảnh một người nông dân chất phác, hiền hòa và chăm chỉ. Đó là hình ảnh một người dân quê chỉ biết trông cậy vào hai bàn tay mình, mảnh đất và con trâu, để tìm kế mưu sinh và đóng góp của cải cho xã hội. Hàng ngàn năm qua, bao nhiêu người nông dân ấy đã sống, đã nuôi hi vọng "*cây lúa còn bông*" và đã ra đi, truyền lại hi vọng ấy và truyền cả trái tim yêu thương gia súc cho cháu con – Là người Việt Nam ai không từng hưởng thụ những hạt gạo dẻo, những chén cơm thơm? Nhưng mấy ai từng nghĩ đến một phương thức mới, cho người nông dân Việt Nam nở nụ cười hạnh phúc trên cánh đồng trĩu hạt?

Đề 92. Giải thích ý nghĩa bài ca dao:

"Cày đồng đang buổi ban trưa,
Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày;
Ai ơi bưng bát cơm đầy,
Dẻo thơm một hạt đắng cay muôn phần."

Bài tham khảo

"Đứng bên tê đồng ngó bên ni đồng mênh mông bát ngát
Đứng bên ni đồng, ngó bên tê đồng cũng bát ngát mênh mông"

Những cánh đồng lúa bát ngát xanh tươi nuôi sống dân ta từ ngàn xưa đến nay đã là nhân chứng cho bao nhiêu hoạt động, bao nhiêu tâm tình của người lao động nước ta. Họ đã làm việc ở đó và cũng tâm sự trên mảnh đất đó

"Cày đồng đang buổi ban trưa,
Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày;
Ai ơi bưng bát cơm đầy,
Dẻo thơm một hạt đắng cay muôn phần."

Để tìm hiểu tâm sự của người nông dân thời xưa, ta hãy giải thích ý nghĩa bài ca dao trên.

Cày đồng đang buổi ban trưa,
Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày.

Lời thơ miêu tả nỗi vất vả trong lao động của người nông dân. Hình ảnh người nông dân lao động vào thời điểm ban trưa tức là thời điểm mặt trời gay gắt nhất, khoảng thời gian từ chín, mười giờ đến mười một, mười hai giờ. Đất nước ta lại là xứ nhiệt đới, nắng lúc bấy giờ chiếu thẳng xuống mặt đất. Nông dân lại làm việc giữa trời rộng, không một mái che. Từ đó ta hiểu vì sao người cày ruộng ướt đẫm mồ hôi:

Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày.

So sánh *mồ hôi thánh thót như mưa,* người nông dân đã muốn diễn tả cụ thể nỗi khó nhọc, vất vả của công việc mình làm. Bên cạnh đó từ láy *thánh thót* gợi lên hình ảnh từng giọt mồ hôi rơi xuống liên tục, giọt ngắn giọt dài. Tóm lại, câu một chỉ giới thiệu hoàn cảnh lao động, câu hai đã miêu tả hình ảnh một cách cụ thể sinh động, gợi hình, gợi cảm. Tuy sự so sánh này có tính cách thậm xưng nhưng vẫn gây xúc động mạnh cho chúng ta.

Nếu hai câu đầu miêu tả công việc cực nhọc thì hai câu sau là lời tâm sự của người làm công việc ấy:

Ai ơi bưng bát cơm đầy,
Dẻo thơm một hạt đắng cay muôn phần.

Câu ba mở đầu bằng hô ngữ từ "*Ai ơi*" để diễn tả một lời kêu gọi tha thiết. Lời kêu gọi không nhắm vào một người quen biết nào cả. Họ cũng không rõ ai là người lắng nghe tâm sự của họ. Họ chỉ biết nói với những người đã từng bưng những bát cơm ngon, những bát cơm đầy. Vậy thì chữ "*Ai*" không xác định đã được xác định: Ai đó chính là những người đã từng ăn cơm, chính là chúng ta, là mọi người.

Lời tâm sự trong câu bốn được diễn tả bằng nghệ thuật đối lập và tăng cấp *dẻo thơm một hạt* đối với *đắng cay muôn phần.* Sự đối lập cho ta thấy sự éo le, nghiệt ngã giữa *dẻo thơm* và *đắng cay* giữa *một hạt* và *muôn phần.* Từ đó ta càng hiểu được tâm sự của người nông dân: "Hãy hiểu cho chúng tôi để có một hạt cơm thơm dẻo là muôn phần cực nhọc, đắng cay, một chén cơm thơm ngon là do muôn lần vất vả mà chúng tôi phải chịu đựng." Sự khiêm tốn nằm ở chỗ họ chỉ mong muốn chúng ta cảm thông với công lao cực nhọc ấy, thấu hiểu nỗi vất vả ấy. Một lời tâm sự thật cảm động, một lời kêu gọi thật tế nhị. Thế mà xưa nay, mỗi lần ăn bát cơm ta có luôn nhớ đến họ không?

Bốn câu lục bát thật giản dị diễn tả nỗi vất vả nhọc nhằn của nông dân làm ra hạt lúa nuôi sống mọi người. Bên cạnh đó là một lời kêu gọi nhẹ nhàng, khiêm tốn: Hãy nhớ, đừng quên người nông dân.

Ngày nay, nhờ cơ giới hóa nông nghiệp, nông dân đã bớt vất vả hơn nhưng bài ca dao vẫn còn giá trị đặc biệt. Hôm nay, họ vẫn thiếu vốn, thiếu phân, thiếu kĩ thuật tiên tiến. Thiên nhiên khắc nghiệt cũng vẫn luôn là mối đe dọa, rình rập người nông dân. Nhà nước ta đã có chính sách rất tốt cho nông dân nghèo vay vốn nhưng người trí thức Việt Nam vẫn chưa mạnh dạn trở về đồng ruộng để trả ơn tiền nhân, đưa khoa học vào nông nghiệp. Đó là bổn phận và trách nhiệm của thế hệ chúng ta. Nếu những người trí thức mới dám về quê hương cải tiến kĩ thuật, thì thực sự ta mới đáp đền công ơn thầm lặng của bao nông dân Việt Nam.

Đề 93 "*Sự làm việc tránh cho ta ba cái hại lớn: tật xấu, nỗi buồn và cảnh nghèo túng" (Vôn-te).*

Em hãy giải thích ý kiến trên.

Bài tham khảo

Tục ngữ Việt Nam có câu "*Tay làm hàm nhai, tay quai miệng trễ*". Phương Tây cũng nhận xét "*Sự ăn không ngồi rồi là mẹ của mọi tật xấu*". Nhà tư tưởng Pháp Vôn-te đã cho ta một cái nhìn khái quát, toàn diện về giá trị của sự làm việc:

"Sự làm việc tránh cho ta ba cái hại lớn: tật xấu, nỗi buồn và cảnh nghèo túng."

Ta hãy giải thích ý kiến trên.

Trước hết, thử nhìn xung quanh, ta thấy làm việc là hoạt động liên tục của mọi người trong xã hội, trừ tuổi đi học và tuổi về hưu.

Dù không làm việc bằng tất cả say mê thì người có công ăn việc làm cũng phải bảo đảm chất lượng công việc ở mức chấp nhận được. Điều đó đã chiếm phần lớn thời gian của họ. Do đó, họ sẽ không còn nhiều thời gian rảnh rỗi để tiêu phí vào những việc vô bổ như nhậu nhẹt say sưa, bài bạc hoặc các hoạt động phạm pháp khác.

Hơn nữa, người có công ăn việc làm thường phải bỏ cả thời giờ, công sức để đầu tư suy nghĩ về công việc sao cho có hiệu quả cao. Xã hội càng phát triển, nhu cầu con người càng cao, càng đòi hỏi sự hoàn thiện, hoàn mĩ cho sản phẩm. Do đó, người lao động, dù trí óc hay tay chân, cũng phải ít nhiều đầu tư công sức và thời gian, không còn thì giờ sa đà vào các thói hư tật xấu. Từ bác nông dân, công nhân đến người buôn bán, nhân viên, thư kí, bác sĩ, kĩ sư... tất cả đều có công việc riêng của ngành nghề mình. Dù là công việc lao động tay chân hay lao động trí óc, công việc nào cũng đòi hỏi sự cố gắng liên tục mới đạt được kết quả tốt đẹp.

Thử cầm lên tờ báo công an mà xem

Các thanh thiếu niên tiêm nhiễm thói hư tật xấu thường không được quan tâm giáo dục đúng hướng, lại không học hành, không lao động nên tiêu phí thời gian vào những điều tai hại: rượu chè, hút xách, bài bạc... Đó là trường hợp *nhàn cư vi bất thiện* như người xưa thường nói.

Thực vậy, đang tuổi thanh niên cường tráng, nếu không được hướng vào một hoạt động hữu ích nào, sinh buồn rầu, chán nản tất có ngày dồn sức lực vào hoạt động xấu xa ngoài ý muốn, bởi ban đầu chỉ để tiêu phí thời gian rồi buồn, sau thành thói hư khó sửa chữa. Điều đó cho ta thấy việc cố gắng lao động sẽ làm cho ta có mục đích tốt đẹp, sống có ý nghĩa, giúp ích cho bản thân và xã hội.

Cuối cùng, sự làm việc còn cho ta một thù lao nhất định, đủ bảo đảm cho ta một sức sống tối thiểu nào đó trong xã hội, tránh cho ta sự nghèo túng vì "miệng ăn núi lở". Nhà nông muốn công việc có hiệu quả trước tiên phải cần cù, sau đó cần học hỏi về kĩ thuật chăm sóc các loại lúa và cây trồng. Tiêu biểu là anh Lê Văn Hai ở phường 4 quận 8 đã làm giàu trên mảnh đất ngập mặn của mình.

Ý kiến trên quả là có cơ sở đúng đắn nên từ đó, người ta đã có phương hướng để cải tạo, hướng dẫn cho các thanh thiếu niên phạm pháp học nghề và trở lại với xã hội đời thường, giúp đỡ cho các cô gái lỡ lầm trở lại sống hòa

đồng với xã hội bằng những nghề lương thiện, câu thơ còn ca ngợi vai trò, tác dụng to lớn của lao động trong việc cải tạo và chinh phục thiên nhiên, tạo ra những thành quả vật chất và tinh thần cho xã hội.

Tất cả mọi của cải vật chất, tinh thần trong xã hội đều do sức lao động của con người mà có. Con người cày cấy, trồng trọt để có lương thực, con người còn vẽ tranh, nặn tượng, sáng tác âm nhạc, thơ văn để đời sống tinh thần thêm phong phú.

Trong hoàn cảnh chiến tranh, đất nước ta đã phải trải qua bao cảnh tang tóc, bom đạn đã gây nên bao cảnh tàn phá điêu linh. Do vậy, hòa bình lập lại cũng là lúc nhân dân ta bắt tay xây dựng, hàn gắn vết thương chiến tranh bằng chính bàn tay cần cù của mình. Mảnh đất xưa kia là chiến trường Điện Biên, thế mà chỉ mấy tháng sau, mầm sống đã lấm tấm xanh để trở thành nông trường Điện Biên. Củ Chi xưa kia là những ụ pháo, những vành đai chết, giờ đây do bàn tay cần cù của nhân dân đã trở thành trù phú xanh tươi. Những vùng đất hoang vu bạt ngàn rừng sát, rừng ngập mặn, giờ đây đã san sát những vườn tược và đồng lúa xanh tươi. Chính đôi bàn tay lao động với trái tim và khối óc của con người đã làm thay da đổi thịt mảnh đất hoang vu kia. Phải chăng sức lao động có khả năng giúp con người vượt qua mọi thử thách cao nhất?

Còn nữa, những công trình thủy điện Trị An, sông Đà mọc lên từ những vùng đất khô cằn, những chiếc cầu sông Hàn-Đà Nẵng, cầu Mĩ Thuận huyết mạch đã được xây dựng để nối liền những miền kinh tế khác nhau của đất nước. Những nhà máy, xí nghiệp mọc lên từ mọi miền đất nước để phục vụ cho những nhu cầu ăn ở của toàn dân như những nhà máy xi măng, những xí nghiệp chế biến hải sản và thực phẩm xuất khẩu, những xí nghiệp may. Những công trình lớn hơn như đường sắt Thống Nhất, xí nghiệp dầu khí Vũng Tàu và biết bao công trình lớn nhỏ khác nhau... tất cả đều do bàn tay cần cù và khối óc sáng tạo của con người xây dựng.

Từ đồng tiền kiếm được do mồ hôi, công sức của mình, chắc chắn con người sẽ hiểu rõ hơn giá trị của nó và không tiêu xài vô ích, không hoang phí. Cần kiệm cũng là đức tính cần thiết đáng quý của con người.

Tóm lại, ý kiến của *Vôn-te* là bài học giá trị cho thanh thiếu niên ta sắp sửa bước vào xã hội, để lao động xây dựng và phát triển đất nước.

Đề 94. Một danh nhân Pháp có nói: *"Văn hóa là những gì còn lại sau khi người ta đã quên đi tất cả"*. Em hiểu gì về nhận định này?

DÀN BÀI

I. Giải thích danh từ

Văn hóa có một nghĩa rất rộng, rất phức tạp, nhiều người đã viết hẳn một quyển sách để định nghĩa hai chữ ấy. Có thể hiểu một cách giản dị và sát nghĩa như sau: *Văn* là văn vẻ, văn nhã, trái lại với vũ phu, thô bỉ, dã man. *Hóa* là biến đổi, nhuốm theo. Con người khi còn ở trạng thái dã man có những cách thức sinh hoạt (ăn ở, ăn mặc, nói năng, yêu thương... không ở trên con vật mấy, nhưng lần theo lịch sử, dần dà thay đổi, tiến lên, đạt tới văn hóa. Văn hóa là tổng thể những thành tích cố gắng của con người đã từ trạng thái con vật mà vươn lên, hóa đi, tiến tới trạng thái tiến bộ văn vẻ ngày nay (nghĩa này chính ra là nghĩa của từ kutur trong tiếng Đức, gần đồng nghĩa với *văn minh*). Thành tích của văn hóa thể hiện ở những công trình về mọi mặt, nhất là những công trình về tinh thần: văn chương,

mĩ thuật, triết học, khoa học... Cho nên người ta thường hiểu văn hóa gần như học thức. Người học rộng biết nhưng là người có văn hóa.

Văn hóa trong câu danh ngôn là dịch từ tiếng Pháp culture, nghĩa đen là sự trồng trọt, vun xới. Tiếng Pháp nói terre cultivée: đất trồng trọt, đối lập với terre inculte: đất bỏ hoang, plante cultivée: cây vun trồng, đối lập với plante sauvage: cây dại. Cũng vậy người ta hiểu homme cultivée: là người có đầu óc được chăm bón, vun xới, dưỡng dục cho nên trong từ culture Pháp ta thấy ngoài ý học thức khách quan và cộng đồng của văn hóa, còn có giải thiết sự cố gắng riêng của cá nhân để tự trao đổi, tự rèn luyện về các phương diện tri thức và tình cảm, ngõ hầu đạt tới một trình độ nẩy nở, điều hòa của con người tinh thần.

II. Nghĩa của câu nói

Câu ra trong đề nguyên là lời nói của cố nghị trưởng Pháp Edouard Herriot: "La culture, c'est ce qui reste quand on a tout oublié, c'est ce qui manque quand on a tout appris". Nhưng hình như ông chỉ nói có nửa trên và sau người ta thêm vào nửa dưới, có lẽ để cho nghĩa được thêm sáng, thêm đầy đủ và cũng để cho bớt tính cách nghịch lí. Câu nói ấy là một lộng ngữ, nói một điều mới nghe tưởng như nói giỡn, nhưng suy ra thấy bên trong có sự sâu sắc và xác đáng.

A. Nghĩa hư ngụy cần phải bác bỏ

Nói văn hóa là cái còn lại khi người ta đã quên hết, cái vẫn thiếu khi người ta đã học đủ, chúng ta có thể đi đến suy diễn: con người có văn hóa là con người chẳng cần học, chẳng cần nhớ một điều gì cả. Cách giải thích ấy máy móc và ngoài chủ ý của tác giả. Thật ra câu nói này chỉ nêu lên tính chất tiêu cực của văn hóa: không tùy thuộc cái gì nhớ được, không tùy thuộc cái gì học được. Còn phần tích cực là cái còn lại, cái vẫn thiếu, là những cái gì không nói ra, nhưng chúng ta phải tìm hiểu và đó mới là cái chủ điểm của vấn đề.

B. Nghĩa chân chính phải minh biện

1. Tại sao tác giả nói vậy?

Để nêu rõ sự sai lầm của nhiều người thường quan niệm rằng văn hóa chỉ là cái học tích trữ trong trí nhớ, cái học nhồi sọ, cái học lặp lại như con vẹt, thường chỉ là công việc ghi nhớ giỏi. Ai có kí ức mạnh (chữ Hán gọi là cường kí) người ấy sẽ thành công. Học trước quên sau thì còn gì mong đỗ đạt. Cho lên bậc đại học, đến việc đào luyện các chuyên gia cũng vậy. Một kĩ thuật gia là người thuộc lòng kĩ thuật của mình và áp dụng như một cái máy. Một học giả, một giáo sư cũng thuộc lòng những lí thuyết trong khu vực mình để nếu cần đọc ra vanh vách, nói thao thao.

2. Lối học ấy không ích lợi cho sự trau dồi cá nhân. Học thức chỉ phù phiếm như một nước sơn bên ngoài, không ảnh hưởng đến tư tưởng chân thành, đến tình cảm sâu xa, không hóa được con người theo những khuynh hướng tận tụy tận thiện. Không những vô ích mà còn có hại. Sự tích trữ quá nhiều trong trí nhớ có thể làm cho con người loạn trí, cuồng chữ, hay ngu xuẩn đi. Người chuyên gia dù về kĩ thuật hay học thuyết có thể là một con người lệch lạc. Sự học ấy lại còn dễ làm người ta kiêu ngạo vô lí. Tưởng cứ nhớ được nhiều lặp lại giỏi là có giá trị hơn người, là làm cho đời phải kính phục, nhưng thật ra cử chỉ ngôn ngữ hợm mình chỉ làm cho người ta khó chịu, thậm chí có thể bị khinh thường. Một

tai nạn nữa là kẻ cho rằng học là nhớ cái học, chỉ biết cái học và sinh ra nô lệ sách không biết tự mình suy xét nữa.

4 Vậy thế nào là văn hóa chân chính? Là những gì còn lại khi đã quên hết và vẫn thiếu khi đã học đầy đủ; hay nói cách khác, theo nhà văn hóa trên thì học vấn phải có mục đích đào tạo nơi con người ta những thành quả gì? Tiếng Pháp hay dùng chữ *former, formation*. Nó giả thiết sự hoán cải và khuôn đúc con người theo một mẫu mực lí tưởng. Sự học chính phải làm sao hoán cải con người, nâng cao giá trị của nó về mọi mặt. Học thức không nên nhồi nhét vào để đó mà phải tiêu đi, biến hóa đi để nuôi dưỡng trí thức của con người. Sự học trước hết phải luyện cho con người biết suy xét, có óc phán đoán tự lập, nhận định được phải trái, hơn kém. Lại cần đào luyện và khai thác trí tưởng tượng, sự thông minh, óc sáng chế. Lại cần mài nhọn giác quan, làm giàu cảm xúc, mở rộng khả năng thông cảm với đời. Người có văn hóa không phải là cái máy đóng kín ở ngoài đời mà phải là con người thông minh, uyển chuyển, tế nhị, luôn luôn mở rộng ra ngoại giới để phát kiến ra vô số tài nguyên làm giàu cho cá nhân mình. Lí tưởng ấy chính là lí tưởng truyền thống của các nhà giáo dục Pháp: *"Một bộ óc biết sáng tạo hơn là một bộ óc đầy hiểu biết"*, Pascal: *"Chúng ta làm việc hơn là suy tư"*.

5. Do đó ta thấy sáng tỏ ý nghĩa của câu nói. Người ta có thể quên hết mọi điều đã học, cũng như vứt bỏ những hành lí kềnh càng nặng nề. Nhưng đối với người biết học thì vẫn còn lại một cái gì: đó là khuôn nhận thức, nếp suy tư, khuynh hướng mở rộng trí não và giác quan ra để tìm hiểu thông cảm, như một cái vốn vẫn còn lại mãi mãi để sinh lợi không thôi. Và người ta có thể học đủ hết cả nhưng đối với người không biết học thì vẫn thiếu, thiếu cái khuôn nếp hay, đẹp thành hình, thiếu cái vốn ấy để cho mình đứng vững ở đời và chinh phục ngoại giới. Thí dụ rõ hơn: một người đi học rồi ra đời có thể quên hết mọi bài thơ đã học nhưng gặp bất kì một bài thơ nào đó,vẫn có thể đọc được, bình được, rung động, thưởng thức được có thể quên hết mọi bài toán, mọi định lí, công thức nhưng ra đời đặt trước một việc phải tìm hiểu, phải giải quyết vẫn có thể đem óc phân tích, óc suy diễn đã luyện được trong những giờ toán học để tìm hiểu và giải quyết. Do đó, tóm lại ta có thể kết luận: văn hóa chân chính, cái học đạt đích, không tùy thuộc vào cái người ta biết, cái người ta có (cequ' on a) mà tùy thuộc cái người ta thành, cái người ta là (cequ' on est), cái này còn lại mãi, cái kia có thể mất hết.

III. Kết bài

Tuy đề không đòi hỏi phê bình, nhưng để tìm hiểu được đầy đủ, để đề phòng mọi hiểu lầm hoặc suy diễn lệch lạc cũng cần cảm nhận thêm rằng câu nói trên không hoàn toàn chê bai cái học mà chỉ chỉ trích cách học. Sự học nhất là sự học trong sách vẫn là một phương tiện vô song, để trau dồi cá nhân, bồi đắp văn hóa. Nói rằng: "... khi người ta đã quên hết" ấy là giả thuyết người ta đã phải học nhiều lắm. Điều cốt yếu là làm sao khi quên hết mà vẫn còn một cái gì. Ta có thể nói thêm: Cái gì còn lại đó chỉ có thể có khi người ta đã học nhiều. Hay nói cách khác, văn hóa chỉ có thể nhờ phương tiện trau dồi bằng học thức, bằng sách vở.

Minh Văn và Xuân Tước

(Sách đã dẫn)

Đề 95. Ca dao có câu:

"Công cha như núi Thái Sơn,
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra."

Em hãy giải thích câu ca dao trên (có liên hệ với cuộc sống thực của em) và phát biểu cảm nghĩ của em đối với công ơn cha mẹ.

BÀI THAM KHẢO

Văn học dân gian là kho tàng sáng tác lâu đời của người xưa, trong đó ca dao là những câu hát mượt mà đằm thắm nghĩa tình. Có những câu ghi lại tấm lòng của con cháu luôn tưởng nhớ tới tổ tiên như:

Con người có tổ có tông
Như cây có cội, như sông có nguồn.

Gần gũi và thấm thía hơn là công ơn cha mẹ đối với con cái:

Công cha như núi Thái Sơn
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.

Dưới đây, chúng ta hãy thử đi vào tìm hiểu ý nghĩa của hai câu lục bát này. Cách thể hiện tình cảm của ca dao thật trữ tình khi người xưa so sánh cái trừu tượng như công cha, nghĩa mẹ với cái cụ thể như núi Thái Sơn, nước trong nguồn. Mượn hình ảnh *núi Thái Sơn*, một ngọn núi cao, nổi tiếng của Trung Quốc. Núi Thái Sơn nằm ở phía bắc thành phố Thái An, tỉnh Sơn Đông, Trung Quốc, nơi cao nhất là 1545 mét . Mang núi Thái Sơn ví với công cha, người xưa muốn nói lên một cách cụ thể để chỉ công cha thật là lớn lao, như ngọn núi Thái Sơn hùng vĩ. Cũng như ở một câu ca dao khác, người xưa từng so sánh: *Công cha như núi ngất trời. Núi Thái Sơn* hay *núi ngất trời* cũng cùng chung một ý nghĩa: công lao của cha vô cùng to lớn, chúng ta không thể nào đo đếm được. Đó là những hình ảnh chỉ một khối lượng vô tận.

Nói về nghĩa mẹ, sự liên tưởng chuyển sang một mức độ cụ thể hơn, gần gũi hơn: *nước trong nguồn chảy ra* không bao giờ cạn. Trong một câu ca dao khác, *nghĩa mẹ* được so sánh như *nước ngoài biển Đông. Nước trong nguồn* hay *nước biển Đông* đều vô tận, không bao giờ hết, không bao giờ ngừng chảy, không bao giờ cạn. Cách so sánh đó thật tài tình và chứng tỏ người xưa rất hiểu quy luật của tự nhiên mà vận dụng vào đời sống. So sánh nghĩa mẹ như thế, chứng tỏ người xưa hiểu lòng yêu thương vô cùng, vô tận của người mẹ.

Cả câu ca dao nói lên công lao to lớn, vô cùng của cha mẹ với con cái. Từ đó, nhân dân ta nhắc nhở mọi người phải biết ơn, hiếu trong đối với cha mẹ. Mỗi chúng ta, trước khi ra đời còn nằm trong bụng mẹ. Người mẹ mang nặng đẻ đau sinh ra chúng ta. Chúng ta thành người từ giọt máu chung của cha mẹ ta. Chỉ công ơn sinh thành ấy cũng đủ để khẳng định không gì có thể so sánh nổi. Công ơn sinh thành của cha mẹ thật lớn lao!

Từ khi cất tiếng chào đời, đến lúc biết lẫy biết cười, nằm nôi trong tiếng hát à ơi của mẹ, trong vòng tay khô rám của cha, rồi ăn, rồi mặc, rồi sắm sửa các phương tiện khác cho ta lớn lên từng ngày, hỏi rằng công lao cha mẹ kể làm

sao hết được. Từ lúc ta còn nhỏ xíu, chưa biết tự lập, chưa biết gì đến lúc biết tự lo cho bản thân, trưởng thành, cha mẹ dồn hết sức lực cuộc đời lo cho con cái. Đau xót thay, khi ấy cha mẹ đã già yếu đi. Công lao ấy thật lớn lao vô tận!

Nói về công lao này, ông bà ta có những câu ca dạy cho trẻ như :

"Cha sinh, mẹ dưỡng
Chữ cù lao lấy lượng nào đong
Thờ cha kính mẹ hết lòng
Ấy là chữ hiếu dạy trong luân thường"

Thực vậy, cha mẹ có chín công lao nuôi dạy con cái, rút tỉa bao sinh lực cả đời cha mẹ. Việc thứ nhất là công sinh thành (sinh) của cha và mẹ. Công sinh thành của cha là tiên quyết, vì không có cha, thì mẹ không sinh ta ra được, nhưng công mẹ cưu mang chín tháng mười ngày thật là cực nhọc, đau đớn khi nở nhụy khai hoa, có khi phải đổi mạng mẹ để có con. Nói về sự nguy hiểm khi sinh con mà không ai giúp đỡ, , người ta có câu ca ví von rằng :

Đàn ông đi biển có đôi
Đàn bà đi biển, mồ côi một mình!

Nếu may mắn mẹ qua cơn nguy kịch lúc sinh con, cha mẹ lại cùng nhau chăm sóc con (cúc). Mẹ cho con bú bằng nguồn sửa chiết ra từ sinh lực, từ cơ thể mình (súc). Nếu chẳng may mẹ không có sữa đầy đủ, mẹ phải cùng cha làm lụng xoay sở mua sữa hộp nuôi con, sau đó còn nấu cháo hoặc tìm các món bổ dưỡng để mớm cho con lúc con chưa tròn một tuổi, chưa biết ăn cơm..Trời đông lạnh lẽo, chẳng ai khác ngoài cha, mẹ tìm kiếm áo quần, chăn mền để ấp ủ cho con, tránh cho con những sự ốm đau bệnh tật trong lúc sơ sinh yếu ớt. Ngoài ra, cha mẹ còn âu yếm, nâng niu, vuốt ve, bồng ẵm con thơ một cách hết sức cảm động: "nâng như nâng trứng, hứng như hứng hoa" lúc con khó ăn, khó ngủ hay ốm đau bệnh tật..(Vũ). Khi con bi bô biết nói, biết cười, mẹ cha lại lo lắng nghĩ đến chuyện dạy con lời ăn, tiếng nói: "học ăn, học nói, học gói, học mở"....sao cho con trở thành người khôn khéo, giỏi giang và lễ phép (Dục). Sự giáo dục rồi cũng có khi phải nhờ đến nhà trường. Xưa thì mẹ cha tìm thầy đồ, rồi sắm sửa lễ vật , đôi gạo, dắt con đến nhà thầy. Nay thì bôn ba tìm trường nổi tiếng, tìm thầy cô giỏi, xin cho con đến học. Xưa, người mẹ góa bụa của Mạnh Tử phải dời nhà ba lần, chỉ vì mong muốn con mình được cận kề bên thầy hiền, bạn tốt. Cuối cùng Mạnh Tử trở thành một người xuất chúng thời bấy giờ!Nay thì bao phụ huynh học sinh dãi gió dầm sương trên cánh đồng, bờ sông, hay trong cơ quan nhà máy, làm ngày làm đêm, mong kiếm thật nhiều tiền cho con ăn học thành tài, không thua bè kém bạn. Khi con đã đến trường hay rời mái nhà ấm cúng ra ngoài xã hội, mẹ cha ngày đêm héo hon chờ trông tin ta, mong ta trở về (cố). Trong mái nhà tranh dột nát khi mưa về, cha mẹ dành cho con nơi khô ráo. Và âm thầm nằm co ro nơi lạnh ướt đêm thâu, khi có ai bức hiếp con, cha mẹ vì con mà hi sinh, chống chọi để bảo vệ sinh mạng cho con (phúc). Hơn nữa, khi chúng ta ra ngoài xã hội, giao du với bè bạn, cha mẹ luôn theo dọi và thao thức canh khuya để tìm phương cách uốn nắn con, tránh cho con bị lôi cuốn bởi tiền tài, vật chất và những thị hiếu thấp hèn, hay sa chân vào con đường trụy lạc (phục). Việc cuối cùng là cha mẹ lo cho con bước

trưởng thành (trưởng) bằng một nghề nghiệp, một bản lãnh sống trong đời, và dựng vợ gả chồng cho con vào nơi tử tế.

Nuôi ta lớn, cha mẹ còn giáo dục ta nên người, cha mẹ dạy ta bằng chính những cách sống, những việc làm, cách cư xử trong cuộc sống, trong đạo làm người. Cha mẹ chính là người thầy đầu tiên dạy cho ta nết ăn nết ở, dạy cho ta biết phải trái, biết nhân nghĩa ở đời. Nhớ làm sao những ngày cấp một, em được mẹ sắm sửa áo đẹp để mừng xuân, mẹ em cũng không quên mua quà để em đem biếu thầy mừng xuân mới. Cha em chính là người thầy dạy em về tri thức khoa học. Mỗi lần đài truyền thanh, truyền hình có những chương trình hay, cha em đều gọi chúng em lại xem. Rồi một bài báo đặc sắc, một quyển sách hay, cha em đều trao cho em với thái độ ân cần, hân hoan nhất. Cha em đã trao cho em những hạt nhân tri thức để sau này gặp thầy cô, những hạt nhân ấy lại được tiếp tục vun trồng cho đến ngày đơm hoa kết trái.

Cha mẹ là nguồn sức mạnh, nguồn nghị lực thiêng liêng của đời em. Nụ cười rạng rỡ của cha khi em học giỏi, tiếng nói hiền hòa yêu thương của mẹ đã tiếp sức cho em vươn lên và thành công trong học tập. Thấy các bạn cùng trang lứa với em phải lưu lạc, tự lực kiếm sống, không được sum họp bên cha mẹ, em vô cùng thông cảm và thấy mình thật may mắn đã được cha mẹ nuôi dạy bảo bọc chu đáo, ân cần. Lòng em tràn ngập niềm vui! Em tự nhủ phải học giỏi, phải đỡ đần một phần nào công việc của cha mẹ, phải quan tâm đến sức khỏe của người nhiều hơn để người có được những niềm vui nho nhỏ bên cạnh trách nhiệm nặng nề mà cha mẹ đang gánh vác với tất cả sự tự nguyện cao cả nhất. Ai trong chúng ta không có những kỉ niệm thầm kín và thiêng liêng với song thân? Những kỉ niệm khắc sâu đời đời, làm ta hạnh phúc khi ở bên song thân, và làm ta rơi lệ khi phải cách xa tình cha, nghĩa mẹ? Em mong sao càng lớn, em càng giúp đỡ cha mẹ nhiều hơn. Em sẽ làm việc và sống sao cho xứng đáng với sự hi sinh và ước mơ của cha mẹ.

Yêu thương, kính trọng và biết ơn cha mẹ là tiêu chuẩn xác định đạo đức của con người. Cha mẹ đã sinh thành và dạy dỗ em khôn lớn đến hôm nay, em còn được ăn học cho bằng người, đó là niềm hạnh phúc rất lớn lao đối với em. Thiết nghĩ không gì có thể đền đáp được công ơn trời biển của cha mẹ. Em chỉ nguyện sẽ luôn luôn làm vui lòng cha mẹ và khi lớn lên em sẽ phụng dưỡng cha mẹ thật chu đáo. Cũng mong sao chúng ta không phải hổ thẹn, hối hận khi nghĩ về đấng sinh thành, trong mùa "Vu Lan báo hiếu" .

Mộc Lan

96. Chứng minh câu tục ngữ sau:

"Một cây làm chẳng nên non
Ba cây chụm lại nên hòn núi cao".

BÀI THAM KHẢO

1. Tinh thần đoàn kết dân tộc là nguồn sức mạnh Việt Nam. Trong bốn nghìn năm lịch sử dựng nước và giữ nước vẻ vang, nhân dân ta đã phát huy cao độ tình yêu thương, đoàn kết dân tộc để chiến thắng thù trong giặc ngoài, để xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Bài học về đoàn kết đã ăn sâu vào

tâm hồn nhân dân, kết tinh thành ca dao, tục ngữ như một niềm tin về chân lí sâu sắc, cao đẹp:

"Một cây làm chẳng nên non
Ba cây chụm lại nên hòn núi cao".

2. "Một cây" không thể làm nên non, nên núi, nên rừng. Đó là một sự thật hiển nhiên, ai cũng dễ dàng nhận thấy. Nhưng "ba cây" tượng trưng cho nhiều cây, cho rừng cây thì có thể tạo nên "non", nên "núi", không chỉ là "núi thấp" mà là "núi cao". Từ "một cây" đã chuyển thành "ba cây", số lượng đã thay đổi từ ít thành nhiều nên chất lượng cũng biến đổi. Yếu tố quyết định của sự vận động từ "lượng" biến thành "chất" là sự "chụm lại" của "ba cây", của số đông. Như thế mới có "núi cao". "Chụm lại" là hành động, là biểu hiện tâm lí thể hiện sự đồng tâm nhất trí, sự hợp lực và sự đoàn kết gắn bó. "Cây" trong câu tục ngữ được nhân hóa, trở thành ẩn dụ, một biểu tượng rất sống động và thấm thía nói lên tình yêu thương, tinh thần đoàn kết của cộng đồng, của dân tộc. Câu tục ngữ:

"Một cây làm chẳng nên non
Ba cây chụm lại nên hòn núi cao".

đã nêu lên một bài học vô cùng quý báu về sự hợp lực, về tinh thần đoàn kết để tạo nên sức mạnh to lớn của cộng đồng dân tộc.

Lịch sử và cuộc sống, thơ văn và thực tế đã có biết bao sự việc, hình ảnh sống động nói về đoàn kết và sức mạnh đoàn kết của nhân dân ta.

Từ thời xa xưa, với công cụ thô sơ, người Việt đã bạt rừng, lấn biển, đắp đê đào kênh để làm nên những cánh đồng màu mỡ, bát ngát mênh mông:

"Việt Nam đất nước ta ơi!
Mênh mông biển lúa đâu trời đẹp hơn?"

(Nguyễn Đình Thi)

Thần thoại dân tộc Lô Lô đã kể lại hình ảnh đoàn người đông đảo, đồng sức đồng lòng, bền bỉ và dũng cảm kéo nhau "đi san mặt đất" để xây dựng cuộc sống hạnh phúc lâu dài: *"Giống nào cũng không đi – Người gọi nhau làm lấy – Nhiều sức chung một lòng – San mặt đất cho phẳng – Nhiều tay chung một ý – San mặt đất làm ăn"*. "Nhiều sức" và "nhiều tay" lại biết "chung một lòng", "chung một ý" nên mới có sức mạnh to lớn "san mặt đất làm ăn" như vậy.

Con đê sông Hồng, sông Thái Bình, sông Mã, sông Lam, v.v... sừng sững như những dãy trường thành, ngăn lũ, bảo vệ những cánh đồng màu mỡ thẳng cánh cò bay là biểu tượng cho sức mạnh đoàn kết và ý chí của triệu triệu con người Việt Nam qua hàng ngàn năm lao động quyết tâm chiến thắng thiên tai để được sống trong ấm no, hạnh phúc.

Trong chiến đấu cũng vậy, đoàn kết là sức mạnh vô địch để giáng trả và đánh thắng quân xâm lược. Hội nghị Diên Hồng đời Trần với tiếng hô "Quyết chiến! Quyết chiến!" của các bô lão "tuổi già thế kỉ" biểu thị cho lòng yêu nước và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân và tướng sĩ để đánh thắng giặc Nguyên – Mông. Cho đến nay, câu nói của người anh hùng Trần Quốc Tuấn vẫn còn in sâu trong lòng người về bài học đại đoàn kết dân tộc: *"Vua tôi đồng lòng, anh em hòa thuận, cả nước góp sức"*.

Đoàn kết để đánh giặc. Đoàn kết để khắc phục khó khăn, để chiến thắng "giặc dốt, giặc đói", "giặc ngoại xâm", để khắc phục khó khăn nghèo nàn lạc hậu. Hồ Chí Minh qua bài thơ *Hòn đá* nhằm giáo dục nhân dân ta bài học về sức mạnh "Ba cây chụm lại nên hòn núi cao":

"Hòn đá to
Hòn đá nặng
Nhiều người nhắc
Nhắc lên đặng!"

Trong kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ vừa qua, Mặt trận Liên Việt, "Mặt trận đoàn kết" dưới sự lãnh đạo của Đảng là tổ chức yêu nước của nhân dân ta thể hiện sâu sắc tư tưởng vĩ đại của Hồ Chí Minh:

"Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết
Thành công, thành công, đại thành công".

Ngày nay trên con đường phát triển nền nông nghiệp, công nghiệp hiện đại, văn hóa tiên tiến... phấn đấu cho mục tiêu dân giàu, nước mạnh, nhân dân ta đã và đang nêu cao tinh thần đoàn kết dân tộc khép lại quá khứ, hướng về tương lai. Hàng triệu con người đồng tâm, nhất trí, góp sức, góp tiền của... cùng nhau xây dựng Tổ quốc. Hầu như địa phương nào cũng có những thành tựu đầy tự hào biểu thị sức mạnh đoàn kết dân tộc trong kiến thiết hòa bình. Thủy điện Hòa Bình, thủy điện Trị An, thủy điện Y-a-ly, công trình tải điện 500KV xuyên Việt, công cuộc khai phá vùng đồng bằng sông Cửu Long... Mỗi công trình là một bài ca hào hùng về lao động sáng tạo và đoàn kết toàn dân.

3. Câu tục ngữ: *"Một cây làm chẳng nên non – Ba cây chụm lại nên hòn núi cao"* hàm chứa bài học đoàn kết vô cùng sâu sắc. Đoàn kết không chỉ cho ta sức mạnh vô địch mà còn là suối nguồn của hạnh phúc, yêu thương và no ấm. Nó như ngọn lửa thần kì thắp sáng niềm tin và lòng tự hào dân tộc. Sức mạnh Việt Nam, tư tưởng nhân nghĩa Việt Nam bắt nguồn từ tinh thần đại đoàn kết dân tộc.

Dàn bài

Hãy đọc kĩ bài văn trên vài lần, đối chiếu với dàn ý dưới đây. Suy ngẫm và tìm hiểu về cách mở bài, cách nên dẫn chứng, phân tích và trình bày dẫn chứng, cách liên kết, cách kết bài. Cách đặt câu và dựng đoạn?

1. *Mở bài:*

- Dẫn: đoàn kết là sức mạnh Việt Nam... đòan kết đã chiến thắng thù trong, giặc ngoài, để xây dựng ấm no hạnh phúc.

- Nhập đề: trích dẫn câu tục ngữ.

- Đề này không cần giới hạn vấn đề nên không có giới hạn vấn đề. Tuy nhiên có hé lộ hai khía cạnh: đoàn kết trong chiến đấu, đoàn kết trong sản xuất.

2. *Thân bài:*

- Giải thích ý nghĩa câu tục ngữ. Cách làm là khai thác ngữ nghĩa văn bản mà rút ra nội dung, ý nghĩa câu tục ngữ: nêu lên bài học về tình yêu thương đoàn kết và sức mạnh của tinh thần đoàn kết dân tộc.

- Đoàn kết để lao động mở mang đất nước. Dẫn chứng:

+ Câu thơ của Nguyễn Đình Thi.

+ Trích 6 câu trong thần thoại dân tộc Lô Lô *Đi san mặt đất.*

- Đoàn kết để bảo vệ và phát triển sản xuất: biểu tượng con đê sông Hồng, sông Thái Bình...

- Đoàn kết để chiến đấu và chiến thắng. Dẫn chứng:

+ Hội nghị Diên Hồng – Câu nói của Trần Quốc Tuấn.

+ Đoàn kết để làm cách mạng và kháng chiến: trích dẫn bài thơ *Hòn đá;* Mặt trận Liên Việt và Mặt trận Tổ quốc – khối đại đoàn kết dân tộc để chiến thắng thực dân Pháp và đế quốc Mĩ xâm lược.

- Đoàn kết để xây dựng đất nước trong thời kì mới. Dẫn chứng:

+ Tư tưởng, quan điểm: "Khép lại quá khứ, hướng về tương lai".

+ Những thành tựu tiêu biểu cho sức mạnh đoàn kết trong kiến thiết hòa bình: thủy điện Hòa Bình...

3. *Kết bài:*

- Khẳng định lại ý nghĩa bài học về đoàn kết hàm chứa trong câu tục ngữ.
- Đoàn kết là sức mạnh, là nguồn suối yêu thương, hạnh phúc, ấm no.
- Câu tục ngữ thắp sáng niềm tin, niềm tự hào dân tộc.
- Sức mạnh Việt Nam, nhân nghĩa Việt Nam bắt nguồn từ tinh thần đại đoàn kết dân tộc.

Bài hướng dẫn của thầy TẠ ĐỨC HIỀN

(Tập làm văn trung học cơ sở_ NXB GD 1997)

97. Đề: Cổ ngữ có câu:

"Hai chữ "lần lữa" đủ hại cả đời.

Hãy giải thích câu nói ấy và cho ví dụ cụ thể để chứng minh.

BÀI THAM KHẢO

Ngày xưa Tuân Tử đã nói: *"Đường tuy gần, chẳng đi chẳng tới, việc tuy nhỏ, chẳng làm chẳng nên"* và Hoài Nam Tử cũng đã bảo: *"Đợi rồi mới học thì lúc rỗi cũng không học được"*. Với câu này, hai nhà học giả lỗi lạc nói trên đã cho ta thấy bất cứ một việc gì, chúng ta cũng đừng nên lần lữa, chờ đợi chẳng những không lợi ích gì mà còn đem lại cho chúng ta những cái hại khó lường. Vậy đứng trước một việc gì, dù lớn hay nhỏ, chúng ta phải kiên quyết làm ngay, có như thế chúng ta mới khỏi thất bại và tránh được những mối hại cho chính bản thân ta sau này. Vì thế cổ ngữ cũng có câu: *"Hai chữ "lần lữa" đủ hại một đời"*.

Vậy chúng ta hãy giải thích câu nói ấy và cho thí dụ cụ thể để chứng minh.

Trước khi đi sâu hơn, chúng ta hãy tìm hiểu thế nào là *"lần lữa"*. *Lần lữa* là làm một công việc gì ta cũng hẹn mai, hẹn mốt, hẹn hết ngày này qua ngày nọ mà cũng chẳng làm.

Đã hiểu rõ hai chữ *lần lữa* là gì rồi, giờ đây chúng ta hãy tìm hiểu tại sao *"hai chữ lần lữa làm "hại cả một đời?"*. Như ta đã biết, con người ta như một tờ giấy trắng, ít có ai có thể làm tờ giấy ấy trắng thêm mà ngược lại hễ sơ ý một chút tờ giấy ấy sẽ dơ ngay. Vì thế làm một công việc gì, nếu chúng ta không cương quyết

bắt tay vào việc ngay thì chắc chắn chúng ta bỏ dở công việc ấy. Đứng trước một công việc dễ, chúng ta tự nhủ rằng: "việc dễ quá mà, lúc nào làm lại không được, thôi để mai hãy làm". Rồi từ cái mai này đến cái mai khác, chúng ta vô tình làm hại chúng ta, vô tình đầu độc ý chí ta. Nếu cứ lần lữa ngày nay qua ngày khác chúng ta sẽ mang vào mình một bệnh rất nguy hại, đó là bệnh lười biếng. Từ một việc nhỏ chúng ta còn bỏ dở, đi lần đến việc lớn, chúng ta còn lười biếng hơn nữa. Một nông phu phải lo từ lúc khởi đầu mùa mưa để rồi cuối mùa mưa, công việc sẽ hoàn tất, còn giờ rảnh rỗi, họ sẽ làm những việc khác. Cứ tuần tự như thế thì chẳng những việc trúng mùa mà người nông phu sẽ có tiền xài. Nhưng nếu người nông phu bảo rằng: "Mùa mưa còn dài mà, vội gì, nghĩ khỏe đã, ngày nào làm chẳng được. Trời có mưa một ngày một buổi đâu mà lo!". Người nông phu ấy không cày cấy như những người khác vì anh ta đã quan niệm như thế. Thế rồi về nhà anh ta lại tự nhủ: "Mai làm", ngày mai đến, anh ta bảo: "Mốt làm". Thế rồi từng cái "mai, mốt" này đi qua, lần lần mùa mưa chấm dứt và đến một ngày kia bắt đầu mùa nắng, anh ta hốt hoảng mà kêu lên rằng: "Trời ơi sao không mưa, hết mùa mưa rồi à? Chết tôi rồi, mùa màng của tôi đâu?". Nhưng hỡi ôi! Còn gì nữa, ăn năn cũng đã muộn rồi! Mùa này thất bát, tiền gạo hết. Khỏi cần nói thêm, ta cũng thấy anh ta sao rồi. Đấy, sự lần lữa đưa ta đến cái hại như thế. Nó làm cho người tan mất cái ý chí kiên quyết, mất đi cái nghị lực quý báu của con người. Sự lần lữa đã làm cho chúng ta không thắng nổi thiên nhiên, mà chúng ta còn làm hại đến bản thân ta.

Sự lần lữa còn dẫn ta đến lười biếng. Bất cứ một việc gì chúng ta cũng hẹn mai hẹn mốt, hẹn mãi cho đến khi quên mất việc đó thì hỏng việc. Trong đời sống học sinh chúng ta, bài dài quá ta hẹn đến tối học, rồi lại sáng sớm học hãy. Sáng dậy trễ, đi đến trường không thuộc bài, bị điểm xấu, bị chép bài phạt và cả tháng ấy ta cũng biết cái hại ra sao. Từ con số không này đến số không khác, chúng ta cứ lần lữa không học bài mãi, việc này đưa chúng ta đến lười biếng nói liều: "Bất quá, lãnh số không chớ gì! ". Thế rồi từ chỗ học khá, chúng ta đi lần đến chỗ học kém và lần lần bị thầy chê, bạn cười.

Ngoài xã hội, bất cứ công việc nào chúng ta cứ lần lữa mãi sẽ có hại. Một nhà thầu khoán, lãnh xây một dinh thự, ông này cứ lần lữa ngày này sang ngày khác, không cho thợ làm ngay. Thế rồi kì hạn đã đến mà ngôi nhà chưa làm xong. Kết quả là ông ta bị phạt, hụt tiền, không có tiền trả cho thợ và phá sản. Vì thế tục ngữ Pháp có nói: *"Việc gì bạn có thể làm được hôm nay, không nên để tới ngày mai"*. Ở vào trường hợp nhà thầu khoán "lần lữa" trên, chúng ta thấy rằng ông ta sẽ trở nên chán nản và đi lần đến chỗ bi quan không làm được gì nữa.

Bất cứ một viêc gì các nước cũng đặt một chương trình kế hoạch, dự bị sẵn sàng, đặt thời dụng biểu rõ ràng. Đến nỗi có người nghĩ rằng đời sống của họ là một đời sống máy móc. Sáng sớm làm gì, mấy giờ làm việc này, mấy giờ làm việc kia, mấy giờ đi chơi, mấy giờ đi ngủ? Không bao giờ họ lấn qua giờ việc nọ. Họ tuân theo thời dụng biểu của họ, làm việc rất đúng giờ khắc. Có như thế công việc mới điều hòa và tiến triển được. Sự kiện này còn tạo cho một ý chí cương quyết. Và đặc biệt hơn nữa là làm cho họ không có tính lười biếng và tất cả những việc họ làm chín mười phần trăm là đi đến thành công. Nhờ thế họ mới trở thành một cường quốc như ngày nay. Chúng ta hãy bắt chước "óc thực hành" của người Mĩ và tính kỉ luật như của người Nhật, đừng lần lữa trước việc gì. Hãy bắt tay làm ngay và đem hết nghị lực vào việc đó. Có như thế chúng ta mới thành công được,

đời sống của chúng ta mới thoải mái được. Dù khó khăn trở ngại đến đâu, cố gắng và kiên nhẫn sẽ dẫn dắt ta đến thành công. Về học tập chúng ta hãy đặt thời khóa biểu, về việc làm cũng thế chúng ta hãy sắp xếp mọi việc cho có thứ tự. Cần thiết là chúng ta phải cương quyết từ bỏ thói lần lữa vì lần lữa thì có cả chục cái thời dụng biểu đi nữa, đời sống chúng ta kể như bỏ đi!

Nói tóm lại, chúng ta không thể không làm, chúng ta không ngồi chơi được. Chúng ta phải làm, hễ làm thì ai cũng muốn thành công. Vậy chúng ta hãy cương quyết làm việc, đừng lần lữa. Có như thế chúng ta mới thắng được tính lười biếng, thắng được mọi hoàn cảnh. Thế là chúng ta cách mạng được bản thân, hi vọng có thể thay đổi mọi người cùng tiến đến con đường vinh quang chói lọi, thành công mĩ mãn. Chúng ta lúc nào cũng phải nằm lòng câu ca dao sau đây:

"Việc gì làm được hôm nay
Chớ nên để đến ngày mai mới làm"

Kể đó, nếu nhìn qua các nước như Nhật Bản, Trung Quốc, Pháp, Anh... ta tự hỏi lòng xem có phải đất nước họ phát triển mạnh ví dân tộc họ sống theo thói "Nay lần mai lữa" hay không? Bước qua thế kỉ XXI, đất nước ta đã hòa bình độc lập gần ba thập niên mà vẫn chưa theo kịp Nhật Bản, vậy mỗi thanh niên học sinh chúng ta phải gấp bước lên!

98. Một số tác phẩm văn học từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám năm 1945 đã phản ánh được nỗi khổ đau của những kiếp lầm than. Dựa vào những tác phẩm đã học và đọc thêm trong giai đoạn văn học này, em hãy làm rõ điều đó.

Bài tham khảo

"Sưu cao thuế nặng", "một cổ đôi tròng" là những nguyên nhân đã dẫn đến muôn vàn cảnh thương tâm cho nhân ta. Cho nên có ý kiến đã cho rằng: "*Một số tác phẩm văn học từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám năm 1945 đã phản ánh được nỗi khổ đau của những kiếp lầm than*". Thực vậy, có một số nhà văn đã gần gũi với nhân dân, thấu hiểu nỗi khổ của nhân dân nên đã phản ánh được những nỗi khổ đau của nhiều số phận khác nhau trong những tác phẩm giai đoạn từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Tác giả đầu tiên mà chúng ta không thể quên là Ngô Tất Tố với truyện *Tắt đèn*. Chế độ phong kiến với bọn địa chủ cường hào áp bức bóc lột nông dân đã là nguyên nhân bao nỗi thống khổ của người dân thấp cổ bé miệng. Khi thực dân Pháp ổn định xong chế độ bảo hộ, thì nhân dân ta lại rơi vào cảnh một cổ hai tròng. Thực vậy, chỉ vì suất sưu, thứ thuế đánh vào đầu người mà cả gia đình chị Dậu tan nát. Anh Dậu ốm sắp chết vẫn bị đánh đập tàn nhẫn, đứa con mới bảy tuổi đã bị bán đi, thân phận con người không bằng một con chó, chị Dậu phải bỏ con nhỏ đang khát sữa để đi ở cho nhà giàu. Bọn tay sai đến nhà chị Dậu bất cứ lúc nào. Lần trước, hai tên cai lệ và người nhà lí trưởng đã xông đến quát tháo, đấm đá rồi trói anh Dậu giải ra đình, giữa lúc anh đang ốm nặng... Lần này, tai họa xảy đến quá đột ngột. Chị vừa mới *rón rén* bưng bát cháo đến cho chồng và đang lặng lẽ hồi hộp *chờ xem chồng chị ăn có ngon miệng hay không,* còn anh Dậu thì vừa mới *run rẩy cất bát cháo* chưa kịp húp,

hai tên tay sai đã sầm sập tiến vào, trong tay đầy những roi song, tay thước và dây thừng. Chúng là hiện thân của tai họa, hiện thân của sự khủng bố, đàn áp trong cái trật tự xã hội tàn bạo. Mở miệng, hắn chỉ *thét, quát, hầm hè*, tức là "ngôn ngữ" của loài thú dữ chứ đâu phải tiếng nói của con người! Và hắn cũng có nghe gì người khác nói đâu, nên mới không cho lọt vào tai bất cứ một lời nào của chị Dậu. Cuối cùng, khi chị Dậu hoảng sự quá, van xin hắn *"Cháu van ông, nhà cháu vừa mới tỉnh được một lúc, ông tha cho!"* thì hắn đã đáp lại bằng ngôn ngữ riêng của hắn, tàn ác và đểu giả: *"Tha này! Tha này! Vừa nói hắn vừa bịch luôn vào ngực chị Dậu mấy bịch rồi lại sấn đến để trói anh Dậu".*

Thật là một tính cách tàn bạo bất nhân. Trong *Tắt đèn*, tuyến nhân vật phản diện khá đông. Các loại người thống trị ở nông thôn hiện ra gần đủ mặt. Trước hết là vợ chồng lão địa chủ trọc phú keo kiệt độc ác mà Nguyễn Tuân gọi là "*sinh vật Nghị Quế Chồng*" và "*sinh vật Nghị Quế Vợ*". Kế đó là một lũ lí dịch làng Đông Xá với đủ cả lí trưởng, phó lí, chánh hội, lí cụ... hống hách, thô lỗ, tham ăn, tục uống, nốc rượu và cãi chửi nhau về ăn chia tiền thuế lạm thu rồi nôn thốc nôn tháo ở đình làng..., còn các quan phụ mẫu như: quan phủ Tư Ân có *bộ râu mới lạ làm sao và cái mặt phèn phẹt như sắp sửa rơi xuống sân đình đánh huỵch,* quan trên công đường và quan trong tư thất, quan ông và quan bà, lại còn cả quan cụ *dê già* trên tỉnh và *quan cố*, bố quan cụ, uống sữa người cho bổ... Trong cái đám đông ấy, cai lệ chỉ là một nhân vật "chạy cờ", một gã tay sai mạt hạng, vô danh. Nhưng bộ mặt hung dữ, đểu cáng của hắn vẫn có một giá trị tiêu biểu cho cái tàn ác của chế độ tàn bạo ấy.

Bên cạnh hình ảnh điển hình của chị Dậu, hình ảnh cái Tí ăn cơm thừa của chó cũng là ấn tượng khống phai trong lòng người đọc. Cái Tí vừa là nạn nhân của sưu thuế, vừa bị bà Nghị chà đạp lên nhân phẩm, chà đạp lên quyền trẻ em của một đứa bé mới bảy tuổi đầu!

Đắng cay chồng thêm cay đắng, bao lần vì bảo vệ chồng hay vì giữ gìn phẩm hạnh mà chị phải lâm vào cảnh nguy nan, *như một bầu trời "tối như mực, tối như cái tiền đồ của chị".*

Hai cảnh đời trong truyện ngắn *Lão Hạc* của Nam Cao là hai kiếp sống cơ cực của những người nông dân nghèo, không ruộng đất. Con trai lão Hạc là nạn nhân của hủ tục thách cưới nặng nề. Khi người yêu đã đi lấy chồng giàu có, anh ta sinh phẫn chí, ra tỉnh đến sở mộ phu, kí giấy đi làm đồn điền cao su, chấp nhận cuộc đời tha hương cầu thực. Từ nạn nhân của nghèo đói và hủ tục, con trai lão Hạc trở thành nạn nhân của thực dân Pháp trong các đồn điền cao su. Anh ra đi, để lại người cha côi cút, nghèo nàn và héo hon vì nhớ thương con, lão Hạc chỉ còn cách chọn cái chết mới giữ được cho con một mảnh vườn nhỏ. Còn lão Hạc thì tự chọn con đường âm thầm mà đớn đau nhất là ăn bả chó để từ giã cõi đời trong sự hi sinh lương thiện: *"Lão vật vã trên giường,đầu tóc rũ rượi, quần áo xộc xệch, hai mắt long sòng sọc.Lão tru tréo, bọt mép sùi ra. Khắp người chốc chốc lại bị giật mạnh một cái, nảy lên....Lão vật vã đến hai giờ đồng hồ mới chết"!*

Nói đến cảnh đời lầm than trước Cách mạng tháng Tám, ta làm sao quên được hình ảnh mẹ Nuôi mà của cải tiền bạc của chị đã bị trộm vét sạch! Thế mà *khốn nạn* thay cho chị, để được vào cửa quan, chị đã *mất toi hai hào cho*

thẳng xỏ lá là cậu lệ khi vào cửa. Đến lúc gặp quan vội vàng, lóng cóng lo quan gắt nên năm *đồng hào xổ ra, loẻng xoẻng rơi tiệt cả xuống gạch.* Cảnh nhặt tiền rơi của mẹ Nuôi thật thương tâm! Tiền của chị đánh rơi ngay trong nhà quan, chỉ có chị và quan, chị lại tìm để biếu quan thế mà lạ thay và như cách nói của Nguyễn Công Hoan khốn nạn thay cho mẹ Nuôi, cái *đồng hào đôi* cuối cùng ấy đã *biến đi đâu chóng thế được!*

Nhà văn đi sâu vào tâm trạng nhân vật để ta cảm thông với tình cảnh khốn khổ đáng thương của mẹ Nuôi và qua đó tố cáo hai bộ mặt của một "quan lớn". Bề ngoài là một quan lớn im lặng dửng dưng trước sự lúng túng của mẹ Nuôi, bên trong, quan đang đợi lúc *mẹ Nuôi đi khuất mới dịch chiếc giầy ra một tí... nhặt đồng hào đôi sáng loáng, thổi những hạt cát nhỏ ở đế giầy bám vào, rồi bỏ tọt vào túi.* Đó là bộ mặt của tên trộm mang danh một ông quan lớn! Thương thay mẹ Nuôi, người dân khốn khổ, nạn nhân của một đám trộm từ hợp pháp đến bất hợp pháp.

Còn nhiều nữa những kiếp lầm than, những đứa trẻ con của những bà mẹ khốn cùng. Thằng Cúc, Thằng Xuân, con Tí, con Túc và trong *Gió lạnh đầu mùa, vẫn những bộ quần áo nâu bạc đã rách vá nhiều chỗ và qua những chỗ áo rách da thịt thâm đi, mỗi cơn gió đến chúng nó lại run lên, hai hàm răng đập vào nhau. Cái Hiên rất nghèo, chỉ có nghề đi mò cua, bắt ốc.* Những đứa trẻ như bé Hồng đã so sánh hình ảnh của mẹ mình *như một dòng nước trong suốt chảy dưới bóng râm đã hiện ra trước con mắt gần rạn nứt của người khách bộ hành ngã gục giữa sa mạc!* Nỗi khắc khoải chờ mong mẹ của chú bé thật tha thiết. Nỗi khổ tâm của chú bé Hồng còn sâu hơn nữa, chú bé luôn bị giày vò vì mẹ đi xa, phải sống nhờ họ hàng, tủi cực, bị hắt hủi, luôn luôn khát khao một chút hơi ấm tình mẹ mà không được (*Những ngày thơ ấu* - Nguyên Hồng).

Qua những tác phẩm tiêu biểu trên, ta thấy tấm lòng và tài năng của tác giả đã phản ánh nỗi khổ đau của những kiếp sống lầm than trong xã hội nước ta trước Cách mạng tháng Tám. Đọc những tác phẩm đó, chúng ta thấy xúc động sâu sắc. Bao con người, bấy nhiêu số phận cứ hiện ra trước mắt và in đậm trong tâm những xót xa, ngậm ngùi. Nhìn ra xã hội hiện tại, ta vừa vui mừng vì đất nước thoát cảnh đói nghèo lầm than, vừa tiếc cho những thanh niên không biết hưởng tự do hạnh phúc, để xây dựng tương lai, mà họ đang sa vào cảnh ăn chơi trụy lạc, gây bao tội lỗi trên đời.

Đề 99. Khuyên mọi người chăm chỉ lao động, tục ngữ có câu:

"Tay làm hàm nhai, tay quai miệng trễ"

đồng thời lại có câu:

"Giàu đâu những kẻ ngủ trưa
Sang đâu những kẻ say sưa tối ngày."

Em hãy giải thích và chứng minh.

DÀN BÀI

I. Mở bài

- Trong tục ngữ, nhân dân ta đã nêu lên kinh nghiệm quý báu về lao động, thái độ đối với lao động, tục ngữ khuyên nhủ chúng ta:

"Tay làm hàm nhai, tay quai miệng trễ"

Và phê phán: "Giàu đâu những kẻ ngủ trưa

Sang đâu những kẻ say sưa tối ngày."

- Chuyển ý.

II. Thân bài

1. Câu tục ngữ khuyên nhủ mọi người phải chăm chỉ làm việc.

a. Giải thích ý nghĩa câu tục ngữ: *"Tay làm hàm nhai, tay quai miệng trễ"*

- Câu tục ngữ có hai vế, mỗi vế nêu lên một thay đổi đối với lao động.

- Tay là cơ quan quan trọng nhất của con người làm việc. Hình ảnh bàn tay ở đây tượng trưng cho con người. *Tay làm* là hình ảnh con người chăm chỉ, *tay quai* là hình ảnh con người lười biếng, không chịu làm việc.

- Hàm và miệng là cơ quan giúp cho con người ăn uống. Hình ảnh hàm và miệng ở đây tượng trưng cho cuộc sống của con người. Người chăm chỉ mới có cái để ăn (liên hệ với câu tục ngữ: *Có làm thì mới có ăn. Không dưng ai dễ đem phần đến cho*), nói cho rộng ra người có chăm làm cuộc sống mới được đảm bảo, kẻ lười biếng thì chẳng có gì để ăn, miệng cứ trễ xuống. Nói rộng ra kẻ lười biếng cuộc sống sẽ khổ sở, thiếu thốn.

- Câu tục ngữ khuyên mọi người cần chăm chỉ lao động, chê trách người lười biếng.

b. Nêu dẫn chứng chứng minh người lao động chăm chỉ sẽ có một cuộc sống no đủ tốt đẹp. (Lấy các dẫn chứng trong cuộc sống thực tế ở xung quanh, có thể nêu lên cụ thể).

- Người nông dân chăm chỉ cày sâu cuốc bẫm, mùa đến sẽ thu hoạch tốt.

- Người công nhân chăm chỉ, có tay nghề giỏi sẽ có năng suất cao do đó lương cao, được hưởng nhiều. Cuộc sống vì thế sẽ sung túc.

- Người thợ thủ công chăm chỉ làm ra được nhiều sản phẩm, thu nhập cao. Vì thế gia đình có cuộc sống đầy đủ.

2. Các câu tục ngữ phê phán những kẻ lười biếng trong lao động.

b. Giải thích ý nghĩa của câu tục ngữ

- Vế thứ hai của câu tục ngữ đều nên lên một thực tế trái ngược với vế thứ nhất: Kẻ lười biếng không có miếng ăn.

- Câu tục ngữ thứ hai phê phán thói lười biếng cũng bằng cách nêu ra hậu quả của thói lười biếng đó. Ngủ trưa, ngủ dậy muộn để trốn tránh công việc (không phải ngủ vào buổi trưa), say sưa rượu chè be bét thì không mong gì giàu sang.

- Kết hợp cả hai câu tục ngữ chúng ta thấy, những kẻ lười biếng thì ngay miếng ăn hàng ngày cũng không có, sự giàu sang càng là điều viễn vông. Bằng sự phê phán đó, các câu tục ngữ trên góp phần khẳng định cần thiết phải chăm chỉ lao động.

c. Chứng minh kẻ lười biếng sẽ khổ sở (Lấy dẫn chứng trong thực tế cuộc sống ở xung quanh).

- Kẻ làm ruộng mà lười, sản phẩm sẽ ít, lương thấp lại không được thưởng. Cuộc sống khó khăn.

- Bất cứ kẻ nào, làm nghề gì mà lười cũng chịu hậu quả là thu nhập thấp, đời sống khó khăn.

- Những thanh niên sa vào nghiệp ngập rượu chè, hút chích, héroin vừa hại sức khỏe, vừa suy sụp tài sản, mất nhân tính và đi đến bệnh tật, tử vong (báo Công an Thành phố Hồ Chí Minh có đăng rất nhiều bài).

III. Kết bài

- Thái độ lao động biểu hiện đạo đức của con người. Chăm chỉ lao động, cần cù làm việc là phẩm chất của người tốt. Lười biếng (ngủ muộn, làm muộn, về sớm, chỉ ham rượu chè mà không ham làm việc ...) là tính xấu mỗi người cần tránh xa.

- Các câu tục ngữ trên có giá trị khuyên nhủ mọi người có thái độ đúng với lao động.

ĐỀ 100: *Tục ngữ Việt Nam có câu:*
"Giặc đến nhà đàn bà cũng đánh"
Em hãy giải thích và chứng minh câu trên.

DÀN Ý

I. Mở bài

- Để ca ngợi lòng yêu nước, tinh thần chiến đấu dũng cảm của người phụ nữ nước ta mỗi khi đất nước bị xâm lược, tục ngữ có câu:

"Giặc đến nhà đàn bà cũng đánh".

- Ta hãy giải thích và chứng minh câu tục ngữ trên.

II. Thân bài

A. Giải thích

1. Từ khi dựng nước đến nay, dân tộc ta luôn luôn chiến đấu chống xâm lược để bảo vệ nền độc lập nước nhà. Mỗi khi nhân dân ta vùng lên đánh đuổi kẻ thù, người phụ nữ cũng góp phần tích cực chiến đấu.
2. Đất nước là của chung, việc giữ nước là bổn phận của mọi công dân, không phân biệt già trẻ, nam nữ.
3. Vì nước mất thì nhà tan, người phụ nữ có thể trở thành nạn nhân của kẻ thù xâm lược. Vào thế kỉ XIII, giặc Nguyên Mông kéo vào Thăng Long đã tàn sát dã man nhân dân ta, mà đàn bà, con trẻ chiếm đa số. Vào nửa thế kỉ XIX, Nguyễn Đình Chiểu cũng đã tố cáo tội ác giặc Pháp xâm lược: *tội chẳng tha con nít đàn bà*... trong bài *Văn tế sĩ dân Lục tỉnh Nam Kì*

   Cho nên cùng với toàn dân, người phụ nữ đã đứng lên chống giặc để bảo vệ đất nước, bảo vệ quê hương.

B. Chứng minh

1. Lịch sử từng ghi những chiến công rực rỡ của các bậc anh thư khởi nghĩa đánh đuổi giặc thù để giải phóng quê hương.

- Hai Bà Trưng:

Hồng quần nhẹ bước chinh yên,
Đuổi ngay Tô Định, dẹp yên Biên Thành.
Đô kì đóng cõi Mê Linh,
Lĩnh Nam riêng một triều đình nước ta.
Ba thu gánh vác sơn hà,
Một là báo phục, hai là bá vương.

- Bà Triệu:

Đầu voi phất ngọn cờ vàng,
Sơn thôn mấy cõi chiến trường xông pha.

(Đại Nam quốc sử diễn ca)

2. Lịch sử cách mạng Việt Nam hiện đại từng ca ngợi những đóng góp quan trọng của người phụ nữ trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ.

- Họ cùng tham gia đội du kích, dân quân để bảo vệ xóm làng, đấu tranh chính trị:

Vì sao tuổi mẹ đã cao
Đấu tranh mẹ vẫn đi đầu mẹ ơi!

(Lê Anh Xuân)

- Cùng nam giới trực tiếp cầm súng chiến đấu như tấm gương chị Út Tịch:

Mẹ của sáu con còn nhỏ
Tóc bới cao bỏm bẻm nhai trầu
Là chị Út quân thù khiếp sợ
Bụng có mang vẫn cướp bót phá cầu.

(Lê Anh Xuân)

III. Kết bài

- Tóm tắt các ý đã trình bày.
- Mở rộng: ngoài lòng yêu nước, tinh thần chiến đấu chống giặc xâm lược, người phụ nữ Việt Nam còn giữ vai trò chủ yếu trong việc xây dựng gia đình và góp phần quan trọng vào công cuộc phát triển xã hội.

Đề 101: Giải thích và chứng minh câu ca dao:

"Nhiễu điều phủ lấy giá gương
Người trong một nước phải thương nhau cùng"

DÀN Ý

I.Mở bài

Tình thương yêu đùm bọc nhau của nhân dân ta được thể hiện qua một số tục ngữ, ca dao. Một trong những nội dung chủ yếu của ca dao là lối sống giàu tình nặng nghĩa của dân tộc ta. Chính tình thương yêu đùm bọc của người trong một nước trở thành một truyền thống tốt đẹp của nhân dân ta, ông cha ta đã dùng hình ảnh ví von rất gần gũi để khuyên nhủ con cháu:

"Nhiễu điều phủ lấy giá gương
Người trong một nước phải thương nhau cùng"

Ta hãy tìm hiểu ý nghĩa câu ca dao trên để thấy được sự biểu hiện của tình đồng bào ruột thịt của cha ông ta.

- Ta hãy giải thích câu ca dao trên.

II. Thân bài

A. Giải thích

1. Nhiễu điều phủ lấy giá gương

- *Nhiễu điều* là tấm nhiễu đỏ, là một loại hàng tơ mềm mịn màu đỏ rất sang quý. Chiếc gương soi bằng đồng sáng loáng được đỡ bởi *giá gương*. *Giá gương* là vật dụng bằng gỗ được chạm khắc công phu để đỡ lấy gương soi, vừa là vật trang trí trong nhà. Đó là vật dụng trong phòng trang điểm của những tiểu thư khuê các ngày xưa. *Nhiễu điều và giá gương* hai vật ấy nếu để riêng rẽ không có gì đặc sắc mà trái lại, tấm nhiễu cũng bỏ phí, *giá gương* lại bị bụi phủ mờ, dễ bị hư hỏng, hoen ố. Tấm nhiễu đỏ phủ lên giá gương sẽ tôn lên vẻ sang quý của gương. Ngược lại, chiếc gương sáng cũng làm tăng vẻ rực rỡ của tấm nhiễu điều. *Nhiễu* tránh cho gương khỏi bị bụi phủ mờ. Gương sáng được lồng trong tấm nhiễu điều rực rỡ sẽ ánh lên sắc màu trang trọng biết bao. Đó là vẻ đẹp hài hòa, rất ưa nhìn, là vẻ đẹp của sự bảo bọc và tình thương yêu.

2. Người trong một nước phải thương nhau cùng

- Từ hình ảnh của nhiễu điều phủ giá gương, câu ca dao ngụ một lời khuyên: người trong một nước phải thương yêu, đoàn kết với nhau.

Lòng thương yêu đùm bọc, tình đoàn kết đồng bào ruột thịt sẽ tạo nên cuộc sống an vui cho cộng đồng, bảo vệ được nền độc lập cho dân tộc.

Về mặt tình cảm, *người trong một nước* có chung một nguồn gốc lịch sử, cùng chung những giờ phút tự hào vinh quang cũng như cùng chia sẻ những hoạn nạn trong những ngày đen tối của đất nước. Chung lịch sử còn có nghĩa là chung cả tổ tiên, chung một tiếng nói, một phong tục, tập quán, một điều kiện sống, một bầu không khí thương yêu với biết bao gắn bó, biết bao kỉ niệm. Người trong một nước Việt Nam sẽ đau xót biết bao nếu như đồng bào mình bị ngoại bang coi thường khinh rẻ, bị lấn lướt hoặc đối xử bất công. Ngược lại, nếu đồng bào ta được quý mến trọng vọng, ta cũng vui lây, cũng cảm thấy tự hào.

B. Vì sao người trong một nước phải thương nhau cùng?

- Lời khuyên về nghĩa đồng bào, tình đoàn kết nói trên mang những giá trị tình cảm, đạo đức to lớn.

Lí do 1. Trong cuộc đời thường: Mọi người phải đùm bọc, giúp đỡ lẫn nhau khi gặp cơ nhỡ, hoạn nạn:

Lá lành đùm lá rách.

Trong đời sống hàng ngày, sự quan tâm giúp đỡ lẫn nhau những lúc ngặt nghèo, giỗ chạp, dựng nhà, cưới xin, tang lễ... đầy nghĩa tình đã trở thành một nét văn hóa của dân tộc ta.

Lí do 2: Vì xuất phát từ cùng nguồn cội tổ tiên, người trong một nước cần chung lưng đấu cật để xây dựng và phát triển đời sống cộng đồng:

Bầu ơi thương lấy bí cùng
Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn.

Lí do 3. Trong công cuộc giữ nước:

- Mỗi người đều có thể tạo cho mình một tài sản, một ngôi nhà. Nhưng mọi người đều có cùng tài sản chung, ngôi nhà chung, đó là đất nước, là dân tộc. Khi tài sản chung ấy mất đi thì không tài sản riêng nào có thể tồn tại được.

- Từ hình ảnh gợi cảm ví von đặc sắc đó, nhân dân ta muốn giữ mãi truyền thống nhân đạo cao quý: *phải thương nhau cùng*. Lí do yêu thương thật cảm động và đơn giản vì là *người trong một nước*.

- *Người trong một nước* vốn có quan hệ gắn bó chặt chẽ để tồn tại và phát triển. Chúng ta là một tập thể lớn gồm nhiều ngành nghề, ngành nghề này trao đổi với ngành nghề khác để sinh sống. Khu vực này trao đổi với khu vực khác về nhiều lãnh vực. Ý thức rõ mối quan hệ đó, ta phải duy trì và phát triển xã hội. Đất nước ta đang phát triển, ta càng phải thương yêu nhau, đồng tâm hiệp lực để đấu tranh với thiên tai, lũ lụt hàng năm. Những tấm lòng *lá lành đùm lá rách* được thực hiện trong những lúc thiên tai, hoạn nạn thật là một tấm *nhiễu điều* thần kì tạo nên tình yêu thương, đoàn kết dân tộc.

Lí do 4: Cho nên công cuộc bảo vệ đất nước không thể do một người hay một nhóm người làm nổi. Lịch sử mấy ngàn năm giữ nước của cha ông ta là một biểu hiện sinh động về bài học đoàn kế dân tộc để giữ nước.

Chứng minh 1: Từ chiến thắng quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng của Ngô Vương Quyền, ba lần kháng chiến chống quân Nguyên Mông của quân dân đời Trần, cuộc khởi nghĩa Lam Sơn tập hợp *nhân dân bốn cõi một nhà* đến đoàn quân áo vải Tây Sơn quét sạch mấy mươi vạn quân Thanh ra khỏi bờ cõi, tất cả đều do sức mạnh đoàn kết muôn người như một của dân tộc ta.

Chứng minh 2: Từ khi lãnh đạo cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, Bác Hồ đã chủ trương:

Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết
Thành công, thành công, đại thành công.

Chứng minh 3: Từ ngày đất nước thống nhất hòa bình, toàn dân cùng nhau xây dựng một đất nước hòa bình, phát triển. Cho nên nhân dân ta đã đạt từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

III. Kết bài

- Bài học đã đi vào ca dao là bài học được đúc kết bằng tâm huyết của nhân dân ta từ lâu đời, có giá trị thực tiễn to lớn.

- Nghĩa đồng bào, tình đoàn kết chứa đựng trong câu ca dao trên là bài học lớn nhất của dân tộc qua mấy ngàn năm lịch sử giữ nước và dựng nước mà chúng ta cần luôn luôn tâm niệm.

- Là một công dân trẻ tuổi của một dân tộc có truyền thống nhân ái tốt đẹp, em vô cùng tự hào đã được sinh ra và lớn lên từ nguồn yêu thương ấy. Em nguyện sẽ giữ mãi tình cảm đồng bào ruột thịt, sẽ mãi mãi sống trong truyền thống nhân ái của dân tộc.

ÔNG ĐỒ GIÀ, CÔ GÁI XUÂN VÀ TẾT CỔ TRUYỀN trong thơ VŨ ĐÌNH LIÊN và HỒ DZẾNH

Không phải một câu chuyện gì ly kì cả. Chỉ là ngày Tết cổ truyền, ta có truyền thống chơi thơ Tết, câu đối Tết, cho nên tôi muốn được cùng các bạn đọc nói chuyện về mấy bài thơ Tết để gây hương vị đầu xuân thế thôi.

Bài thơ thứ nhất là một bài thơ được đông đảo độc giả ưa thích nhất suốt nửa thế kỉ này, bây giờ nhiều người vẫn nhớ: bài *Ông đồ* của thi sĩ Vũ Đình Liên:

Mỗi năm hoa đào nở
Lại thấy ông đồ già
Bày mực tàu giấy đỏ
Bên phố đông người qua

Thật là vui! Thật là đẹp! Màu thắm của hoa đào, mà tươi của giấy đỏ, màu đen nhánh của mực tàu và mái tóc trắng của ông đồ; những màu sắc hài hòa sống động. Chỉ nguyên cái quang cảnh này đã là một bức tranh Tết lộng lẫy, ngoạn mục.

Vì vậy:

Bao nhiêu người thuê viết
Tấm tắc ngợi khen tài
"Hoa tay thảo những nét
Như phượng múa rồng bay"

Trí tuệ và tài hoa của dân tộc phô bày, không cần phải khảo sát đâu xa, ngay trên đường phố. Người viết – Ông đồ có biệt tài văn chương. Người khách bình thường thuê viết cũng tỏ ra có trình độ văn hóa. Ngày Tết, trang trí nhà bằng văn chương hay, chữ viết đẹp... có óc thẩm mỹ tao nhã như vậy, dân tộc ta quả là xứng đáng với thành ngữ: *bốn nghìn năm văn hiến*.

Thế nhưng:

Nhưng mỗi năm mỗi vắng
Người thuê viết nay đâu?
Giấy đỏ buồn không thắm
Mực đọng trong nghiên sầu...

Như vậy đó! Cái văn minh do đế quốc thực dân chở bằng tàu chiến, bằng đại bác, súng trường và lưỡi lê nhập khẩu vào nước ta đã tấn công, tàn phá, càn quét nền văn hóa dân tộc. Lớp "người tân tiến" dần dần ăn Tết cổ truyền bằng sâm banh, sô-cô-la, kẹo đơ-ra-giê, xì gà gộc và chúc nhau "nu-ven-lăng", "hêp-py-niu-ja"... và ôm nhau "tăng gô", "van sờ" để tỏ ra văn minh, tiến bộ "mô đéc"... hơn ông cha. Theo câu đối, thơ viết trên giấy đỏ hàng mã lên tường... ôi chao nhà quê, pơ-rô-vanh-xi-an quá. Vì thế nên "mỗi năm" mỗi vắng – người thuê viết nay đâu?



Không ai thuê viết nữa, "giấy đỏ buồn không thắm – mực đọng trong nghiên sầu". Giấy đỏ phơi nắng ngày nọ, qua ngày kia tất nhiên phai màu, mực không được sử dụng tất nhiên khô đọng, đó là cái gì người ta trông thấy. Nhưng cái vô hình, không trông thấy bằng mắt, mà cảm nhận thấy – rõ ràng hơn, sâu sắc hơn và đắng cay hơn – là sự tiêu vong văn hóa, tinh hoa của dân tộc. Nỗi buồn của giấy mực thật là não nề:

Ông đồ vẫn ngồi đấy
Qua đường không ai hay
Lá vàng rơi trên giấy
Ngoài trời mưa bụi bay

Văn hóa là sản phẩm, là thành quả của lao động qua các thời đại – chúng ta nói văn hóa với đúng nghĩa của từ, tức là những gì có giá trị nhân bản, chứ không phải là những thứ phản văn hóa mà nhiều người gọi lầm là văn hóa – tự nó không mai một, chỉ có con người lãng quên nó thôi. Ông đồ – một biểu trưng của văn hóa cổ truyền – "*vẫn ngồi đấy*", nhưng người qua đường không ai lưu ý đến! Đến với ông đồ chỉ có "*lá vàng rơi*" và *"mưa bụi bay*" nghĩa là nỗi u buồn quạnh hiu, lạnh lẽo...

Và cuối cùng là...

Năm nay hoa đào nở
Không thấy ông đồ xưa
Những người muôn năm cũ
Hồn ở đâu bây giờ?

Là con người thì ai rồi cũng già, cũng chết, "*những người muôn năm cũ*" tất nhiên thành người quá khứ. Nhưng cái gì không chết, sống mãi là cái hồn – tức là truyền thống là tinh thần dân tộc. "*Hồn ở đâu bây giờ?*", đó là câu hỏi biểu thị sự ngơ ngác, hoang mang, nhớ tiếc, xót xa của những tấm lòng yêu nước, khi bàng hoàng thấy mình lạc lõng, bơ vơ, mất phương hướng; trong tình trạng xã hội vong bản.

Tôi vừa phạm vào một điều kiêng kị của truyền thống. Tết không được nói chuyện buồn xúi quẩy cả năm. Xin cáo lỗi và chuyển câu chuyện vui với bài thơ *Rằm tháng giêng* của thi sĩ Hồ Dzếnh.

Thành ngữ có câu: "*Đi lễ quanh năm, không bằng ngày rằm tháng giêng*". Bởi vì rằm tháng giêng đi lễ chùa thì vui lắm, dư âm ngày Tết còn văng vẳng. Dường như ba ngày tết đi qua mau quá, người ta còn tiếc ngày vui ngắn chẳng tày gang cho nên cung đàn tuyệt diệu sắp tàn âm thanh cuối cùng, bỗng nhiên lại ngân nga lên một lần nữa: ấy là rằm tháng giêng.

Rất dễ hiểu, những người muốn kéo dài ngày vui thêm là các em nhỏ và thanh niên. Họ mượn cớ rằm tháng giêng đi lễ chùa theo tục lệ (chứ chưa hẳn là tín ngưỡng, mộ đạo):

Ngày xưa còn nhỏ... ngày xưa
Tôi đeo khánh bạc lên chùa dâng nhang
Lòng vui quần áo xênh xang
Tay cầm hương nến đĩnh vàng mới mua.

Em nhỏ thật ngộ nghĩnh. Nhưng dù sao em cũng chỉ là nhân vật phụ. Bây giờ nhân vật chính mới xuất hiện:

Chị tôi vào lễ trong chùa
Hai chàng trai trẻ khấn đùa hai bên
Lòng thành lễ vật đầu niên
Cầu cho tiểu được ngoài giêng đắt chồng!

Gớm ghê cho sự tinh quái của hai chàng trai trẻ. Cửa chùa không đóng với bất cứ ai, ai cũng được vào lễ. Người đi lễ thì đông, chờ đợi biết đến bao giờ, nhiều người cùng vào khấn một lượt là thường, ai khấn khứa cầu xin Đức Phật nghìn mắt nghìn tay biết tất cả và ban phúc cho tất cả. Có điều là hai chàng lại khấn một cách quái ác. Khấn hộ cô gái: *"Cầu cho tiểu được ngoài giêng đắt chồng"*.

Thế nhưng, khấn thế nào là quyền của người ta, trước bàn thờ Phật là chỗ trang nghiêm, phản đối người ta, phê bình người ta sao được. Vả lại hai chàng đã bố trí đứng hai bên thì còn làm sao rút lui được? Cô gái chỉ còn cách đứng im chịu trận:

Chị tôi phụng phịu má hồng
Vùng vằng suýt nữa quên bồng cả tôi.

Vừa thẹn vừa tức, cô phụng phịu suýt khóc và khi được tự do rồi thì vùng vằng xa lánh hai chàng *"quỷ"* ấy cho thoát nạn, chút nữa bỏ quên em trong đám đông.

Tuy nhiên thẹn, giận mà cũng... thích:

Tam quan ngoài mái chị ngồi
Chị nghe đoán thẻ, chị cười luôn luôn
Quẻ thần, thánh mách mà không
- Số nàng chồng đắt mà con cũng nhiều!

Thì ra lời khấn của hai chàng đã được thần thánh chứng giám, thiêng thật là thiêng! (Hay là trái tim của cô gái, mà ngày xuân gợi nhắc tình yêu, chứng giám, tùy ý muốn nghĩ đằng nào cũng được cả): "Số nàng chồng đắt mà con cũng nhiều!". Cái phụng phịu má hồng, cái vùng vằng ban nãy té ra chỉ là màu mè điệu bộ. Cái lúc này mới là đích thật: "*Chị cười luôn luôn*"! Cười quá đi chứ, số như thế là toại nguyện, mãn ý hết nói! (Với lúc ấy, còn với ngày nay thì chỉ tốt có một nửa: chồng đắt, còn con cũng nhiều không nên).

Chuyện ấy đã thuộc về dĩ vãng: cô gái nay đã lên bà và cậu em hồi ấy đã thành người lớn:

Chị tôi nay đã xế chiều
Chắc còn nhớ mãi những điều chị mơ
Hàng năm tôi đi lễ chùa
Chuông vàng, khánh bạc ngày xưa vẫn còn
Chỉ thấy hơi vắng trong hồn
Ít nhiều hương phấn khi còn ngây thơ
Chân đi đếm tiếng chuông chùa
Tôi ngờ năm tháng ngày xưa trở về

Bài thơ kết thúc bằng một nỗi buồn dịu nhẹ như một chút khói lam chiều. Ngoái nhìn lại tuổi thơ, tuổi trẻ qua đi như nước chảy xuôi không khi nào trở lại, như người bạn cũ một lần chia tay là xa mãi mãi, trong lòng nảy sinh mối hoài cảm đó là thường tình, cái hồn nhiên, cái bồng bột phải nhường chỗ cho sự chín chắn, nghiêm trang "sống là như vậy".

Đáng nói chăng là trong xã hội cũ những ước mơ chân thành, những hoài bão cao đẹp của tuổi xuân cứ bị thực tế làm cho héo úa, tàn rụng dần như cành đào sau Tết. Khiến cho người ta khi hồi tưởng lại cái thuở ban đầu thì vừa nhớ tiếc, vừa ngao ngán, vừa thương mình, vừa cười mình và sống chỉ để thấy hạnh phúc, niềm vui thưa dần, vắng dần như những khách thuê viết câu đối của ông đồ già tội nghiệp bên trên.

Nhân loại cố gắng phấn đấu tạo lập một xã hội mới trong đó ước mơ, tuổi xuân là nụ xanh chồi biếc, là con suối trong đầu nguồn và hành động thiết thực có hiệu quả cụ thể là hoạ thơm, trái ngọt, là sông dài, biển rộng. Hoặc nói một cách khác ước mơ là bản phác thảo, là bản dự báo mà hành động là công trình thực hiện. Nghĩa là từ ước mơ đến thực tiễn chỉ là một quá trình liên tục, không phải cái này phủ định cái kia. Hạnh phúc thuộc về con người.

Trích "***Thơ một thời***"

G.S Hoàng Như Mai

NXB TH – Tiền Giang.1989

MẤY ĐOẠN TÂM TÌNH

(Gửi các em muốn học giỏi văn)

Các thầy cô làm sách này bảo có đôi lời khuyên của một thầy giáo dạy Văn lâu năm. Lời khuyên ấy, các thầy cô lại giao tôi viết. Tôi dạy Văn, tính từ Cách mạng tháng Tám đến nay, đã trên bốn mươi năm. Tôi dạy từ cấp II, cấp III rồi đại học, đến sau đại học và trên đại học. Là nhà giáo, đồng thời tôi cũng là nhà văn, hội viên của Hội Nhà văn Việt Nam, của Hội Những người viết văn của thành phố. Tưởng như vậy, tôi đủ tư cách để có được, với các em những lời khuyên thật hay. Chưa phải đâu, các em ạ! Lời dạy xem như có đủ tính khoa học, thì Bộ Giáo dục đã nêu thành chỉ thị, và sách này đã tóm lược, thầy cô phụ trách và các em xem kỹ để thực hiện. Phần tôi, chỉ xin được tâm tình với các em đôi điều tâm đắc.

Trước tiên là sự ham thích đến say mê. Văn thơ vốn là cuộc sống được chắt lọc, ai sống mà không thích văn thơ? Sáng tác thơ ca, dân gian vẫn làm, không đợi đến nhà văn. Vậy, thích văn thơ là thường tình. Muốn nhích lên một tí, học giỏi văn chẳng hạn, chỉ thích thôi chưa đủ, phải ham, ham đến mê mới được. Lí lẽ gì? Năm bảy tuổi mà mê văn thì lí lẽ gì đâu. Nhưng bản thân văn thơ - dĩ nhiên là văn thơ hay - lại có sức mạnh riêng của nó. Nó ở thẳng vào trái tim một cách bất ngờ. Các em thử đọc cuốn "*Hồi nhỏ các nhà văn học văn*" mà xem. Mỗi người cảm nhận cái sức mạnh ấy, cái hay ấy của văn thơ một cách khác nhau. Đối với người này, đó là cái thế giới kì diệu mà trang sách đã mở ra cho tưởng tượng muôn màu. Đối với người kia, đó là âm điệu quyến rũ của lời thơ, lời ngâm, lời ru. Có kẻ cho đó là sự tích hấp dẫn của câu chuyện. Có kẻ bắt gặp ở đó sự rung cảm của bản thân mình... Nhưng tất cả đều cảm thấy văn thơ hay. Sự say mê từ đó mà ra.

Có một điều mà hầu như ai nấy đều thống nhất là ảnh hưởng sâu xa của thơ cơ dân gian nơi quê mình. Bản thân thơ ca ấy là hình ảnh cuộc sống trước mắt, là kết tinh của bao nhiêu tình cảm qua bao đời, là trí não, là trái tim của lớp lớp cha ông. Nó lại là sáng tác dân gian nên nó đâu chỉ đến với tâm hồn non dại của ta bằng chữ nghĩa trên trang sách mà bằng một loại cảnh vật, người, trong một sinh hoạt chung: nó đến đêm với giọng hò, trưa hè với lời ru, chỗ bến đò với cây đa, chiếc xuồng trên con rạch, nơi bóng dừa với dáng ai... Tiếng nói của nó là tiếng nói của ta, nó nói dùm trước khi trái tim ta biết nói. Cái hay của nó đến với ta mà ta chưa cần biết. Thơ ca dân gian xứ mình trong cảnh vật rất cao làm nên cái ham mê văn thơ cho tuổi nhỏ, không gì trách nổi.

Sự say mê ấy, dù sao, cũng còn tự phát, nhiều cảm tính. Phải củng cố nó bằng hành động thực tiễn. Thông thường là thuộc nhiều, là tập đọc, tập ngâm và thích nghe đọc, nghe ngâm.

Ham mê thì đọc, thấy thích thì đọc, đọc đi đọc lại và tự nhiên là thuộc lòng. Có khi không có ý định thuộc, nhưng thơ văn cứ ghi vào trí nhớ. Cũng có lúc phải học mới thuộc, nhưng nhờ trí nhớ tốt, văn thơ cũng có sức bám, nên nhớ cả đời. Phải học mới thuộc thì thường mau quên. Quý nhất là không học mà thuộc. Cái đó là chỗ ưu việt của tuổi trẻ, ký ức đương non, bám vào là để dấu, không phai. Các em hãy còn nhỏ, thuộc được nhiều chừng nào hay chừng nấy. Nghe các nhà văn kể về mình học văn hồi nhỏ sẽ thấy có mấy ai không nhớ mình đã thuộc rất nhiều. Ngày xưa, sách vở còn ít, thuộc trọn *Truyện Kiều* thuộc *Chinh phụ ngâm* cả bản tiếng Việt lẫn bản chữ Hán, thuộc cả những chú thích trong đó, thuộc tất cả bài thơ cổ điển được trích trong những sách giáo khoa... thuộc cả một bài văn biền ngẫu dài như *giọt lệ thu*, một bài văn tế khó thuộc như *Văn tế Phan Chu Trinh* đều là chuyện thường tình. Thuộc chưa hẳn đã hiểu, nhưng đã thuộc là chừng nào như đã làm quen, kết thân với tác phẩm, chiếm lĩnh nó chưa được phần hồn nhưng đã được phần xác, để rồi từ đó tiến lên.

Một hành động thực tiễn khác là tập đọc, mới nghe tưởng đâu như trở lại tuổi lớp Một. Không phải, đọc văn có hai cách: đọc ngôn ngữ và đọc văn học.

Đọc ngôn ngữ là đọc đúng cấu trúc ngữ pháp, cấu trúc lôgích của câu văn. Gọi đọc thông tin là đọc như vậy. cách đọc ấy luyện óc lôgích theo tinh thần ngữ pháp của tiếng ta. Nó đưa tới một kết quả lớn lao mà thường người ta không chú ý đến, đó là viết văn đúng ngữ pháp, hợp lôgích, điều mà các em giỏi văn cấp II cũng còn phải phấn đấu mới đạt được. Nhiều chú cán bộ lớn tuổi đi học, hiểu thì khá nhưng viết thì sai quá nhiều. Cho các chú ấy luyện bằng cách mỗi ngày, đọc to, đọc đúng cấu trúc ngữ pháp, đúng tinh thần lôgích của một bài văn nghị luận trong báo *Nhân dân*, đọc đi đọc lại nhiều lần trong vòng một tháng, các chú ấy nhận ra những chỗ sai của mình trước kia và từ đó dần dần viết đúng, viết tốt.

Đọc văn học là đọc diễn cảm. Còn đôi cái rắc rối ở chỗ này, nhưng hãy gạt ra. Cứ hiểu là đọc sao cho người nghe thấy được những xúc cảm chứa đựng trong tác phẩm. Được vậy là làm sống dậy bài văn, nó không nằm im bằng mặt chữ không nằm im bằng mặt chữ nữa mà đã trở thành một mảnh của cuộc sống đang diễn ra dưới mắt mình. Đọc ngôn ngữ là nắm đúng cái xác của bài văn, đọc diễn cảm là đi vào cái hồn của văn. Hiểu bài văn, bài thơ đã có độ sâu

hơn. Không ngừng ở cái hiểu mà đã bước vào cái cảm. Từ trí tuệ đã sang cảm xúc, từ cái rạch ròi của đầu óc đã qua cái rung động của trái tim. Đến khi diễn ra thành giọng đọc thì lại là một bước nhảy nữa, có thể nói là từ xúc cảm đến biểu hiện nghệ thuật. Ba tầng lớp: hiểu cho đúng, cảm cho sâu, diễn ra cho đạt, là ba tầng phấn đấu. Ba tầng không tách rời nhau, lại ủng hộ nhau. Hiểu tốt chừng nào thì đọc tốt chừng nấy. Đọc tốt chừng nào thì lại hiểu tốt thêm, cảm tốt thêm chừng nấy. Không dễ dàng nhưng vẫn trong tầm phấn đấu của các em. Ngâm thơ là phát huy cao hơn khả năng diễn đạt bằng âm thanh của thơ. Ngâm thơ hay không chỉ ở cái giọng tốt mà ở giọng ngâm biểu hiện đầy đủ tinh thần của bài thơ. Không ai buộc chúng ta phải ngâm cả. Nhưng nếu biết chọn cho mỗi một bài thơ, mỗi câu thơ một giọng ngâm lột được tinh thần của nó, cái hay sẽ tăng gấp bội. Không nữa, thì chú ý nghe buổi ngâm thơ trên Đài phát thanh, phần thưởng thật vô giá: cái hay, cái sức mạnh của thơ văn, các em nắm được trong tay, cũng có thể nói trong... tim. Nắm như vậy là nắm rất chắc, hứng thú tăng gấp bội. Đó là một niềm vui hiếm có: vui thấy thơ văn hay thật, kì diệu thật.

Như vậy là đã đánh bạn được với thơ văn, thơ văn đã ít nhiều trở thành tri âm, tri kỉ. Thế là luôn phải có nhau, không thấy thì tìm nhau, gặp nhau thì sung sướng, không gì hơn, xa nhau thì nhớ, sống không thể thiếu nhau. Thế là đọc thơ đọc văn, đọc say đọc mê, có lúc quên ăn, mất ngủ, đọc nhiều bao nhiêu tốt bấy nhiêu, xưa nay, của ta của người, phương Tây phương Đông, cũng không chỉ văn học mà cả khoa học. Phù hợp với trình độ là rất tốt, rủi có cao một chút cũng chả sao - đây chẳng phải chuyên trèo cây mà sợ ngã. Có ghi ý nghĩa của mình năm ba dòng, có chép đôi câu, một vài trang chỗ thấm thía cũng hay, còn không cũng vẫn có ích. Nhiều nhà văn nước ta có được học bao nhiêu ở nhà trường, họ chỉ nhờ đọc mà trở nên uyên bác. Quan trọng là phải làm được như loài ong: trăm hoa nghìn phấn nhưng cuối cùng là mật là sáp của ong. Ở tuổi các em, chưa ai đòi mật phải lít, sáp phải bánh, nhưng vẫn phải một dạng gì là mật là sáp. Ấy là phải biến những cái mình đọc thành cái chất của tâm hồn mình. Cái yêu phải ngày một nồng, cái ghét phải ngày một sôi, cái đẹp tâm hồn phải hướng theo trời cao biển rộng, cái quyết tâm phải học cái chất của đá, cái nhạy cảm phải nhanh như dòng điện... còn cái hiểu biết văn thơ, hiểu biết cuộc đời, thiên nhiên thì cứ đi cái tốc độ kiên nhẫn của con kiến.

Làm nên văn chương đâu chỉ có văn chương. Chất liệu làm nên văn thơ là cuộc sống. Cuộc sống của thiên nhiên và cuộc sống cảu con người. Một cảnh đẹp của đất nước, một cảnh sinh hoạt của nhân dân làm ta cảm động, một hành động quí của bạn ta, một gương tốt của cha anh ta, một lời hát, một lời than, nỗi đau xót của mẹ ta... đều là nguồn gốc của văn chương. Chất liệu cuộc đời ấy, không ai đòi các em phải trải qua nhiều. Nhưng một lần gặp cảnh đẹp, một trang báo tả đất nước quê hương, một lần chứng kiến, một lần lắng nghe tiếng nói của cuộc sống... tất cả đều là của cải quý để làm văn, hiểu thơ. Chưa chín, chưa sâu, nhưng lại hồn nhiên, trong suốt như gương nên thường là đáng tin cậy, vì phản ảnh đúng cuộc đời.

Làm nên văn thơ còn là các nghệ thuật có liên quan. Trong thơ văn có cả hoạ, nhạc, có khi có cả điêu khắc. Người làm thơ văn có thể không biết vẽ, biết đàn, nhưng có con mắt của hoạ sĩ, có lỗ tai của nhạc sĩ. Các em nếu được học vẽ, học nhạc đó là điều rất quý. Các nghệ thuật rất dễ thông cảm nhau. Mấy

câu Nguyễn Du tả mùa xuân trong *Truyện Kiều* là thơ mà cũng là tranh. Nguyễn Du tả tiếng đàn của Kiều là làm thơ mà cũng là viết nhạc. Không bảo các em phải là nhạc sĩ, hoạ sĩ – được vậy mà giỏi văn chương càng hay – nhưng biết cái đẹp của một chiếc lá tơ non, biết cái êm dịu của một thoáng gió hiu hiu, cái ngân dài của một giọng hò...các em thấy văn thơ hay thêm biết mấy.

Vốn sống – tức vốn hiểu biết cuộc đời, - vốn nghệ thuật, vốn kiến thức văn hoá nói chung, vốn văn học ấy, các em sẽ bồi đắp văn hoá nói chung, vốn văn học ấy, các em sẽ bồi đắp dần cho mình, suốt đời. Để làm thơ văn chăng? Chưa hẳn. Nhưng chắc chắn là để làm một con người xứng đáng, làm người có văn hoá, làm người con của đất nước Việt Nam nhiều đau thương và cũng giàu tin tưởng, và hiểu biết văn thơ, biết viết một trang văn tốt, và học giỏi văn.

Tất nhiên trên đời không ai đợi ai giàu có mới tạo một chỗ ở. Hiểu được văn thơ hay từ lúc còn nằm trong bụng mẹ. Nghe mẹ ru mà ngủ, không phải là một dạng của "cảm", của thích thú đó sao? Đó là dạng cảm tính. Còn cũng cái "cảm", cái "thích thú" ấy mà học, mà luyện, thì phải có phương hướng, lí lẽ nhưng ở tuổi nhỏ, chưa có thể hoàn toàn trông cậy vào trí tuệ, mà còn dựa mạnh vào chất hồn nhiên của cảm nhận, cái mà người ta gọi là trực cảm. Trực cảm đòi hỏi chút ít lí lẽ, hiểu biết, vừa đủ, còn thì dành cho nghiền ngẫm, nghiền ngẫm rất lâu, trở đi trở lại, nhiều lần lắng nghe bằng trái tim mình, cái hay, cái sức mạnh của nó có thể xuyên thủng thời gian hàng nghìn năm để đến với mình là cái gì, chỗ nào. Được như vậy, gọi là rèn luyện, cái cảm thụ văn học. Cảm thụ tốt mới có văn thơ hay. Thấy văn thơ hay mới ham thích. Ham thích mới chịu học. Chịu học, chịu rèn mới giỏi văn.

Làm sao rèn được cảm thụ? Có khó không? – Không khó, nhưng phải lâu, từng tí một, như kiểu con kiến tha mồ. Muốn thành kim phải mài sắt. Đi từ một cách nói dân gian, nghe quen thành như mòn, nhưng kì thực lại rất lạ, rất tài: mặt trời cũng mọc như một thứ cây, lặn như con cá; đường ngọt mà rét cũng ngọt; nắng đổ lửa, mưa như trút (nước), nói dai như giẻ rách... đến một câu ca dao rất quen, ai cũng cho là hay nhưng mình phải tìm cho ra cái hay đó, như câu *"Hỡi cô tát nước bên đàng..."* hoặc *"chiều chiều ra đứng ngõ sau."* Đến một câu thơ, một đoạn văn xưa hoặc nay nổi tiếng và mình phải chỉ cho được cái hay trong đó... Muốn đi tới đó, phải hiểu chữ nghĩa, hiểu hoàn cảnh làm ra thơ văn, rồi một cách hay nhất, có hiệu lực nhất là đọc, đọc diễn cảm càng tốt, đọc đi đọc lại, lắng nghe như trên kia có nói, nung nấu trong lòng, rồi bỗng dưng một hôm thấy bật ra cái bí mật thơ văn chất chứa trong chiều sâu, đằng sau chữ nghĩa, cái hay, cái sức mạnh thầm kín, kì diệu của nó. Cố nhiên, có khi, cái đó cao hơn sức mạnh. Lúc đó, phải nghe thầy, hỏi bạn, đọc sách bình thơ văn.

Cảm thụ được cái hay, cần phải tập nói, tập viết cho ra được cái hay đó. Lại một tầng phấn đấu khác. Bây giờ thì cần có lời văn. Cần vốn tiếng Việt để lựa chọn từ ngữ cho thật thoả đáng. Cần cách suy nghĩ sáng sủa để nói cho người dễ hiểu. Cần chút hình ảnh đôi lúc, cho lời đẹp, ý vị, nhưng không ham, thành rườm rà, cầu kì. Không cứ viết nhiều. Cảm được một cái hay, cố diễn nó ra một vài dòng, ngắn, gọn nhưng mình cho là đủ nói được cái hay kia. Không cần dài. Luyện tập là như vậy. Mở rộng ra, cũng cách viết như thế, em dùng để miêu tả một chòm cây, một ánh nắng, một góc đường, một nét mặt, một dáng đi...một

cảm nhận nào đó trước cuộc đời mà em thích hoặc làm em xúc động. Như vậy khác với viết nhật ký. Đây là luyện tập văn chương thật sự. Nếu đọc sách mà ghi lại được các mẫu văn hay, học cách viết của nhà văn để biến hoá thành của mình, thì càng hay. Không ai chỉ mới làm bài tập làm văn của nhà trường mà viết văn tốt cả. Phải viết nhiều, đúng hơn, phải tập nhiều, tập như vừa nói. Cũng có thể viết bài nọ, bài kia, bài báo tường, bài phát thanh, bài trình bày ở một buổi thảo luận, nhưng không sao thiếu được sự tập luyện kia. Mài sắt thành kim, mà cũng thành văn.

Các em ạ! Trên đây tôi kể cho các em nghe một số điều đáng thực hiện để đi tới cái đích giỏi văn. Không đủ đâu, nhưng kinh nghiệm riêng tôi, đó là những điều thiết yếu. Đó là những điều mà nhà văn, các người có giọng văn của mình đều trải qua. Tôi không kể trực tiếp cái tôi đã làm. Nhưng tất cả những điều trên đây, đối với tôi, đã thành thói quen từ thuở nhỏ. Nó đã giúp tôi trở thành tôi hiện nay. Nó như là một hướng đi, một con đường không thể khác được. Có thể nói nó như là một quy luật. Cũng như muốn có hơi nước thì phải có nước và nhiệt vậy.

Tôi đinh ninh như trên nên xin nhờ sách này gửi tới các em. Mong rằng nó sẽ có ích. Không phải chỉ để học giỏi văn rồi đi thi chiếm giải mà để làm một con người có tâm hồn tốt đẹp.

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng Hai 1988

GS.LÊ TRÍ VIỄN

(Trích Tài liệu bồi dưỡng học sinh giỏi văn cấp 2 _của Nguyễn Thị Kim Thanh Sở Giáo dục TP HCM 1988)

HỒI KÍ TÔI ĐI HỌC

(Chú thích: Tác giả Nguyễn Ngọc Kí thuở ấu thơ bị sốt tê liệt, hai tay không cử động được, vẫn phấn đấu học tập để trở thành nhà giáo nhân dân. Hiện thầy vẫn đang sống tại quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh)

Mãi đến khi bố tôi đã gần năm mươi, mẹ tôi mới sinh được tôi là người con trai duy nhất. (Trước tôi chỉ có ba chị gái) Bố thương yêu, nâng niu chăm sóc tôi, mong một ngày kia tôi sẽ nên người. Có ngờ đâu tôi bị bệnh và hỏng cả hai tay.

Đêm nằm, bố thường ôm tôi vào ngực, vuốt nhẹ tóc tôi, nâng tay tôi lên, hôn hít nghẹn ngào nói: thật ông trời không có mắt con ạ. Người ta có năm có mười thì tốt, mình có một thì trời lại bắt tội.

Nói đến đây, tiếng bố tôi nhỏ dần và ngừng hẳn. Chắc bố tôi khóc. Rồi bố tôi lại ôm chặt tôi hơn, nói tiếp, giọng nghẹn lại:

Sau này thầy mẹ chết đi, con biết làm gì để sống!

Hai năm đã trôi qua. Cũng hai năm ấy biết bao đồn bốt giặc ở quê tôi đã bị quân ta san phẳng. Làng quê được giải phóng trở nên đông vui, nhộn nhịp lạ thường. Bà con trong làng tấp nập gọi nhau ra đồng cày cấy. Các lớp bình dân học vụ được mở khắp nơi. Một lớp vỡ lòng mọc lên trong xóm. Trẻ con nô nức kéo nhau đến lớp, đông vui như ngày hội. Bằng, Tam, Oánh đã đến lớp rồi. Cả Thủy bị thương ở đầu gối, chân phải đi khập khiễng, mà sáng nay cũng diện một chiếc áo

hoa màu tím lấm chấm những đốm sao trắng, tay cầm một quyển vở bìa đỏ chói, tấp tươi đến lớp học. Thôi thế là hết. Từ mai biết chơi với đứa nào được nữa.

Ở nhà, cứ mỗi lần nghe chúng nó ríu rít rủ nhau đến lớp là tôi lại nao nao như thèm muốn một cái gì. Tôi bứt rứt khó chịu quá, không thể nào thu mình mãi ở nhà được nữa, liền chạy ra ngõ ngắm bọn trẻ đi học.

Chiều ấy, đợi bọn trẻ cắp sách đi hết, tôi đánh liều, men theo con đường mòn lần đến lớp học. Tôi đến bên tấm liếp che ngoài cửa. Qua kẽ nứa, tôi nheo mắt nhìn vào. Cô Cương đang viết viết cái gì lên bảng. Tôi cố đảo mắt tìm Bằng. Ở, kia rồi, Bằng ngồi ngay ở mép bàn thứ nhất, bên cạnh nó là Oánh. Đứng nhìn một lúc, thấy bọn trẻ đã rục rịch ra chơi, tôi vội vàng lủi đi.

Chiều hôm sau, tôi lại lần đến lớp. Lần này tôi bạo hơn, chẳng thèm thập thò ở kẻ liếp nữa. Tôi men đến đứng ngó thẳng vào bàn cô giáo ngay trước cửa ra vào. Thấy cô giáo bước ra, tôi sợ quá,liền quay ngoắt tránh ra sau lớp. Một lát sau, tôi lại quay vào đứng lấp ló ở cửa. Bọn trẻ đọc "O" tôi cũng chúm môi nhẩm chữ ấy. Mải mê quá, tôi bước chân ngay vào lớp từ lúc nào không biết. Tôi giật thót mình khi cô Cương đã tiến sát. Cô cầm lấy cánh tay tôi, dịu dàng nói:

- Em về nhà chơi, cho các bạn học nhé!

Tôi ngơ ngác nhìn cô rồi cúi xuống im lặng. Một lát sau tôi đánh liều hỏi:

- Thưa cô... em xin học có được không ạ?

Tôi nói nhỏ quá, chắc cô nghe chưa rõ. Cô liền cúi xuống hỏi lại:

- Hả, em nói gì?

- Dạ, em muốn vào .... học.

Cô Cương ngẩng lên, thở nhẹ, rồi cúi xuống nâng nâng đôi tay mềm nhũn của tôi lên:

- Thôi nhé, em về nhà chơi, vài năm nữa cô sẽ nhận em vào lớp.

Khi cô Cương nói đến đây không hiểu sao tôi bỗng òa lên khóc. Tôi khóc to lắm, dường như vừa bị ai đánh vậy.

Cô Cương rút mùi soa lau nước mắt cho tôi và dẫn tôi ra ngõ.

Về nhà mẹ hỏi vì sao khóc, tôi chỉ lặng thinh. Bọn trẻ theo tôi từ lớp về, vội mách:

- Nó vào lớp học xem. Cô giáo không cho xem nên nó khóc đấy!

Mẹ tôi lại hỏi:

- Vậy cô giáo có đánh con không?

Bọn trẻ tiếp luôn:

- Không, cô giáo không đánh. Cô giáo chỉ dẫn nó ra thôi.

- Vậy lặng đi rồi mẹ lấy chuối cho.

Không chịu lặng, tôi vẫn vừa khóc vừa nói:

- Ứ, con học cơ.

Bọn trẻ hiểu ý tôi, liền nói rõ cho mẹ tôi biết. Mẹ tôi ngọt ngào nói:

- Ừ, vậy tối về mẹ bảo bố con sang nói với cô Cương cho.

Quả thật tối hôm ấy mẹ tôi đã nói với bố về việc xin cho tôi đi học. Bố thở dài, lắc đầu:

- Nhưng tay con nó như thế thì học với hành gì được!

- Được, ông cứ xin cho nó đi đi, không nó lại ăn vạ đấy! Bạn bè nó, đứa nào cũng đến lớp cả rồi, còn mình nó ở nhà chơi với ai được. Thôi, ông cứ đến nói với cô Cương xin cho nó đến lớp, rồi nó muốn học được chữ nào thì học, nếu không nó cũng có bầu, có bạn để chơi cho đỡ buồn.

Bố tôi bế xốc tôi lên vai nựng khẽ:

- Ừ, bố cũng biết thế, nhưng tay của con thế này, đi học viết làm sao được mà đòi. Thôi chịu khó ở nhà coi nhà và giúp bố đuổi gà kẻo chúng nó *"làm cỏ"* cả vườn rau cải kia mất. Rồi con muốn gì bố sẽ bảo mẹ mua cho.

- Ứ, không đâu! - Tôi lắc người, dụi mặt vào vai bố tôi, nói dỗi.

Chị tôi cũng nói chen vào:

- Em nó thích học, bố cứ để em đi. Cả làng giờ có ai là người không đi học đâu. Ngay như bà Hoàng đã gần sáu mươi tuổi mà vẫn còn đi học nữa là nó. Với lại lớp học bây giờ người ta mở ngay ở nhà ông Bắc chứ có xa xôi như ngày xưa đâu. Thôi, tối nay bố cứ đến nói với cô Cương đi, rồi sáng mai con sẽ dẫn em tới lớp cho.

Bố tôi im lặng không nói gì nữa.

Sáng hôm sau, khi chị tôi đang sắm sửa sách vở để dẫn tôi đến lớp thì bỗng nghe ngoài sân có tiếng chó sủa. Cô Cương, tay cầm một quyển vở, một chiếc thước dài bước vào cửa:

- Chào cô!

Cả nhà tôi niềm nở chào cô Cương. Còn tôi thì khép nép đứng lấp sau cánh cửa.

- Đâu, em Ký đâu rồi? Cô Cương ngạc nhiên hỏi. Chị tôi đến cầm tay, dắt tôi ra trước mặt cô Cương. Tôi bẽn lẽn ngẩng nhìn cô rồi cúi xuống im lặng.

- Em nó đây, cô ạ. Mấy hôm nay nó nằng nặc xin đến lớp của cô đấy. Em đang chuẩn bị dẫn nó đến lớp bây giờ đây. Chị tôi nói.

- Vâng. Em nó có đến xin tôi cho vào học. Nhưng thấy tay của em như vậy, tôi ái ngại khuyên em về nhà chơi. Tối qua, nghe bác đến nói em nó lại đòi đi học. Em nó đã muốn vậy, ta cứ để em đi. Chị ở nhà làm việc khác, tôi đưa Ký đến lớp kẻo các em chờ.

Tiễn cô Cương ra ngõ, mẹ tôi chặc lưỡi nói:

- Vâng, vậy nhờ cô nhận em nó vào học. Chắc nó cũng chẳng viết lách gì được đâu. Nhưng nó thích thì cứ để cho nó học.

Được đến lớp học, tôi sung sướng hả hê lắm. Tôi được cô Cương xếp ngồi ngay cạnh Bằng. Ngày ngày, Bằng bỏ sách vào túi dết của tôi rồi mang theo. Hai chúng tôi thân thiết như đôi chim nhỏ. Mỗi khi có đứa nào định trêu tôi là Bằng bênh ngay. Khuyên bảo chúng không được thì Bằng mách cô giáo.

Bằng lớn hơn tôi một tuổi. Nhưng lại thấp hơn tôi một chỏm đầu. Nhà Bằng chỉ cách nhà tôi một vườn dong riềng nhỏ và một bụi tre hóp gai cao quá đầu người lớn một ít. Mỗi lần sang chơi nhà nhau, chúng tôi chẳng bao giờ chịu đi lối ngõ. Cả hai đều chui bụi tre, luồn qua vườn là đến nhà nhau.

Từ ngày đi học, tối nào về nhà tôi cũng được chị tôi dạy thêm. Chị viết phấn ra bảng rồi cặn kẽ ôn cho tôi từng chữ một. Thấm thoát chẳng bao lâu tôi đã nhận được mặt chữ. Những bạn cùng học với tôi đã biết viết. Bằng đã viết buông được rồi. Chữ nó đẹp lắm, vừa ngay ngắn, vừa thẳng dòng. Tôi cứ tròn mắt ngắm mãi không ngán. Tôi không dám mơ tưởng đến một ngày mình tự viết được những giòng chữ như vậy. Nhưng sao trong lòng tôi vẫn thoáng hiện lên một nỗi ước ao thầm kín.

Mỗi khi cô giáo đưa quyển vở chép bài cho là tôi lại tủi tủi: Mình cũng đi học như chúng nó, sao chúng nó tự chép được bài học mà mình thì cứ mãi mãi phải nhờ cô giáo....

Đã sang đông. Bầu *trời vẩn đục những đám mây tro xám. Mấy con diều hâu dang cánh thi nhau "xây giếng"*. Dăm bảy lá bàng đỏ xạc xào rơi xuống đường.

Như mọi chiều, hôm nay đi học về tôi vẫn mỏng manh trong chiếc áo lụa bạc màu. Bọn chúng nó sợ rét đã vội vàng chạy trước. Bằng vừa chạy vừa gọi. Tôi không nghe thấy gì, vẫn thong thả từng bước mải mê suy nghĩ: " Mình phải tập viết...." Nhưng viết bằng cách nào đây? Nghĩ mãi tôi vẫn bí. Chợt thấy mấy cành bù cu xòe ra trên đường, để ý nhìn, thấy trên lá của nó chằng chịt những vân vẽ rất tinh vi, tôi liền hỏi cô giáo:

- Ai viết cái gì lên lá này thế cô?

- Không ai viết đâu. Con chim gáy nó vẽ đấy em ạ.

- Thế nó lấy gì mà vẽ được hả cô?

Cô đưa tay ngắt mấy lá lên nhìn:

- Ờ! Nó chỉ lấy mỏ để vẽ mà đẹp quá, em nhỉ!

Nghe cô giáo nói, tôi vụt nảy ra một ý nghĩ. Suýt nữa tôi reo to: "Ồ, mình cũng sẽ dùng miệng để viết". Ý nghĩ ấy cứ bám riết lấy tôi. Mê mải quá đến nỗi về đến ngõ, tôi quên cả chào cô giáo.

Đêm ấy tôi nằm suy nghĩ: "Nếu mình viết bằng miệng thì ngậm bút thế nào được? Chúng nó viết tay thì tay tì sách, tay cầm bút. Còn mình biết lấy gì mà tì sách được? Thôi thế thì không thể viết bằng miệng được rồi. Tôi đang định nghĩ xem còn cách nào để tập viết nữa nhưng hai mí mắt đã nặng trĩu. Trên cánh tay ấm áp của mẹ, tôi thiếp đi từ lúc nào không biết.

Như mọi ngày, sáng nay tôi lại đến nhà Bằng chơi. Được một lúc, Oánh ở đâu chạy tới. Oánh cầm một chiếc bút chì đen giơ lên, reo lớn:

- "A ha ha, tớ có chiếc bút chì này, cậu nào xin, tớ cho"

- Ồ, cho tớ nhé! - Tôi hối hả nói.

Bằng hỏi luôn:

- Ký xin bút chì làm gì?

- Xin làm cái này!

- Ừ! Thôi đưa cho Ký, Oánh ạ. Bằng có bút chì rồi.

Bằng nói có vẻ độ lượng lắm. Không ngần ngừ gì nữa, Oánh liền cầm chiếc bút chì bỏ vào túi cho tôi.

Thế là có bút rồi. Sướng quá, tôi chạy băng về nhà.

ABC

Tôi dùng mồm viết thử. Vừa ngậm chiếc bút chì gạch lên trên trang sách, bỗng tôi thấy mắt lóa, không thể nào tập viết bằng miệng được.

Ngoài sân, mấy chú gà con đang liếp nhiếp theo mẹ đi ăn, chúng nó lấy chân bới rác tìm mồi. Tôi bỗng vụt nghĩ: " *Hay mình cũng dùng chân để viết?"*

Tôi đắn đo mãi rồi quyết định cứ viết thử xem sao.

Chiếc bút nhỏ quá, tôi vừa cố mở ngón chan cái và ngón trỏ cặp lấy, chưa kịp viết bút đã rơi ngay xuống. Mấy lần như vậy, bực quá tôi liền đá bút chì vào xó nhà rồi đi chơi.

Mấy hôm sau, thấy nhơ nhớ tiếng tiếc, tôi lại tập viết. Lần này không viết bằng bút nữa, tôi dùng gạch non viết xuống sân. Có ngày cả chiếc sân đỏ lòe loẹt. Đó là những nét chữ đầu tiên của tôi. Thực ra nào có thành chữ. Đó chỉ là những vết dọc ngang chẳng khác gì vết chân gà bới. Thầy tôi đi làm đồng về liền mắng:

- Sao con lại vẽ bậy ra sân như thế này Ký?

Tôi sợ, bỏ chạy sang nhà Bằng. Khi trở về thấy mặt sân đã sạch. Hỏi chị tôi, tôi mới rõ bố đã múc nước rửa sân từ lúc nãy.

Ít ngày sau, quen chân dần tôi nghĩ cách tập viết lại bằng bút chì. Có viết bằng bút mới chép bài được chứ. Chẳng nhẽ khi các bạn ngồi trong lớp viết bài vào vở, mình lại ra giữa trời lấy gạch viết xuống sân ư? Tôi tìm lại chiếc bút hom nào đã đá đi. Tìm nháo khắp nhà, chẳng thấy tăm hơi. Bực mình quá, tôi chực khóc. Bỗng ngoài sân có tiếng động. Bằng, tay cầm vở, tay cầm lọ mực, xăm xăm bước vào....Tôi đang định nói với Bằng điều đó thì bất chợt cô Cương đến. Tôi sợ quá, toan lủi vào buồng. Nhưng không kịp rồi.....

...Cô nghiêm giọng hỏi tôi:

- Bây giờ cô hỏi em, em nói thật nhé! Có phải em đang tập viết bằng chân không?

"Ơ, sao cô giáo lại biết nhỉ". Tôi vừa ngạc nhiên nghĩ thầm. Tôi đã nói với ai về việc này đâu. Ngay cả bố mẹ tôi cũng chưa biết kia mà. Tôi sợ nói ra, người ta sẽ cười cho đến xấu hổ, vì có ai lại đi viết bằng chân bao giờ. Chà, lại Bằng đi nói với cô giáo chứ còn ai khác. Biết không thể chối được tôi đáp:

- Thưa cô, vâng ạ.

- Thế sao em không nói với cô?

Nói xong, cô rút trong túi ra một cái bút chì xanh đỏ và quyển vở, âu yếm nhìn tôi mỉm cười:

- Đây, cô cho em cái bút chì và quyển vở để em tập viết.

....Nhiều lúc tôi lấy hết sức cặp thật chặt bút chì, cố nắn nót từng nét một, thì cũng nhiều lúc tôi bị chuột rút, co quắp cả ngón chân. Tôi quẳng cả sách lẫn bút nằm lăn ra phản. Bằng vội chạy đến đỡ dậy. Hai đứa nhìn nhau, nửa buồn cười nửa muốn khóc... Mấy bác hàng xóm cũng can tôi:

- *"Tập như thế làm gì cho vất vả hả cháu. Người ta tập viết bằng tay mà còn khó mới viết được, huống hồ cháu tập bằng chân. Rồi có đến cóc kêu rêu mọc cũng chẳng thành đâu cháu ạ"*.

Quả thật lúc này tôi bắt đầu thấy nản. Một tháng rồi mà chữ nghĩa đã ra nét ra dòng gì đâu. Nhưng một hôm, cô Cương lại đến nhà tôi, cho tôi một quyển vở nữa và khuyên:

- Đừng có nản em ạ. Phải chịu khó mới được. "*Có công mài sắt, có ngày nên kim*" chứ em. Liệu chiếc bút chì ấy tập có dễ không, nếu không cô mua cho chiếc bút chì khác. Cô còn bảo tôi nên tập những chữ dễ như chữ *i*, chữ *o*, sau mới tập đến chữ khó như chữ *h, k* ....Sau một thời gian ngắn, quả thật tôi đã khoanh tròn được chữ o.Sau đấy là chữ i, chữ t cũng viết được. Cuối cùng tôi tập đến mấy chữ *b, g, h, k*. Khó nhất có lẽ là chữ *k* đấy. Tôi tập đi tập lại bao nhiêu lần mà vẫn chưa được. Nhiều lúc bực đến phát khóc. Hay mình bỏ quách chữ này, không tập nữa! Không viết được một chữ cũng chẳng sao. Nhưng thật là oái oăm, chữ *k* lại cần thiết để viết chữ *"Ký"*. Mọi chữ đã viết được cả rồi, riêng tên mình không viết được ư?

Nghĩ thế nên tôi lại miệt mài tập.

Mùa đông trôi qua, cây xoan trước nhà đả nảy lộc. Chiều nay trên đường đến lớp lòng tôi rộn ràng ấm áp hẳn lên. Nghe một tiếng chim hót, nhìn một cánh hoa cỏ rung rinh tôi cũng thấy như có gì thân thiết vui nhộn hơn mọi ngày. Nghĩ đến buổi học hôm nay, lần đầu tiên mình tự chép được bài, tôi mừng vui phấn chấn lạ thường....

Đến lớp, cô Cương tìm một manh chiếu trải ngay trước bàn thứ nhất cho tôi ngồi viết. Nhưng lạ quá! Sao tôi không giữ được bình tĩnh như lúc ngồi viết ở nhà. Chân tôi cứ run run gượng gượng. Các bạn ngồi bàn gần đấy chốc chốc lại nghển nhìn, càng làm cho tôi hồi hộp.

Bài tập chép đầu tiên của tôi hôm ấy được cô Cương cho điểm năm. Quyển vở chưa kịp rời tay cô, các bạn đã giằng nhau để xem. Những bài tập chép lần sau, tôi đã đạt được điểm tám, rồi điểm mười.

(Lược trích tự truyện ***Tôi đi học***, chương I của Nhà giáo ***Nguyễn Ngọc Ký,*** NXB Kim Đồng 1998)

HỒI KÍ CỦA VUA HỀ SẠC LÔ (Charplin)

Năm 1909 tôi đến Ba Lê lần đầu. Ông Brunell, chủ rạp Folies Bergères mời đoàn Karno đến hát một tháng. Tôi sung sướng đến điên người. Nước Pháp từ lâu là xứ mơ ước của tôi. Cha tôi mang dòng máu Pháp và dòng dõi Chaplin vốn gốc gác ở nước Pháp.

Chúng tôi phải đi ngay vào buổi sáng chủ nhật, nhưng tôi suýt bị trễ tàu, phải chạy một hồi mới bám được lên toa hàng cuối cùng. Hồi ấy tôi hay có tật trễ tàu.

Đến Ba Lê tối hôm đó, chúng tôi được rảnh để đi thăm rạp Folies Bergères là nơi chúng tôi sắp tới trình diễn. Từ trước tới giờ tôi chưa thấy rạp hát nào trang hoàng sáng lạn đến thế với những ánh đèn phản chiếu trên các tấm kính, trong những quả bóng pha lê to lớn. Khán giả gồm những thành phần giàu sang, quý phái. Rạp này có những người nói được nhiều thứ tiếng, chuyên môn hành nghề thông dịch và gắn chữ màu trên mũ của họ.

Những khi sau phần trình diễn của mình, tôi giữ nguyên bộ y phục trình diễn và đi lẫn lộn vào trong khán giả. Tôi nhờ người thông dịch ghi cho tôi mấy câu làm quen như *"Tôi mến cô", "Tôi yêu cô từ khi mới gặp"* bằng tiếng Pháp để sử dụng với những người đẹp.

Trước khi đi Ba Lê, tôi được biết rằng đoàn của Hetty đang trình diễn tại Folies Bergères nên tôi mong gặp lại nàng. Tối hôm vừa đến tôi liền ra sau hậu trường dò hỏi mới hay có một cô gái đã rời đoàn hát đi Mát-xcơ-va.

Đáng lẽ chúng tôi còn lưu lại Pháp đến mười tuần lễ nhưng ông Karno còn có hợp đồng với những nơi khác. Tiền công của tôi lúc đó là sáu bảng Anh một tuần, tôi tiêu hết sạch.

Trở lại Anh quốc được 6 tháng, tôi sắp quay về với nếp sống cũ thì có nguồn tin từ Luân Đôn đến làm cho đời tôi được thêm sôi động. Ông Karno cho biết rằng tôi sắp phải thay Harry Weldon vào mùa tới trong tuồng *"Đá bóng"*. Tôi có cảm tưởng bình minh đời tôi ló dạng. Đây là cơ hội may mắn cho tôi. Tuy rằng lâu nay tôi đã thành công trong nhiều vở tuồng của đoàn nhưng chỉ toàn là những thắng lợi nhỏ so với vai chính mà tôi sắp giữ trong tuồng *"Đá bóng"*. Ngoài ra chúng tôi sẽ đến Oxford, là rạp lớn nhất Luân Đôn. Chúng tôi phải thu hút nhiều khán giả và lần đầu tiên tôi được viết chữ lớn trên đầu bích chương quảng cáo. Đây là bước tiến quan trọng. Nếu thành công ở Oxford, tôi sẽ trở thành tài tử có hạng và có thể đòi thù lao thật cao. Sau nữa, tôi có thể tự diễn xuất những vở do chính tôi viết. Thật vậy, cơ hội này đưa tôi lên những dự tính huy hoàng hơn nhiều.

Nhưng hôm trình diễn ra mắt tôi bị đau cuống họng, tôi cố hết sức lấy lại tiếng nói, nhưng chỉ nghe được khàn khàn mà thôi. Nỗi lo lắng làm cho tôi như người mất hồn và tôi không còn khả năng hài hước cần thiết cho vai trò mình.

Tối hôm đó tôi ráng nói gần đứt hơi mà chẳng mấy ai nghe được tiếng nào. Liền sau đó ông Karno đến gặp tôi, với sự thất vọng cùng sự rẻ rúng.

- *Chẳng ai nghe được cậu nói gì cả.* Ông nói với giọng trách móc.

Tôi đoán chắc với ông là ngày mai giọng tôi sẽ tốt hơn. Nhưng hôm sau cũng chẳng hơn gì hôm trước. Thật thế, tôi đã cố gào quá nhiều nên giọng gần như hỏng mất. Tối hôm sau nữa, người ta phải để vai lót thay thế cho tôi, khiến cho cuối tuần lễ đó là phải dọn gánh mà đi nơi khác. Thất vọng, tôi còn bị liệt giường vì bệnh cúm.

Ông Karno cho tôi trở về với vai tuồng cũ. Mỉa mai thay, một tháng sau thì tôi hết khan tiếng. Dù rất thất vọng sau lần trình diễn vở tuồng *"Đá bóng"* tôi vẫn không chịu ngủ gục ở đó. Tuy nhiên tôi bị ám ảnh bởi ý tưởng rằng tôi không có đủ tầm vóc thay thế Harry Weldon. Sau nữa vẫn còn lảng vảng bóng ma của cơn thất bại ở Forester. Vì chưa lấy lại được sự vững tâm hoàn toàn nên mỗi lần tôi phải thủ vai chính trong một tuồng nào là cả một sự thử thách. Nhằm vào lúc này lại đến cái ngày đáng lo là tôi phải báo cho ông Karno biết rằng giao kèo mãn hạn, và tôi xin được tăng lương.

Ông ta nở một nụ cười gay gắt:

- *Cậu đòi tăng lương, trong khi các rạp thì đòi bớt tiền.* (Ông ta nhún vai). ...

Từ hồi mất mặt ở Oxford chúng tôi bị thất bại hoài. Họ bảo đoàn hát không đủ khả năng, đoàn hát chưa được thuần thục, đang còn rời rạc....Đây này, (ông nhấc điện thoại lên) để tôi hỏi lão Stan đoàn Bermonsey, rồi cậu nghe xem...Rồi ông hỏi tiếp:

- *Bác thấy tài tử Chaplin thế nào? Không hay à?*

- *Hắn thực là quá tệ*. Giọng nói đáp.

Ông Karno cầm điện thoại đưa cho tôi:

- *Cậu nghe lấy đi!*

Tôi cầm ống nghe, nói lớn:

- *Có lẽ hắn tệ thực, nhưng chưa tệ bằng nửa cái sân khấu buồn nôn của ông đâu!...*"

....

Từ khi thất bại ê chề ở Oxford, tôi mơ ước được lưu diễn thật xa như tận châu Mỹ, không những vì đó là cuộc phiêu lưu kì thú, mà còn là dịp để tôi lấy lại hy vọng làm một bước khởi đầu khác.

May thay tuồng "*Trượt Patin*" là một trong những tuồng mới tôi thủ vai chính thành công rất lớn ở Birmingham. Khi ông Reeves đến tìm đoàn chúng tôi ở đó, tôi đã trổ tài diễn xuất tài tình, khiến ông vội đánh điện ngay cho ông Karno là tìm được diễn viên để đi Hoa kì. Nhưng ông Karno cũng đang có chương trình khác với tôi. Nguồn tin bất trắc này làm tôi lo lắng một thời gian cho đến khi ông chọn được một tuồng mang tên Hou-Hou. Đây là một tuồng xoàng xĩnh ngô nghê, nhưng ông cho rằng hợp với châu Mỹ, và sung sướng thay ông quyết định chọn tôi thủ vai chính trong tuồng Hou-Hou để qua châu Mỹ trình diễn.

Việc đi sang Mỹ là một điều rất cần thiết cho tôi. Vì tôi có cảm tưởng rằng ở Anh tôi đã chạm phải ranh giới, khả năng tôi bị giới hạn quá nhiều. Với sức học quá sơ sài như tôi, nếu không thành công ở trên sân khấu thì chắc chỉ còn nước đi làm đầy tớ. Còn qua bên Mỹ, có nhiều triển vọng làm ăn khá hơn.

Đến Nữu Ước chúng tôi thuê một căn nhà để tập tuồng trong một tuần. Ở Mỹ, gánh Karno nổi tiếng lắm. Cho nên đoàn chúng tôi được quảng cáo giới thiệu thật rầm rộ. Và tuy ghét câu chuyện tuồng, tôi cũng cố gắng để cho buổi trình diễn thật xuất sắc. Tôi hy vọng tuồng này sẽ đúng loại tuồng hợp với châu Mỹ, theo lời ông Karno nói. Tôi không muốn dài dòng về sự căng thẳng, nỗi lo âu của tôi trước khi bước ra một sân khấu tối tân lần thứ nhất. Chưa kể những sự dòm ngó của các nghệ sĩ Châu Mỹ từ phía hậu trường.

Những câu pha trò của tôi gợi được vài cái cười mũi, rồi thôi. Tiếp theo là sự im lặng lạnh lùng ở phía khán giả cho đến hết tuồng. Trong khi nói những câu tuồng nhạt nhẽo, tôi nhận thấy những khuôn mặt dài ra của lớp khán giả. Vở tuồng này thật ngô nghê sống sượng và tôi cũng đã khuyên ông Karno đừng đem ra mắt. Chúng tôi còn nhiều vở hay hơn nhiều. Nhưng ông Karno vốn tính gàn bướng nên không nghe theo.

Có thể nói rằng sự thất bại ở ngoại quốc là điều rất dễ nản lòng. Tối nào cũng đến diễn trước một quần chúng lạnh lùng và nín lặng là cả một nỗi khó khăn. Chúng tôi bước vào hội trường rồi lại bước ra giống như những tên ăn trộm. Suốt sáu tuần lễ, chúng tôi chịu đựng nỗi nhục nhã đó. Các nghệ sĩ khác

lánh xa chúng tôi như lánh người cùi. Mỗi khi tụ tập ở trong hậu trường, trước khi bước ra sân khấu với vẻ sượng sùng é chề, chúng tôi thực có cảm tưởng sắp phải bước ra pháp trường.

Mặc dù đoàn hát thất bại, nhưng về phần tôi, tôi đã được những lời khen. Ký giả Sime Silverman của tờ Bách Khoa đã viết về tôi như sau: *"Ít ra ở trong bọn họ cũng có được một người Anh ngộ nghĩnh, hắn ta sẽ là một người khá đối với châu Mỹ"*.

Chúng tôi đã quyết định dọn vali trở về Anh trong vòng sáu tuần. Nhưng đến tuần lễ thứ ba, trong lúc chúng tôi trình diễn ở rạp Đại Lộ Thứ Năm, trước một công chúng phần đông là quản lí khách sạn và bồi phòng người Anh thì lạ thay, ngày trình diễn đầu tiên là một ngày thành công rực rỡ. Chúng tôi pha trò câu nào cũng được khán giả cười rộ. Tất cả mọi người trong đoàn đều lấy làm ngạc nhiên lắm vì chúng tôi cứ đinh ninh sẽ được tiếp đón bằng sự lạnh nhạt thường lệ. Tôi diễn trò thật dễ dàng, thoải mái, và kết quả rất tốt đẹp. Trong tuần lễ đó có một đại diện đến gặp chúng tôi thuê đi trình diễn sáu tháng liền tại miền Tây. Đây là miền có những rạp hát nhỏ và mỗi ngày chúng tôi phải trình diễn ba lần.

Tôi không thấy luyến tiếc lắm khi phải rời xa Hoa Kì vì tôi đã quyết định trở lại đây lần nữa. Nhưng trở lại như thế nào, và bao giờ trở lại thì chưa biết. Tuy nhiên tôi sung sướng nghĩ được gặp lại Luân Đôn. Từ khi sang Hoa Kì, Luân Đôn đã trở thành một nỗi hoài vọng thiêng liêng của tôi.

....Từ lâu không được tin tức gì của anh Sydney. Thư cuối cùng anh cho biết rằng có ông nội chúng tôi hiện ở tại nhà chúng tôi. Nhưng khi tôi đến Luân Đôn, Sydney ra đón tại ga và báo tin rằng anh đã bán nhà, cưới vợ và đang ở ngôi nhà thuê tại Brixton. Tôi trở thành kẻ không nhà. Tôi bèn thuê một phòng cũng ở Brixton. Nơi đây buồn quá khiến tôi quyết định quay lại châu Mỹ. Luân Đôn lúc này coi có vẻ thờ ơ lãnh đạm với tôi.

Vì Sydney đã có vợ và tối nào cũng đi làm nên tôi ít được gặp anh. Chỉ ngày chủ nhật cả hai chúng tôi cùng đến thăm mẹ.

Những hôm đó là những hôm khổ tâm cho chúng tôi vì mẹ tôi đang ở trong tình trạng rối lọan thần kinh và bị nhốt trong phòng kín. Sydney vào thăm, nhưng tôi không có can đảm bước vào, phải ngồi chờ đợi ở ngoài. Sydney kể lại tình trạng thê thảm của mẹ chúng tôi là do lối điều trị quá thô bạo cho nên chúng tôi quyết định đưa mẹ đến chữa một nhà thương tư vì bây giờ chúng tôi đã có đủ phương tiện đài thọ.

Từ Mỹ trở về, đoàn chúng tôi lại bắt đầu làm việc. Suốt mười bốn tuần lễ chúng tôi trình diễn trên những sân khấu ca nhạc chung quanh Luân Đôn. Chúng tôi rất được hoan nghênh, tán thưởng, tuy nhiên tôi vẫn không ngớt tự hỏi không biết bao giờ mình sẽ có dịp trở lại châu Mỹ. Tôi rất quý mến nước Anh, nhưng tôi không thể sống ở đó được, tôi có cái cảm tưởng khó chịu là mình bị rơi vào một thể loại thấp kém. Cho nên khi được tin đoàn chúng tôi lại được mướn đi lưu diễn ở Hoa Kì lần nữa, tôi thật vui mừng.

Lần này chúng tôi trở lại Nữu Ước trên chiếc tàu Olympic và ngồi hạng nhì. Tôi cảm thấy ở Hoa Kì như là ở nhà mình vậy: một người ngoại quốc ở giữa những người ngoại quốc, cùng có những vấn đề liên quan mật thiết với nhau.

Ngoài giờ trình diễn tôi khoái nằm nhà đọc những tác phẩm của Twain, Poe, Hawthorne, Irvin và Hazlitt. Trong chuyến lưu diễn thứ nhì ở châu Mỹ này, có lẽ tôi không hấp thụ được nhiều văn hóa cổ điển như tôi mong muốn, nhưng lại nhiều cay đắng của kiếp nghệ sĩ sân khấu.

Những chuyến trình diễn trong các sân khấu ca nhạc, tạp nham thật chán ngấy và ngột ngạt. Chúng tôi trình diễn lúc bù đến ba bốn xuất một ngày, và suốt bảy ngày một tuần. So với hồi ở Anh chỉ làm sáu ngày một tuần, và mỗi ngày chỉ có ba xuất thôi. Tuy nhiên niềm an ủi của chúng tôi là có thể dành được nhiều tiền.

Chúng tôi cứ mãi trình diễn trong những xó xỉnh liên miên như thế suốt năm tháng liền. Cuối cùng tôi đâm chán nản. Cho nên khi đi nghỉ phép một tuần, tôi mừng vô hạn. Từ lâu tôi vẫn ao ước một sự đổi thay, ước ao một chỗ nào khác. Tôi cần phải trút bỏ tông tích mình để làm con người khác. Đã quá chán chường nhịp điệu tầm thường của cái sân khấu ca nhạc hạng bét, tôi quyết định cho mình được sống một tuần lễ thật là thoải mái.

Tôi bèn đi mua áo quần, giày, mũ thật sang rồi đáp tàu đi Nữu Ước. Đến đây tôi thuê căn phòng khách sạn hạng lớn. Những sự cung phụng chiều đãi ở đây khiến tôi cảm động đến rơi nước mắt, nên tôi trả tiền trà nước cho bồi bếp rất hậu hĩ. Tối đến tôi vào hậu trường xem diễn tuồng và con người tôi trở nên đa cảm một cách quá đỗi dễ dàng. Nhưng tôi chỉ sống ở Nữu Ước có một ngày. Ngay sáng hôm sau, tôi phải quyết định trở lại Philadelphie. Dù một ngày ở Nữu Ước đã đem lại cho tôi sự đổi thay cần thiết, nhưng cũng khiến tôi cảm thấy cô độc quá nhiều. Giờ đây tôi cần đồng bạn. Tôi nóng lòng trông đợi buổi trình diễn vào sáng thứ hai sắp tới.

Và đến Philadelphie, tôi bước vào phòng của viên quản lí giữa lúc ông ta vừa nhận được một điện tín, đang mở ra đọc. Thấy tôi ông bảo:

- Không biết có phải điện tín nói về cậu không?

Điện tín ghi rằng: *"Xin cho biết trong đoàn quý ông có người nào tên Chaffin hay gần như thế. Stop. Nếu có, xin mời anh ta tiếp xúc với ông Kessel và ông Bauman ở biệt thự Longacre số 24 Broadway".*

Tôi rất xúc động và nôn nóng đến run người. Tôi đáp chuyến tàu sáng sớm hôm sau để đi Nữu Ước. Tôi không biết được việc gì đang chờ đợi tôi. Tôi nghĩ đến lúc mình sẽ vào ngồi trong một văn phòng luật sư và nghe đọc một chúc thư.

Tuy nhiên đến nơi tôi hơi thất vọng vì các ông Kessel và Bauman không phải là luật sư, mà là nhà sản xuất phim. Dù sao sự kiện này cũng là điều thích thú.

Ông Charles Kessel, một nghiệp chủ cửa hàng phim Keystone cho biết ông Mac Sennett, đại diện của hãng, đã từng xem tôi đóng vai say rượu tại một sân khấu ca nhạc, và nếu người đó đang thực là tôi thì ông ta sẽ mướn tôi để thay thế Ford Sterling. Tôi đã từng nuôi ý tưởng hoạt động phim ảnh, tôi cũng đã từng đề nghị hợp tác với ông Reeves là quản lí của đoàn để mua tất cả bản quyền các vở tuồng của Karno mà làm thành phim. Nhưng ông Reeves tỏ ý e dè, vì nói đúng ra chúng tôi không ai biết gì về việc đạo diễn một cuốn phim cả.

Ông Kessel hỏi tôi đã có xem cuốn phim vui nào của đoàn ông chưa. Cố nhiên là tôi đã xem rất nhiều và tôi bảo với ông rằng tôi thấy những sự khôi hài

đó tầm thường lắm. Tôi không ưa gì các vở tuồng của hãng Keystone, nhưng nó lại có giá trị quảng cáo rất lớn. Chỉ cần làm việc ở đây trong một thời gian là tôi có thể trở lại sân khấu ca nhạc như một tài tử quốc tế. Ngoài ra đây cũng là dịp sống cuộc đời mới trong khung cảnh dễ chịu hơn. Ông Kessel cho tôi biết điều kiện giao kèo là mười tuần lễ chỉ đóng phim có ba lần, với giá thù lao một trăm năm mươi đô la. Số tiền này gấp đôi thù lao tôi được lãnh ở đoàn Karno. Tuy nhiên tôi cũng giả bộ hứ há, và sau cùng tôi tuyên bố không thể làm việc dưới giá hai trăm đô la một tuần. Ông Kessel trả lời rằng điều đó sẽ tùy ông Sennett quyết định. Ông ta sẽ báo cho ông Mac Sennett hiện ở California hay và sẽ trả lời với tôi.

Tôi chờ điện tín của ông Kessel với nhiều lo âu. Phải chăng tôi đã đòi giá quá cao? Cuối cùng thư trả lời đến, cho hay rằng họ muốn ký giao kèo với tôi.

Tôi từ giã đoàn Karno ở Kansas City với nỗi lòng buồn bã. Rồi đây họ sẽ trở về Anh, còn tôi sẽ đến Los Angelès để theo con đường của tôi. Món quà chia tay mà một đồng nghiệp trong đoàn đã tặng cho tôi là một cái hộp đựng thuốc lá bọc giấy bạc, bên trong có mấy mẩu kem khô dùng hóa trang.

Tôi đến Los Angelès với nhiều nôn nao và lo lắng trong lòng. Tối hôm đầu tiên, chưa phải làm việc, tôi đến xem buổi trình diễn ở rạp Empress là nơ đoàn Karno từng lưu diễn. Người gác cửa nhận ra tôi. Lát sau bà ta đến cho hay rằng có ông Sennett và cô Mabel Normand đang ngồi sau tôi cách hai dãy ghế, và họ muốn hỏi xem tôi có muốn đến ngồi cạnh họ hay không. Tôi rất vui mừng và sau vài câu giới thiệu vắn tắt thì thầm, chúng tôi theo dõi vở tuồng. Xem xong, chúng tôi ra ngoài vào quán uống nước.

Ông Sennett rất ngạc nhiên thấy tôi hãy còn quá trẻ. Tôi thấy trong giọng ông có pha đôi chút lo ngại, vì tôi nhớ rằng tất cả diễn viên của ông đều là người có tuổi. Như Ford Sterling, người tôi sẽ phải thay thế, đã trên bốn mươi. Tôi bảo ông ta: “Ông muốn tuổi nào tôi có thể hóa trang thành tuổi ấy được”. Trái lại, cô Mabel Normand thì đầy vẻ tin tưởng. Dù có e dè về tôi, cô cũng không nói ra lời. Ông Sennett cho biết tôi không phải khởi sự làm việc ngay, tuy nhiên tôi nên đến phim trường để làm quen với mọi người.

Hôm đầu tôi đến phim trường nhằm lúc diễn viên còn mang nguyên đồ hóa trang kéo ra quán ăn gần đó dùng trưa, vừa đi vừa nói, kéo nhau ầm ĩ. Tôi bỗng đâm ra e ngại và tôi bỏ đi thật nhanh đến một góc đường chờ xem có ông Sennett hay cô Mabel bước ra không. Nhưng chẳng thấy họ đâu cả. Tôi đứng một lúc độ nửa giờ rồi về khách sạn. Ý tưởng bước vào phim trường để làm quen với tất cả những con người đó là việc mà tôi thấy mình không thể làm nổi. Suốt hai ngày liền tôi cứ lảng vảng trước cửa phim trường mà không dám vào. Ngày thứ ba ông Sennett gọi điện thoại hỏi sao tôi không đến, tôi viện lí do vu vơ. Ông bảo tôi phải đến ngay vì mọi người đang chờ đợi.

Lúc tôi đến, ông Sennett dẫn tôi vào phim trường. Tôi bị chói mắt vì luồng ánh sáng dịu dàng rọi khắp sân quay. Luồng ánh sáng này tỏa ra từ một tấm vải trắng lớn làm cho dịu bớt ánh sáng mặt trời, tạo cho khung cảnh một vẻ mơ ảo.

Khi được giới thiệu với vài diễn viên, tôi mới bắt đầu để ý đến chuyện chung quanh. Có sân quay đặt gần nhau và có ba toán đang quay. Mới trông như là quang cảnh triển lãm quốc tế. Trên một sân quay, cô Mabel Normand vừa đập

cửa vừa gọi: *"Mở cửa!"* thì người thợ quay ngừng máy, và đến đó kể như xong. Tôi thật không ngờ người ta làm phim cái kiểu như thế.

Chín ngày ròng rã không có việc làm khiến tôi căng thẳng thần kinh đến độ mệt đừ. Riêng về Sterling thì anh ta thường hay an ủi tôi và đưa tôi xuống phố chơi. Một người bạn của anh ta hỏi tôi:

- *Hình như ông bạn sắp thay thế Ford, vậy ông bạn hẳn chọc cười khá lắm?*

- *Sự khiêm nhượng không cho tôi trả lời điều đó.* Tôi đáp lại.

Tôi thấy lối cợt nhã đó rất là khó chịu, nhất là trước mặt Sterling. Nhưng Sterling đã lịch sự đỡ lời cho tôi:

- *Cậu chưa xem anh ấy diễn vai say rượu ở rạp Empress à? Anh ấy chọc cười khá lắm chứ.*

Một lần khác, anh chàng kia lại hỏi tôi:

- *Ủa, ông bạn chưa khởi sự à?*

Tôi hơi bực bội đáp lại:

- *Chưa*

- *À, ráng mà chọc cười nhé!*

Đã nhịn nhục anh chàng này nhiều lần rồi, nên tôi muốn trả đũa, bèn nói:

- *Vâng, tôi chỉ mong chọc cười thiên hạ được bằng nửa ông bạn là quý rồi.*

Cuối cùng, rồi cũng đến ngày tôi phải làm việc. Nhà đạo diễn của tôi là ông Lehrman, một người từng tự hào về những vở hài hước rất là máy móc của mình. Ông ta tuyên bố thẳng thắn là không cần đến con người của diễn viên mà ông chỉ chọc cười bằng những động tác máy móc và khung cảnh mà thôi.

Tôi đóng vai ký giả với chiếc áo đuôi tôm, chiếc mũ chỏm cao và cặp ria mép ghi-đông. Chúng tôi không có cốt truyện nên tôi thường góp ý kiến với ông trong lúc ông đang ngẫm nghĩ. Điều này khiến ông ta đâm ghét tôi. Có nhiều đoạn phim tôi pha trò khá xuất sắc nhưng đến lúc quay thì lại bị ông cắt mất, cho là quá dài.

Sau hôm tôi làm việc với Lehrman thì ông Sennett về. Lúc ấy Sterling và các tài tử khác đang thu hình trên sân quay. Tôi chỉ mặc thường phục và đứng thơ thẩn vì không có vai trò gì. Ông Sennett đang cùng cô Mabel Normand nhìn cảnh trang trí phòng trước của một khách sạn. Bỗng ông nói:

- *Mình cần đôi chút pha trò ở đây.*

Rồi đột ngột quay lại tôi, ông bảo:

- *Cậu hóa trang khôi hài đi... Gì cũng được.*

Tôi tuyệt nhiên không biết phải hóa trang ra sao. Tôi không thích bộ y phục ký giả trước đây, nhưng trên đường đi về phòng hóa trang tôi nghĩ mình sẽ mặc một cái quần thật rộng, mang một đôi giày thật lớn và thêm vào đó cây gậy với chiếc mũ dưa. Tôi muốn tạo một hình ảnh tương phản: quần thật rộng, áo thật chật, mũ thật nhỏ và giày thật to. Tôi không biết mình nên thuộc loại già hay trẻ, nhưng nhớ tới chuyện Sennett tưởng tôi lớn tuổi lúc đầu, nên tôi bèn đeo thêm một bộ ria để cho có vẻ già thêm một chút.

Tôi hoàn toàn không một chút ý tưởng gì về nhân vật mình sắp diễn tả, nhưng ngay từ lúc ăn mặc vào xong, y phục và hóa trang khiến tôi cảm thấy

nhân vật đó là gì rồi. Tôi dần dần khám phá ra nhân vật của mình và khi bước vào sân quay thì nhân vật đó đã được tạo dựng đầy đủ. Khi tiến ra đến trước mặt Sennett, tôi đã nắm vững vai trò của mình. Tôi tiến bước rất mạnh dạn, quay quay cây gậy trên tay, trong óc đã có nhiều câu pha trò với những ý tưởng hài hước. Bí quyết thành công của ông Sennett là sự say mê. Ông ta một khán giả tuyệt diệu, hễ thấy cái gì ngộ nghĩnh là vùng lên cười một cách tự nhiên. Có thể nói ông cười lăn cười lộn khi trông thấy tôi. Điều đó làm cho tôi thêm phấn khởi, và tôi cắt nghĩa về nhân vật của tôi:

- Ông biết không, nhân vật này có rất nhiều bộ mặt: Vừa là kẻ lang thang, vừa là nhà quý phái, vừa là một thi sĩ, một kẻ mơ mộng, một người cô đơn, luôn luôn có vẻ lãng mạn và phiêu lưu. Nhân vật này còn cho ta cái cảm tưởng về một nhà thông thái, một người nhạc sĩ, một người quận công, một tay ăn chơi. Nhưng hắn cũng không ngại đi nhặt từng mẩu thuốc lá hay đi giật lén bánh kẹo của trẻ con. Và nếu có dịp hắn sẵn sàng nện cú đá vào mông đít một bà đi qua… nhưng chỉ khi nào hắn đổ quạu thôi.

Tôi cứ tiếp tục tán dóc như thế đến hàng mươi phút và ông Semett thì không ngớt rũ ra cười.

- Ừ, thôi được, ra sân đi để xem anh làm ăn ra sao.

Ở đây, tôi cũng không được biết gì lắm về cốt chuyện. Đại khái là cô Mabel đang gặp phải chuyện rắc rối giữa người chồng và tình nhân.

Trong mọi hài kịch thái độ của mình là điều hết sức quan trọng. Không phải dễ gì chọn cho được một thái độ thích đáng. Trong khung cảnh của phòng trước khách sạn như thế, tôi có cảm tưởng mình là một kẻ lưu manh giả bộ khách hàng, trong khi thực ra mình chỉ là kẻ lang thang tìm nơi nương náu. Tôi bước vào, vấp phải bàn chân một bà, tôi quay lại cất nón xin lỗi rồi quay lại đi, lại vấp phải một ống nhổ, lần này tôi cũng quay lại, cất nón xin lỗi ống nhổ. Đằng sau máy quay thiên hạ đã bắt đầu cười.

Một tốp người gồm các diễn viên, thợ thuyền… kéo đến để xem khá đông. Điều đó rất khích lệ tôi, và khi diễn xong có cả một đám khán giả cười đến vỡ bụng.

Cuốn phim dài đến bảy mươi lăm bộ. Các ông Sennett và Lehrman ban đầu tỏ ý ngại ngùng nhưng sau cũng chiều ý tôi mà giữ nguyên mà không cắt bớt.

Thấy y phục vừa rồi gợi ý cho mình có một nhân vật lí thú nên tôi quyết định giữ luôn bộ y phục đó để mà trình diễn sau này, dù trong cảnh nào đi nữa.

Vài ngày sau, tôi bắt gặp Ford Sterling đang mô tả nhân vật của tôi cho anh bạn khó tính của anh ta:

- Thằng cha đó mặc cái quần thật rộng, đi đôi giày thật to, trông như là một thằng bé nhà bần, chân tay giật giật như là bị cua cắn… nhưng nó chọc cười dữ lắm.

Nhân vật của tôi đã đem lại một cái gì mới lạ. Người Mỹ chưa được thấy nó bao giờ, kể cả tôi cũng chưa từng thấy nó ở đâu. Nhưng với cái hình dạng đó, tôi có cảm tưởng rằng nó là một thực tại, một sinh vật thật sống động. Nói rõ ra nó đã làm cho tôi có dịp bộc lộ đủ loại ý tưởng ngông cuồng mà từ trước đến giờ mình chưa nghĩ đến.

Với sự hiện diện của Sennett tôi thấy dễ chịu hơn nhiều, vì mọi việc đều được ứng biến ngay trên sân quay. Bởi vì chẳng có ai là người có thể quả quyết hay chắc chắn về mình (ngay cả đạo diễn đi nữa) cho nên tôi thêm tin tưởng mà góp nhiều ý với Sennett và được ông ta sẵn sàng đón nhận. Do đó dần dần tôi có ý nghĩ là tôi có khiếu sáng tạo, tôi có thể viết chuyện phim cho mình diễn. Đây là ý kiến ông Sennett đã bảo tôi. Nhưng nếu tôi được ông Sennett thích thì tôi còn cần được quần chúng thích nữa mới được.

Phim kế tiếp tôi lại bị giao cho lão Lehrman. Lão ta lại bác bỏ hết lề lối làm việc của ông Sennett để mô phỏng theo lề lối của Sterling. Tôi lại một phen cãi cọ với lão. Lão nói:

- Trên sân khấu thì làm như vậy được, nhưng trong xi-nê chúng tôi không có thì giờ. Phải có diễn biến, hài hước chỉ là cái cớ để làm liên tục câu chuyện mà thôi.

- Dù trong xi-nê hay trên sân khấu, nụ cười vẫn là nụ cười, tôi đáp.

Tệ hơn, ông Sennett còn giao tôi làm việc dưới sự đạo diễn của cô Mabel Norman, trong những cuốn phim do cô ta viết. Đến đây không chịu được nữa, tôi bài bác thẳng tay lối làm việc của cô ta. Chẳng hạn trong một cảnh nọ, Mabel bảo tôi đứng ngay giữa đường, tay cầm xịt nước để cho xe kẻ gian bị trượt bánh trên quãng đường trơn. Tôi đề nghị là tôi sẽ bước chân lên trên ống nước làm nước không xịt ra được rồi trước khi bước đến xem xét cái đầu ống tôi lại giở chân lên khiến cho nước xịt ngay vào mặt tôi thì vui hơn. Nhưng bị nàng quát phải làm y như nàng bảo. Tôi đáp:

- Xin lỗi cô, tôi không nghe lời cô được. Tôi không tin cô có đủ trình độ để bắt tôi phải làm gì thì làm.

Sau đó ông Sennett hầm hầm đến tìm tôi, dọa cho tôi nghỉ việc. Tôi ôn tồn giải thích là tôi chỉ muốn làm việc một cách có ý thức và muốn cho cuốn phim có giá trị, thế thôi.

Sáng hôm sau, mặc dù được thông báo triệu tập vào lúc tám giờ, tôi vẫn cứ ngồi lì trong phòng, chẳng buồn hóa trang. Đến tám giờ thiếu mười, ông Sennett thò đầu vào gọi tôi một cách thân mật, và hứa sẽ dàn xếp mọi chuyện. Ông còn hứa cho tôi đạo diễn những cuốn phim do tôi viết, theo đề nghị của tôi. Thấy ông e ngại phim tôi thực hiệc không nơi tiêu thụ, tôi đem cuộc cả một ngàn năm trăm đô la dành dụm của tôi để đền cho ông nếu như không có ai chịu tiêu thụ phim tôi. Sau đó chúng tôi làm việc vui vẻ với nhau cho đến khi xong cuốn phim của cô Mabel. Không những thế, cô ta còn hỏi ý kiến của tôi trong lúc thực hiện phim nữa. Sự thay đổi thái độ đột ngột của họ khiến tôi không khỏi ngạc nhiên. Đến mấy tháng sau tôi mới được rõ lí do: Ông Sennett đã định cho tôi nghỉ việc ngay cuối tuần lễ có xảy ra cuộc cãi cọ. Nhưng sáng hôm sau thì có một bức điện tín từ Nữu Ước đến bảo rằng ông phải cấp tốc sản xuất thêm nhiều phim khác do Chaplin diễn, vì người ta đặt mua dữ lắm. Do đó mới có thái độ thân thiện của ông Sennett với tôi.

Khi đạo diễn cuốn phim đầu tiên, tôi không tự tin cho lắm, tôi còn hơi luống cuống nữa. Nhưng khi Mac Sennett đến cho hay kết quả của quay lần này thì tôi hơi thấy yên tâm. Cuốn phim mắc mưa tuy không phải là tuyệt tác nhưng là

một thành công lớn. Khi quay xong phim, tôi nóng lòng muốn biết phản ứng của ông Sennett và đứng đợi ông nơi cửa. Gặp tôi, ông đã hỏi liền:

- Thế nào, anh đã sẵn sàng làm cuốn phim thứ hai chưa?

Từ đó tôi tiếp tục viết phim và đạo diễn lấy. Để khuyến khích tôi, ông Sennett cấp một khoản tiền thưởng hai mươi lăm đô la mỗi phim. Ông còn vui vẻ chấp nhận những đề nghị ngông cuồng của tôi trong các chuyện phim.

Phản ứng của khán giả đối với các cuốn phim của tôi mỗi ngày một thêm thuận lợi. Sự lao xao khi thấy giới thiệu một phim hài hước của đoàn Keystone, những tiếng reo mừng khi tôi vừa xuất hiện trên màn bạc, tất cả điều đó thật là khoái trá vô cùng. Tôi đã được sự hâm mộ của đa số công chúng. Tôi không mong gì hơn là được tiếp tục cuộc sống như thế. Ngoài số tiền thưởng, tôi được lãnh hai trăm đô la một tuần lễ.

Tôi phát minh được nhiều sự cải tiến trong lối diễn xuất của phim không lời. Bây giờ tôi đã có niềm tự tin. Tôi phải cảm ơn Sennett rất nhiều về điều đó, và ông tuy cũng ít học như tôi, nhưng biết quyết tâm theo đuổi năng khiếu của mình và ông đã truyền cho tôi sự vững tin đó.

Tôi thấy tôi còn khả năng tạo thêm cho các cuốn phim của tôi một giá trị khác hơn là hài hước. Trong phim *Người gác cửa* có một cảnh tôi bị ông giám đốc cho nghỉ việc. Để năn nỉ sự thương hại của ông cho tôi được tiếp tục làm việc, tôi dùng cử chỉ để giải thích cho ông hiểu rằng tôi còn có một đàn con đông đúc phải nuôi. Dù rằng tôi chỉ làm những cử chỉ giả vờ nhưng có một nữ diễn viên lão thành ngồi trong khán giả phải rơi nước mắt.

Bà ta xác nhận thêm một điều mà tôi đã cảm thấy từ trước, là tôi có tài chọc khóc như chọc cười vậy.

Vừa hoàn tất cuốn phim với đoàn Keystone tối thứ bảy trước thì sáng thứ hai sau tôi đi San Francisco với ông Andreson. Tại đây, chiếc Mercedes mới toanh của ông đang đợi sẵn. Chúng tôi chỉ dừng lại một lát ngắn để ăn bữa trưa rồi đi tới Niles là nơi đặt một phim trường nho nhỏ của Andreson. Đây là chỗ ông quay phim cao bồi cho hãng Essanay.

Niles ở cách San Francisco một giờ xe chạy, nằm bên cạnh đường xe lửa. Đây là một thành phố nhỏ với khoảng bốn trăm dân cư chỉ chuyên sống nghề chăn nuôi gia súc. Phim trường dựng ở giữa một cánh đồng, cách xa làng mạc hơn mười cây số. Khi thoạt trông thấy chốn này lòng tôi chán nản vì buồn tẻ quá. Andreson bảo rằng tôi sẽ được vừa ý hơn với những phim trường của ông ở Chicago, trang bị hoàn hảo, có thể thực hiện những phim hài hước. Chúng tôi chỉ ghé lại đây một tiếng đồng hồ để Andreson dặn dò công việc rồi đáp tàu đi Chicago.

Tôi rất thích ông Andreson. Ông có một sức hấp dẫn đặc biệt. Trên tàu, ông săn sóc cho tôi như một đứa em, ông mua kẹo, mua báo cho tôi mỗi khi tàu dừng. Tuổi trạc tứ tuần nhưng ông có vẻ nhút nhát và ít giao thiệp. Mỗi lần tôi định bàn tới công việc làm ăn thì ông từ tốn gạt đi: *"Chưa vội gì mà. Mình sẽ tính sau"*. Ông ít chuyện vãn và tỏ ra rất bận rộn. Nhưng trong thâm tâm, tôi đoán ông chẳng phải tay vừa.

Đến Chicago, chúng tôi được viên giám đốc phim trường tại đây đón tiếp, nhưng không có ông Spoor. Viên giám đốc cho biết rằng ông Spoor bận đi lo công việc, sau dịp đầu năm mới trở về được. Ông Andreson sau đó cũng đi California, và báo với tôi là để chờ ông Spoor về sẽ lo liệu mọi việc, kể cả số tiền thưởng mười ngàn đô la cho tôi.

Tôi thấy không khí ở đây có một vẻ gì úp mở, không được rõ ràng minh bạch. Hình như mọi người đang còn e dè nghi ngại với tôi. Nhưng tôi nghĩ rằng nếu sản xuất được một phim giá trị thì mọi khó khăn của tôi sẽ được giải quyết. Tôi cũng nhận thấy lề lối làm việc ở đây có vẻ nặng nề, tắc trách. Tổ chức thì rườm rà mà khả năng sản xuất chẳng bao nhiêu.

Tôi khởi sự thực hiện cuốn phim đầu ở đây, nhan đề Charlot tập sự (His Mew Job) với sự hợp tác rời rạc của nhân viên và sự dè xẻn phí tổn của hãng phim. Đã hai tuần lễ trôi qua, cuốn phim thứ nhất đã sắp hoàn tất mà không thấy tăm tích ông Spoor đâu cả. Chẳng được lãnh món tiền thưởng đã hứa mà thù lao làm việc cũng chẳng thấy, nên tôi đâm cáu. Tôi hỏi văn phòng của ông Spoor ở đâu thì đám nhân viên lúng túng không trả lời một cách rõ rệt. Tôi được biết lờ mờ rằng ông Spoor đã không đồng ý với ông Andreson để mướn tôi với điều kiện quá cao như vậy. Họ sợ sản xuất phim không có lời. Do đó mà ông Spoor cứ lánh mặt. Nhưng trở về Chicago, trong khi ngồi ăn với mấy người bạn, ông ngạc nhiên thấy họ khen ngợi ông đã mướn được tôi. Ngoài ra tên tôi còn được quảng cáo thật rầm rộ nơi phim trường. Ông bèn cho làm một cuộc thí nghiệm. Ông mướn một người chạy qua trước các hành lang khách sạn vờ hỏi lớn tên "Charles Chaplin" thì thấy thiên hạ xúm lại thật đông, xôn xao bàn tán. Như vậy là dấu hiệu chứng tỏ tôi đã được quần chúng chú ý tới nhiều. Dấu hiệu thứ hai là từ khi bắt đầu thực hiện cuốn phim đã có bảy mươi lăm bản in được đặt mua, điều chưa từng có xưa nay, và khi tôi hoàn tất cuốn phim thì số đặt mua lên tới một trăm ba mươi bản, số này sau đó còn tăng lên nữa. Giá phim cũng được nâng lên từ bốn mươi đến một trăm đô la mỗi thước.

Cuối cùng, ông Spoor xuất hiện, tôi hỏi thẳng ông về chuyện tiền lương và tiền thưởng. Ông ta hết lời xin lỗi, bảo rằng đã giao văn phòng phim trường lo liệu về các vấn đề tài chính. Ông nói chưa được đọc bản hợp đồng, nhưng có lẽ văn phòng đã biết việc đó rồi. Sự việc rất vô lí này khiến tôi nổi nóng. Tôi bảo:

- Có gì mà các ông sợ? Nếu cần các ông cứ xé bản hợp đồng đi... mà thực ra tôi thấy các ông hủy bỏ nó rồi.

Ông ta lúng túng

- Tôi xin lỗi ông về chuyện đã để ông phải phiền lòng. Nhưng hãng chúng tôi là hãng lớn, ông thấy đó, chúng tôi có bao giờ sai lời đâu.

- À, nhưng lần này thì lại không được như vậy.

- Thôi, để chúng tôi thanh toán ngay bây giờ cho ông.

- Tôi đâu có gấp gáp gì, tôi bèn châm biếm đáp lại.

Vì không thiện cảm với lão Spoor nên sau một thời gian ngắn ở Chicago để hoàn tất cuốn phim *"Charlot tập sự"*, tôi đòi đến Niles làm việc với Andreson, mặc dù phim trường ở đấy thiếu tiện nghi hơn.

Andreson mời tôi cùng ăn ở ngay trong ngôi nhà của ông ở cạnh phim trường.

Trời đã tối lúc chúng tôi bước vào nhà, và khi ông bật đèn lên, tôi không khỏi kinh ngạc. Ngôi nhà trống trơn và buồn tẻ. Trong phòng ông chỉ có một giường sắt cũ kỹ với một cái bóng đèn tròn từ trên mái nhà thòng xuống Những đồ đạc khác trong nhà chỉ gồm có một cái bàn khập khiễng và một cái ghế. Cạnh giường có một thùng gỗ bên trên đặt cái gạt tàn đầy mẩu thuốc lá Phòng dành cho tôi cũng na ná như vậy nhưng còn thiếu cái thùng gỗ đầu giường. Các món vật dụng khác đều không sử dụng được. Phòng tắm thì không thể nào tả nổi. Phải lấy cái móc giật vào khóa nước trong bồn thì nước mới chảy. Thử tưởng tượng đây là tư thất của ông Andreson, nhà tỉ phú phim cao bồi!

Tôi đi đến kết luận rằng Andreson là con người khác thường. Mặc dù giàu có, nhưng ông không thích sống đời xa hoa. Điều say mê của ông la sắm những chiếc xe hơi lộng lẫy, đánh cuộc võ đài, làm chủ rạp hát và thực hiện những màn ca nhạc thật vui nhộn. Dù có vợ đẹp và con cái ở Chicago, ông cũng ít khi đến đó.

Tôi làm được bốn cuốn phim ở Niles, nhưng thấy phương tiện không đầy đủ, nên tôi không muốn ở lâu tại đây. Tôi đề nghị với Andreson đi Los Angelès là nơi có cơ sở đầy đủ hơn để làm việc.

Một buổi tối, tôi vừa trở về khách sạn ở trung tâm thành phố Los Angelès thì có điện tín khẩn của đoàn Examiner từ Nữu Ước gửi đến *"Mời ông Chaplin làm việc với giá hai mươi lăm ngàn đô la, trong hai tuần lễ, mỗi tối mười lăm phút. Không trở ngại cho việc quay phim của ông".*

Tôi liền gọi về cho ông Andreson ở San Francisco xin phép cho tôi nghỉ hai tuần lễ để đi lấy hai mươi lăm ngàn đô la đó. Tôi cam kết khởi sự soạn một phim hài hước ngay trên tàu, và hoàn tất kịp thời gian.

Nhưng ông Andreson không chịu, và đề nghị rằng nếu tôi làm cho công ty ông thêm một bộ phim hai cuộc thì ông cũng sẽ trả cho tôi số hai mươi lăm ngàn đô la. Ông bằng lòng sáng hôm sau đến Los Angelès để đưa chi phiếu và ký giao kèo với tôi. Về sau, tôi được biết rằng đoàn hát ở Nữu Ước từng đưa đề nghị hậu hỹ đó cho tôi đã bị sạt nghiệp hai tuần lễ sau. Thật là may mắn cho tôi.

Tôi rất sung sướng được sống tại Los Angelès. Dù phim trường ở vào một khu vực không mấy sáng sủa, nhưng tại đây tôi thường được gặp anh Sydney vào mỗi buổi tối. Anh đang làm cho đoàn Keystone cũng sắp mãn giao kèo với công ty Essanay một tháng. Sự thành công của tôi to lớn đến nỗi Sydney quyết định từ nay sẽ dành tất cả thì giờ để lo công việc cho tôi. Sự hoan nghênh của quần chúng mỗi ngày một gia tăng theo mỗi cuốn phim của tôi. Dù tôi đã ước lượng được mức độ thành công của tôi qua những chuỗi người nối đuôi dài nhằng trước các quầy vé ở Los Angelès, nhưng tôi vẫn không ngờ được tầm mức rộng lớn của nó ở trong những lĩnh vực khác. Chẳng hạn ở Nữu Ước, trong tất cả các cửa hàng lớn, trong tấtcả những tiệm thuốc đều có bán những đồ chơi và nhưng hình tượng nho nhỏ phỏng theo khuôn dạng tôi. Những vũ nữ biểu diễn những màn vũ điệu theo kiểu Charlot, họ đeo ria, đội mũ dưa, mang ủng lớn, mặc quần rộng và hát bài hát nhan đề *"Nhịp bước Charles Chaplin!"*

Chúng tôi cũng bị tràn ngập bởi đủ thứ loại đề nghị thương mại dính líu đến sách vở, áo quần, bóng tròn, đồ chơi, thuốc lá và kem đánh răng. Thư từ của giới mộ điệu gửi đến hàng đống, đặt thành vấn đề phải giải quyết, Sydney nhất định cho rằng phải trả lời tất cả dù phải tốn tiền thuê thêm một thư ký.

Lúc hay tin tôi sắp về Nữu Ước sau khi xong bộ phim cuối cho hãng Essanay, Nat Godman, một nghệ sĩ nổi danh về kịch nghệ bảo tôi:

- Cậu đã thành công một cách phi thường, cậu sẽ có một cuộc đời rạng rỡ nếu cậu biết lèo lái con thuyền... Khi đến Nữu Ước cậu nên tránh con đường Broadway, tránh xa quần chúng. Nỗi sai lầm của rất nhiều nghệ sĩ đã thành công là muốn thiên hạ biết mình và chiêm ngưỡng mình. Như vậy chỉ làm tan vỡ tất cả ảo ảnh. Thiên hạ sẽ mời cậu đến nhiều nơi, nhưng đừng nhận lời. Chỉ nên chọn một hay hai người bạn để giao du thôi. Một khi quần chúng đã quá quen thuộc với mình ở ngoài đời rồi thì họ không thèm xem mình trên sân khấu nữa.

Vừa xong cuốn phim Carmen, tôi nhét vội đồ đạc vào một va-li nhỏ để đón tàu đi Nữu Ước, đồng thời đánh điện cho Sydney biết để đón tôi.

Chuyến tàu chạy chậm mất năm ngày đường. Tôi ngồi một mình trong toa. Hồi đó không ai nhận ra được tôi khi tôi không có hóa trang. Tôi đã định đi cạo râu, nhưng vì có nhiều người đang choán phòng rửa mặt nên tôi phải chờ. Thế nên tôi đang còn mặc áo lót khi tàu gần đến Amarillo. Tàu đang tiến dần vào ga thì bỗng có sự xôn xao nổi dậy. Nhìn qua cửa sổ phòng tắm, tôi thấy sân ga đầy nghẹt những người.

Cờ lớn cờ nhỏ tung bay trong gió và trên sân ga có nhiều bàn dài bày đồ giải khát. Tôi đoán chừng dân chúng đang làm tiệc đón mừng viên chức chánh quyền cai quản vùng này, cho nên tôi cứ việc bôi xà phòng lên mặt tiếp tục cạo râu. Nhưng sự xôn xao mỗi lúc một gia tăng và bỗng nhiên tôi nghe rõ những tiếng: "*Ông ấy đâu, ông ấy đâu?*". Rồi một đám đông ùa tràn lên tàu và chạy luồn tuôn trước các hành lang vừa la thật lớn:

- Ông ấy đâu? Charles Chaplin đâu?

- Tôi đây! tôi trả lời.

Có tiếng bên ngoài cất lên:

- Nhân danh xã trưởng Amarillo và những người ái mộ ngài, chúng tôi xin mời ngài xuống dùng giải lao với chúng tôi.

Tôi phát hoảng. Tôi vội vàng từ chối với cái miệng bê bết bọt xà phòng:

- Không được, tôi ăn mặc thế này làm sao tới được?

- Ồ, xin ngài đừng bận tâm. Ngài chỉ cần khoác chiếc áo ngoài rồi đi thôi.

Tôi rửa vội bộ mặt cạo dở dang, khoác vội chiếc áo sơ mi vào và thắt cà vạt, vừa bước xuống tàu vừa cài nút áo.

Tôi được đón bằng những tiếng reo mừng. Viên xã trưởng nói lớn tiếng:

- Thưa ông Chaplin, thay mặt cho những người ái mộ ngài ở Amarillo...

Nhưng tiếng nói của ông bị át đi trong những tiếng reo hò. Ông lại tiếp tục nói lớn:

- Thay mặt cho những người ái mộ...

Nhưng quần chúng đã tràn tới, xô ép ông xã trưởng và tôi vào trong thân tàu, đến nỗi vấn đề an ninh cá nhân của ông xã trưởng trở thành quan trọng hơn bài diễn văn đón mừng.

Cảnh sát la hét và ông xã trưởng đâm cáu, bèn từ giã tôi, mời tôi lên tàu cho xong. Nhưng rồi trật tự được vãn hồi, và bài diễn văn được đọc hết. Tôi ăn bánh, uống coca-cola với họ và ấp úng nói mấy lời cảm tạ. Trong lúc nói chuyện, tôi hỏi ông xã trưởng làm sao biết có tôi đi trong tàu này.

- *Nhờ các nhân viên điện tín*. Ông xã trưởng đáp.

Ông cho biết rằng điện tín tôi gửi cho anh Sydney phải đi qua ngả Amarillo. Các nhân viên điện tín này cho báo chí biết.

Lúc trở lại tàu tôi khiêm nhường ngồi xuống ghế, đầu óc hoang mang. Nhưng rồi đám đông lại ùa lên tàu, nhiều người rảo qua các hành lang vừa trân trân nhìn vào mặt tôi vừa reo cười. Tôi không được biết rõ những gì xảy ra ở Amrillo, và cũng chẳng thích thú chút nào. Thần kinh quá căng thẳng, tôi cứ ngồi lì một chỗ, nửa vui mừng nửa mệt nhọc.

Trước khi tàu lăn bánh, có nhiều điện tín được chuyển đến tôi. Một tờ nói: *"Chào mừng Charles. Chúng tôi đang đón chờ ở Kansas"*. Tờ khác nói: *"Đến Chicago sẽ có xe đi đường bộ"*. Tờ thứ ba nói "*Ban giám đốc khách sạn Blastone mời ông nghỉ lại một đêm*". Gần đến thị trấn Kansas chúng tôi trông thấy nhiều người đứng hai bên đường vừa reo hò vừa vẫy nón.

Nhà ga lớn ở Kansas City cũng đầy nghẹt người. Cảnh sát phải vất vả lắm mới rẽ được một lối đi giữa công chúng đông đảo. Người ta đặt một cái thang vào thành tàu để tôi leo lên nóc toa ra mắt công chúng. Tôi ngạc nhiên thấy mình lặp lại những lời y như ở Amarillo. Có nhiều điện tín đợi tôi ở đây. Có cái mời đi thăm viếng các trường Trung học, Đại học. Tôi nhét tất cả vào va li để đến Nữu Ước sẽ trả lời. Từ Kansas đi Chicago còn nhiều đám người đón chờ ở trạm ga và ngoài đồng ruộng, vẫy chào khi đoàn tàu đi qua. Đáng lẽ tôi được thưởng thức những cái đó một cách trọn vẹn nhưng tôi cứ cho rằng đám đông đã hóa điên rồi. Dù cho một vài tấn tuồng hài hước của tôi có làm cho họ say mê, nhưng biết đâu trong sự tôi nổi danh chẳng do một chuyện lầm lẫn nào đó? Lâu nay tôi cứ muốn được nhiều người biết đến, nay đã được quần chúng chiếu cố rồi thì oái oăm thay tôi lại càng thấy cô độc và cứ bị ám ảnh bởi ý nghĩ lạc loài.

Đến Chicago là nơi phải đổi tàu, công chúng đứng xếp hàng hai bên đường, nơi cửa bước xuống và réo gọi tôi trong khi tôi vừa chui vào một chiếc xe nhà. Rồi tôi được đưa đến khách sạn Blastone, nơi đó có căn phòng dành sẵn cho tôi để tôi nghỉ ngơi trước khi đi Nữu Ước.

Ở Blastone tôi nhận được công điện của cảnh sát cuộc Nữu Ước yêu cầu tôi hãy xuống tàu ở đường 125 chứ không nên xuống ga chính, vì có công chúng tụ tập rất đông tại đây.

Xuống đường 125 tôi thấy Sydney đã đứng đón tôi ở đây vẻ mặt lo lắng nôn nao. Anh nói với giọng hổn hển:

- *Chú có cảm tưởng thế nào? Quần chúng tụ tập từ sáng tới giờ ở tại nhà ga Nữu Ước. Mỗi ngày báo chí đều đăng tin chú rời Los Angelès.*

Anh đưa tôi xem một tờ nhật báo với những hàng chữ lớn: *"Charles đến rồi!"*. Một tờ khác: *"Charles lẩn trốn!"*. Trên đường về khách sạn anh bảo cho tôi hay là anh đã thỏa thuận với hãng Mutual để cho tôi làm việc với giá sáu trăm bảy mươi ngàn đô-la theo biểu xuất cứ mười ngàn đô la mỗi tuần lễ. Sau khi khám sức khỏe xong tôi sẽ lãnh một trăm năm mươi ngàn đô la tiền thưởng ngay khi ký bản hợp đồng.

Lược trích *Một thời chìm nổi.* HVHNTTN 1986
Vũ Hạnh dịch theo *Histoire de ma vie* của Charles Chaplin

NGHỆ THUẬT VIẾT VĂN: Văn ba lan.

Ý tưởng và cảm giác cực mạnh thì giọng văn sẽ hùng mà người đọc có cảm tưởng đương đi trên đất bằng, được đưa lên một ngọn núi cao. Nếu ý tưởng và cảm xúc dồi dào, nối tiếp nhau như những đợt sóng, cứ đợt này vừa hạ đợt sau đã nổi, làm cho độc giả sau mỗi đợt tưởng là hết mà lại chưa hết, thì văn có *tính cách ba lan. Ba lan là hai tiếng gốc Hán để chỉ những sóng nhỏ và to*, nhà Nho ngày xưa rất thường dùng.

Xét theo nghĩa rộng, thì một truyện dài hoặc một vở kịch, nếu những tình tiết dồn dập nhau, tác giả cứ cởi xong nút này lại thắt ngay nút khác, như vậy nhiều lần, thì văn tác phẩm đó cũng là ba lan.

Chẳng hạn *Truyện Kiều*. Kim Trọng và Kiều sau khi gặp gỡ nhau trong cuộc đi chơi Thanh minh, về nhà tương tư nhau: tác giả thắt một mối; rồi Kim Trọng lân la tìm Kiều, hai bên thề thốt: thế là mối tương tư gần gỡ được.

Đột nhiên, Kim Trọng phải về hộ tang chú; trong khi đó, Vương viên ngoại mắc nạn, Kiều phải bán mình chuộc cha mà về với Mã Giám Sinh. Vậy mối trên chưa gỡ xong, đã thêm một mối nữa; nhưng mối này cởi được ngay và ta tưởng đời Kiều tới đó đã định, tuy buồn tủi xong cũng là yên phận, còn Kim Trọng sau này trở lại thì đã có Thúy Vân đó thay cho Kiều cũng là tạm yên nữa.

Nào ngờ đâu Kiều gặp Tú Bà đến nỗi phải quyên sinh, quyên sinh mà không chết và sau nghe lời dỗ ngọt của Tú Bà, ra ở lầu Ngưng Bích: lại thắt rồi lại gỡ.

Động tác tới đó đã dịu, như một đợt sóng đương xuống, thì tiếp ngay tới đợt sau: Kiều mơ tưởng sự thoát ly, bị Sở Khanh gạt, thành thử mắc mưu Tú Bà, phải ra tiếp khách (lại cột), may gặp Thúc Sinh, được Thúc Sinh chuộc về làm thiếp (lại cởi).

Nhưng chưa yên, Kiều lại bị Khuyển Ưng, Khuyển Phệ bắt cóc về cho Hoạn Thư, chịu không nổi cảnh hành hạ và lòng ghen của vợ cả, phải trốn đi ở chùa: lại một đợt sóng nữa lên rồi xuống.

Cứ như vậy, một mối được cởi ra, động tác dịu xuống thì một mối khác lại thắt vào, động tác dâng lên, tai nạn dồn dập mà Kiều phải vào thanh lâu một lần nữa, gặp Từ Hải, rồi chôn Từ Hải, gieo mình xuống sông Tiền Đường.

Khi dòng nước cuốn nàng đi, ta đã tưởng là hết truyện, nhưng nọ trần nào đã rũ sạch, nàng được Giác Duyên vớt về tu trong một cái am. Cuối cùng Kim

Trọng tìm được nàng, đò nối lại duyên thừa, từ chối không được, nàng phải nhận: mối thắt ở đầu truyện bây giờ mới gỡ.

Tóm lại, trong mười lăm năm lưu lạc, mấy lần ở thanh lâu, mấy lần hoàn lương, mấy đời chồng, mấy lần tu, cuộc đời nhồi tấm thân nàng lên xuống bao phen, thì thơ của Tố Như cũng có bấy nhiêu đợt sóng.

Về kịch, ta có thể mượn kịch Phèdre của Racine làm thí dụ. Kịch ấy gồm năm hồi và có ba biến chuyển đột ngột.

Trong hồi thứ nhất, Phèdre, nhân vật chính, yêu con riêng của chồng là Hipppolyte. Song biết tình của mình là tội lỗi và gần như tuyệt vọng, rán nén lòng, tìm cách xa Hippolyte, thì bỗng có tin chồng nàng là Thésée, tức cha của Hippolyte, chết ở xa. Tin đó ảnh hưởng lớn đến tâm trạng nàng: một đợt sóng đang lên, chưa biết cao tới bực nào.

Qua hồi thứ nhì, Phèdre thấy tình của mình không tuyệt vọng nữa, có thể hành động tự do được, bèn tỏ tình với Hippolyte, nhưng bị Hippolyte cự tuyệt vì chàng chỉ yêu Aricie, công chúa thành Athènes.

Mối đó mới thắt mà chưa cởi được thì bỗng nhiên tới hồi sau, lại có tin Thésée chưa chết và sắp ve, Phèdre hoảng sợ. Oenone, người hầu tâm phúc của nàng bày mưu, vu oan Hippolyte đã loạn luân để gỡ tội cho nàng; lại thêm một mối gút nữa, và đợt sóng thứ nhì nhô lên.

Hồi thứ tư, Thésée tin lời của Oenone, nổi giận, đuổi con đi, lại khấn thần biển đánh đắm con nữa. Phèdre hối hận, muốn tự thú với chồng để minh oan cho Hippolyte, song khi hay tin Hippolyte say mê Aricie, lòng ghen sùng sục, nàng sinh ra độc ác, muốn hại Hippolyte. Lại một đợt sóng nữa.

Hồi cuối, Hippolyte từ biệt Aricie ra đi. Thésée nghe Aricie kể chuyện, biết được một phần sự thực, ngờ rằng đã nghi oan cho con, song đã quá trễ: có tin báo Hippolyte đã chết đắm. Phèdre thú tội rồi uống thuốc độc tự tử.

Vậy động tác trong kịch đó đã lên xuống ba lần như ba đợt sóng và các mối thắt trong bốn hồi đầu đến hồi cuối cùng mới được cởi ra một lúc do cái chết của Hippolyte và của Phèdre, kết như vậy quá bi thảm và cởi như vậy không tự nhiên, song đọc vở kịch, ai cũng phải nhận là động tác dồn dập hấp dẫn ta từ đầu tới cuối.

Chỉ trong một chương hay một đoạn ta cũng có thể nhận được tính cách ba lan của văn. Chắc bạn nào cũng thuộc đoạn tả chị em Kiều đi chơi thanh minh, một đoạn kiệt tác rất hiếm trong văn học của nhân loại. Từ cảnh đến tình, đều nối nhau thay đổi như trên một bức bích họa rộng lớn, mà tình và cảnh luôn luôn hợp với nhau, điều hòa vô cùng, cảnh không lấn tình mà tình cũng không lấn cảnh. Thực là một khúc hòa tấu tuyệt diệu của người và tạo vật.

Về cảnh thì mới đầu là cảnh rực rỡ, nô nức của tiết xuân, rồi tới cảnh thanh thanh của một dòng nước nhỏ, một chiếc cầu cong cong, cảnh đầu cầu trên một ngôi mộ hoang, cảnh rùng rợn như có vong hồn đâu đó, rồi đột ngột tiếp ngay một cảnh rất nên thơ có nhạc vàng, có ngựa trắng, có văn nhân, có thiếu nữ, có hoa, có cỏ, sau cùng là cảnh buồn man mác của một dòng nước trong veo và những hàng liễu tha thướt. Còn về tình thì nào là tình vui nô nức đi thưởng xuân, tình buồn và thương người bạc phận, tình sợ khi thấy "dấu giày từng bước in rêu rành rành";

chưa hết sợ lại tới vui: trai tài gái sắc, rồi e lệ; rồi bâng khuâng, rồi nhớ tiếc, trước sau năm sáu đợt sóng tình thay nhau lên rồi xuống.

Khi cho Kiều bày tỏ những lí lẽ để từ chối lời Kim Trọng yêu cầu nối lại tình xưa, giọng của Nguyễn Du cũng ba lan. Kiều nói:

... "Gia thất duyên hài,
Chút lòng ân ái, ai ai cũng lòng.
Nghĩ rằng: "Trong đạo vợ chồng.
Hoa thơm phong nhị, trăng vòng tròn gương.
Chữ trinh đáng giá nghìn vàng,
Đuốc hoa chẳng thẹn với chàng mai xưa.
Thiếp từ ngộ biến đến giờ,
Ong qua bướm lại đến thừa xấu xa.
Bấy chầy, gió táp, mưa sa,
Mấy trăng cũng khuyết, mấy hoa cũng tàn.
Còn chi là cái hồng nhan?
Đã xong thân thể, còn toan nỗi nào?
Nghĩ mình, chẳng hổ mình sao?
Dám đem trần cấu dự vào bố kinh!
Đã hay chàng nặng vì tình,
Trông hoa đèn chẳng thẹn mình lắm ru!
Từ rày khép cửa phòng thu,
Chẳng tu, thì cũng như tu mới là!
Chàng dù nghĩ đến tình xa,
Đem tình cầm sắt đổi ra cầm cờ.
Nói chi kết tóc, se tơ,
Đã buồn cả ruột, mà dơ cả đời!"

Trong đoạn văn ấy, nàng Kiều quả là khéo ăn khéo nói, mới đầu nhận lời Kim Trọng là phải, rất hợp nhân tình vì ai mà chẳng ao ước một mối duyên lành? Rồi nàng mới bác bỏ và đưa lí lẽ: trong tình vợ chồng, chữ trinh là cần nhất, mà nàng thì "*ong qua bướm lại đến thừa xấu xa*". Nàng biết trước Kim Trọng sẽ có một lí lẽ để bẻ nàng, nên chặn ngay: đã đành Kim Trọng hiểu nàng thì tất không ngại gì cả, song còn nàng nữa, nàng cũng tự thẹn với nàng chứ? Lời tự mạt sát đó làm cho trong mắt chàng Kim, phẩm giá nàng càng cao. Sau cùng, khăng khăng từ chối thì cũng tệ, nàng chiều một nửa để an ủi: " *đem tình cầm sắt đổi ra cầm cờ* ".

Ý tưởng xô đẩy nhau thành bốn đợt: nhường rồi bác, rồi lại bác mạnh hơn nữa, sau cùng chịu nhường một nửa.

Muốn cho văn ba lan, ý tưởng và cảm xúc phải dồi dào, liên tiếp nhau một cách tự nhiên và đột ngột. Tính cách đột ngột ấy cần thiết nhất: thiếu nó thì đọc không có cảm tưởng rằng hết đợt sóng này tới đợt sóng khác mà thấy toàn bài chỉ là một đợt sóng độc nhất mỗi lúc một tiến tới gần bờ hơn thôi.

Trong bài *La conscience,* Victor Hugo tả sự cắn rứt của lương tâm. Cain, sau khi giết anh, thấy một con mắt trừng trừng (con mắt của lương tâm) ngó y, y hoảng sợ, dắt vợ con chạy trốn.

Mới đầu bọn họ tới một chân núi, ngừng lại nghỉ nhưng Cain không ngủ được vì trong đêm tối, con mắt đó vẫn nhìn y. Y bèn đánh thức vợ dậy, lại trốn, đi ngày đi đêm trọn một tháng trường, tới bờ biển, tưởng là yên thì vẫn thấy ở chân trời con mắt ấy. Tới đó là chỗ cùng tận của thế giới, không biết chạy đâu nữa, y bảo các con căng lều lên che, nhưng con mắt lại hiện lên ở trong lều. Cain vừa sợ vừa tức, bắt các con xây tường bằng đồng chung quanh, cũng vô hiệu; rồi xây cả một tào thành để y núp ở trong, song thành vẫn không ngăn nổi con mắt. Cuối cùng các con y đào hầm cho y trốn, lần này y tin chắc là yên, nhưng nắp hầm vừa đậy thì con mắt đã ở trong hầm ngó y rồi.

Trước sau có sáu lần trốn, nên bài thơ của Victor Hugo cũng chia làm sáu đoạn; song không phải vì vậy mà văn ông ba lan, vì sáu ý ấy không có tính cách đột ngột, mà chỉ có tính cách tiệm tiến. Ta không thấy sáu đợt sóng nối tiếp nhau, chỉ thấy một đợt dưng lên một chút rồi nghỉ rồi dưng lên nữa, như vậy sáu lần.

Văn đột ngột là khi nào đọc xong một đoạn, ta tưởng bài đã đủ nghĩa, không còn gì thêm nữa, nhưng đọc nối ta thấy một ý khác bất ngờ nó làm cho văn lại tiếp tục được. Bài *La conscience* không cho ta cảm giác ấy. Người nào sành văn, sau khi đọc được một phần ba bài tất đoán được bút pháp tác giả trong những phần sau: Cain sẽ tìm những cách khác chắc chắn hơn để trốn con mắt lương tâm nhưng đều vô hiệu; và cứ như vậy Victor Hugo có thể kéo dài thêm bảy, tám đoạn nữa cũng được. Do sự đoán trước được đó, hứng thú của độc giả bớt đi nhiều.

Vậy ý phải đột ngột. Nhưng đột ngột không phải là mất liên lạc với nhau. Sự liên lạc đó có thể rõ ràng nếu nó thuộc về lí luận như trong đoạn Kiều đáp Kim Trọng tôi đã trích ở trên, hoặc tế nhị nếu nó thuộc về cảm xúc như trong đoạn kết dưới đây của tập du ký *Đế Thiên Đế Thích* chưa xuất bản:

"Thành Angkor Thom dài ba nghìn thước, hào rộng trăm thước, tường cao tám, chín thước, thế thì binh khí hồi xưa sao phá nổi? Có phải các vua chúa Cao Miên hồi đó đã rút hết cao huyết, đục hết gân xương của bá tánh mà xây lên đó không? Trách chi Đế Thiên Đế Thích chẳng mau thành phế tích như vậy? Trách chi dân Chiêm Thành chưa tới, người Miên đã chẳng bỏ công trình vĩ đại của họ mà dời đô xuống Oudon!

Nghĩ cũng thương cho họ mà cũng thương cho loài người. Khắp từ Đông qua Tây, từ cổ đến kim, chỗ nào thời nào ta cũng thấy phế tích của những kinh thành, lâu đài đánh dấu cái ngu xuẩn mênh mông vạn đại bất dịch của nhân loại. Egypte, Babylone, Athènes, Rome, Carthage, Đế Thiên Đế Thích! Biết bao tiếng sang sảng trong tâm hồn ta, nhắc cho ta biết bao cuộc thịnh suy, giết hại, đốt phá và tiêu diệt của biết bao quốc gia.

Kẻ xây cất những lâu đài ấy đã là ngu mà kẻ đốt phá còn ngu hơn nữa. Kẻ kia đã tốn bao công để tô điểm thiên nhiên thì ta bảo tồn đi, du ngoạn đi, đốt làm chi? Sống sau họ hàng ngàn năm mà ngắm những cảnh họ ngắm, nghe những tiếng họ nghe, đã không mất chút công khó nhọc mà có những cảm giác mê ly của họ, lại còn được cười cái ngu của họ, chẳng thú lắm ư? Người phương Tây biết bảo tồn những di tích thật là khôn hơn người phương Đông chúng ta nhiều".

Đoạn kết ấy chia làm ba phần rõ rệt. Phần thứ nhất giảng cái lẽ suy vi quá mau của dân tộc Cao Miên: vua chúa xa xỉ mà không thương dân. Phần thứ nhì mở rộng thêm một lớp, thương chung cho những dân tộc đông tây đã có một nền văn minh rực rỡ rồi bị tiêu diệt hoặc lụn bại. Giữa hai phần đó ý vẫn liên tiếp. Qua phần thứ ba, ý đột ngột hơn: tác giả cười những người phương Đông không biết bảo tồn di tích mà đời sau đốt phá những đền đài của đời trước. Tuy vậy giữa phần nhì và phần cuối, vẫn có một sự liên lạc tế nhị và tự nhiên; sự liên lạc đó là *cảm thán của tác giả.*

Nếu trong phần thứ ba, tác giả khen cái đẹp của Đế Thiên Đế Thích rồi tiếc không đủ thì giờ để coi kỹ, tự hẹn sẽ trở lại coi một lần nữa, thì mối cảm thán sẽ đứt, mà cả đoạn sẽ hỏng.

Vì ở trong văn ba lan sự liên lạc càng tế nhị, ý càng có vẻ đột ngột, thì nghệ thuật càng khéo, cho nên thường không dùng phép chuyển; nó chỉ làm cho ý thêm loãng. Bạn thử kiếm cho tôi một hai câu chuyển nào không thừa để xen vô giữa câu:

Chẳng tu thì cũng như tu mới là?

Và câu:

Chàng dù nghĩ đến tình xa....

Trong đoạn dẫn ở trên của Nguyễn Du, không thể nào kiếm được.

Khi nào cần chuyển thì câu chuyển phải tự nhiên và càng ngắn càng hay, như những câu ở đầu phần thứ nhì: *"Nghĩ đã thương cho họ mà cũng thương cho loài người"* và đầu phần thứ ba:

"Kẻ xây cất những lâu đài ấy đã là ngu mà kẻ đốt phá còn ngu hơn nữa"

Trong đoạn trích Đế Thiên Đế Thích, hai câu ấy tuy ngắn như vậy mà tôi vẫn còn thấy có cái gì thừa, giá bỏ đi được đi thì hơn.....

Tóm lại, văn ba lan cần ba điều kiện:

- Ý đột ngột.
- Nhưng phải liên tiếp nhau một cách tự nhiên, mà mối liên lạc càng tế nhị càng quý.
- Những đợt văn càng về cuối càng nên ngắn.

Những điều kiện ấy đều có đủ trong đoạn kết bài A Phòng Cung phú. (....)

Trích từ ***Hương sắc trong vườn văn*** của ***Nguyễn Hiến Lê.***
trang 82 - 95, NXB Văn học, 2006

ABC

PHƯƠNG PHÁP CỤ THỂ HƯỚNG DẪN PHÂN TÍCH DẪN CHỨNG TRONG CHỨNG MINH

I. Tìm hiểu đề bài và tìm dẫn chứng cho bài văn chứng minh

1. *Đề "hiện"*

Đề "hiện" là loại đề được xác định rõ mọi yêu cầu trong đầu đề: định rõ kiểu bài (chứng minh), luận điểm hiện rõ, phạm vi dẫn chứng được giới hạn cụ thể.

Ví dụ:

Lấy dẫn chứng trong thơ văn đã học và đã đọc (lớp 6, 7, 8) trong phần văn thơ Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám 1945 để chứng minh rằng: "Phụ nữ Việt Nam *anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang*".

- *Kiểu bài:* chứng minh văn học.
- *Vấn đề phải chứng minh:* "Phụ nữ Việt Nam anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang". Luận đề này có bốn luận điểm (hoặc ba cũng được) đã hiện rõ, phụ nữ Việt Nam:
    + anh hùng, bất khuất.
    + trung hậu
    + đảm đang
- *Phạm vi dẫn chứng:* thơ văn Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám 1945, đã học và đã đọc ở các lớp 6, 7, 8.

2. *Đề "ẩn"*

Đề "ẩn" là loại đề mà yêu cầu phải do học sinh suy luận mới tìm ra được các yêu cầu nên có và phải có.

Ví dụ a:

Đề bài: "Trăng trong thơ Hồ Chí Minh".

Yêu cầu của đề văn này là gì?

+ *Kiểu bài:* Chứng minh văn học.

+ *Vấn đề phải chứng minh:*

"Trăng trong thơ Hồ Chí Minh".

+ *Phạm vi, giới hạn, dẫn chứng:*

- Thơ trăng Bác viết trước 1945 tại căn cứ địa cách mạng.
- Thơ trăng trong *Nhật kí trong tù*.
- Thơ trăng viết tại Việt Bắc trong 9 năm kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954)
- Thơ trăng Trung thu, Bác viết cho các cháu.

Ví dụ b:

Đề bài: Mùa xuân trong thơ cổ Việt Nam.

Với đề bài này, học sinh lớp 9 và học sinh giỏi lớp 8 mới làm được. Phải phân tích một số bài thơ xuân cổ như *Cảnh đẹp mùa xuân, Buổi sớm mùa xuân* của Trần Nhân Tông, *Cuối xuân tức sự, Bến đò xuân đầu trại, Cây chuối* của Nguyễn Trãi, v.v... mới có thể giải đáp được, mới cho thấy (chứng minh) được mùa xuân trong tâm hồn các thi sĩ ngày xưa như thế nào. Đó cũng là một đề bài chứng minh hơi khó.

Bai tập 1:

Đề bài: Ca dao, dân ca Việt Nam thấm đẫm tình yêu quê hương đất nước. Em hãy tìm một số dẫn chứng về ca dao, dân ca để chứng minh nhận xét trên. (Chỉ yêu cầu tìm dẫn chứng).

BÀI THAM KHẢO

I. *Vấn đề phải chứng minh*

Ca dao, dân ca Việt Nam thấm đẫm tình yêu quê hương đất nước.

II. *Những dẫn chứng để chứng minh cho luận đề trên*

1. *Đường lên xứ Lạng bao xa,*
Cách một trái núi với ba quãng đồng.
Ai ơi, đứng lại mà trông,
Kìa núi thành Lạng, nọ sông Tam Cờ.

2. *Gió đưa cành trúc la đà,*
Tiếng chuông Trấn Võ, canh gà Thọ Xương.
Mịt mù khói tỏa ngàn sương,
Nhịp chày Yên Thái mặt gương Tây Hồ.

3. *Phồn hoa thứ nhất Long Thành,*
Phố giăng mắc cửi, đường quanh bàn cờ.

4. *Anh đi anh nhớ non Côi,*
Nhớ sông Vị Thủy, nhớ người tình chung.

5. *Đường vô xứ Nghệ quanh quanh*
Non xanh nước biếc như tranh họa đồ.

6. *Núi Truồi ai đắp mà cao,*
Sông Hương ai bới ai đào mà sâu.
Nong tằm ao cá nương dâu,
Đò xưa bến cũ nhớ câu hẹn hò.

7. *Nhà Bè nước chảy phân hai,*
Ai về Gia Định, Đồng Nai thì về.

8. *Hải Vân bát ngát ngàn trùng,*
Hòn Hồng ở đấy là trong Vịnh Hàm.

9. *Đứng bên ni đồng, ngó bên tê đồng, mênh mông bát ngát,*
Đứng bên tê đồng, ngó bên ni đồng, cũng bát ngát mênh mông.
Thân em như chẽn lúa đòng đòng,
Phất phơ dưới ngọn nắng hồng ban mai.

10. *Sâu nhất là sông Bạch Đằng,*
Ba lần giặc đến ba lần giặc tan.
Cao nhất là núi Lam Sơn,
Có ông Lê Lợi trong ngàn bước ra.

DỰNG ĐOẠN TRONG VĂN CHỨNG MINH

Mỗi đoạn văn nghị luận diễn đạt một ý cơ bản. Ý này thường được đặt ở đầu đoạn văn, cũng có khi được đặt ở cuối đoạn. Các câu trong đoạn văn phải hướng vào ý cơ bản đó.

Trong đoạn văn chứng minh, có thể có từ một đến hai, ba... dẫn chứng. Dẫn chứng và lí lẽ phân tích dẫn chứng đều hướng về, quy tụ về một ý cơ bản, có thể là một luận điểm hoặc một khía cạnh của luận đề.

Dẫn chứng có thể trình bày theo cách liên hệ thành từng chùm. Cũng có thể phân tích – trích dẫn từng dẫn chứng một.

Cần biết thay đổi giọng văn và cách đặt câu trong các đoạn văn, nhằm tạo nên sự sống động hấp dẫn.

Ví dụ 1:

Tục ngữ, ca dao, dân ca diễn tả sâu sắc, gợi cảm tình yêu thương đồng loại, tinh thần đoàn kết dân tộc. Trong gia đình thân thuộc thì "*chị ngã em nâng*". Bà con xóm giềng thì "*tắt lửa tối đèn có nhau*". Trong cảnh cơ hàn hoạn nạn, nhân dân ta bằng tình thương, bằng đạo lí đã hết lòng giúp đỡ lẫn nhau, nhường cơm xẻ áo cho nhau trên tình cảm "*lá lành đùm lá rách*". Nghĩa đồng bào, tình dân tộc làm nên sức mạnh Việt Nam để chiến thắng thiên tai, địch họa, để vượt qua mọi thử thách nặng nề. Câu ca tiếng hát như là đẹp lòng người, như nâng đỡ hồn người:

"*Nhiễu điều phủ lấy giá gương,*
Người trong một nước phải thương nhau cùng".

Hoặc:

"*Bầu ơi thương lấy bí cùng,*
Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn".

Ví dụ 2:

Yêu thương loài vật là một nét rất đẹp trong tấm lòng phúc hậu của lão Hạc. Lão nuôi con chó như giữ gìn một kỉ vật của con mình. Vợ lão chết rồi, con lão đi phu đồn điền bẳn bặt năm, sáu năm chưa về. Con chó sống bên cạnh, đêm hôm như để làm khuây. Lão gọi con chó là cậu Vàng như một người đàn bà hiếm hoi gọi đứa con cầu tự. Lão cho nó ăn trong một cái bát như một nhà giàu. Lúc thì bắt rận, lúc thì lão đưa cậu Vàng ra ao tắm. Lão ăn gì cũng chia cho nó cùng ăn. Có khi lão uống rượu, cậu Vàng ngồi dưới chân, lão trò chuyện với nó như tâm sự với một đứa cháu bé. Lão nhắm vài miếng lại gắp cho nó một miếng như người ta "*gắp thức ăn cho con trẻ*". Lão nuôi cậu Vàng như nuôi niềm hi vọng ngày con trai đi phu trở về. Lão khắc khoải trông đợi. Lão hỏi Cậu Vàng hay tự hỏi mình: "*Không biết cuối năm nay bố cậu có về không?*". Buổi tối trong gian nhà cỏ, dưới ánh đèn mờ, lão an ủi vỗ về cậu Vàng như để vơi đi bao nỗi buồn cô đơn: "*Cậu Vàng của ông ngoan lắm. Ông không cho giết... Ông để cậu Vàng ông nuôi...*". Nam Cao đã diễn tả thật xúc động tình thương cậu Vàng của lão Hạc. Nó như một mảnh đời của lão.

Ví dụ 3:

Trong "*Tắt đèn*", *nhân vật chị Dậu là một con người cứng cỏi, có tinh thần phản kháng.* Bị đè xuống, bị dìm xuống bùn đen, chị đã vùng lên phản kháng.

Lần thứ nhất, chị đã đánh ngã nhào tên cai lệ và tên hầu cận lí trưởng. Với chị Dậu thì *"thà ngồi tù chứ không thể để cho chúng nó làm tình làm tội mãi được!"*. Lần thứ hai, chị "vứt toạch" nắm giấy bạc vào mặt tri phủ Từ An rồi đu hắn ngã kềnh, để bảo vệ phẩm cách trong sạch của mình. Lần thứ ba, chị đã gạt mạnh bàn tay cụ cố Thượng khi lão mò vào buồng chị lúc tắt đèn... Nhà văn Nguyễn Tuân đã viết: *"Trên cái tối giời tối đất của đồng lúa ngày xưa, hiện lên một cái chân dung lạc quan của chị Dậu"*.

Chú ý:

Cả ba đoạn văn, đoạn nào cũng đưa ra *hàng loạt dẫn chứng, từng chùm dẫn chứng*, được sắp xếp và phân tích cùng hướng về, quy tụ về một ý cơ bản; ý cơ bản đó đều đứng ở đầu đoạn, được xem như một luận điểm, một khía cạnh của luận đề (Ý cơ bản đó... được diễn đạt qua bằng *một câu đứng đầu đoạn và in nghiêng*).

- Phân tích một dẫn chứng mà em thích

1. Đất nước Việt Nam có núi cao, sông dài, biển rộng, những cánh đồng bát ngát mênh mông. Mỗi miền quê có một nét đẹp riêng. Ở đâu người lao động cũng tự hào nói về nơi chôn rau cắt rốn của mình. Sông núi quê hương đã gắn bó với tâm tình, tiếng hát của họ.

"Đường lên xứ Lạng bao xa?
Có một trái núi với ba quãng đồng.
Ai ơi, đứng lại mà trông,
Kìa núi thành Lạng, nọ sông Tam Cờ".

Hai câu đầu như một lời mời chào: xứ Lạng yêu lắm, có "*bao xa*", có quan san cách trở gì mấy, chỉ "*Cách một trái núi với ba quãng đồng*". Hãy đến thăm xứ Lạng quê em... Hai tiếng "*ai ơi*" đầy thương mến. Các đại từ để trỏ: "*kìa*" "*nọ*" thể hiện một tâm thế đẹp, phải chăng là "*em*", đang ngắm nhìn "*núi*", nhìn "*thành*", nhìn "*sông*" với tất cả lòng yêu mến tự hào. "*Đứng lại mà trông*", mà ngắm cảnh hùng vĩ quê em đang hiện ra như một bức tranh sơn thủy hữu tình đáng yêu: "*Kìa núi thành Lạng, nọ sông Tam Cờ*".

(Lê Kim Phượng-lớp 6B, trường Hồng Bàng, 1995-1996)

2. Về đồng ruộng, cô gái nông thôn Việt Nam đã nhìn thấy và cảm thấy cái đẹp của sự giàu có:

"Đứng bên ni đồng, ngó bên tê đồng,
mênh mông bát ngát,
Đứng bên tê đồng, ngó bên ni đồng,
cũng bát ngát mênh mông.
Thân em như chẽn lúa đòng đòng,
Phất phơ dưới ngọn nắng hồng ban mai".

Những cánh đồng lúa phì nhiêu thẳng cánh cò bay hiện nay là nguồn sống chính của nhân dân ta. Cô gái tươi giòn, giống như cây lúa xanh nhựa sống đang lên, có cái nhìn lạc quan, là tiêu biểu cho nhân dân lao động Việt Nam không những trong thời xưa mà trong cả chế độ xã hội chủ nghĩa.

Vũ Ngọc Phan

(Tục ngữ dân ca Việt Nam)

Bài tập 2.

Tìm và nêu lên một số dẫn chứng nói lên nỗi đau khổ của chị Dậu trong tác phẩm *Tắt đèn* của Ngô Tất Tố. Phân tích một dẫn chứng tự chọn.

Bài tham khảo

A. Nỗi đau khổ của chị Dậu

1. Hai vợ chồng làm thuê cuốc mướn quanh năm mà vẫn đói rách, thuộc loại nhất nhì trong hạng cùng đinh ở làng Đông Xá.
2. Vận hạn liên tiếp. Mẹ chồng rồi em chồng (chú Hợi) chết, anh Dậu ốm một trận kéo dài, nhà càng thêm túng quẫn. Giữa ngày mùa mà đàn con thơ của chị vẫn phải ăn khoai.
3. Chị Dậu phải bán đứa con gái lên 7 tuổi cho "cụ Nghị", bán ổ chó và gánh khoai mới đủ nộp một suất sưu cho chồng.
4. Chú Hợi chết đã gần một năm, nhưng cũng không trốn được "món nợ nhà nước". Anh Dậu đang ốm đau "rề rề" nhưng đã bị bọn cường hào đánh đập, bắt trói "như trói chó để giết thịt". Chị Dậu vì tội "van xin" cho chồng mà bị tên cai lệ và tên hầu cận lí trưởng "hút nhiều xái cũ" đánh đập dã man.
5. Chị Dậu đã bị bọn cường hào bắt giải lên huyện. Chị đã bị tên tri phủ Tư An "định giở trò chó má", rồi chị phải đi ở vú; lần thứ hai, chị lại bị "cụ cố thượng" giở trò xấu xa... Đêm ba mươi "tắt đèn" tối mịt như "cái tiền đồ" của chị Dậu.

B. Phân tích dẫn chứng

1. "Chúng ta quên sao được người chiến sĩ anh hùng, người vợ anh hùng, người mẹ anh hùng: chị Út Tịch. Chị đã gan dạ, hiên ngang, mưu trí tay không đoạt bốt giặc. Chị vừa nuôi con, vừa sản xuất và tham gia chiến đấu để chồng an tâm công tác. Với chị, đánh giặc là nghĩa vụ, là hạnh phúc: để giải phóng quê hương, để đàn con thơ được cắp sách đến trường trong yên vui hòa bình. Chị căm thù giặc Mỹ xâm lược đến tận xương tủy. Sắp đến ngày sinh, chị vẫn vác súng ra trận đánh giặc với quyết tâm "còn cái lai quần cũng đánh!"

2. "*Làng xóm ta xưa kia lam lũ quanh năm mà vẫn quanh năm đói rách. Làng xóm ta ngày nay bốn mùa nhộn nhịp cảnh làm ăn tập thể. Đâu đâu cũng có trường học, nhà gửi trẻ, nhà hộ sinh, câu lạc bộ, sân và kho của hợp tác xã, nhà mới của xã viên. Đời sống vật chất ngày càng ấm no, đời sống tinh thần ngày càng tiến bộ*".

(Hồ Chí Minh)

(Báo cáo tại hội nghị chính trị đặc biệt)

3. Đất đai rất quý, là tài sản vô giá của nhân dân. Đất đai đã thấm biết bao mồ hôi và xương máu của nhân dân ta trong mấy nghìn năm dựng nước và giữ nước. Đất để làm nhà, xây dựng nhà máy, làm trường học, bệnh viện... Ruộng đồng màu mỡ phì nhiêu để gieo cấy trồng lúa, trồng khoai, trồng cây ăn quả... Từ cái ăn, cái mặc, từ hoa thơm trái ngọt... đều do đất đai mà có. Đất để phát triển nông nghiệp, trồng cây công nghiệp "*Tấc đất tấc vàng*". Suy rộng ra, đất là giang sơn Tổ quốc.

Tóm lại, *văn chứng minh, tìm ý là dẫn chứng*. Mọi dẫn chứng phải được *phân tích* – cắt ra, chẻ ra – dùng ngôn từ, lí lẽ của mình để làm sáng tỏ một luận điểm, một khía cạnh chủ đề. Chất văn của bài chứng minh được thể hiện ở sự phân tích dẫn chứng. Phân tích dẫn chứng, xét cho cùng là thao tác – kỹ năng dựng đoạn: đoạn diễn kịch, đoạn quy nạp, đoạn song hành, đoạn móc xích......

LẬP DÀN Ý CHO BÀI VĂN CHỨNG MINH

Dàn ý cho một bài văn chứng minh gồm ba phần:

1. *Mở bài*

- Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề phải chứng minh.

- Trích dẫn "câu" trong luận đề.

- Giới hạn vấn đề phải chứng minh (rất quan trọng: tránh xa đề, lạc đề; để trúng đề).

2. *Thân bài*

- Phải giải thích các từ ngữ khó (nếu có trong luận đề), giải thích qua để làm rõ nội dung của luận đề. Thiếu bước này, bài văn thiếu căn cứ khoa học.

- Lần lượt chứng minh từng luận điểm (hoặc khía cạnh của vấn đề), mỗi luận điểm phải có từ một đến vài dẫn chứng (luận cứ). Phải phân tích dẫn chứng. Phải liên kết dẫn chứng. Có thể mỗi dẫn chứng là một đoạn văn. Cũng có thể một chùm dẫn chứng là một đoạn văn. Trong quá trình phân tích dẫn chứng có thể lồng cảm nghĩ, đánh giá, liên hệ – cần tinh tế.

3. *Kết bài*

- Khẳng định lại vấn đề đã chứng minh.

- Liên hệ cảm nghĩ, rút ra bài học.

Ví dụ:

Lập dàn ý cho bài

Tinh thần yêu nước của nhân dân ta

Dàn ý

1. *Mở bài:*

- Nêu luận đề: "Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước"

Và khẳng định:"Đó là một truyền thống quý báu của ta"

- Sức mạnh của lòng yêu nước khi Tổ quốc bị xâm lăng:

+ Ví với làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn.

+ Lướt qua mọi nguy hiểm khó khăn.

+ Nhấn chìm tất cả bè lũ bán nước và cướp nước.

2. *Thân bài: (quá khứ – hiện tại)*

a. – Lòng yêu nước của nhân dân ta được phản ánh qua nhiều cuộc kháng chiến.

- Những trang sử vẻ vang thời đại Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng đạo, Lê Lợi, Quang Trung...

- "*Chúng ta có quyền tự hào...*", "*Chúng ta phải ghi nhớ công ơn...*" – cách khẳng định, lòng cảm nghĩ.

b. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp

- Các lứa tuổi: từ cụ già đến các cháu nhi đồng…
- Đồng bào khắp mọi nơi:

+ Kiều bào – đồng bào ở vùng tạm chiếm.

+ Nhân dân miền ngược - miền xuôi.

+ Khẳng định: "*Ai cũng một lòng yêu nước, ghét giặc*".

- Các giới, các tầng lớp xã hội:

+ Chiến sĩ ngoài mặt trận bám giặc, tiêu diệt giặc.

+ Công chức ở địa phương ủng hộ bộ đội.

+ Phụ nữ khuyên chồng, con tòng quân, mình thì đi vận tải.

+ Mẹ chiến sĩ săn sóc yêu thương bộ đội…

+ Nông dân, công nhân thi đua tăng gia sản xuất.

+ Các điền chủ quyên ruộng đất cho Chính phủ.

- Tiểu kết, khẳng định: "*Những cử chỉ cao quý đó tuy khác nhau nơi việc làm nhưng đều giống nhau ở lòng nồng nàn yêu nước*".

3. Kết bài

- Ví lòng yêu nước như các thứ của quý. Các biểu hiện của lòng yêu nước.
- Nêu nhiệm vụ: Phát huy lòng yêu nước để kháng chiến.

Em hãy đọc kĩ bài văn sau và đối chiếu với dàn ý và cách làm dàn ý.

TINH THẦN YÊU NƯỚC CỦA NHÂN DÂN TA

(I.) Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước.

(II.) Lịch sử ta đã có nhiều cuộc kháng chiến vĩ đại chứng tỏ tình yêu nước của dân ta. Chúng ta có quyền tự hào về những trang lịch sử vẻ vang thời đại Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung… Chúng ta phải ghi nhớ công lao của các vị anh hùng dân tộc, vì các vị ấy là tiêu biểu của một dân tộc anh hùng.

Đồng bào ta ngày nay cũng rất xứng đáng với tổ tiên ta ngày trước. Từ các cụ già tóc bạc đến các cháu nhi đồng trẻ thơ, từ những kiều bào ở nước ngoài đến những đồng bào ở vùng bị tạm chiếm, từ nhân dân miền ngược đến miền xuôi ai cũng một lòng nồng nàn yêu nước, ghét giặc. Từ những chiến sĩ ngoài mặt trận chịu đói mấy ngày để bám sát lấy giặc, đến những công chức ở hậu phương nhịn ăn để ủng hộ bộ đội, từ những phụ nữ khuyên chồng con đi tòng quân mà mình thì xung phong giúp việc vận tải, cho đến các bà mẹ chiến sĩ săn sóc yêu thương bộ đội như con đẻ của mình. Từ những nam nữ công nhân và nông dân thi đua tăng gia sản xuất, không quản khó nhọc để giúp một phần vào kháng chiến, cho những đồng bào điền chủ quyên đất ruộng cho Chính phủ… Những cử chỉ cao quý đó, tuy khác nhau nơi việc làm, nhưng đều giống nhau nơi lòng nồng nàn yêu nước.

(III.) Tinh thần yêu nước cũng như các thứ của quý. Có khi được trưng bày trong tủ kính, trong bình pha lê, rõ ràng dễ thấy. Nhưng cũng có khi cất giấu kín đáo trong rương, trong hòm. Bổn phận của chúng ta là làm cho những của quý kín đáo ấy đều được trưng bày. Nghĩa là phải ra sức giải thích, tuyên truyền, tổ chức, lãnh đạo làm cho tinh thần yêu nước của tất cả mọi người đều được thực hành vào công việc yêu nước, công việc kháng chiến.

(Hồ Chí Minh)

Chú ý:

- Câu "*Đồng bào ta ngày nay cũng rất xứng đáng với tổ tiên ta ngày trước*" – là câu liên kết đoạn rất thần tình.
- Phần thân bài, khi nói về lòng nồng nàn yêu nước của nhân dân ta trong kháng chiến chống thực dân Pháp, tác giả sử dụng câu văn dài, theo cấu trúc: "*Từ ... đến...*" có dụng ý gì?

DỰNG ĐOẠN TRONG VĂN CHỨNG MINH

Mỗi đoạn văn nghị luận diễn đạt một ý cơ bản. Ý này thường được đặt ở đầu đoạn văn, cũng có khi được đặt ở cuối đoạn. Các câu trong đoạn văn phải hướng vào ý cơ bản đó.

Trong đoạn văn chứng minh, có thể có từ một đến hai, ba... dẫn chứng. Dẫn chứng và lí lẽ phân tích dẫn chứng. Dẫn chứng và lí lẽ phân tích dẫn chứng đều hướng về, quy tụ về một ý cơ bản, có thể là một luận điểm hoặc một khía cạnh của luận đề.

Dẫn chứng có thể trình bày theo cách liên hệ thành từng chùm. Cũng có thể phân tích – trích dẫn từng dẫn chứng một.

Cần biết thay đổi giọng văn và cách đặt câu trong các đoạn văn nhằm tạo ra sự sống động hấp dẫn.

Ví dụ 1:

Tục ngữ, ca dao, dân ca diễn tả sâu sắc, gợi cảm tình yêu thương đồng loại, tinh thần đoàn kết dân tộc. Trong gia đình thân thuộc thì "*chị ngã em nâng*". Bà con xóm giềng thì "*tắt lửa tối đèn có nhau*". Trong cảnh cơ hàn hoạn nạn, nhân dân ta bằng tình thương, bằng đạo lí đã hết lòng giúp đỡ lẫn nhau, nhường cơm xẻ áo cho nhau trên tình cảm "*lá lành đùm lá rách*". Nghĩa đồng bào, tình dân tộc làm nên sức mạnh Việt Nam để chiến thắng thiên tai, địch họa, để vượt qua mọi thử thách nặng nề. Câu ca tiếng hát như là đẹp lòng người, như nâng đỡ hồn người:

"*Nhiễu điều phủ lấy giá gương,*
Người trong một nước phải thương nhau cùng".

Hoặc:

"*Bầu ơi thương lấy bí cùng,*
Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn".

Ví dụ 2:

Yêu thương loài vật là một nét rất đẹp trong tấm lòng phúc hậu của lão Hạc. Lão nuôi con chó như giữ gìn một kỉ vật của con mình. Vợ lão chết rồi, con lão đi phu đồn điền bặt năm, sáu năm chưa về. Con chó sống bên cạnh, đêm hôm như để làm khuây. Lão gọi con chó là cậu Vàng như một người đàn bà

hiếm hoi gọi đứa con cầu tự. Lão cho nó ăn trong một cái bát như một nhà giàu. Lúc thì bắt rận, lúc thì lão đưa cậu Vàng ra ao tắm. Lão ăn gì cũng chia cho nó cùng ăn. Có khi lão uống rượu, cậu Vàng ngồi dưới chân, lão trò chuyện với nó như tâm sự với một đứa cháu bé. Lão nhắm vài miếng lại gắp cho nó một miếng như người ta "*gắp thức ăn cho con trẻ*". Lão nuôi cậu Vàng như nuôi niềm hy vọng ngày con trai đi phu trở về. Lão khắc khoải trông đợi. Lão hỏi cậu Vàng hay tự hỏi mình: "*Không biết cuối năm nay bố cậu có về không?*" Buổi tối trong gian nhà cỏ, dưới ánh đèn mờ, lão an ủi vỗ về cậu Vàng như để vơi đi bao nỗi buồn cô đơn: "*Cậu Vàng của ông ngoan lắm. Ông không cho giết... Ông để cậu Vàng ông nuôi...*". Nam Cao đã diễn tả thật xúc động tình thương cậu Vàng của lão Hạc. Nó như một mảnh đời của lão.

Ví dụ 3:

Trong "*Tắt đèn*", *nhân vật chị Dậu là một con người cứng cỏi, có tinh thần phản kháng.* Bị đè xuống, bị dìm xuống bùn đen, chị đã vùng lên phản kháng. Lần thứ nhất, chị đã đánh ngã nhào tên cai lệ và tên hầu cận lí trưởng. Với chị Dậu thì *"thà ngồi tù chứ không thể để cho chúng nó làm tình làm tội mãi được!"*. Lần thứ hai, chị "vứt toạch" nắm giất bạc vào mặt tri phủ Từ An rồi đu hắn ngã kềnh, để bảo vệ phẩm cách trong sạch của mình. Lần thứ ba, chị đã gạt mạnh bàn tay cụ cố Thượng khi lão mò vào buồng chị lúc tắt đèn... Nhà văn Nguyễn Tuân đã viết: *"Trên cái tối giời tối đất của đồng lúa ngày xưa, hiện lên một cái chân dung lạc quan của chị Dậu".*

Chú ý:

Cả ba đoạn văn, đoạn nào cũng đưa ra *hàng loạt dẫn chứng, từng chùm dẫn chứng*, được sắp xếp và phân tích cùng hướng về, quy tụ về một ý cơ bản; ý cơ bản đó đều đứng ở đầu đoạn, được xem như một luận điểm, một khía cạnh của luận đề. (Ý cơ bản đó... được diễn đạt qua bằng *một câu đứng đầu đoạn và in nghiêng*).

(Bài hướng dẫn của thầy TẠ ĐỨC HIỀN

Tập làm văn trung học cơ sở_ NXB GD 1997)

NHỮNG BÀI VĂN KỂ CHUYỆN TƯỞNG TƯỢNG

KÌ THI HỌC SINH GIỎI TOÀN QUỐC

Một đêm thanh vắng, em ngồi học bài. Kim đồng hồ hối hả điểm từng bước đi của thời gian. Em hãy tả lại cảnh đó và tưởng tượng qua tiếng tích tắc, chiếc đồng hồ muốn nói với em điều gì?

BÀI THAM KHẢO

"*Vua Hùng Vương thứ mười tám có một người con gái rất đẹp tên là Mỵ Nương ...*"

Tôi cầm cuốn sách, đứng nghiêm và đọc rõ ràng. Tôi tưởng như đang đứng trước lớp trong giờ học Văn ngày mai. Mới tám giờ tối, cả nhà còn thức cả. Bé Minh, đứa em lên bốn của tôi, chốc chốc lại nhảy lên la lớn:

- Anh Phương đọc hay quá ...

Chiếc đồng hồ trên nóc tủ kêu lên những tiếng tích tắc nho nhỏ.

"*Tốt... Tốt... Tốt*" – Không hiểu sao, tôi lại nghe tiếng đồng hồ nói vậy. "*Tốt ... Tốt*" nghe giống tiếng thầy giáo mỗi lần khen chúng tôi. Tôi mỉm cười và đọc say sưa.

Mười giờ.

Cả nhà đi ngủ, chỉ còn mình tôi với ngọn đèn dầu leo lét. Gió từ cánh đồng sau nhà thổi tới: ngọn đèn nghiêng qua, nghiêng lại, có lúc như chỉ còn là một sợi chỉ xanh lét. Tôi vội vàng chạy ra đóng cửa. "*Ôi! mát quá!*". Một làn gió nữa thổi tới. Tôi hút căng lồng ngực. Một khoảng không gian nho nhỏ trong cơ thể tôi chứa đầy hương thơm ngòn ngọt, man mát của sen hồ và mùi nồng nồng, ngai ngái của đất bùn... Tất cả quyện lấy nhau, tạo thành hương vị riêng của đồng nội. Trời đầy sao và không gian tràn ngập hơi nước. Tôi khép cửa lại mà lòng lưu luyến.

Tôi lại ngồi vào bàn và cố quên đi mấy tiếng ếch đang ộp oạp ở bên ngoài vọng tới. Nhưng tiếng đồng hồ trên tủ thì tôi nghe mồn một:

"*Thời gian – vàng bạc ... Thời gian – vàng bạc*".

Tôi bực mình:

- Thời gian là vàng bạc thì hãy để tôi yên. Tôi còn làm bài chứ!

Chợt tôi nghe một giọng nói ồm ồm cất lên:

Ta nghe cháu đọc hay quá. Ta cũng muốn kể chuyện của ta ...

- Ai nói? Tôi nhìn quanh, không thấy một bóng người. Cái giọng ấy lại vang lên:

- *Ta là đồng hồ đây. Cháu đừng sợ, đừng sợ.*

- *Cháu ạ* – Bác lại lên tiếng – *Thời gian có quá khứ, hiện tại và tương lai. Ta già, nên ta biết nhiều chuyện quá khứ. Cháu đã nghe ai kể chuyện Sơn Tinh – Thủy Tinh "phần hai" chưa?*

Thì ra chuyện Sơn Tinh – Thủy Tinh tôi đọc lúc nãy giờ cho bác đồng hồ nhớ tới câu chuyện khác. Nhưng làm gì có chuyện Sơn Tinh – Thủy Tinh phần hai? Lạ quá! Thôi nghe bác đồng hồ nói gì:

Mười năm ... Hai mươi năm ... Một trăm năm ... Cuộc đụng độ nẩy lửa giữa Sơn Tinh và Thủy Tinh tưởng theo thời gian mà dần dần quên đi. Người ta tưởng mối hiềm khích xưa đã lùi vào dĩ vãng. Nhưng càng ngày: nó càng dữ dội. Đã bao lần vua Thủy Tề xuất quân mà thua vẫn hoàn thua. Nhà vua ức lắm. Lần này, ngài lại ra quân. Đứng trước ba quân, nhà vua hét lớn:

- Hỡi ba quân! Chúng ta phải sinh tử một phen cuối cùng với Sơn Tinh. Ta và Chúa Tản Viên không thể đội trời chung!.

- Muôn tâu bệ hạ! Chúng ta không nên nóng vội – Một tiếng trầm trầm nhưng rắn chắc vang lên.

Thủy Tề quắc mắt, vung gươm. Tiếng gươm xé gió làm cả mặt nước sủi bọt, sóng đánh ầm ầm:

Ai? Có phải quan văn cá chuối đó không? – Ngài quát.

Tâu bệ hạ! Ta ra đi lần này phần thua là nắm chắc. Chi bằng ta hãy dùng kế hiểm.

Mắt Thủy Tinh dịu lại, phán:

- Vậy kế chi, nói thử ta xem!

Quan văn cá chuối rạp mình; ghé tai vua, nói nhỏ hồi lâu: Mắt Thủy Tinh sáng lên, ra lệnh bãi triều, mặc cho tướng sĩ ngạc nhiên: không hiểu.

Lại nói về Sơn Tinh.

Một năm ... Hai năm ... Ba năm ... Vẫn không thấy Thủy Tinh động tĩnh gì. Sơn Tinh tự nhủ: "Có lẽ y sợ chết khiếp rồi, chẳng còn dám bén mãng đến đây nữa".

Rồi vua nghĩ đến những trận thắng huy hoàng thuở trước. Ngày này qua ngày khác, nhà vua chỉ nằm bên chén rượu, bàn cờ mà mơ mơ màng màng. Đây là trận thắng đầu tiên, ta đem Mỵ Nương về. A ha, ngươi cứ nổi sóng, nổi gió nữa đi! Ta đã hóa phép cho đỉnh núi cao chạm mây. Suốt đời mi không thể dâng nổi ngọn sóng dâng tới đây được. Sơn Tinh chỉ sống với quá khứ vàng son, quên mất việc luyện binh, luyện phép. Thân thể cường tráng của ngài bỗng chốc trở nên lọm khọm. Bệnh tật đã đến với ngài. Triều đình sợ phép ngài không dám nói một lời. Duy chỉ có quan Tể tướng tên gọi "Voi độc ngà" là không sợ, tâu lên:

Tâu đại vương, Thủy Tề không đánh, chắc có độc kế của y, Đại vương không lo liệu việc quân, chỉ nghĩ đến quá khứ vàng son, đến khi Thủy Tề kéo đến, lúc đó liệu quá khứ huy hoàng có thể giết nổi quân thù không?

Chỉ nghe có thế. Sơn Tinh đã quát lên:

- Tên quan già kia, mi định dạy khôn ta ư? Ta trọng mi có chút tài, vậy mà ...

Quan Tể tướng biết không lay chuyển nổi Sơn Tinh, cáo lui và về với rừng sâu, ngày đêm chiêu mộ quân sĩ, luyện tập cung tên.

Thấm thoát đã gần mười năm trôi qua. Trong mười năm ấy, Sơn Tinh ngồi yên luyện tập, quên đất nước; Cũng thời gian đó, Thủy Tinh đã làm được bao nhiêu việc; Thành lập thêm những đội quân cảm tử vô cùng tinh nhuệ, học thêm được nhiều phép hô phong hoán vũ.v.v... và nhất là đã mua chuộc được họ hàng nhà Mối, làm nội ứng.

Ngày ra quân đã điểm, Thủy Tề cưỡi trên con sóng bạc đầu: dẫn đầu quân điệp điệp, trùng trùng đến chân núi Tản, Thủy Tề thét lớn. Hỡi tên chúa núi Tản Viên! Đã đến ngày ta hỏi tội mi đây!

Sơn Tinh bước ra, từ trên cao nhìn xuống, cố hét, nhưng đâu còn cái âm vang dội đất trời thuở xưa nữa:

- Ta bảo cho ngươi hay, nếu muốn vẹn toàn, hãy lùi quân. Ngươi còn sống với quá khứ và không biết gì đến hiện tại.

Không để cho Sơn Tinh dứt lời, Thủy Tinh hô lớn:

- Ba quân! Đánh!

Và thế là đất trời chuyển động. Nước dâng cao, còn núi vẫn đứng nguyên không động cựa, Sơn Tinh giở phép thần thông: nhưng không còn linh nghiệm. Ngài định nhấc hòn núi phía Tây, ngọn núi không nhúc nhích. Ngài lại định kê hòn núi phía Đông, nhưng nó vẫn đứng trơ trơ. Ngài hô quân sĩ, chỉ nghe lác đác vài ba tiếng dạ vâng lập cập của bọn cảnh vệ. Ngài hối hận, luống cuống, nhưng đã muộn rồi, ngài nhắm mắt chờ chết.

Nhưng bỗng ngài nghe tiếng động ầm ầm. Ngài mở mắt và thấy một cảnh tượng lạ lùng. Dưới nước màu đỏ ngầu, những tên tướng, những đám tàn binh của Thủy Tề đang dẫm xác lên nhau chạy trốn. Đất đá trên núi vẫn ầm ầm lao xuống. Sơn Tinh không tin ở mắt mình nữa. Ngài dụi mắt. Đúng! Kia là Tể tướng Voi độc ngà đang đứng trước đoàn quân hùng dũng. Voi tiến lại bên Ngài và quỳ lạy. Dưới nước, Thủy Tinh đã thất bại vì họ hàng nhà Mối đã bị quan Tể tướng phát hiện và trừng trị khi chúng thực hiện âm mưu bán nước.

Trời lại lặng, nước lại trong xanh, một màu xanh hiền hòa như chưa hề có trận kịch chiến vừa mới xảy ra.

Sơn Tinh hối hận, nước mắt tuôn rơi, miệng nói:

- Ôi, Ta chỉ sống với quá khứ mà không biết nghĩ đến hiện tại và tương lai. Nếu chẳng may Thủy Tinh thực hiện được ý đồ thì ta ân hận suốt đời.

Bác đồng hồ kể chuyện xong và khuyên tôi:

- Bác biết cháu học tốt những năm vừa qua. Nhưng cháu ơi, đừng có ôm ấp lấy quá khứ vàng son của mình mà chủ quan kiêu ngạo. Cháu phải nhớ luôn vươn lên trong hiện tại và trong tương lai. Vươn lên không ngừng cháu ạ: bởi vì thời gian là vô tận, ai đoán được tương lai sẽ dừng lại ở lúc nào?

Xong câu chuyện, bác đồng hồ lại trở về công việc thầm lặng của mình. "*Tích tắc ... tích tắc*".

Tôi nghe âm thanh ấy như nghe lời bác nhắn với người đời sau:

Làm việc, làm nữa, làm mãi!

Học, học nữa, học mãi!

Bài của học sinh *Đặng Dương Anh*.
Lớp 8 Trường PTCS Trưng Nhị, Hà Nội.

Bài được giải Nhất toàn quốc năm học 1986 - 1987

Đề: Một quyển tự điển cũ dùng chung trong gia đình đã rách nát, không được săn sóc đóng lại để cạnh một quyển sách dạy vẽ mới mua, có in màu rực rỡ và được bọc cẩn thận bằng bao nilông. Hai quyển sách đã tâm sự với nhau về tính nết và cách giữ gìn sách vở của gia đình chủ nhân. Hãy tưởng tượng và kể lại những điều hai quyển sách đã trao đổi với nhau.

Lời dặn: đây là đề tài phối hợp tự sự, vừa thuật sự vừa kể chuyện giả tưởng có tính cách thần tiên. *Mục tiêu:* cuộc đối thoại của hai quyển sách, một quyển cũ và một quyển mới. *Cốt truyện:* quyển sách mới khen gia đình chủ nhân chăm chỉ, cẩn thận, biết giữ gìn sách vở; quyển sách cũ nói trái ngược lại. *Ý nghĩa:* không nên ích kỉ, phải biết gìn giữ của chung.

DÀN BÀI

I. Mở bài

Trong phòng học dành cho các con trong gia đình một ông thầu khoán có kê tủ sách, bàn viết, ghế đệm rất sang trọng, một quyển Hán -Việt tự điển cũ, bìa đã rách để cạnh một quyển sách dạy vẽ mới được mua về. Hai quyển sách đang thủ thỉ tâm sự với nhau.

II. Thân bài

Chia làm hai đoạn: (nên dùng văn đối thoại)

A. Ý kiến của quyển sách dạy vẽ

1/ Hãnh diện về cách trình bày: bìa cứng, giấy tốt, in chữ to và đẹp. Có nhiều hình vẽ tô màu rực rỡ, còn thơm mùi sách mới...

2/ Khen gia đình chủ nhân, nhất là cậu con trai lớn đang học vẽ: cẩn thận, biết quý sách, tôn trọng giá trị tinh thần và nghệ thuật, đã bọc sách bằng ni lông rất sạch sẽ...

B. Ý kiến của quyển tự điển

1/ Buồn tủi cho thân phận: cả gia đình các con dùng chung nên không được ai săn sóc, còn bị đem cho mượn, bìa đã long, giấy có tờ rách, nhiều trang hoen bẩn vì mồ hôi tay và ẩm ướt lâu ngày...

2/ Chê gia đình chủ nhân: không biết quý sách, không gìn giữ của chung cậu trai con lớn chỉ lo giữ gìn sách dạy vẽ, cô gái lớn chỉ lo chăm sóc sách dạy đàn và những bản nhạc, mấy đứa em nhỏ chỉ biết bọc có vở viết làm bài nộp cho cô giáo ở trường. Quyển tự điển cũng như mấy quyển tiểu thuyết mọi người đều dùng đến và dùng luôn lại không được ai để ý giữ gìn.

III. Kết bài

Hai quyển sách sau một hồi tâm sự hình như hiểu rõ tính nết và cách giữ gìn sách vở của gia đình chủ nhân hơn: họ không quý sách mà chỉ quý thứ gì của riêng mỗi người. Họ ích kỉ và không biết giữ gìn của chung dùng cho tất cả mọi người.

Đề: Một con trâu trong gia đình người nông dân thấy chủ nhân mới mua một chiếc máy cày. Con vật ngắm nghía chiếc máy cày, nghĩ đến số phận mình và có cảm tưởng như thế nào? Hãy tưởng tượng và kể ra.

Lời dặn: Đây là một đề phối hợp tự sự, vừa có tính cách mô tả (chiếc máy cày) vừa có tính cách tự thuật. *Mục tiêu:* con trâu quan sát chiếc máy cày và cảm nghĩ của con vật. *Cốt truyện:* con vật so sánh chiếc máy cày với bản thân. *Ý nghĩa:* chiếc máy cày thuận tiện hơn trong việc canh tác nhưng con trâu đa dụng hơn và biết thông cảm với chủ nhân.

DÀN BÀI

I. Mở bài

Một con trâu nằm trong chuồng nhai lại cỏ. Nó cảm thấy gia đình chủ nhân mới có một sự thay đổi khác thường: một chiếc máy cày được mua về để ở đầu hồi bếp, cạnh ngay chuồng trâu, chỗ nó đang nằm. Chính nó cũng linh cảm thấy số phận rồi đây sẽ thay đổi ít nhiều.

II. Thân bài

Chia làm hai đoạn:

A. Con trâu quan sát chiếc máy cày

1. Đó là một chiếc máy cày cỡ nhỏ sơn màu đỏ gạch cua có hai bánh xe cao su và hai cái càng giống như tay lái xe đạp. Những bộ phận điều khiển đều gắn trên tay lái. Máy chạy do động cơ đốt bằng xăng, rất dễ sử dụng.

2. Hồi sáng lúc mới đem máy về chủ nhân có biểu diễn cho bà con tới xem. Tiếng động cơ nổ giòn đều đều, một mùi hơi khen khét theo gió bay tạt về phía chuồng trâu. Mọi người cười nói vui vẻ, gia đình chủ nhân hân hoan hãnh diện.

B. Cảm tưởng của con trâu

1. Nhìn cái máy cày mới mua về, con trâu sực nghĩ đến nó ở với chủ nhân lâu lắm, không biết bao nhiêu năm rồi! Thân hình chiếc máy xấu xí và bé nhỏ hơn nó. Nghe nói máy cày khỏe hơn trâu nhưng nó không tin là thế. Tuy nó đã già, nó vẫn không tin là nó cày yếu hơn chiếc máy cày nhỏ bé kia.

2. Hơn nữa, lúc cày chủ nhân chỉ đi theo nó giữ cày, không cần phải điều khiển như đối với cái máy vô tri. Nó quen thuộc từng luống cày, từng vạt cỏ, từng lối

đi, từ trong vườn cạn đến ngoài ruộng sâu. Chiếc máy cày chắc chắn không biết gì! Ngoài ra nó còn đa dụng hơn: kéo máy ép mía, ép khô lạc, để con chủ nhân ngồi trên lưng...

III. Kết bài

Nghĩ như vậy, nó thấy lòng thanh thản. Nó sung sướng hơn khi nghe thấy chủ nhân nói với bà con: *"Tụi tui cố mua máy cày đỡ cho con trâu, nó già rồi, mà phải cày nhiều quá, tội nghiệp! Ấy nhờ có nó cày bao nhiêu năm nay tụi tui mới dành dụm được tiền mua chiếc máy cày này đấy"*.

Đề: Ban đêm một con chuột tha mồi bị sập bẫy trong gian nhà bếp đang cố tìm cách thoát thân mà không được. Một con chuột khác chạy qua nhìn thấy muốn cứu giúp đồng loại nhưng cả hai đều bất lực. Hãy tưởng tượng và kể lại sự giúp đỡ và những lời nói trao đổi giữa hai con vật.

Lời dặn: đây là một đề phối hợp tự sự, vừa thuật sự vừa kể chuyện có tính cách ngụ ngôn. *Mục tiêu*: hai con chuột một con ở trong bẫy, một con ở bên ngoài. *Cốt truyện*: vì tham mồi, một con chuột bị sập bẫy, vì tình đồng loại, một con khác muốn cứu nhưng bất lực. *Ý nghĩa*: tai họa tự gây ra cho mình, người thân thuộc muốn cứu giúp cũng không được.

DÀN BÀI

I. Mở bài

Ban đêm một tiếng "sập" khô khan vang lên trong gian nhà bếp. Tiếp theo có tiếng "Chít! Chít!" kêu hốt hoảng. Một chú chuột nhắt bị sập bẫy. Cả gia đình chủ nhân đang ngủ say, không một ai biết.

II. Thân bài

Chia làm hai đoạn:

A. Chú chuột cố gắng tìm cách thoát thân

1. Thoạt đầu, chú chạy cuống quýt khắp nơi trong cái bẫy, cố tìm một khe hở, một lỗ hổng. Cái bẫy chỉ khẽ rung rinh lay động. Sau chú cố dùng răng nhọn để cắn sợi dây thép ngõ hầu tìm một chỗ thoát thân nhưng chú đã bất lực.
2. Chú chuột giận thân chót tham ăn, không nghe lời dặn dò của chuột mẹ nên coi thường mùi chả rán thơm phức hay miếng heo quay béo ngậy. Giờ đây sự đã lỡ rồi!...

B. Sự xuất hiện của chú chuột khác

1. Một chú chuột khác chạy ngang qua, dừng lại đứng bên ngoài bẫy. Chú chuột trong bẫy mừng rỡ gặp đồng loại. Hai con vật hỏi han và kể lể sự tình.
2. Chú chuột đứng ngoài loay hoay cứu bạn: chạy lăng xăng tìm lối thoát, ghé răng cắn dây thép, cố đẩy nắp bẫy ... nhưng vô ích, chú cũng bất lực. Sau cùng chú chuột bên ngoài an ủi bạn rồi bỏ đi.

III. Kết bài

Nhìn bạn hết lòng cứu giúp nhưng bất lực bỏ đi, chú chuột trong bẫy buồn nản, giận thân tủi phận khóc thầm trong đêm tối. Gia đình sum họp, tương lai rực rỡ, lời chuột mẹ dặn dò! Thật là một tai họa đã tự gây cho mình, người thân thuộc dù tận tình cứu giúp cũng không được nữa!

****

MỤC LỤC

PHẦN I: VĂN TỰ SỰ

PHẦN II: VĂN THUYẾT MINH

PHẦN III: PHÂN TÍCH NHÂN VẬT VÀ TÁC PHẨM

PHẦN IV: VĂN CHỨNG MINH

PHẦN V: LÍ THUYẾT VỀ LẬP LUẬN GIẢI THÍCH